VIỆT SỬ: XỨ ĐÀNG TRONG

1558-1777

Cuộc nam tiến của dân tộc Việtnam

PHANKHOANG

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

VIỆT SỬ :
XỨ ĐÀNG-TRONG

PHAN KHOANG

VIỆT SỬ:

XỨ ĐÀNG TRONG

1558 - 1777

(CUỘC NAM-TIẾN CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM)

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ
62 Đại lộ Lê Lợi Saigon

TIỂU-DẪN

Các sử-liệu về xứ Thuận-hóa, xứ Quảng-nam, phủ Gia-định trong thời-kỳ các chúa Nguyễn làm chủ và mở mang đất ấy, từ hậu bán thế-kỷ XVI đến hết thế-kỷ XVIII, chưa được khai-thác và chép thành sách Mà ấy là thời-kỳ của những thế-hệ đã có một tinh-thần tiến thủ và ý-chí khai-thiết đặc-biệt trong lịch-sử dân-tộc, thời-kỳ của những công-trình mở rộng cương-thổ trên một phần đất quan-trọng ở phương Nam. Và các sử-liệu ấy, so-sánh với các sử-liệu thuộc các thời-kỳ trước đó của nước ta, không đến nỗi quá nghèo nàn. Vì chúng ta có chánh-sử, có tư-sử, lại có các thiên ký-sự của các giáo sĩ, thương-nhân Âu-châu đã bắt đầu đến Đường-trong trọng thời gian ấy. Về chánh-sử cũng như tư-sử, chúng ta có hai nguồn sử-liệu đối lập nhau, là Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư và Đại-Việt Sử-Ký Bản Kỷ Tục Biên, Vũ Biên Tạp-Lục của Bắc-hà, Khâm Định Việt-Sử Thông-Giám Cương- Mục, Đại-Nam Thực-Lục Tiền Biên, Đại-Nam Liệt-Truyện Tiền-Biên, Gia-định Thông chí, Nam-triều Nguyễn Chúa Khai quốc công nghiệp diễn chí của Nam-hà, và như vậy, việc biên soạn dễ khách-quan và có thể tránh được sự thiên vị.

Các điều ấy đã khuyến khích chúng tôi viết sách này.

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

Về các chế-độ như binh-bị, thuế khóa, sản-vật, phong tục, Kinh-tế, tài-chính, thơ văn...của Nam-hà, chúng tôi đã lấy nhiều tài-liệu ở sách Vũ-Biên Tạp lục, tác-giả sách này là nhà học-giả Lê Quí Đôn, làm Hiệp-trấn Tham-tán quân-cơ Thuận-hóa năm Bính-thân (1776), sau khi chúa Nguyễn cuối cùng, chúa Duệ-tông, vừa bỏ Phú-Xuân chạy vào Nam, đã xem được các sổ sách, văn thư của nhà Nguyễn, nên các tài-liệu trong sách ấy ắt có giá-trị xác thực. Nhưng hai bộ Vũ-Biên Tạp lục chép tay của Viện Khảo-cổ Saigon mà chúng tôi dùng đều chép sót, sai nhiều chỗ, chúng tôi chỉ dùng những tài liệu mà ở hai bản đều y nhau, hoặc có sự sai thù, nhưng không quan-trọng, hoặc sót ở một bản, nhưng có trong Thực-lục Tiền biên.

Quyển Nam-Triều Nguyễn Chúa Khai quốc công-nghiệp Diễn chí đáng ra là rất quý, vì là tác-phẩm đồng thời với giai-đoạn lịch-sử chúng tôi nghiên-cứu : ông Nguyễn Khoa Chiêm làm quan nhiều năm đời chúa Hiền-tông, từ chức Thủ-hợp đến chức Tham-chính Chánh-đoán-sự. Nhưng chúng-tôi nhận thấy tác-giả quá trọng thị phương-diện văn-chương, dùng văn-chương để tô điểm nhiều quá thì e có khi che lấp sự thực đi chăng, vì vậy chúng tôi chỉ dùng tài-liệu sách này một cách dè dặt : nhiều tình tiết có vẻ tiểu-thuyết-hóa thì chúng tôi chép lại ở phần «chú».

Về những đoạn sử có liên quan đến lịch sử Chiêm-thành và Chân-lạp, chúng tôi đã gặp nhiều khó-khăn.

Lịch-sử Chiêm-thành chỉ được các nhà khảo-cổ Pháp xây dựng lại nhờ những ký tái của các tấm bia, tháp, nhưng ý-kiến của nhà khảo cổ không nhất trí về thế-thứ của các vị vua, và nhiều sự kiện khác nữa. Mỗi vua Chiêm lại có nhiều tên, ngoài tên hiệu, họ còn tước, tên thụy, v.v.. tên các vua Chiêm chép trong sử Tàu và trong sử Việt

nhiều khi khác nhau, vì vậy chúng-tôi e ngại có nơi sự đối chiếu không chắc chắn xác thực được. Về danh xưng và lịch-sử giao-thiệp giữa Chiêm và Việt, chúng tôi đã dựa phần nhiều trên quyển Le Royaume Du Champa của Georges Maspéro và sử Việt để làm căn-cứ.

Lịch sử Chân-lạp đã được nhiều nhà sử-học Pháp, viết. Nhưng các vua Chân-lạp cũng như vua Chiêm-thành, có nhiều tên gọi mà chúng tôi không phân-biệt được ; và nhiều vua có hiệu, tước giống nhau, các sách Pháp lại không nhất trí trong việc dùng danh xưng các vua, vì vậy sự đối chiếu rất khó khăn. Trong sách này, chúng tôi căn cứ trên sử ta và theo danh xưng của các sách Histoire du Cambodge của Dauphin Meunier, Histoire du Cambodge depuis le 1er siècle de notre ère của Leclère ; về sự giao thiệp Miên — Việt, cũng dùng tài-liệu ở hai sách ấy.

Vì các lẽ trên, quyển Lịch-Sử Xứ Đường trong không khỏi có nhiều lầm lẫn và thiếu sót. Mong các bậc cao minh đính-chánh cho.

Saigon mùa Thu năm Đinh-Mùi (1967)

PHAN KHOANG

PHÀM-LỆ

THỜI-ĐIỂM ☆

Năm chép theo lối giáp-tý, kèm theo năm dương-lịch ; gặp việc quan-trọng thì chép thêm niên-hiệu (vua Lê). Trong các đoạn sử Chiêm-thành giao-thiệp với Trung-quốc, chúng tôi đã dùng tài-liệu ở các sử Tàu như Tống-sử, Tân Nguyên-sử, Minh-sử, và dùng niên-hiệu vua Trung-quốc, kèm theo năm dương-lịch.

ĐỊA-DANH.

Từ năm 1945 trở về sau, các khu-vực hành-chính nước ta, từ xã đến tỉnh, đã nhiều nơi bị thay đổi danh-xưng, và chia, cắt, thêm, bớt ; chúng tôi chưa hiểu biết hết được. Về vị-trí tương-đương ngày nay của các địa-danh trong sách này, chúng tôi đã theo lời chú của sách Khâm Định Việt-Sử Thông Giám Cương Mục, Thực-lục tiền biên, Thực-lục chánh biên và theo Đại Nam Nhất-Thống-Chí mà chép lại được một số, còn nhiều địa-danh chưa tìm được nay là nơi nào thì đành để vậy, để chờ các vị hiểu biết chỉ giáo. Nhưng những danh xưng các vị-trí tương đương ấy của Cương Mục, của Thực-lục, của Nhất Thống Chí là danh xưng thời các sách ấy ra đời (Cương Mục năm Tự-đức thứ 24, 1871 ; Thực-lục

Việt-nam Giáo-sử của Phan Phat Huon
Cao-miên, Nam-kỳ Sử-ký của Doãn Uẩn (bản viết tay của Viện Khảo-cổ)
Le Royaume du Champa của Georges Maspéro.
Histoire du Cambodge depuis le Ier siècle de notre ère
của A. Leclère.
Les Khmers « André Migot.
Histoire du Laos français « Paul le Boulanger.
Histoire Sommaire du Royaume du Cambodge des Origines Jusqu'à nos jours « Henri Russier
Histoire du Combodge « A.Dauphin Meunier.
La Geste Française en Indochine của G. Taboulet.
Histoire Moderne du Pays d'Annam của Maybon.
Description historique de la Cochinchine của Jean Koffler.
(Revue indochinoise 1911)
Essai d'Histoire des Populations montagnardes du Sud-Indochinois jusqu'à 1945 của Bernard Bourotte.
(Bulletin de la Société des Etudes indochinoises, 1955).
Relation de la Nouvelle Mission au Royaume de Cochinchine
của Christoforo Borri
(B.A.V.H. 1931).
Lettres édifiantes
Nouvelles lettres édifiantes.
Documents historiques sur la Cochinchine của Launay.
Bulletin des Amis du Vieux Hue (B.A.V.H),
Bulletin de l'Ecole Francaises d'Extrême d'Orient (B.E.F.E.O)
Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises. (B.S.E.I)
Revue Indochinoise. (R.I.)

CHƯƠNG NHẤT

THUẬN, QUẢNG

TRƯỚC KHI

NGUYỄN - HOÀNG

TRẦN THỦ

I.— THỜI BẮC-THUỘC

II.— THỜI ĐẠI-VIỆT ĐỘC LẬP

I. THỜI BẮC-THUỘC

1.— Người Chàm lập quốc.

2.— Những cuộc lược đoạt và sát hại giữa người Trung-Hoa đô-hộ và người Chàm bắc tiến.

Vua Thủy-hoàng 始皇 nhà Tần 秦, năm thứ 26 (-221) thống nhất Trung-quốc, chia nước làm 36 quận, quận cực Nam là Mân-trung 閩中 tức là tỉnh Phước-kiến ngày nay, còn Quảng-đông, Quảng-tây ngày nay còn ở ngoài phạm-vi nước Trung-quốc. Năm thứ 33 (-214), Thủy-hoàng mới chiếm đất Lục-lương 陸梁 (1) đặt ra quận Nam-hải 南海 quận Quế-lâm 桂林, quận Tượng-quận 象郡. Theo các nhà sử học trước kia thì quận Nam-hải là đất tỉnh Quảng-đông ngày nay, quận Quế-lâm là đất tỉnh Quảng-tây ngày nay, còn quận Tượng-quận bao quát đất Bắc-Việt và các tỉnh bắc-bộ, trung-bộ của Trung-Việt ngày nay. Nhưng gần đây có thuyết cho rằng các nhà sử-học trước kia đã đặt lộn vị-trí của Tượng quận đời-Tần, Tượng-quận đời Tần là đất miền tây tỉnh Quảng-tây và đất tỉnh Quí-châu của Trung-quốc chứ không phải là đất nước ta. Theo các nhà sử-học cũ, nhà Tần mất (-206), Triệu-Đà chiếm cứ Nnm-hải, thôn-tính Quế-lâm và Tượng-quận, dựng nước gọi là Nam-Việt,

(1) *Đất Quảng-đông, Quảng-tây ngày nay, thời Tần gọi là đất Lục-lương, vì người Lãnh-nam phần nhiều ở núi rừng, trên bộ, tánh người mạnh tợn, nên gọi là Lục-lương* (Từ-nguyên).

rồi chia Tượng-quận làm hai quận là Giao-chỉ 交趾 và Cửu-chân 九真. Quận Giao chỉ gồm bình nguyên đất Bắc-Việt ngày nay, quận Cửu chân gồm đất từ Thanh-hóa trở vào đến trung-bộ Trung-Việt ngày nay. Đời Hán, vua Võ-đế, năm 111, bình Nam-Việt, lấy đất 3 quận đời Tần đặt làm 9 quận, thuộc bộ Giao-chỉ, lấy đất Tượng-quận của Tần mà Triệu-Đà đã chia làm hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân, đổi đặt làm 3 quận là Giao-chỉ gồm 10 huyện, Cửu-chân gồm 7 huyện, Nhật-nam 日南 gồm 5 huyện.

Ba quận Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhật-nam là đất Bắc Việt và bắc-bộ, trung-bộ của Trung Việt ngày nay. Quận Nhật-nam là đất cực nam của Giao-chỉ bộ, và 5 huyện của Nhật-nam, là Lư dung 盧容, Tị-cảnh 比景, Châu-ngô 朱吾, Tây-quyền 西捲, Tượng-lâm 象林 (1) ; quận-lỵ đóng ở huyện Tây-quyền (2), và Tượng-lâm là huyện ở cực nam, ở đây là chỗ ở của man-di, tiên tổ của người Chàm.

Vị-trí huyện Tượng-lâm là đâu ? Theo *Đại Nam Nhất thống chí* thì Tượng-quận đời Tần, quận Nhật-nam đời Hán phía Nam vào đến tỉnh Phú-yên ngày nay ; theo L.Aurousseau thì Tượng-quận của nhà Tần có một thành-phố gọi là Lâm-ấp hoặc Tượng lâm ở vùng Trà-kiệu thuộc tỉnh Quảng-nam ngày nay, và biên giới phía nam của Tượng-quận có lẽ vào đến mũi Diều (Cap Varella) (3) nhưng các nhà sử-học Georges Maspéro (4), Trần

(1) N.T.C. nói : « Tây-quyền có lẽ nay là Quảng-bình ; Tị-cảnh có lẽ nay là Thừa-thiên, Quảng-trị ; Châu-ngô có lẽ nay là Thừa-thiên và phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam ; Lư-dung có lẽ nay là phủ Thăng-bình tỉnh Quảng-nam, đến tỉnh Quảng-ngãi ; Tượng-lâm có lẽ nay là Bình-định và Phú-yên. »

(2) Theo L. Aurousseau trong bài La Prémière conquête chinoise des pays anamites (B.E.F.E.O. tome 23) thì quận lỵ Nhật-nam ở gần Huế hiện nay.

(3) Aurousseau, trong bài trên.

(4) Georges Maspéro. Le Royaume de Champa, trương 46.

Kinh Hòa (1) cho rằng chính lệnh nhà Tần chưa thể đi xa như vậy, và phía nam Tượng-quận nhà Tần, hoặc huyện Tượng-lâm nhà Hán là núi Hải-vân ở tỉnh Quảng-nam ngày nay.

Từ hậu bán thế-kỷ thứ ba trước Tây-lịch, trên các đồng-bằng Trung Việt ngày nay, từ Khánh-hòa ra đến núi Hải-vân tỉnh Quảng-Nam, đã có những man-di giống Malayo-polynésiens ở từ các hải-đảo tràn đến ở. Ấy là tổ-tiên của người Chàm. Đến thế-kỷ I, man-di này đã khá đông, nên đã cống nhà Hán, rồi chống lại nhà Hán.

Đời vua Quang-Võ nhà Đông-Hán, năm 40, ở Giao-chỉ hai chị em Bà Trưng khởi nghĩa, man-di ở Nhật-nam có hưởng-ứng. Nhà Hán sai Mã-Viện 馬援 sang đánh dẹp, không đầy 3 năm, bình-định hai quận Giao-chỉ, Cửu-chân, nhưng quân Hán vào đến hai huyện Cự-phong 居風(2), Vô-công (2) 無功 của quận Cửu-chân rồi trở lui, chứ không vào đến quận Nhật-nam. Đời vua Chương-đế, năm 84, man-di ở Nhật-nam có dâng tê và bạch-trĩ lên vua Hán để tỏ lòng cung thuận.

Trong thời-gian ấy họ tự tổ-chức, và đến cuối thế-kỷ I trở đi thì họ nhiều lần nổi lên chống nhà Hán để vận-động độc-lập.

Đời vua Hòa-đế, năm 100, 2000 man-di huyện Tượng-lâm quận Nhật-nam nổi loạn, cướp bóc, đốt phá các dinh thự công. Các quận, huyện phát binh đánh dẹp, giết bọn cầm đầu, rồi đặt tướng, binh, trưởng lại ở Tượng-lâm để phòng hậu hoạn.

---

(1) Trần Kinh Hòa. Khảo cứu về danh xưng Giao-chỉ. Đại-Học số 15 tháng 5 năm 1960.

(2) Ở trong tỉnh Hà-tĩnh ngày nay.

Nhưng từ đó trở đi, man-di ở đấy, tức người Chàm, nhiều lần nổi dậy đánh quan quân nhà Hán, quận Nhật-nam ít có ngày yên tĩnh.

Đời vua Thuận-đế, năm 137, ở Tượng-lâm có người tên là Khu-lân 區憐 cùng mấy nghìn người nổi lên đánh huyện Tượng-lâm, giết trưởng lại, Thứ-sử Giao-chỉ là Phần-Diễn 樊演 phải đem vạn binh của hai quận Giao-chỉ, Cửu-chân hợp sức đánh dẹp ; lại bị loạn quân bao vây hơn một năm, quân Hán thiếu lương ăn, tình thế rất nguy. Triều-đình nhà Hán định đưa đại binh đến đối phó, nhưng đại Tướng-quân Lý Cố 李固 bàn nên dùng thủ đoạn chính-trị để giải quyết. Bèn sai Trương-Kiều 張喬 làm Thứ-sử Giao-chỉ, Chúc-Lương 祝良 làm Thái-thú Cửu-chân đến vỗ về, dẫn dụ, mới yên được.

Nhưng đến năm vua Thuận-đế băng, năm 144, man-di quận Nhật-nam lại nổi dậy, liên-kết với người quận Cửu-chân nổi dậy đánh, đốt các huyện, ấp, thế rất mạnh, Thứ-sử Giao-chỉ là Hạ Phương 夏方 phải dùng cách ôn-hòa dỗ dành, phủ dụ mới yên được.

Đời vua Hoàn-đế, năm 157, nhân Huyện-lệnh huyện Cư-phong, quận Cửu-chân tham lam, tàn bạo, người trong huyện là Châu Đạt 朱達 hợp với man-di bốn, năm ngàn người, đánh giết Huyện-lệnh, tấn công Cửu-Chân, Thái thú Cửu-Chân là Nhi Thức 兒式 tử trận. Vua xuống chiếu sai Đô-úy Cửu-chân là Ngụy Lẫng 魏朗 đem quân đánh phá được. Nhưng đồng thời bọn cừ súy lại chiếm cứ và đóng đồn ở Nhật-nam, thế càng mạnh. Năm 160, phải sai Hạ Phương làm Thứ-sử Giao-chỉ lần nữa để chiêu-dụ, vỗ về mới dẹp xong.

Bấy giờ thế lực nhà Đông-Hán đã suy yếu, không đủ sức để chế-áp, phải dùng chính-sách hoài nhu, tuy tĩnh, để đối phó, nhờ đó người Chàm ở Nhật-nam càng ngày càng mạnh thêm.

Đến cuối đời Đông-Hán, con của viên Công-tào huyện Tượng-lâm là Khu-Liên 區 連 (1) nhân trong xứ có loạn, giết quan Huyện-lệnh mà tự lập làm vua. Ấy là năm Sơ-bình thứ 3 đời vua Hiến-đế nhà Hán, tức là năm 192. Theo lời ghi khắc trên một tấm bia tìm được thì vị vua đầu tiên của người Chàm là Çri Mara. Vậy các nhà khảo-cứu cho rằng Çri Mara có thể là nhân-vật Khu Liên nói trên (1). Nước lập lên ấy, sử Trung-hoa gọi là Lâm-ấp 林 邑 (2), còn người ấy tự xưng là Cam (Chàm) hoặc Chiêm-bà (Champa). Nước Lâm-ấp lấy đất Quảng-nam ngày nay làm trung-tâm-điểm, dựng đô ở Trà-kiệu.

Từ khi mới lập quốc, người Chàm đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa Ấn-độ một cách sâu đậm. Họ theo phong-tục, tông-giáo, pháp-luật, tư-tưởng chính-trị Ấn-độ, tổ-chức quốc-gia theo chính-thể quân chủ chuyên-chế, xã-hội chia làm bốn giai-cấp y như ở Ấn-độ. Trong lời văn bằng chữ Phạn của tấm bia Chàm xưa nhất tìm được ở làng Võ-cạnh (3) do một vị vua kế nghiệp vua sáng lập quốc-gia Chàm dựng lên cuối thế-kỷ II hoặc đầu thế-kỷ III, ngữ-pháp đã rất điêu-luyện. Ấy là vì huyện Tượng-lâm từ đầu

---

(1) Khu Lân, Khu Liên, có kẻ cho là một nhân-vật, vì danh-tự đọc lên gần giống nhau, nhưng có kẻ cho là hai nhân-vật khác nhau, vì hai cuộc nổi dậy năm 137 và năm 192 cách nhau đến 55 năm. Nhưng theo những khảo-chứng của Giáo-sư Trần Kinh Hòa thì Khu Lân hay Khu Liên không phải là tên người mà là dịch âm của thổ-âm Lâm-ấp Kalinga nghĩa là chủng-tộc lãnh-đạo cuộc độc lập.

(2) Có ý nói là đô ấp của huyện Tượng-lâm.

(3) Nay là làng Phú-vinh, huyện Vĩnh-xương, tỉnh Khánh-hòa.

đời Hán trở về sau là cửa ngõ qua lại giữa Ấn-độ và Trung-quốc, người Ấn-độ đi buôn bán và di dân đã đến đông ở Tượng-lâm trước khi Lâm-ấp dựng nước ; các người ấy chẳng những đã đóng vai trò trọng yếu trong cuộc vận-động độc-lập của Lâm-ấp, mà sau khi Lâm-ấp độc-lập cũng vẫn giữ thế-lực lãnh-đạo, duy-trì mối quan-hệ giữa Ấn-độ và Lâm-ấp. Khu Liên mất, con kế vị, nhưng các vua hậu duệ Khu Liên sau đó thì niên-đại và thế số không tường được.

Thời Tam-quốc nước Tàu, vì Giao-châu tiếp giáp với Ngô, nên phụ thuộc Ngô. Ngô-chủ là Tôn Quyền 孫權 sai Lữ Đại 呂岱 làm Thứ-sử, Lữ Đại sai thuộc hạ tuyên dương giáo hóa Trung-quốc xuống miền Nam, khiến vua các nước Phù-nam, 扶南 Lâm-ấp, Đường-minh 堂明 (1) đều sai sứ sang cống (2)

Dựng nước và khá mạnh mẽ rồi, Lâm-ấp bắt đầu mưu đồ Bắc-tiến.

Nhà Ngô, năm Xích-ô thứ 11, tức là năm 248, thừa dịp ở Cửu-chân, bà Triệu khởi binh đánh nhà Ngô, Lâm-ấp đem quân xâm lấn hai quận Giao-chỉ, Cửu-chân, phá hai thành này thành bình địa, quân Lâm-ấp và Giao-châu đánh nhau ở Cồ-chiến-loan (?), Lâm-ấp chiếm được đất Khu-túc 區粟 (3). Tôn

---

(1) Còn gọi là nước Minh-đạo, ở phía Tây quận Cửu-chân, phía bắc nước Phù-nam, trong cảnh nội nước Lào ngày nay.

(2) Tam Quốc Chí, Ngô chí, Lữ Đại truyện, do Bắc-thuộc thời-kỳ đích Việt-nam trích dẫn (trương 59).

(3) Các nhà sử-học chưa nhất trí về vị-trí của Khu-túc, có thuyết cho Khu-túc ở phía nam sông Huế, vào khoảng giữa Nguyệt-biều và chỗ hợp-lưu của sông Phú-cam ; có thuyết nói ở làng Cao-lao-hạ thuộc huyện Bố-trạch, trên hữu-ngạn sông Gianh. Đại-Nam Nhất-thống chí, tỉnh Quảng-bình, mục Cổ tích chép : « Phế thành thành bỏ hoang) Lâm-ấp, ở xã Trung-ái, huyện Bình-chính, từ núi Thành-thang chạy dài đến các xã Tô-xá, Vân-tập, Phù-lưu, vượt núi quanh khe, đều có ụ đất, đứt từng đoạn ; tương truyền đó là nền cũ thành Lâm-ấp. Trong sử cũ có nói thành Khu-túc của Lâm-ấp, ở phía nam có Linh-Thủy ; nghi đây là Khu-túc hoặc lũy cũ của Hoàn-vương».

Quyền sai Lục-Dận 陸胤 làm Thứ-sử Giao-châu, An-Nam hiệu-úy. Lục-Dận đem ân tín hiểu dụ, người Lâm-ấp mới nghỉ binh, nhưng vẫn giữ Khu-túc, lại tiến xâm lấn đến huyện Thọ-lãnh (1), 壽冷 lấy đó làm cương giới.

Ở Khu-túc, Lâm-ấp đã xây dựng một thành-lũy quân-sự quan-trọng, có lẽ binh khí phần nhiều được tàng trữ ở đó, bờ thành xây bằng gạch, có để những lỗ trống để bắn ra quân địch, trên bờ thành có những vọng lâu, tháp canh. Chắc là thành ấy đã được kiến-trúc thời vua Phạm Văn (xem sau) vì đến thời vua nầy, Lâm-ấp mới biết thuật xây đắp thành lũy quân-sự.

Vua hậu duệ cuối cùng của Khu Liên không có con trai nên cháu ngoại là Phạm Hùng 范熊 (2) (270-280) nối ngôi. Phạm Hùng liên-kết với vua Phù-nam là Phạm Tầm 范尋 nhiều lần đem binh đánh phá các quận, huyện của Giao-Châu, giết hại lại, dân. Ngô-chủ là Tôn Hạo sai Đào Hoàng 陶璜 coi Giao châu ; trong 10 năm, Đào Hoàng đã nhiều lần đánh dẹp Lâm-ấp, giết bớt bọn đầu sỏ.

Phạm Hùng chết, con là Phạm Dật 范逸 kế ngôi. Đời vua Võ-đế nhà Tấn, năm Thái-khương thứ 5 (284), Phạm Dật chánh thức phái sứ sang cống Trung-quốc. Phạm Dật ở ngôi khá lâu, đã kiến-tạo thành trì, sửa trị binh giáp. Ấy là nhờ một kẻ bề tôi là Phạm Văn 范文 bày dạy.

Phạm Văn vốn người ~~Giao~~-châu (Trung-quốc), khi nhỏ bị bắt cướp, rồi làm tớ một viên tướng người Chàm huyện Tây-

(1) *Một huyện nhà Tấn đặt thêm ở quận Nhật-nam ; và theo Georges Maspéro thì Thọ-lảnh ở chung quanh mũi Choumay tỉnh Thừa-thiên ngày nay.*

(2) *Phạm không phải là họ ; Phạm đây là người Tàu phiên âm Phạn-ngữ « Varman » thường dửng sau danh hiệu các vị vua Chàm và vua Ấn-độ.*

quyền, quận Nhật-nam là Phạm-Trĩ. Năm 15, 16 tuổi, Văn mắc tội, sợ, bỏ trốn, theo thuyền buôn người Lâm-ấp sang Trung-quốc (năm 315). Ở đây, nghe thấy được nhiều, rồi trở về Lâm-ấp, Văn bày cho vua Phạm-Dật xây dựng cung điện, làm thành-trì, chế binh xa, khí-giới, được vua rất tin yêu, cho làm tướng; Văn cư xử được lòng người. Năm 336, Phạm-Dật mất, Văn bỏ thuốc độc giết chết các con của Phạm Dật, tự lập làm vua (336-349). Ấy là vương triều thứ hai (336-420) của Lâm-ấp. Phạm Văn dùng binh chinh-phục các bộ-lạc man Mọi trong xứ. Đời vua Tấn Thành-đế, năm Hàm-khương thứ 6 (340), Phạm Văn sai sứ đem voi sang cống Trung-quốc. Đồng thời cũng cướp phá Giao-châu không ngớt.

Thời ấy, Lâm-ấp ít ruộng nên rất thèm muốn đất-đai phì nhiêu của Nhật-nam. Lại các thuyền buôn các nước ở phương nam thường đem hóa-vật đi đường biển, qua các cửa biển Giao-châu để đến trao đổi ở Trung-quốc, các quan Thứ-sử Giao-châu, Thái-thú Nhật-nam nhiều người tham lam, thường xâm đoạt hóa vật ấy đến hai, ba phần mười, có khi đến quá nửa, các nước ấy đều giận. Đến Thái-thú Nhật-nam là Hạ-hầu Lãm 夏侯覽 càng tham lam, khắc nghiệt hơn nữa, lại hay say rượu, để việc chính-trị, giáo hóa hỗn loạn. Phạm Văn nhân thấy dân oán, đời vua Tấn Mục-đế, năm Vĩnh-hòa thứ 3 (347), cử binh đánh hãm Nhật-nam, hại Hạ-hầu Lãm, giết chết 5, 6000 người, dân còn lại đều chạy ra quận Cửu-chân. Phạm Văn đem thây Hạ-hầu Lãm tế trời, san bằng huyện thành Tây-quyền, rồi chiếm cứ Nhật-nam, báo với Thứ-sử Giao-châu là Châu Phồn 朱蕃, đòi lấy phía bắc Hoành-sơn làm biên-giới

Lâm ấp Đại Nam Nhất-thống chí, tỉnh Quảng-bình, mục cổ-tích, chép « Lũy cũ Hoành-sơn (Hoành sơn cổ lũy) ở phía bắc huyện Minh-chính, từ trên núi Ba-hy chạy ngang suốt đến biển. Tương truyền lũy này là do Phạm Văn (vua) Lâm-ấp đắp để làm đường phân giới Giao-châu-Lâm-ấp ». Phạm Văn trở về Lâm-ấp, Châu Phồn sai Đốc-hộ Lưu Hùng 劉雄 đóng giữ Nhật-Nam nhưng mùa thu năm ấy, Văn trở lại, đánh hãm Nhật-Nam, giết Lưu Hùng. Năm sau (348), Phạm-Văn lại đánh úp Cửu-Chân giết hại 8,9 phần 10 sĩ thứ. Vĩnh-hòa năm thứ 5 (349), Chinh tây Đốc-hộ Đằng Tuấn 滕畯 đem binh Giao-châu và Quảng-châu đánh Phạm Văn ở Lư-dung, bị Văn đánh bại, phải lui về Cửu-chân. Nhưng Phạm Văn bị thương rồi mất. Con là Phạm Phật 范佛 kế vị (349-380).

Phạm Phật lên ngôi, vẫn đồn binh ở Nhật-nam và tiến đánh Cửu-chân, nhưng bị Đốc-hộ Đằng Tuấn, Thứ-sử Giao-châu là Dương Bình 楊平, Thái-thú Cửu-chân là Quán Súy 灌邃 đem quân Giao, Quảng đến đánh ở quận-trị cũ của Nhật-nam, phá đồn lũy, Phạm Phật thua chạy, bọn Dương Bình đuổi theo qua đất Thọ-lãnh đến Khu-túc, Phạm Phật lại thua, nên lẫn trốn vào rừng, rồi sai tướng đến xin tội. Đằng Tuấn sai người đến ủy-lạo, cùng minh ước, rồi về (Vĩnh-hòa năm thứ 7, 351). Vĩnh-hòa năm thứ 9 (353), Thứ-sử Giao-châu là Nguyễn Phu 阮敷 vào đánh Phạm Phật ở Nhật-nam, phá hơn 50 lũy, nhưng Phật cũng không chịu hàng. Đời vua Tấn Mục-đế, Thăng-bình năm đầu, Lâm-ấp lại ra cướp ; năm thứ 3 (359) Thứ-sử Giao-châu là Ôn-Phóng-Chi 溫放之 đem binh đánh, cả lục lẫn thủy, Phạm Phật giữ vững thành và xin phục, Phóng Chi bằng lòng. Phật trả lại Nhật-nam, lấy bến Ôn-công (溫公浦), là mũi Choumay (Chân-mây) thuộc tỉnh Thừa-thiên (1)

(1) *Theo G. Maspéro trong* Le Royaume Champa.

ngày nay làm biên-giới phía bắc của Lâm-ấp. Phạm Phật sau đó nhiều lần sai sứ sang cống Trung-quốc, và cho đến khi mất, không vi phạm lời giao ước.

Đời vua Tấn Hiếu Vũ-đế, năm Thái-nguyên thứ 5 (380), Phạm Phật mất, con là Phạm Hồ Đạt 范 胡 達 nối ngôi (380-413). Có lẽ Phạm Hồ Đạt là vị vua mà trong bia chữ Phạn gọi là Bhadravarman I, sử Tàu gọi là Bạt-đà-la-bạc-ma nhứt thế. Vị vua này đã lập ngôi đền đầu tiên tại Mỹ-sơn để thờ thần Bhadraçvara, ngôi đền xưa hơn cả mà văn-minh Ấn-độ còn để lại ở Đông-dương.

Bấy giờ thấy Giao-châu nội loạn (1), Phạm Hồ Đạt thừa dịp Bắc xâm, Thứ-sử Đặng-Độn Chi 鄧 遯 之 trong 10 năm ở chức, nhiều lần đánh với Lâm-ấp. Đặng Độn Chi đã về bắc, đời vua Tấn An-đế, năm Long-an thứ 3 (399), Lâm-ấp đánh hãm quận Nhật-nam, bắt Thái-thú là Cảnh Nguyên 旻 源, rồi tiến ra hãm quận Cửu-đức 九 德 (2), bắt Thái-thú là Tào Bính 曹 炳, rồi tiến ra cướp thành Giao-châu ; Thái-thú Giao-chỉ là Đỗ Viện 杜 瑗 sai Đốc-hộ là Đặng Dật 鄧 逸 đánh phá được nên được thăng làm Thứ-sử Giao-châu.

Yên được mấy năm, rồi Lâm-ấp lại hằng năm sang cướp phá. Đời vua An-đế, năm Nghĩa-hy thứ 3 (407), họ ra cướp Nhật-nam, giết trưởng-lại, Thứ-sử Đỗ Viện sai Đốc-hộ Nguyễn Phí 阮 裴 đánh dẹp, giết, bắt rất nhiều người.

---

(1) Thái-thú Cửu-chân là Lý Tốn 李 遜 là người có sức mạnh và uy-thế, nghe tin Đặng Độn Chi được bổ đến làm Thứ-sử, sai hai con ngăn chận các nơi hiểm yếu trên các đường thủy, lục ; Đỗ Viện, Thái-thú Giao-chỉ, chém được Lý Tốn.

(2) Lấy một phần đất quận Cửu-chân mà đặt ra hồi cuối đời Ngô, ở miền Hà-tĩnh ngày nay.

Bấy giờ nhà Tấn đã suy-yếu, và Thứ-sử Giao-châu là Đỗ Viện mất (410), con là Đỗ Tuệ Độ 杜慧度 được thay cha làm Thứ-sử, Lâm-ấp thừa hư vào cướp. Nghĩa-hy năm thứ 9 (413) Phạm Hồ Đạt cướp Cửu-chân, tướng là Đỗ Tuệ Kỳ 杜慧期 đánh giết được con của Hồ Đạt là Giao-long-vương Âu-tri 瓯知, và tướng Chiêm là Phạm Kiện 范健, bắt sống được một người con khác của Hồ Đạt là Na-năng 那能 và hơn 100 người khác. Năm ấy, Phạm Hồ Đạt mất, con là Địch Chân 敌真 được lập. Sau khi Địch Chân lên ngôi, em là Địch Khải cùng mẹ bỏ đi, Địch Chân vời về, không được, nên hối hận, nhường ngôi cho một người cháu rồi đi Thiên-trúc, hành hương ở Hằng-hà. Quốc tướng là Tàng-Lân 藏鄰 cố ngăn Địch Chân nhường ngôi, người cháu Địch Chân khi lên ngôi rồi bèn giết Tàng Lân ; Con của Tàng-Lân trở lại đánh, giết vua mới ấy, và lập lên ngôi người em cùng mẹ khác cha của Địch Khải là Địch Văn 敌文.

Sau đó, lịch-sử không tường được.

Sự thoái vị và ra đi của Địch Chân làm phát sinh nội loạn. Mấy năm sau, ngôi vua về tay một người mà gốc tích còn mập mờ, là Phạm Dương Mại 范陽邁 (Yan Mah), ấy là vương triều thứ III (420 ? - 528).

Dương Mại, tiếng Chiêm là Yan mah, ý nói là «vua vàng» (1). Sách **Thủy-kinh chú** dẫn sách **Lâm-ấp ký** nói : «Khi mẹ Dương Mại có thai, nằm mộng thấy người trải vàng trên chiếu, đứa trẻ sinh ra trên ấy, ánh sáng chói lọi» (1). Có lẽ Dương Mại xuất thân vi tiện nên phải đặt ra điều linh-dị để

(1) *Theo* Bắc-thuộc thời kỳ đích Việt-nam *của Lữ Sĩ Bằng trích dẫn.*

buộc lòng người. Dương Mại đối với Trung-quốc phản, phục vô thường. Nghĩa-hy năm thứ II (414), năm thứ 13 (417) hai lần sang cống nhà Tấn, mặt khác, cũng trong thời Nghĩa-hy, năm nào cũng sang cướp phá các quận Nhật-nam, Cửu-Chân, Cửu-đức, giết hại rất nhiều người, khiến Giao-châu suy yếu, mà Lâm-ấp cũng hao mòn.

Đời Tống, Võ-đế, Vĩnh-sơ năm đầu (420), Lưu Dũ lên ngôi, Thứ-sử Giao-châu là Đỗ Tuệ Độ được tiến hiệu là Phụ quốc tướng-quân. Năm ấy, Tuệ Độ đem văn, võ 1 vạn người đi đánh Lâm-ấp, đại thắng. Lâm-ấp phải xin hàng, và dâng nạp voi lớn, bạc, vàng, cùng ngọc cát-bối v.v... và thả những người họ đã bắt cóc. Từ đó biên-giới phương nam của Giao-châu mới được yên tĩnh. Năm sau (421), Dương Mại sai sứ sang cống hiến, vua Võ-đế nhà Tống phong Dương Mại làm Lâm-ấp vương ; Lâm-ấp thành nước phiên thuộc của Trung-quốc ; sau đó, các vua Lâm-ấp cũng giữ lệ xin phong để củng cố địa-vị.

Dương Mại mất, con là Đốt 咄 nối ngôi (? — 443) vẫn mang danh hiệu cha, tức Dương Mại nhị thế (Yan Mah II). Dương Mại II nhiều lần sai sứ sang cống hiến nhà Tống (năm Nguyên gia thứ 7-430-, thứ 10-433-, thứ 11-434-, thứ 15-438-, thứ 16-439-, thứ 18-441-, tất cả 6 lần), nhưng vẫn cướp phá các quận, huyện Giao-châu. Năm Nguyên-gia thứ 8 (431) Lâm-ấp đem hơn 100 chiếc lâu thuyền đến cướp quận Cửu-đức, vào cửa Tứ-hội-phố 四會浦口 (?), Thứ-sử Giao-châu là Nguyễn Di Chi 阮彌之 sai quân vào dẹp, đánh đến thành Khu-túc, nhưng không thắng được, phải rút về. Năm thứ 10(433), Dương Mại II sai sứ

sang cống nhà Tống, và xin lãnh đất Giao-châu để cai trị, triều đình nhà Tống trả lời vì đường xa, không cho. Dương Mại II tức giận, và từ đó, tuy vẫn thường cống hiến Trung-quốc, nhưng cũng vào cướp phá Giao-châu không ngớt. Vả, cống phẩm cũng ít ỏi, vua Văn-đế giận là trái lễ và ngạo, nên năm Nguyên-gia thứ 23 (446), sai Thứ-sử Giao-châu là Đàn-Hòa Chi 檀和之 đi đánh Lâm-ấp, khiến Tư-mã Tiêu Cảnh Hiến 蕭景憲 làm tiên phong, Chấn-võ tướng-quân Tông Xác 宗慤 làm phó. Dương Mại II hay tin, sai sứ dâng biểu xin trả lại những dân Nhật-nam đã bị bắt cóc, và nạp một vạn cân vàng, 10 vạn cân bạc. Vua Văn-đế bằng lòng cho Dương Mại II qui thuận. Hòa Chi sai Thái-thú Nhật-nam là Khương Trọng Cơ 姜仲基, Tham-mưu Kiều-Hoằng Dân 嬌弘民 đến truyền chiếu chỉ cho Dương Mại. Dương Mại bèn bắt giữ bọn Khương Trọng Cơ 28 người, và khiến Hoằng Dân trở về, nói là để hỏi về điều-kiện quy-thuận, nhưng gia-tăng sự phòng bị nghiêm nhặt. Bọn Tiêu Cảnh Hiến bèn tiến quân đến Khu-túc, Dương Mại II sai tướng là Phạm-tỳ-sa-đạt-lai đi cứu Khu-túc, Đàn Hòa Chi sai quân chống cự, bị thua. Hoà Chi lại sai Tông Xác chia quân làm mấy đạo, đánh phá quân Lâm-ấp, mấy trận đều thắng, hạ được Khu-túc, giết tướng Chàm là Phạm Phù Long, chém hết người Chàm từ 15 tuổi trở lên, thây chất thành đống, thu được bửu vật rất nhiều. Đàn Hòa Chi vào kinh đô Lâm-ấp (Trà-kiệu), thu được của báu, vật lạ nhiều không xiết kể, lại nấu các tượng bằng vàng được chục vạn cân vàng. Cha con Dương Mại chạy thoát. Sau khi quân Đàn Hòa Chi rút lui, Dương Mại trở về, thấy cảnh hoang tàn, buồn giận rồi chết. Từ đó, Lâm-ấp suy-

yếu, suốt thời Nam-triều (1) không dám xâm phạm phương bắc nữa.

Phạm Thần-thành 范 仲 成 kế Phạm Dương Mại làm vua Lâm-ấp, nhiều lần sai sứ sang Trung-quốc.

Phạm Thần-thành mất, trong nước loạn. Có người nước Phù-nam là Cưu-thù-la, vốn là con của vua Phù-nam là Đồ-gia- bạt-ma (Jayavarman), có tội chạy trốn sang Lâm-ấp, nhân đánh Lâm-ấp, cướp ngôi, xưng là Phạm Đương-căn-thuần (484-492) 范 當 根 純.

Đời Tề Võ-đế, năm Vĩnh-ninh thứ 10 (492), cháu Dương Mại là Phạm Chư Nông 范 諸 農 đuổi Phạm Dương-căn-thuần, lấy lại nước, lại được vua Tề Võ-đế phong là An-nam tướng quân Lâm-ấp-vương (492-498).

Đời nhà Lương, Lâm-ấp đã mấy lần sai sứ sang cống. Đến Tông thất Tiêu-Tư 蕭 諮 làm Thứ-sử Giao-châu, tàn bạo, hà khắc, lòng dân oán hận. Đời vua Võ-đế, năm Đại-đồng thứ 7 (541), Lý Bôn 李 賁 nổi lên, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm thành Long-biên, xưng đế. Trong khi Lý Bôn chiếm cứ Giao-châu, vua Lâm-ấp là Luật-đà-la-bạc-ma (Rudravarman I), vị vua đầu tiên của đệ tứ vương-triều, ra đánh cướp Cửu-đức, bị tướng nhà Lý là Phạm Tu 范 修 đánh bại. Dưới triều vua Luật-đà-la-bạc-ma, ngôi đền do vua Bạt-đà-la-bạc-ma I kiến-tạo bị cháy. Từ cuộc thất bại ở Cửu-đức đến cuối đời Trần (Trung-quốc) (589), Lâm-ấp không cống Trung-quốc nữa. Đời

(1) *Tống, Tề, Lương, Trần (420-589).*

vua Tùy Văn-đế, Khai-hoàng năm thứ 2 (582), Lâm-ấp có sai sứ sang cống phương vật, nhưng sau đó lại thôi.

Nhà Tùy diệt nhà Trần (589) thống nhất Trung-qnốc rồi, năm Nhân-thọ thứ 2 (602) sai một vị tướng có mưu-lược là Lưu Phương 劉方 làm Giao-châu-đạo hành quân Tổng-quản đem quân sang đánh Giao-châu đương do Lý Phật Tử chiếm giữ. Lưu Phương sai người hiểu dụ, hậu Lý-Nam-đế hàng, bị đưa về Trường-an. Giao-châu lại thuộc bản đồ Trung-quốc sau 62 năm thoát-ly sự đô hộ của người Tàu.

Cuối đời Nhân-thọ (604), các quan nhà Tùy nói rằng nước Lâm-ấp có nhiều của quí lạ, bấy giờ thiên-hạ vô sự, Lưu Phương vừa bình-định Giao-châu, nên cho Phương chức Hành quân Tổng-quản đạo Hoan-châu (tức Đức-châu đời Lương, là Nghệ- an ngày nay) để kinh lược Lâm-ấp. Đời vua Tùy Dượng-đế, Đại-nghiệp năm đầu (605), Lưu Phương sai Thứ-sử Khâm-châu là Ninh Trường Chân 寧長真 đem bộ-binh, kỵ-binh từ huyện Việt-thường (quận Cửu-đức) (1) sang, và đích thân đem thủy-binh từ Tỵ-cảnh (2) vào ; thủy lục đều tiến, đánh Lâm-ấp, chiếm đóng Khu-túc, quân Lâm-ấp thua to, quân Tàu đuổi theo mấy ngày, thắng mấy trận, rồi tiến đến quốc đô (Trà-kiệu), vua là Phạm Phạn-chí 范梵志 (Çambhuvarman) bỏ thành chạy ra biển, Lưu Phương vào thành bắt hết người Chàm làm tù binh, thu được 18 thần-chủ bằng vàng thờ trong miếu, hơn 1350 bộ kinh Phật và nhiều sách viết bằng chữ Chiêm-bà. Lưu Phương khắc bia đá, ghi chiến công, rồi trở về. Trong trận này, quân Tùy

(1) Ở miền Hà-tĩnh ngày nay.

(2) Huyện Tỵ-cảnh đời Hán ở khoảng phía bắc và phía nam Hoành-sơn · Đem thủy-binh từ Tỵ-cảnh mà vào, có thể là từ cửa Nhượng hay cửa Sọt thuộc Hà Tĩnh ngày nay.

tổn-thất nặng, gần nửa sĩ tốt bị bệnh sưng chân mà chết, Lưu Phương cũng bị bệnh mà chết dọc đường.

Sau cuộc thất bại này, Phạm Phạn-Chí sai sứ sang tạ tội, và từ đó cống hiến Trung-quốc.

Sau khi bình-định Lâm-ấp, nhà Tùy chia đất làm ba châu là : 1) Đảng-châu 湯 州, 2) Nông-châu 農 州, 3) Xung-châu 冲 州.

Chẳng bao lâu, Đảng-châu đổi là quận Tỵ-cảnh, gồm 4 huyện là Tỷ-cảnh, Châu-ngô, Thọ-lãnh. Tây-quyền ; Nông-châu đổi là quận Hải-âm 海 陰, gồm 4 huyện là Tân-dung, Chân-long, Đa-nông, An-lạc ; Xung-châu đổi là quận Lâm-ấp 林 邑, gồm 4 huyện là Tường-phố, Kim-sơn, Giao-giang, Nam-cực. Ba quận Tỷ-cảnh, Hải-âm, Lâm-ấp đời Tùy là bắc-bộ quận Nhật-nam đời Hán, đại-khái bao quát các tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị cho đến Thừa-thiên ngày nay (1).

Nhưng nhà Tùy đặt ba quận ấy chưa được mười năm thì nước Tàu loạn. Phạm Phạn Chí khôi phục đất cũ.

Đời nhà Đường chia Giao-châu làm 12 châu, thuộc An-nam Đô-hộ-phủ quản hạt, và châu cực nam là Hoan-châu, tức tỉnh Hà-tĩnh ngày nay. Như vậy biên giới ở phía nam của An-nam Đô-hộ phủ là núi Hoành-sơn, và từ Quảng-bình trở vô là đất của Lâm-ấp.

Nước Lâm-ấp từ khi bị nhà Tùy đánh bại, đối với nhà Tùy và tiền bán kỳ nhà Đường, vẫn cung thuận. Phạm Phạn Chí

(1) *Theo Bắc-thuộc thời-kỳ địch Việt-nam.*

nhiều lần sai sứ sang cống và dâng phương vật lên vua Đường.

Phạm Phạn Chí đã xây dựng lại ngôi đền Bhadreçvara ở Mỹ-sơn, bị cháy thời vua trước, ngôi đền ấy trước kia xây bằng gỗ, nay xây bằng gạch. Năm 629 ông mất, con là Phạm Đầu-lê (tức Kandarpaharma, hoặc Kiến-đạt-bà-đạt-ma) nối ngôi (629- ?). Phạm Đầu-lê cũng nhiều lần sai sứ sang cống ; Đầu-lê thương dân như con, nên được vua Đường Thái-tông mến trọng. Đầu-lê mất, con là Phạm Trấn-long (Çri Bhâradharma) nối ngôi. (?-645).

Phạm Trấn-long bị một đại thần giết năm 645, không có con trai, các quan lập người con của em gái Trấn-long là Bạt-đà-la-thủ-la-bạt-la (Bhadreçvaravarman) làm vua. Sau đó các đại-thần nghĩ đến chủ cũ, lại phế đi mà lập con gái đích của Phạm Đầu-lê làm vua. Nữ-vương này không định quốc được, nên năm 653, các đại-thần lập con của cháu ngoại Luật-đà-la-bạt-ma I (Rudravarman I) là Chư Cát-địa 諸葛地 làm vua và gả con gái vua cho. Chư Cát-địa (tức Tị-kiến-đà-bạt-ma, hoặc Vikrân tavarman) nhiều lần sai sứ sang cống nhà Đường. Nhờ ở ngôi lâu và trong nước yên-ổn, vua này đã xây-dựng được nhiều đền, tháp, tượng ở Mỹ-sơn và nhiều nơi khác trong vùng Quảng-nam. Vua kế-vị là Kiến-đa-đạt-ma tức Tỉ-kiến-đà-bạt-ma II cũng nhiều lần sai sứ sang cống nhà Đường. Với vua Lư-đà-la, tức Luật-đà-la-bạt-ma II (Rudravarman II) mất năm 757 chấm dứt đệ tứ vương triều do vua Luật-đà-la-bạt-ma I (Rudravarman I) dựng lên năm 529.

Đời vua Đường Túc-tông, Càn-nguyên năm đầu (758), sử

Trung-quốc gọi Lâm-ấp là Hoàn-vương 環王, Ấy là năm đầu của đệ ngũ vương-triều Chàm, và quốc-hiệu này được giữ cho đến năm vương-triều này cáo chung (859).

Từ giữa thế-kỷ VIII, người ta nhận thấy một sự di-chuyển của triều vua về phương nam, tại Panduranga (Phan-rang) và Kâuthara (Nha-trang). Nhiều vị vua đã trị vì tại Phan-rang. Năm 774, người Java và Mã-Lai vào cướp phá và tiêu-hủy ngôi đền cổ Pô Nagar tại Nha-trang. Năm 787, người Java và Mã-lai lại vào cướp phá và tiêu-hủy ngôi đền Bhadrâdhipâtiçvara ở phía tây thành Virapura gần Phan-rang ngày nay, bắt binh sĩ, thường dân, chém giết hoặc đem đi.

Từ Đường Huyền-tông, năm Thiên-bửu thứ 8 (749) trở về sau, Lâm-ấp đã không vào cống Trung-quốc nữa. Sau đó, vương-triều thay đổi, Hoàn-vương cũng không qua lại nhà Đường. Đến đời vua Đức-tông, năm Trinh-nguyên thứ 9 (793) vua là Nhân-đà-la-bạt-ma (Indravarman) mới sai sứ vào cống trở lại, vua Đức-tông cho cống-sứ yết nhà Thái-miếu. Nhưng sau đó, Hoàn-vương không vào cống nữa.

Nhân-đà-la-bạt-ma mất, em rể là Kha-lê-bạt-ma, tức Çri Harivarman-Deva-Râjâdhiraja kế vị, năm Trinh-nguyên thứ 18 (803), xâm phạm An-nam, hãm châu Hoan, châu Ái (tức Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa), phá hoại, cướp bóc rất nhiều rồi về. Đời vua Hiến-Tông, năm Nguyên-hòa thứ 4 (806) Hoàn-vương lại sang cướp An-nam, Đô-hộ Trương Châu 張舟 đánh bại được.

Đầu thế-kỷ IX, tướng của Kha-lê-bạt-ma là SenspâtiPân

nhiều lần đem quân đánh Chân-lạp và có lẽ Kha-lê-bạt-ma đã xây lại ngôi đền Pô Nagar năm 817.

Kha-lê-bạt-ma mất, con là Thích-lợi-tì-kiên đà-bạt-ma, tức Çri Vikrântavarman III kế vị. Vua nầy không con, đến năm 851 thì đệ ngũ vương-triều cáo chung.

Năm 875 thì một triều vua mới lên làm vua ở phía Bắc tại Indrapura (Đồng-dương) trong tỉnh Quảng-nam ngày nay. Ấy là đệ lục vương-triều (875-991). Đồng thời, sử Trung-quốc cũng đổi gọi là nước Chiêm-thành (1). Vua sáng lập triều-đại mới này là Indravarman II, do Çri Vikrântavarman chỉ định kế nghiệp, thể theo lời yêu-cầu của các đại-thần, khi vị nầy chết, không con. Trong thời-gian này, An-nam bị Nam-chiếu xâm-lăng, nhà Đường phải lo đối phó với Nam-chiếu, nên không rảnh mà nghĩ đến việc Chiêm-thành.

Đến cuối đời mình, vua Indravarman II đẩy lui được một cuộc tấn công của quân Chân-lạp, do chính vua Chân-lạp Yaçovarman chỉ huy ; trong trận này Yaçovarman suýt phải bỏ mạng.

Sau ba đời vua nữa, đến vua Çri Indravarman (hoặc Indravarman III) là một vua giỏi về văn-chương và triết-lý, Triều vua này dài 40 năm ; năm 918, vua đã sai đúc tượng nữ thần Bhagaviti bằng vàng, dựng ở đền Pô Nagar tại Kauthâra. Vào khoảng năm 945, 946, vua Chân-lạp là Rajendravarman II sai quân-đội sang xâm-lăng Chiêm-thành, cướp mất tượng vàng, nhưng sau cùng, quân Chân-lạp thua một trận lớn.

---

(1) Chiêm-thành do chữ Champapura của Phạn-ngữ dịch ra, gồm chữ Champa, quốc-hiệu chánh thức của nước Chàm và pura có nghĩa là kinh thành.

Çri Indravarman (hoặc Indravarman III) và các vua kế tiếp đều có gửi sứ-giả sang nối lại bang giao với Trung-quốc mà trước đó những cuộc hỗn loạn cuối đời Ngũ-đại đã làm gián đoạn.

Năm 960, vua Jaya Indravarman I gởi lễ vật sang cống vua nhà Tống mới lên ngôi, và sau đó cũng nhiều lần sang cống Trung-quốc. Năm 965, Jaya Indravarman I dựng lại tượng nữ thần Bhagavati ở Kauthâra, nhưng bằng đá.

Parameçvaravarman I, tức Ba-mỹ-thuế 波美税 kế ngôi Jaya Indravarman I tiếp tục giữ lệ triều cống nhà Tống.

II. THỜI ĐẠI-VIỆT ĐỘC-LẬP

1.— QUỐC-GIA VÀ NHÂN DÂN CHIÊM THÀNH.

Tổ-tiên của người Chàm từ các hải đảo Mã-Lai, Nam-dương tràn lên bờ biển Trung-Việt ngày nay từ nhiều thế-kỷ trước Tây-lịch kỷ-nguyên. Ở đấy, họ tiếp xúc với thổ dân là người Kiratas, thuộc giống Indonésiens ; số người Kiratas không chịu họ chế ngự thì dồn lên ở các miền núi Trường-sơn, những người ấy sau này chúng-ta gọi là Mọi.

Như đã nói, khi người Chàm bước vào lịch-sử (192) thì người ta thấy họ đã tuân phục một triều vua Ấn-độ hóa, nên từ tổ-chức quốc-gia cho đến xã-hội, phong-tục đều theo Ấn-độ.

Tông-giáo chánh của họ là Ấn-độ-giáo, thờ các vị thần Brahma, Visnu, Çiva, cùng các Çakti là vợ của hai vị thần sau ấy. Phật-giáo cũng được sùng bái. Còn Hồi-giáo thì mới truyền vào từ thế-kỷ XI.

Xã-hội cũng chia làm 4 giai-cấp là Giáo-sĩ (Brahmane) Quí-tộc (Ksatrya), điền-chủ, thương-gia (Vaisya) và hạ lưu, nô-lệ (Çudra). Nhưng thực-tế, sự phân chia ấy không nghiêm khắc như ở Ấn-độ, vì một người đàn-bà quí-tộc có thể kết-hôn với một người đàn-ông ở giai-cấp dưới, miễn là người này ở cùng một thị-tộc với mình.

Trong gia-đình quyền thừa-kế dựa theo dòng mẹ, nhưng quyền nối ngôi vua thì phải theo dòng của cha.

Mỗi vị vua khi đăng quang, chọn một danh hiệu mà vua sẽ giữ trong thời gian trị-vì ; và sau khi vua mất, người ta đặt một tôn thụy, từ đó sẽ dùng tôn thụy để xưng-hô vua. Vua có quyền-uy tuyệt-đối, biệu hiệu của nhà vua là chiếc lọng màu trắng.

Nước Chiêm-thành chia làm 3, có khi 4 khu vực lớn :

1) Ở bắc là Amarâvâti, tức vùng Quảng-nam ngày nay ; ở đó có Indrapura tức Đồng-dương, có thành-phố Sinharpura, trên sông Thu-bồn, ở Trà-kiệu. Hai nơi này đã là quốc-đô của người Chàm.

2) Ở giữa là Vijaya, tức vùng Bình-định ngày nay. Sau năm 100 T.L., kinh-đô Phật-thệ, tức Trà-bàn đóng ở đấy.

3) Ở nam, Panduranga là vùng Phan-rang, Bình-thuận ngày nay, tiếp giáp với Chân-lạp. Vùng này có lúc đã là một nước độc-lập, đã sai sứ sang Trung-quốc. Không biết ấy là một tiểu-quốc độc-lập sáp nhập vào Lâm-ấp, hay là một thuộc quốc của nước Phù-nam sau bị Lâm ấp thôn tính. Giữa thế-kỷ VIII, kinh-đô Chàm đóng ở đó. Panduranga là khu-vực rộng lớn hơn cả, nó bao gồm Kauthâra, tức vùng Khánh-hòa ngày nay. Kau-

thừa có lúc đã tách rời và tạo thành khu-vực thứ 4 của vương quốc, lấy Yanpunagara (thành-phố Khánh-hòa ngày nay) làm thủ-phủ.

Theo Tống sử, nước Chiêm-thành chia làm 38 châu lớn, nhỏ, phía nam là châu Thi-bị 施備, phía bắc là châu Ô-lý 烏里 phía tây là châu Thượng-nguyện 上源, có hơn 100 thôn lạc, mỗi thôn lạc có từ 300 đến 500 hộ, có khi đến 700 hộ. Cũng có đặt huyện, trấn. Vua dùng anh, hoặc em làm Phó-vương hoặc Thứ-vương ;có 8 quan lớn chia nhau trông coi mọi việc ở đông, tây, nam, bắc, mỗi miền hai vị ; lại đặt hơn 50 văn-lại các cấp để chia coi việc cai trị và thâu thuế, 12 viên chức giữ kho đụn, 50 viên coi việc quân. Các quan chức đều không có lương, chỉ do nhân dân cung-cấp các món chi dụng.

Phần nhiều các vua Chàm đều rất hiếu chiến, nên duy-trì một đội quân đông đảo. Thời Phạm-Văn, quân-đội gồm từ 4 đến 50.000 người ; về sau, nhứt là thời Chế Bồng-Nga chắc là đã đông hơn nữa. Thế-kỷ VIII, chỉ đạo quân bảo vệ nhà vua đã có 5000 người. Sau đó, họ cũng dùng kỵ-binh và voi. Có khi đàn voi chiến-đấu theo quân-đội có đến 1000 thớt. Võ-khí là lao, kích, cung, nỏ, mũi tên bằng tre có tẩm thuốc độc. Binh-sĩ mang áo giáp đan bằng mây, đi từng đoàn theo tiến tù-và và trống, hai bên là cờ xí ; khi lâm chiến họ tổ-chức thành từng tổ 5 người để hỗ trợ lẫn nhau, nếu trong tổ có một người trốn thì 4 người kia phải tội tử hình. Thủy-quân gồm những thuyền lớn, trên có pháo tháp và những thuyền nhẹ. Trong nhiều trận đánh, người-ta thấy hạm-đội gồm hơn trăm chiến thuyền yểm-trợ lục-quân.

Binh-sĩ được cấp gạo ăn và áo mặc. Từ đời Phạm Văn,

người Chàm đã biết thuật xây thành đắp lũy, họ kiến trúc những tường thành bằng gạch, có những tháp canh bằng đá, để bảo-vệ các thành-thị.

Với quân-đội ấy, người Chàm suốt mấy thế-kỷ, đã làm khốn-khổ các lực-lượng đô-hộ của Trung-quốc, khuấy phá ven biển nước Việt, bao phen vào làm mưa làm gió ở tận Thăng-long, tiến sang đánh phá Chân-lạp, làm chủ vương-quốc này trong một thời-gian ; và cùng một chiến-thuật đặc-biệt, đã làm cho quân-đội Mông-Cổ, hùng mạnh nhất hoàn-cầu, phải thất bại và rút lui, khi đến mưu xâm chiếm nước họ. Nhưng vì quá hiếu chiến, phải đối phó với hai kẻ địch ở bắc và ở nam, Chiêm-thành tự làm suy-yếu trong những chiến-tranh, để rồi không còn đủ sức lực giữ mình được mà phải xóa tên trên bản-đồ.

Nhân-dân Chàm gồm nhiều thị-tộc, mỗi thị-tộc có một vật tổ, lấy vật-tổ mà gọi tên. Có hai thị-tộc lớn nhất trong nước là dòng Cây-cau (Kramukavamça) và dòng Cây-dừa (Narikelavamça). Hai thị-tộc này giành ưu-thế trong nhiều thế-kỷ, qua những cuộc chiến-tranh đẫm máu, nhưng rồi thỏa-hiệp nhau. Dòng Cây-cau làm bá chủ vùng Panduranga, còn dòng Cây-dừa ngự-trị miền bắc, Indrapura.

Người Chàm là giống người hung-bạo, gan-dạ, và là những thủy-thủ cang cường. Sống ở những thung-lũng chật hẹp dọc theo duyên-hải, phía tây ngăn chận bởi núi cao, phía đông là bể cả, họ phải đi tìm những gì đất họ không có. Vì vậy họ thường mưu-đồ tiến ra phía bắc, tiến vào phía nam, xâm-chiếm những miền đồng bằng phì nhiêu của Việt-Nam và của Chân-lạp. Với những chiếc ghe nhẹ lướt trên biển cả, họ

cũng thường tấn-công các thương thuyền đi ngang qua hải-phận họ để cướp bóc.

Trong nước, họ sống về nghề nông, làm ruộng, làm vườn, nghề chài lưới, một ít thủ-công-nghệ, cùng khai thác những rừng núi bao la có nhiều dã thú như voi, tê, nhiều gỗ quí, gỗ thơm như trầm-hương, kỳ-nam, nổi tiếng hoàn-cầu thời ấy.

Đất thấp để làm ruộng không nhiều, nhưng người Chàm đã biết tận dụng bằng cách khai mương, đắp đập, dẫn thủy nhập điền. Ngày nay, ở miền Phan-rang, Phan-rí, Phan-thiết, còn nhiều dấu-tích của một hệ-thống dẫn thủy hoàn-bị của người Chàm, tỏ rằng họ rất am-tường về nghề nông.

Người Chàm cũng làm ruộng muối. Hiện nay ở rải-rác miền duyên-hải Trung-Việt, chúng ta có những ruộng muối như ở Sa-huỳnh, Đê-gi, Hòn khói, Ca-na, v.v... ở những nơi này hoặc gần đó, xưa kia người Chàm cũng đã khai-thác. Vì đất có mỏ vàng, mỏ bạc, nên người Chàm giỏi về nghề nấu, luyện, đúc các loại kim quí. Họ đúc những tượng nhỏ, làm những hộp, bình đựng trầu, vôi ăn trầu, bình đựng nước, cán gươm v.v. bằng kim-thuộc. Kỷ- thuật đãi vàng, nấu vàng, khảm vàng của họ đã tiến bộ lắm.

Người Chàm rất khéo léo về thủ công. Đàn-bà dệt vải, lụa. Trong những trang-phục của các vua Chàm còn lưu lại, người ta thấy họ đã tinh xảo trong nghề này. Họ biết xen lẫn vào chỉ lụa những sợi chỉ bằng vàng, và dệt được ở mỗi mặt tấm vải một hình vẻ khác nhau, thêu lên những kiểu trang

sức phức-tạp, rồi vàng, bạc, ngọc càng làm tăng thêm sự quí giá.

Kiến-trúc và điêu khắc của người Chàm chỉ nhắm mục-đích phụng sự tông-giáo, nhứt là đạo Bà-la-môn. Các tháp, đền xây cất, các pho tượng đá điêu-khắc chỉ để thờ thần Çiva, biến dạng của thần ấy và những thần thánh địa-phương. Tiền của, nhân-công, vật-liệu, tài-năng đều dùng vào việc ấy, còn nhà ở của người thì họ không chú-trọng lắm. Những tháp xây bằng gạch đồ-sộ còn đứng vững vàng, rải-rác trên miền duyên-hải Trung-Việt, di-tích đền Mỹ-sơn, những pho-tượng, những tác phẩm điêu-khắc trên đá để tại các viện bảo-tàng chứng-tỏ văn-minh, mỹ-thuật của dân-tộc Chàm đã đạt đến một trình-độ cao, và quốc-gia Chàm đã có thời cường thịnh.

Vì trong các cuộc tế lễ đều có âm-nhạc và ca vũ, nên về môn này, người Chàm đã rất tiến-bộ. Có lẽ biết ca-vũ Chàm có nhiều điểm đặc-sắc nên vua Lý Thái-tông, năm Giáp-thân (1044), sau khi hạ thành Phật-thệ, bắt cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây-thiên đem về Thăng-Long, năm Canh-tý (1060), ban bố các nhạc-khúc và điệu đánh trống của Chiêm-thành, khiến các nhạc công bắt chước hát theo. Trong nhiều tác-phẩm điêu-khắc trên đá còn lại, người ta thấy hình tượng các vũ công, những bàn tay dịu-dàng, những tấm thân uyển-chuyển, bên cạnh những trống, đàn, ống sáo... Về nhạc khí, người Chàm có đàn tranh, đàn cò 5 giây, ống sáo, tù-và, trống.

Thi phú của người Chàm, cũng như âm-nhạc, rất dồi-dào âm-điệu. Ban đầu, văn-chương, thi phú đều ghi chép bằng chữ

Phạn. Về sau, trong giới bình-dân, có một thứ chữ gọi là Khâr-Tapuk, cũng viết từ trái sang phải. Một số thi phú cổ ghi trên những thẻ lá buôn bằng thứ chữ này hiện còn được một số người Chàm cất giữ.

2. NHỮNG CUỘC TRANH GIÀNH ĐẤT ĐAI GIỮA CHIÊM VÀ VIỆT.

Thời Lê Đại-Hành.—

Trong 12 sứ-quân mà Đinh Tiên-Hoàng đã dẹp, có Ngô Nhật-Khánh 吳日慶, dòng dõi Ngô Quyền, chiếm cứ Đường-lâm (nay là Phú-thọ, Sơn-tây). Muốn vỗ về Nhật-Khánh, vua Đinh lấy mẹ Khánh làm hậu, cưới em gái Nhật Khánh cho con trai mình là Nam-việt vương Liễn, và gả con gái mình cho Nhật Khánh. Nhật Khánh bên ngoài thì nói cười như không mà trong bụng thì vẫn bất bình, bèn đem vợ chạy vào Chiêm-thành. Đi đến cửa biển Nam-giới, Nhật Khánh lấy gươm rạch vào má vợ mà kể tội rằng; «Cha mày lừa dối, ức hiếp mẹ con ta, ta đâu có vì mày mà quên đức-tính của cha mày được! Mày hãy về, ta đi tìm người nào có thể cứu ta ». Nhật Khánh xin vua Chiêm là Ty-mi-thuế (Parameçvaravarman) cứu viện. Đến năm Kỷ-mão (979) nghe tin vua Tiên-hoàng băng, Nhật Khánh đưa vua Chiêm và hơn 1000 chiếc thuyền thủy quân về để đánh kinh-đô Hoa-lư. Chẳng may binh thuyền vào cửa biển Đại-ác (1) và Tiểu-khang (2) thì gặp bão, thuyền đều chìm đắm,

(1) Nay là cửa Đại-an, thuộc địa-phận huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.
(2) Tức là cửa sông Càn, ở phía Nam cửa Đại-an.

Nhật Khánh và quân Chiêm chết đuối, chỉ thuyền vua Chiêm thoát nạn, trở về nước.

Vua Lê Đại-Hành (Lê Hoàn) lên ngôi rồi, sai sứ là Từ-Mục 徐穆, Ngô Tử Canh 吳子庚 sang giao-hiếu với Chiêm-thành, vua Chiêm giữ hai sứ giả lại. Vua Lê giận, sai đóng thuyền chiến, sửa binh-khí, rồi năm Thiên-phúc thứ 3 (982), tự làm tướng đi đánh, giết vua Chiêm là Ty-mi-thuế tại trận, bắt sống được binh-sĩ không biết bao nhiêu mà kể. Vua Lê tiến binh vào kinh-đô Chiêm ở Đồng-dương ; vua mới lên ngôi, có lẽ là Indravarman IV, phải bỏ chạy vào nam, quân nhà Lê phá thành-trì thành bình-địa, hủy tông miếu ; sau một năm, vua Lê trở về, đem về 100 cung nữ Chiêm, 1 thầy tăng người Thiên-trúc (Ấn độ) và vàng, bạc, bữu vật, kể số vạn. Đó là cuộc nam chinh đầu tiên của vua ta từ khi nước nhà độc-lập.

Năm Thiên-phúc thứ 4 (983), vua Lê sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống, có lẽ để báo việc đánh thắng Chiêm-thành. Theo Tống-sử thì đời vua Tống Thái-tông, mùa xuân năm Thái-bình hưng quốc thứ 7 (982), vua Lê cũng có sai sứ sang Tống, không biết để làm gì. Cũng theo Tống-sử thì năm Thái bình hưng quốc thứ 6 (981), Lê Hoàn tâu muốn đem 93 người Chiêm bắt được đến hiến ở kinh-sư, vua Thái-tông sai quan ở Quảng-châu chận lại, cấp cho lương ăn, áo mặc, khiến trở về Chiêm-quốc.Như vậy ở đây có sự lầm lẫn về năm, hoặc nhà chép sử Tống chép lầm năm, hoặc nhà chép sử Việt chép lầm năm. Nếu nhà chép sử Tống chép đúng thì vua Lê-Hoàn phải đánh Chiêm chậm nhất là năm tân-tị (981) mới bắt được người Chiêm đem

hiến. Nhưng năm ấy, tháng 3, quân Tống sang xâm-lăng, bị ta đánh thua, thế thì vua Lê phải đánh Chiêm trong mấy tháng sau đó của năm tân-tị. Hay là 93 người Chiêm ấy là người đã bắt được trong lần Nhật Khánh đem ra đánh Hoa-lư năm kỷ mão ?

Trong khi Indravarman IV tránh ở phương nam (có lẽ ở Phan-rang) thì một người Việt tên là Lưu Kế Tông 劉繼宗 vốn là một viên Quản-giáp (1) trong đạo quân vua Lê Đại-hành đi đánh Chiêm-thành, trốn ở lại, lên làm vua, cai-trị miền bắc nước Chiêm. Theo T.T. thì Lưu Kế Tông trốn ở lại, đến năm Thiên-phúc thứ 4 (983), vua Lê sai con nuôi (không biết tên) đi bắt được, đem chém. Nhưng theo Tống-sử, Kế Tông có làm vua nước Chiêm.

Năm Ung-hy thứ 2, đời vua Tống Thái-tông (985) Indravarman IV sai sứ sang dâng phương-vật và tố cáo Giao-châu xâm lăng. Nhưng vua Tống, vì mới bị Lê Đại-hành đánh bại, chưa muốn xen vào việc bên này, nên chỉ trả lời vua Chiêm rằng phải hòa mục với lân-bang.

Năm 986, Indravarman mất, Lưu Kế Tông công-khai lên ngôi vua Chiêm-thành, và năm ấy, Ung-hy năm thứ 3, sai sứ là Lý Triều Tiên sang cống vua Tống. Người Chiêm-thành không chịu được sự thống-trị của Lưu Kế Tông nên có người bỏ xứ chạy sang lánh nạn tận Hải-nam, Quảng-châu. Năm ấy, (986) nhà cầm quyền Đam-châu tâu về triều-đình rằng người Chiêm là bọn Bồ-la-át bị Giao-châu bức, đem người trong họ

---

(1) Đời Lê Đại-hành, ấy là Viên quan giữ việc binh ở châu. Đến đời Lý, trong quân-đội, cứ 15 binh là một giáp, có một quản-giáp cầm đầu.

hơn 100 người đến qui phụ, năm Ung-hy thứ 4 (987), có 150 người đến qui phụ ở huyện Thanh-viễn, Nam-hải, thuộc Quảng-châu. Đoan-cung năm đầu (988), nhà cầm quyền Quảng-châu lại tâu có 301 người Chiêm đến qui-phụ. Vua Lê Đại-hành, năm Thiên phúc thứ 7 (986), có sai Ngô Quốc Ân sang đáp lễ nhà Tống và nói về việc Bồ-la-át xin qui phụ, nhưng không biết nói thế nào.

Năm mậu-tí (988) người Chiêm tôn một vị lãnh-đạo lên ngôi vua ở Phật-thệ (Vijaya), sử ta gọi là Băng-vương La-duệ, hiệu là Cu-thi-lị Ha-thân bài-ma-la, tức là Ku Çri Harivarman II. Năm sau Lưu Kế Tông chết.

Harivarman II vừa lên ngôi, vua Lê Đại-hành thừa dịp nước Chiêm suy-yếu, sai quân sang đánh Địa-lý, nên cũng trong đời Tống Thái-tông, Thuần-hóa năm đầu (990), Harivarman II sai sứ sang cống tê, phương vật và dâng biểu tố-cáo Giao-châu xâm-lược, cướp bóc hết tài sản, bửu vật. Bấy giờ vua Lê Đại-hành vừa được vua Tống phong, và hai nước giao hảo, vua Tống gửi chiếu cho vua Lê bảo nước nào hãy giữ biên-cảnh nước ấy. Nguyên Lê Đại-hành, Hưng-thống năm đầu (989) có Quản giáp là Dương Tiến Lộc 楊進祿 được sai đi thu thuế ở hai châu Hoan và Ái, bèn đem người hai châu này qui phụ Chiêm-thành, nhưng vua Harivarman không nhận. Có lẽ vì việc ấy, và vì tờ chiếu của vua Tống, Lê Đại-hành (đã được vua Tống phong là «An-nam đô hộ Tĩnh-hải quân Tiết-độ sứ, Kinh triệu quận hầu», và được gia phong làm Kiểm-hiệu Thái-úy) không sang đánh phá Chiêm-thành nữa, và năm Hưng-thống thứ 4 (992) cho Chiêm-thành nhận lãnh hơn 360 người Chiêm đã bị

bắt ở châu Địa-lý năm trước đem về Ô-lý. Năm sau (993), vua Đại-hành được nhà Tống phong là Giao-chỉ Quận-vương. Vả nhà Tống và Chiêm-thành cũng đương giao-hảo mật-thiết. Năm Thuần-hóa thứ 3 (992), nhân có xứ Chiêm sang cống phương vật, vua Tống ban cho vua Chiêm hai con ngựa trắng và các món binh khí. Năm Chí-đạo nguyên niên (995) sứ Chiêm sang cống, dâng biểu tạ ơn đã cho khí giới, và xin cho những người Chiêm còn ở Quảng-châu được về, vua y cho. Sau đó, vua Chiêm thường sai sứ vào cống, và vua Tống cũng thường ban cho ngựa tốt và giáp trụ.

Vua Chiêm thành Harivarman II sai Chế Đông sang dâng phương vật, vua Lê Đại-hành trách là trái lễ, không nhận. Ứng thiên năm đầu (994), vua Chiêm phải sai cháu là Chế Cai 制 荄 vào chầu.

Từ năm Hưng-thống thứ 4 (992) vua Đại hành đã sai Phụ-quốc là Ngô Tử-An 吳 子 安 đem 3 vạn người đi mở đường bộ từ cửa biển Nam-giới (cửa Sót, ở huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay) đến châu Địa-lý (đất Chiêm, miền Quảng-bình ngày nay) Ấy là con đường bộ đầu tiên nước ta chánh-thức khai thông để vào đất Chiêm-thành.

Thời nhà Lý.—

Từ triều Lý, nền độc-lập đã vững-vàng, nên các triều-đại ta đều muốn bành-trướng về phía nam, và bắt buộc nước Chiêm-thành, chưa được khai hóa, yếu nhỏ hơn mình, phải giữ bổn-phận một phiên-thuộc chư-hầu như mình đối với

Trung-quốc vậy. Còn Chiêm-thành thì vì cái thâm thù đối-lập và nhục-nhã như vua bị giết, kinh-đô bị tàn-phá đã chịu đựng từ lâu đời, vì cái bản tính hiếu chiến, cái nhu cầu của một xứ nghèo nàn, đã phải tìm mọi cách để chống đối, để xâm-lăng, trong đó có sự thần phục và triều cống Trung-quốc để dựa thế, mà cách ấy, Đại-Việt muốn ngăn cản. Đó là những nguyên-do khiến hai nước Chiêm, Việt tranh chấp, chinh-chiến trong 10 thế-kỷ trên giải đất từ núi Hoành-sơn đến biên giới của nước Chân-lạp, để rồi Chiêm-thành, vì đất đai bị tước đoạt lần lần, không còn đủ sức làm một nước chư-hầu của triều Nguyễn nữa mà bị bôi tên trên bản đồ.

Sau cuộc thất bại nặng nề năm nhâm-ngọ, người Chiêm nhận thấy rằng kinh-đô Indrapura ở Đồng-dương gần đất Việt, rất dễ bị xâm-lăng, nên gần cuối thế-kỷ X đã thiên đô vào Trà-bàn. (Vijaya).

Sau khi vua Lý Thái-tổ lên ngôi, đến năm Thuận-thiên thứ 2 (1011) Nước Chiêm-thành sai sứ dâng sư-tử (1). Nhưng sau đó thì không thông sứ nữa. Đến năm Thuận-thiên thứ II (1020) vua sai Khai-thiên vương Thái-tử Phật-Mã và Đào Thạc Phụ đem quân đánh Chiêm-thành ở trại Bố-chính (2) ; đến núi Long tị (3), chém được tướng Chiêm là Bố-linh.

Bấy giờ ở Chiêm-thành, cuối đời vua Vikrantavarman IV, nội tình hỗn loạn, nhiều cuộc tranh-giành, xâu xé trong hoàng-

---

(1) Các nhà chú giải đều nói có lẽ là cá sấu.

(2) Bắc bộ tỉnh Quảng-bình ngày nay.

(3) Núi ở xã Thuần-chất huyện Bình-chánh (nay là huyện Quảng-trạch) tỉnh Quảng-bình (Cương-mục chú).

gia xảy ra, nên có nhiều nhân-vật chạy sang triều-đình nhà Lý lánh nạn. Đời Thái-tông, Càn-phù-hữu-đạo năm đầu (1039), con vua Chiêm là Địch-bà-lạt cùng Lạc-thuấn. Sạ-đâu, La-kế, A-thát lạt 5 người sang xin qui phụ. Năm sau, (1040), người coi trạm Bố-chính của Chiêm là Bố-linh, Bố-kha, Lan-đà-tinh đem bộ thuộc hơn 100 người xin qui phụ.

Năm Minh-đạo thứ 2 (1043), Chiêm-thành sang cướp bóc ở ven biển, vua Thái-tông sai Đào Xử Trung 陶處中 đi đánh dẹp. Vua hỏi các quan :«Tiên-đế mất đã 16 năm, mà Chiêm-thành chưa từng sai một sứ thần nào sang, ấy là cớ gì ? Vì uy-đức của trẫm không đến họ chăng ? Hay là họ cậy có núi sông hiểm trở ?» Các quan tâu: «Chúng tôi cho là đức của bệ-hạ tuy có đến, nhưng uy thì chưa rộng. Sao thế ? Vì từ khi bệ-hạ lên ngôi đến giờ, nó trái mạng không đến chầu, bệ-hạ chỉ bố đức, ban ơn để vỗ-về, chưa từng dùng võ ra oai, ấy không phải là cách làm cho người xa sợ oai. Chúng tôi sợ rằng các chư hầu khác họ trong nước đều làm như Chiêm-thành cả, chứ chẳng phải một mình Chiêm mà thôi.» Vua bèn quyết ý sang năm sẽ đánh Chiêm-thành, tháng 9 xuống chiếu sai đóng hơn vài trăm chiến-hạm, đặt hiệu là Long, Phụng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh-vũ. Tháng 10, cái thuẫn của vua để ở điện Trường-xuân tự nhiên động (1). Vua bảo các quan bàn. Các quan tâu: «Thuẫn là binh khí. Chúng tôi nghe nói sắp có gió thì chim loan lượn trước, sắp có mưa thì đá tảng (2) ướt trước. Nay bệ-hạ muốn đem binh đi đánh dẹp kẻ không đến chầu mà binh-khí tự-động, đó là cái điềm thần và người hiểu ngầm nhau, loài vật ứng nhau. Kinh Thư nói : «Mình động thì mọi vật ứng theo mà đón

(1) Đời Lý rất hay tin dị đoan.

(2) Viên đá đặt dưới chân cột.

trước chí mình». Nay vật ấy đã động trước để ứng với chí mình, còn ngờ gì nữa».

Tháng 12, xuống chiếu cho quân-sĩ sửa soạn giáp binh để tháng 2 năm sau đi đánh Chiêm-thành.

Năm Minh-đạo thứ 13 (1044), tháng Giêng, ngày qui-mão vua thân đi đánh Chiêm-thành. Ngày ấy, quan Hữu-tư dùng lễ thiếu lao (1) để cúng sơn-thần, lấy được cái mật to bằng quả bưởi đem dâng vua. Vua nói đùa rằng: «Chữ «đảm» (mật) và chữ «đam» (vui) âm gần giống nhau, con thiếu lao mà mật to, ấy là điềm bảo rằng chỉ khó nhọc một chút mà được vui lớn». Ngày Giáp-thìn, xuất quân từ kinh-sư, ngày ất-tị, đến cửa biển Đại-ác (2), bấy giờ sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ-dàng, nên vua sai đổi tên Đại-ác làm Đại-an. Đến núi Ma-cô (3) có đám mây sắc tía bao mặt trời, qua vịnh Hà-não (?) có đám mây che thuyền ngự, thuyền đi thì đám mây đi, thuyền dừng thì bám mây dừng. Ngày hôm ấy, đến cửa biển Trụ-nha (?). Ngày hôm sau đi, vì gió thuận, qua hai bãi Đại, Tiểu trường-sa (4) trong một ngày. Đến cửa biển Tư-dung (5), có con cá trắng nhảy vào thuyền. Được tin Chiêm-thành đã dàn trận ở phía nam sông Ngũ-bồ, vua khiến quân bỏ thuyền lên bộ, đến

---

(1) Nghĩa là con bò nhỏ; nhưng người-ta thường dùng con dê để thay thế.

(2) Thuộc tỉnh Nam-định, huyện Đại-an.

(3) Tức núi Lệ-đệ, ở ngoài biển, thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh (chú của Cương mục).

(4) Theo V.B.T.L. thì bãi cát từ cửa Nhật-lệ chạy đến cửa Minh-linh (Cửa Tùng) là Đại-trường-sa, bãi cát từ cửa Việt đến cửa Tư-dung là Tiểu-trường-sa.

(5) Tư-dung, thời Mạc, vì húy, đổi là Tư-khách, đến đời Nguyễn đổi làm Tư-hiền, cửa biển ở phía nam tỉnh Thừa-thiên.

bờ sông phía bắc, rồi dựng cờ nổi trống, sang tắt ngang sông để đánh. Chưa giao chiến, quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi theo, chém được 3 vạn quân địch. Tướng Chiêm là Quách Gia-di chém đầu vua Chiêm là Sạ-đầu (Jaya Simhavarman II) tại trận đem dâng. Bắt được hơn 30 thớt voi, bắt sống hơn 5000 người, còn thì giết chết, xác chất đầy đồng. Vua thấy thế cảm động, hạ lệnh rằng kẻ nào giết bậy người Chiêm sẽ bị giết, không tha.

Tháng 7, vua tiến quân vào thành Phật-thệ, bắt hậu, phi của Sạ-đầu và các cung-nữ giỏi hát múa điệu Tây-thiên, lại sai sứ đi khắp các hương, ấp, phủ dụ nhân-dân. Tháng 8, ban sư. Tháng 9, về đến phủ Trường-yên, đến hành điện Ly-nhân 莅仁, sai thị-nữ đòi My-Ê 媚醯 sang hầu ở thuyền ngự, My-Ê tức giận, lấy chăn quấn mình, nhảy xuống sông chết, vua khen là trinh-tiết, phong là Hiệp-chính hựu-thiện phu-nhân.

Về đến kinh-sư, vua làm lễ cáo tiệp ở miếu Thái-tổ, ngự điện Thiên-an, đặt rượu mừng. Quần thần làm lễ hiến-phù, dâng hơn 5000 chiến tù và các thứ vàng bạc, châu báu đã bắt được của Chiêm. Vua xuống chiếu cho các chiến-tù Chiêm, theo từng bộ thuộc, đến ở từ trấn Vĩnh-Khương 永康 (1) thẳng đến Đăng-châu 登州 (2) lập ra làng, ấp, theo danh hiệu cũ Chiêm-thành mà đặt tên. Vua thưởng cho những người đi đánh Chiêm-thành có công và xá cho toàn quốc một nửa thuế năm ấy.

(1) Huyện Vĩnh-định, phủ Tương-dương 襄陽 tỉnh Nghệ-an (chú của C.M.)

(2) Ở Hưng-hóa, đời Trần gọi là Thiên-hưng 天興 đời Minh-thuộc gọi là châu Qui-hóa 歸化 đời Lê đổi làm phủ, nay là phủ Qui-hóa.

Với Sạ-đầu, (Jaya Simhavarman II) cáo chung vương-triều VII là triều vua đã lên ngôi ở Vijaya sau cuộc soán đoạt của Lưu kế Tông. Một vị tướng của các triều vua trước, thuộc dòng quí-tộc, lên ngôi vua năm 1044, lấy hiệu là Jaya Parameçvaravarman I, lập ra vương-triều thứ VIII. Jaya Parameçvaravarman I tiếp tục sai sứ sang cống Trung-quốc, và năm Sùng-hưng đại-bảo thứ 2 (1050) sai sứ sang cống vua Lý Thái-tông một con voi trắng; năm vua Lý Thánh-tông lên ngôi cũng sai sứ sang mừng.

Cuối năm 1061, Rudravarman III, sử ta gọi là Chế-Củ 制矩 sử Tàu gọi là Dương-bộc-thi-lợi luật đà-bàn-ma-đề-bà lên ngôi vua Chiêm-thành. Chế-Củ, đời vua Lý Thánh-tông, năm Chương thánh Gia-khánh thứ 7 (1065) sai sứ sang cống một con tê trắng, và Thiên-huống bửu-tượng năm đầu (1068) cống một con voi trắng. Nhưng đồng thời, Chế Củ cũng quyết chí báo thù Đại-Việt, từ khi lên ngôi, đã tổ-chức vũ-bị, luyện tập quân lính để chờ cơ-hội. Còn vua Lý Thánh-Tông là vị vua có ý muốn mở mang bờ cõi để thành một nước lớn, xem như khi mới lên ngôi (1054) liền đặt quốc-hiệu là Đại-Việt, bắt đầu chế triều-phục, định quân-hiệu, và năm Chương-thành gia-khánh nguyên niên (1059) đánh Khâm-châu của nhà Tống, diệu võ dương oai, rồi về. Đối với nước Trung-quốc còn thế, thì đối với Chiêm thành, chắc vua không khỏi thèm muốn đất đai.

Đời Tống Thần-tông, Hy-ninh năm đầu (1068) Dương-bộc-thi-lợi-luật-đà-bàn-ma-đề-bà sai sứ sang cống phương vật, và xin mua ngựa và lừa. Vua Tống ban cho một con ngựa trắng, và khiến Quảng-châu bán lừa cho. Chiêm-thành sửa-soạn chiến-tranh vậy. Năm ấy, sau khi đã dâng voi trắng cho vua Lý,

Chiêm lại sang quấy nhiễu biên-giới. Vua Thánh-tông quyết ý thân chinh. Năm kỷ-dậu, Thiên-huống-bửu-tượng năm thứ 2 (1069), tháng 2, ngày mậu-tuất vua xuống chiếu thân chinh, chọn Lý-Thường-Kiệt làm nguyên-súy, đi tiên phong, đem 5 vạn quân. Ngày canh-dần, xuống chiếu xuất quân, đi đường thủy. Đến cửa Nhật-lệ (cửa Động-hải) thuyền quân bị thủy-quân Chiêm chận đánh. Vua sai tướng Đại-liêu-ban Hoàng Kiện 黃 健 đối địch, quân Chiêm thua. Đại quân tiếp tục tiến lên, ghé nghỉ ở cửa Tư-dung, rồi theo bờ biển vào nam, ngày bính-tí đầu tháng 3 đến cửa Thị-nại (1). Trong lúc đi đường, có khi có rồng hiện ở thuyền vua, và lúc thuyền ngự gần tới Thị-nại, có hai con chim cùng bay theo, hình như muốn dẫn đường. Theo quan-niệm người thời bấy giờ, ấy là những điềm tốt. Quân Lý đổ bộ, tiến lên đóng ở bờ sông Tu-mao, tướng Chiêm là Bố-bì-đa-la đã dàn trận trên bờ sông. Quân Lý tấn công, giết Bố-bì-đa-la, quân Chiêm chết nhiều không xiết kể.

Được tin quân mình thua, Chế Củ đang đêm bỏ thành đem vợ con chạy trốn về phía nam. Vua Thánh-tôn vào thành Trà-bàn, sai Lý Thường Kiệt đuổi theo Chế Củ, sau một tháng, bắt được ở biên-giới Chân-lạp (ở Phan-thiết, Phan-rang), cầm tù 5 vạn quân Chiêm.

Tháng 5, sau khi bắt được Chế Củ, vua Lý đãi yến quần thần tại điện vua Chiêm, vua thân hành múa khiên và đánh cầu để tỏ niềm vui. Sai kiểm số nhà trong và ngoài thành, có hơn 2560 khu, ra lệnh đốt hết. Tháng ấy, (tháng 5), xuống chiếu ban sư, giải Chế Củ và bộ thuộc theo.

---

(1) Xem Việt-sử-lược và Lý Thường Kiệt của ông Hoàng Xuân Hãn chép lại lộ trình cuộc hành binh này đầy đủ chi-tiết. Ở đây, chúng tôi chỉ nói sơ lược.

Tháng 6, ngày tân-dậu, vua về đến Thăng-long. Tháng 7, làm lễ cáo tiệp ở Thái-Miếu. Chế Củ xin dâng ba châu Bố-chính, Địa-lý, Ma-linh và được tha về.

Về cuộc hành binh lớn lao này, chánh sử ta chép rất sơ lược, và có chỗ khác với V.S.L.T.T chép : «Tháng 2, vua thân chinh Chiêm-thành, bắt được vua nước ấy là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người. Trận này vua đánh Chiêm mãi không thắng, đem quân trở về, đến châu Cư-liên (?) nghe tin nguyên phi (Ỷ-Lan) coi việc nội trị, khiến lòng dân hòa hiệp, trong nước yên tĩnh, tôn sùng Phật-giáo, nhân dân gọi là «nàng Quan Âm », vua nói : « Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là đàn ông há không được việc gì sao ?» Rồi vua quay trở lại đánh, bèn thắng.»

Cuối năm ấy, vua Thánh-tông sai sứ sang báo nhà Tống biết sự thắng trận này. Lời biểu có câu : «Nước Chiêm-thành đã lâu không tới cống, tôi tự đem quân đi đánh, đã bắt được chúa nó về...» Nói như thế là có ý chánh-thức cho nhà Tống biết Chiêm-thành là thuộc-quốc của mình.

Ba châu Bố-chính 布政, Địa-lý 地哩, Ma-linh 麻令 là đất tỉnh Quảng-bình và phần bắc tỉnh Quảng-trị ngày nay.

Châu Bố-chính là miền ở phía nam, phía bắc sông Gianh; thời thuộc Minh đổi là Trấn-bình ; đời Lê chia làm hai châu là Nội Bố-chính, Ngoại Bố-chính, nay là đất huyện Bố-trạch, huyện Quảng-trạch, huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình.

Châu Địa-lý là miền giữa và nam tỉnh Quảng-bình ngày nay ; sau đó đổi là Lâm-bình, đời Trần Duệ-tông đổi là Tân-

bình, khi thuộc Minh vẫn để tên ấy ; Lê-trung-hưng đổi là Tiên bình. Nay là đất phủ Quảng-ninh, huyện Lệ-thủy tỉnh Quảng-bình.

Châu Ma-linh là miền bắc tỉnh Quảng-trị ngày nay, sau đó đổi là Minh-linh, thời thuộc Minh đổi là Nam-linh, nhà Lê đặt làm huyện và đổi là Minh-linh, nay là đất hai huyện Vĩnh-linh và Do-linh tỉnh Quảng-trị.

Chế Củ trở về, nước Chiêm loạn lạc cực độ. Không biết ông còn nắm quyền được nữa không, hay bị truất phế ngay. Một hoàng thân tên là Thân, (còn gọi là Mâdhavamûrti, hoặc Devatâmurti) xưng vương năm 1074, lấy hiệu là Harivarman IV (1074-1081) lập ra vương triều thứ IX (1074-1139).

Cũng năm ấy, Tống Hy-ninh năm thứ 7 (1074), vua Lý Nhân tông báo cho vua Tông Thần-tông biết rằng vua Chiêm đem vợ con và 3000 binh đến xin qui phụ. Vậy Chế Củ bị đuổi chăng?

Để chống lại hành-động đầu hàng nhà Lý của Chế Củ, lên ngôi rồi, năm Lý Thái-ninh thứ 3 (1074). Harivarman IV sai quân đánh phá biên-giới Đại-Việt. Đồng thời, năm ấy, sai em là Pâng đem quân đánh Chân-lạp, lên sông Khung-giang (Mékong) tiến vào Cambhupura (Sambor), đốt phá các đền, điện, bắt nhiều tù binh và của cải đem về.

Năm Thái-ninh thứ 4 (1075) vua Lý sai Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh Chiêm-thành, bị Harivarman đánh thua, Thường Kiệt chỉ họa đồ hình thể núi sông ba châu Bố-chính, Địa-lý, Ma-linh rồi trở về. Vua Lý đổi châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, 林平 châu Ma-linh làm châu Minh-linh 明令

xuống chiếu chiêu mộ nhân-dân đến ở và tổ-chức lại việc cai-trị.

Chiếu chiêu mộ di dân này là một văn-kiện quan-trọng trong lịch-sử nước ta ; ấy là bước đầu của cuộc nam tiến mà dân tộc theo đuổi trong 6, 7 thế-kỷ sau này nữa.

Đáp ứng chiếu ấy, nhiều người đã từ bắc, đa số chắc là từ miền Nghệ-an ở gần đấy, bắt đầu đến đất này khai khẩn, làm ăn. Trong số người di dân ấy, những người cùng một họ (tộc) thường tụ-tập một nơi, rồi lập thành một làng (xã). Người ta thấy có những làng mà tiếng nôm gọi là « nhà Phan » và tên chữ là xã Phan-xá, nôm gọi «nhà Vàng» và tên chữ là xã Hoàng-xá, nôm gọi «nhà Ngô» mà tên chữ là xã Ngô-xá, và xã Vũ-xá tức là làng người họ Vũ v.v... Các làng ấy đã được thành-lập ở châu Lâm-bình, châu Minh-linh, tức là miền nam tỉnh Quảng-bình và miền bắc tỉnh Quảng-trị ngày nay (1), còn ở châu Bố-chính, tức miền bắc tỉnh Quảng-bình thì không có những làng lấy tên họ mà đặt như thế. Theo R.P. Cadière là học giả đã dày công tìm tòi về địa-lý, lịch-sử trong tỉnh Quảng-bình thì đáp ứng tờ chiếu di dân lập ấp của vua Lý Nhân-tông, nhiều người đã di-cư vào nam lập nghiệp, nhưng họ không dừng ở châu Bố-chính mà đi thẳng vào Lâm-bình là nơi đất thấp và phì-nhiêu hơn, vì vậy Lâm-bình (nay là huyện Lệ-thủy và phủ Quảng-ninh) được khai-khẩn sớm hơn Bố-chính, châu này đến đời Lê Thánh-tông mới chiêu

(1) *Các xã ấy còn thấy trong bảng kê tên các xã của phủ Tân-bình, phủ Triệu-phong trong sách* Ô-châu cận lục.

dàn đến ở (1). Trong cuộc chiến-tranh Lý, Tống năm 1075-1076, nhà Tống có khiến Chiêm-Thành và Chân-lạp hợp lực đánh biên-giới phía nam của Đại-Việt, nhưng không thấy Harivarman IV hành động gì.

Đuổi quân Đại-Việt, thắng Chân-lạp rồi, Harivarman IV sửa sang lại những đổ nát do chiến tranh gây ra, dựng lại kinh-đô Indrapura (ở Quảng Nam) đã bị bỏ từ lâu mà là thánh địa, xây nhiều đền tại Mỹ-sơn.

Sau khi bị nhà Lý lấy ba châu ở phía bắc, người Chiêm thâm thù người Việt. Thế mà hai nước đều là chư hầu của nhà Tống, thỉnh thoảng sứ-thần phải xáp mặt nhau ở triều đình Trung-quốc, Tống-sử chép rằng sứ Chiêm, sứ Việt vào cống, gặp nhau, sứ Chiêm xin tránh sứ Việt, vua xuống chiếu ngày mồng một, ngày rằm thì chầu vua ở điện Văn-đức, sứ hai nước, người đứng phía đông, người đứng phía tây ; đến ngày rằm, sứ Việt vào chầu ở điện Thùy-củng, sứ Chiêm lại đến điện Tử thìn ; đến khi đãi yến thì người ngồi phương đông, người ngồi phương tây. Đời vua Tống Triết-tông, năm Nguyên-hựu thứ 7 (1092), vua Chiêm dâng biểu nói nếu thiên-triều đánh Giao-chỉ thì Chiêm-thành xin tình nguyện đem binh đánh úp, Tống-triều trả lời rằng Giao-chỉ vào cống, không bỏ lễ bề tôi, nên không thể đem binh đánh được.

Đời vua Lý Nhân-tông, năm Long-phù thứ 3 (1103), ở Diễn-châu có người tên là Lý Giác 李覺 nói học được phép lạ, có thể biến cây cỏ thành người, bèn chiêu tập bọn vô lại, chiếm cứ châu ấy, đắp thành, làm loạn. Vua Nhân-tông sai Lý

(1) *Géographie historique du Quảng-bình d'après les annales impériales của R.P. Cadière trong B.E.F.E.O. năm 1903.*

Thường Kiệt đi đánh, Giác thua, trốn sang Chiêm-thành. Năm sau (1104), vua Chiêm là Chế-Ma-na (tức Jaya Indravarman II, con Harivarman IV) nghe lời Lý Giác bày tỏ hư-thực của nước ta, đem quân sang lấy lại ba châu Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính. Sau mấy tháng, vua Nhân-tông lại sai Lý Thường Kiệt vào đánh, Chế-Ma-na thua, phải trả lại ba châu. Từ đó Chế-Ma-na sai sứ vào cống : năm Hội-tường-đại-khánh nguyên-niên (1110) dâng voi trắng; năm thứ 3 (1112) lại dâng voi trắng.

Kế vị Jaya Indravarman II (Chế-Ma-na) là Jaya Indravarman III, người lập ra vương triều thứ X (1139-1145) cũng tiếp tục cống Đại-Việt. Năm Hội-tường-đại-khánh thứ 8 (1117)) sai sứ dâng 3 đóa hoa bằng vàng. Năm sau (1118) lại sai sứ sang cống; nhân mở hội Thiên-phật để khánh thành chùa Thắng-nghiêm thánh-thọ, vua cho sứ Chiêm đến xem. Năm Thiên-phú-duệ-vũ thứ 7 (1126) vua Chiêm lại sai sứ sang cống.

Năm 1113, vua Chân-lạp là Dharanindravarman I bị một người cháu giết mà chiếm ngôi, lấy hiệu là Suryavarman II (1113-1150). Vua này rất hiếu chiến, lại quyết ý báo thù Chiêm-thành. Ban đầu Suryavarman cũng sai sứ sang cống vua Lý : đời vua Nhân-tông, năm Hội-tường-đại-khánh thứ 9 (1118) sai sứ sang chầu, nhân vua đặt yến tiệc mùa xuân và mở hội khánh thành bửu tháp, vua sai bày nghi trượng ở điện Linh-quang, dẫn sứ-giả đến xem ; Thiên-phú-duệ-vũ năm đầu (1120), năm thứ 4 (1123) đều sai sứ sang cống, có lẽ để dò hư-thực nước ta và mong nhà Lý đừng giúp Chiêm-thành khi bị Chân-lạp đánh.

Quả vậy, Surya-varman bắt đầu sai đánh phá Chiêm-thành. Trong khoảng thời-gian này, nhiều đoàn người Chiêm-thành và Chân-lạp chạy sang nhà Lý xin lánh nạn.

Đời vua Lý Thần-tông, Thiên-thuận năm đầu (1128) Surya Varman II sai 20.000 quân vào đánh cướp ở bến Ba-đầu châu Nghệ-an. Vua sai Nhập-nội Thái-phó Lý Công Bình 李公平 đi đánh, Công Bình đánh bại quân Chân-lạp, bắt được chủ tướng và quân lính. Mấy tháng sau, Chân-lạp lại đem hơn 700 chiến thuyền vào cướp Đỗ-gia (1) thuộc châu Nghệ-an, vua sai viên quan coi phủ Thanh-hóa là Nguyễn Hà Viêm 河炎 và viên quan coi châu Nghệ-an là Dương Ồ đánh phá được.

Nhưng Surya Varman quyết ý đánh thắng Đại-Việt, nên bắt buộc vua Chiêm là Jaya Indravarman III phải đem quân hợp-tác với mình. Thiên-thuận năm thứ 5 (1132), quân Chân-lạp và Chiêm-thành đến đánh, cướp châu Nghệ-an, vua sai Thái-úy Dương Anh Nhĩ 楊英珥 đem người phủ Thanh-hóa và châu Nghệ-an đánh phá được. Chiêm-thành phải hợp-tác với Chân-lạp chắc là bị bắt buộc, vì Chân-lạp đương là kẻ thù gần, còn Đại-Việt, nếu là kẻ thù, cũng là thù xa, vả Chiêm Việt hiện đương giao hảo : năm Thiên-thuận thứ 3 (1130) vua Chiêm sai sứ sang cống, vua Thần-tông cho sứ giả vào xem vua đánh cầu ở Long-trì. Sau cuộc thất bại ở Nghệ-an, Jaya Indravarman III không muốn tiếp tục sự liên-minh nguy-hiểm ấy nữa, nên năm Thiên-chương bảo-tự 3 (1135), sai sứ sang cống vua Lý, và năm thứ 5 (1137), Chân-lạp đánh châu Nghệ-an, không có

(1) *Sau là huyện Đỗ-gia, tức huyện Hương-sơn tỉnh Hà-tĩnh ngày nay.*

quân Chiêm-thành dự ; lần này cũng bị Lý Công Bình đánh bại.

Thất bại trận này nữa, Surya Varman II dồn hết ý-chí chiếm lược lên Chiêm-thành. Năm 1145, cất quân đánh nước này, chiếm kinh-đô Vijaya, làm chủ toàn quốc, Jaya Indravarman III mất tích trong trận, không biết là bị giết hay bị bắt. Vương triều thứ X, với một mình Jaya Indravarman III cáo chung. Ngôi vua truyền cho Rudravarman IV, người lập ra vương triều XI. Vua này phải trốn vào Panduranga. Vua mất, người Panduranga mời con vua là Çivânandana lên ngôi năm 1147, lấy hiệu là Jaya Harivarman I, sử ta gọi là Chế Bì-la-bút 制皮囉筆. Thắng được người Chiêm, Suryavarman đã đặt em vợ mình là Harideva lên ngôi vua Chiêm, buộc dân Chiêm miền bắc phải thừa nhận. Jaya Harivarman I đem quân ra Vijaya, Harideva chống cự, Jaya Harivarman đánh tan quân địch, vào Vijaya, lên ngôi năm 1149.

Đánh đuổi người Chân-lạp ra khỏi nước rồi, Jaya Harivarman phải dẹp loạn trong nội bộ. Người Kiratas, tức người Mọi ở miền núi đã tràn xuống xâm chiếm đồng bằng. Jaya Harivarman phải đánh đuổi chúng. Biết mình yếu, muốn có một lãnh tụ để điều-khiển, người Mọi tôn người anh vợ của Jaya Harivarman là Vançarâja lên ngôi vua, sử ta gọi là Ung-minh-ta-điệp 雍明些疊. Năm 1151, Jaya Harivarman đem quân đánh bại Vançarâja, bắt hết các đạo quân Mọi. Đời vua Anh-tông, Đại định năm thứ 13 (1152), Ung-minh-ta-điệp đến cửa khuyết xin vua cho mình làm vua Chiêm-thành. Vua Anh-tông xuống chiếu sai Thượng-chế Lý Mông 李蒙 đem 5000 người ở phủ Thanh-hóa

và châu Nghệ-an sang Chiêm-thành lập Ung-minh-ta-điệp lên ngôi. Lý Mông đến đất Chiêm-thành, Chế Bi-la-bút đem quân chống cự. Mông và Ung-minh-ta-điệp đều bị giết chết. Sợ Đại-Việt sang đánh vì tội giết Lý Mông, mấy tháng sau, Chế Bi-la-bút đưa con gái dâng vua Anh-tông, vua nhận.

Thừa thắng, Chế Bi-la-bút đem quân đuổi theo người Mọi trên miền thượng-du, chiếm miền bắc Darlac ngày nay và miền cao-nguyên từ Bình-thuận ra Phú-yên của các bộ-lạc Jarai, Rongao, Roglai Blao, và khuất phục các người thượng này. Những di-tích Chàm hiện còn rải-rác từ các vùng này ra đến gần Pleiku, Kontum, chứng tỏ người Chàm đã làm chủ ở đấy trong một thời-gian lâu. Sự-kiện này cho ta hiểu vì sao sau này, năm 1283, quân Nguyên sang xâm chiếm, vua Chiêm là Indravarman V lên tránh ở núi, thỉnh thoảng sai quân về đánh quận Toa-Đô, rốt cuộc, Toa-Đô không thắng được và phải rút đi.

Sau vụ Ung-minh-ta-điệp, Chiêm-thành vẫn vào cống, giữ hòa-hảo với Đại-Việt, nhưng thỉnh thoảng lại sang cướp bóc ven biển. Năm Chánh-long-bảo-ứng thứ 4 (1166), sứ Chiêm thành đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (1) vượt biển, cướp bóc nhân-dân ven biển rồi trở về. Năm sau (1167), vua sai Thái-úy Tô Hiến Thành đi đánh. Ông đưa thư vua Chiêm quở trách việc không giữ lễ phiên-thần, và bày tỏ sự lợi hại để chiêu dụ. Mấy tháng sau, Chiêm-thành sai sứ sang kinh-đô dâng châu báu và phương vật để xin hòa, Hiến Thành rút quân về. Từ đó, Chiêm-thành thường vào cống hiến.

---

(1) *Có ma thuật.*

Vua Chiêm nói đây có lẽ là Jaya Indravarman IV, vị vua lên ngôi vào khoảng 1166, 1167.

Giao-hảo với Đại-Việt rồi, năm 1170, Jaya Indravarman IV quay sang đánh Chân-lạp, đem quân đi đường bộ, cuộc-chiến bất phân thắng bại, đến năm 1177, đổi chiến lược, cho thủy-quân lên sông Khung, lên đến Biển-Hồ, rồi đánh úp kinh-thành Angkor, giết vua Chân-lạp, cướp bóc rất nhiều và chiếm cứ vương-quốc này. Một vị hoàng-thân, âm thầm tổ-chức và luyện-tập quân-đội, rồi năm 1181, nổi lên đánh đuổi quân chiếm đóng, lấy lại Angkor, và lên ngôi vua, hiệu là Jaya-Varman VII.

Vua Chiêm không chịu thua, và mười năm sau đã báo thù. Năm 1190, Chiêm trở lại khiêu-khích Chân-lạp. Lập tức, Jaya-varman VII tấn công Chiêm-thành, sai một người Chàm mà mình đã nuôi dưỡng từ bé ở triều-đình Angkor là Vidyânandana làm tướng, đem quân lấy kinh-đô Vijaya, bắt vua Chiêm là Jaya Indravarman IV đưa về Chân-lạp. Jaya-varman VII đặt em rể mình là In lên ngôi vua Chiêm, lấy hiệu là Suryâvarmadeva, đồng thời lập một vương-quốc ở miền Nam, tại Panduranga, giao cho Vidyânanda làm vua, cũng lấy hiệu là Suryavarmandeva. Do đó, Chiêm-thành chia làm hai nước, do hai vua cai-trị, vương-quốc Vijaya do một người Chân-lạp cai-trị, vương-quốc Panduranga do một người Chiêm, chư-hầu Chân-lạp, cầm đầu. Nhưng chẳng bao lâu, một cuộc nội loạn ở Vijaya đã đuổi In, người em rể của vua Chân-lạp về nước, và đặt lên ngôi một hoàng thân Chiêm tên là Rashupati, lấy hiệu là Indravarman V. Năm 1192, Vidyânandana, vua cai-trị ở Panduranga,

sử ta gọi là Bố-trì 布池, chiếm Vijaya, giết Rashupati, giải thoát sự thống-trị của Chân-lạp, thống nhất đất nước. Jaya Indravarman IV ở Chân-lạp thoát về Chiêm, dấy binh chống lại, sắp lấy được Vijàya, nhưng bị Vidyânandana đánh thua và giết. Vua Chân-lạp giận sự phản trắc của Vidyânandana, sai quân sang đánh, nhưng bị thua. Để củng-cố địa-vị mình, đời Lý Cao-tông, năm Thiên-tư-gia-thụy thứ 13 (1198), Vidyânandana, tức Bố-trì, sai sứ sang cống và xin sách phong. Năm sau (1199), vua Cao-tông, sai sứ sang phong vương cho Bố-trì.

Năm 1203, một người chú của Vidyânandana, tên là Yuvarâja Ôn Dhanapâtigrâma, sử ta gọi là Bố-điền 布田 (có sách chép là Bố-do 布由, vì tự dạng gần giống nhau), nhờ vua Chân-lạp giúp sức, đem binh đánh đuổi Vidyânandana Suryavarmadeva (tức Bố-trì) mà giành ngôi vua, Vidyânandana chạy sang Đại Việt. Sử ta chép rằng đời Lý Cao-tông, năm Thiên-gia-bảo-hựu thứ 2 (1203) Điện-tiền Chỉ-huy-sứ coi châu Nghệ-an là Đỗ Thanh 杜清 và Châu-mục là Phạm Diên 范延 dâng thư về triều nói chúa Chiêm-thành là Bố-trì bị chú là Bố-điền đuổi, đem hơn 200 chiến thuyền và gia-quyến đến ở cửa biển Kỳ-la cầu cứu ta. Vua sai Phụ-quốc Thái-phó Đàm Dĩ Mông 覃以蒙, Khu-mật-sứ Đỗ An 杜安 đi xét tình việc ấy. Gần đến Kỳ-la, Đỗ An nói: «Bố-trì có hơn 200 chiếc thuyền, cái dã-tâm của con lang không thể tin được. Tục ngữ có câu: Một lỗ kiến có thể làm vỡ đê, một tấc khói có thể làm cháy nhà. Nay quân của Bố-trì há chỉ là tổ kiến, tấc khói hay sao? Xin ông hãy suy-nghĩ kỹ.» Dĩ Mông đem lời nói ấy nói lại với Đỗ Thanh và Phạm Diên, bảo phải phòng bị. Thanh, Diên nói rằng: «Kẻ kia vì gặp nạn mà đến cầu cứu ta,

ta nên có lòng thành mà thương xót, chứ nay lại tỏ ý nghi-ngờ chẳng là không nên sao?» Dĩ Mông giận, đem quân về, Thanh, Diên nói với nhau rằng: «Lũ ta đã trái ý quan Phụ-quốc, tất có hậu hoạn, chi bằng hãy đi đánh Bố-trì để làm kế tự toàn». Mưu ấy tiết lộ, Bố-trì sợ hãi, bảo quân lính rằng: «Chúng-ta gặp nạn nên phải cầu cứu đại quốc, họ đã không tình nghĩa thương xót láng giềng lại toan bắt tù ta, thật đau đớn biết chừng nào!» Bố-trì bèn rình lúc sơ hở để dụ Thanh, Diên. Thanh, Diên sai người Nghệ-an buộc thuyền vào thuyền Chiêm để coi giữ. Ban đêm; người Chiêm đem những bó đuốc tre có để gậy nhọn dấu dưới thuyền. Một đêm, quân canh mỏi mệt, ngủ, không phòng bị, người Chiêm nhân đó đốt đuốc ném vào thuyền ta, quân canh thức dậy, hoảng hốt, không biết làm thế nào, đều nhảy xuống nước, bị người Chiêm giết và bị chết đuối hơn 200 người, quân của Thanh, Diên tan vỡ. Bố-trì thống suất bộ chúng cướp bóc rồi cho thuyền chạy ra bể. Sau đó, người ta không biết tin gì về Suryavarmadeva Vidyânandana nữa.

Như vậy, từ năm 1203, Chiêm-thành dưới quyền cai-trị của Yuvarâja Ôn Dhanapâtigrâma, tức Bố-điền, đã trở thành lãnh-thổ của Chân-lạp.

Thời Lý mạt, nhà Lý suy-yếu, giặc-giả nổi lên nhiều nơi trong nước. Chiêm-thành và Chân-lạp, bấy giờ gần như thuộc một quyền chỉ-huy, lại nhiều lần ra cướp phá nước ta.

Vua Lý Huệ-tông, năm Kiến giá thứ 6 (1216) Chiêm-thành và Chân-lạp đến đánh cướp châu Nghệ-an, châu bá là Lý Bất

Nhiễm đánh tan được. Năm thứ 8 (1218) Chiêm-thành và Chân-lạp lại ra đánh, cướp châu Nghệ-an lần nữa, Lý Bất Nhiễm cũng đánh phá được.

Một hoàng-thân Chiêm là Ôn Angçaraja Turaiviraja, vốn là cháu của Jaya Harivarman I và đã được nuôi dưỡng tại triều-đình của vua Chân-lạp Jaya-varman VII, đã nhiều lần được vua này sai đem quân đánh phá Đại-Việt, được Jaya-varman VII cho về nước, và năm 1226, lên ngôi vua, lấy hiệu là Jaya Parameçvara-varman II (1226-?). Người Chân-lạp tự ý rút lui khỏi Chiêm-thành, và trao ngôi vua lại cho người Chiêm vậy.

Như vậy là chấm dứt cuộc chiến-tranh kéo dài 100 năm giữa Chiêm-thành và Chân-lạp. Chân-lạp từ đây bận lo đối-phó với một kẻ thù mới là Tiêm-la, còn triều vua Jaya Parameçvara-varman II thì lo tu bổ lại các đền thờ, xây-dựng các đền thờ khác, mở mang, canh-tác ruộng đất bỏ hoang vu trong lúc chiến-tranh, sửa chữa hệ-thống dẫn thủy nhập điền...

Tóm lại, đời Lý tổ tiên chúng ta mới tiến vào đến nửa tỉnh Quảng-trị ngày nay, và Chiêm-thành đã mất phần đất cực bắc, mà phần này địa-thế thủy, lục rất quan-trọng cho việc phòng thủ ; sau này các chúa Nguyễn chỉ thiết-lập công cuộc phòng thủ ở đó mà chống được mọi cuộc nam xâm của quân Trịnh; cửa Nhật-lệ rộng, sâu, chiến thuyền lớn vào được, thủy quân Chiêm-thành tập trung ở đó để bảo vệ lãnh-thổ, sau này thủy quân Việt vào đánh Chiêm-thành cũng ghé đó đã.

Thời Nhà Trần.—

Từ khi vua Thái-tông nhà Trần lên ngôi, Chiêm-thành đã hai lần sai sứ sang cống hiến, nhưng thỉnh thoảng lại sang quấy phá ven biển và cứ đòi lại ba châu đã cắt nhượng. Nguyên-phong năm thứ 2 (1252), vua thân chinh, bắt được vương phi là Bố-gia-la 布耶羅, nhiều thần, thiếp và nhân-dân rồi về.

Em vua Parameçvara Varman II là Harideva de Sakân Vijaya kế vị anh, lấy hiệu là Jaya Indravarman VI. Ấy là một vị vua hòa-bình, thông hiểu triết-lý, giao-hảo với Đại-Việt. Jaya Indravarman VI bị một người cháu tên Çri Harideva ám sát năm 1257, cướp ngôi, lấy hiệu là Jaya Simhavarman, và đến năm 1266 mới làm lễ đăng quang, lấy hiệu là Indravarman V. Vua này cũng sai sứ sang thông hiếu với Đại-Việt và nạp cống phẩm theo lệ. Nhưng Chiêm-thành cũng không tránh khỏi chiến-tranh, không phải chiến-tranh với Đại-Việt mà với nhà Nguyên.

Hốt-tất-liệt diệt nhà Tống rồi, muốn các nước chư-hầu ngoại phiên sang chầu, sai sứ sang truyền lệnh ấy cho vua Chiêm-thành cũng như cho vua Đại-Việt. Vua Indravarman V chịu thần phục, nên được vua Nguyên phong là Chiêm-thành Quận-vương, nhưng cũng như vua Trần Thánh-tông, từ chối không chịu sang chầu. Chí-nguyên năm thứ 17 (1280), sau khi vua Nguyên sai một sứ bộ trong có Toa Đô 唆都 sang Chiêm thúc-giục vua phải sang chầu, vua Chiêm sai sứ sang dâng biểu và cống trân-vật, tê, voi. Vua Nguyên bèn sai Hữu-thừa Toa Đô và Tả-thừa Lưu Thâm 劉深, sang Chiêm, «chia đất làm tỉnh để

cai-trị». Vua Indravarman V chấp nhận, nhưng con là Harijit, sử Tàu gọi là Bồ-đích 補的, sử ta gọi là Chế Mân, không chịu, hai sứ-giả phải trở về nước. Bấy giờ triều Nguyên sai Vạn-hộ là Hà Tử Chí 何子志, Thiên-hộ là Hoàng Phủ Kiệt 皇甫傑 đi sứ nước Tiêm-la, Tuyên-ủy-sứ Vưu Vĩnh Hiền 尤永賢 và Á Lan đi sứ nước Mã-nhập-nhi (馬入兒 Má abar), đi thuyền ngang qua hải-phận Chiêm-thành, đều bị bắt giữ. Vua Nguyên nghe tin, sai Toa Đô đem quân sang đánh. Năm Chí-nguyên thứ 19 (1282), Toa Đô mượn đường Đại-Việt cho quân đi, nhưng vua Trần không thuận, phải đem 1000 chiến-thuyền từ Quảng-châu đến cảng Chiêm-thành, cho quân lên đồn trú trên bờ, quân Chiêm chống cự kịch liệt, nhưng thua. Vua Indravarman V đốt kho lúa, bỏ kinh thành, rút lên núi, tập hợp quân lính, rồi sai ra đánh quân Nguyên. Toa Đô gửi thư mời vua Chiêm đến, vua sai người cậu là Bửu-thoát-thốc-ba đến dâng phẩm-vật, và nói vua trúng tên bị thương, thế-tử Bồ-đích đã bị thương chết, vậy vua sai hai con đến yết-kiến. Toa Đô nghi, sai người theo hai con vua Chiêm trở về để biết rõ hư thực, nhưng sứ-giả của Toa Đô không gặp vua Chiêm được. Bấy giờ người Chiêm lại giết bọn Hà Tử Chí, Hoàng Phủ Kiệt hơn 100 người. Bửu-thoát-thốc-ba trở lại, xin bắt cha con vua Chiêm đem nạp, và xin cấp cho phục sắc, Toa Đô không ngờ là dối, cấp cho áo mũ và võ về. Toa Đô sai tiến quân đến Đại-châu (?) bị phục binh đánh thua, quân Nguyên phải tử chiến mới thoát được. Hai bên cầm cự, vua Chiêm không ra hàng phục, Toa Đô không kết thúc được chiến-tranh. Vua Nguyên sai gửi thêm 15.000 quân sang cho Toa Đô, nhưng vua Trần không chịu cho đi qua nước mình, nên quân không đến được ; vua lại sai Vạn-hộ Hốt

đô-hổ, Ô-mã-nhi đem 20.000 quân Giang, Hoài sang tăng viện cho Toa Đô, nhưng đến nơi thì Toa Đô đã đi rồi. Cuối năm Nguyên Chí-nguyên thứ 21 (1284), vua Nguyên sai Trấn-nam vương Thoát Hoan 脫 驩 sang đánh nước ta ; năm sau (1885) Toa Đô được chỉ đem quân ra Nghệ-an hội với quân Nguyên để ra đánh Giao-chỉ.

Chiêm-thành thoát khỏi nạn Mông-cổ, và Mông-cổ đã mất trên đất Chiêm rất nhiều binh, tướng, mà không thu được lợi ích gì. Indravarman V không muốn vua Nguyên tức giận, nên liền sau đó, sai sứ sang cống vua Nguyên Thái-tổ.

Sau khi quân Nguyên ra khỏi nước, Indravarman V tuổi đã quá cao, truyền ngôi cho Thế-tử Harijit, tức Chế Mân 制 旻. Chế Mân lên ngôi, lấy hiệu là Jaya Simhavarman III (?—1307). Vua Trần Nhân-tông nhường ngôi cho vua Anh-tông, làm Thái thượng hoàng. Năm vua Trần Anh-tông lên ngôi, Chế Mân sai sứ sang mừng. Năm Hưng-long thứ 9 (1301), Thượng-hoàng đi chơi các địa-phương, sang Chiêm-thành. Tháng 2 năm ấy Chiêm-thành sang cống, có lễ Thượng-hoàng đã cùng đi với sứ-bộ trở về. Ở Chiêm 9 tháng, Thượng-hoàng có hứa gả công-chúa Huyền Trân 玄 珍 cho Chế Mân, bấy giờ đã có hoàng-hậu người Qua-oa (Java). Năm Hưng-long thứ 13 (1305), vua Chiêm sai sứ là Chế-bồ-đài 制 蒲 台 và hơn 100 người đem vàng, bạc, hương quí, vật lạ, đến dâng xin định sính-lễ. Triều thần đều không bằng lòng, chỉ Văn-túc-vương Đạo Tái 道 載 cho là nên, và Trần Khắc Chung 陳 克 終 tán thành. Sau đó, Chế Mân nạp hai châu Ô 烏 州, Lý 哩 州 làm lễ nạp-trưng. Tháng 6 năm Hưng-long thứ 14 (1306), đưa công-chúa về Chiêm. Bấy giờ văn-sĩ

trong triều ngoài nội nhiều người mượn điển vua nhà Hán gả Chiêu-Quân cho Hung-nô, làm những bài thơ bằng quốc-âm để chê cười. Những câu ca như : «Tiếc thay cây quế giữa rừng để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo», «Tiếc thay hạt gạo trắng ngần, đã vo nước đục lại vần lửa rơm», chắc đã phát-xuất từ thời ấy và ám chỉ việc ấy. Năm sau (1307), người các thôn La-thủy, Tác-hồng, Đà-bồng không chịu phục, vua Anh-tông sai Hành-khiển Đoàn Như Hài 段汝諧 đến tuyên-bố đức ý của triều-đình, đổi 2 châu Ô, Lý làm Thuận-châu 順州 và Hóa-châu, 化州 chọn người trong dân-chúng làm quan, cấp cho ruộng đất và miễn tô thuế 3 năm để vỗ-về. Phủ Triệu-phong, huyện Hải-lăng thuộc tỉnh Quảng-trị ngày nay và huyện Phong-điền, huyện Quảng-điền, huyện Hương-trà thuộc tỉnh Thừa-thiên ngày nay là đất Thuận-châu xưa ; huyện Phú-lộc, huyện Phú vang thuộc tỉnh Thừa-thiên ngày nay và huyện Hòa-vang, huyện Đại-lộc, phủ Điện bàn, phủ Duy-xuyên thuộc tỉnh Quảng-nam ngày nay là đất Hóa-châu xưa. Người Chiêm đã mất cánh đồng Bình-Trị-Thiên và mất thêm hai cửa biển nữa : cửa Tư-dung (nay là Tư-hiền) thời ấy rất sâu và tiện lợi cho thủy-quân, và Đà-nẵng, cửa biển của miền Amaravâti, Indrapura, đất thiêng của dân-tộc.

Công-chúa Huyền-Trân về Chiêm được một năm, đến tháng 5 năm Hưng-long thứ 15 (1307) thì Chế Mân mất. Con là Chế-Đa-da 制多耶 sai sứ thần là Bảo-lộc-kê sang dâng voi trắng và cáo ai. Theo tục Chiêm, vua chết thì hoàng-hậu phải tự thiêu để chết theo. Vua Anh-tông sợ công-chúa bị hại, sai Thượng-thư Tả-bộc-xạ Trần Khắc Chung và An-phủ-sứ

Đặng-Vân thác cớ là điếu tang để «đón công-chúa Huyền-Trân và thế-tử Đa-da về». Bọn Khắc Chung nói với người Chiêm : «Nếu công-chúa hỏa táng thì không ai chủ-trương việc làm chay, chi bằng hãy ra bờ biển làm lễ chiêu hồn, đón linh-hồn về, rồi công-chúa sẽ lên giàn hỏa, «Người Chiêm nghe theo. Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về. Khắc Chung tư thông với công-chúa, kéo dài cuộc hành-trình trên đường bể, đến tháng 8 năm sau, Hưng-long thứ 16 (1308) mới về đến Thăng-long. Thượng-hoàng sai trại chủ Hóa-Châu cho thuyền đưa 300 người Chiêm về nước.

Chế Mân chết, con là Chế Chí 制旨 (1) nối ngôi, lấy hiệu là Çri Jaya Simhavarman IV. Chế Chí tuy thần phục nhà Trần, nhưng hối tiếc việc nhượng đất của vua cha, và có lẽ nhân-dân hai châu Ô, Lý cũng tỏ ra không vui lòng sự sáp nhập vào Đại-Việt, nên Đại-Việt cho Chế Chí là «phản trắc».

Năm Hưng-long thứ 19 (1311), vua Anh-tông cùng Huệ võ-vương Quốc Chấn, Nhân-huệ-vương Trần Khánh Dư, Minh-hiến-vương Uất, Phạm Ngũ Lão đi đánh Chiêm thành. Khi vua sắp khởi-hành thì một sứ thần của Chế Chí đến nạp cống phẩm. Sứ thần này là trại chủ trại Cu-chiêm 俱占 (2). Vua Trần sai Đoàn Như Hài mật ước

---

(1) *Vậy Chế Đa-da là ai ? hay cũng là một ?*

(2) *Có lẽ ở biên-giới núi Hải-vân.*

với sứ-thần về tâu lại vua Chiêm phải đến mà chịu thần phục, viên sứ thần hứa sẽ theo lời. Khi vua đến phủ Lâm-bình thì chia quân làm 3 đạo, một đạo đi đường núi do Quốc Chấn cầm đầu, một đạo đi đường biển do Trần Khánh Dư điều khiển, còn vua chỉ-huy một đạo đi đường đồng bằng, Đoàn Nhữ Hài làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước. Đến trại Cu-chiêm, quân dừng lại. Nhữ Hài sai người nhắc lại với viên sứ thần trại-chủ Cu-chiêm lời hứa cũ. Viên này báo cho vua mình biết và khuyên vua đến thần phục. Chế Chí bằng lòng và cùng gia-quyến đi thuyền đến yết vua Trần. Trần Khánh Dư đuổi theo. Nhữ Hài lập tức dâng thư tâu vua rằng Khánh Dư muốn cướp công vua; vua giận lắm, sai bắt Giám-quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi chặt chân, Khánh Dư đến ngự-đình tạ tội, và tâu: «Thần sợ nó ra giữa biển lại đổi bụng khác nên phòng giữ đàng sau thôi.» Vua sai chia quân đi tuần các bộ-lạc. Có lần người Chiêm hợp nhau, muốn xâm phạm ngự đình, nghe tiếng voi gần bên, quân-sĩ lo ngại. Nhưng sau vài ngày quân của Quốc Chấn đến, người Chiêm chạy tan. Trận này không phải đánh mà khuất-phục được Chiêm-thành, ấy là công của Nhữ Hài. Chế Chí bị bắt, em là Chế Đà-a-bà-niêm, sử ta gọi là Chế năng 制能 quyền coi việc nước (1312-1318). Chế Chí được vua Trần phong là Hiệu-trung-vương, sau đổi là Hiệu-thuận-vương, an trí ở hành cung vua Trần ở Gia-lâm, đến đầu năm 1313 thì mất, được hỏa táng theo tục Chàm. Chiêm-thành trở thành một châu của Đại-Việt. Vua nhà Nguyên phản đối,

nhưng vua Trần vẫn tự cho mình có quyền tông-chủ trên đất Chiêm-thành, và cũng làm nhiệm-vụ ấy : năm Hưng-long thứ 21 (1313), Tiêm-la lấn cướp Chiêm-thành, vua Anh-tông sai An-phủ-sứ Đỗ Thiên Hứ làm Kinh-lược-sứ đi kinh-lược Nghệ-an và Lâm-bình để sang cứu Chiêm-thành.

Sau khi Chế Chí bị bắt đưa về Thăng-long, người Chiêm càng oán giận nước ta, thường ra cướp phá ; lại thừa dịp vua Minh-tông lên ngôi kế vua Anh-tông, Chế Năng thử xua quân tái chiếm Ô, Lý. Năm Đại-khánh thứ 5 (1318), vua Minh-tông sai Huệ võ đại-vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm-thành. Ban đầu, tộc-tướng nhà Lý là Hiếu-túc hầu Lý Tất Kiến bị giết tại trận, nhưng rồi Quản Thiên-võ quân là Phạm Ngũ Lão tung quân đánh ở phía sau, quân Chiêm thua to, ta bắt được rất nhiều, Chế Năng bỏ chạy sang Qua-oa (Java) cầu cứu. Với Chế Năng chấm dứt vương-triều thứ XI.

Triều Trần bèn đặt lên ngôi vua Chiêm một tù-trưởng Chàm, sử ta gọi là Chế A-nan 制阿難 (1318-1342) làm Hiệu-thánh Á-vương. Từ năm Hưng-long thứ 21 (1313) nhà Trần có đặt chức Kinh-lược-sứ Nghệ-an và Lâm-bình để coi việc biên-giới Chiêm-thành ; năm ấy Đỗ Thiên Hứ được giao giữ chức ấy, sau Nguyễn Dũ thay Thiên Hứ, người Chiêm cũng sợ phục.

Nhưng cũng như các vị vua Chiêm trước luôn luôn

tìm cách thoát-ly Đại-Việt, Chế A-nan liên tiếp gửi sứ-bộ mang cống-phẩm sang Trung-quốc và xin vua nhà Nguyên xuống chiếu cho vua Đại-Việt phải tôn-trọng lãnh-thổ Chiêm-thành. Năm Trần Khai-thái nguyên-niên (1324), vua Nguyên sai sứ sang Đại-Việt truyền bảo ý ấy, vua Trần Minh-tông giận lắm, sai Huệ-túc-vương Đại Niên 大 年 đem quân đi đánh Chiêm-thành, bị quân Chiêm-thành đánh bại phải rút về. Chiêm-thành không tự coi là thần-thuộc Đại-Việt nữa.

Chế A-nan sống trong bình-an và độc-lập được mươi năm thì mất.

A-nan có rể là Trà Hòa 茶 和, được vua yêu mến, trao cho trọng quyền, làm chức Bố-đề 布 底 (1). A-nan mất (1342), Trà Hòa tiếm ngôi. Trà Hòa có sai sứ sang cáo ai, nhưng sau đó không vào cống, năm Thiệu-phong thứ 6 (1346), vua Dụ-tông sai sứ sang trách hỏi, Trà Hòa liền sai sứ vào cống, nhưng lễ vật rất ít.

Nguyên sau khi Trà Hòa tiếm ngôi vua, con A-nan là Bố-điền Chế Mồ (2) 布 田 制 某 cử binh chống lại, nhưng cuối cùng phải thua trận. Chế Mồ bèn chạy sang cầu cứu Hưng hiếu-vương là vị quan trấn châu Hóa. Hưng-hiếu-vương nhận chủ-trương việc triều-đình sẽ đem quân đưa Chế Mồ về nước. Năm Thiệu-phong thứ 12 (1352), tháng 3, Chế Mồ đến Thăng-long dâng

(1) *Bố-đề là Tể-tướng.*

(2) *Bố-điền là Đại-vương.*

một con voi trắng, một con ngựa trắng, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các phẩm-vật, xin vua Trần đem quân đánh Trà Hòa, lập mình lên ngôi vua.

Tháng 6, vua Dụ-Tông sai đem đại binh vào đánh Chiêm-thành, quân bộ đã đến Cổ-lũy (Quảng-nghĩa), nhưng quân thủy vận lương bị ngăn trở, đại quân phải trở về, Chế Mồ cũng theo về, chẳng bao lâu thì mất (1).

Thừa dịp đại quân rút lui, lập tức, tháng 9 năm ấy, Trà Hòa kéo quân ra đánh Hóa-châu, nhưng bị đánh thua. Vua Dụ-Tông sai Tả-tham tri chính-sự Trương Hán Siêu bàn tính phương kế đối với Chiêm-thành. Hán Siêu

---

(1) Chế Mồ chạy sang nước ta, xin cho quân đưa về nước. Bấy giờ Hưng-hiếu vương trấn Hóa-Châu, phải đảm nhận việc ấy, cứ lần lữa ngày này qua tháng khác, Chế Mồ nóng ruột, mới kể một câu chuyện cũ sau đây của Chiêm-thành cho người Việt nghe, có ý thúc giục nhà Trần xuất quân : « Xưa kia, quốc-vương có nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quí, mới rao hỏi trong nước có ai dạy được khỉ biết nói thì thưởng muôn cân vàng. Có người đến xin nhận dạy, và nói mỗi tháng phải dùng thuốc phí-tổn đến 100 cân vàng, sau 3 năm mới có công hiệu. Quốc-vương mừng mà nhận lời. Ý người ấy nghĩ rằng trong thời gian 3 năm, quốc-vương, mình, 3 và con khỉ, trong 3 tất có 1 chết, thế là chỉ nhận vàng mà bất tất phải thành việc. Chế Mồ theo về với chúa thượng Hưng-Hiếu -vương đứng chủ-trương việc ấy, trải bao năm tháng mà chưa thấy đưa về nước, sự thể của tôi cũng giống như việc ấy.» Triều-đình nghe câu truyện ấy Chế Mồ mới quyết định xuất quân.

đáp : «Vì không nghe lời nói của thần nên mới đến thế» (1) Vua bèn sai Hán Siêu đem quân Thần-sách vào trấn giữ châu Hóa, tình-hình được yên, mấy tháng sau, Hán Siêu xin trở về triều.

Nối ngôi Trà Hòa là Chế-Bồng-Nga 制逢峨 (1360 (?) 1390) sử Tàu gọi là A-đáp-a-giả; không biết Bồng Nga liên hệ thân thuộc với Trà Hòa thế nào, và lên ngôi năm nào.

Đời Trần Dụ-Tông, năm Đại-trị thứ 4 (1361), quân Chiêm-thành, có lẽ do Bồng-Nga mới lên làm vua, điều khiển, đi đường biển sang đánh cướp ở cửa biển Đà-lý 迟里 (2) thuộc phủ Lâm bình, nhưng bị quân bản phủ đánh tan. Nhà Trần bèn sai Phạm A Song 范阿窗 làm Tri-phủ phủ Lâm-bình để giữ đất này. Năm sau (1362) Chiêm-thành lại đến cướp, bắt người ở Hóa-Châu, nhà Trần sai Đỗ Tử Bình 杜子平 vào tăng bổ thêm quân và sửa chữa cho vững chắc thành Hóa-châu.

Bấy giờ ở Hóa-châu có tục hằng năm, đến mùa xuân, con trai con gái tụ họp đánh đu ở Bà-dương (?), nên cứ tháng chạp thì người Chiêm đến ẩn núp ở đầu nguồn châu này, đợi ra giêng úp đến cướp bắt người đem về. Đại-trị năm thứ 9 (1366) Chiêm-thành lại vào đánh cướp Lâm-bình, Phạm A Song đánh đuổi được.

---

(1) Không biết Hán Siêu nói gì, sử không chép.

(2) Cửa Lý-hòa 里和, huyện Bố-trạch, tỉnh Quảng-bình (chú của C.M.).

Thấy quân Chiêm cứ sang cướp bóc, đánh phá mãi, năm Đại-Trị thứ 10 (1367), tháng 10, triều Trần sai Minh-tự Trần Thế Hưng 陳世興 làm Thống-quân hành-khiển đồng tri Thượng-thư tả ty sự, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm-thành.

Bọn Trần Thế Hưng chưa đến, tháng 2 năm sau (1368) Chiêm-thành sai Mục-bà-ma sang đòi lại đất biên-giới Hóa-châu.

Tháng 4 năm Đại-trị thứ 10 (1368), bọn Trần Thế Hưng đến Chiêm-động (1) thì bị quân Chiêm phục kích, bắt Trần Thế Hưng, quân ta tan vỡ, Đỗ Tử Bình rút quân về.

Chiêm-thành bắt đầu khinh thường lực lượng của ta, huống Chiêm đương có một vị vua anh-hùng, có tài chiến trận, giỏi việc trị nước, nuôi ý-chí quật cường là Chế Bồng-nga, nên họ luôn luôn vào đánh cướp, mấy lần đến tận kinh-thành Thăng-long, và quấy phá mãi cho đến khi nhà Trần mất ngôi.

Ở Trung-quốc, nhà Minh lên thay nhà Tống, đóng đô ở Kim-lăng, Chế Bồng-nga liền sai sứ đem biểu sang mừng, cống voi và phương vật. Minh Thái-tổ, năm Hồng-vũ thứ 2 (1369), nhà Minh sai sứ đem chiếu tức vị

(1) *Phần phía nam tỉnh Quảng-nam ngày nay, từ Thăng-bình trở vào.*

sang dụ, tặng lịch Đại-thống và phẩm-vật, phong Chế Bồng-nga là Chiêm-thành quốc-vương. Từ đó, mỗi năm hoặc hai năm một lần, Chiêm thành sang cống, vua Minh cũng ban cho hàng lụa và lịch Đại-thống. Hồng-vũ năm thứ 3 (1370) vua Minh sai sứ sang Chiêm tế thần sông núi, ban chiếu đặt khoa cử.

Vua Trần Dụ-Tông mất (1369), Dương Nhật Lễ kế vị, được hơn một năm thì bị các thân vương và tôn-thất nhà Trần đem quân truất phế mà lập người con thứ 3 của vua Minh-tông lên ngôi, ấy là vua Nghệ-tông. Mẹ Nhật Lễ trốn sang Chiêm, khuyên vua Chiêm đem quân sang đánh Thăng-Long. Chế Bồng Nga đương đợi cơ-hội để kéo quân vào Đại-Việt, liền hưởng ứng. Thiệu khánh năm thứ 2 (1371) tháng 3 nhuận, Chế-Bồng nga đem quân đi đường biển, vào cửa Đại-an, kéo thẳng đến Thăng long. Bấy giờ biên thành không phòng bị, giặc đến không có quân để chống đánh, vua Nghệ-tông phải đi thuyền sang sông Đông-ngàn để tránh. Ngày 27, quân giặc vào thành cướp hết các đồ châu báu, đốt sạch cung điện, đồ thư, bắt con gái, rồi rút về.

Thế mà năm ấy (Hồng-võ thứ 4 — 1371 —) Chế Bồng nga sai sứ sang nhà Minh dâng tờ biểu bằng vàng lá 金葉表 dài hơn một thước, rộng 5 tấc, khắc chữ Chàm tạ ân phong vương, rồi kêu nài việc An-Nam xâm nhiễu biên-cương, giết cướp lại, dân, và xin cấp cho binh khí, nhạc-khí, nhạc-công, để An-nam biết Chiêm-thành là

nước phiên thuộc của thiên-triều, không dám khi lăng. Chúng ta thấy trong khoảng thời-gian này, nhà Trần-mạt suy-yếu, không sang đánh Chiêm-Thành lần nào, vậy ở đây Chế Bồng-nga đã nói dối để có cớ mà tiếp tục đem quân vào đánh Đại-Việt. Vua Minh Thái-tổ sai bộ Lễ dụ rằng ; «Chiêm-thành và An-nam đều theo chánh sóc triều-đình, thế mà tự ý dùng binh đánh nhau, giết hại sanh linh, làm trái lễ phụng-sự thiên-tử, lỗi đạo giao lân ; đã tư cho An-nạm Quốc vương phải lập tức bãi binh, Chiêm thành cũng nên giảng tín, tu mục, ai nấy giữ cương-thổ của mình. Còn việc xin binh khí thì nhà vua không tiếc gì, nhưng hai nước đương cấu binh mà đem binh khí cho Chiêm-thành, ấy là giúp cho đánh nhau, trái với cái nghĩa vỗ an của thiên-triều; còn nhạc-khí, nhạc-nhân thì ngôn ngữ khác nhau, khó mà cho được, nếu Chiêm-thành có người hiểu được tiếng Trung-quốc thì lựa đưa sang, sẽ bày dạy cho.»

Năm Minh Hồng-võ thứ 6 (1373), Bồng-nga sai sứ sang nhà Minh báo tiệp thắng An-nam (1). Vua Minh bảo các quan : «Mùa Đông năm ngoái An-nam nói Chiêm-thành xâm phạm biên-cảnh, năm nay Chiêm-thành nói An-nam xâm nhiễu biên-cảnh, chưa biết ai phải ai trái, vậy nên sai sứ sang dụ hai bên bãi binh.»

Vua Duệ-tông lên ngôi rồi (1373), xuống chiếu thân

(1) *Có lẽ chỉ việc Chiêm-thành vào Thăng-long năm Thiệu khánh thứ 2 (1371).*

chinh Chiêm-thành. Cuộc sửa soạn rất kỹ-càng. Vua sai sửa đóng thiến chuyền, chọn dân đinh sung bổ quân ngũ, định lại số quân, thải người già yếu, chọn người có tài-năng, võ-nghệ, am hiểu thao lược, không cứ là tôn-thất, cho làm tướng, bắt người ở các hộ, các xã ở Thanh-hóa, Nghệ-an đi làm thuê phải sung vào quân ngũ, lại xuống chiếu cho những người giàu có ai đem dâng thóc thì ban cho tước phẩm, sai sửa đắp đường từ Cửu-chân đến Hà-hoa (1). Năm ất-mão (1375), đã đổi phủ Lâm-bình làm phủ Tân-bình. Ngự-sử trung-tán là Lê Tích dâng sớ khuyên vua nên sai tướng đi đánh, chứ vua không nên đi, vua không nghe. Ngự-sử đại-phu là Trương Đỗ (có sánh chép là Xã) can rằng: « Chiêm-thành trái mạng, tội ấy giết chết cũng chưa đáng, nhưng ở phương tây xa cách, núi sông hiểm trở, nay bệ-hạ mới lên ngôi, chính-trị, giáo-hóa chưa thấm nhuần đến phương xa, vậy nên sửa văn đức cho họ tự phải phục; nếu họ không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn.» Trương Đỗ ba lần dâng sớ can, vua không nghe, bèn bỏ quan về. Năm Long-khánh thứ 4 (1376), tháng 5, Chiêm-thành đến cướp châu Hóa ; tháng 6 xuống chiếu các quân chuẩn bị khí-giới, chiến-thuyền để đợi vua thân chinh; tháng 8 xuống chiếu khiến quân dân Thanh-hóa, Nghệ-an, Diễn-châu tải 5 vạn hộc lương đến châu Hóa ; tháng 10, đại duyệt quân thủy, bộ ở

(1) *Cửa biển Hà-hoa ở Kỳ-la, huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay.*

bãi cát sông Bạch-hạc, hai vua (1) thân đến làm tướng.

Tháng 12, vua đem 12 vạn quân từ kinh-sư tiến đi. Sai Lê Quí Ly đốc suất Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa chở lương đề cấp cho quân. Vua đến sông xã Bát (?) thì gặp một lễ đưa đám ma, vua truyền phạt 30 quan tiền. Đến cửa Di-luân (2), các quân tiếp tục đi đường biển, vua lãnh bộ-quân, đi ngựa theo bờ biển; đến cửa Nhật-lệ, đóng quân, luyện tập một tháng. Năm sau, Long-Khánh thứ 5 (1377), ngày 23 tháng Giêng, đại quân đến Thị-nại. Bồng-nga dựng trại ở ngoài thành Trà-bàn, sai một tiểu thần là Thu-bà-ma trá hàng đến tâu vua rằng vua Chiêm đã trốn, bỏ thành không, xin vua cứ vào, đừng để lỡ cơ-hội. Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa mốc, sai Ngự-câu vương Húc 御溝王勗 mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng; truyền lệnh gấp tiến quân. Đại-tướng Đỗ Lễ 杜禮 can rằng: «Nó đã chịu hàng, ấy là muốn bảo toàn nước nó. Quan quân vào sâu mà đánh thành là bất đắc dĩ. Hãy xin sai một người khéo nói đem thư đến hỏi tội để xem tình-hình giặc thế nào, như kế-sách Hàn Tín phá nước Yên ngày xưa, không khó nhọc mà thu công. Cổ nhân đã nói: «Lòng giặc khó lường.» Xin bệ hạ xét kỹ lại. «Duệ-tông nói: «Ta mặc áo giáp, cầm cương ngựa, dãi gió dầm mưa

---

(1) *Thượng-hoàng Nghệ-tông và vua Duệ-tông.*

(2) *Cửa Ròn, thuộc huyện Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình.*

lội sông, trèo núi, vào sâu trong đất giặc, không người nào dám chống lại, ấy là trời giúp. Nay vua giặc nghe hơi đã bỏ trốn, không có lòng chống cự. Cổ nhân nói: « Dùng binh quí ở thần tốc.» Nay lại rụt rè, không tiến nhanh, thế là trời cho mà không lấy, để nó lại có mưu khác thì hối sao kịp. Ngươi là bọn đàn bà ! » Duệ-tông sai lấy áo đàn bà mặc cho Đỗ Lễ, rồi sai quân nối gót nhau như xâu cá mà đi, trước và sau cách nhau xa. Quân giặc phục kích xông ra đánh. Sau một giờ, quan quân tan vỡ, vua bị hãm trong trận, chết. Bọn Đại-tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa 阮納和, Hành-khiển Phạm Huyền Linh 范玄齡 đều chết, Ngự-câu vương bị bắt. Đỗ Tử Bình lãnh hậu-quân không đến cứu. Lê Quí Ly đốc quân tải lương, nghe tin vua băng, bỏ trốn về trước. Ngày hôm ấy, ở kinh-sư, ban ngày mà trời tối đen, ở chợ phải thắp đuốc để mua bán. Thượng-hoàng sai bắt Tử-Bình bỏ vào cũi đem về, cũi chở Tử Bình về qua phủ Thiên-trường, người-ta tranh nhau lấy ngói gạch ném vào thuyền mà mắng chửi.

Thừa dịp thắng thế, tháng II năm ấy, Chế Bồng-nga lại xua quân tiến ra đánh Thăng-long. Được tin ấy, Thượng hoàng sai đem quân vào giữ cửa Đại-an, nhưng quân Chiêm không vào cửa Đại-an mà vào cửa Thần-phù (1), rồi ngày 6 vào Thăng-long, cướp bóc,

---

(1) Trước kia tên là Thần-đầu, ở tỉnh Ninh-bình, địa đầu huyện Yên-mô

ngày 12 dẫn quân về, ra cửa biển Đại-an, gặp bão, chết rất nhiều. Bấy giờ Đế Nghiễn đã lên ngôi thay vua Duệ-tông, Vua Nghệ-tông vẫn là Thượng-hoàng.

Qua năm Xương-phù thứ 2 (1378), tháng 5, Chế Bồng-nga đánh Nghệ-an, cho Ngự-câu vương Húc, mà Bồng-nga đã gả con gái, tiếm xưng tôn hiệu để cai-trị châu này, rồi tháng 6, đánh sông Đại-hoàng, vua sai Đỗ Tử Bình chống giữ, Tử Bình thua, quan quân tan vỡ, quân Chiêm tiến đánh kinh-sư, bắt người cướp của rồi về.

Năm sau, Minh Hồng-vũ thứ 12 (1379), Bồng-nga sai sứ sang cống nhà Minh, chắc là với chiến lợi phẩm đã thu được ở Thăng-long. Trong thời-gian này, Chế Bồng-nga làm chủ được các đất Thuận-hóa, Tân-bình, Nghệ-an, nghĩa là từ bắc-bộ Quảng-nam ra đến Nghệ-an; ở Nghệ-an có nhiều người theo về Ngự-câu vương Húc.

Trước khí thế của Chế Bồng-nga, nhân dân lo sợ. Vua Đế Nghiễn phải sai tải tiền đồng chôn giấu ở núi Thiên-kiện (1) và xã Khả lãng (?) vì sợ người Chiêm lại ra cướp Thăng-long lần nữa.

Năm Xương-phù thứ 4 (1380), người Chiêm đem người Tân-bình, Thuận-hóa ra Nghệ-an, Diễn châu, Thanh hóa cướp của, bắt người. Tháng 3, Thượng-hoàng sai Lê Qui Ly đem thủy quân, Đỗ tử Bình đem bộ quân vào đối phó. Quân ta đóng cọc ở sông Ngu-giang (2) để cầm

(1) *Nay là núi Địa cận, ở huyện Thanh liêm.*

(2) *Một nhánh của sông Mã, ở huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thành hóa*

cự với địch. Tháng 5, Lê Quí Ly đánh thắng quân Chiêm một trận, Chế Bồng-nga bỏ trốn về. Tin thất bại này đến triều-đình nhà Minh trong lúc một sứ thần Chiêm-thành sang mừng lễ Vạn-thọ, đương ở đấy. Vua Minh Thái-tổ sắc dụ rằng : «Vừa rồi An-Nam xuất binh, bị Chiêm đánh thua, Chiêm thừa thắng vào An-nam, An-nam đã chịu nhục lắm rồi. Vua Chiêm nên giữ gìn biên-cảnh, để dân được yên nghỉ thì hưởng được phước lâu dài, nếu xua binh đánh nhau, thắng phụ không biết được mà «duật bạn tương trì, ngư nhân đắc lợi, ngày sau hối hận, chẳng cũng muộn lắm sao !»

Mặc dầu thu được thắng lợi nhỏ này, nước nhà cũng đương lâm vào cảnh hiểm nghèo trước sức bành trướng của Chế-Bồng-nga. Thế mà kho tàng khô cạn, binh số không đủ. Tháng 7 năm Xương-phù thứ 2 (1378), đã theo kiến nghị của Đỗ Tử Bình đặt ra thuế dung, bắt đinh nam mỗi hộ phải nạp tiền 3 quan ; năm Xương-phù thứ 5 (1381), sai thiền-sư Đại-than (1) 大 灘 đốc suất những thầy tăng trong nước và những tăng nhân không có độ-điệp ở rừng núi, người nào khỏe mạnh phải tạm làm quân đi đánh Chiêm-thành. Triều-đình lo sợ Chiêm thành ra đánh Thăng-long lần nữa, nên đem thần tượng các lăng tiên-đế ở Giác-hương, Thái-đường, Long-hưng, Kiến-xương về cất dấu ở lăng lớn ở Yên - sinh. Năm Xương-phù thứ 6 (1382) quân Chiêm ra

(1) *Đại-than là tên làng, thuộc huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh.*

đánh cướp Thanh-hóa, Lê Quí Ly giữ vững đèo Long-đại (1), Nguyễn Đa Phương 阮多方 giữ vững ở bến Thần-đầu (2), quân Chiêm thủy bộ đều tiến, bị Đa Phương đánh bại, quân ta thừa thắng tiến đánh, quân Chiêm thua to, chạy tan vào rừng núi, quân ta lại vây núi 3 ngày, quân giặc chết đói nhiều, ta đốt hết ghe thuyền, quân giặc còn lại chạy tan, quân ta đuổi theo tới Nghệ-an mới trở lại.

Nhà Trần thừa thắng, sai Lê Quí Ly vào đánh Chiêm-thành. Quí Ly sai đóng những chiến thuyền lớn, lấy hiệu là Diễm-dã, Ngọc-đột, Nha-tiệp. Năm sau (1883) Quí Ly đem thủy-quân vào đến hải phận Hà-tĩnh, Quảng-bình ngày nay thì bị sóng gió làm hư hỏng, phải trở về.

Liệu bề không thể đánh thắng ở đường bể, năm Xương-phù thứ 7 (1383), Chế Bồng-nga và tướng là La Khải 羅愷 tiến quân theo đường núi ra trấn Quảng-oai. Thăng-long kinh động, Thượng-hoàng sai tướng là Lê Mật Ôn 黎密溫 đem quân ra chống giữ. Đi đến bãi Tam-kỳ (phủ Quảng-oai ngày nay) thì bị quân Chiêm phục-kích, quan quân thua chạy, Mật Ôn bị giặc bắt. Thượng-hoàng Nghệ-tông và Đế Nghiễn phải chạy sang Đông-ngạn để tránh. Một nho sinh tên là Nguyễn Mộng

---

(1) Tức núi Hàm-rồng ở tỉnh Thanh-hóa.

(2) Thuộc Ninh-bình, địa đầu huyện Yên-mô, tức cửa biển thần phù.

Hoa 阮夢華 áo mũ chỉnh tề, lội xuống sông kéo thuyền ngự lại, xin Thượng-hoàng ở lại chống với giặc, Thượng-hoàng không nghe. Giao cho tướng là Đa Phương ở lại giữ kinh-thành. Đa Phương dựng thêm rào trại, ngày đêm canh giữ. Cuối năm ấy, Chế Bồng-nga rút quân về.

Đời Thuận-tông, năm Quang-thái thứ 2 (1389) tháng 10, Chiêm-thành ra đánh cướp ở Thanh-hóa, trong quân có nhiều người Tân-bình, Thuận-hóa. Vua sai Quý Ly đem quân chống cự, quân Chiêm đắp ngăn thượng-lưu sông Lương (1) để mai phục, quân ta cắm cọc gỗ ở hạ lưu, đối lũy với địch. Quân Chiêm giả vờ nhổ trại về, Quí Ly chọn quân tinh nhuệ đuổi theo. Thủy quân ta nhổ cọc, đánh với giặc. Quân Chiêm phá đập chặn nước, đưa voi ra xông vào trận; bấy giờ quân tinh nhuệ đã đi xa rồi, thủy quân ta lại không thể nghịch giòng tiến được, phải thua to. Tướng đạo quân Hữu-thánh-dực là Nguyễn Chí 阮至 bị giặc bắt, 70 quân tướng khác chết tại trận. Quí Ly đề tỳ-tướng là Phạm Khả Vinh 范可榮 và Nguyễn Đa Phương ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì trốn về. Hai tướng này phải tìm cách bảo toàn quân lính, đương đêm lén kéo về. Tháng 11, Thượng-hoàng sai Trần Khát Chân làm tướng đem quân đi đánh. Khát Chân chảy nước mắt, lạy mà từ giã, Thượng-hoàng cũng khóc, lấy mắt tiễn đưa. Khát Chân đến sông Hoàng, đã gặp giặc rồi, nhưng xem chỗ

(1) *Phát nguồn từ huyện Long-chánh, hạ lưu hợp với sông Mã.*

ấy không thể đánh được, mới lui về đóng ở sông Hải triều (1). Tình hình hiểm-nghèo, gần như tuyệt vọng. Em Linh-Đức Vương là Trần Nguyên Diệu đem đầu đảng đầu hàng Bồng Nga (2). Tháng giêng năm sau (Quang thái thứ 3,1390), ngày 23, Bồng-Nga cùng Nguyên-Diệu đem hơn 100 chiến thuyền đến xem hình-thế trại quân Khát Chân. Một tiểu thần của Bồng-Nga tên là Ba-lậu-kê vì bị Bồng-Nga trách phạt, sợ bị giết, chạy trốn sang quân ta, chỉ vào một chiếc thuyền sơn màu lục mà nói ấy là thuyền của quốc vương Chiêm. Trần Khát Chân ra lệnh các súng bắn vào thuyền ấy. Bồng-nga bị trúng đạn, suốt đến ván thuyền. Nguyên Diệu cắt lấy đầu của Bồng-nga chạy đem về với quan quân. Đại-đội-phó đội quân Long-tiệp là Phạm Nhữ Lặc và Đầu-ngũ là Dương Ngang giết Nguyên Diệu, lấy đầu của Bồng-nga. Khát Chân sai Quản-giám là Lê Khắc Khiêm bỏ đầu Bồng-nga vào hòm chở thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình-than. Bấy giờ đã canh ba, Thượng-hoàng đương ngủ say, bị kinh động, thức dậy, tưởng là giặc đánh đến ngự-dinh. Đến khi nghe rõ tin, mừng lắm, cho gọi các quan đến, xem. Các quan mặc triều-phục, hô « vạn tuế ».

---

(1) *Tức sông Luộc.*

(2) *T. T. nói là vì Nguyên Diệu muôn báo thù cho Linh-đức-vương. Linh-đức-vương tức là Đế-Nghiễn, bị Nghệ-tông nghe lời dèm pha của Quí Ly đã truất ngôi, giáng xuống làm Linh-đức-vương, rồi bị Quí ly thắt cổ chết mà lập vua Thuận-Tông lên thay.*

Thượng hoàng nói : «Ta với Bồng-nga tương trì từ lâu, nay mới được thấy mặt, khác gì Hán Cao-tổ thấy Hạng Vũ. Thiên-hạ yên rồi.»

La Khải hỏa táng Bồng-nga ở bờ sông Lô rồi đem quân ngày đêm men theo chân núi mà về ; có quan quân đuổi theo đánh thì dừng voi lại, tung tiền của ra để thoát.

Bấy giờ người ở Nghệ-an thì hài lòng, Tân-bình, Thuận-hóa thì nhiều người theo Chiêm, cho nên người Thổ, người Man đổ ra du kích khắp nơi. Triều trần có đặt Lê Khả Chú làm An-phủ-sứ hai lộ ấy, nhưng theo tục thời ấy, Khả Chú vẫn ở kinh sư, để trấn giữ cõi xa, chưa từng đến lộ bao giờ. May có bọn thổ hào là Phan Mãnh 潘猛 và Phạm Căng 范矜 đem dân chúng qui thuận triều-đình. Mãnh là người có đởm lược, biết được tình-hình của Chiêm, lại có công đón đánh quân bại trận chạy qua, nên được Thượng-hoàng Nghệ-tông cho làm quan đến Dực-vệ quân, lại thăng làm Uy-minh Tướng-quân, quản quân Thánh-dực ở Tân-bình và Thuận-hóa. (Sau Phan Mãnh bị Quí Ly giết, vì nghi là phản.)

Chế Bồng-nga mất, chấm dứt vương-triều thứ XII là vương-triều cực thịnh của Chiêm-thành.

La Khải về nước, tiếm ngôi, lên làm vua (1390-1400). Hai con của Chế Bồng-nga là Chế Ma-nô-đà-nan 制麻

奴 陀 難 và Chế Sơn-nỗ 制 山 拏, chạy sang nhà Trần, được vua Trần phong Ma-nô-đà-nan làm Hiệu-chính-hầu, Sơn-nỗ làm Á-hầu. La Khải có sai sứ sang cống nhà Minh, nhưng vua Minh từ khước, vì, theo Minh-sử, «vua ghét sự bội nghịch».

Mất vị vua lãnh-đạo anh-hùng, từ đó Chiêm-thành không còn hùng cường nữa, và không chỉ lịch-sử Chiêm-thành mà cả lịch-sử bang-giao Chiêm-Việt cũng đều lật sang một trương mới.

Chế Bồng-nga mất rồi, nhà Trần liền nghĩ đến việc thu lại đất cũ. Tháng 2 năm Quang-thái thứ 4 (1391) sai Lê Quí Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét định quân ngũ, sửa xây thành-trì. Đất từ Hóa-châu trở ra Nghệ-an lại về Đại-Việt.

Nhiều quan chức Chiêm-thành đã không phục La Khải và bỏ nước mà đi. Năm Quang-thái thứ 10 (1397), tướng Chiêm là Chế Đa-biệt 制 多 別 cùng em là Mộ-hoa-từ Ca-diệp đem gia-đình sang hàng nhà Trần, nhà Trần cho Đa-biệt tên là Đại-trung, chức Kim-ngô Vệ Tướng-quân, Ca-diệp làm Cấm-vệ-đô, đều cho họ Đinh lại sai trấn thủ châu Hóa để chống giữ Chiêm-thành.

Sau khi tiếm ngôi nhà Trần, Lê Quí Ly muốn lập một võ công để xoa dịu dư luận đương buộc tội mình, nên liền nghĩ đến việc xâm lấn đất Chiêm-thành. Thánh-nguyên năm đầu (1400), sai Hành-khiển Đỗ Mãn 杜 滿

làm Thủy-quân Đô-tướng, tướng coi quân Tả-thánh-dực là Trần Vấn 陳問 làm Đồng Đô-tướng, tướng coi quân Long-tiệp là Trần Tùng 陳松 làm Bộ-quân Đô-tướng, tướng coi quân Tả-thánh-dực là Đỗ Nguyên Thác 杜元拓 làm Đồng Đô-tướng, đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm-thành. Năm ấy La Khải chết, con là Ba-đích-lại 巴的麦 nối ngôi, tức Jaya Simhavarman V.

Bộ-quân Đô-tướng Trận Tùng nghe lời Đinh Đại-trung (Chế Đa-biệt), cho quân đi đường núi, không liên lạc được với thủy-quân, lại gặp lúc có nước lũ, tướng sĩ hết lương ba ngày, phải nướng áo giáp bằng da mà ăn. Năm sau phải rút về.

Hán Thương lên ngôi rồi, Thiệu-thánh năm thứ 2 (1402) tháng 3, sai sửa chữa đường-sá từ thành Tây-đô đến châu Hóa, gọi là Thiên-lý-cù, dọc đường đặt phố-xá và trạm để truyền đệ tin-tức.

Tháng 7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm thành, cho Đỗ Mãn làm Đô-tướng, Điện-nội Phán-thủ Nguyễn Vị làm Chiêu-dụ-sứ, An-phủ-sứ Đông-đô Nguyễn Bằng Cử làm Đồng Chiêu-dụ-sứ. Gần đến đất Chiêm, Đinh Đại-trung cưỡi ngựa đi trước. Ba-địch-lại sai tướng là ChếSất-nan đem quân chống cự, đánh nhau với Chế Đa-biệt, bị giết. Vua Chiêm sai cậu là Bố-điền đến dâng một con voi trắng, một con voi đen, phương vật, và xin dâng đất Chiêm-động để yêu-cầu rút quân. Đó là một hy-sinh lớn lao của người

Chiêm vì phải rời bỏ thêm một kinh-đô cũ nữa ; Đồng-dương, và Trà-kiệu (đã mất rồi) là những nơi còn những thánh điện và tích trữ bửu vật của bao triều vua trong bao thế-kỷ trước. Nhưng Bố-điền đến thương-lượng với Quí Ly, Quí Ly ép phải đổi tờ biểu, chịu nạp cả động-Cổ-lũy nữa (1). Chiêm-thành chỉ còn một nửa đất đai mà 12 năm trước họ đã choán được dưới thời Chế Bồng-nga.

Họ Hồ chia đất Chiêm-động và Cổ-lũy-động làm 4 châu là Thăng 升, Hoa 化, Tư 思 (1 chữ), Nghĩa 義 (1), đặt lộ Thăng-hoa 升 花 路 thống hạt 4 châu, còn ở đầu nguồn thì đặt làm Trấn Tân-ninh 新 寧 cử Nguyễn Cảnh Chân 阮 景 真 làm An-phủ sứ lộ Thăng-hoa, bổ Chế Ma-nô-đa-nan Cổ-lỷy huyện Thượng-hầu để trấn giữ hai châu Tư, Nghĩa.

Sau khi nhường đất Chiêm-động và Cổ-lũy-động cho ta, Chiêm-thành thu lấy những dân cận tiện đem về nước, còn người ở lại thì dùng làm quan, có lẽ để đóng ở biên-giới. Như vậy trong đất ấy, chắc là không còn nhiều người Chiêm. Họ Hồ hạ lệnh cho dân có của mà không có ruộng ở Nghệ-an, Thuận-hóa đem vợ con vào ở để khai-khẩn, dân ấy phải thích hai chữ tên châu mình trên cánh tay ; lại mộ người có trâu đem nạp thì cấp cho phẩm tước, để lấy trâu cấp phát

---

(1) Chiêm-động là phần phía nam tỉnh Quảng-nam ngày nay chia làm hai châu Thăng, Hoa ; Cổ-lũy-động là phần phía bắc tỉnh Quảng nghĩa ngày nay, chia làm hai châu Tư, Nghĩa.

cho dân cày. Người Chiêm-thành không có họ, từ đó từ Thăng-Hoa trở vào nam, ai có họ là dân Việt mới đến sau.

Vua Minh Thái-tổ đã từ khước cống phẩm của La Khải, nhưng sau đó vua Chiêm lại sai sứ sang cống. Vua Minh Thành-tổ lên ngôi (1403), có đưa chiếu sang dụ Chiêm-thành. Vua Chiêm Ba-đích-lại liền dâng tờ biểu bằng vàng lá xin triều cống và tố-cáo An-nam xâm lược đất đai, xin thiên-tử xuống chiếu răn giới, vua Thành-tổ y lời.

Hán Thương Khai-đại năm đầu (1403), Hán Thương đóng thuyền nhỏ để đánh Chiêm-thành, dự tính chia các đất Bản-đạt-lang (?), Hắc-bạch (?), và Sa-ly-nha (?), từ Tư, Nghĩa trở vào nam, đến biên-giới Tiêm-la, làm châu, huyện, bèn gia phong Phạm Nguyên Khôi làm Đại Tướng-quân, làm Thủy-quân Đô-tướng, Hồ Vấn (1) làm phó, Đỗ Mãn làm Bộ-quân Đô-tướng, Dỗ Nguyên Thác làm phó, đem quân thủy, bộ 200.000, đều do Nguyên Khôi tiết chế. Họ Hồ xuống lệnh người nào ra trận mà sợ giặc thì chém, vợ con, tài-sản đều bị tịch thu. Quân họ Hồ vào đất Chiêm, làm thêm nhiều chiến-cụ, vây thành Trà-bàn, nhưng Trà-bàn phòng thủ vững vàng, quân đi đã 9 tháng, hết lương ăn nên phải rút về.

---

(1) Tức Trần Vấn troug cuộc phạt Chiêm năm Canh-thìn, được cho họ là Hồ.

Năm Minh Vĩnh-lạc thứ 2 (1404), vua Chiêm sai sứ sang tâu rằng vua An-nam không tuân chiếu chỉ của thiên-tử, lại đem thủy quân xâm lược, sứ Chiêm đi cống Trung-quốc trở về, các món đồ vua ban cho đều bị An-nam cướp ; xin cấp cho ấn chương, áo mũ để được làm thần-thuộc ; An-nam đã chiếm cứ các đất Sa-ly (?) thế mà còn xâm lược không thôi, Chiêm-thành sợ không tồn tại được, vậy xin lệ thuộc bản đồ, và xin sai quan sang cai-trị.

Khi quân Phạm Nguyên Khôi rút về, ra biển, thì gặp 9 chiếc thuyền của nhà Minh sang cứu Chiêm-thành. Người Minh bảo Nguyên Khôi nên đem quân về ngay, không nên ở lâu.

Gửi chiến thuyền sang cứu Chiêm-thành rồi, vua Thành-tổ lại sang trách Hồ Hán Thương và gửi phẩm vật tặng Ba-đích-lại. Hồ Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem hai con voi đen, trắng mà Ba-đích-lại đã biếu trước kia sang biếu nhà Minh.

Khai-đại năm thứ 2 (1404), Hán Thương sai đào kênh Sen (1) (Liên cảng) từ Tân-bình đến Thuận-hóa để tiện việc chuyên chở binh lương, nhưng vì bùn cát phun lên, không đào được, phải thôi. Cửa Eo (tức cửa Thuận-An ngày nay) vỡ, sai đem quân binh để đắp lấp.

---

(1) Ở làng Thủy-liên, huyện Lệ-thủy, chỗ đào ấy nay còn, gọi là Bàu Sen.

Năm Minh Vĩnh lạc thứ 4 (1406) vua Chiêm sai sứ sang cống nhà Minh và cáo tai nạn An-nam. Bấy giờ nhà Minh sắp đem binh sang đánh họ Hồ, nên vua Minh sắc vua Chiêm-thành nghiêm binh ở biên cảnh, chận bắt người Việt vượt qua, đưa sang nạp ở kinh-sư.

Năm quân Minh sang đánh, Hồ Hán Thương đặt Hoàng Hối Khanh 黃晦卿 làm Thái Thú Thăng-hoa, kiêm tiết-chế trấn Tân-ninh, chuyên cai-trị đất ấy. Hối Khanh dùng thổ quan là Đại Tri Châu Đặng-Tất 鄧悉 và Phạm thế Căng 范世矜 làm tâm phúc. Khi họ Hồ thua chạy, liền đưa sắc thư vào phong cho Cổ-lũy huyện-thượng-hầu là Chế Ma-nô-đà-nan làm Thăng hoa quận vương để chiêu dụ dân Chiêm cứu viện ; lại sai Hoàng-Hối Khanh lấy một phần ba di dân khi trước và thổ-quân giao cho Châu-phán Nguyễn-Lỗ 阮嚕 điều khiển, để làm quân cần vương, nhưng Hối Khanh giấu lệnh ấy, không nói ra. Thấy họ Hồ thua chạy, Chiêm thành đem quân sang lấy lại Chiêm-động và Cổ-lũy-động, các di dân chạy tan, Hối Khanh chạy về châu-Hóa. Đặng-Tất, Nguyễn Lỗ cũng dẫn quân thủy bộ về theo. Chỉ còn mình Chế Ma-nô-đà-nan chống với quân Chiêm, thế cô sức yếu, bị người Chiêm giết. Tất đi đường thủy đến trước, Lỗ đưa các di-dân đi đường bộ đến sau. Tất đến Thuận-hóa, Trấn-phủ lộ này là Nguyễn Phong cự, không cho vào, Tất đánh giết Nguyễn Phong rồi vào thành. Tất cùng Lỗ từ trước vốn ghét nhau vì công trạng nay lại đánh nhau, Lỗ thua bèn đem gia-đình sang Chiêm-thành. Quân Chiêm lấy lại Thăng-hoa rồi lại đánh Hóa-châu.

Thời minh thuộc

Lấy được Chiêm-động và Cổ-lũy-động, lại bắt được mấy người Việt là bọn Hồ Liệt 胡烈, Phan Ma Hưu 潘麻休 (?) năm Vĩnh-lạc thứ 5 (1407), Chiêm-thành sai đem mấy người này nạp nhà Minh, đồng thời dâng biểu tạ ơn. Vua Minh sai mang sắc thư sang khen vua Chiêm đã giúp binh thảo nghịch, và ban cho bạc, lụa. Từ đó, hai bên trao đổi sứ giả, Chiêm thành thường vào cống nên được nhà Minh ủng hộ.

Nhà Minh bắt được cha con họ Hồ rồi, cử Đặng Tất làm Đại-Tri-Châu châu-Hóa. Quân Chiêm rút về. Đặng Tất đã hàng Minh, bèn bắt Hoàng-Hối Khanh, sai đưa ra Bắc để giao cho quân Minh, đến cửa biển Đan- thai (1), Hối Khanh tự vẫn, Trương Phụ sai bêu đầu ở chợ Đông-Đô.

Cuối năm Định-hợi (1407), Đặng Tất ở Hóa-châu nghe tin Giản-định-Đế 簡定帝 đã dấy lên, bèn giết hết quân nhà Minh mà ra Nghệ-an theo vua Hậu-Trần, được phong làm quốc công, cùng vua mưu sự khôi-phục.

Giản Định-đế, năm Hưng-Khánh thứ 2 (1408), vua và Đặng Tất rút về Châu Hóa, bị quân Minh đuổi theo, đến cửa biển Bố-chính, Phạm Thế Căng đón Trương Phụ xin hàng, được Phụ cho làm Tri-phủ Tân-bình. Phạm Thế Căng nhận chức ấy rồi, tự xưng là Duệ-vũ đại-vương, làm oai, làm phúc. Đặng Tất bèn đánh bắt

(1) *Cửa Hội.*

Thế căn giết; rồi điều độ quân các lộ Thuận-Hóa, Tân-bình, Nghệ-an, Diễn-Châu, Thanh-Hóa tiến ra đánh Đông đô, cùng tướng Minh là Mộc Thạnh 沐晟 đánh nhau ở Bồ-cô (1), đánh tan quân giặc, thanh thế lừng lẫy. Năm sau (1409), vua Giản-định nghe lời dèm pha, giết Quốc công Đặng Tất và tham-mưu quân-sự Nguyễn Cảnh Chân.

Con Đặng Tất là Đặng Dung 鄧容 và con Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị 阮景異 đem quân Thuận-hóa về Thanh-hóa, tôn Trần Quí Khoách 季擴 lên ngôi vua, niên- hiệu Trùng-quang 重光.

Vua Giản-định bị quân Minh bắt, vua Trùng-quang lui giữ Nghệ-an, đánh nhau với quân Minh mấy năm, và trong cuộc kháng-chiến này binh-sĩ Tân-bình và Thuận-hóa góp sức rất nhiều. Năm Trùng-quan thứ 4 (1412) quận Minh chiếm Thanh-hóa, Diễn-châu, năm sau (1413) đánh vào Nghệ-an, vua Trùng-quang chạy vào Hóa-Châu. Trương Phụ 張輔, Mộc Thạnh hợp các tướng để bàn kế-hoạch tấn công. Thạnh nói: «Châu Hóa núi cao, biển rộng, chưa dễ lấy được.» Phụ nói: «Ta sống cũng vì châu Hóa, chết làm ma cũng vì châu Hóa, chưa dẹp được châu Hóa, ta còn mặt mũi nào trông thấy chúa Thượng nữa.» Phụ bèn đem thủy-quân đi, 21 ngày đến, đánh vào thành châu Thuận-hóa, bắt được Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị, vua Trùng-quang chạy sang Lão-qua rồi cũng bị bắt, nhà Hậu Trần dứt.

---

(1) *Thuộc tỉnh Nam-định.*

Tháng giêng năm Giáp-ngọ (1414) Trương Phụ và Mộc Thạnh chiêu vũ dân Tân-bình, Thuận-hóa, đặt quan cai-trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, làm sổ bộ, định ngạch thuế ruộng và các thứ thuế tơ lụa, đặt Thị-tàu đề-cử-ty ở Tân-bình và ở Thuận-hóa, lại đặt Trừu-phân-trường để đánh thuế thuyền buôn.

Phủ Thăng-hoa tuy có đặt quan, nhưng Chiêm-thành vẫn có đặt Trưởng-lộ chiếm quản, nhà Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Thời Lê.—

Bình-định vương Lê Lợi khởi-nghĩa năm mậu-tuất (1418), Bình-định vương năm thứ 8 (1425), vây thành Nghệ-an, tiến đánh Đông-đô, và sai Tư-đồ Trần Nguyên Hãn 陳元扞 Thượng-tướng Lê Nỗ 黎弩 đem 1000 quân và một thớt voi vào đánh lấy lại được phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa. Bọn Nguyên Hãn đến sông Gianh, gặp quân Minh, Hãn giả thua, quân Minh đuổi theo, bị quân ta đã mai phục nổi lên đánh tan. Vương lại sai Lê Ngân 黎銀 đem 70 chiếc thuyền vượt biển thẳng đến đất ấy, nhân-dân đều qui thuận.

Đến năm thứ 10 (1427) vương sai người Minh đầu

hàng là bọn Châu Sài 朱儕 lãnh 340 con ngựa đem đến chăn nuôi ở Hóa-châu, chia những người khỏe mạnh trong bọn người Minh bị bắt cho đến ở Tân-bình.

Vẫn đặt hai lộ Tân-bình và Thuận-hóa y như đời Trần. Vương dụ tướng hiệu, quân nhân Tân-bình, Thuận-hóa rằng: « Trước kia, Chiêm-thành nghịch mạng, xâm lấn biên-cương ông cha các người đã đem lòng thành giúp thuận, báo đáp quốc-gia đánh bại quân giặc, lấy lại đất đai, tiếng thơm, công lớn ghi lại sử sách. Nay quân Minh bất đạo, trên trái lòng trời, cùng binh, độc võ, cốt mở đất đai, khiến sanh dân lầm than đã hơn 20 năm rồi. Ở các kinh, lộ của ta, chưa thấy ai bày tỏ lòng trung, ra sức lập công, mà các người là bề tôi phên dậu, lại biết nhớ côn sức ông, cha, hết lòng trung với nhà vua, lập được chiến công, trung thành như thế, thật là đáng khen. Vậy đặc cách thăng tước cho người là A-đại-liêu-ban, người nên cố gắng.».

Năm ấy, vua Chiêm-thành sai sứ đến dâng phương vật. Vương sai Viên-ngoại-lang là Lê Khắc Hài 黎克諧, Bùi Tất Ưng 裴必應 làm Chánh, Phó-sứ đem ngựa, đồ đựng rượu bằng pha-lê xanh, đỏ, tặng vua Chiêm.

Lên ngôi rồi, Thuận-thiên năm đầu (14 8), vua Thái-tổ thấy Hóa-châu là trọng trấn, nên sai trọng thần vào trấn thủ, đặt chức Tổng-quản, Tri-phủ cho lộ ấy. Các tướng hữu danh thời ấy như Lê Khôi 黎 灰, Lê Chuyết 黎 灺 đều có trấn đất này.

Vua Thái-tông lên ngôi còn nhỏ, người Chiêm tưởng có thể thừa cơ đánh phá.

Thiệu-bình năm đầu (1434), Chiêm-thành cướp Hóa-châu, Vua Chiêm là Bố-đề 布 提 (1) sai thuyền vào cửa Việt để dò đường vào cướp, bắt mấy người đem đi, dân đuổi theo, bắt được 2 người Chiêm đem nạp. Tháng sau, vua sai quân 5 đạo diệu võ ở hiệu-trường, sai đem 2 người Chiêm ấy đến xem. Vua lại sai Tư-mã Lê Liệt 黎 列 đốc suất quân Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa đi tuần, nếu gặp giặc cỏ Chiêm-thành cướp bóc biên-cảnh thì đánh, tướng hiệu, quân-nhân nào khi lâm chiến mà trái lệnh hoặc nhị tâm, thối lui, thì chém rồi sẽ tâu ; lại sai Nhập-nội Thiếu-uý Lê Khôi, Hành-khiển Tổng-quản Lê Chuyết đem quân Tân-bình, Thuận-hóa đi theo. Bọn Tiệt đến, Bố-đề đã đem quân về, có hai người đầu mục quản tượng đến hàng. Lê Liệt định về, có người Man Hóa-châu là Đạo Thành 道 成 bị Đạo Luận 道 論 đánh đến xin cầu viện, Liệt bèn sai binh đánh giúp, bắt được hơn 1000 người, vài chục thớt voi đem về. Mấy tháng sau trong năm ấy, Chiêm-thành sai sứ đem thư và phương-vật đến dâng, xin hòa thuận. Đại Tư-đồ Lê Sát 黎 察 hỏi vặn sứ giả: «Tại sao nước ngươi lại dám lén vào biên-cảnh ta, cướp bóc ở Hóa-châu ?», Sứ Chiêm đáp : «Vua tôi nghe tiên-hoàng băng, kim-thượng

(1) *Theo sử Tàu thì Ba-đích-lại còn làm vua cho đến năm 1441, vậy Bố-đề đây là tên gọi khác của Ba-đích-lại.*

tức vị, mà hai nước thì không thông sứ với nhau, nên mới sai tướng ra hỏi tin-tức, chẳng ngờ tướng ấy thiện tiện trái lệnh, bắt 6 người dân Hóa-châu đem về, vua tôi giận, từ đại-tướng trở xuống đều khép vào tội chặt chân cả, lại sai hộ tống 6 người ấy về, không dám phạm.» Triều-đình biết là sứ-giả nói dối, nhưng cũng làm ngơ.

Năm sau, Thiệu-bình thứ 2 (1435), Chiêm-thành lại sai sứ đến, khi về, vua ban cho một cây hàng, và sai Lê Nhữ Lãm 黎汝覽 hỏi : « Đất ruộng Cổ-lũy (1) là đất của ta, các người nhân lúc nước ta nhiều việc, chiếm đoạt làm của riêng, đến nay cũng không trả, lại không nạp tuế cống, sao vậy ? » Sứ giả đáp: « Chúng tôi muốn hai nước thân ái để giúp đỡ nhau, nhưng vua nước chúng tôi tối tăm, già cả không nghe, không tin chúng tôi, mong được sứ thần của triều-đình đến nói với vua chúng tôi, nếu không, chúng tôi có nói, vua cũng không tin » Nhữ Lãm nói : « Triều-đình há không có một sứ thần để phái đi, chỉ vì nước người không có một lễ lớn, lễ nhỏ nào, sứ thần lễ nào khinh suất mà đến ? » Rồi trao cho ấn tín Thượng-thư.

Vua Chiêm là Ba-địch-lại (Jaya Simhavarman V) mất năm 1441, từ đó Chiêm-thành bị nội loạn, ngoại xâm, lần lần suy yếu.

Con Ba-địch-lại là Ma-ha-quy-lai 麻訶貴來 không được kế vị, cháu là Ma-ha Bí-cai 貴該 (Mahã Vijaya, 1441-1446) lên nối ngôi (2). Lên ngôi rồi, Bí-cai liền sai

(1) *T. T. chép là 占土壘, nghi là 占古壘 mà chép lầm chăng ?*

(2) *Có sách nói Ba-đích-lại truyền ngôi cho con là Ma-ha Qui-lai vốn là Thái-tử, nhưng vì còn nhỏ tuổi nên đã nhường ngôi cho người chú là Ma-ha Bí-cai.*

vương tôn sang cống nhà Minh và xin nối ngôi, được vua Minh Anh-tông phong vương.

Được lòng nhà Minh rồi, Bí-cai mấy lần cho quân ra cướp phá nước ta

Đời Nhân-tông, năm Thái-hòa thứ 2 (1444) Chiêm-thành ra cướp phá Hóa-châu, triều Lê sai Thái-bảo Lê Bôi 黎孟 và Tổng-quản Lê Khả 黎可 đem 10 vạn quân đi đánh. Vua Nhân-tông xuống chiếu dụ tướng, sĩ, quân, dân Hóa-châu rằng. « *Đất các người giáp Chiêm-thành, nhiều lần bị cướp bóc, Ông cha các người đã hết sức đánh, giữ, để củng-cố biên-thùy. Đến khi Thái-tổ Cao-hoàng-đế ta mới dựng nước, nghĩ rằng các người đã hết lòng chống giữ, thủy chung như nhất, đời đời giữ lòng trung nghĩa, nên đã rộng ban ân trước. Mới đây chúa nước Chiêm đem binh và voi đến vây, bây giờ viện binh chưa đến, sự thế nguy cấp, các người đã dõng dược chiến đấu không tiếc mình, xông-pha ở chỗ vạn tử, lấy một chống lại vạn, cuối cùng giết được cường địch, giữ được cô thành, khiến uy nhà vua suốt đến phương xa, ấy là sức của các người. Nay sai Chính-sự-viện Tham-nghị Nghiêm Tử Kiệt Hàn-lâm-viện Đãi chế Hoàng Bút Phu mang sắc dụ đến ủy-lạo nhân-dân. Trong các ấp, người nào có chiến công hoặc nhà có kẻ trận vong, sai Thủ-tướng khai tâu lên để nêu thưởng ; ấp nào bị giặc đốt cướp thì cho tha tô thuế 3 năm. Vậy ban chiếu dụ này cho ai nấy đều nghe biết.*»

Năm sau, (1445), tháng 4, Chiêm-thành lại vào đánh

cướp thành An-dung của Hóa-châu, tháng 5, gặp lụt, phải thất bại. Triều Lê, sai Tư-đồ Lê Thận 黎 愼, Đô-đốc Lê Xí 黎 熾 đi đánh dẹp.

Trước thái-độ ấy của người Chiêm, triều Lê phải nghĩ đến việc đem đại binh chinh phạt. Thái-hòa năm thứ 4 (1446) tháng giêng, nhân kỳ đại-hội quân, chọn quân mạnh mẽ để sung vào các đạo quân, khiến chở lương đến trữ ở huyện Hà-hoa, rồi sai Đô-đốc Lê Thọ 黎 受 Lê Khả Thiếu-phó Lê Khắc Phục 黎 克 復 đem hơn 60 vạn quân đi đánh Chiêm thành.

Trước khi xuất quân, vua Lê đã sai sứ sang trình-bày với vua nhà Minh rằng người Chiêm luôn luôn gây hấn. Vua Minh Anh-tông truyền sắc dụ Ma-ha Bí-cai: « Gần đây vua An-nam sai sứ sang tâu rằng khi vua còn nhỏ, Chiêm-thành đã xâm-lăng Thăng-hoa, Tư-nghĩa, lại còn nhiều lần cướp Thuận-hóa. Hai nước đều chịu mạng triều-đình, ai có phân-cương nấy, há còn dấy binh, gây oán, trái với nghĩa mục lân, bảo cảnh, sao ? Vậy phải theo lẽ phận, nghiêm sức biên-thùy không được buông túng để gây họa cho sinh linh ; và dụ An-nam phải nghiêm chỉnh bị ngự, không được lấy lòng riêng mà báo oán.»

Tháng 2 năm Thái-hòa thứ 4 (1446) bọn Lê Thọ đến Ly-giang 離 江 (?), Đa-gia 多 耶 (?), Cổ-lũy 古 壘 của Chiêm, khai thông thủy-lộ, dựng thành, đồn, đánh tan

quân Chiêm. Quân nhà Lê thừa thắng kéo thẳng đến Thị-nại. Tháng 4, quân của Lê Thọ đánh Trà-bàn, thắng lớn, bắt vua là Bí-cai, phi, tần, bộ-thuộc, ngựa voi, võ-khí và hàng tướng đem về. Cháu của vua cũ Bố-đề 菩提 là Ma-ha Qui-lai (1) đã hàng, sai bề tôi là Chế Cửu-ma, Chế Bà-bì hàng, và dâng biểu xưng thần, nên được lập làm vua (1446-1449). Tháng 6, đem Bí-cai và bộ thuộc làm lễ hiến tiệp ở nhà Thái-miếu. Vua Nhân-tông chỉ giữ Bí-cai và 3 phi tần ở lại kinh thành, còn các người Chiêm khác thì cho về nước. Sai sứ sang cáo với nhà Minh việc Chiêm-thành vào cướp năm ngoái.

Về phần Ma-ha Qui-lai cũng sai sứ sang nhà Minh tâu rằng mình đã được quốc nhân mời lên ngôi, xin chờ mạng của triều-đình; vua Minh Anh-tông bèn phong vương cho Qui-lai.

Bí-cai được vua Lê Nhân-tông đãi tử tế. Năm Thái-hòa thứ 6 (1448), bọn Nguyễn Hữu Quang 阮有光 từ Chiêm-thành về, sứ Chiêm cũng đến dâng quốc-thư và phương-vật, được vua ban yến ở nhà sứ quán, sai Tư-khấu Lê Khắc Phục chủ-tọa; vua cho Bí-cai mũ, đai, y-phục và cho dự yến. Tuy vậy, cũng năm ấy, vua Nhà Minh sắc đưa Bí-cai về nước, vua Nhân-tông không tuân.

---

(1) Nếu Bồ-đề cũng là Ba-đích-lại thì Ma-a Qui-lai là con chứ không phải cháu; sử Tàu cũng cho Ma-a Qui-lai là cháu đích của Ba-đích-lại.

Năm Kỷ-tỵ (1449), Ma-ha Qui-lai bị em là Ma-ha Quí-do 貴由 truất phế, bắt giam, giết, rồi lên làm vua (1449-1458). Quí-do sai sứ sang cống phương vật, vua Nhân-tông không nhận, nói: « Tôi giết vua, em giết anh, là tội đại ác cổ kim, ta không nhận phẩm-vật, sai trả lại». Vua lại sai Đồng-tri hữa tư-sự là Nguyễn Hữu Quang, Thị-ngự-sử là Trình Ngự 程馭 đem thư sang Chiêm-thành hỏi rõ việc ấy. Bọn Nguyễn Hữu Quang về, có sứ thần Chiêm theo đến, vua sai Tư-khấu Lê Khắc Phục, Nạp-ngôn Nguyễn-Mộng Tuân cật vấn về việc giết vua, sứ Chiêm không trả lời được, chỉ lạy tạ mà thôi. Vua bèn sai Thượng-thư Trình Dục 程昱, Hàn-lâm-trực-học-sĩ Trịnh Kiên 鄭堅 đi sứ Chiêm, mang thư quở trách, và đòi giao lại những người nước ta ở bên ấy; thư đại lược nói: « Nước thì có vua, tôi, đó là đạo cương thường. Nước Chiêm-thành vì sao trái đạo thường mà đến như vậy? Trước kia vua là Đề 提 mất, các người không lập con vua mà lập Bí-cai, các người lại không đưa vua theo đường đạo lý, kính thờ nước lớn, đến nỗi bại vong; các người đã xin lập Qui-lai làm chúa rồi liền phế đi mà lập Quí-do, phản phục bất trung như thế là đạo lý gì?» Quí-do liền gửi trả lại 70 người Việt ở trên đất Chiêm, và trong đời vua này không giao-thiệp với Đại-Việt. Đời vua Cảnh-tông nhà Minh, năm Cảnh-thái thứ 3 (1452), Quí-do sai sứ sang cống, cáo tang; vua Minh sai sứ sang phong vương cho Quí-do.

Năm mậu-dần (1458), Bàn-la Trà Duyệt 槃羅茶悅

cháu rể Bí-cai, giết Quí-do mà tự lập, chấm dứt vương-triều thứ XIII. Trà Duyệt cống nhà Minh, nhưng không cống vua Lê. Năm Canh-thìn (1460) Trà Duyệt nhường ngôi cho em là Bàn-la Trà Toàn 茶全 (1460-1471), Trà Toàn được vua Minh phong vương, và tiếp tục sang cống nhà Minh.

Trà Toàn gặp khó khăn với Đại-Việt ; bấy giờ vua Thánh-tông mới lên ngôi, muốn khôi phục lại đất đai mà nhà Trần đã lấn được ở Chiêm-thành. Vua Minh Hiến-tông lên ngôi (1465), Trà Toàn sai sứ sang kêu là An-nam xâm-lăng, đòi cống voi trắng, vậy xin thiên-triều sai quan sang lập biên giới giữa hai nước để ngăn chận xâm lăng. Bộ Binh cho rằng hai nước đương chiến tranh, không tiện sai sứ, xin bảo sứ-thần về bảo Quốc-vương phải tuân lễ phép, giữ gìn biên-cương, chống ngoại vũ, chớ khinh suất gây chiến-tranh,

Thấy không được nhà Minh giúp, năm Quang-thuận thứ 8 (1467), Trà Toàn sai sứ sang cống vua Lê Thánh-tông. Vua Thánh-tông muốn Chiêm-thành đối với Đại-Việt cũng như đối với Trung-quốc, buộc phải cống thêm. Chiêm-thành không chịu, và năm Minh Thành-hóa thứ 5 (1469) sai sứ sang cống nhà Minh, và báo cáo ý muốn ấy của Đại-Việt. Trà Toàn thấy rằng phải dùng quân-sự mới giữ độc lập được, nên năm ấy, sai quân đánh Hoa-châu. Và năm sau, Hồng-đức năm đầu (1470), tháng 8, đem hơn 10 vạn quân thủy, bộ, và voi, ngựa ra

đánh chiếm Hóa-châu. Thủ-ngữ Kinh-lược-sứ Thuận-hóa là Phạm Văn Hiền 范文顯 chống cự không nổi, phải rút vào thành cố thủ và phi báo về triều-đình. Vua Thánh-tông quyết-định thân-chinh. Tháng 10, vua sai sứ sang nhà Minh kể tội người Chiêm quấy nhiễu; tháng II, xuống chiếu thân chinh, sai tuyển hoàng-đinh 15 tuổi trở lên sung bổ quân ngũ, trưng tinh-binh 26 vạn, ban 24 điều quân-lệnh sai Thái-sư Đinh Liệt 丁列, Thái-bảo Lê 黎念 Niệm làm Chinh-lỗ Tướng-quân, lãnh thủy-quân 3 phủ vệ đông, nam, bắc đi trước. Ngày tân-tỵ, vua cáo Thái-miếu, rồi thân suất đại quân đi theo. Đến miền Thiết-sơn (1) thì hai đạo quân gặp nhau, rồi thủy-quân cũng đi trước. Tháng giêng năm sau, Hồng-đức thứ 2 (1471) vua đóng ở Thuận-hóa, sai thủy-quân Thuận-hóa ra biển luyện tập, và sai người Thuận-hóa là Nguyễn Võ 阮武 vẽ bản đồ sông núi nước Chiêm-thành để noi theo mà tiến binh. Vua làm bài « Bình Chiêm sách » bàn về sách lược đánh Chiêm-thành, trong đó nêu lên 10 lẽ chắc thắng, và 3 điều nên sợ, sai dịch sang quốc-ngữ để hiểu dụ quân sĩ.

Đại quân đến hai cửa biển Tân-áp 新帢 (2) Cựu-tọa 舊坐 (3). Tháng 2, ngày 5, Trà Toàn sai em đem 6 viên tướng và 5.000 quân, và voi lên đến bức dinh trại vua

(1) *Thuộc huyện Hưng-nguyên, Nghệ-an.*

(2) *Cửa biển Tân-áp ở phủ Tam-kỳ, tỉnh Quảng-nam, còn tên là cửa Hiệp-hòa, nay gọi là Đại-áp.*

(3) *Cửa biển Cựu-tọa ở cách cửa Tân-áp độ 7 dặm, nay gọi là cửa Tiểu-áp (chú cửa C.M.)*

vua liền mật sai Tả-du-kích Tướng quân Lê Hy Cát 黎希葛, Hoàng Nhân Thiềm 黃仁添 và Tiền Phong Tướng-quân Lê-Thế 黎勢, Trịnh văn Sái 鄭文洒 đem hơn 500 chiến thuyền, 3 vạn tinh-binh ban đêm vượt biển vào cửa Sa-Kỳ (1) lập đồn lũy để chận đường về của quân giặc. Còn vua ngày hôm sau đem hơn 1.000 chiến thuyền, hơn 70 vạn tinh-binh ra biển dựng cờ Thiên-tử, đánh trống, reo hò mà tiến. Tướng-quân bộ-binh là Nguyễn Đức Trung 阮德忠 đã được lệnh trước đem bộ-binh chiếm các đường ven chân núi. Xa trông thấy đạo quân của vua, quân Chiêm tan vỡ, dày xéo nhau chạy về Trà-bàn. Đến núi Mộ-nộ 慕奴 ở phía tây cửa Sa-kỳ thì gặp quân của Lê Hy Cát, quân Chiêm hoảng hốt chạy ngang lên chân núi cao, bỏ lại người, ngựa, lương thực đầy đồng, bọn Lê Niệm, Ngô Hồng 吳洪 sai binh đuổi theo, chém được một đại-tướng, còn bao nhiêu chạy tan. Bấy giờ vua đến Thề-cần 釆芹 (2) cho binh tiến đánh, chém hơn 300 đầu, bắt sống hơn 60 người.

Được tin em thua, Trà Toàn sai một người trong hoàng-gia đến xin hàng, vua cũng sai sứ giao-thiệp, nhưng vẫn cứ tiến binh. Ngày 27, vua thân suất đại quân đánh Thị-Nại 施耐 chém hơn 100 người. Ngày 28, vua tiến binh đến Trà bàn, ngày 29, đến dưới thành, vây mấy vòng, sai làm thang leo. Ngày mồng một tháng 3, hãm thành Trà-bàn, sai leo thang vào, rồi

---

(1) *Thuộc Bình-Sơn, Quảng-ngãi.*

(2) *Cửa biển ở phía đông-bắc phủ Bình-sơn.*

phá cửa Đông, chém đầu hơn 4 vạn, bắt Trà Toàn và hơn 3 vạn người. Vua xuống lệnh quân-sĩ phải phong giữ các kho tài vật, không được đốt, sai bày hóa-vật khí-dụng của Chiêm ra vua xem, đưa Trà Toàn đến cửa quân, đem bác của Trà Toàn là A-ma 阿麻 đến. Khi Trà Toàn được đưa đến trước vua Thánh-Tông, Trà-Toàn quì, vua hỏi : «Người phải chúa nước Chiêm không ?» Đáp : «Phải»

— Biết ta không ?

— Thần xem phong thái, biết là Thánh-thượng.

— Mấy con rồi ?

— Hơn mươi đứa.

Đỗ Hoàn 杜環 tâu « Y đã xin thương, để được cho làm bề tôi, xin bệ-hạ đừng giết.» Vua nói : «Dưới gươm giáo, sợ y bị hại, may còn sống, thật vui lòng ta». Bèn sai đưa Trà Toàn ra ở nhà nhỏ bên cạnh. Tên quân đẩy Trà Toàn đi, vua nói : «Từ từ dẫn đi, ấy là chúa một nước, sao lại khuẩn bách như vậy ? » (1)

Ngày mùng 2, ban sư.

Trà Toàn được đưa về kinh-đô, trên chiến thuyền, nhưng đến Nghệ-An thì mất ; thi thể được thiêu, rãi theo gió theo tục Chàm, còn đầu bị chặt, treo trước thuyền

(1) *T.T.*

ngự, với một lá cờ trên đề : «đầu của tên đại ác Trà Toàn của Chiêm thành cũ» (占城元惡荼全之首).

Vương-triều XIV của người Chàm chấm dứt.

Em Trà Toàn là Trà Toại, Minh-sử gọi là Trà Duyệt 荼悅, trốn vào núi vua sai Lê Niệm đem quân bắt được đưa về Đông-kinh.

Trà Toại mà Minh-Sử gọi là Trà Duyệt, có sai sứ sang nhà Minh cáo nạn. Bộ binh tâu rằng : «An-nam thôn tính Chiêm thành, nếu không phàn xử thì không chỉ mất lòng qui phụ của Chiêm mà còn khiến An-nam cường ngạnh, vậy nên sai quan mang sắc sang dụ An-nam phải trả lại Quốc vương và quyến thuộc ». Vua Minh sợ An-nam không tuân, khiến đợi khi sứ An-nam sang cống, sẽ ban sắc trách hỏi. Minh Hiến-tông, năm Thành-hóa thứ 8 (1472), Trà Duyệt, tức sử ta gọi là Trà Toại, xin phong, vua Minh sai Cấp-sự-trung Trần-Tuấn Hành nhân Lý Sách cầm cờ tiết đến cảng Tân-châu (1) quan giữ cảng cự, biết rằng Chiêm đã bị An-nam chiếm cứ rồi.

Sau khi vua Thánh-tông chiếm Trà-bàn, một tướng Chiêm là Bô-trì-trì 逋 持 持 chạy thoát, đem tàn quân vào Phan-lung (Phan-rang) tự xưng vương, giữ được hơn 1/5 đất đai cũ của Chiêm, sai người đến xin xưng thần

(1) *Cửa Thi-nại.*

và nạp cống. Vua Thánh-tông nhân đó chia đất đai còn lại của Chiêm-thành làm 3 nước cho yếu thế đi :

1) Chiêm-thành là đất từ núi mà sau đó gọi là Thạch-bi 石碑山 trở về nam, phong cho Bô-trì-trì.

2) Nam-bàn là đất từ núi này trở về tây, phong cho dòng dõi của vua cũ nước Chiêm còn sót lại ;

3) Hoa-anh (nước này về sau mòn mỏi, suy yếu, không thể khảo-cứu được.).

Tương truyền rằng vua Lê Thánh-tông đánh Chiêm-thành, mở đất đến biên-giới hai tỉnh Phú-yên, Khánh-hòa ngày nay, sai đục đá ở đỉnh núi cao nhất trên bờ biển ở đây để dựng bia phân địa giới đất của ta và đất của Chiêm, núi ấy sau gọi là núi Thạch-bi. Bia ấy hiện còn, nhưng vết chữ đã mòn, không thể nhận được, nhưng tương truyền bia văn rằng : « Chiêm-thành quá thử, binh bại quốc vong, An-nam quá thử, tướng tru binh chiết », nghĩa là : Chiêm-thành qua đấy, quân thua nước mất, An-nam qua đấy, tướng chết, quân tan. Nhưng nếu bia ở Thạch-bi-sơn là thực do vua Lê Thánh-tông dựng lên thì có lẽ sau khi vua chiếm được Trà-bàn, có cho tướng tá đưa quân đi vào đến hết địa phận tỉnh Phú-yên ngày nay, rồi nhân đó đục đá làm bia, chứ vua đã không đến đó, vì ngày mồng 1 tháng 3 vua vào thành Trà-bàn, ngày mồng 2 đã ban sư rồi. Dầu sao, sau cuộc chiến-thắng này, uy-quyền của vua Đại-Việt

cũng đến phủ Hoài-nhân, tức tỉnh Bình-định ngày nay mà thôi, chứ chưa vào đến núi Thạch-bi, đất đai bên kia núi Cù-mông chưa thuộc bản đồ nước ta. Vậy đất từ núi Cù-mông đến núi Thạch-bi, vua Thánh-tông đã không giao cho Bồ-trì-trì mà vua cũng không khai thác, người Chiêm vẫn chiếm nó như cũ, đến đời chúa Nguyễn Hoàng sau nầy mới đánh lấy. Hay đấy là nước Hoa-anh chăng?

Trước khi vua Lê Thánh-tông thân chinh Chiêm-thành, năm Quang-thuận thứ 8 (1467), vua sai các Thừa-tuyên khám núi sông trong hạt mình, chỗ nào hiểm, chỗ nào bằng, và hỏi lại những sự-tích cũ, rồi vẽ bản-đồ, chú rõ, đệ lên bộ Hộ. Tham-nghị thừa-chính Hóa-châu là Đặng Chiêm 鄧 詔 nhân đó dâng sớ xin 5 điều cho châu mình: 1) Giữ cửa Tư-dung; 2) Lấp cửa Eo; 3) Đào kênh Sen (tức 蓮 港); 4) Bỏ thuế đầu nguồn; 5) Chiêu tập dân xiêu giạt đến khai-khẩn ruộng hoang ở Bố-chính. Vua đều chấp-thuận. Vậy Bố-chính từ đó mới có dân đến ở.

Sau khi vua thắng Chiêm trở về, chắc có xuống chiếu chiêu mộ nhân-dân vào ở đất mới chiếm lại và mới lấy thêm nữa, nghĩa là từ Thăng-hoa đến Bình-định ngày nay, nhưng sử không chép đó thôi. R.P. Cadière có đọc một tài-liệu còn giữ được ở làngMỹ-hòa, huyện Quảng-trạch, theo đó thì trong niên-hiệu Hồng-đức, khi vua Thái-tông đi đánh Chiêm trở về, xuống chiếu rằng Bố-chính đất rộng, dân thưa, liền với châu Hoan, vậy quân dân ai đến đó khẩn hoang sẽ được lợi lớn, và theo

ông, làng Mỹ-hòa và phần nhiều làng ở Bắc-bộ Quảng-bình đã được thành lập vào thời ấy (1).

Trong các đất đai vua Thánh-tông vừa mới thu hoạch, có miền Vijaya, vua đặt là phủ Hoài-nhân, tức tỉnh Bình-định ngày nay, là vùng rộng-rãi, có những đồng-bằng phì nhiêu, có cửa biển lớn, nên chắc đã hấp-dẫn những dân xa xôi hơn, như Nghệ-an, vốn quen nghề ghe thuyền ; họ đã vượt biển di-cư đến đó.

Đời Lê, còn những phần tử bắt buộc phải di-cư vào nam, ấy là những tù nhân bị kết án lưu. Bấy giờ, trong ngũ hình, về lưu hình (đày), có 3 bậc : lưu cận châu là lưu đi các xứ Nghệ-an, Hà-hoa (tức Hà-tĩnh ngày nay) ; lưu ngoại châu là lưu đi các xứ thuộc châu Bố-chính ; lưu viễn châu là lưu đi các xứ thuộc châu Tân-bình. Sau khi lấy được các đất từ Thăng-hoa trở vào, năm Hồng-đức thứ 5 (1474) vua Thánh-tông sắc chỉ rằng tù xử tội lưu đi cận châu thì sung Vệ-quân ở Thăng-hoa, đi ngoại châu thì sung Vệ-quân ở Tư-nghĩa, đi viễn châu thì sung Vệ-quân ở Hoài-nhơn, tội nhân được tha tội chết cũng sung Vệ-quân Hoài-nhơn (1).

Nguyên hồi Lê sơ, khi vua Thái-tổ mới đuổi quân Minh, ra Đông-đô, thì chia nước làm 4 đạo là Tây-đạo,

---

(1) *Géogrphie historique du Quảng-bình d'après les annales impériales của R.P. Cadière trong B.E F.E.O. năm 1903.*

(2) *L.t.h.c., Hình-luật chí.*

Đông-đạo, Nam-đạo, Bắc-đạo, đem các phủ, lộ, trấn, châu, huyện và xã, chia thành khu-vực để lệ-thuộc vào đạo. Đến khi trong nước đã yên, đặt thêm đạo Hải-tây, cho các lộ Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa lệ thuộc vào. Chưa thấy nói tới các đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa đương do Chiêm-thành làm chủ từ thời Minh-thuộc.

Đời vua Lê Thánh-tông, năm Quang-thuận thứ 7 (1466), đặt ty Tuyên-chánh-sứ các đạo, lấy Nguyễn Thì Đạt làm Tuyên-chánh-sứ Thuận-hóa. Cũng năm ấy, vua chia nước làm 12 đạo Thừa-tuyên là: Thanh-hóa. Nghệ-an, Thuận-hóa, Thiên-trường (1), Nam-sách (2), Quốc-oai (3), Bắc-giang (4), An-bang (5), Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên , Lạng sơn, và phủ Trung-đô, châu Sa-bôi (6). Cũng chưa thấy nói đến đất đai ở phía nam Thuận-hóa, Thuận-hóa thừa-tuyên gồm hai phủ : Triệu-phong và Tân-bình. Phủ Triệu-phong lãnh 6 huyện : Kim-trà (7), Đan-

---

(1) *Nay là Nam-định.*

(2) *Nay là Hải-dương.*

(3) *Nay là Sơn-tây.*

(4) *Nay là Bắc-ninh.*

(5) *Tức Quảng-yên sau này.*

(6) *Miền thượng-du Quảng-trị, do người Man ở.*

(7) *Sau đổi là Hương-trà.*

diễn (1) Hải-lăng, Tư-vinh (2) Điện-bàn, Vũ-xương (3) Phủ Tân-bình lãnh 2 huyện: Khương-lộc (4), Lệ-thủy và hai châu Minh-linh (5), Bố-chính (6). Như vậy, Thuận hóa thừa-tuyên gồm đất từ núi Hoàng-sơn vào đến cửa phía Bắc tỉnh Quảng-nam ngày nay; phủ Tân-Bình là từ biên-giới phía bắc tỉnh Quảng-bình đến cửa Việt tỉnh Quảng-trị ngày nay, từ đó vào Quảng-nam là phủ Triệu-phong.

Chiếm Chiêm-đô Trà-bàn rồi, vua Thánh-tông tổ-chức lại việc cai-trị các châu Thăng, Hoan Tư, Nghĩa đã lọt vào tay Chiêm-Thành từ thời Minh-thuộc. Vua cho người Chiêm đầu hàng là Ba-thái 巴太 làm Đồng Tri-phủ Đại

---

(1) *Sau đổi là Quảng-điền; năm 1835 lại tách ra một phần đặt thêm huyện Phong-điền.*

(2) *Sau đổi làm Phú-vinh, thường gọi là Phú-vang, nay là đất huyện Phú-vang và huyện Phú-lộc.*

(3) *Sau đổi làm Đăng-xương, rồi Thuận-xương, rồi bỏ. Ấy là một phần lớn đất phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị ngày nay.*

(4) *Nay là Phủ Quảng-ninh tỉnh Quảng-bình.*

(5) *Nay là huyện Vĩnh-linh và huyện Do-linh tỉnh Quảng-trị.*

(6) *Nay là huyện Quảng-trạch, huyện Bố-trạch và huyện Tuyên-hóa tỉnh Quảng-bình.*

chiêm (1), 大占 Đa-thủy 多水 làm Thiêm Tri-phủ và dặn rằng : « Đại-Chiêm, Cổ-lũy trước kia là đất của ta, gần đây bị nước Chiêm lấy, nay ta đã lấy lại hết được, đặc sai các người trấn giữ. Nếu ai dám không theo thì giết ngay đi rồi sẽ tâu lên. « Lại sai Đỗ Tử Qui 杜子歸 làm Đồng Tri-châu coi việc quân, dân ở Đại-chiêm, Lê Ỷ-Đà 黎倚陀 làm Tri-châu Cổ-lũy, coi việc quân, dân ; và cũng dặn : « Nếu người Chiêm ai không dám theo, cho phép giết ngay rồi sẽ tâu ». Xem quyển tiền trảm hậu tấu vua Thánh-tông đã phải trao cho các người cầm quyền thì biết bấy giờ công cuộc bình-định đất này khá khó khăn, vì sự phản đối của người Chiêm còn mạnh.

Hồng-đức năm thứ 2 (1471) tháng 6, vua Thánh-tông lấy đất Chiêm-thành vừa chiếm lại đặt làm đạo Thừa-tuyên Quảng-nam, cộng trong nước là 13 đạo Thừa-tuyên. Danh-từ « Quảng-nam» có bắt đầu từ đấy.

Đạo Thừa-tuyên Quảng-nam thống lãnh 3 phủ, 9 huyện : phủ Thăng-hoa có 3 huyện là Lê-giang (2), Hà-

(1) Đại-chiêm tức Chiêm-động. Chữ « động » chỉ khu-vực của người Man, người thượng ở, nên nay bỏ mà không dùng nữa cho đất này. Vì Quảng-nam xưa kia là trung tâm điểm của vương-quốc Chàm, có kinh-đô ở đó, nên đời sau gọi là đất Chiêm, như thời chúa Nguyễn, dinh Quảng-nam cũng gọi là dinh Chiêm.

(2) Huyện Lê-giang, triều Nguyễn, ban đầu đổi là Lễ-dương, sau chia đất cho tháp nhập vào huyện Duy-xuyên, huyện Quế-sơn, phủ Thăng-bình.

đông (1) và Hi-giang (2), phủ Tư-nghĩa (3) có 3 huyện là Minh-sơn, Mộ-hoa (4) và Nghĩa-giang (5), phủ Hoài-nhân có 3 huyện là Bồng-sơn, Phù-ly (6), và Tuy-viễn (7)—

Cũng như ở các đạo Thừa-tuyên khác, ở đạo Thừa tuyên Quảng-nam và đạo Thừa-tuyên Thuận-hóa, mỗi đạo đặt 3 ty là Đô-ty 都 司, Thừa-ty 承 司, Hiến-ty 憲 司. Đô-ty có chức Tổng-binh, Phó-tổng binh,coi giữ việc binh-chính, tức là chức Trấn-thủ ; Thừa-ty có chức Thừa-chánh-sứ, Thừa phó-sứ coi những việc về hộ tịch, tiền, thóc, kiện tụng; Hiến-ty (hoặc gọi Hiến-sát-sứ-ty) có chức Hiến-sát-sứ Hiến-sát-phó-sứ, coi giữ các việc nói bày, đàn hặc, khám đoán, xét hỏi, hội-đồng kiểm soát, khảo khóa, tuần hành. (1)

Đạo thống phủ, phủ thống huyện. Phủ có chức Tri-phủ, chức vụ là khám xét lại các việc kiện-tụng ở các

---

(1) Hà-đông nay là phủ Tam-kỳ, huyện Tiên-phước.

(2) Hi-giang nay là phủ Duy-xuyên.

(3) Chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Tư-nghĩa làm phủ Quảng-nghĩa. Tây-sơn đổi làm Hòa-nghĩa ; Hòa-nghĩa trở về nam thuộc Trung-ương Hoàng-đế, Thăng, Điện trở ra bắc thuộc Bắc-bình-vương.

(4) Đời Thiệu-trị đổi là Mộ-đức, vì húy chữ hoa.

(5) Đời Thành-thái, chia đất huyện Nghĩa-giang thp ná phập vào huyện Nghĩa-hành và phủ Tư-nghĩa.

(6) Nay là đất huyện Phú-cát, huyện Phù-mỹ.

(7) Nay là phủ Tuy-phước, phủ An-nhơn.

huyện. Huyện có Tri-huyện, chức-vụ là khám tra các vụ kiện về hộ, hôn, điền thổ, khảo thí học - trò. Đối xã-quan làm Xã-trưởng (1) Đặt Vệ-quân Thăng-hoa gồm 5 sở là Trù-thắng, Hoàn-tì, Hiệp-Sơn, Siêu-hải và Khống-huyền ; Vệ thuộc Đô-ty Quảng-nam. Vua Thánh-tông ra sắc lệnh bảo Phạm Bá-Tôn 范伯尊 Tham-chính (2) Quảng-nam : « Con trai nào từ 15 tuổi trở lên, tư chất thông-minh, chăm học, thì đến ngày thi khảo, hai ty, Thừa-ty, Hiến-ty bản đạo hội-đồng kén chọn, tâu bày đầy đủ, sẽ cho sung làm sinh-đồ bản phủ để dạy học tập và lễ nghĩa. »

Năm Hồng-đức thứ 21 (1490), vua Thánh-tông cải chia nước làm 13 xứ, nghĩa là đổi đạo Thừa-tuyên làm xứ. Xứ Thuận-hóa, xứ Quảng-nam cùng 11 xứ Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam (3) Sơn-tây (4), Kinh-bắc, (5). Hải-dương (6) Thái-nguyên Tuyên quang, Hưng-hóa, Lạng-sơn, An-bang, và phủ Trung-đô, tức phủ Phụng-thiên. Mỗi xứ đều đặt sở Thủ-ngữ Kinh-lược-sứ.

---

(1) Lịch triều hiến chương, *quan-chế chí.*

(2) *Một chức quan trong Thừa-ty.*

(3) *Trước là Thiên-trường.*

(4) *Trước là Quốc-oai.*

(5) *Trước là Bắc-giang.*

(6) *Trước là Nam-sách.*

Thiên nam dư hạ tập chép rằng (1) đời Hồng-đức định bản-đồ, theo đó thì Thuận-hóa Thừa-tuyên-sứ-ty quản lãnh 2 phủ, 18 huyện, 4 châu : phủ Tân-bình có hai huyện là Khương-lộc 4 tổng, 80 xã, 7 thôn, 4 trang ; huyện Lệ-thủy 6 tổng, 28 xã, 2 trang ; châu Bố-chính 12 tổng, 64 xã, 24 phường, 20 trang ; châu Minh-linh 8 tổng, 63 xã ; phủ Triệu-phong có 6 huyện, 2 châu ; huyện Kim-trà 8 tổng, 71 xã ; huyện Đan-điền 8 tổng, 65 xã ; huyện Hải-lăng 7 tổng, 75 xã; huyện Tư-vang 6 tổng, 52 xã ; huyện Điện-bàn 12 tổng, 96 xã ; huyện Vũ-xương 8 tổng, 53 xã ; châu Xa-bôi 10 tổng, 68 xã ; châu Thuận-bình (2) 6 tổng, 26 xã ; Quảng-nam Thừa-tuyên sứ-ty quản lãnh 3 phủ 9 huyện ; phủ Thăng-hoa có 3 huyện là huyện Lệ-giang 9 tổng, 73 xã ; huyện Hy-giang 8 tổng, 58 xã ; huyện Hà-đông 8 tổng, 46 xã ; phủ Tư-nghĩa có 3 huyện là huyện Nghĩa-giang 12 tổng, 93 xã ; huyện Bình-sơn 6 tổng, 70 xã ; huyện Mộ-hoa 6 tổng, 53 xã ; phủ Hoài-nhơn có 3 huyện là huyện Bồng-sơn 7 tổng, 32 xã ; huyện Phù-ly 6 tổng, 60 xã ; huyện Tuy-viễn 6 tổng, ? xã.

Đời vua Hiển-tông, Cảnh-thống năm đầu (1498) đặt thêm sở Sùng-nỏ cho vệ-quân Thăng-hoa, và đặt vệ Tư-nghĩa, vệ Hoài-nhơn mỗi vệ có 6 sở.

---

(1) *Do Lịch-triều hiến-chương trích-dẫn.*

(2) *Sa-bôi, Thuận-bình là đất thượng-lưu nguồn Cam-lộ, nguồn Sái, huyện Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị ngày nay, dân cư là người Man.*

Đến đời Lê Tương-dực, niên hiệu Hồng-thuận, đổi xứ làm trấn.

Từ vua Lê Uy-mục trở đi thì nhà Lê mỗi ngày một suy vi, ở trong kỷ-cương rối loạn, ở ngoài giặc cướp nổi lên nhiều nơi, triều-đình không dẹp yên được. Đời vua Chiêu-tông năm Quang-thiệu thứ 5 (1520), Tổng-binh Thuận-hóa là Phạm Văn Huấn 范文訓 giết thổ-tù là Hồ Bá Quang 胡伯光, con em Bá Quang tức giận, đem hơn 4000 người vào thành đuổi Văn Huấn đi, Văn Huấn bỏ vợ con chạy về Tân-bình; Thừa-tuyên sứ Phạm Khiêm Bính 范謙柄, Hiến-sát-sứ Ngô Quang Tổ 吳光祖 đều cưỡi thuyền trốn đi. Dân Thuận-hóa cướp vợ con và của cải của Văn Huấn. Thế mà triều-đình cũng bỏ qua, không hỏi đến.

Trong mấy năm cuối Lê, đầu Mạc, các địa-phương Thuận-hóa càng rối loạn, các thổ hào đem quân đánh nhau. Mạc Đăng Dung lên ngôi rồi, Phó tướng Thuận-hóa là Hoàng Công Châu 黃公珠 đem bộ hạ đến chầu mừng, được Dung phong là Triều-đông bá. Dung sai em là Tín-vương Mạc Quyết vào kinh-lược xứ Thuận-hóa; Quyết đến, bị Công Châu chống lại, đem thuyền lớn chặn ngang cửa biển Nhựt-lệ, nhưng rồi Công-Châu bị quân Mạc đánh thua, bị bắt đem về kinh chém. Niên-hiệu Đại-chính nhà Mạc, năm giáp-ngọ (1534) bọn Dương Liễn 楊璉 nổi lên chống Mạc, nhưng rồi cũng thua chết. Từ đó, Thuận-hóa mới tạm yên. Sau đó xảy ra việc Mạc Chính Trung 莫正中 nổi loạn, cùng với con Mạc Phước Hải 莫福海 là Mạc Phước Nguyên 莫福源

giành ngôi, bọn Mạc Kính Điển 莫敬典 và Nguyễn Kính 阮敬 phải triệu các tướng ở Thuận-hóa về kinh dẹp loạn. Dẹp được loạn rồi, thưởng cho những người có công: phong người Điện-bàn là Nguyễn Lễ 阮禮 tước Đồng-xuân hầu, người Kim-trà là Hoàng Đình Hiền 黃廷顯 tước Quế-lâm bá, người Hải-lăng là Hoàng-Bôi 黃盃 tước Viên-trạch bá Hồ Biến 胡遍 tước Diên-trường bá, người Bố-chính là Phạm Khắc Khoan 范克寬 tước Kỳ-giang bá, người Minh-linh là Hồ Công Khanh 胡公卿 tước Liễu-Chữ bá. Các cống-sĩ trúng trường vì giữ lòng trung nghĩa cũng được bổ làm quan.

Đến năm Quí-tỵ (1533) thì Nguyễn Kim đã phò lập vua Lê Trang-tông lên ngôi ở Ai-lao. Từ năm Nguyên-hòa thứ 7 (1539) đến năm Nguyên-hòa thứ 11 (1543) Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm đem quân về đánh Thanh-hóa, Nghệ-an, thu-phục được Tây-đô, lập Hành-điện ở Vạn-lại (1) cho vua ở, hai đất Thanh-Nghệ lại trở về với nhà Lê. Năm Nguyên-hòa thứ 16 (1548) vua Trang-tông sai Tây-quận-công Lê Phi Thừa 黎如承 đem quân đi kinh-lược miền Thuận-hóa, Quảng-nam, thổ hào các huyện và quan lại nhà Mạc nhiều người qui thuận. Từ Thanh-hóa trở vào thuộc Nam-triều của vua Lê. Tuy vậy, hai đất Thuận, Quảng vẫn chưa yên hẳn. Lê Trung-Tông năm Thuận-bình thứ tư (1552), vua phải sai quân đi đánh

(1) *Thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, Thanh-hóa (chú của C.M.)*

dẹp Thuận-hóa, thừa thắng bình-định Quảng-nam, đặt quan, chia quân trấn định, phủ an hai xứ ấy. Năm Thuận-bình thứ 6 (1554) nhà Mạc sai Kỳ-giang-bá Phạm Khắc Khoan làm Tham - tướng dinh Thuận-hóa, từ kinh-đô trở về tập hợp đồ đãng, con em, đánh nhau với quân nhà Lê, bị Liễu Lân hầu (?) giết chết. Tỉnh - xuyên bá của Mạc là Hoàng Chất cũng bị Phi Thừa giết chết. Duy Hoàng Bôi giữ đầu nguồn Hải-lăng, kháng cự 5 năm, không hàng. Nhưng rồi tướng của Bôi là Phạm-Đức Trung nội phản, đưa quân Lê đến bắt, Bôi bị giết. Thế là hai xứ ấy dẹp yên. V.B.T.L chép : «các cống sĩ nhiều người vượt biển đi theo nhà Mạc, triều-đình để ý phủ dụ, đặt quan tam-ty và quan phủ, huyện để cai-trị, nhưng lòng dân vẫn còn tráo trở».

Mặc dầu phải trải qua nhiều biến cố, loạn ly như vừa thấy, xứ Thuận-hóa vẫn được phồn thịnh. Sách *Ô châu cận lục* viết thời nhà Mạc, do Dương Văn Âu đề tựa năm ất mão (1555) tả hai phủ Tân - bình và Triệu-phong ; xin trích đôi đoạn để biết sơ qua tình trạng xứ ấy trong thời gian này. Trong mục *Phong-tục tổng-luận*, sách viết : «đồng bằng thì nông tang vốn sẵn nghiệp nhà, bờ biển thì cá muối là kho vô tận. Của thổ nghi đã sẵn thứ rượu tăm rất ngon ; hải vị, sơn hào, của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn ở sông bể, gỗ cây lấy ở núi rừng. Xóm làng trù mật nên gà, chó từng đàn, cỏ nước ngon lành, nên trâu bò béo tốt. Trong công

điền, có cả tư điền ; ngoài thuế ruộng, còn nhiều thuế khác. Sông hồ lầy lội, đi thuyền tiện hơn đi chân; đất cát phì nhiêu, được thóc không cần khó nhọc... Xuân sang thì mở hội bơi giải, gái lịch trai thanh ; hạ tới, thì bày cuộc đấu thăm, dập dìu rộn rã, nơi ca chốn múa. Sự mua bán thì tùy nơi đong lấy, 3 đấu thóc không quá 2 đồng tiền ; cách ăn uống thì hoang phí vô cùng, dến vài lẫm gạo cũng không đủ dùng 12 tháng. Nói tiếng Chiêm thì có thổ dân làng La-Giang ; mặc áo Chiêm thì con gái làng Thủy - bạn».

Nói về phủ Triệu-phong, sách viết : «Lộ Thuận-hóa, ở phía cực nam, Triệu-phong non sông kỳ tú, ruộng đất mở mang, nhân-dân đông đúc, thực là nơi đô hội lớn của một phương. Cảnh-tượng vui tươi, phong vật qui giá còn đâu hơn nữa !»

Huyện Điện-bàn (miền Bắc tỉnh Quảng-nam ngày nay, là đất Châu Hóa, ở giáp Chiêm thành, mới được thực sự giải phóng từ cuộc nam-chinh của vua Lê Thánh-tông, cách thời *Ô-châu cận lục* ra đời ước 80 năm, cũng đã khá giàu có ; xem đó, chúng ta thấy sức sống của người dân Việt thực là mãnh liệt ! Sách viết : «Nhân-dân làm giàu bằng thóc, nhà nông đạp lúa bằng trâu... Xã Mạc-châu trồng nhiều hoa hồng, xã Lang-châu sản nhiều lụa trắng... Đàn bà mặc áo Chiêm, con trai cầm quạt tàu. Người sang, kẻ hèn, đĩa hát đều vẽ rồng,

vẽ phượng ; kẻ hơn, người kém, sống áo toàn màu đỏ màu hồng. (1)

Chẳng bao lâu nữa, ông Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận - hóa, lịch sử hai xứ Thuận, Quảng sẽ lật sang một trang mới, cuộc nam tiến của dân-tộc ta sẽ tiến đến một giai đoạn khác.

Tóm lại, khi nước ta thoát khỏi ách Bắc-thuộc, vào thế - kỷ thứ X thì Chiêm-thành là một nước mạnh, đối trỉ với nước ta. Người Chiêm là giống người hiếu chiến, lại thiện chiến, có lẽ thiện chiến hơn người Việt nữa, thế mà rồi sẽ bị bắt buộc bỏ hết đất đai cho ta. Ấy là vì người Việt không hiếu chiến như họ, mà khôn khéo, nhẫn nại hơn, và ngoài chiến tranh, biết dùng nhiều thủ - đoạn khác nữa để xâm lấn đất-địch.

Đời Lê Đại-hành, Chiêm-thành đã phải nễ sợ ta, bắt đầu dâng hiến phương vật, và vua sai cháu vào chầu. Để chống chế với ta, Chiêm-thành thần phục Trung-quốc, thường cống-hiến rất hậu, cũng mong nhờ vã thiên-triều để ngăn cản sự bành-trướng của nước láng giềng đương bắt đầu mạnh mẽ.

Nhưng với con đường bộ mà Lê Đại-hành đã sai Ngô Tử An dùng 3 vạn người khai thông từ Nam-giới đến châu Địa-lý năm nhâm-thìn (992), ý muốn nam tiến của người Việt đã định.

---

(1) *Các đoạn trích sách* Ô châu cận lục *này là lấy ở bản dịch của ông Bùi Lương.*

Đến đời Lý, Chiêm-thành cống hiến và xưng thần. Nhưng vua Thánh-tông là một vị vua có ý-chí mở rộng bờ cõi, đã tìm cách buộc Chiêm-thành nhượng một ít đất đai tiếp giáp với nước mình. Đã nhượng ba châu Bố-chính, Địa-lý, Ma-linh rồi người Chiêm hối tiếc, lại ra khuấy phá. Có lẽ vua Nhân-tông đã nghĩ rằng dùng võ lực quân-sự để ép buộc không bằng dùng người để xâm nhập, cách này tuy chậm, nhưng mới chắc chắn đi đến sự chinh phục đất đai. Và bắt đầu có cuộc di dân năm ất-mão (1075), với những bản đồ rõ ràng về hình thế đất đai sông, núi. Và bài học này, các chúa Nguyễn sẽ đem áp dụng sau này ở đất Chân-lạp.

Đời Trần, nhờ cuộc mở đất một cách hòa bình, đời vua Anh-tông, năm bính-ngọ (1306), người Việt vào đến Thừa-thiên và địa-đầu Quảng-nam. Mặc dầu có sự bất phục tạm thời của thôn La-thủy, Tác-hồng, Đà-bồng, cuộc chung sống của người Chiêm và người Việt lần này cũng không đến nỗi cừu hận, vì ở trên hai nhà vua hai nước đã kết thông gia. Với tình thân thiện giữa hai dân-tộc, người Chiêm chắc đã ở lại đông, sự phối hợp hôn nhân chắc đã thường thấy, và ấy là cơ-hội độc nhất trong lịch-sử bang-giao Chiêm Việt mà những ảnh-hưởng lẫn nhau trong các phương-diện sinh-hoạt giữa hai dân-tộc được tăng tiến.

Việc gả công-chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là một thủ đoạn chính-trị, có thể nói là noi theo một chính-sách khởi xướng từ triều Lý, dùng hôn-nhân vì mục-đích chính-trị. Các vua nhà Lý thường đem công-chúa gả cho các Châu-mục các khê động Man ở biên thùy để phủ dụ và ước thúc các bộ-lạc ấy. Nhờ các cuộc hôn-nhân này, các miền thượng-du Bắc-Việt là miền đất đai hiểm-trở, nhân-dân rất phức-tạp, khó kiểm-soát và khuất phục, đã được yên tĩnh, làm phên giậu vững vàng cho trung-nguyên. Đời Lý thì đối với các hôn-nhân ấy, công luận không thắc mắc gì, nhưng đến đời Trần, cuộc hôn-nhân Huyền-Trân — Chế Mân đã bị quan lại và sĩ thứ phản đối, chế giễu. Chắc là vì đến đời Trần, nho-học đã thịnh, quan-niệm « Hoa, di » hẹp hòi đã gây ra sự kỳ-thị ấy. Huống nữa, trước đó, vua Trần Thái-tông đã đem công-chúa Ngoạn Thiềm gả cho Nguyễn Nộn, một tên giặc cỏ, vì không đánh được nó ; vua Nhân-tông, khi quân Nguyên mới đến, thấy khí thế mạnh quá, sai đưa công-chúa Thiên-tư (em út vua Thánh-tông) cho Thoát-Hoan nói là để « thơ nạn nước » ; hai cuộc gả bán ấy thật cũng không cao đẹp gì, nên đã khiến mọi người có những thành-kiến không tốt đối với những cuộc hôn-nhân chính-trị. Nhưng gả Huyền Trân thì thật là «đem má phấn đổi lấy trường thành», vì với đất Ô, Lý làm bàn đạp, người Việt tiến bề vượt núi Hải-vân để vào xa trong Nam nữa. Chính sách hôn-nhân chính-trị ấy, sau nầy chúa Hy-tông Nguyễn Phước Nguyên cũng dùng đến, và chánh nhờ gả công

nữ cho vua Chân-lạp mà tổ tiên chúng-ta đã lấy đất Nam - Việt ngày nay một cách dễ dàng.

Nhưng tình thân thiện Chiêm Việt gây lên thời Huyền Trân — Chế Mân không được lâu bền. Ý-chí bá chủ, xâm-lăng của Đại Việt hễ có dịp là bộc lộ. Chánh trong thời vua Anh-tông, có lần Đoàn Như Hài đi sứ sang Chiêm-đô Trà-bàn, đến cửa biển Tì-ni (tức cửa Thị-nại) là nơi thương thuyền các nơi tụ tập đông đảo, tuyên-bố về việc cấm buôn bán rồi đem bản yết-thị treo lên (1). Tì-ni là thương-cảng của Chiêm-thành, Đại Việt lấy tư-cách gì để tuyên-bố, yết-thị cho dân-chúng và các thương thuyền. Làm như vậy phải chăng Đại Việt muốn xem Chiêm-thành như là đất của mình? Chế Mân chết rồi, việc làm thất tín đầu tiên của Đại - Việt khiến người Chiêm tức giận là phỉnh gạt họ để lén đem Huyền Trân về. Rồi tiếp đó là vua Chế Chí bị bắt đem về Thăng-long, vua Chế-Năng phải bỏ nước chạy

(1) T.T. bản kỷ, *quyển VI, Kỷ Trần Anh-tông, chép* :

« ... Ngày hôm sau, (sứ giả) Đoàn Như Hài đem treo bản cấm về việc buôn ở xứ Tì-ni (Thị-nại), chỗ bến tàu ở Chiêm-thành, thuyền buôn các nơi tụ hợp ở đấy, tuyên đọc rồi treo lên, lại gọi người coi đến bảo rằng : « Chỗ này người buôn bán tụ hợp phức-tạp, lại là chỗ bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, vậy khi sứ thần về rồi, cất bản đi kẻo mất. « Vì nghĩ rằng nước Chiêm-thành tuy thần phục nhưng chưa nội phục, cái bảng cấm ấy rồi thế nào họ cũng vứt bỏ đi, nên tự mình nói trước...»

sang Java, Chế A-nan, một tù-trưởng, được vua Trần tự ý đặt lên ngôi để tiện sai bảo, bao nhiêu biến-cố ấy kích-thích thêm mối căm-hờn mà người Chiêm đã có sẵn từ khi vua Ba-mỹ-thuế bị giết, quốc đô hai lần bị cướp sạch và tán phá, vua Chế Cũ bị bắt. Vì vậy mà đối với nước ta, trải qua các triều-đại, người Chiêm-thành nay đầu, mai đánh, vẫn xưng thần, cống hiến, mà vẫn đem binh cướp phá, đòi hỏi. Và vua nào lên cầm quyền, dẫu ban đầu tỏ vẻ thuận hảo với Đại-Việt, nhưng sau hễ có dịp là xua quân ra đánh phá, đòi lại đất đai. Đánh không thắng, đòi không được, thỉnh thoảng họ đem thuyền ra cướp phá, nay nơi này, mai nơi khác; các cuộc cướp phá ấy thường xuất phát thình-lình, nên dân-chúng không biết đâu mà phòng bị. Các vùng duyên-hải từ Thừa-thiên trở ra đến Nghệ, Thanh là những nơi mà nhân-dân ta bị cái nạn giết chóc, bắt người, cướp bóc, đốt phá của người Chiêm trong suốt mấy thế-kỷ.

Một anh-hùng Chiêm xuất-hiện: Chế Bồng-nga làm đảo lộn được thế cờ, chuyển bại thành thắng, nhưng chỉ trong một thời-gian ngắn. Chiếm lại đất đã mất, ba lần vào tận kinh-đô Thăng-long cướp phá, phỉnh giết được một ông vua Đại-Việt tại trận, chỉ để rửa hận phần nào cho họ. Ấy là nhờ tài dụng võ của Bồng-Nga, nhưng cũng vì nước ta thời Trần mạt quá suy yếu.

Sau khi Chế-bồng-Nga mất, sự cướp ngôi của Tướng

Lu Khải làm cho nội bộ Chiêm chia rẽ ; Chiêm thành đương suy yếu vì bao nhiêu chiến tranh với Chân-Lạp, với Đại-Việt càng thêm suy yếu. Vào lúc Hồ Quý Ly mới lên ngôi, mong lập được huân công để trấn áp những dị nghị về sự tiếm đoạt của mình, và cũng muốn rửa hận cho mình đã bao phen bị Chiêm Thành đánh bại. Sự đầu hàng và nguyện giúp sức của hai con Bồng nga là Chế Ma-nô-đà-nan, Chế Sơn nồ và hai tướng Chiêm Chế Đa-biệt, Mộ-hoa-tử-ca-diệp càng khuyến-khích Quý Ly lợi dụng tình-thế Chiêm-Thành, đem đại binh nam tiến. Cuộc di-dân vào Thăng, Hoa, Tư Nghĩa của họ Hồ chủ trương không có hậu quả lâu dài, vì chỉ 4, 5 năm sau, quân Minh sang đánh nước ta, Chiêm-thành cấu kết với nhà Minh để lấy lại đất ấy, và những di dân trước kia đã phải theo Nguyễn Lỗ trở về Thuận-hóa, số người ở lại chắc không nhiều. Sau khi chiếm lại Chiêm-động, Cổ-lũy-động, người Chiêm ra đánh Thuận - hóa. Nhưng Thuận-hóa thuộc bản đồ nước ta đã lâu, cơ sở người Việt đã vững vàng, nên đã đẩy lui được mọi cuộc tấn công của quân địch. Năm ất-tỵ (1425) Bình-định-vương Lê-Lợi thu phục lại được Thuận-hóa trong tay người Minh. Và cũng như từ khi người Chiêm lấy lại được lộ Thăng-Hoa, từ đây cho đến cuộc nam-chinh của vua Lê thánh - tông, người Việt ở Thuận hóa phải đương đầu với các lực lượng của Chiêm - thành bao phen mưu toan lấy lại đất đai. Xem hai chiếu thư của vua Thái-tổ, vua Nhân-tông hiểu dụ tướng sĩ, quân, dân Hóa Châu thì thấy sự chống cự của

người Việt gian-khổ và kiên-nhẫn biết chừng nào: tổ tiên chúng ta cương quyết giữ lại những mảnh đất xưa kia là «Ô châu,, ác địa» mà trải qua hơn một thế-kỷ, nhờ họ dày công khai-thác, đã biến thành như bấy giờ.

Triều Lê, từ ban đầu, đã nghĩ đến việc khôi phục đất đai ở Chiêm-thành, nhưng chưa tiện đó thôi. Xem câu hỏi của Lê Nhữ Lãm hỏi sứ thần Chiêm đến cống năm ất-mão (1435), đời vua Thái-tông (xem trước), thì thấy ý ấy. Đến Thánh-tông, nước nhà đã yên ổn, lại nhân Trà Toàn ra cướp, vua quyết-định thanh-toán vấn-đề Chiêm-thành. Thắng trận lần nầy của vua Lê gần như là đòn định đoạt tối hậu vận mạng của vương-quốc Chiêm. Vì mất các đồng-bằng Nam, Nghĩa, Bình-định là những đồng-bằng rộng-rãi, phì-nhiêu nhất, phải lui về những miền đất khô khan ở phía nam, từ đây triều-đình Chiêm-thành không còn đủ sức để tự tồn, nên không chống nổi với sự bành-trướng của các chúa Nguyễn sau này.

Trái với trước kia, người Chiêm đã bỏ Chiêm-động, Cổ-lũy-động mà đi khi di dân ta đến, lần này người Chiêm không đi, vì biết rằng đất đai phía nam không màu mỡ bằng Vijaya, và cũng không còn hy-vọng báo phục, nên chấp nhận lệ thuộc ta.

Cuộc di dân thời Lê Thánh-tông là quan-trọng, vì nó vĩnh-viễn, người dân yên-ổn làm ăn, không phải lo sợ người Chiêm đánh phá, cướp bóc như ở Thuận-hóa trước

kia nữa ; vả lại, chính đa số người Việt này sẽ đến ở những đất còn lại của Chiêm-thành, và đất Thủy-Chân-lạp sau này.

Ngoài những cuộc di dân mà triều-đình xuống chiếu chiêu mộ, khuyến khích sau mỗi lần lấn được đất Chiêm-thành, và những tù nhân bị án lưu hình như đã thấy trên kia, còn những người di cư lẻ tẻ, từng người một, từng gia-đình, từng nhóm, thì chắc là không thời nào không có. Ấy là hạng người hoặc bất mãn với chế-độ đương thời, hoặc can phạm tội tình nên phải tránh, trốn, hoặc vì nghèo khó muốn đi tìm chỗ làm ăn dễ dàng hơn, hoặc vì phiêu-lưu muốn đi tìm sự may mắn, giàu sang, đất dụng võ rộng rãi hơn.

CHƯƠNG HAI

CÁC CHÚA NGUYỄN

I.— Tiên tổ các chúa Nguyễn.

II.— Thái-tổ Nguyễn Hoàng.

III.— Hy-tông Nguyễn-phước Nguyên.

IV.— Thần-tông Nguyễn-phước Lan.

V.— Thái-tông Nguyễn-phước Tần.

VI.— Anh-tông Nguyễn-phước Trăn.

VII.— Hiền-tông Nguyễn-phước Chu.

VIII.— Túc-tông Nguyễn-phước Trú.

IX.— Thế-tông Nguyễn-phước Khoát.

X.— Duệ-tông Nguyễn-phước Thuần.

XI.— Phụ: Công việc chính-quyền Lê, Trịnh làm ở Thuận-hóa. Tây-sơn đánh chiếm Thuận-hóa.

I.— Tiên Tổ các Chúa Nguyễn.

Tiên-tổ họ Nguyễn là Nguyễn Công Duẫn 阮公笋, người Gia-miêu ngoại-trang, huyện Tống-sơn, (Thanh-hóa) theo vua Lê Thái-tổ định thiên hạ, có công, làm quan đến Bồng-thần-vệ Tướng-quân, Gia-đình hầu, tặng Thái-bảo Hoằng quốc-công. Con là Đức Trung 德忠, đời vua Nhân-tông, làm Điện-tiền Chỉ-huy-sứ, có công cùng với Nguyễn Xý 阮熙 giết nghịch đảng, rước lập vua Thánh-tông lên ngôi, làm quan đến Đô-đốc Trinh quốc-công, kinh-lược An-bang, đánh dẹp Chiêm-thành, có nhiều huân công, con gái làm Tiệp-dư, sanh ra thái-tử, một nhà quý sủng, khi mất được tặng Thái-úy Trinh quốc-công. Vua Hiền-tông (con Nguyễn Tiệp-dư) lên ngôi, tôn mẹ là Trường-lạc thái-hậu, càng hậu đãi họ ngoại, người họ Nguyễn làm quan tại triều hơn 200 người. Đến vua Uy-mục lên ngôi, bị đuổi hết về làng. Con Trinh quốc-công là Văn Lãng 文朗 (1) thông thao lược, giỏi thiên-văn, sức mạnh bắt được hổ, bấy giờ, làm Thủy-quân vệ Chỉ-huy-sứ, đóng giữ thành Tây-đô, thấy Uy-mục đế vô đạo, tập hợp quân ở phủ Thanh-hoa, tôn Giản-tu công lên ngôi, ấy là vua Tương-dực, hãm kinh-thành, giết Uy-mục đế. Đầu đời Hồng-thuận, vì lập được công đầu, Văn Lãng được phong Thái-úy Nghĩa quốc-công, bình chương quân quốc trọng sự, mất được tặng là Nghĩa huân-vương, tế và táng đều được dùng lễ tước vương, và được tạc tượng bằng loài kim (2).

---

(1) *C.M. chép là Nguyễn Văn Lang* 阮文郎.

(2) 鑄金爲像, *không biết là bằng loài kim hay vàng.*

Con Nghĩa-huân vương là Hoằng Dũ 弘裕, làm quan đến Đô-đốc An-hòa hầu, có tài văn võ, đánh giặc Trần Cảo 陳嵩 đóng dinh trên bờ phía bắc Bồ-đề chống với giặc, nghe tin Nguyên quận-công Trịnh Duy-Sản 鄭惟僅 giết vua Tương-dực, đem binh sang sông, đốt kinh-thành, Duy Sản sợ, rước lập vua Chiêu-tông lên ngôi. Bấy giờ kinh-thành đã bị tàn phá, Duy Sản rước vua vào Tây-đô (1). Trần Cảo thấy triều-đình bỏ kinh-đô, bèn đem quân đến chiếm, rồi tiếm hiệu làm vua. Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoằng Dũ, Vĩnh-hựng hầu Trịnh Tuy 鄭綏 Thiết-sơn bá Trần Chân 陳真 và các quan cựu thần chia binh ra vây kinh-đô, Trần Cảo bỏ thành chạy. Triều-đình trở về Đông-kinh, rồi sai Duy Sản đuổi đánh giặc, Duy Sản bị giặc giết. Tuy đã phá được giặc Trần Cao, nhưng bấy giờ vua Chiêu-tông còn nhỏ (14 tuổi), chưa quyết đoán được, còn triều thần thì hiềm thù, đánh lẫn nhau, như Nguyễn Hoằng Dũ và Trịnh Tuy, hai người đi đánh giặc về rồi mỗi người đóng quân một nơi để chống cự nhau. Sau Trần Chân bênh Trịnh Tuy, đem quân đánh Hoằng Dũ, Hoằng Dũ bỏ chạy về giữ Thanh-hoa. Trần Chân dèm pha với vua, vua triệu Hoằng Dũ và Trịnh Tuy về kinh. Trịnh Tuy đến, còn Hoằng Dũ cáo bệnh không đến. Trần Chân tâu xin cho Vũ-xuyên hầu Mạc Đăng Dung 莫登庸 đem thủy-quân vào đánh, Hoằng Dũ đưa thư riêng cho Đăng Dung, Đăng Dung dùng-dằng không đánh, Hoằng Dũ thoát được về Tống-sơn, cáo ốm, không đến chầu. Vua vì hiềm nghi, giết Trần Chân, bộ tướng của

(1) *Từ đây trở lên là thuật theo V.B.T.L.*

Chân là Hoàng Duy Nhạc 黃 惟 岳, Nguyễn Kính 阮 敬 đem quân vào đánh phá kinh-thành, cùng với Trịnh Tuy mưu lập vua khác. Mạc Đăng Dung từ Hải-dương đem quân đến cứu, rước vua sang Bồ-đề ; vua triệu Nguyễn Hoằng Dũ đến giúp, Hoằng Dũ đem binh ba phủ Thanh-hoa ra đánh nhau với Nguyễn Kính, thua, rút về, để Đăng Dung cùng Nguyễn Kính cầm cự nhau. Rồi Nguyễn Hoằng Dũ mất, Mạc Đăng Dung chuyên giữ binh quyền, đánh hàng được bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính, bức hiếp vua Chiêu-tông, gây thành cuộc cướp ngôi.

Con Nguyễn Hoằng Dũ là Nguyễn Kim 阮 淦, làm Hữu-vệ điện-tiền Tướng-quân, An-thành hầu. Sau khi Mạc Đăng Dung tiếm ngôi vua Lê (đinh-hợi, 1527), Nguyễn Kim đưa con em tránh sang Ai-lao, nuôi chí khôi phục nhà Lê. Vua nước ấy là Sạ-đầu 乍 斗 cho ở Sầm-châu 岑 州. Ông bèn thu nạp hào kiệt, tổ-chức dân quân được vài nghìn người, 30 thớt voi, rồi sai tìm con cháu nhà Lê để lập làm vua. Nam canh-dần (1530), ông đem quân về Thanh-hoa, Mạc Đăng Doanh 莫 登 瀛 (con Đăng Dung) sai tướng là Ngọc Trục 玉 軸 (Không biết họ) chống cự, bị ông đánh thua. Năm tân-mão (1531) ông đánh phá được tướng Mạc là Nguyễn Kính ở huyện Đông-sơn, chém hơn 1000 địch. Khi tiến đến bến đò Điềm-thủy, huyện Gia-viễn, lại đánh luôn mấy trận với tướng Mạc là Lê Bá Ly 黎 伯 驪, thắng lớn. Bấy giờ gặp trời mưa dầm, nước lụt dâng lên, quân Mạc cho chiến thuyền kế tiếp đến, ông phải rút quân về sách Sầm-hạ 岑 下, ở

Ai-lao. Năm quí-tị (1533), ông tìm được người con trai nhỏ của vua Lê Chiêu-tông, tên là Ninh 寧, tôn lên làm vua, lấy niên hiệu là Nguyên-hòa, ấy là vua Trang-tông. (Khi nhà Lê mất, Ninh còn thơ ấu, bầy tôi là bọn Trịnh Duy Tuấn 鄭惟俊 Lê Lan 黎瀾 đưa sang tránh ở Ai-lao, ở trà trộn vơi dân gian, không ai biết, bấy giờ Nguyễn Kim mới tìm được). Nguyễn Kim được phong là Thượng-phụ, Thái-sư, Hưng quốc-công, coi giữ mọi việc trong, ngoài.

Bấy giờ có người Sóc-sơn, huyện Vĩnh-phước (sau đổi là Vĩnh-lộc, thuộc Thanh-hóa), tên là Trịnh Kiểm 鄭檢 đến yết, Nguyễn Kim thấy người có tướng lạ, gả con gái trưởng là Ngọc Bảo 玉寶 cho, sai coi mã quân, và xin vua phong cho làm Tướng-quân.

Nguyễn Kim đem quân đóng giữ Nghệ-an, hào kiệt theo về rất đông. Nguyên-hòa năm thứ 10 (1542), ông tuần hành trong hạt Thanh-hoa, tiếng quân lừng lẫy, xa gần đều phục. Năm sau, quý-mão, ông rước vua Trang-tông tiến binh ra Tây-đô (Thanh-hoa) để đánh Mạc Chánh Trung, (còn tên là Đăng Xương, con thứ hai của Đăng Dung), được tấn phong là Thái-tể, Đô-tướng tiết-chế thủy, bộ chủ dinh. Ông chia quân tiến đánh, đánh đâu được đấy.

Thấy quân nhà Lê phấn chấn, nhà Mạc lấy làm lo, sai hoạn quan thân tín là Dương Chấp Nhất 楊執一

làm (1) Tổng-trấn Thanh-hoa, trá hàng để mưu hại Thái-tổ Nguyễn Kim. Nguyễn Kim không biết, cho Chấp Nhất cầm quân theo đi đánh giặc. Năm Nguyên-hòa thứ 13 (1545) Nguyễn Kim đi đánh Sơn-nam, đại quân tiến đến An-mô, ngày tân-tỵ, tháng 5, Chấp Nhất mời Thái-tổ đến dinh mình. Lúc ấy trời nóng, Chất Nhất dâng quả dưa trong có bỏ thuốc độc, Thái-tổ ăn, trúng độc, về dinh thì mất. Vua Lê tặng là Chiêu-huân Tĩnh công, táng ở núi Thiên-tôn, huyện Tống-sơn (2). Sau khi Nguyễn Kim mất, vua Lê phong con trưởng ông là Nguyễn Uông 阮汪 là Lãng-xuyên hầu, con thứ hai là Nguyễn Hoàng 阮潢 là Hạ-khê hầu, sai cầm quân đánh giặc, và cho Trịnh Kiểm làm Đô-tướng, gia phong là Lượng quốc-công.

II.— Thái-Tổ Nguyễn Hoàng 太祖阮潢 (1558-1613)

Nguyễn Hoàng là con thứ hai của Nguyễn Kim, mẹ là Nguyễn-thị. Ông sinh ngày bính-dần, tháng 8, năm ất-dậu, đời vua Lê Thống-nguyên năm thứ 4 (1525).

---

(1) *T.L.T.B. chép tên là Trung* 忠

(2) *Tương truyền rằng huyệt ấy đào trúng miệng rồng, khi đặt quan tài xuống thì cửa huyệt ngậm lại, rồi liền có gió to, mưa, sấm, mọi người sợ chạy; trời tạnh, trở lại thì chỉ thấy đá núi liên tiếp, cây cỏ xanh tốt, không nhận được huyệt mã ở đâu nữa, vì vậy về sau cúng tế, chỉ hướng về núi vọng tế mà thôi. (Năm Minh-mạng thứ hai, phong núi ấy là núi Triệu-tường). (T.L.T.B).*

Năm Nguyễn Kim sang tránh ở Ai-lao thì Nguyễn Hoàng mới hai tuổi, Nguyễn Kim gửi cho Thái-phó Nguyễn Ủ Dĩ 阮於已 (tự là Vô-sự, bấy giờ gọi là Uy quốc-công) là anh ruột bà Nguyễn-thị, vợ Nguyễn Kim, nuôi. Lớn lên, Nguyễn Hoàng tướng mạo khôi ngô, vai lân, lưng hổ, mắt phượng, trán rồng, thông minh, tài trí, kẻ thức giả đều biết ấy là bực phi thường. Nguyễn Ủ Dĩ thường đem việc kiến lập công nghiệp khuyến-khích ông. Nguyễn Kim mất, vua Lê phong ông là Hạ-khê hầu, cầm quân đánh giặc. Ông đi đánh Mạc Phước Hải (con trưởng Mạc Đăng Doanh) chém được tướng là Trịnh Chí 鄭誌 ở huyện Ngọc-sơn. Đến đời Lê Trung-tông, năm Thuận-bình, vì có quân-công, ông được tiến phong Đoan quận-công 端郡公.

Bấy giờ Lượng quốc-công Trịnh Kiểm nắm binh quyền, giữ chức Hữu-tướng, quyết định mọi việc. Nguyễn Uông đã được tiến phong Tả-tướng, Lãng quận-công, bị Trịnh Kiểm hãm hại. (1) Thấy Trịnh Kiểm nghi kỵ và có ý mưu hại Nguyễn Hoàng nữa, Nguyễn Ủ Dĩ bàn với ông nên giả mắc tâm tật, cử chỉ thất thường, để cho Trịnh Kiểm hết nghi ngờ. Mưu sĩ của Kiểm là Nguyễn Hưng Long 阮興隆 khuyên Kiểm nên trừ đi ; có người nghe biết, nói với Nguyễn Hoàng. Ông lo sợ, cho người đến hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm 阮秉謙 có tiếng giỏi thuật số. Trạng Trình không đáp, chỉ nhìn núi non

(1) *V.B.T.L. chép : bọn Lãng quận-công ngờ vua có mưu gì, toan làm loạn.....Thế-tổ Trịnh Kiểm hiểu dụ bọn Lãng quận công hãy bỏ hết hiềm khích.*

bộ trước sân, rồi ngâm lớn « Hoành sơn nhứt đái, vạn đại dung thân » 橫山一帶萬代容身 (nghĩa là một giải núi ngang, có thể dung thân muôn đời). Sứ giả về thuật lại, ông hiểu ý. Nguyễn Ủ Dĩ cùng bàn nên lánh mình ở phương xa, vậy phải nhờ chị là bà Ngọc Bảo nói với Trịnh Kiểm xin cho lãnh đất Thuận-hóa là nơi hiểm cố để giữ mình, rồi sau sẽ tính kế khác. Bà Ngọc Bảo xin chồng cho em vào trấn thủ Thuận-hóa.

Thuận-hóa vừa được nhà Lê lấy lại trong tay nhà Mạc, đã đặt tam ty (Đô-ty, Thừa-ty, Hiến-ty) và phủ, huyện để cai-trị, nhưng nhà Mạc đương khuấy động, lòng dân chưa qui phục hẳn; nhà Mạc cũng đương mưu đánh nhà Lê ở mặt bắc lẫn mặt nam. Tình-trạng ấy đương khiến Trịnh Kiểm lo âu, nên ông chấp thuận lời xin của vợ. Vả lại, phái Nguyễn Hoàng vào nam, ấy là đặt trước mặt họ Mạc một đối thủ mạnh mẽ, và biết đâu đối thủ này sẽ bị diệt vong ở nơi xa xôi, lam chướng ấy. Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Anh-tông nói : « Thuận-hóa là đất hình thế quan-trọng, binh, tài do đó mà ra, hồi quốc-sơ nhờ đó mà dựng nên đại nghiệp. Nay lòng dân hãy còn phản trắc, nhiều kẻ vượt biển đi theo họ Mạc, sợ hoặc có dẫn giặc về cướp, nếu không được tướng giỏi trấn giữ, vỗ về, thì không xong. Đoan quận-công là con nhà tướng, có tài trí, mưu lược, có thể sai vào trấn ở đấy, để cùng tướng giữ Quảng-nam làm ỷ-giốc thì mới khỏi lo đến miền nam.» Vua Lê y lời, trao cho Đoan quận-công trấn tiết, ủy thác mọi việc, chỉ mỗi năm nạp cống phú mà thôi.

Đời vua Anh-tông, năm mậu-ngọ, Chính-trị năm đầu (1558), tháng 10 (1), Đoan quận-công Nguyễn Hoàng và đoàn tùy tùng do cửa Việt lên sông Quảng-trị, đóng dinh tại làng Ái-tử. Năm ấy ông 34 tuổi. Đoàn tùy tùng khá đông. Danh vọng của cha, những trận đánh thắng quân nhà Mạc vừa qua, và những đức tính của ông đã làm cho người đồng hương kính mến, nên hương-khúc huyện Tống-sơn và nghĩa-dõng Thanh-hoa nhiều kẻ đi theo. Một số quan, quân hai trấn Thanh-hoa, Nghệ-an cũng tình nguyện theo vào. Các ông Nguyễn ủ Dĩ, làm quan nhà Lê chức Thái-phó, Uy-quốc-công, Mạc Cảnh Huống 莫景貺 (em Mạc Kính Điển) đều đem con em và gia quyến vào nam với Đoan quận-công.

Đoan quận-công đến ly, Trấn-vũ Thuận-hóa là Luân quận-công Tống Phước Trị 宋福治 liền đem sổ sách Thuận-hóa trao nạp, và ở lại giúp việc bên cạnh ông Trấn-vũ mới. Các quan chức tam ty do nhà Lê đặt đều được lưu dụng. Khi Đoan quận-công mới đến Ái-tử, dân sở tại đem dâng 7 vò nước trong. Nguyễn Ủ Dĩ nói với Đoan quận-công rằng: « Ấy là điềm trời cho ông nước đó !»

Trấn Thuận-hóa gồm hai phủ, phía bắc là Tiên-bình (2)

---

(1) *Nguyễn Hoàng đến Ái-tử vào khoảng từ ngày 10 tháng 11 đến 10 tháng 12 d.l năm 1558. (Theo R.P. Cadière trong bài Le mur de Đồng-hới đăng trong B.E F.E.O. năm 1906.)*

(2) *Trước là Tân-bình.*

平, phía nam là Triệu-phong 肇豐, Đoan quận-công đóng dinh ở xứ Sa-khư, tục gọi là bãi cát Cồn-cỏ, xã Ái-tử, 愛子 thuộc huyện Vũ-xương (1) là nơi giáp giới lưu phủ. Ba ông Nguyễn Ủ Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Tống Phước Trị cùng Đoan quận-công hợp sức, qui hoạch Phương sách phòng thủ và cai-trị.

Nhân-dân Thuận hóa bấy giờ gồm những thành-phần rất phức-tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn những người còn theo nhà Mạc, hoặc khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đày, những du đảng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa xâm nhập qua các thời-đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan, quân bất mãn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào nam, những thổ-hào, thổ-tù cường ngạnh, những nhiễu lương dân, những người Chàm còn ở lại. Bấy nhiêu hạng người, Đoan quận-công phải khai hóa họ, buộc họ phải yên ổn làm ăn, khiến họ tùng phục mình. Công việc ấy không phải dễ dàng. Và Đoan quận-công đã làm tròn sứ-mạng. T. L. T. B. chép : «Chúa vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ xâu thuế, dân chúng vui, phục, thường gọi là chúa Tiên 僊主.

Năm Chính-trị thứ 12 (1569), Đoan quận-công ra

---

(1) Huyện Vũ-xương sau đổi làm huyện Đăng-xương, rồi huyện Thuận-xương, nay là phần lớn đất phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị.

Thanh-hoa yết vua Anh-tông ở hành-cung An-trường (1). Nhân đó cùng Thái-sư Trịnh Kiểm, anh em có dịp nhắc lại tình xưa và cùng nhau tỏ lòng thân mến. Tháng giêng năm sau, Thái-sư tâu xin cho Đoan quận-công trở về trấn. Đoan quận-công từ Tây-đô về, dời dinh sang xã Trà-bát 茶鉢 (2) cũng thuộc huyện Vũ-xương.

Khi Đoan quận-công vào trấn Thuận-hóa thì Trấn quốc-công Bùi Tá Hán 裴佐漢 làm Tổng-trấn Quảng nam. Chánh-trị năm thứ II (1568) Tá Hán mất, Nguyên quận-công Nguyễn Bá Quỳnh 阮伯駉 được bổ làm Tổng-binh, thay Tá Hán giữ đất ấy. Sau khi Đoan quận-công ra Thanh hoa yết vua Lê về, ông được vua cho kiêm lãnh trấn Quảng-nam, còn Bá Quỳnh thì đổi về trấn-thủ Nghệ-an. Từ đó ông đeo ấn Tổng-trấn Tướng-quân, đặt quân hiệu là dinh Hùng-nghĩa.

Thuận hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu. Phủ Tiên-bình (trước kia là Tân-bình) lãnh 3 huyện : Khương-lộc, 康祿 Lệ-thủy, 麗水 Minh linh, 明靈 và I châu : Bố-chính, 布政 phủ Triệu-phong, lãnh 6 huyện : Vũ-xương, 武昌 Hải-lăng, 海陵 Quảng-điền, 廣田 (trước

---

(1) tên xã, thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, Thanh-hoa (chú của C.M.) Nay ở tỉnh-lỵ tỉnh Nghệ-an (Vinh).

(2) Cách làng Ái-tử độ 2 km; chỗ ấy gọi là xứ Cồn-dinh. (Theo R.P. Cadière, nt.

kia là Đan-điền), Hương-trà 香 茶 (trước kia là Kim-trà), Phú-vinh 富 榮 (trước kia là Tư-vinh), Điện-bàn, 奠 盤 2 châu : Thuận-bình, 順 平 Sa-bồn (1) 沙 盆. Quảng-nam có 3 phủ, 9 huyện. Phủ Thăng-hoa, 升 華 lãnh 3 huyện : Lê-giang, 黎 江 Hà-đông, 河 東, Hy-giang, 熙 江 phủ Tư-nghĩa, 思 義 lãnh 3 huyện : Bình-sơn, 平 山 Mộ-hoa, 慕 華 Nghĩa-giang, 義 江 phủ Hoài-nhân, 懷 仁 lãnh 3 huyện : Bồng-sơn, 蓬 山 Phù-ly. 符 蘺 Tuy-viễn (2) 綏 遠.

Bấy giờ quân Mạc thường đi đường biển vào cướp, nên từ năm canh-thân (1560), chúa Tiên đã đặt đồn ở các cửa biển để giữ các miền duyên-hải.

Năm canh-ngọ (1570), vua nhà Mạc là Mạc Mậu Hợp 莫 茂 合 sai tướng là bọn Mạc Kính Điển đem quân xâm lấn Thanh, Nghệ, tướng trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn Bá Quỳnh nghe tin, chạy trốn, thế quân Mạc hung mạnh, nhân dân xao xuyến. Thuận, Quảng, nhờ đã phòng bị nghiêm nhặt, nên quân Mạc không phạm đến và đất ấy được yên ổn.

Tháng 2 năm ấy, Chính-trị năm thứ 13 (1570), Thái-sư Trịnh Kiểm mất, trao quyền lại cho con là

---

(1) *Thuận-bình, Sa-bồn ở thượng-lưu nguồn Cam-lộ, nguồn Sái, huyện Hải-lăng, dân cư là người Mọi.*

(2) *Về vị-trí các đất này, tương-đương với danh xưng ngày nay, xem chú ở trước.*

Trịnh cối 鄭 檜 con thứ hai là Trịnh Tùng 鄭 松 (con bà Ngọc Bảo) dẹp được anh rồi lên kế vị cha, được vua Lê Anh-tông giao binh quyền, gia tước là Thái-úy Trưởng quốc-công.

Ở huyện Khương-lộc (1), xã Hoành-phố, trước khi Đoan quận-công vào trấn Thuận-hóa, có Cai-tổng tên là Mỹ Lương 美 良, và hai em là Văn Lan 文 蘭, Nghĩa Sơn 義 山 dâng thóc cho nhà Lê để xin quan hàm, Thái-sư Trịnh Kiểm cho Mỹ Lương làm Cai-tri-lệnh, giao cho thu tô thuế xứ ấy, mỗi năm tiến nạp. Anh em Mỹ Lương trưng thu có công, nên Thái-sư phong làm Tham-đốc Mỹ quận-công, Văn Lan, Nghĩa-Sơn làm Thủ-vệ, đều được phong tước hầu, để thu tô thuế xứ Thuận-hóa. Sau khi Đoan quận-công vào trấn thủ, Trịnh Tùng mật sai Mỹ Lương lựa hùng binh, thừa dịp tập kích để trừ hậu hoạn, công thành sẽ được trọng thưởng. (2) Chính-trị năm thứ 14 (1571), tháng 7, nhân binh thuyền nhà Mạc đánh Nghệ-an, Thuận-hóa xao xuyến, Mỹ Lương bèn mưu đánh úp

---

(1) *Phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình ngày nay.*

(2) *T.L.T.B. nói Trịnh Kiểm đã sai anh em Mỹ Lương đánh úp Đoan quận-công, nhưng Trịnh Kiểm đã mất tháng 2 năm canh-ngọ (1570), đến tháng 7 năm sau, tân-mùi (1571) mới xảy ra việc anh em Mỹ Lương đánh Đoan quận-công, vậy có lẽ Trịnh Tùng đã sai làm việc này; Trịnh Kiểm lúc này đương tử tế với em vợ, xem như đã xin cho Kiêm lãnh trấn Quảng-nạm.*

Đoan quận-công. Mỹ Lương sai Văn Lan và Nghĩa Sơn đem quân phục ở huyện Minh-linh, mình thì dẫn quân lên theo đường núi (1) đến Cầu-ngói (2) ở Hải-lăng mai phục, hai đạo quân sẽ đồng thời tấn công dinh Trấn-thủ ở Ái-tử ở mặt bắc lẫn mặt nam. Đoan quận-công biết được mưu ấy, liền sai Phó-tướng Trương Trà 張茶 đem quân đánh Nghĩa-Sơn, và tự mình đem quân đến Cầu-ngói, thình lình đánh úp Mỹ Lương, đốt trại địch. Mỹ Lương thua chạy, Đoan quận-công đuổi theo, chém được. Trong khi ấy, Trương Trà tiến quân xã đến Phúc-thị (3), giao chiến với địch, bị Nghĩa Sơn bắn chết. Quân của Trương Trà sắp chạy trốn, may vợ Trà là Trần-thị (4) lập tức mặc quần áo đàn ông, đội nón chiến, cỡi voi, thúc quân đánh, bắn chết Nghĩa Sơn, quân chúa Nguyễn thắng trận, Văn Lan trốn về với họ Trịnh, Trần-thị được chúa phong là Quận phu-nhơn.

Năm ấy, ở Quảng-nam, có bọn thổ-mục nổi loạn, cướp giết lẫn nhau, Đoan quận-công sai thuộc tướng

---

(1) *Đi ngang qua vùng Bái-trời và Cam-lộ (R.P. Cadière nt.)*

(2) *Ở khoảng 4 km phía nam tỉnh-lỵ Quảng-trị ngày nay, trên con kênh nối Quảng-trị với Thừa-thiên (R.P. Cadière nt.)*

(3) *Trên đường thiên lý, ở phía bắc Quảng-trị độ 30km (R.P. Cadière nt.)*

(4) *Bà người xã Diêm-trường, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.*

Mai Đình Dõng 枚廷勇 dẹp yên, rồi sai ở lại giữ đất ấy để thu-phục và vỗ yên dân-chúng.

Đời Anh-tông, Hồng-phước năm đầu (1275), Lập quận-công Lập Bạo 立暴 (không rõ họ), người Bố-chính, nghe tin Trịnh-Kiểm chết, anh em Trịnh Cối giành nhau, liền hàng nhà Mạc, rồi tháng 7, đem 60 binh thuyền từ Hải-dương vượt biển vào đánh cướp. Lập Bạo đóng trại từ con đường xã Hồ-xá (1) đến đền Thanh-tương, xã Lãng-uyển (2), thế quân rất mạnh. Đoan quận-công đem quân chống giữ, đóng ở sông Ái-tử, đêm nghe ở sông có tiếng kêu «trao trao», lấy làm lạ, khấn rằng : «Thần sông có thiêng, xin giúp ta đánh giặc». Đêm ấy, ông nằm mộng thấy một người đàn bà mặc áo xanh, tay cầm quạt the, đến thưa rằng : «Minh-công muốn trừ giặc thì nên dùng mỹ-kế, dụ đến bãi cát, thiếp xin giúp sức.» Tỉnh dậy, ông nghĩ rằng mỹ-kế người đàn-bà nói đó có lẽ là mỹ-nhân-kế ; vả lại, đối với quân của một tướng Mạc đã quen chiến trận, phải dùng mưu kế mới thắng được. Bấy giờ trong đám thị-nữ có Ngô-thị tự Ngọc-lâm có sắc đẹp và mưu cơ, biện bác ; ông sai nàng đem vàng lụa đi dụ Lập Bạo. Ngô thị đến trại Lập Bạo thưa rằng :

---

(1) Ở cạnh chợ huyện, các tỉnh-lỵ Quảng-trị độ 40 km, về phía bắc, trên đường thiên lý. (R.P. Cadière nt.)

(2) Làng Lãng-phước, tục gọi làng Lãng, phủ Triệu-phong (R.P. Cadière nt.)

«Chúa công thiếp nghe tin Tướng-quân ở xa đến, sai thiếp mang quà mọn đến biếu, và để cùng giảng hòa, đừng đánh nhau nữa.» Lập Bạo thấy sắc đẹp của Ngô thị lấy làm mê thích, nhưng cũng giả giận, nói rằng: «Người đến đây làm mồi dử ta, phải không?» Ngô thị uyển chuyển ứng đáp, Lập Bạo tin lời, và giữ lại trong trướng. Ngô-thị nhân đấy mời Lập Bạo đến bờ sông để cùng chủ mình hợp minh. Lập Bạo nhận lời, Ngô-thị bèn mật báo với Đoan quận-công. Ông liền sai dựng một ngôi đền tranh ở bên sông, chỗ có tiếng «trao trao» để làm nơi hội hợp, và đào hầm, đặt phục binh. Đến ngày hẹn, Lập Bạo và Ngô thị đi chiếc thuyền nhỏ, chỉ vài chục người theo hầu. Khi đến bờ, thấy bên cạnh Đoan quận-công cũng chỉ vài chục người thôi, Lập Bạo thản nhiên lên bờ, thong thả bước đến cửa đền, thình lình phục binh đổ ra, Lập Bạo hoảng chạy xuống thuyền, thì thấy thuyền đã ra xa rồi. Lập Bạo nhảy theo, rơi xuống nước, bị quân Nguyễn bắn chết. Quân Nguyễn thừa thắng, kéo đến trại Thanh-tương, bấy giờ lại có gió to, thuyền giặc bị đắm, quân của Lập Bạo đều đầu hàng. Đoan quận-công cho các quân ấy ở đất Cồn-tiên 倦 墟 (1), lập thành 36 phường.

Đoan quận-công thưởng công Ngô-thị, đem gả cho một viên quan là Võ Doãn Trung 武 允 忠 làm Phó Đoán-sự vệ Thiên-võ, và phong thần sông là «Trảo trảo linh thu phồ trạch tướng hựu phu-nhân», lập đền thờ.

(1) *Cần cửa Tùng, tức tổng Bái-ân sau này.*

Lại sai sứ về Tây-đô báo tiệp, vua Lê sai Lai quận-công Phan Công Tích 潘公績 vào ủy lạo tướng sĩ.

Sau khi Đoan quận-công giết được Lập Bạo, không thấy quân Mạc vàn đánh phá nữa. Vả lại, Lập Bạo cũng không phải là một tướng được nhà Mạc chánh-thức sai vào đánh Thuận-hóa, mà chỉ là một võ nhân phiêu lưu thấy đất này chưa yên hẳn, lại vừa rồi Mạc Kính Điển vào đánh Thanh, Nghệ, Nguyễn Bá Quỳnh sợ bỏ chạy, không chỉ nhân dân Thanh, Nghệ náo động, mà ở Thuận, Quảng cũng xôn xao, nên muốn thừa dịp mưu đồ lợi ích riêng thôi. Chúng-ta để ý rằng trong số người cộng-tác thân tín của Đoan quận-công có Mạc Cảnh Huống là người đã đem gia-quyến theo ông vào Thuận-hóa từ lúc ban đầu, hiện giữ chức Thống-binh, cùng hai ông Nguyễn Ủ Dĩ, Tống Phước Trị, ba người bàn mưu định kế giúp Đoan quận-công đặt cơ-sở cho sự nghiệp nhà Nguyễn. Mà Mạc Cảnh Huống là em ruột của Khiêm-vương Mạc Kính-Điển (1), vị tướng đã đem quân vào đánh Thanh, Nghệ năm canh-ngọ (1570), vợ Mạc Cảnh Huống, bà Nguyễn Ngọc Dương là em vợ Đoan quận-công, và nhờ bà này giới-thiệu mà con của Đoan quận-công là Nguyễn Phước Nguyên (tức chúa Sãi sau này) đã cưới con gái đầu của Mạc Kính Điển (2) làm vợ, (và sau này chúa

---

(1) *Mạc Kính Điển là anh của Mạc Phước Hải, vị vua thứ 3 của nhà Mạc (1540-1546).*

(2) *Sau khi Mạc Kính Điển bại vong, bà theo chú vào nam.*

Sãi lại gả con gái là Ngọc-liên cho con trai đầu của Mạc Cảnh Huống là Nguyễn Phước Vinh, ông này làm đến Trấn-thủ dinh Trấn-biên.) Các mối tình thân ấy chắc không khỏi đã ảnh-hưởng nhiều đến sự giao-thiệp giữa hai gia-tộc, và Thuận, Quảng có lẽ vì đó đã không bị quân nhà Mạc đánh nữa.

Đối ngoại đã không phải lo, Đoan quận-công đã có thể để hết tâm lực vào việc kiến-thiết và trị an hai xứ Thuận, Quảng. Sử sách đều ca tụng vị Tổng-trấn họ Nguyễn. T.T viết: « Đoan quận-công vũ-trị vài mươi năm, chính-trị khoan hòa, thường ra ân huệ, dùng pháp-luật công-bằng, răn giới bản bộ, cấm trấp kẻ hung dữ, dân hai trấn cảm ân mến đức, dời đổi phong-tục, chợ không hai giá, dân không ăn trộm, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại-quốc đều đến buôn bán, quân lệnh nghiêm-túc, mọi người đều cố-gắng, vì vậy không ai dám dòm ngó, dân trong xứ đều được an cư lạc nghiệp.» V.B.T.L. viết: « Đoan quận-công có uy-lược, xét kỷ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối.....».

Từ khi Thái-úy Trưởng quốc-công Trịnh Tùng nắm hết binh quyền, ngày càng hống hách, vua Anh-tông không chịu nổi, nên cùng Lê Cập Đệ 黎及第 âm mưu trừ Tùng, việc không thành, vua cùng 4 hoàng-tử chạy vào Nghệ-an, Trịnh Tùng sai người đuổi theo kịp, tháng giêng, năm ất dậu (1573), bắt giết ở Lôi-dương. Sau khi vua chạy, Trịnh Tùng đã lập người con thứ

5 của vua là Duy Đàm lên ngôi, lấy niên-hiệu là Gia-thái, tức vua Thế-tông, và được gia chức Đô-tướng tiết chế. Để họ vui lòng nhìn nhận tình-trạng ấy, Trịnh Tùng xin thăng thưởng các quan ; tháng hai năm ấy, sai sứ đem sắc tấn phong Đoan quận-công chức Thái-phó, lại khiến trữ thóc để sẵn ở biên-giới, còn tiền sai-dư (1) thì hàng năm nạp thay bằng 400 cân bạc và 500 cây lụa.

Năm đinh-sửu (1577) tháng II, vua Lê đổi niên hiệu là Quang-hưng. Năm Quang-hưng thứ 8 (1585) có tướng giặc nước Tây-dương, hiệu là Hiển-quý 顯貴 đi 5 chiến thuyền lớn đến đậu ở cửa Việt để cướp bóc ven biển, chúa Tiên sai công-tử thứ 6 là Nguyễn-Phước Nguyên (tức chúa Sãi sau này) lãnh hơn 10 chiến thuyền tiến đến đánh tan hai chiếc thuyền giặc, Hiển-quý sợ chạy ; chúa mừng nói : «Con ta thực là anh-kiệt» (2)

Từ trước thuế ruộng đất Thuận, Quảng chưa có định ngạch, cứ mỗi năm gặt xong, sai quan đến xét số ruộng đất hiện cấy mà thu thuế. Quang-hưng năm thứ 9 (1586), triều Lê sai Hiến-sát-sứ Nguyễn Tạo 阮造 vào khám đạc ruộng đất Thuận, Quảng để thu thuế. Nguyễn Tạo cảm mến Đoan quận-công nên không

---

(1) *Sai-dư là tiền người dân phải nạp, ngoài các sai-dịch tức là tiền thuế thân.*

(2) *Xem mục Ngoại-giao : giao thiệp với Nhật-bản.*

đi khám đạc, chỉ sai các phủ, huyện tự làm sổ nạp ông thôi.

Việc sai phái này tỏ rằng Trịnh Tùng không giữ tình thân thiện đối với Đoan quận-công, cậu mình nữa. Trước kia, Thái-sư Trịnh-Kiểm đối với em vợ, bề ngoài còn có tình tử tế, như việc xin cho kiêm lãnh trấn Quảng-nam, nhưng sau khi Thái-sư mất, Trịnh Tùng đã sai Mỹ Lương mưu đánh Vũ-xương, nay lại cho người vào khám đạc ruộng đất, giao-tình giữa Trịnh - Nguyễn rạn nứt, chắc là bắt đầu từ đấy. Tuy vậy, Đoan quận-công vẫn giữ bổn phận đối với vua Lê, và vẫn nối chí cha, hết lòng ủng hộ việc khôi-phục mà triều Lê đương theo đuổi. Bấy giờ, vua Lê còn ở Tây đô, chiến tranh với nhà Mạc, thuế khóa hai xứ Thanh, Nghệ không đủ cho việc quân dụng. May Thuận, Quảng mấy năm được mùa, Đoan quận-công thu thuế đưa ra giúp đỡ, không thiếu thốn.

Năm Quang-hưng thứ 15 (1592), tháng giêng, Trịnh Tùng đem đại binh đánh Mạc Mậu Hợp, thu phục được Đông-đô Thăng-long. Năm sau (1593), tháng 4, vua Lê trở về Thăng-long. Liền đó, tháng 5, Đoan quận-công đem tướng-sĩ, voi ngựa, binh thuyền đến kinh mừng vua Lê. Ông cũng dâng nạp sổ sách binh lương, của cải, vàng bạc, châu ngọc và kho tàng 2 trấn Thuận, Quảng. Vua Lê phủ ủy : «Ông trấn thủ hai xứ, dân nhờ được yên, công ấy lớn lắm.», rồi tấn phong

làm Trung-quân Đô-đốc-phủ Tả-Đô-đốc, chưởng phủ sự, Thái úy Đoan quốc-công.

Bấy giờ Thăng long tuy đã thu phục, nhưng đảng nhà Mạc còn chiếm cứ nhiều nơi, hoặc đánh phá đây đó. Đoan quốc-công và hai con là Hán 漢 (1) và Diễn 演 (2) lại phải đem quân đi đánh dẹp.

Tướng Mạc là Kiến-quốc-công và Nghĩa quốc-công mỗi người có mấy vạn quân; Kiến quốc-công chiếm giữ phủ Kiến-xương, đắp lũy trên bờ phía đông sông từ Diên-hà, Vũ-tiên, xuống đến huyện Chân-định; Nghĩa quốc-công chiếm cứ Thanh-lan (nay là huyện Thanh-quan), cắm cọc gỗ ở cửa sông Hoằng-giang, để chống cự nhà Lê. Tướng nhà Lê là Bùi Văn Khuê 裴文奎, Trần Bách Niên 陳伯年 đánh hơn 1 tháng, không phá được. Đoan quốc-công đem tướng sĩ bản bộ và thống lãnh 300 chiến thuyền của thủy-quân các xứ, dùng hỏa-khí và đại-bác đánh phá được, chém Kiến quốc-công, Nghĩa quốc-công tại trận, bắt sống và chém chết hàng vạn quân địch, trấn Sơn-nam (nay là Nam-định) được dẹp yên. Trong cuộc chinh phạt này, con thứ hai của Đoan quốc-công là Hán giữ chức Tả Đô-đốc, Lỵ quận-công, bị chết tại trận, Vua

---

(1) Công-tử thứ hai của Nguyễn Hoàng, đương làm quan nhà Lê, chức Tả Đô-đốc Lỵ quận-công.

(2) Công-tử thứ tư của Nguyễn Hoàng, đương làm quan nhà Lê chức Tả Đô-đốc Hào quận-công.

Lê truy tặng là Lý-nhân công (1), cho con là Hắc 黑 tập ấm, sau Hắc làm quan đến Thái-phó (2).

Tráng vương nhà Mạc là Mạc Kính Chương 莫敬章 cùng đồ đảng chiếm giữ Hải-dương, Đoan quốc-công đem quân sang đánh, bắt sống được quân địch rất nhiều.

Mạc ngọc Liễn 莫玉葷 chiếm cứ núi Yên tử, năm Quang-hưng thứ 17 (1594), tháng 5, đánh cướp huyện Vĩnh-lại, Đoan quốc-công đem thủy-quân tiến đến Hải-dương đánh phá được, Ngọc Liễn thua chạy, chết ở châu Vạn-ninh.

Tháng 9 năm ấy, Uy vương nhà Mạc là Mạc Kính Dụng 莫敬用 sai Văn quốc-công, Xuân quốc-công đánh úp Thái-nguyên. Đoan quốc-công đem đại binh đánh quân Mạc ở huyện Võ-nhai, dẹp yên.

Ngoài đồ đảng nhà Mạc, còn bọn tướng làm phản, và thổ phỉ thừa dịp chống đánh và cướp bóc nhiều nơi, Đoan quốc-công cũng góp công nhiều trong việc tiễu-trừ.

Năm ấy, tháng 10, tướng nhà Lê là Võ Đức Cung 武德恭 làm phản, cướp phá các huyện thuộc Sơn-tây, và lùa cư-dân hai huyện Đông-lan, Tây-lan (sau đổi là Hùng-quan

---

(1) Có thuyết nói là Lý-trung công; Gia-long năm thứ 2 được tòng tự ở Nguyên-miếu.

(2) Con cháu của Hắc ở lại Thanh-hoa, không vào Thuận-hóa, chi phái rất phồn-thịnh, Gia-long năm đầu đặt hệ-tính ấy là Nguyễn hựu 阮祐.

và Tây-quan) và đất Đại-đồng. Đoan quốc-công lãnh thủy-quân, Thái-úy Nguyễn Hữu Liêu 阮有僚 dẫn bộ-binh, cùng tiến thẳng đến Dại-đồng, giáp công, phá được, Đức Cung chạy.

Ở Hải-dương, thổ phỉ là Lễ 禮, Thủy 水, Quỳnh 瓊, Thụy 瑞, (đều tự xưng là quận-công) cùng đồ đảng mấy nghìn người, đánh úp, giết viên tướng trấn-thủ hạt này, rồi cướp phá các huyện Thủy-đường, Nghi-dương và Tiên-minh. Công-tử thứ 4 của Đoan quốc-công là Diễn (có tên nữa là Miện) giữ chức Tả Đô-đốc, Hào quận-công, cùng tướng nhà Lê là Bùi Văn Khuê 裴文奎 và Phan Ngạn 潘彦 (1) đem 50 binh thuyền đến đánh ở sông Hồ-mang, Diễn đem 4 chiếc binh-thuyền bản bộ xông vào đánh trước, đâm chết được Lễ, nhưng rồi bị giết tại trận. Hào quận-công Diễn được vua Lê truy tặng là Thái-phó. (2). Trong vòng 4 năm, Đoan quốc-công đã mất hai con, đều là Đô-đốc, quận-công, vì công việc bình định cho nhà Lê.

Quang-hưng năm thứ 21 (1598) tháng 3, Đoan quốc-công đem thủy-quân đánh dẹp miền Hải-dương, phá tan thổ-phỉ ở dãy núi Thủy-đường, bắt được đồ đảng giặc đem về.

---

(1) *Theo T.L.T.B. thì Hào quận-công cùng các tướng Lê Văn Kim Phan Ngạn.*

(2) *Thái-phó Diễn có 4 con là Tuấn, Đường, Cơ, Phú sau đó đều theo Đoan quốc-công vào Thuận-hóa.*

Việc bang-giao với nhà Minh đương gặp khó khăn.— Sau khi Trịnh Tùng thu phục Thăng-long, nhà Mạc sai Mạc Kính Dụng sang Long-châu kêu với nhà Minh rằng hiện người xưng là vua Lê là người họ Trịnh, chứ không phải con cháu nhà Lê. Nhà Minh sai Án-sát-ty Phó sứ tả-giang binh Tuần-đạo là Trần Đôn Lâm đến Trấn-nam quan (ải Nam-quan) khám xét việc ấy. Trần Đôn Lâm đưa thư nhà Lê hẹn hội khám. Tháng 3 năm bính thân (1596) vua Lê Thế-tông sai Hộ bộ Thượng-thư Đỗ Uông 杜汪 và Đô Ngự-sử Nguyễn Văn Giai 阮文階 lên Nam-quan tiếp quan Tàu ; sau lại sai hai hoàng thân là Lê Ngạnh 黎梗, Lê Lựu 黎榴 cùng Công bộ Thị-lang Phùng Khắc Khoan 馮克寬 đem vài mươi người kỳ lão, 100 cân vàng, 1000 lượng bạc, cái ấn An-nam Đô-thống-sứ của nhà Mạc, và cái ấn An-nam Quốc-vương của nhà Lê ngày trước đến cửa Nam-quan cho quan nhà Minh khám. Trần Đôn Lâm lại đưa điệp đòi vua Lê Thế-tông phải thân hành sang hội. Trịnh Tùng sai một vạn quân hộ giá vua Lê đi phó hội, Đoan quốc-công theo hầu vua. Nhưng sang đến nơi, quan nhà Minh lại đòi nạp người vàng và ấn vàng như tích cũ, rồi không chịu đến hội, vua Lê phải trở về. Năm sau (1597) đinh-dậu, tháng 2, nhà Minh sai Ủy-quan là Vương Kiến Lập đến cửa Nam-quan mời vua Lê sang hội. Triều đình sai 5 vạn quân đưa vua Lê đi. Đoan quốc-công cũng theo hầu vua, cùng Vương Kiến Lập, Trần Đôn Lâm làm lễ giao tiếp và hội khám. Từ đó, hai nước thông hiếu.

Ngoài các việc đánh dẹp, hỗ giá, năm Quang-hưng thứ 18 (1595) Đoan quốc-công còn làm Đề-điệu khoa thi Tiến sĩ. Quang-hưng năm thứ 22 (1599), tháng 8, vua Thế-tông băng, con là Duy Tân nối ngôi, lấy niên hiệu là Thận đức, tức là vua Kính tông. Vua Kính-tông tấn phong Đoan quốc-công làm Hữu-tướng. Trịnh Tùng được phong Đô nguyên-súy, Tổng quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an vương 平安王, mở phủ, đặt quan lại riêng, họ Trịnh bắt đầu thế tập tước vương.

Năm canh - tý (1600), tháng 11, vua Lê đổi niên-hiệu Hoằng-định. Đoan quốc-công ở Đông-đô đã 8 năm mà Trịnh Tùng không nói đến chuyện để ông trở về trấn, ông thấy Trịnh Tùng đối với mình không còn thân thiện, lại thêm nghi kỵ vì ganh ghét những công đánh dẹp của mình. Thận-đức năm đầu (1600) ông mật xui sử các tướng Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga 吳廷峨 làm phản ở cửa Đại-an để mình xin đem quân đi dẹp, rồi đem tướng sĩ, binh thuyền bản bộ, do đường bể đi thẳng về Thuận-hóa (1). Bấy giờ lòng người dao động,

---

(1) Về việc bọn Phan Ngạn làm phản ở cửa Đại-an, C.M. và T.L.T.B. không nói do Đoan quốc-công mưu sử, T.T., V.B. T.L. và N.C.K.Q. đều nói do ông mưu sử. V.B.T.L. viết: « Bấy giờ Đoan quốc-công đi đánh đẳng giặc ở Sơn-nam và Hải-dương, miền bắc thì đánh Thái-nguyên, miền tây thì đánh Tuyên-quang, hễ gía rước vua lên Nam-quan ở Lạng-sơn để giảng

Bình-an vương sợ Thăng-long bốn mặt thụ địch, phải rước vua Lê về Thanh-hoa để giữ cố bản. Đi đến huyện An-sơn, con thứ 5 của Đoan quốc-công là Hải 海,

---

hòa với quan tam ty nước Đại-Minh, đều có công. Đời Kính-tông, Thận-đức năm đầu, tháng 5 Đoan quốc-công thấy mình công danh càng ngày càng lớn mà không được thưởng thêm, lại bị bọn di thần nhà Mạc xui lừa, không được yên tâm, nên mưu sử bộn thủy-tướng là Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê làm phản ở cửa biển Đại-an, rồi tự xin đi đánh, đến nơi giả thua, rồi do đường bể về thẳng Thuận-hóa.» Chánh N.C.K.Q. của Nguyễn Khoa Chiêm, cũng cho là việc làm loạn của bọn Phan Ngạn do Đoan quốc-công mưu sử. Sách này viết : «... Đoan quốc-công muốn về Thuận-hóa, nhưng sợ Kế quận-công Phan Ngạn, Mỹ quận-công Bùi Văn Khuê đóng binh ở cửa biển, sẽ trở triệt không để mình thoát được. Ngạn, Khuê vốn nhận Đoan quốc-công là cậu ; Đoan quốc-công bèn nghĩ ra một kế, mật sai gia-nhân làm sứ-giả của chúa Trịnh, và sai một người khác đi mời Ngạn, Khuê đến phủ mình nói chuyện. Ngạn, Khuê đến, Đoan quốc-công cùng hai tướng nói việc xưa, việc nay, các bậc anh-hùng hào-kiệt, các người xưng bá, xưng vương đều hùng đảm, chứ đâu chịu tầm thường để người sai khiến, ở dưới người ta, Ngạn, Khuê đều nắm tay, đập xuống chiếu nói : « Ấy mới là bậc trượng-phu ! » Thình lình có người vào báo : « Có sứ-giả của Chúa đến truyền chỉ. » Đoan quốc-công bèn bảo hai tướng vào tránh ngồi ở phòng bên cạnh, rồi sửa áo mũ ra tiếp sứ, mời sứ vào nhà. Sứ-giả nói nhỏ với

làm Tả Đô-đốc, Cẩm quận-công và cháu của Quốc-công là Hắc đón vua ở đường tâu rằng cha, ông mình về Thuận-

---

Đoạn quốc-công : « Chúa thấy bọn Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê ỷ mạnh, cậy công, không tuân pháp lệnh, ăn nói bất tồn, Chúa sợ lâu ngày ắt làm mối lo cho thiên hạ, nên sai tôi đến truyền chỉ tôn công phải lập mưu bắt bọn người ấy và cả gia-quyến lớn, bé đem nạp Chúa thì có công lớn, xin giữ bí mật chớ tiết lậu. » Quốc-công đáp: « Xin vâng vương mạng » Sứ-giả ra về. Bọn Ngạn, Khuê ở bên vách lén nghe, tiếng được tiếng mất, nên sứ-giả về rồi thì hai người liền ra hỏi quốc-công Chúa chỉ việc gì. Quốc - công trù trừ không đáp, nhìn hai tướng và như ứa nước mắt. Ngạn, Khuê lại khẩn khoản hỏi. Quốc-công nói : « Cậu xem hai cháu tướng mạo đường đường, uy phong lẫm lẫm, thể trạng có tài của Hán Võ, Tống Tổ, trong lòng có trí của Tôn, Ngô, Trương-tử, có thể giúp đời, an dân, khuông phò để thất, để rõ mặt anh-hùng, làm vẻ vang tiên tổ, vậy vì sao lại khư khư chịu người ta ức chế ? Nay sứ-giả của Chúa mật truyền cái ý không dung các cháu, cậu rất thương tình, các cháu nên nghĩ kỹ để ngày sau khỏi than câu « điểu tận, cung tàn ». Cậu và các cháu cùng một lý ấy. Nay cậu muốn về Thuận-hóa ngao du để tránh cái ách cá chậu, chim lồng, nhưng sao nỡ chịu được cảnh các cháu bị giết hại, mong các cháu sớm nghĩ kế lớn, đừng để mắc phải cái tiếc « phệ tê » « nhiên my », các cháu nên ghi vào lòng, chớ có tiết lậu, phải cẩn thận. » Ngạn, Khuê nghe nói, giận lắm, xăn tay áo, trợn mắt, nói lớn : « Nó là anh-hùng, ta đây cũng hào-kiệt, đều có chí nam nhi, sao lại

hóa ... chỉ nghĩ việc bảo vệ đất đai, chứ không có ý gì khác. Thế là Đoan quốc-công muốn để Hải, Hắc ở

---

thua chúng! » *Đoan quốc-công ngăn lại, nói:* « *Các cháu đừng nóng nảy, phải suy nghĩ chín chắn, và đề phòng tai vách mạch rừng.*» *Ngạn, Khuê cảm tạ, khóc lạy thụ mạng, rồi cáo biệt. Về nhà, hai tướng suy nghĩ, rồi quyết ý mưu phản. Hôm sau, Đoan quốc-công vào phủ Trịnh Tùng bẩm rằng:* « *Lão phu xem trong triều-đình, Tể tướng và các vị đều có trung tâm nghĩa khí, hết sức cần vương, chỉ có bọn Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê là kiêu mạn, ngoan hung, lòng lang dạ sói, vong ân bội nghĩa, bất hiếu bất trung, bọn ấy sớm muộn gì cũng làm phản, xin Vương sớm định kế trừ đi để khỏi sinh mối lo về sau.* » *Bình-an vương nói:* « *Lời Thừa-tướng có lý, tôi xem bọn ấy có ý tung hoành, kháng cự, biết xử trí cách nào?*» *Quốc-công nói:* « *Bọn ấy là hạng người hữu dõng vô mưu, như trò trẻ chơi, giỡn vậy, lão phu xin đem thủy-sư bắt nó để dem dâng vương, có khó gì?* » *Bình-an-vương vui vẻ nói:* « *Việc bắt hai tên giặc ấy, xin ủy Thái-úy lão tướng-quân điều đình để trừ đi, cho dứt hậu hoạn.*» *Đoan quốc-công về phủ. Hôm ấy là tiết Đoan-ngọ, Bình-an vương và các tướng cùng nhau yến tiệc, ca hát, uống rượu say... Đoan quốc-công và Hiến-sát-sứ Nguyễn Tạo sắp đặt Thủy-sư, xuống thuyền về Thuận-hóa. Thuyền đi nửa đường, gặp Ngạn, Khuê, Đoan quốc-công nói:* « *Hai cháu chớ phụ lời dặn trước.*» *Nói xong, chảy nước mắt, Ngạn, Khuê cũng khóc, lạy tiễn biệt. Đoan quốc-công đi rồi, Phan, Ngạn, Bùi Văn Khuê cùng nhau mật nghị, dấy binh nổi*

lại Thăng-long làm con tin vậy. Vua Lê vỗ về Hải, Hắc và vẫn để Hải giữ chức cũ (1). Tháng 5 năm ấy, (canh-tý, 1600), Đoan quốc-công về đến Thuận-hóa.

Việc Đoan quốc-công âm mưu rút về Thuận-hóa chắc đã gây xúc động mạnh mẽ cho Bình-an vương. Ý-chí ly-khai tự lập của họ Nguyễn đã rõ ràng, và cái thế đối lập của hai họ Trịnh-Nguyễn đã xuất lộ. Không cách đối xử nào khác nữa, Bình-an-vương sai Thiêm-đô Ngự-sử Gia-

---

loạn, vây đánh kinh thành rất gấp, phóng hỏa đốt kinh thành, phố xá, dinh trại, trăm họ kinh sợ, dắt mẹ bồng con đi trốn. Các tướng của triều-đình chống đánh đều thua, rút cả không dám đem quân giao chiến. Bình-an vương phải phò vua Lê theo đường Mỹ-lương về Thanh-hoa để giữ vững căn-bản...»

Chúng-tôi nghĩ các sử quan nhà Nguyễn trong C.M. và T.L.T.B. đã bỏ không nhắc lại âm mưu này của vị thủy-tổ nhà Nguyễn, một âm mưu không cao đẹp gì cho bậc chân-nhân quân-tử, theo quan-niệm người đời bấy giờ. Nguyễn Khoa Chiêm kể lại đầu đuôi âm mưu ấy, chắc là có tô điểm câu chuyện, nhưng chúng ta có thể tin rằng việc khởi loạn của bọn Phan Ngạn là do Đoan quốc-công mưu sử, đúng như T.T., V.B.T.L, và N.C.K.Q. vì nếu không được các thủy-tướng đóng binh ở cửa biển đồng ý thì binh thuyền Đoan quốc-công khó mà thoát được.

(1) Hải làm quan nhà Lê, đến khi mất, được tặng Thái-phó, có 4 con, đều ở lại Thanh-hoa chứ không vào Thuận-hóa, rồi con cháu, cùng con cháu của Hắc, được vua Gia-long đặt hệ-tính là Nguyễn-hựu 阮 祐.

lộc tử Lê Nghĩa Trạch 黎義澤 đem sắc vua Lê đến ủy dụ, vẫn để ở lại trấn thủ, hàng năm nạp cống phú. Minh-vương cũng gởi thư kèm theo, dọa, dỗ. Thư rằng: *« Đại thần và nhà nước, theo nghĩa, phải cùng vui, cùng lo. Cậu đối với nước là kẻ bề tôi chí thân. Vừa rồi họ Mạc làm loạn, quốc-vận gặp lúc bĩ, tiên tổ (1) là Thái-tể Hưng-quốc Chiêu-huân Tĩnh công thủ xướng việc đại nghĩa, giúp hoàng đế. Trang-tông trong lúc gian hiểm, nhờ đó danh phận mới được chánh đáng trở lại. Tiên tổ vua đời, tiên khảo Minh-khương Thái-vương (2) được giao phó trọng trách lo việc nước, đối với cậu có tình thân phế phủ, ủy cho việc binh, việc chính hai xứ Thuận, Quảng. Từ khi lãnh mạng, Cậu đã vỗ an nhân-dân địa-phương, thật là có công, được tiên khảo trọng quý. Cháu từ khi giữ việc binh, việc chính, vẫn để Cậu ở chức cũ, có đưa thư xin chở tài phú đến để giúp quốc dụng, Cậu thường lấy cớ đường biển khó khăn, hiểm trở để từ chối. Đến khi kinh-thành khôi phục, thiên-hạ đã định, Cậu mới thung-dung theo về đạo lý. Triều-đình ưu đãi, cho Cậu quản lãnh thêm 1 phủ Hà-trung và 7 huyện thượng-hạn Sơn-nam, trao chức Hữu-tướng, ý muốn cậu cùng Tả-tướng Vinh quốc-công Hoàng Đình Ái, tả hữu giúp vào đời thịnh, an dân Nam-quốc. Mới đây bọn nghịch thần Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm bội phản, cháu và Cậu đã lo liệu việc binh, sai đi đánh dẹp, chẳng ngờ Cậu không đợi mạng, tự ý bỏ về, làm tao động nhân-dân, không biết ấy là ý của Cậu, hay là mắc kế bọn kia. Nay bọn*

(1) *Chỉ Nguyễn Kim, ông ngoại Tùng.*

(2) *Trịnh Kiểm.*

Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh nhau, đều đã bị giết, ấy mới biết đạo trời sáng tỏ, họa xảy đến ngay, Cậu chắc cũng biết vậy. Việc đã như thế, nếu Cậu giác ngộ, ăn năn lỗi cũ, nghĩ lại huân-nghiệp của tổ tiên, thì nên sai người đem thư đến hành tại bái bẩm, góp tài phú để cung quốc-dụng, lấy công đền lỗi, triều-đình sẽ có diền-hiến, và huân-nghiệp của Cậu ngày trước cũng được hoàn-toàn, huân danh, sự-nghiệp các đời mãi mãi không mất. Nếu không như thế, thì lấy kẻ thuận đánh kẻ nghịch, triều-đình dùng binh sẽ có danh-nghĩa, khi ấy danh tiết của Cậu sẽ ra sao? Cậu, trong việc binh, thường lưu tâm đến kinh sử, xin hãy xét nghĩ lại, đừng để hối hận về sau.»

Lê Nghĩa Trạch đến Thuận-hóa, vào trọ nhà quán, vốn biết Đoan quốc-công là người đa mưu, nến bỏ chiếu thư vào một cái ống rồi đem để trong bụi, ngoài đồng. Quả nhiên, Đoan quốc-công nghe tin sứ-giả đến, mưu đoạt chiếu thư để làm nhục. Đêm lại, sai dõng-sĩ đến quán trọ, cướp hết rương hòm của sứ-giả đem về, nhưng không thấy chiếu thư; lại sai đến đốt sứ-quán, tưởng thư văn đã bị đốt rồi. Ngày hôm sau, Đoan quốc-công tự đem tướng tá, voi ngựa, nghi vệ đến rước sứ-giả thì trông thấy Nghĩa-Trạch tay bưng chiếu thư (1).

Đoan quốc-công hậu đãi sứ-giả, sai sứ đi tạ ơn vua Lê, và để hòa hoãn tình-thế, gửi thư cho Bình-an vương

---

(1) Việc này chép ở T. T., không có trong C. M. và T. L. T. B.

hẹn kết nghĩa thông gia. Tháng 10 năm ấy thì gả con gái là Ngọc Tú 玉秀 cho Trịnh Tráng 鄭柱 là con cả của Bình-an vương.

Sau khi ở Đông-đô về, Đoan quốc-công dời dinh sang phía đông dinh Ái-tử trước kia ; bấy giờ gọi là dinh Cát Trấn Quảng-nam đất tốt, dân đông, sản vật giàu có, số thuế thu vào nhiều hơn đất Thuận-hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa. Đoan quốc-công đã có ý kinh doanh đất này, Hoằng-định năm thứ 3 (1602), chúa đi chơi núi Hải-vân, thấy núi non hiểm trở, nói rằng : « Chỗ này là đất yết-hầu của miền Thuận, Quảng.» Rồi vượt qua núi, xem xét hình-thế, sai lập dinh ở xã Cần-húc 勤旭 (nay ở Duy-xuyên), xây kho tàng chứa lương thực, sai công-tử thứ 6 là Nguyễn Nguyên trấn giữ.

Hoằng-định năm thứ 5 (1604), cải đặt và đổi tên các khu-vực hành-chính hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam. Lấy huyện Điện-bàn thuộc phủ Triệu-phong đặt làm phủ Điện-bàn quản 5 huyện là Tân-phước 新福, An-nông 安農, Hòa-vinh 和榮, Diên-khánh 延慶, Phúc-châu 富州, lệ thuộc vào xứ Quảng-nam. Đổi phủ Tiên-bình làm phủ Quảng-bình 廣平, phủ Tư-nghĩa làm phủ Quảng-nghĩa 廣義, huyện Lê-giang thuộc phủ Thăng-hoa (nay là Thăng-bình) làm huyện Lễ-dương 禮陽, huyện Hy-giang làm huyện Duy-xuyên 潍川.

Bấy giờ xứ Quảng-nam vào đến phủ Hoài-nhân và biên giới cực nam là huyện Tuy-viễn 綏遠 (nay là Tuy-phước), bên kia Tuy-viễn là đất của Chiêm-thành. Năm

Hoằng-định thứ 3 (1602), nước Chiêm-thành có sai sứ sang thông hiếu, nhưng đầu năm Hoằng-định thứ 12 (1611) thì sang xâm lấn biên giới, Chúa sai Chủ-sự là Văn-Phong 文 封 (không rõ họ) đem quân đi đánh, lấy đất Phú-yên 富 安 ngày nay, đặt làm một phủ, chia làm hai huyện là Đồng-xuân 同 春 và Tuy-hòa 綏 和 và sai Văn Phong làm Lưu-thủ phủ Phú-yên.

Đoan quốc-công mộ đạo Phật và đã xây nhiều ngôi chùa trên lãnh - thổ mình. Năm tân-sửu (1601), Chúa đi dạo chơi ở xã Hà-khê (thuộc huyện Hương-Trà) thấy giữa cánh đồng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước nhìn ra sông lớn, phía sau có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói gò nầy rất thiêng, tục truyền xưa có người đêm thấy một bà già mặc áo đỏ, quần xanh, ngồi trên đỉnh gò, nói rằng : « Sẽ có vị chân Chúa đến xây chùa ở đây để tụ khí thiêng, cho bền long-mạch. », nói rồi bà già ấy biến mất, nhân đó người ta gọi là núi Thiên-mụ. Chúa cho là núi ấy có linh khí, nên sai bắt đầu dựng chùa và gọi là Chùa Thiên-Mụ 天 姥 寺.

Năm sau, nhâm-dần (1602), nhân tiết Trung-nguyên, Chúa đến chùa Thiên-mụ, lập đàn chay, làm lễ bố thí. Khi thuyền đi qua xã Triêm-ân (thuộc huyện Phú-vang), nhìn bờ sông có một nơi cây cối rậm rạp, chim lượn từng đàn, cảnh rất đẹp mắt, Chúa dừng thuyền thưởng ngoạn, nhận thấy nền một ngôi chùa cổ, Chúa sai sửa

lại, đặt tên là chùa Sùng-hóa 崇化寺. Năm đinh-mùi (1607), lập chùa Bửu-châu 寶珠寺 ở Trà-kiệu (thuộc Quảng-nam) ; năm Kỷ-dậu (1609) dựng chùa Kính-thiên 敬天寺 ở Thuận-trạch (thuộc Quảng-bình, đời Minh-mạng đổi tên chùa là Hoằng-phước 弘福寺). Sau khi dựng trấn dinh Quảng-nam ở xã Cần-húc, Chúa cũng sai lập một ngôi chùa ở phía đông trấn, gọi là chùa Long-hưng 龍興寺 (1).

Đời chúa Tiên, Thuận, Quảng nhiều năm được mùa. Năm kỷ-sửu (1589) T. L. T. B. chép « mấy năm được mùa luôn, trăm họ giàu thạnh ». Năm mậu-thân (1608), được mùa to, mỗi đấu gạo giá 3 đồng tiền ; bấy giờ từ Nghệ-an ra bắc bị đại hạn, giá gạo đắt, nhiều dân xiêu dạt chạy vào Thuận, Quảng.

Năm Quý-sửu, Hoằng-định thứ 24 (1613), tháng 5, ngày mậu ngọ, Đoan quốc-công bệnh, triệu công-tử thứ 6, trấn thủ Quảng-nam về. Tháng 6, ngày canh-dần, Chúa bệnh nặng, triệu công-tử thứ 6 và thân thần đến trước giường, bảo thân thần rằng ; «Ta và các ông cùng nhau cam khổ đã lâu, muốn dựng nên nghiệp lớn. Nay ta để gánh nặng, việc khó lại cho con ta, các ông nên đồng tâm sửa sang, giúp đỡ, cho thành công.» Rồi cầm tay công-tử thứ 6, dặn rằng : «Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, anh em trước hết phải hòa

(1) *Chùa này đã bỏ (Đại Nam Nhất Thống Chí).*

hữu, thân ái nhau ; mày giữ được lời dặn ấy thì ta không ân hận gì. » Lại nói : « Đất Thuận, Quảng phía bắc có núi Hoành-sơn, sông Linh-giang (sông Gianh) hiểm trở, phía nam có núi Hải-vân, núi Thạch-bi vững bền ; núi sinh vàng, sắt, biển có cá, muối, thật là đất dụng võ của những kẻ anh-hùng. Nếu biết dạy dân, luyện binh để chống chỏi với họ Trịnh thì đủ xây dựng sự nghiệp muôn đời ; nếu thế-lực không địch được thì cố giữ đất đai để đợi thời-cơ, chứ đừng bỏ hỏng lời dặn của ta.»

Ngày ấy, Chúa mất. Ở ngôi 56 năm, thọ 89 tuổi. Táng ở núi Thạch-hãn (thuộc huyện Hải-lăng), sau cải táng ở núi xã La-khê (thuộc huyện Hương-trà, năm Minh-mạng thứ 2, phong núi này là núi Khải-vận) ; thụy-hiệu là Cần Nghĩa Đạt Lý Hiền Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia-dũ vương. Thế-tông Nguyễn Phước Khoát truy tôn là Liệt tổ Triệu Cơ Thùy Thống Khâm Minh Cung Ý Cần Nghĩa Đạt Lý Hiền Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia-dũ Thái-vương, và tuy tôn phi là Từ Lương Quang Thục Ý phi. Năm Gia-long thứ 5, truy tôn là Triệu Cơ Thùy Thống Khâm Minh Cung Ý Cần Nghĩa Đạt Lý Hiền Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia-dũ Hoàng-đế 嘉裕皇帝, miếu hiệu là Thái-tổ 太祖, lăng gọi là Trường-cơ 長基 ; truy tôn phi là Từ Tương Quang Thục Minh Đức Ý Cung Gia-dũ hoàn-hậu, lăng gọi là Vĩnh-cơ 永基.

III.— Hy-Tông Nguyễn Phước Nguyên 熙宗阮福源 (1613-1635)

Nguyễn Nguyên sinh năm quí-hợi, đời Lê Anh-tông, năm Chính-trị thứ 6 (1563), con thứ 6 của Thái-tổ, mẹ là Nguyễn thị. Năm ất-dậu (1585), ông đã đánh được thuyền ngoại-quốc ở cửa Việt ; năm nhâm-dần (1602) được bổ làm Trấn-thủ dinh Quảng-nam.

Bấy giờ trong các con của Thái-tổ, công-tử cả là Hà 河, thứ hai là Hán 漢, thứ ba là Thành 成, thứ tư là Diễn 演 đều đã mất, Công tử thứ năm là Hải 海 thì làm con tin ở Bắc, nên Nguyễn Nguyên được nối ngôi cha. Các quan tôn làm Thống-lãnh thủy, bộ chư dinh, kiêm Tổng-nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, Thái-bảo Thụy quận-công 瑞郡公 ; năm ấy ông 51 tuổi. Vua Lê sai sứ đem phẩm vật vào phúng và sắc tặng Đoan quốc-công là Cần-nghĩa công 謹義公, đồng thời cho ông Nguyễn Nguyên trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng, gia hàm Thái-bảo, tước quận-công.

Thụy quận-công chăm lo việc phòng thủ, sửa thành lũy, đặt quan ải, võ về quân dân, trong ngoài mến phục, nên gọi là chúa Phật 佛主, hoặc chúa Sãi, hoặc Sãi-vương. Và từ đấy, chúa xưng họ mình là Nguyễn-Phước 阮福.

Ba ty Đô, Thừa, Hiến lập lên ở mỗi xứ từ đời Lê, quan chức do triều Lê bổ nhiệm, đều bãi bỏ. Chúa

Sãi lập ở mỗi dinh ba ty là ty Xá-sai 舍差司, ty Tướng-thần-lại 將臣吏司, và ty Lệnh-sử 令史司 để thay thế.

Sự ly-khai với triều đình nhà Lê, và đối kháng, chiến-tranh với họ Trịnh bắt đầu từ đời Thụy quận-công. Bấy giờ bọn hào, lý các làng thường xâm lấn dân điền (ruộng công của xã dân) để làm của riêng, gây ra tranh chấp. Năm mậu-ngọ (1618), Chúa Sãi sai quan đo đạc dân điền hai xứ Thuận, Quảng để thu thuế, từ đó mới hết giành nhau.

Ở Bắc, năm Hoằng-định thứ 20 (1619) Trịnh Xuân 鄭椿 con thứ Bình-an Vương, âm mưu giết cha để cướp ngôi. Việc ấy phát-giác, tra hỏi thì có liên can đến vua Kính-tông, ngày tháng 5, Bình-an vương sai con trưởng là Tráng và Nội-giám là Bùi Sĩ Lâm 裴仕林 bắt vua Lê phải thắt cổ chết, rồi lập con vua là Duy Kỳ 維祺 lên ngôi, đổi niên-hiệu là Vĩnh-tộ, ấy là vua Thần-tông.

Năm sau, (1620), em Thụy quận-công là Chưởng-cơ Hiệp 洽, Chưởng-cơ Trạch 澤 (con thứ 7 và thứ 8 của Chúa Tiên) mưu giành quyền chúa, gửi mật thư xin họ Trịnh phát binh, tự mình làm nội ứng, hẹn việc thành sẽ để đất này cho mình trấn giữ. Chúa Trịnh sai Đô-đốc Nguyễn Khải 阮啟 đem 5000 đóng ở Nhật-lệ để đợi. Thấy quân Trịnh vào, Thụy quận-công cùng các tướng bàn việc chống cự. Hiệp và Trạch vốn sợ

Chưởng-cơ Nguyễn-phước Tuyên 阮福宣 (con thứ 4 của cố quận-công Hà, Hà là công-tử cả của Chúa Tiên), muốn Tuyên đi xa để mình tiện hành-động, nên giả bàn mưu với Chúa : « Tuyên trí dõng hơn người, nếu sai cầm binh ắt phá được giặc. » Tuyên biết mưu, nói với Chúa « Nếu thần đi thì sợ có nội biến. » Chúa bèn sai Chưởng-dinh Nguyễn-phước Vệ 阮福衛 (con thứ hai của cố quận-công Hà) đem quân chống với Nguyễn Khải, Hiệp và Trạch thấy mưu không thành, bèn đem quân chiếm giữ kho Ái-tử và đắp lũy Cồn-cát để chống cự. Chúa Sãi sai người đến dỗ, Hiệp, Trạch vẫn không nghe. Chúa bèn đem binh đi đánh, sai Nguyễn-phước Tuyên đi tiên phong, Hiệp và Trạch thua chạy, Tuyên đuổi, bắt được, đem nạp. Nguyễn Khải nghe tin, dẫn quân về. Hiệp, Trạch bị giam rồi chết trong ngục. (1)

Việc Nguyễn Khải đem quân vào Nhật-lệ làm Thụy quận-công quyết định ly-khai với triều-đình, và từ đấy không nạp thuế cống nữa.

Người Lào, thuộc bộ-lạc Lục-hoàn 六丸 tức Lạc-hòn 樂丸 ở thượng-du phía tây-nam Nghệ-an, tức phủ

(1) *Theo giáo-sĩ Christofaro Borri thì ban đầu quân Chúa bị thua, chết mất 3000, sau phải đem thêm quân mới thắng được Hiệp và Trạch ; Chúa Sãi muốn giết hai em, nhưng các quan can mới thôi. (Relation de la nouvelle misson au royaume de Cochin chine của Christoforo Borri B.A.V.N 1931).*

Lạc-biên đời Minh-mạng), thường vượt sông Hiếu ở xã Cam-lộ thuộc Quảng-trị ngày nay) sang cướp bóc dân biên-thùy. Năm tân-dậu (1621) Chúa sai quận-công Nguyễn-phước Hòa 阮福和 đi đánh, bắt được một số đem về, Chúa cấp cho quần áo, lương-thực, khuyên dỗ rồi tha cho về. Nhân đó, năm sau, nhâm-tuất (1622) Chúa đặt dinh Ai-lao 哀牢營 ở nơi giáp tiếp với đất Lào, các bộ-lạc Lục-hòa, Vạn-tượng, Trấn-ninh, Qui-hợp đều có đường thông đến đấy. Dinh Ai-lao có 6 thuyền quân coi giữ.

Vĩnh-tộ năm thứ 5 (1623), Bình-an-vương Trịnh-Tùng bệnh nặng, con thứ là Xuân nổi loạn, phóng hỏa đốt Đông-đô, Tùng dụ đến rồi giết đi. Trịnh Tùng mất, con trưởng là Trịnh Tráng nối ngôi cha. Vì đảng của Trịnh Xuân còn làm loạn, Trịnh Tráng rước vua về Thanh-hoa. Vua phong Trịnh Tráng làm Thái-úy Thanh quốc-công 清國公, tiết chế các quân thủy, bộ. Bấy giờ con cháu nhà Mạc là Mạc Kính Khoan thừa dịp về đánh Gia-lâm, Trịnh Tráng đem quân ra đánh, dẹp yên Đông-đô, rồi rước vua về, được phong là Nguyên-súy, Tổng quốc-chính, Thanh-đô vương 清都王.

Nghe tin Bình-an-vương mất, Thụy quốc-công bảo các tướng rằng : « Tùng không biết có vua, Xuân không biết có cha, đạo trời báo ứng thật chẳng sai. » Lại bảo các tướng : « Ta muốn nhân dịp này cử nghĩa-binh để phò vua Lê, nhưng đánh người trong lúc có tang là

bất nhân, thừa lúc người đương nguy là bất võ ; huống chi ta với họ Trịnh có nghĩa thông gia, chi bằng trước hãy đem lễ đến phúng để xem tình - thế rồi sẽ từ từ liệu kế. » Bèn sai sứ ra phúng.

Trịnh Tráng kế ngôi cha rồi, lập vợ là Ngọc Tú làm Tây-cung chánh phi. Con của bà là Trịnh Kiều 鄭僑 cũng được phong là Thái-bảo Sùng quốc-công. Bà sai Nguyễn Kiều 阮喬 từ Đông-đô đem mật thư vào chúa Sãi. Không biết thư nói gì, chỉ thấy T. L. T. B. chép rằng được thư, Chúa rất mừng, cho Kiều làm Cai đội, cho theo quốc-tính Nguyễn-phước (sau đổi hệ-tính Nguyễn Cửu 阮久) lại gả công-chúa Ngọc Đĩnh cho nữa. Vĩnh tộ năm thứ 6 (1624), Thanh-đô vương sai Công-bộ Thượng thư Nguyễn Duy Thì 阮維時 và Nội-giám Phan Văn Trị 潘文治 vào đòi thuế đất. Thụy quận-công nói với sứ-giả : «Hai xứ Thuận, Quảng mấy năm liền không được mùa, dân gian thiếu ăn, vì vậy không nỡ thu thuế, đợi khi khác, được mùa, sẽ chở ra nạp, cũng không muộn. » Hai sứ-giả phải về không.

Vì nghĩ chắc có chiến-tranh với họ Trịnh, nên năm bính-dần (1626), tháng 3, Chúa Sãi dời dinh vào xã Phước-yên 福安社, thuộc huyện Quảng-điền. Dinh chúa ở, bắt đầu từ đây gọi là phủ.

Trước Thái-độ cương-ngạnh của Thụy quận công, Chúa Trịnh không thể nhịn được nữa. Vĩnh-tộ năm thứ 8 (1626), tháng 8, Thanh đô vương sai Thái bảo Nguyễn

Khải và Thiếu-bảo Nguyễn Danh Thế 阮名世 đem 5000 quân đóng đồn ở Hà-trung (1) để tính việc xâm lấn miền nam. Rồi tháng 10, thử thách một lần nữa : sai Binh-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn Hữu Bồn 阮有本 đem sắc dụ vua Lê vào đòi tô thuế từ năm giáp-tí về sau, và mời Thụy quận-công đến Đông-đô. Thụy quận-công cười, bảo sứ-giả : «Việc này là ý riêng của họ Trịnh, chứ Hoàng-đế nhà Lê nhân-từ, há lại quên con cháu công thần sao ? Vả lại, binh dân, của cải, thuế má hai xứ này sánh với 4 trấn có là bao mà tham cầu như thế ? Nếu nghĩ đến công tổ tông ta, nên cắt đất Nghệ-an cho ta nữa, huống chi là đất Thuận, Quảng ! » Phần đông các tướng xin đánh, Thụy quận-công nói : «Họ Trịnh đã quên ơn, gây oán, mà ta lại lấy thân thích làm cừu thù, e chẳng để cười cho thiên hạ sao ?» Và quay lại bảo các sứ giả : «Các ông vì tôi nói với Trịnh-vương đừng để ý đến những điều hiềm nhỏ. » Rồi hậu đãi sứ-giả. Sứ-giả về.

Chúa Trịnh bèn quyết ý dùng binh. Nhưng phải có một duyên-cớ rõ ràng. Hai tháng sau khi phái bộ Nguyễn Hữu Bồn về, tháng giêng năm đinh-mão, Vĩnh-tộ thứ 9 (1627) Thanh đô vương sai Lê Đại Nhậm 黎大任 đem sắc vua Lê vào Thụy quận-công. Sắc đại lược rằng : « *Những bậc hiền kiệt cùng nhà vua gây thành công-nghiệp, bậc trượng phu cốt*

(1) *Huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay.*

hiểu rõ thế, thời... Từ xưa, kẻ hiền nhân quân tử, trí thức sáng-suốt, chân chính, cho nên lập công ở đương thời, để lại danh thơm ở hậu thế. Nước ta ứng mạng trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận. Thái-tổ Cao-hoàng nhờ võ công định thiên hạ, thật cũng nhờ công-thần giúp đỡ ; liệt thánh Hoàng-đế lấy văn, giáo đem lại thái-bình, ấy là có bọn huân cựu phụ bật, khuông phò, cho nên nước được lâu dài. Nhưng rồi sau đó, gặp lúc bĩ, ngụy Mạc can phạm bề trên; may nhờ mạng trời chưa đổi, lòng người còn nhớ cũ, Trang-tông Dụ Hoàng-đế phấn khởi ở phương tây, tổ tiên người là Chiêu-huân Tĩnh công hiệp cùng Minh-Khương Thái-vương, chỉnh đốn lại càn khôn, tên còn để trong sử sách. Vận hanh trở lại, nước nhà tái tạo. Thế-tông Nghị hoàng-đế trở về Trung-đô, cha người là Cẩn-nghĩa công cùng Bình-an vương tham dự quốc-chính, giúp kế định an thiên hạ, công tích còn đó. Bọn nghịch thần Ngạn, Khuê dám kháng cự, bất trung, nổi binh phạm thượng, trong nước tao động, cha con người ý muốn bảo toàn, nhân đó trở về trấn. Bấy giờ Đô-nguyên-súy Tổng quốc-chính Thượng-phụ Bình-an vương hết lòng vì nước, ra binh nhân nghĩa, dẹp được bọn nghịch, thiên-hạ nhờ đó được bình-an. Được 30 năm, chẳng ngờ nghịch Xuân lòng lang dạ thú, răng chuột xoi đục vách tường, lại làm cho lòng người dao động, nhờ Nguyên-súy Thống quốc-chính Thanh quận-công, tư-cách nhân-hậu, chí khí anh-hùng, cùng các thân huân, văn võ đại thần hiệp đồng tâm lực, cứu được tai nạn cho quân, thân, giải được nguy của xã-tắc, quét sạch dư nghiệt họ Mạc, khôi phục đô-thành, trong ngoài đều được an-ninh, kẻ gần vui lòng, người xa muốn đến. Vậy nay là lúc có thể làm

được việc, ai nấy đều mong ngóng trị bình. Nếu người nhìn lại nghĩa vua tôi, nghĩ lại công lao của ông cha, trông xa, biết sâu, thành tâm về theo mạng lệnh của triều-đình, ta sẽ gia cho tước Thượng-công. Người gắng giúp nhà ta để mạnh thêm vương thất thì thân danh của người cùng nước nhà được hiển dương, con cháu của người cùng nước được tồn tại mãi mãi, tước, lộc cùng sông núi vĩnh viễn không cùng. Dụ này đến nơi, người phải chỉnh sức tướng sĩ, voi ngựa, ghe thuyền, đến kinh bái yết, để hợp với nghĩa làm tôi; còn nếu chấp mê, dùng binh chống cự thì khi uy trời đến, trong nháy mắt, núi cao thành bình địa. Theo lành, theo dữ, tại người suy nghĩ đó! » (1)

Ngoài ra Lê Đại Nhậm còn đòi Thụy quận-công cho con vào chầu, nạp 30 thớt voi đực, 30 chiếc thuyền đi biển để dùng vào lệ cống nhà Minh. Thụy quận-công cười, nói: «Lệ cống nhà Minh chỉ có vàng và kỳ nam mà thôi, nay họ Trịnh đòi thêm ngoài các món ấy, ta không dám nghe theo; còn con ta đương sắm quân khí, sửa sang việc phòng bị ở biên giới, xin vài năm nữa ra chầu cũng không muộn.» Sứ-giả lại tỏ ý bà phi của Trịnh-vương muốn xin các con của Hiệp và Trạch, Thụy quận-công không cho. (2)

Tháng 2 năm ấy, họ Trịnh phát quân, Thanh-đô vương đưa vua Thần-tông cùng đi, vào đóng binh ở cửa Nhật-lệ. Quân Nguyễn cố thủ để chống cự, quân Trịnh đánh mấy trận, không lợi, rút về.

---

(1) *Dịch ở T. T.*

(2) *Theo T. L. T. B.*

Thời Chúa Sãi, thu dụng được ba nhân-vật có mưu lược, tài trí, góp công lớn lao trong việc gây dựng cơ-sở cho nhà Nguyễn, sau này là ba vị công thần khai quốc, được tùng tự ở Thái-miếu, ấy là Nguyễn Hữu Dật 阮有鎰. (1) Đào Duy Từ 陶維慈 và Nguyễn Hữu Tiến 阮有進.

Nguyễn Hữu Dật là con Nguyễn Triều Văn (1) 朝文 người Gia-miêu ngoại-trang, Thanh-hoa, làm Tham-tướng đời Chúa Sãi. Dật 16 tuổi, vì có văn-học, được chúa Sãi bổ làm Văn-chức, sau tham dự các trận đánh quân Trịnh, có mưu lược tỏ ra rất có tài dùng binh và đã lập được nhiều công lạ.

Đào Duy Từ người xã Hoa-Trai, huyện Ngọc-sơn, Thanh hoa, thông suốt kinh sử, giỏi tượng vĩ, thuật số, vì là con nhà xướng hát, nên Hiến-ty Thanh-hoa không cho dự thi khoa thi Hương. Duy Từ bèn nói với người bạn rằng : « Tôi nghe đất Thuận, Quảng đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đây lại biết đãi người một cách khiêm nhượng, rõ cách xử sự của bậc bá vương; nếu ta đến theo, rồi bày mưu định kế thì trên có thể làm được như Tề Hoàn, Tấn Văn, dưới cũng không thể

---

(1) *Dòng-dõi Nguyễn Trãi (Theo gia phổ của Nguyễn hữu Bài trong sách « Thơ nôm Phước môn » của Nguyễn Thúc in tại Văn-khoa ấn-quán Saigon năm 1959).*

mất được cái thế chân vạc.» (1) Rồi bỏ quê nhà, vào Nam, đến phủ Hoài-nhân, làm đứa ở chăn trâu cho một phú ông ở xã Tùng-châu. Phú ông thấy Duy Từ là người học rộng, biết nhiều, năm ất sửu (1625) đem nói với quan Khám-lý phủ Hoài-nhân là Trần Đức Hòa 陳德和. Đức Hòa biết là người giỏi, gả con gái cho. Duy Từ có làm bài Ngọa-long-cương 卧龍岡吟 ví mình với Khổng Minh. Năm đinh-mão (1627), sau khi Chúa Nguyễn đuổi được quân Trịnh ở cửa Nhật-lệ, Trần Đức Hòa đến mừng, nhân đó đưa Chúa xem bài Ngọa-long-cương và tiến cử Duy Từ. Chúa vời Duy Từ đến nói chuyện (2), trao cho chức Nha-úy Nội-tán, tước Lộc-khê hầu, trông coi việc quân cơ trong ngoài và tham lý quốc-chính.

Đến năm tân-mùi (1631) Duy Từ tiến cử rể là Nguyễn Hữu Tiến (biểu danh là Thuận-Nghĩa 順義), người xã Vân-Trai, huyện Ngọc-sơn, Thanh-hoa, Chúa cho làm Đội-

---

(1) *Trích trong truyện Lê Thời Hiến ở sách* Tang thương ngẫu lục *của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án.*

(2) *T.L.T.B. chép : Đức Hòa cùng Duy Từ đến ra mắt ; lúc ấy Chúa mặc áo trắng, đứng ở cửa hông để đợi. Duy Từ nhìn thấy đứng lại không đi, Chúa liền thay đổi y-phục, áo mũ chỉnh tề, ra mời vào, Duy Từ mới rảo bước vào lạy.*

trưởng, coi thuyền Địch-cần, quân Nội-thủy (1).

---

(1) T.L.T.B. chép : Chúa và Đào Duy Từ ngày đêm mưu tính chống họ Trịnh, Duy Từ mong được người hiền tài để tiến dẫn giúp chúa. Một hôm, Duy Từ nằm mộng thấy một con hổ đen từ phương nam vào, thúc quân vây bắt, con hổ bỗng mọc cánh nhảy lên không trung bay múa. Tỉnh dậy, Duy Từ ăn mặc chỉnh-tề để chờ. Có người Thanh-hoa là Nguyễn Hữu Tiến từ ngoài đến, mặc áo đen, cầm quạt lông, bái yết dưới thềm. Duy Từ thấy dung mạo không phải người thường, hỏi tuổi thì nói sinh năm nhâm-dần. Duy từ thấy là hợp với giấc mộng, mừng thầm, bèn giữ lại, cùng đàm luận. Hữu Tiến thông mẫn, có dõng lược, Duy Từ quý trọng lắm, gả con gái cho, rồi tiến lên chúa.

T.L.T.B. và N.C.K.Q. đều có chép câu chuyện Đào Duy Từ cứu rể (Nguyễn Hữu Tiến) N.C.K.Q. chép : « Thuận-nghĩa luyện tập thủy-sư, tập cho quân chèo, ngồi, đứng, nhưng quân hành-động không đều, Thuận-nghĩa giận, trách người kỳ-trưởng (người cầm cờ ra hiệu lệnh) : « Mày làm kỳ-trưởng, không giữ hiệu lệnh, luyện quân không chỉnh-tề, xem pháp-luật là trò chơi như vậy sao ? » Người kỳ-trưởng có vẻ ngạo mạn, trả lời : « Quân tập như vậy, nhưng nhân tâm không đồng nhất : pháp-luật sao gọi là trò chơi ? muốn chém thì chém, bất tất phải giận dữ, ra oai mà làm cho người ta sợ sao ? » Thuận-nghĩa nghe nói, giận lắm, bèn rút gươm chém người kỳ-trưởng, bỏ thây bên đường. Đương đêm, quân nhân hoảng sợ, nhao nhao. Lộc-

Chính Đào Duy Từ đã bày mưu định kế để đối phó với họ Trịnh, sáng-tạo các công-trình phòng-thủ

---

khê hầu nghe tin cũng kinh ngạc. Lúc ấy, gió mát trăng trong, Lộc-khê hầu bèn đến phủ Chúa. Đức-sĩ-vương (tức Thụy quận-công) đương ngồi đọc sách. Lộc-khê hầu sai bẩm chúa, xin yết kiến, Chúa sai nội-thị triệu-vào Lộc-khê hầu đứng hầu bên cạnh, chúa nói: « Trời trong, trăng sáng, khanh lại đến đây đàm luận việc cổ kim, ta thật lấy làm vui lòng. » Duy Từ bái, rồi Chúa tôi nhàn tọa, bàn luận tài của các bậc anh-hùng hào-kiệt, trí của các kẻ định bá, hưng vương, Chúa tôi rất vui vẻ. Lộc-khê hầu nói đến chuyện thời Chiến-quốc: vua Ngô rước Tôn Võ vào cung luyện binh tập trận, vua cho cung-nhân, thái-nữ làm binh, cho hai người ái-cơ (thiếp yêu) làm kỵ bài, dặn nghe theo tiếng kim, tiếng cồ (tiếng chuông, tiếng trống) mà hành-động: đứng dậy ngồi xuống, dừng, đi, khai, hợp. Tôn Võ xướng kim, kích cồ mấy lần, nhưng hai nàng thấy việc lạ, chỉ nhìn Ngô-vương, lắc đầu, cười lớn, không tuân. Tôn Võ giận lắm, tâu: « Vua muốn thiên-hạ đều theo chính pháp, hay muốn làm trò chơi? » Vua nói: « Quốc-gia lấy pháp-luật làm trước, cứ theo luật lệnh, cần gì hỏi lại? » Tôn Võ liền sai chém đầu hai nàng. Vua Ngô rất thương tiếc, nhưng phải nói: « Pháp lệnh chánh đáng lắm ». Bèn phong Tôn Võ làm quân-sư. Từ đó, Tôn Võ đem binh đi đánh, đâu cũng thắng, vua Ngô lập được Bá-nghiệp. »

Chúa Sãi vỗ tay cười, nói: « Đó là nhờ chánh-pháp; pháp nói: binh bất trăm, bất tề, tướng bất tru bất dõng, vua Ngô

biên-giới ở Quảng-bình để chống chỏi với các cuộc tấn công xâm lấn của phương Bắc, còn Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến đã chỉ-huy quân-đội để chống đánh với quân Trịnh, đã đánh lấy được 7 huyện ở Nghệ-an, nhưng sau về giữ vững sông Gianh làm giới tuyến của hai miền Nam, Bắc.

Đào Duy Từ lại còn khéo khuyên can Chúa hành vi cho xứng đáng. Có lần Thụy quận-công ra lệnh mua hết các sản vật của dân như hồ-tiêu, kỳ-nam, yến-sào rồi triệu Duy Từ định vào giá. Quan Nội-tán Lộc-khê hầu bèn mặc áo nhà buôn, tay xách cái cân nhà buôn, tiến vào. Mọi người trông thấy đều cười òa. Chúa Sãi hiểu ý, bèn bãi lệnh mua độc quyền ấy.

Bấy giờ chúa Sãi tuổi đã cao, nên từ năm Bính-dần (1626), các việc quân quốc phần nhiều giao cho em

---

...độ lượng rộng-rãi, đáng khen lắm ! (Lộc-khê hầu nghe Chúa nói đến đó, bèn đứng dậy, lạy, bẩm : « Thần có đứa rể điên cuồng tên là Thuận-nghĩa, ban đêm tập quân chèo, quân không tuân hiệu lệnh, Thuận-nghĩa trách mạ người kỳ-tướng, kỳ-trưởng kháng-cự, ăn nói ngang dọc, lời lẽ ngạo mạn, lăng thượng, Thuận-nghĩa lỡ tay chém nó, xin vương thượng xử tội.» Chúa nghe xong, cười nói : « Đứa cuồng phu lăng thượng, có tiếc gì nó ! Người xưa có nói « thiên quân dị đắc, nhứt tướng nan cầu », Thuận-nghĩa là tướng anh-hùng, thao lược, có tội gì ? ».

là Nguyễn-phước Khê 阮福溪 (con thứ 10 của Thái-tổ), được phong làm Tống-trấn Tường quận-công, quyết định, chỉ những án tử hình thì đợi chúa chung thẩm.

Sau trận đinh-mão (1627), Thụy quận-công lo tu-chỉnh và tăng-cường quân-đội. Từ thời Đoan quốc-công cho đến đây, từ chức Chưởng-dinh, Chưởng-cơ cho đến Cai-đội, chỉ chuyên dùng người họ Nguyễn, bà con với Chúa và người Thanh-hoa, con cháu các người ấy lớn lên thì sung làm Cai-đội, tùng quân ở các dinh. Năm mậu-thìn (1628) Chúa cho mộ thêm những người có sức mạnh và am hiểu võ nghệ ở hai xứ Thuận, Quảng, bổ làm thân-binh ở các Cơ, Đội ; người có công cũng được lưu dụng.

Năm kỷ-tỵ (1629) tháng 4, vua Lê đổi niên - hiệu là Đức-long. Trịnh Tráng tiến phong làm Sư-phụ Thanh vương. Đức long năm đầu (1629), chúa Trịnh lại bàn đem đại binh đi đánh miền Nam. Bầy tôi là Nguyễn Danh Thế nói : « Nay phương nam vua tôi hòa mục, nước giàu binh mạnh, mà ta thì liền năm đói kém, quân nhu không đủ. Chi bằng sai sứ vào tiến phong cho Thụy quận - công tước quốc-công, ủy cho trấn thủ hai xứ, lại khiến đem quân ra đánh Cao-bằng ; nếu vâng mạng mà đến thì ta lấy rất dễ, nếu không vâng mạng thì ta đem quân đi đánh là có danh nghĩa. » Trịnh Tráng nghe theo, sai Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn Khắc Minh 阮克明 đem sắc vào tấn phong Thụy quận-công làm Tiết-chế Thuận-hóa, Quảng-nam nhị xứ thủy bộ chư dinh, kiêm Tổng nội ngoại

binh chương quân quốc trọng sự Thái-phó quốc-công, và giục đến Đông-đô để đi đánh Cao-bằng.

Sứ giả đến, Chúa Nguyễn triệu quần thần hội-nghị. Có người nói : « Sắc mạng của vua Lê không thể không nhận ». Có người nói : «Nước nhà ta có riêng bờ cõi, đời đời truyền nối, há còn đợi ai phong nữa ?» Đào Duy Từ thưa : « Đây là họ Trịnh mượn mạng vua Lê để nhử ta, nếu ta nhận sắc mà không đến thì họ có cớ nói được, nếu ta không nhận thì họ ắt động binh, mà việc hiềm khích ở biên-giới đã gây thì không phải là phước của sanh dân. Huống chi ta thành quách chưa bền vững, quân sĩ chưa luyện tập, địch đến thì lấy gì mà chống ? Chi bằng hãy tạm nhận cho họ khỏi nghi, để ta chuyên lo việc phòng thủ, rồi sau dùng kế trả lại sắc, lúc ấy họ không làm gì được ta nữa. » Chúa Sãi theo lời.

Sứ Trịnh về rồi, Thụy quốc-công hỏi Duy Từ : «Tiên vương tài trí hơn đời, còn phải đi lại thông hiếu. Ta nay nhỏ mọn, không bằng tiên vương, đất đai, binh giáp lại không bằng một phần mười của Đông-đô, nếu không nạp thuế cống thì làm sao giữ được đất đai để nối nghiệp trước ». Duy Từ thưa : « Tôi nghe tuy có trí tuệ không bằng biết thừa thời thế. Với tài anh võ, mưu kế sáng suốt của tiên-vương, không phải là không chiếm cứ được đất đai, nhưng bấy giờ các thuộc tướng tam ty đều do họ Trịnh cắt đặt, Tiên-vương có cử động gì cũng bị bọn ấy kiềm chế, nên phải ẩn nhẫn như thế. Nay

chúa thượng chuyên chế một phương, quan liêu đều tự mình cất đặt, một lời nói ra không ai dám trái. Tôi xin hiến một mưu sách để khỏi nạp thuế mà giữ được đất đai, và cơ-nghiệp lớn có thể thành được. » Chúa hỏi mưu sách thế nào ? Duy từ đáp : « Muốn mưu đồ sự nghiệp vương, bá, cần phải có kế vạn toàn. Người xưa đã nói : không một lần khó nhọc thì không được yên nghỉ lâu dài, không hao phí tạm thời thì không yên-ổn mãi mãi. Tôi xin hiến một bản đồ, sai quân dân ở hai trấn theo đó đắp một cái lũy dài từ chân núi Trường-dục 長育山 đến bãi cát Hạc-hải (1) 涸海沙渚 ấy là nhân hình thế đất đai mà đặt phòng thủ để giữ vững biên-giới, thì quân-địch có đến cũng không làm gì được. »

Thụy quốc-công theo kế ấy, sai quân dân đắp lũy Trường-dục 長育壘 hơn một tháng thì hoàn thành. Chúa lại hỏi Duy Từ kế trả lại sắc. Duy Từ thưa : «Nên đúc một cái mâm đồng hai đáy, dấu sắc vào trong, trên để vàng, lụa, lễ vật, dùng Tướng-thần-lại Văn Khuông 文匡 (không rõ họ) làm sứ đi tạ ân. Tôi xin dự nghĩ hơn 10 câu vấn đáp trao cho đem theo, để tùy cơ ứng đối, tiến mâm cho chúa Trịnh, rồi thừa gián mà về. Như thế là Trịnh mắc kế ta. »

Chúa Nguyễn sai Văn Khuông đi Đông-đô. Văn Khuông đến, Thanh-vương Trịnh Tráng vời vào yết kiến, hỏi :

---

(1) Hạc-hải tức là phá Thạch-bàn cạn đi, ở huyện Lệ-thủy.

« Trước đây, đòi nạp lễ cống triều Minh, đã lâu mà không thấy nam chúa đem nạp là tại làm sao ? »

Văn Khuông đáp : « Voi và thuyền không phải lệ cống triều Minh, e người truyền lệnh nói không đúng, nên không dám vâng mạng.

— Sao không cho con đến làm con tin !

— Nam, Bắc nghĩa như một nhà, đã cùng nhau thành tín, thì dùng con tin làm gì ?

—Hoàng-đế triệu nam chúa ra đi đánh Cao-bằng, sao không đến ?

Giặc Cao-bằng là giặc cùng đồ, quân Trung-đô thừa sức để đánh ; Chúa tôi vâng mạng giữ hai xứ Thuận, Quảng, phía nam phải chống Chiêm-thành, phía bắc phải đề phòng giặc Mạc, chỉ lo sợ không giữ yên cảnh-thổ, nên không dám đi xa.

—Đắp lũy Trường-dục, ý muốn chống lại mạng vua lmy sao ?

— Đã vâng mạng giữ đất thì việc phòng-thủ bờ cõi không thể không vững bền, sao gọi là chống mạng vua ?

— Tướng tá ở miền nam thế nào ?

— Tài kiêm văn võ như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật thì không chỉ vài chục người mà thôi.

— Người ta nói nam chúa là bậc anh hùng hào

kiệt, thế mà không nghĩ đến việc đánh giặc lập công, sao vậy ?

— Chúa tôi không ham tửu, sắc, không thích đàn, ca, thường muốn đem ân huệ vỗ về dân đen, lấy uy-tín cảm phục người xa ; ở phương đông thì Mã-cao, Lạc-già, (1), ở phương tây thì Vạn-tượng, Ai-lao không nước nào là không sợ phục. Nếu có những bọn Mãng (2), Tháo (3) tiếm lạm danh nghĩa, giết hại sanh bân thì chúa tôi vì nghĩa mà đến đánh, xây công dựng nghiệp, không việc gì lớn hơn việc ấy. »

Văn Khuông bưng mâm đồng đựng vàng, lụa dâng lên, Thanh vương nhận. Nội ngày ấy, Văn Khuông lẻn ra cửa kinh-đô, đo đường biển về nam. Người Trịnh thấy cái mâm đồng hai đáy lấy làm lạ, tách ra xem thì thấy trong có đạo sắc và một tờ thiếp viết « mâu nhi vô địch, mịch phi kiến tích, ái lạc tâm trường, lực lai tướng địch » 矛而無鏑，覓非見跡，愛落心腸，力來相敵 (4)

---

(1) *Malacca.*

(2) *Vương Mãng.*

(3) *Tào Tháo.*

(4) « *mâu* » 矛 *mà không có nách* (*là chữ dư* 予), «*mịch*» 覓 *mà không dấu vết* 見 «*kiến*» (*là chữ bất* 不), « *ái* » 愛 *mà rớt* « *tâm* » 心 *là chữ thọ* 受) « *lực* » 力 *và* «*lại*» 來 *đối địch nhau* (*là chữ* 勅).

đem trình Thanh-vương. Vương hỏi các quan, không ai hiểu là nghĩa gì. Thiếu-úy Phùng Khắc Khoan nói: « Đó là ẩn ngữ « dư bất thụ sắc » 予不受勅, (1). Thanh-vương giận lắm, sai người đuổi theo Văn Khuông, nhưng không kịp nữa (2). Vương muốn cử binh vào đánh miền nam, nhưng khi ấy Cao-bằng, Hải-dương đều có tin báo cấp, nên thôi.

---

(1) *Nghĩa là ta không nhận sắc.*

(2) *Về việc dâng mâm đồng hai tầng này. sách N.C.K.Q. chép với đầy đủ chi-tiết ; « . . . Văn Khuông nhận cẩm-nang của Duy Từ, đi Đông-đô. Ngày 10 tháng 6 đến Thăng-long, nghỉ ở nhà dịch-xá, rồi đến yết quan Thiếu-phó Nguyễn Thế Danh, trình bày việc đem lễ vật tạ Hoàng-thượng đã sắc phong. Nguyễn Thế Danh bẩm với Thanh vương. Vương xuống lệnh triệu nam-sứ yết nhà vua, Văn Khuông đem tạ lễ vào điện tiến nạp, tung hô, vọng bái. Vua sai Thanh vương tiếp sứ. Văn Khuông ở triều ra, đến hầu ở phủ chúa. Thanh vương thết tiệc đãi nam-sứ, nhân đó hỏi . . . . (lời hỏi và lời đáp y như trên). Văn Khuông bái tạ về dịch xá, rồi đi dạo chơi phố phường, xem khắp thành thị, núi, sông, hoa thơm, cỏ lạ, nữ tú nam thanh, cảnh vật thật là xứng với đất Trung-hoa. Một tuần không thấy Thanh-vương triệu hỏi, bèn giở cẩm nang xem đến kế « trả sắc và trở về ». Văn Khuông mật sai người tùy tùng lấy đồ cần dùng trong rương hòm đem cất dấu một nơi, lấy đất đá bỏ vào rương hòm, rồi thuê một chiếc ghe nhỏ đậu sẵn ở bến và một*

Văn Khuông từ Đông-đô về rồi, chúa Nguyễn sai đánh lấy châu Nam Bố-chính (huyện Bố-trạch ngày nay). Bấy giờ tướng Trịnh là Nguyễn Khắc Kham 阮克堪 giữ châu Bắc Bố-chính, Tri-châu Nguyễn Tịch 阮籍 của Trịnh giữ châu Nam Bố-chính. Duy Từ khuyên chúa nên lấy Nam Bố-chính trước, để giữ sông Gianh cho vững cõi nam. Tháng 9 năm Đức-long thứ hai (1630), Thụy quốc-công sai quận-công Nguyễn Đình Hùng 阮廷雄 (cháu nội Nguyễn Ủ Dĩ) đem quân tập kích, chém Nguyễn Tịch tại trận, chiếm giữ đất, lập dinh Bố-chính 布政營 (ở làng Chính-hòa, huyện Bố-trạch ngày nay, bấy giờ gọi là Dinh Ngói), biên dân làm lính, đặt 24 đội thuyền,

---

.... con ngựa đem cột ở bên phủ. Xong, đến bộ Lại, bộ Lễ xin nhận giấy phép chuẩn hồi. Ngày 3 tháng 7, Văn Khuông đem mâm đồng ra, trên để trầu cau, đậy kỹ, cho người tùy tùng lén đi trước đến bến sông lên thuyền chờ đợi, còn rương hòm vẫn để ở dịch-xá. Văn Khuông vào phủ chúa, dâng mâm trầu cau để bái tạ xin về. Thanh vương dặn : « Nam-sứ về, ta gởi lời trí kính nam chúa, nam chúa hãy quản trấn, an dân, để xứng đáng lòng trông mong của Hoàng-đế.» Văn Khuông bái tạ lui ra, bỏ mâm lại, lên ngựa đi thẳng đến bến sông, xuống thuyền. Quân thị-vệ hết ngày không thấy Văn Khuông nhận lại cái mâm, bèn bẩm Thanh-vương. Vương sai người ra dịch xá xem thì thấy rương hòm còn đó, mà người tùy tùng của Văn Khuông cũng không thấy đâu. Vương sanh nghi, sai mở rương hòm ra xem, chỉ thấy đất và đá, chứ không có đồ vật gì khác. Ai nấy đều lấy làm lạ. Vương sai đem cái mâm ra xem kỹ, xem qua xem lại mấy lần mới thấy nó có hai tầng, phá tầng dưới thấy đạo sắc phong và tờ thiếp viết mấy câu thơ. Các quan đều không hiểu ý nghĩa, nhờ Phùng Khắc Khoan giải thích ...»

mới quận-công Trương-phước Phấn 張福奮 (con Trương Phước Da) trấn giữ (1)

Biết thế nào rồi họ Trịnh cũng vào đánh, Duy Từ phải lo tăng cường sự phòng thủ. Ông cùng Nguyễn Hữu Dật đi Quảng-bình xem xét hình thế núi sông rồi về, đề nghị với Chúa đắp lũy từ cửa biển Nhật-lệ đến núi Đâu-mâu 兜鍪山, phía ngoài lũy đã có nước khe lù bùn lầy rất sâu, có thể làm hào rãnh, như thế thì lũy hiểm gấp 10 lũy Trường-dục. Thụy quốc-công thấy khó, còn e ngại. Duy từ bèn cáo bệnh ở nhà, làm

(1) *Bố-chính lọt vào tay Trịnh bao giờ mà nay phải đánh lấy? Khi Đoan quận-công Nguyễn Hoàng vào trấn thì Thuận-hóa có 2 phủ, ở phía bắc là phủ Tiên-bình gồm 2 huyện Lệ-thủy, Khương-lộc, và 2 châu Minh-linh và Bố-chính. (Bố-chính nay là đất huyện Bố-trạch, huyện Quảng-trạch, huyện Tuyên-hóa). Như vậy toàn lãnh-thổ tỉnh Quảng-bình ngày nay, phía bắc đến Hoành-sơn, thuộc phủ Tiên-bình của Đoan quận-công. Sử không cho ta biết Bố-chính mất về tay Trịnh năm nào. Chúng ta đã biết năm canh-thân (1620), em chúa Sãi là Hiệp và Trạch mưu nổi loạn, hẹn với chúa Trịnh phát binh, tự mình làm nội ứng, Chúa Trịnh sai Đô-đốc Nguyễn Khải đem 5000 quân đóng ở Nhật-lệ để đợi. Hay tin Hiệp, Trạch bị bắt, Nguyễn Khải rút về. Có lẽ quân Trịnh đã chiếm châu Bố-chính trong dịp này, nhưng chúa Sãi chưa đủ lực-lượng, không thể chống lại. Đến nay có Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật đã tổ-chức lại quân-đội, có lũy Trường-dục, nên chúa Sãi mới lấy lại phần đất châu Bố-chính ở phía nam sông Gianh, và gọi là Nam Bố-chính chăng?*

thơ để ngâm vịnh, thơ có ý phúng khuyến, lời rất khích thiết (1). Chúa nghe được, mới bằng lòng để ông đắp lũy. Duy Từ cùng Hữu Dật đến trông coi công việc. Tháng 8 năm tân mùi (1631) thì lũy đắp xong.

Các công-trình phòng thủ đã xây đắp vững chãi rồi, cũng trong năm tân-mùi (1631), Chúa đặt ty Nội pháo-tượng và hai đội Tả, Hữu pháo-tượng để đúc súng đại-bác và súng tay.

Phải lập chế-độ rõ ràng về thuế khoá, binh dịch và tuyển dụng nhân-tài, năm sau, nhâm-thân (1632) theo đề-nghị của Duy Từ, bắt đầu thi hành phép « duyệt tuyển» để chia dân ra từng hạng mà đánh thuế, và tuyển lính. Mỗi kỳ tuyển lớn, mở khoa thi Nhiêu-học 饒學 và Hoa-văn. 華文, thi trong một ngày, gọi là Huân thiên quận thí.

Sau khi Thụy quốc-công về kế vị cha thì thăng công tử cả là Chưởng-cơ Kỳ 淇 làm Hữu-phủ Chưởng phủ-sự và sai

---

(1) Nhiều người cho rằng bài thơ : « Nhà là lá, cột là tre ; Ngày tháng an nhàn, được chở che. Màn vải thưa giăng ngăn muỗi bọ ; Giậu cây kín đáo giữ ong ve. Cơm ba bữa chuộng rau cùng muối ; Thích bốn mùa ưa rượu với chè. Muôn việc thỏa tình chăng ước muốn ; Ước tôi hay gián, Chúa hay nghe. » là của Đào Duy Từ, và chính ông đã làm bài ấy trong dịp này. Nhưng bài thơ ấy tuy có ý phúng, nhưng lời không gì là khích thiết như T.L.T.B. chép 吟咏以諷，辭甚激切.

vào trấn phủ Quảng-nam. Ông này ở rất được long quân dân, xứ ấy yên vui. Năm Đức-Long thứ 3 (1631) tháng 6, Trấn-thủ Kỳ mất. Chúa sai công-tử thứ 3 là Anh 瀗 vào thay, làm Trấn-thủ, và công-tử thứ 8 là Tứ 泗 làm Tham-tướng. Chúa lo Anh là người kiêu túng, nên muốn bổ một quan văn để theo kèm. Văn-chức là Phạm 範 xin đi, Chúa trao cho chức Ký-lục Quảng-nam.

Quả nhiên, năm Đức-long thứ 5 (1633) Trấn-thủ Anh muốn giành quyền, âm mưu với họ Trịnh đánh miền nam. Để tiện liên lạc với họ Trịnh, Anh vận động cho mình được trấn thủ Quảng-bình : mật bảo Văn-chức Quảng-bình là Lý Minh 理明 (không rõ họ) xúi sử bọn người bất mãn trong hạt vu cáo Trấn thủ Quảng-bình là Nguyễn. Phước Tuấn 阮福俊 là xâm lấn, hà khắc nhân dân, xin đổi đi, để Anh thay. Lúc đầu, Chúa tin, bãi Tuấn và bổ Anh. Nhưng lệnh đến trong khi Anh đi săn xa, hơn một tuần không về, Chúa giận, tháng 8 năm ấy, bổ Nguyễn-phước Kiều 阮福喬 làm Trấn-thủ Quảng-bình. Anh thất vọng, lại sai người ra hỏi kế Lý Minh, Lý Minh mật thư bảo : « Phước Kiều mới đến, dân đương ái mộ, huống chi là con rể Chúa, thế khó lung lay, nhưng Kiều là người nhút nhát, nếu được quân Bắc đến đánh thì hắn sẽ chạy trước, khi ấy mưu việc gì cũng được. » Trấn-thủ Anh tập tức viết thư xin qui

thuận họ Trịnh, bèn làm nội-ứng (1). Tháng 12 năm ấy, Thanh vương rước vua Lê cùng đi, đem đại quân thủy, bộ vào cửa Nhật-lệ. Đợi hơn 10 ngày, không thấy Anh tiếp ứng, quân Bắc rút về, để Nguyễn Khắc Loát 阮克捋 (con Nguyễn Khắc Kham) ở giữ châu Bắc Bố-chính.

Nguyễn Khắc Loát sai người mật thưa với Thụy-quốc công ý muốn phản họ Trịnh, theo về chúa Nguyễn. Thụy quốc-công nhận lời, Khắc Loát bèn thân đến giao-ước với Chúa. Rồi Khắc Loát về đắp thêm đồn Phật-cương, đem quân đóng giữ Hoành-sơn, tự lấy làm đắc chí, ngày càng kiêu ngạo, càn dỡ, nên Chúa Nguyễn cũng không tin cậy nữa. Thanh vương cũng dò biết mưu phản bội của Khắc Loát, nhưng e đánh ngay thì sinh biến, nên tạm để yên.

Đức long năm thứ 6 (1634) Nội-tán Đào Duy Từ bệnh nặng, Thụy quốc-công thân đến thăm. Duy Từ khóc, thưa : «Thần gặp được thánh minh, chưa báo đáp được mấy may, nay bệnh đến thế này, còn biết nói gì nữa. », rồi mất, thọ 63 tuổi. Chúa rất thương tiếc, tặng là : «Hiệp mưu đồng đức công-thần, đặc tiến Kim-tử Vinh-lộc đại-phu», đưa về táng ở Tùng châu (thuộc tỉnh

---

(1) V.B.T.L. : viết « Trấn-thủ Quảng-nam là Dương-nghĩa hầu Phước Anh, mật khải với Chúa rằng cha y già yếu, sợ sau này không khỏi mang tiếng là nghịch tặc, xin đem quân tiến vào, y sẽ đem quân đến hàng.

Bình-định ngày nay), (Gia-long năm thứ 5 được tùng tự ở Thái-miếu, Minh-mạng năm thứ 12, được phong tước Hoằng quốc-công). T. L. T. B. viết : «Duy Từ có tài lược văn võ, trù hoạch điều gì đem thi-hành đều trúng, giúp việc nước chỉ 8 năm mà công nghiệp chói lọi, đứng đầu hàng công thần khai quốc ; có trước tác sách *Hổ trướng khu cơ* 虎帳樞機. Năm ất-hợi (1635) tháng 10, vua Lê đổi niên-hiệu là Dương-hòa. Dương-Hòa năm đầu, tháng 10, ngày đinh-hợi, Thụy quốc-công bệnh, triệu công-tử cả là Nhân-lộc hầu và em là Tường quận-công Nguyễn-phước Khê đến, ủy thác mọi việc cho Khê, vì Thế tử chưa lịch duyệt và dặn đừng tin Khắc Loát.

Ngày ấy, Chúa mất. Ở ngôi 22 năm, thọ 73 tuổi. Công tử cả nối ngôi, cùng bầy tôi dâng thụy-hiệu là Đại Đô thống trấn nam phương, Tổng quốc-chính, Dực Thiện Tuy Du Thụy Dương Vương. Táng ở núi Quảng điền, sau cải táng ở núi phường Hải-cát, thuộc huyện Hương-trà. Đời chúa Thế-tông Nguyễn Phước Khoát truy tôn là Tuyên Tổ Hiển Mô Quang Liệt Ôn Cung Minh Duệ Dực Thiện Tuy Du Hiếu Văn Vương, truy tôn phi là Huy Cung Từ Thận Thuận phi. Gia long năm thứ 5 truy tôn là Hiển Mô Quang Liệt Ôn Cung Minh Duệ Dực Thiện Tuy Du Hiếu-Văn Hoàng-đế 孝文皇帝, miếu hiệu là Hy tông 熙宗 lăng gọi là Trường-diễn 長衍 ; truy tôn phi là Huy Cung Từ Thận Ôn Thục Thuận Trang Hiếu Văn Hoàng hậu, lăng gọi là Vĩnh-diễn 永衍.

IV.— Thần-Tông Nguyễn-Phước Lan 神宗阮福瀾 (1635-1648).

Nguyễn-phước Lan là con thứ hai của Chúa Hy-tông, sinh năm Tân-sửu, Lê Hoằng-định năm thứ 2 (1601), mẹ là Nguyễn-thị (con gái Mạc Kính Điển, vậy bà họ Mạc, sau được cải, là họ Nguyễn), đã được phong là Phó-tướng Nhân-lộc hầu, năm Tân-mùi, công-tử cả là Kỳ 淇 mất, ông được lập làm thế-tử, mở đinh Thuận-nghĩa.

Tháng 10 năm Ất-hợi, Hy-tông băng, ông nối ngôi, các quan tôn làm Tiết-chế thủy bộ chư dinh kiêm Tổng-bình-chương quân quốc trọng sự Thái-bảo Nhân quận-công 仁郡公, bấy giờ ông 35 tuổi, cũng gọi là Chúa Thượng, hay Thượng vương.

Từ thời Thái-tổ, sau vụ Lập Bạo đến nay hơn 60 năm, trừ hai vụ giao tranh nhỏ năm đinh-mão (1627), năm quý-dậu (1633), trong nước yên ổn, lại mưa nắng thuận hòa, sử nói bấy giờ nước giàu, dân thịnh, có cảnh-tượng thái-bình.

Em Nhân quận-công là Anh, Trấn-thủ Quảng-nam, có ý muốn giành ngôi thế-tử, nuôi riêng vài trăm dõng-sĩ, đã âm mưu liên-kết với họ Trịnh, nhưng việc không thành, như đã thấy trên kia. Nghe tin Hy-tông mất, Nhân quận-công lên ngôi, Anh không về chịu tang, cử binh mưu đoạt ngôi Chúa. Ký-lục Phạm bày mưu đắp lũy Cu-đê 俱低 từ núi đến biển để cố thủ và dàn thủy-quân ở cửa

biển Đà-nẵng để chống cự, nếu quân chúa đến ; rồi Phạm sai người lẻn về bẩm với Nhân quận-công (Ký-lục Phạm là bạn thân với Nhân quận-công, khi Phạm đi nhậm chức ở Quảng-nam có hứa với Nhân quận-công, bấy giờ là Nhân-lộc hầu, sẽ vì hầu mà dòm ngó mọi động tĩnh của Anh). Nhân quận-công và chú là Tường quận-công Khê quyết định đem binh vào đối phó. Sai Bùi Hùng Lương 裴雄良, Tống Triều Phương 宋朝方 đem thủy-quân vào vịnh Trà-sơn, Nguyễn-phước Yến 阮福燕 Tống Văn Hùng 宋文雄 lãnh bộ-binh tiến vào lũy Cu-đê, hai đạo quân giáp đánh. Bấy giờ Cai-đội bộ - binh là Dương-sơn 楊山 (không rõ họ), Nguyễn-phước Tuyên quân đi đường tắt, đánh thẳng vào dinh trấn Quảng-nam ; Dương Sơn đến trước, xông vào dinh, bắt được quyển sổ gọi là «đồng tâm hướng thuận» ghi tên họ những người trong đảng của Anh ; Tuyên tiếp đến sau, phóng lửa đốt. Anh chạy trốn về ngã cửa biển Đại-chiêm 大占 (1). Tuyên đuổi theo, bắt được, đóng gông giải về. Anh cùng những người trong sổ đồng tâm đều bị giết (1).

(1) *Theo tài-liệu của người Hà-lan (Dagh Register, năm 1636 của công-ty Hà ở Batavia) thì tháng 3 năm 1636, Abraham Duijeker, chủ thương-điếm Hà ở Thuận-hóa, đến Faifo được biết rằng Trấn-thủ Quảng-nam là Anh nổi loạn, Chúa Thượng tự đem 8 đến 10.000 ngàn binh đi đường bộ đến Touron để đánh. Anh có mấy người Nhật-bản giúp, đem súng đặt dọc bờ sông để chống-cự. Chúa Thượng tấn công ngay, Anh thua, phỏng 1.000 người của Anh bị giết. Anh dùng thuyền toan trốn sang Chân-lạp, nhưng bị bắt trong biển Quảng-nam và giải về Huế. Chúa Thượng bắt 4 người em khác, đồng mẫu của Anh.*

Thấy phủ ở Phước-yên đất hơi chật hẹp và Kim-long (thuộc huyện Hương-trà) núi sông xinh đẹp, liền sau khi lên ngôi, Nhân quận-công sai dựng cung thất, xây thành quách, rồi tháng 12, Dương-hòa năm đầu (1635), dời phủ sang đấy.

Tháng giêng năm sau, Dương-hòa năm thứ 2 (1636) sai sứ ra Thăng-long cáo phó. Vua Lê sai Lại-khoa Cấp-sự-trung là Nguyễn Quang Minh 阮光明 và Binh-khoa Cấp-sự-trung là Nguyễn Trật 阮秩 đem vàng bạc vào phúng, lễ nghi điếu tế đầy đủ, Nhân quận-công đãi sứ cũng hậu tình.

Dương-hòa năm thứ 4 (1638), đặt bốn chức Nội-tả 內左, Ngoại-tả 外左, Nội-hữu 內右, Ngoại-hữu 外右, làm tứ-trụ đại-thần.

Năm nhâm-ngọ (1642), thấy nước nhà phong-phú, Chúa có ý muốn đánh miền Bắc, sai kén chọn bộ-binh, thao-diễn trận pháp. Tháng 5, Chúa đi thuyền đến cửa Eo, thấy thủy-quân không được chỉnh-tề, bèn ra lệnh ba huyện Hương-trà, Quảng-điền, Phú-vang làm trường thao-diễn thủy-quân ở xã Hoằng-phước (tức xã Hồng-phước, thuộc huyện Phú-vang ngày nay), đắp ụ đất cao hơn 30 thước, rộng hơn 150 thước, để tập bắn. Từ đó cứ mỗi năm đến tháng 7 thì thao-diễn phép bơi, chèo và bắn súng. Ai trúng thì được thưởng vàng, lụa.

Nguyễn Khắc Loát, Trấn-thủ Bắc Bố-chính của Trịnh, đã cùng chúa Hy-tông mật ước phản Trịnh theo Nguyễn

Đến khi Nhân quận-công lên ngôi, Khắc Loát lại đem quân khuấy rối châu Nam Bố-chính. Năm Dương-hòa thứ 6 (1640), Nhân quận-công cùng các tướng bàn cách đối phó. Nguyễn Hữu Dật dâng kế phản gián : Phao thư cho họ Trịnh nói Khắc Loát đã cùng ta ước hẹn là y giả cùng ta bất hòa, khi quân ta đến đánh thì y giả vờ thua chạy về dụ Trịnh Tráng đến để giết; làm như thế để khích lòng giận của Trịnh Tráng; rồi ta cho quân vượt sông Gianh mời Khắc Loát đến hội để nhắc lời giao-ước cũ, thừa lúc Khắc Loát không phòng bị mà đánh úp; như vậy Khắc Loát không bị ta bắt, cũng bị Trịnh giết. Nhân quận-công theo kế ấy. Trịnh Tráng được thư giận lắm, tức thì sai Thái-úy Trịnh Kiều (con bà Ngọc Tú) đem 5000 quân vào Bắc Bố-chính bắt Khắc Loát. Đến nơi thì Khắc Loát đã bị tướng Nguyễn là Nguyễn-phước Kiều, và Trương-phước Phấn đánh, chạy rồi. Trịnh Kiều cho rằng Khắc Loát giả vờ thua, bắt giải về cho Thanh-vương giết. Quân Nguyễn chiếm đất châu Bắc Bố-chính. Nhân quận-công sai người đến Đông-đô trình bày sự tham bạo của Khắc Loát, Thanh-vương phúc thư nhắc lại tình nghĩa lâu đời và xin trả lại đất Bắc Bố-chính; Nhân quận-công giao trả.

Nguyên cố Trấn-thủ Quảng-nam là Nguyễn-phước Kỳ (công-tử cả Chúa Hy-tông) có vợ là Tống-thị, đã sinh được 3 con. Cha thị là Tống-phước Thông 宋福通 làm chức Cai-cơ. Sau khi Trấn-thủ Kỳ mất, Phước Thông thất vọng, lén dẫn gia quyến về Bắc, theo Chúa Trịnh, chỉ

Tống-thị ở lại. Tống-thị xinh đẹp, tính tình lẳng-lơ, ăn nói khéo léo, thật là một người đàn bà kỳ quái. Không chỉ y thị đã làm mê hoặc được hai em chồng là Chúa Thượng và Chưởng-cơ Nguyễn-phước Trung 阮福忠 mà còn gián tiếp làm cảm động được lòng Trịnh Tráng nữa. Vì chúa Nguyễn-phước Lan say mê y thị mà nhân-dân Thuận-hóa phải khốn khổ một thời gian, vì y thị xui giục mà họ Trịnh lại đem binh đánh họ Nguyễn.

Nhân quận-công lên ngôi rồi, mấy năm đầu cư xử xứng đáng. Nhưng từ khi phá được Nguyễn Khắc Loát, tưởng rằng biên-giới không có việc đáng lo nữa, lại bị Tống-thị mê hoặc, Chúa đổi tính tình. Ban đầu y thị nhân vào phủ Chúa, tỏ vẻ quyến luyến Chúa, rồi kết một xâu hoa trăm thứ (百花串) đem dâng, Chúa ngửi mùi thơm, trong lòng thấy động tình thương. Từ năm kỷ-mão (1639), Chúa cho y thị ra vào cung cấm, rất yêu dấu, y thị nói gì Chúa cũng nghe theo, các cận-thần can gián không được, ai cũng lấy làm lạ (1). Y thị lợi dụng thế Chúa, bóc lột của dân đem về nhà riêng, tích trữ như núi, các công khanh đều tức giận. Bị Tống-thị gièm sàm, Chúa hay giận dữ, háo sát, dân gian có kẻ vu ngôn, cuồng ngữ, Chúa liền sai chém, bỏ thây ở chợ, không cho tra hỏi, kẻ chết oan rất nhiều (2) Chúa chơi bời xa xỉ, yến tiệc luôn luôn. Lại muốn dựng lầu cao để cùng Tống-thị vui tuổi già, Chúa xuống

(1) *T. L. T. B. và N. C. K. Q. đều chép như thế.*

(2) *Theo N. C. K. Q.*

lệnh người lớn, nhỏ, già, trẻ các huyện lên rừng đốn gỗ, nhân-dân phải sưu-dịch không ngớt. Vân-hiên hàu Nội-tấn Phạm (1) hết lời can ngăn, Chúa mới thôi.

Em chúa là Chưởng-cơ Nguyễn-phước Trung (con thứ 4 của Hy-tông) càng hung dữ. Trung tính oai nghiêm, các tướng đều sợ ; nhà ông nuôi các loài ác thú, độc cầm như ong, rắn, rít... để xem chơi làm vui, rồi thả ra chợ búa để nó cướp cá tôm, hoặc thả ra đường để nó đuổi người mà cắn, làm cho ai cũng kinh sợ, nhưng không dám kêu ca. Binh, dân ai phạm pháp thì ông dùng hèo bằng sắt mà đánh, nứt da, gẫy xương... (2)

Trong khi ấy thì mấy năm mất mùa, đói khó. Năm đinh-sửu (1637) Thuận-hóa đói to, năm tân tỵ (1641) trời hạn, lúa khô héo, mỗi đấu gạo giá 60 đồng tiền, dân nhiều người chết đói (3).

Năm quí-mùi (1643), Thanh-vương sai bọn Thái-bảo Trịnh Tạc 鄭 柞 đem đại quân xâm phạm Nam Bố-chính. Thanh-vương cũng đem vua Lê cùng đi, vào đóng quân ở xã An-bài (thuộc Bắc Bố-chính). Quân Nguyễn phòng-thủ vững chãi, quân Trịnh đánh không được ; bấy

(1) *Tức Ký-lục Phạm, bạn thân của Chúa, làm Ký-lục Quảng-nam thời Hy-tông.*

(2) *Theo N. C. K. Q.*

(3) *T. L. T. B.*

giờ trời nắng lắm, quân Trịnh ốm chết nhiều, phải rút về.

Vua Thần-tông đi đánh Bố-chính về, tháng 10, nhường ngôi cho thái-tử Duy Hựu, lấy niên-hiệu là Phước-thái, tức vua Chân-tông. Vua Thần-tông làm Thái thượng-hoàng.

Năm Phước-thái thứ 2 (1644) có thuyền Ô-lan đến ngoài cửa Eo cướp bóc lái buôn. Thế-tử là Dũng-lễ hầu Nguyễn phước Tần đề-nghị với Chưởng-cơ Nguyễn-phước Trung đem thủy-quân ra đánh, Trung ngần ngại, vì chưa có lệnh Chúa, Dũng-lễ hầu đốc-suất chiến thuyền của mình tiến thẳng ra, Trung bất đắc dĩ cũng phải đốc-suất binh thuyền mình đi theo. Thuyền Ô-lan trông thấy, nhắm phía đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn, Dũng-lễ hầu đốc quân vây bắn, tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết. (1)

Phước-thái năm thứ 4 (1646), Chúa Nguyễn định phép 9 năm thì thi học-trò về khoa Chính-đồ 正途 và khoa Hoa-văn 華文 một kỳ ở công phủ, mỗi khoa thi trong ba ngày. Kỳ thi ấy gọi là Thu-vi hội thí Năm sau (1647), bắt đầu mở hai khoa thi ấy.

Tống-thị làm say đắm chúa Thượng, lợi dụng làm giàu lớn, các quan đều giận, ghét, Chưởng-cơ Nguyễn-

---

(1) Xem thêm về việc này ở mục « Giao thương với người Âu-châu.»

phước Trung mưu giết đi. Tống-thị sợ, bèn viết thư và kết xâu bách hoa sai người mật đem đưa cho cha là Tống-phước Thộng để biếu chúa Trịnh (1). Trong thư, thị xin chúa Trịnh cất quân vào đánh Thuận-hóa, thị xin nguyện đem gia-tài giúp lương quân; (1) để được về Bắc hầu hạ khăn lược cho Chúa. Thanh vương đọc thư, ngửi mùi hoa, tự nhiên cảm thấy bồi hồi thương mến và trông được gặp mặt người gửi thư (2), bèn quyết định nam-chinh. Tháng giêng năm Phước-thái thứ 6 (1648) sai Đô-đốc Trịnh Đào 鄭 禱 thống lãnh các đạo quân thủy, bộ kéo vào, tháng 2 đóng ở cửa Nhật-lệ. Quân Nguyễn cự chiến, thua ; quân Trịnh tiến đóng đồn ở xã Võ-xá. Chúa Nguyễn sai thế-tử Dũng-lễ hầu tiết-chế các dinh ra chống đánh với quân Trịnh. Chúa cũng thân đốc đại binh theo sau. Quân Trịnh thua to, quân Nguyễn bắt sống được 3 tỳ-tướng Trịnh là Gia 嘉, Lý 李, Mỹ 美 (đều không rõ họ) và 3 vạn tàn quân. Từ khi Trịnh, Nguyễn đánh nhau, chưa có trận nào quân Nguyễn thắng to như trận này. Gia và Lý xin hàng, chỉ Mỹ khẳng khái không chịu khuất, xin nhảy xuống biển chết. Chúa Nguyễn khen, cho, rồi sai thu lấy xác mai táng để nêu tiết-tháo. Còn 3 vạn tù binh Trịnh thì Chúa chia ra an tháp từ miền Thăng, Điện trở vào đến Phú-yên, cấp cho ngưu canh, điền khí, để khai khẩn ruộng hoang.

---

(1) *T. L. T. B. và N. C. K. Q. đều nói như thế.*

(2) *Theo N. C. K. Q.*

Ngày canh-dần tháng ấy, Chúa rút quân về trong lúc bệnh nặng. Ngày tân-mão, về đến phá Tam-giang, chúa mất ở thuyền, thọ 48 ở tuổi, ngôi 13 năm (1).

Thế-tử Dũng-lễ hầu lên nối ngôi, cùng bầy tôi dâng thụy-hiệu là Đại Nguyên-súy, Thống suất Thuận-hóa, Quảng-nam đẳng xứ Chưởng quốc-chính Uy Đoán Thần Võ Nhân Chiêu vương. An táng ở núi xã An-bằng (thuộc huyện Hương-trà). Thế-tông truy tôn là Thần tổ thừa cơ Toản Thống Cương Minh Hùng Nghị Uy Đoán Anh Võ Hiếu Chiêu vương, và truy tôn phi là Trinh Thục Từ Tĩnh Huệ phi. Gia-long năm thứ 5, truy tôn là Thừa Cơ Toản Thống Cương Minh Hùng Nghị Uy Đoán Anh Võ Hiếu-Chiêu Hoàng-đế... 孝昭皇帝, miếu hiệu là Thần tông 神宗 lăng gọi là Trường-diên 長延, truy tôn phi là Trinh Thục Từ Tĩnh Mẫu Duệ Huệ Kính Hiếu-Chiêu Hoàng-hậu, lăng gọi là Vĩnh-diên 永延, ở xã Chiêm-sơn (Quảng-nam) (2).

---

(1) Theo N. C. K. Q. thì Tống-thị bỏ thuốc độc để chúa chết và mưu giành ngôi cho con mình.

(2) Bà người huyện Diên-phước, tỉnh Quảng-nam, con ông Đoàn Công Nhạn (được phong là Thạch quận-công) năm tuổi cập kê, một đêm trời sáng trăng, bà vừa hái dâu trên bãi, vừa hát, chợt công-tử Nguyễn-phước Lan (bấy giờ ở Quảng-nam với cha, chúa Sãi, làm trấn-thủ Quảng-nam) đậu thuyền ở ghềnh Điện-châu, nghe tiếng hát, sai người hỏi thăm, rồi nạp vào cung, sinh một trai là Nguyễn-phước Tần, tức Chúa Thái-tông (Cháu Hiền) sau này. (L. T. T. B. quyển 1, mục hậu phi).

V.— Thái-Tông Nguyễn-Phước Tần 太宗阮福瀕 (1648-1687).

Nguyễn-phước Tần là công-tử thứ 2 của chúa Thần-tông, sinh năm canh-thân, Lê Vĩnh-tộ năm thứ 2 (1620), mẹ là Đoàn-thị, đã được phong làm Thái-phó Dũng-lễ hầu. Năm giáp-thân (1644) ông đánh được thuyền Ô-lan ở cửa Eo, năm mậu-tý (1648) làm Tiết-chế chủ quân, đại phá quân Trịnh ở sông Gianh. Năm ấy, chúa Thần-tông mất, vì công-tử cả là Võ 武 mất sớm, vô tự, Dũng-lễ hầu nối ngôi cha, bấy giờ ông 29 tuổi. Các quan tôn làm Tiết-chế thủy, bộ chư dinh, kiêm Tổng nội, ngoại; bình chương quân quốc trọng sự, Thái-bảo Dũng quận-công 勇郡公, cũng gọi là chúa Hiền hoặc Hiền-vương 賢王.

Dũng quận-công am hiểu binh-pháp, có đức-tính một kẻ chinh-phục và có ý-chí bành-trướng lãnh-thổ. Chúa chăm lo việc nước, không chuộng vui chơi, yến tiệc, lại là người quyết đoán, cứng rắn, có khi đến tàn nhẫn; chúa đã nạp vào cung một người con hát Nghệ-an tên là thị Thừa, nhan sắc xinh đẹp, Chúa rất yêu mến ; một hôm đọc sách Quốc-ngữ thấy chuyện Ngô-vương yêu Tây-Thi, Chúa tỉnh ngộ, sai thị Thừa đem đến cho Chưởng-dinh Nguyễn-phước Kiều một cái áo, trong dải áo Chúa viết mật chỉ bảo Phước Kiều đánh thuốc độc giết thị Thừa đi. Từ đó, Chúa cố gắng giảng tập võ bị, sửa sang binh-khí, chiêu tập quân dũng cảm, tập trận voi,

luyện thủy-quân, rồi phía bắc chống cự thắng lợi với họ Trịnh để giữ vững biên-cương, phía nam lấn thêm đất Chiêm-thành, can-thiệp vào nội-bộ Chân-lạp, gây cơ-sở cho sự xâm nhập của người Việt sau đó.

Năm kỷ-sửu (1649) tháng 8, vua Lê Chân-tông băng, không có con nối ngôi, tháng 10, vua Thần-tông trở lại ngôi, đổi niên-hiệu là Khánh-đức. Chúa sai sứ ra Đông-đô mừng. Vì bấy giờ tuy Nam, Bắc đã chiến-tranh công khai mấy trận rồi, và bắt đầu từ Nhân quận-công (chúa Thượng) thì vua Lê không phong cho chúa Nguyễn nữa, nhưng miền Nam vẫn dùng niên-hiệu vua Lê, nên chúa Nguyễn vẫn cho sứ-giả đi lại. Tham-tụng của Trịnh là Nguyễn Duy Thì nói với Thanh vương: « Nam chúa cùng ta đã hai đời kết thông gia, nay có sứ đến, ta nên dung nạp và yên ủy ». Sứ-giả của chúa Nguyễn được hậu đãi.

Năm Khánh-đức thứ 3 (1651), đổi phủ Hoài-nhân làm phủ Qui-ninh 歸寧府.

Năm quí-tỵ (1653), tháng 2, vua Lê đổi niên-hiệu là Thịnh-đức.

Năm Thịnh-đức nguyên-niên (1653), vua Chiêm-thành xâm lấn Phú-yên, Dũng quận-công sai quân đi đánh lấy đất Chiêm đến sông Phan-rang, đặt dinh Thái-khương 泰康營 (nay là đất tỉnh Khánh-hòa). Bầy tôi bèn dâng tôn hiệu là Thái-phó, quốc-công.

Tống-thị từ khi vào cung, làm mê hoặc chúa Thượng

rồi lợi dụng uy-thế để làm giàu, vàng bạc, tiền lụa, châu ngọc, lúa gạo thu trử không biết bao nhiêu mà kể. Chú Dũng quốc-công là Chưởng-dinh Nguyễn-phước Trung giận lắm, muốn diệt trừ kẻ cướp của hại dân, Tống-thị biết tin, kinh sợ, ngày đêm tìm kế giữ mình, mới tính cách về bắc để thoát thân. Nên năm mậu-tý (1648) dũ gửi mật thư và kết xâu bách hoa gửi dâng Trịnh Tráng xin đem binh vào đánh, Thanh-vương đã theo lời, nhưng cuộc nam chinh ấy thất bại. Tống-thị bèn nghĩ kế khác : làm mê hoặc Chưởng-dinh Nguyễn-phước Trung. Phước Trung bèn tư thông với. Tống-thị nhân đó khuyên Phước Trung cướp ngôi chúa. Phước Trung bí mật kết nạp sĩ tốt, ước hẹn thừa dịp đem binh tập kích phủ chúa. Năm giáp ngọ (1654), tháng 4, thuộc-hạ của Phước Trung là Thắng Bố 勝 怖 biết mưu ấy, đem tố cáo. Bị bắt, Phước Trung thú nhận. Dũng quốc-công không nỡ giết, đem giam, Phước Trung chết trong ngục (1).

---

(1) *N.C.K.Q chép : « Tống thị sai mỹ-nhân tâm phúc vào hầu hạ trong dinh Trung-tín hầu Nguyễn-phước Trung để làm quen, rồi làm bánh khô đựng trong hợp và xâu một xâu bách hoa, bảo nó đem dâng Trung-tín hầu. Hầu ăn bánh thấy rất ngon, rồi cầm xâu hoa ngửi, mùi thơm lạ lùng, thốt nhiên lòng nghe bồi hồi. có ý tưởng nhớ mến thương người mỹ-nhân làm ra nó, quay lại bảo đứa thị nữ : « Mày về thưa lại mỹ-nhân hãy sớm gặp ta.» Tống-thị mừng lắm, bèn thừa lúc ban đêm đến dinh Trung-tín hầu, khép nép, e thẹn lạy dưới thềm. Hầu trông thấy nhan-sắc kiều-diễm, hình-dung yểu-điệu, ngôn-ngữ lưu lợi, tưởng*

Chúa giết Tống-thị, lấy gia tài cấp phát cho quân, dân. Có người trong quân bắt được quyển sổ ghi tên những người bè đảng của Trung, nhưng chúa sai đốt đi.

Sau khi thua trận ở Quảng-bình năm mậu-tý (1648), Chúa Trịnh đã sai tướng là Trịnh Đào đóng đồn ở Hà-trung 河中 (bấy giờ gọi là Dinh Cầu), Lê Hữu Đức 黎有德 đóng đồn ở Hoành-sơn, Phạm Tất Đồng 范必仝 (1) làm Thủ-tướng châu Bắc Bố-chính thì đóng ở Tam hiệu 三號 (tức Ba đồn ngày nay). Đến năm Thịnh-đức thứ 3 (1655), Trịnh Đào sai Phạm Tất Đồng đem quân vượt sông Gianh, xâm lấn Nam Bố-chính, Dũng quốc-công quyết đem quân đánh Bắc. *Chúa đương nghĩ tìm nhân tài để giao phó việc quân thì một hôm nằm mộng thấy thần nhân đưa cho bài thơ rằng :*

...đâu là tiên giáng trần, liền dắt vào trong. Từ đó, hai người không rời nhau, suốt ngày yến ngữ, oanh ngôn, vui vẻ không chán. Tống thị lòng sanh gian kế, khuyên Trung-tín hầu hưng binh để đoạt ngôi chúa. Trung tín hầu mê đắm nàng, nghe theo, xuất tiền của để kết nạp sĩ tốt, làm thành sổ bộ, ước hẹn thừa dịp đem binh tập kích phủ Chúa. Năm giáp-ngọ, thuộc hạ của hầu là Thắng Bố biết mưu đồ ấy, đem tố cáo với Chúa. Chúa bèn ra lệnh cấm đường sá, chợ búa, điền dã, sơn khê, binh, dân, nam, nữ, lão ấu, ai ở yên chỗ nấy, không được qua lại, mọi người đều kinh hoảng, không biết chuyện gì. Rồi chúa sai đình-thần và Thắng-Bố đến vây dinh Trung-tín hầu, bắt người nhà xét hỏi, Trung-tín hầu biết việc đã tiết lộ, bèn khai hết sự thực...»

(1) Có sách chép là Tất Toàn 必全, có lẽ hai chữ 仝 全, tự dạng giống nhau, nên chép lầm.

« Tiên kiết nhân tâm thuận 先結人心順,
Hậu thi đức hóa chiêu 後施德化昭.
Chi diệp kham tồi lạc 枝葉堪摧落,
Căn bản dã nan diêu. 根本也難搖.

(nghĩa là : Trước đoàn kết lòng người cho hòa-thuận, sau thi thố đức hóa cho rõ ràng. Cành lá có khi gãy rụng, nhưng gốc rễ khó chuyển lay.)

Dũng quốc-công thấy bài thơ có hai chữ « thuận », « chiêu » ứng với tên Thuận-nghĩa Nguyễn Hữu Tiến (bấy giờ gọi là Thuận-nghĩa hầu) và tên Chiêu-vũ của Nguyễn Hữu Dật (bấy giờ gọi là Chiêu-vũ hầu), nên từ đó mọi mưu cơ về quân sự đều đem bàn với hai người ấy.

Dũng quốc-công đã quyết ý Bắc-phạt, Nguyễn Hữu Dật đề nghị lần này nên đem quân ra đánh tận trên đất Bắc. Chúa cho Nguyễn Hữu Tiến làm Tiết-chế, Nguyễn Hữu Dật làm Đốc-chiến. Quân Nguyễn tiến ra chiếm được dinh Hà-trung, nhiều tướng Trịnh đầu hàng. Chúa Trịnh sai Thái-bảo Trịnh Trượng 鄭杖 đem đại binh vào để thu-phục Hà-trung. Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật dùng kế nghi binh, khiến Trượng không dám tiến quân, rồi thừa thế tiến đánh quân Trịnh. Trịnh Trượng phải lui về An-trường, quân Nguyễn chiếm 7 huyện Nghệ-an ở phía nam Lam-giang : Kỳ-hoa 奇華, Thạch-hà 石河, Thiên-lộc 天祿, Nghi-xuân 宜春, La-sơn 羅山, Hương-sơn 香山, Thanh-chương 清章. Hữu Tiến,

Hữu Dật lại sai người đem mật thư ra các trấn Bắc-hà, chiêu dụ hào kiệt, hẹn cùng nổi lên. Ở Cao-bằng, Hải-dương, Sơn-tây có nhiều người hưởng ứng và hẹn hễ quân Nguyễn qua sông Lam thì họ sẽ phát binh giúp. Mặc dù Thanh vương sai hai con là Trịnh Tạc, Trịnh Ninh 鄭寧 đem đại-binh vào tăng viện, quân Trịnh cũng thua luôn và quân Nguyễn vẫn làm chủ miền nam Nghệ-an.

Năm Thịnh-đức thứ 4 (1656), nghe tin quân Nguyễn thắng luôn, Dũng quốc-công ra Quảng-bình, đóng ở xã An-trạch (sau đổi là Thuận-trạch, tức dinh Trạm, ở miền nam Quảng-bình). Nguyễn Hữu Dật đến hành-tại yết kiến, trình bày tình hình.

Năm Thịnh-đức thứ 5 (1657) Thanh vương Trịnh Tráng mất, con là Trịnh Tạc nối ngôi. Dũng quốc-công từ Quảng-bình đến xã Vân-cát, thuộc huyện Thạch-hà (Nghệ-an). Các tướng đề-nghị thừa biến-cố này của họ Trịnh, tiến quân ra đánh Bắc, nhưng chúa Nguyễn cho là không nỡ đánh người ta trong lúc có tang, bèn sai sứ ra Thăng-long điếu tang, rồi chúa trở về Kim-long, khiến các tướng đóng đồn từ sông Lam trở vào nam, và đắp lũy từ đầu núi đến cửa biển để phòng ngự.

Năm mậu-tuất (1658), tháng giêng, vua Lê đổi niên-hiệu là Vĩnh-thọ. Vĩnh-thọ năm đầu (1658) Dũng quốc-công xuống lệnh lập tuyển-trường (1) ở Nghệ-an để duyệt dân

(1) *Tuyển trường là nơi duyệt lựa các hạng dân để theo hạng mà thu thuế.*

7 huyện, lấy ba hạng tráng, quân, và dân, thu thuế để cấp lương cho quân. Dân-chúng than phiền thuế nặng. Nguyễn Hữu Dật phải sai người đi các làng, ấp, hiểu dụ, nói rằng vì việc quân chưa xong, nên phải tạm lấy để giúp quân-nhu, chứ không phải tăng thuế.

Để vỗ-về nhân-dân, Dũng quốc-công sai chọn những người có văn-học và tài-trí ở châu Bắc Bố-chính và 7 huyện Nghệ-an để cho làm quan trong hạt.

Trong các năm đinh-dậu (1657), mậu-tuất (1658) quân Trịnh, quân Nguyễn giữ nhau ở sông Lam, thỉnh thoảng đánh nhau một trận, khi thì bên này được, khi thì bên kia được. Có lần Nguyễn Hữu Tiến vượt sông Lam đóng đồn, nhưng rồi lại rút về phía Nam.

Bấy giờ hai tướng nắm giữ binh quyền là Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật lại không hòa nhau, các tướng tá chia ra phe phái, vì đó ý-chí không thống nhất, tinh-thần chiến-đấu suy sút. Thêm vào đó, quân Nam đi đánh lâu ngày muốn về, quân Nghệ-an mới hàng, bị các tướng Trịnh mật sai người phủ dụ, nhiều kẻ bỏ trốn, hoặc không muốn chiến đấu.

Sau khi Trịnh Tạc lên ngôi Chúa, đã triệu Trịnh Ninh về mà cho con là Trịnh Căn 鄭根 vào thay cầm quân. Đến năm Vĩnh-thọ thứ 3 (1660), lại gửi thêm viện-quân cho Trịnh Căn. Trịnh Căn phản công, quân Nguyễn thua mấy trận, Nguyễn Hữu Tiến bèn rút quân về

châu Nam Bố-chính. Cuộc triệt thoái này, Hữu Tiến không cho Hữu Dật biết. Khi hay tin Hữu Tiến đã rút quân, Hữu Dật phải dùng mưu kế mới thoát được, và đến Hoành-sơn thì quân hai tướng gặp nhau, và đem được toàn quân về Nam Bố-chính. Từ đó 7 huyện Nghệ an lại trở về Bắc-hà.

Chúa Trịnh Tạc lên ngôi được tấn phong là Thượng sư Tây vương, muốn thừa lúc quân Nguyễn thất bại, đem quân vào giải quyết việc phương nam, nên năm sau, Vĩnh-thọ thứ 4 (1661), tháng 12, rước vua Lê vào đánh chúa Nguyễn. Thủy-binh đóng ở cửa Nhật-lệ, bộ-binh sang sông Gianh, vào Nam Bố-chính, đóng ở Phước-tự. Quân Nguyễn cố thủ không đánh, dời dân vào lũy Động-hải, dùng kế thanh dã. Đến tháng 3 năm sau (1662), quân Trịnh thiếu lương, quân Nguyễn thừa thế tiến đánh, quân Trịnh thua, phải rút về.

Tháng 9 năm ấy, vua Lê đổi niên-hiệu là Vạn-khánh. Vua Lê Thần-tông đi đánh phương nam về thì băng, thái-tử là Duy Vũ nối ngôi, niên-hiệu Cảnh-trị, tức vua Huyền-tông.

Rút kinh-nghiệm trong các trận vừa qua, Dũng quốc-công nhận thấy việc bắn của quân mình chưa tinh, nên sai tập luyện thêm : bắt chước phép tập bắn của Thái-tổ. Đắp ụ ở Hoằng-phước, cao hơn 30 thước, rộng hơn 130 thước, trước mặt đặt một cái xạ-hầu (1), khiến thủy-sư đi lại mà bắn thi, tùy

(1) *Cái khung căng, ở giữa có cái đích để nhắm mà bắn.*

bắn trúng hay không mà thưởng hay phạt; từ đó phép bắn của quân-sĩ ngày càng tinh thêm. Năm ất-tỵ (1665), sai các tướng sĩ ở các dinh cùng các quan châu, huyện, hương đem quân khí đến để kiểm duyệt, xem binh khí cùn hay sắc mà phạt hay thưởng. Lại sai văn thần và các quan lại tam ty cũng phải tập cưỡi ngựa, bắn cung, người nào bắn trúng thì được thưởng, người chậm và bắn lạc thì bị phạt.

Nguyễn Hữu Tiến sau khi ở Bắc rút quân về, được sai làm Chưởng-dinh Tiết-chế đạo Lưu-đồn, đến năm giáp-thìn (1664) ốm, xin về, chúa cho về trấn Cựu-dinh để điều dưỡng. Năm ất-tỵ (1665), tháng 7, ông mất, thọ 65 tuổi, Chúa tặng là Hiệp-mưu Tá lý công-thần đặc tiến Tả-quân Đô-đốc phủ sự Tiết-chế Thuận quận-công, cho tiền bạc gấm lụa, táng theo lễ tước công. (Năm Gia-long thứ 5, ông được tùng tự Thái-miếu, năm Minh-mạng thứ 12, phong là Anh quốc-công).

Năm Cảnh-trị thứ 8 (1670), Tây-vương Trịnh Tạc sai Lê Đắc Đồng 黎得公, Trần Xuân Bảng 陳春榜 đem thư đến cửa Nhật-lệ nói là phụng mạng vua Lê vào hỏi việc cống phú. Trấn-thủ Bố-chính là Triều Tín 朝信 báo lên Chúa. Chúa bảo các tướng: « Việc lễ, nhạc, đánh dẹp, đều không phải tự vua Lê ra lệnh, đó là họ Trịnh giả mạng vua, ta quyết cự, không nạp. » Bọn Đắc Đồng phải trở về. Trịnh Tạc muốn phát binh, bề tôi là Đô-đốc Thông 通 can rằng: « Binh pháp có nói: « biết người biết mình, trăm trận không nguy.»

«Tôi trộm nghe ở Nam-hà trên dưới hòa thuận, binh giáp tinh mạnh, ta chưa nên khinh động.» Tây vương mới thôi.

Tháng 11 năm tân-hợi (1671) vua Lê Huyền-tông băng, con thứ vua Thần-tông là Duy Khoái lên nối ngôi, niên-hiệu Dương-đức, ấy là vua Gia-tông.

Năm nhâm-tý, Dương-đức nguyên-niên (1672), tháng 6, họ Trịnh lại cử đại binh vào đánh, sai Trịnh Căn làm Nguyên-súy, Chúa Trịnh Tạc vào vua Lê theo sau tiếp ứng. Dũng quốc-công sai công-tử thứ 4 là Chưởng-cơ Hiệp-đức hầu Nguyễn-phước Hiệp 阮福協 (còn có tên là Thuần 淳) làm Nguyên-súy đem binh cự địch. Dũng quốc-công thấy quân Trịnh thế to, cũng đem quân ra đóng ở phủ Toàn-thắng để tiếp ứng. Quân Trịnh đánh lũy Trấn-ninh rất dữ dội, đã mấy phen sắp hạ được, nhưng Nguyễn Hữu Dật ra sức chống giữ, quân Trịnh đánh mãi không được. Tháng 12 năm ấy, trời mưa rét, đất ẩm thấp, sĩ tốt khó ở lâu được, Tây vương đưa vua Lê về đóng ở Phù-lộ (thuộc Bắc Bố-chính), lại nghe tin Trịnh Căn đến sông Gianh thì ốm, nên Chúa Trịnh đưa vua Lê về Thăng-long.

Từ đó, Trịnh, Nguyễn thôi việc chiến tranh, lấy sông Gianh phân giới hạn Nam, Bắc.

Đời chúa Dũng quốc-công, từ năm mậu-tuất (1658) vua Chân-lạp đã nhận làm phiên thần, hàng năm nạp cống,

đến năm giáp dần (1674) nhân Chân-lạp có nội loạn, vua Chân-lạp cầu cứu, Dũng quốc-công lại đem quân sang can-thiệp, rồi đặt hai vua, chánh quốc-vương đóng ở Long-úc và đệ nhị quốc-vương đóng ở Sài-côn. Năm Kỷ-mùi (1679) tướng nhà Minh là Dương Ngạn Địch 楊彥迪, Hoàng Tiến 黃進 Trần Thượng Xuyên 陳上川, Trần An Bình 陳安平, sau khi nhà Thanh làm chủ Trung-quốc, đem hơn 3000 quân và 50 chiến thuyền đến xin làm tôi chúa Nguyễn, Dũng quốc-công bèn trao cho quan chức, khiến đến ở Mỹ-tho, Bàn-lân (nay thuộc Biên-hòa), và đưa thư cho vua Chân-lạp bảo phải dung nạp họ, chia đất cho họ làm ăn. Bọn Hoa-kiều này khai thác đất hoang dựng phố xá, mở mang lần lần đất này. Ảnh-hưởng Việt-Nam bắt đầu gây ra trên lãnh-thổ Chân-lạp vậy.

Năm ất-mão (1675) vua Lê Gia-tông băng, em là Duy Hợp nối ngôi, niên-hiệu Vĩnh-trị, ấy là vua Hy-tông.

Năm tân-dậu (1681) Chưởng-dinh Tiết-chế đạo Lưu-đồn Nguyễn Hữu Dật mất, thọ 78 tuổi, có để lại tờ biểu dâng chúa, lời lẽ rất khích thiết, Chúa đọc rất cảm động. Tặng là Tán-trị tĩnh-nạn công-thần đặc tiến phụ quốc Thượng Tướng-Quân, Cẩm-y vệ Tả quân Đô-đốc phủ chưởng phủ sự, Chiêu quận-công. Hữu Dật có tài thao lược, mấy năm làm tướng đã có nhiều mưu sách lớn, cùng Nguyễn Hữu Tiến là hai tướng Nam-triều ỷ trọng lúc bấy giờ. (Năm Gia-long thứ 5, được tùng tự ở Thái-

miếu, năm Minh-mạng thứ 12, phong là Tĩnh quốc-công). Dân Quảng-bình có lập đền thờ ông ở Thạch-xá.

Cảnh-trị năm thứ 7 (1669), bắt đầu thực-hành duyệt tuyển ở hai phủ Diên-ninh và Thái-khương là đất mới lấy được của Chiêm, người Việt mới di dân đến ở.

Năm ấy, Ký-lục Võ Phỉ Thừa 武 丕 承 nói : « Binh và tài là chính-sách lớn của nhà nước. Kho đụn đầy thì của dùng đủ, của dùng đủ thì binh giáp mạnh. Nay trong dân gian nhiều người chiếm ruộng lậu để cày cấy mà không nạp thuế. Xin sai quan bao đạc những ruộng đất thực có cày cấy làm ruộng công để thu thuế giúp vào quốc-dụng, ấy gọi là nhà nông xuất lúa để nuôi binh lính, và binh lính xuất lực để bảo vệ nhà nông, theo chế-độ đời xưa vậy. » Dũng quốc-công nghe theo, sai bọn văn thần Hồ Quang Đại 胡 光 大 chia nhau đi bao đạc những ruộng đất thực có cày cấy của các xã dân, định làm 3 bậc, và chia các ruộng mùa thu và đất khô thành nhiều hạng, để thu lúa tô. Về sau ruộng khẩn mỗi ngày một nhiều, Chúa đặt ty Nông-lại 農 吏 司 để coi việc thu thuế ấy.

Năm canh thân (1673) Trịnh Nguyễn đã nghỉ chiến-tranh Dũng quốc-công lo sửa sang chính-trị, sửa lại phép thi cử để chọn nhân tài, đào kênh ngòi để thêm phương tiện cho việc giao-thông, đi lại.

Ngoài các khoa thi Chính-đồ, Hoa-văn, đời vua Gia-tông, năm - Đức nguyên thứ 2 (1675) Dũng quốc-công đặt

khoa thi Thám-phỏng 探訪 hỏi về tình-trạng binh dân và việc Lê, Trịnh. Đời vua Hy-tông, năm Vĩnh-trị thứ 4 (1679), trong kỳ thi Nhiêu-học, chỉ thi học-trò Chính-đồ, học-trò Hoa-văn không được dự. Cải-cách ấy bị Thủ-hợp Trần Đình Ân phản đối. Ân nói : « Quốc-triều ta thi học trò, lấy cả nho và lại, cả hai đều dùng cho nhà nước cả, nay không cho Hoa-văn dự thi, e ấy không phải là cách nuôi nhân tài của tiên triều. » Có lẽ vì sự phản đối ấy mà trong khoa thi kế đó, người ta thấy lấy đỗ cả học-trò Chính-đồ và Hoa-văn. Đời vua Hy-tông, năm Chính-hòa thứ 5 (1684) Chúa tách rời việc thi cử với duyệt tuyển, nghĩa là bãi bỏ kỳ thi Nhiêu-học ở tuyển trường, học trò đợi khoa thi mà ứng cử.

Đời Trần, Lê Quý Ly đã đào đường kênh từ Thủy-liên (1) đến Hồ-xá (2) nhưng vừa đào thì bùn cát đùn lên, nên không thành. Khi vua Lê Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành, có sai quân đào lại, nhưng sau lại bị bồi lấp. Năm Cảnh-trị thứ 6 (1668) Dũng quốc-công sai xem xét địa-hình, rồi Chúa thân đốc quân, dân 3 huyện đào lại, nhưng chỉ sau mấy tháng: cát lại bồi lấp. Chúa phải xuống lệnh cho dân ở dọc bờ kênh hàng năm tùy thế mà khơi đào lại. Năm Chính-hòa thứ 2 (1681), Chúa đi săn, thuyền qua kênh Thị-môn 市門港 có người địa-phương nói rằng chỗ này sóng gió bất thường,

---

(1) *Thuộc huyện Lệ-thủy (Quảng-bình)*

(2) *Thuộc huyện Vĩnh-linh (Quảng-trị)*

thuyền buôn nhiều khi chìm đắm. Chúa muốn đào kênh mới, có người xã Mai-xá 枚舍 tên là Thế 世 vẽ bản đồ dâng lên, xin đào từ xã Mai-xá đến quán Nhĩ-hạ 珥下館 (1). Chúa theo lời, sai quân dân hai huyện Vũ-xương là Hải-lăng đào, sai Ngoại-hữu Hoằng Lễ 宏禮 trông coi công việc, một tháng thì đào xong, kẻ buôn bán đi lại rất tiện lợi. Năm Chính-hòa thứ 7 (1686) Chúa sai đào kênh Hà-kỳ (từ xã Cẩm-phố, huyện Vĩnh-linh, đến địa hạt huyện Do-linh để thông với nước sông Minh-lương) (2).

Chính-hòa năm thứ 3 (1682), Tây vương Trịnh Tạc mất, con là Trịnh Căn nối ngôi, được phong là Định-vương.

Đến năm ất-sửu (1685). T. L. T. B. viết: «Bấy giờ trong cõi vô sự, thóc lúa được mùa, Chúa càng sửa sang chính-trị, không xây đài tạ, không gần thanh sắc, giảm nhẹ giao dịch, thuế má, trăm họ vui vẻ, đều khen là đời thái-bình.»

Chính-hòa năm thứ 8 (1687), tháng 3, Chúa bệnh, ngày đinh-dậu triệu công-tử thứ 2 là Hoằng-ân hầu 弘恩侯 đến bảo rằng: «Ta bình sinh ra vào chỗ gian hiểm để bảo toàn nhà nước. Mày nối ngôi, phải sửa thêm nhân-chính để giữ an bờ cõi. Các quan văn võ đều do ta trạc dụng, phải hết lòng tin dùng, cùng lo

(1) *Tức Kênh Mai-xá, thuộc huyện Vĩnh-linh (Quảng-trị)*

(2) *N.T.C. tỉnh Quảng-trị.*

mọi việc, đừng để bọn tiểu-nhân lẽn vào.» Lại triệu các đại thần đến bảo rằng : «Ta và các khanh cùng một chí khí, mà việc mưu đồ chưa trọn. Con ta tuổi còn nhỏ, mong nhờ các khanh đồng tâm giúp đỡ, để làm sáng sủa công-nghiệp tổ tông. Chớ quên lời ấy.» Bầy tôi xin làm như Chu-công, nạp sách trong hòm kim đẳng (1). Chúa cười nói : «Các khanh yêu ta, nhưng làm sao được với số trời.» Nói xong thì mất. Chúa ở ngôi 39 năm, thọ 68 tuổi.

Công-tử thứ 2 nối ngôi, cùng các quan dâng thụy-hiệu là Đại Nguyên-súy Tổng quốc-chính công cao đức hậu Dũng Triết vương ; táng ở núi Hải-cát. Chúa Thế-tông truy tôn là Nghị-tổ Tuyên Uy Kiến Võ Anh Minh Trang Chánh Thánh Đức Thần Công Hiếu-Triết vương, truy tôn nguyên phi Từ Mẫn Chiêu Thánh Trang phi, thứ phi là Từ Thiên Huệ Thánh Tĩnh phi. Năm Gia-long thứ 5, truy tôn là Tuyên Uy Kiến Võ Anh Minh Trang Chánh Thánh Đức Thần Công Hiếu-Triết Hoàng-đế 孝哲皇帝, miếu-hiệu là Thái-tông 太宗, lăng gọi là Trường-hưng 長興, truy tôn nguyên phi là Từ Mẫn Chiêu Thánh Cung Tĩnh Trang Thận Hiếu Triết Hoàng-hậu, lăng gọi là Vĩnh-hưng 永興, thứ phi là Tư Liên Huệ Thánh Trinh Thuận Tĩnh Nhân Hiếu Triết Hoàng-hậu, lăng gọi là Quang-hưng 光興.

(1) Vua Võ-vương nhà Chu đau nặng sai em là Chu-công làm phụ chính, giúp con là Thành-vương. Chu-công làm tờ sách xin nạp mình chết thay Võ-vương, khấn ở nhà Thái-miếu. Tờ sách ấy bỏ vào trong cái hòm buộc dây vàng, gọi là kim-đẳng.

VI.— Anh-Tông Nguyễn-Phước Trăn 英宗阮福濬 (1687-1691).

Nguyễn-phước Trăn là con thứ 2 của chúa Thái-tông, sinh năm kỷ-sửu, Lê Khánh-đức năm đầu (1649), mẹ là Tống-thị. Vì công-tử cả là Diễn 演 mất sớm, Thái-tông thấy ông đã lớn tuổi và hiền đức, phong làm Tả-thủy dinh Phó-tướng Hoằng-ân hầu. Ông làm phủ dệ tại dinh Tả-thủy.

Thái-tông mất, Hoằng-ân hầu kế vị, năm ấy ông 39 tuổi, các quan tôn làm Tiết-chế thủy, bộ chư dinh, kiêm Tổng nội, ngoại, bình chương quân, quốc trọng sự, Thái-phó, Hoằng quốc-công 弘國公

Hoằng quốc-công là người khoan hòa, yêu kẻ sĩ (1), lên ngôi rồi, nhẹ hình phạt và xâu thuế, bấy giờ gọi là chúa Nghĩa hoặc Nghĩa vương 義王. Miễn một nửa thuế ruộng mới tăng, năm kỷ-dậu (2).

Tháng 7 năm ấy (đinh mão, 1687), dời phủ sang làng Phú-xuân (huyện Hương-trà), lấy núi đằng trước (tức nay là núi Ngự-bình) làm án, đắp tường thành, xây cung điện, trước mặt đào hồ lớn, trồng cây hoa

---

(1) *Theo V.B.T.L.*

(2) *Đời chúa Thái-tông, năm kỷ-dậu (1669) đã sai đo đạc ruộng lậu để thu thế, nay giảm nửa thuế cho những ruộng mới tăng ấy.*

rất tráng lệ. Lại thấy nước sông ở thượng-lưu chảy xói vào phía hữu, sai xây tháp ở bờ sông để trấn áp. Phủ cũ thì dùng làm miếu chúa Thái-tông.

Năm mậu-thìn (1688) người Tàu vừa được chúa Thái-tông cho đến ở Mỹ-tho là Phó-tướng Long-môn Hoàng Tiến giết Chủ-tướng Dương Ngạn Địch, tự xưng Tướng-quân, dời đồn sang Nan-khê (thuộc Kiến-hòa,tỉnh Định-tường), đắp lũy, đóng chiến thuyền, đúc đại bác, cho quân đi cướp bóc. Chánh-vương Chân-lạp là Nặc Thu cũng nhân đó bỏ việc triều cống, đắp lũy, ngăn sông để cố thủ. Đệ nhị vương là Nặc Nộn báo lên. Năm sau, Hoằng quốc-công sai tướng vào đánh, dùng mưu đánh đuổi Hoằng Tiến, và bắt vua Chân-lạp phải triều cống.

Năm ấy, sửa chùa Thuận-an 順安寺.

Đời chúa Thái-tông, đã tách riêng kỳ thi Nhiêu-học với kỳ duyệt-tuyển, và có lần không cho học trò Hoa-văn dự thi Nhiêu-học. Hoằng quốc-công thi hành lại chế-độ cũ. Năm kỷ-tị (1689) sai các quan làm việc duyệt-tuyển, và ra lệnh cho học trò Chính-đồ và Hoa-văn tới tuyển trường để ứng thí.

Năm canh-ngọ (1690) đổi tên phủ Thái-khương là Bình-khương 平康府.

Năm tân-mùi, Lê Chính-hòa năm thứ 12 (1691) tháng giêng, ngày bính-thân, Hoằng quốc-công bệnh, triệu thế-tử là Tộ-Trường hầu 祚長侯 đến bảo rằng :

«Ta vâng theo mối trước, mong mỗi nối theo được chí, làm theo được việc của tổ tông. Con kế nghiệp, nên noi thành đức của tổ tông, cầu hiền đãi sĩ, thương dân, yêu binh, chớ tin lời dèm pha, chớ bỏ những người ngay thẳng, để xây dựng nghiệp lớn, ấy là đại hiếu.» Lại triệu các thân thần, dặn giúp thế-tử. Ngày ấy Chúa mất, ở ngôi 4 năm, thọ 43 tuổi.

Thế-tử nối ngôi, cùng bầy tôi dâng thụy hiệu là Đại Nguyên-súy Tổng quốc-chính Thiệu Hưu Toản Nghiệp Hoằng-Nghĩa vương. Táng ở núi Kim-ngọc (ở xã Định-môn, huyện Hương trà). Thế-tông truy tôn là Thiệu Hưu Toản Nghiệp, Khoan Hồng, Bác Hậu, Ôn Huệ, Từ Tường, Hiếu Nghĩa vương, truy tôn phi là Từ Tiết Tĩnh Thục Hiến phi. Năm Gia-long thứ 5 truy tôn là Thiệu Hưu Toản Nghiệp, Khoan Hồng, Bác Hậu, Ôn Huệ, Từ-Tường, Hiếu Nghĩa Hoằng-đế 孝義皇帝, miếu hiệu là Anh-tông, lăng gọi là Trường-mậu 長茂, truy tôn phi là Từ Tiết Tĩnh Thục Huệ Mẫn Hiến Thuận, Hiếu-Nghĩa Hoàng-hậu, lăng gọi là Vĩnh-mậu 永茂.

VII.— Hiển-Tông Nguyễn-Phước Chu 顯宗阮福淍 (1691-1725).

Nguyễn-phước Chu là công-tử cả của chúa Anh-tông, mẹ là Tống-thị, sinh năm ất-mão, Lê Đức-nguyên năm thứ 2 (1675) lớn lên chăm học, chữ tốt, tài kiêm văn võ, được phong là Tả-bình-dinh Phó-tướng, Tộ-trường-hầu, làm phủ đệ ở cơ Tả-bình.

Chúa Anh-tông mất, ông kế vị, các quan tôn làm Tiết-chế thủy, bộ chư quân, kiêm Tổng nội ngoại, bình

chương quản quốc trọng sự, Thái-bảo Tộ quận-công 祚郡公, hiệu là Thiên-túng đạo-nhân 天縱道人, cũng gọi là Minh-vương, năm ấy ông 17 tuổi. Lên ngôi rồi, Tộ quận-công miễn một nửa thuế ruộng năm ấy cho dân. Chúa chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, nhẹ thuế má diêu dịch, bớt việc hình ngục.

Sau khi hết tang Anh-tông, các quan tấn tôn Chúa là Thái-phó, quốc-công, và dâng tôn hiệu là Quốc-chúa 國主. Từ đấy, trong các sắc lệnh đều xưng là Quốc-chúa.

Tộ quốc-công ở phương Bắc, giữ vững biên-thùy, ở phương-Nam, bắt đầu đưa dân đến ở đất Chân-lạp, thiết lập chính-quyền, khéo khu xử với Chiêm-thành và Chân-lạp, còn ở trong nước thì sắp đặt lại việc duyệt tuyển, việc vận-tải, võ-bị, thi cử.

Năm Chính-hòa thứ 13 (1692) vua Chiêm-thành là Bà-tranh 婆爭 cướp giết ở biên-giới, Quốc-chúa sai tướng đi đánh, bắt được Bà-tranh rồi đổi nước ấy làm trấn Thuận-thành 順城鎮, rồi lại đổi làm phủ Bình-thuận 平順, cho một viên quan cũ của vua Chiêm là Tả-trà-viên Kế-bà-tử 繼婆子 làm Khám-lý, nhiều người thân thuộc vua cũ làm quan, bắt ăn mặc theo Việt, để vỗ-về dân Chiêm.

Một người Hoa-kiều là A-ban 阿班 xui sử người Chiêm nổi dậy, giết hại nhiều quan chức trấn giữ đất

này, Quốc-chúa sai tướng dẹp yên. Năm Chính-hòa thứ 15 (1694), theo lời xin của Kế-bà-tử, lại đổi phủ Bình-thuận làm trấn Thuận-thành, cho Kế-bà-tử làm Tả Đô-đốc để thống trị; mấy tháng sau, phong Kế-bà-tử làm phiên-vương trấn Thuận-thành, hàng năm nạp cống. Lệ cống: 2 thớt voi đực, 20 con bò vàng, 6 chiếc ngà voi, 10 sừng tê, 500 khăn vải trắng, 50 cân sáp ong, 200 tấn da cá, 400 thúng cát phất-sa 沸沙 (1), 500 chiếc chiếu tre trắng, 200 cây gỗ mun, 1 chiếc thuyền dài. Năm Chính-hòa thứ 18 (1697), đặt phủ Bình-thuận, vẫn để vua Chiêm cai-trị người Chiêm như cũ.

Đã chiếm hết đất Chiêm-thành, Quốc-chúa nghĩ đến việc kinh-dinh đất Thủy Chân-lạp, ở đấy các chúa trước kia đã gây ảnh-hưởng. Năm Chính-hòa thứ 19 (1698), Quốc-chúa sai Thống-suất Nguyễn-Hữu-Kính (2) 阮有鏡 vào chia đất Đông-phố 東浦 (3), lấy xứ Lộc-dã 鹿野 (tức Đồng-nai) làm huyện Phước-long, lập dinh Trấn-biên 鎮邊 (tức Biên-hòa ngày nay), lấy xứ Sai-côn 柴棍 làm huyện Tân-bình, lập dinh Phiên-trấn 藩鎮 (tức Gia-định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức quan để cai-trị; và lập làng, ấp, định thuế khóa.

---

(1) *Một thứ cát có chứa chất soude, bỏ vào nước thì sôi lên, dùng để gội đầu và giặt.*

(2) *Con Nguyễn Hữu Dật, dòng dõi Nguyễn Trải.*

(3) *Tên cũ gọi chung đất Biên-hòa, Gia-định ngày nay.*

Năm kỷ-mão (1699) vua Chân-lạp là Nặc-thu (Ang Saur) làm phản, Quốc-Chúa sai Nguyễn Hữu Kính và Trần Thượng Xuyên đi đánh, năm sau quân ta tiến vào thành Nam-vang, Nặc Thu bỏ chạy. Nặc Yêm con của đệ nhị vương Nặc Nộn ra hàng. Nguyễn Hữu Kính vỗ an dân chúng, rồi Nặc Thu cũng đến hàng, xin nạp cống, chinh-cuộc Chân-lạp ổn-định. Đến năm ất-dậu (1705), trong hoàng - tộc Chân-lạp, giữa Nặc Thâm là con Nặc Thu, mới lên nối ngôi cha, và Nặc Yêm có sự tranh chấp, Nặc Yêm chạy sang Gia-định cầu cứu, Quốc-chúa sai Cai-cơ Nguyễn Cửu Vân 阮久雲 sang dẹp yên. Nặc Thâm chạy sang Tiêm-la, Nặc Yêm trở về thành La-bích.

Năm nhâm-ngọ (1702) tháng 8, T. L. T. B. chép : «Giặc biển là man An-liệt (1) đem 8 chiếc thuyền đến đậu ở đảo Côn lôn, trưởng ban là bọn Tô-thích-già thị 5 người, tự xưng là nhất ban, nhị ban, tam ban, tứ ban, ngũ-ban, cùng đồ đảng hơn 200 người, kết lập trại sách, trong chứa của cải như núi, bốn mặt trại sách đều đặt đại bác. Trấn thủ dinh Trấn-biên là Trương-phước Phan (con trưởng Chưởng-dinh Trương-phước Cương lấy công nữ Ngọc Nhiễm) báo lên chúa, chúa sai Phước Phan tìm cách trừ bọn ấy. » Năm quí-mùi (1703) tháng 10, T. L. T. B. chép : « Dẹp yên đảng An-liệt, Trấn-thủ Trấn-biên Trương-phước Phan mộ 15 người Chà-và, (2) khiến giả

(1) *Người Anh (English)*

(2) *Danh-từ bấy giờ chỉ người Mã-lai, người Nam-dương.*

hàng đảng An-liệt, để thừa lúc chúng sơ hở thì giết chúng. Bọn An-liệt không biết kế ấy, chúng ở Côn-lôn hơn 1 năm, không thấy Trấn-biên xét hỏi, tự lấy làm đắc chí. Nhân ban đêm, người Chà-và phóng hỏa đốt trại, đâm chết nhất ban, nhị ban, bắt được ngũ ban trói lại, còn tam ban, tứ ban theo đường biển trốn đi. Trương-phước Phan nghe tin báo, lập tức sai binh thuyền ra Côn-lôn, thu hết của cải bắt được dâng nạp. Chúa trọng thưởng người Chà-và và tướng sĩ. Tên ngũ ban bị đóng gông giải đi, chết dọc đường.» Việc T. L. T. B. nói đây là thương-điếm của Công-ty Ấn-độ của Anh lập ở đảo Côn-lôn năm 1702 do Allen Catchpole làm quản-lý, và theo tài liệu của người Anh, thì sau một thời gian, những người Mã-lai giúp việc nổi dậy giết chết nhiều nhân viên của thương-điếm, y như lời của T. L. T. B. (Xin xem rõ ở mục Giao-thương với người Âu-châu).

Năm ất-dậu (1705) tháng 4, Vua Lê Hy-tông nhường ngôi cho thái-tử Duy Đường. Thái-tử lên ngôi đổi niên-hiệu là Vĩnh-thịnh, tức vua Dụ-tông, tôn vua Hy-tông làm Thái thượng-hoàng.

Mạc Cửu 莫玖 người Lôi-châu, tỉnh Quảng-đông, sau khi nhà Minh bại vong, không chịu cạo tóc theo nhà Thanh, chạy sang Chân-lạp, được vua Chân-lạp cho làm chức Ốc-nha, thấy đất Sài-mạt nước ấy có nhiều người ngoại-quốc tụ họp, bèn mở sòng gá bạc để lấy tiền xâu, lại được một hầm bạc chôn, nên thành giàu. Mạc Cửu bèn chiêu tập dân xiêu dạt đến ở, lập thành 7 xã thôn, đặt tên đất ấy là Hà-tiên. Năm Lê Vĩnh-thạnh thứ 4 (1708), Mạc Cửu đến kinh, dâng thư lên Quốc-chúa, xin đem đất ấy

qui thuộc. Quốc-chúa nhận lời trao cho Mạc Cửu chức Tổng-binh, trấn giữ Hà-tiên.

Năm Vĩnh-thịnh thứ 5 (1709) Trịnh Căn mất, cháu tằng-tôn là Trịnh Cương 鄭 棡 nối ngôi, được phong là An-đô vương.

Năm giáp-ngọ (1714), Nặc Thâm và bầy tôi là Cao-la-hâm, vây đánh Nặc Yêm, Yêm cầu cứu, Quốc-chúa sai Trần Thượng Xuyên hợp quân với Nặc Yêm vây Nặc Thâm ở La-bích, Nặc Thu đưa thư xin chịu tội, rồi cùng Nặc Thâm bỏ trốn, Quốc-chúa phong Nặc Yêm làm vua Chân-lạp.

Phòng thủ ở phía Bắc, bành trướng ở phía nam là hai vấn đề phải lưu tâm. Vì vậy Quốc-chúa chăm lo việc võ bị, thường ra lệnh thao diễn thủy-quân, bộ-binh, tập bắn, thi bắn cung, thi đua ngựa, thao diễn trận voi, đều có đặt giải thưởng ; các cửa biển được phòng thủ.

Năm canh-thìn (1700) và năm tân-tị (1701) sai sửa đắp chánh lũy từ núi Đâu-mâu đến cửa biển Nhật-lệ, ở hai lũy Trấn-ninh và Sa-phụ đắp thêm đài súng lớn, đặt điếm tuần thủy và bộ. Năm canh-dần (1710), sai các dinh Lưu-đồn, và Quảng-bình sửa sang các lũy và cầu cống, đường xá. Liền sau đó, trong năm ấy, Quốc-chúa đi Quảng-bình, thăm các công trình phòng thủ, nơi chống đánh quân Trịnh trước kia.

Năm nhâm-thìn, Vĩnh-thịnh thứ 8 (1712) lập phủ mới

ở làng Bắc-vọng. Năm Quý-tị (1713) Quốc-chúa lại đi thăm các dinh Quảng-bình, Bố-chính, Lưu-đồn, xem các thành lũy.

Năm Vĩnh-thịnh thứ 10, An-đô vương Trịnh Cương được tiến phong là Đại Nguyên-súy Tổng quốc-chính, Thượng-sư, An vương.

Bấy giờ trong cõi yên ổn, Quốc-chúa có ý muốn đem binh Bắc phạt. Ở Bắc, An-vương Trịnh Cương đương cầm quyền, Trấn-thủ Nghệ-an, Trung quận-công Lê Thì Liêu 黎時寮 là một lão tướng, phòng thủ nghiêm nhặt, không làm thế nào biết được tình-hình miền Bắc. Năm bính-thân (1716) Quốc-chúa mật sai hai người khách buôn Phước-kiến là Bình 平 và Quý 貴 (đều không rõ họ) sang Quảng-tây rồi do ngõ Nam-quan mà vào Thăng-long để xem xét tình-hình ở kinh-sư và các trấn. Bình, Quý đến Đông-đô, ở lại hai tháng, hỏi biết tình-trạng quân, quốc, binh, dân Bắc-hà rồi trở lại Quảng-đông. Năm sau Bình, Quý trở về Phú-xuân, nói Bắc-hà chưa có thể thừa được, Quốc-chúa bèn tỏ ý Bắc phạt. (1)

(1) *V.B.T.L. chép : « Tháng 3 nhuận, năm Vĩnh-thịnh thứ 12 (1716) Bình, Quý đến Đông-đô, trọ ở chợ Cầu-đông, nhờ Thông-sự là Bảng giới-thiệu, được đến nhà Diên-khánh công, vì giỏi nghề làm thuốc, hai người được giữ lại ở đấy. Bình, Quý lại cùng thầy địa-lý họ Trần là khách của Diên-khánh công, giao du, hỏi biết đại khái tình-hình quân, quốc, quan, dân. Ở 2 tháng, Bình, Quý do Sơn-nam vào Nghệ-an. Bấy giờ Trấn-thủ Lê Thì Liêu cấm ngặt, ai không có giấy hộ-chiếu của các trấn, tỵ cấp thì không được vào châu Bố-chính. Tháng 9, Bình, Quý trở về Đông-đô rồi do đường cũ Lạng-sơn mà về Quảng-đông, rồi do đường biển đi Phú-xuân.*

Năm kỷ-hợi (1719) Quốc-chúa đi thăm dinh Quảng-nam, duyệt binh mã, rồi đến phố Hội-an, thấy chỗ cầu Nhật bản có thuyền buôn các nước tụ hợp, nên đặt tên là cầu Lai-viễn 來遠橋 và viết chữ biển vàng ban cho.

Bấy giờ đường đi qua rừng Hồ-xá (tức truông nhà Hồ) thường có bọn cướp đường ẩn núp, cướp bóc kẻ đi đường, năm nhâm-dần (1722) Nguyễn-khoa-Đăng 阮科登 làm Nội-tán, Quốc-chúa sai ông đi kinh lược nơi ấy. Khoa Đăng bèn tìm cách bắt, trị, cấm trấp rất nghiêm, từ đó trộm cướp hết, truông nhà Hồ không bị cản trở nữa.

Năm quý-mùi (1703) sai quan đốc suất quân lính đắp bờ đập ở kênh Hà-kỳ, từ xã Lai-cách đến xã Thủy-liên, 6 sở, để tiện việc vận tải.

Tộ quốc-công sùng nho, mộ phật, học rộng kinh sử, trứ trước tác, còn để lại nhiều bài thơ giá-trị, từ khi tuổi trẻ đã sẵn đạo tâm.

Vừa lên ngôi, năm nhâm-thân (1692) chúa đã sai sửa Văn-miếu ở Triều-sơn cho rộng thêm, và sai sửa chùa ở núi Mỹ-am (tức núi Thúy-vân ngày nay). 美庵山寺

Năm ất-hợi, chúa sai người sang Quảng-đông rước một cao tăng là Hòa-thượng Thích Đại Sán 大汕 tự Thạch-liêm 石濂 sang để Quốc-chúa quy-y và giảng dạy Phật-pháp cho quan, dân. (Tộ quốc-công có cúng 5000

đồng và gỗ quí để xây cất điện đường chùa Trường-thọ ở Quảng-đông, nay di-tích hãy còn.)

Năm canh-dần (1710) đúc chuông chùa Thiên-mụ, nặng 3285 cân, Chúa thân làm bài minh khắc vào chuông. Năm giáp-ngọ (1714) chúa trùng-tu chùa Thiên-mụ, sai Chưởng cơ Tống Đức Đại trông nom công việc, một năm mới xong, qui mô rộng lớn, có điện Thiên-vương, điện Ngọc-hoàng, điện Đại-hùng, nhà thuyết pháp, lầu tàng kinh, hai bên là lầu chuông, lầu trống, điện thập vương, nhà Vân-thủy, nhà Tri-vị, nhà Thiền-đường, điện Đại-bi, điện Dược-sư, và phòng tăng, nhà thiền, có tới vài mươi sở; đằng sau các nhà phương-trượng trong vườn Côn-gia cũng không kém vài mươi sở. Chúa soạn bài văn, khắc vào bia. Chùa xong, Chúa mở hội lớn, ăn chay một tháng ở vườn Côn-gia, phát tiền, gạo chẩn cấp cho những người nghèo túng. Phiên-vương Thuận-thành là Kế-bà-tử cũng đem con và tướng tá đến dự hội này. Chúa sai người qua Tàu mua kinh Đại-tạng, và Luật, Luận hơn nghìn bộ để ở tự-viện. Năm bính-thân (1716) sửa chùa Kính-thiên 敬天寺 ở Thuận-trạch (thuộc Quảng-bình); năm tân-sửu (1721) dựng chùa Hoàng-giác 皇覺寺 ở xã Hiền-sĩ (nay thuộc huyện Quảng-điền).

Nhân Hòa-thượng Thích Đại-Sán bàn, năm nhâm-ngọ (1702) Chúa sai hai người Trung-hoa là Hoàng Thần, Hưng Triệt đem theo quốc thư và cống phẩm sang nhà Thanh cầu phong, nhưng vua Thanh từ khước vì còn nhà Lê.

Về thi cử, ban đầu, vẫn thi Nhiêu-học, trong các kỳ duyệt-tuyển lớn. Nhưng sau đó thi riêng. Trong khoa thi mở năm Chính-hòa thứ 16 (1695) ngoài các danh mục trúng tuyển như Chính-đồ, Nhiêu-học, Hoa-văn, Thám-phỏng ra, người ta bắt đầu thấy các danh mục trúng tuyển Giám-sinh, Sinh-đồ. Cũng trong năm ấy, sau khoa thi ấy, Chúa mở khoa thi Văn-chức và tam ty tại sân phủ chúa, bấy giờ gọi là thi đình. Thi Văn-chức tuyển người có văn-học, thi tam ty tuyển người làm việc ở ba ty Xá-sai, Tướng-thần-lại và Lệnh-sử. Các khoa thi dời Tộ quốc-công được mở không có định kỳ. Như năm Vĩnh-thịnh thứ 9 (1713) thấy T. L. T. B. chép có hai khoa thi. Tháng 3 mở một khoa, thi lấy Chính-đồ, Hoa-văn ; tháng 8 lại mở một khoa nữa.

Đời Tộ quốc-công, ở biên-thùy và trong cõi, thỉnh thoảng có những cuộc chống đối, cướp bóc ở các bộ-lạc thượng-du, và âm mưu nổi loạn của người trong nước, và đã được dẹp trừ dễ dàng. Năm giáp-tuất (1694) Chưởng-cơ là Huệ 惠 và Thông 聰 (con của Thiếu-sư Nguyễn-phước Diễn 演 mưu nổi loạn. Chưởng-cơ Nguyễn phước Nhuận tố giác. Huệ, Thông và 7 người đồng mưu bị giết.

Năm ất-hợi (1695) ở Quảng-ngãi có người lái buôn tên Linh 靈 (không rõ họ) tụ họp hơn 100 đồ đảng, tự xưng Linh vương tạo chiến - thuyền, đúc binh khí, rồi cùng người Qui-ninh tên Quảng Phú 廣 富 (không rõ họ) hợp nhau ra vào rừng núi, hoành hành

cướp bóc, quan địa-phương không dẹp được, nhân-dân báo lên chúa. Chúa sai dinh Quảng-nam, hợp với hai phủ Quảng-ngãi, Qui-ninh đem binh đi đánh. Khi quan quân đến sơn trại thì Linh đã chết, Quảng Phú trốn vào Phú-yên, bị dân Mọi bắt đem nạp.

Năm kỷ-sửu (1709) phát giác âm mưu nổi loạn của Nội-hữu Phò-mã Tống-phước Thiệu 宋福邵 (con Nội-tả Chưởng-dinh Tống-phước Trí). Bấy giờ Câu-kê dinh Quảng-nam là Hòa Đức 和德 đem quân đi đánh giặc Mọi. Tống-phước Thiệu và Cai-đội Nguyễn-Cửu Khâm 阮久欽 (con Nguyễn-Cửu Ứng) bèn lập mưu : Thiệu sai thuộc hạ là bọn Trinh Nghệ 貞藝 Tường Vân 祥雲 (đều không rõ họ) vào Quảng-nam bí mật liên kết những tay hào kiệt đánh lấy Bình-khương, sau lấy Phú-yên, rồi trở về lấy Quảng-nam, cướp quân của Hòa Đức, thẳng ra Chánh-dinh, phóng hỏa nổi loạn. Nguyễn-phước Thận 阮福愼 cũng dự mưu ấy, đến khi mưu tiết lộ thì lại đem phát giác, tố cáo. Cửu Khâm, Trình Nghệ, Tường Vân đều bị giết, Thiệu bị bãi làm thứ dân và bị giam ở vườn Bát-Khải, Thận bị cách và làm lính.

Năm Đinh-sửu (1697) Mọi ở 5 sách A-la, A-sáp, A-lọc A-manh và A-tô-ngu ở hai nguồn Phù-ầu, Hưng-bình thuộc huyện Phú-vinh (thuộc Thừa-thiên ngày nay) thường xuống bắn giết dân buôn, cướp bóc những dân Mọi nạp thuế. Chúa sai nhân-viên Xá-sai-ty là Đăng (không rõ họ) đem quân đi đánh. Mọi các sách đều chạy trốn, chỉ hai sách A-la và A-sách xin hàng và nạp thuế.

Năm ất-dậu (1705), Tạo Vĩ 造尾 ở Lục-hoàn (Ai-lao) cho quân sang khuấy phá dân biên-thùy, cướp bóc khách buôn, đồn Ai-lao báo lên. Chúa sai Cai-đội Tả-súng Lê. Định 黎定 làm Cai-cơ, Nội Đô-trưởng Châu Nhuận Trung 朱潤忠 làm Cai-đội, đem quân đi đánh. Hai người đến địa-giới Ai-lao vài tháng thì chết, quân phải rút về.

Năm mậu-tí (1708) vì Mọi ở Lũ-bá, Bà-rịa và Mọi Nam-bàn khuấy phá, cướp bóc dân ở biên thùy, Chúa sai Câu-kê dinh Quảng-nam là Hòa Đức đem quân dinh này đi đánh. Năm giáp-ngọ (1714) Mọi Cam-lộ khuấy rối biên thùy, Chúa sai Nội hữu Nguyễn Cửu Thế 阮久世 (con Nguyễn Cửu Ứng lấy công-nữ Ngọc-Phượng) đem quân 5 thuyền Súng-đao của Cựu-dinh đi đánh, bắt được man-trưởng là Trà-xuy và đồ đảng đem về.

Đối với các bộ-lạc dân thượng, cũng như các Chúa trước, Tộ quốc-công vẫn dùng chính-sách phủ dụ, chỉ khi họ khuấy phá biên-thùy mới dùng binh đề trấn áp. Vì vậy nhiều bộ-lạc chịu thần phục và thỉnh thoảng vào cống phương-vật.

Năm tân-mão (1711) vua Mọi Nam-bàn và Trà-lai (Jarai) ở phía tây vùng giáp giới Phú-yên và Qui-ninh, sai sứ đến dâng phương vật, và trình bày rằng dân họ không chịu nạp thuế nên không lấy gì đề cống, xin chúa phái quân đề thị uy. Chúa sai Ký-thuộc là Kiêm Đức 兼德 (không rõ họ), người đã từng đi chiêu dụ

hai mọi ấy và quen thuộc thói tục họ, đem thư đến hiểu dụ các tù-trưởng, cho họ áo sa, áo đoạn và đồ đồng, đồ sứ, lấy nghĩa kẻ trên người dưới khuyên bảo dân Mọi, lại định thuế lệ, khiến phải nạp cho tù-trưởng, dân Mọi nghe lời.

Năm nhâm-thìn (1712) Đốt-vương 咄王 (?) nước Tà-bồn (?) 那盆 sai sứ đến cống. Chúa sai Nội-lệnh-sử đưa thư và cho phẩm vật để ủy dụ.

Sau việc Lê Định, Châu Nhuận Trung đem quân đi đánh Tạo-vĩ, rồi bị bệnh chết ở địa-giới Ai-lao, chúa thấy đất ấy lam chướng, việc dùng binh bất tiện, nên không nói đến chuyện Tạo-vĩ nữa. Đến năm ất-mùi (1715), tù-trưởng Mọi ấy là Chiêu-đồn-không 沼屯空 sai sứ sang cống, và nói bị người nước là Tạo-vĩ bức bách, xin chúa cho quân sang giúp. Có lẽ chúa cũng ngại dùng binh ở chốn núi non hiểm độc mà quân mình chưa hiểu địa-thế nên sai sứ mang thư an-ủi, vỗ-về Chiêu-đồn-không, và xem xét binh-thế, địa-thế xứ ấy.

Năm Vĩnh-thịnh thứ 5 (1709) đúc quốc-bửu, sai Lại-bộ Đồng-tri là Qua Tuệ Thư 戈穗書 coi việc chế-tạo Ấn, khắc «Đại Việt quc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bửu» 大越國阮主永鎮之寶. Ấn ấy về sau các chúa và vua nhà Nguyễn lấy làm vật báu truyền ngôi (1).

---

(1) Đến khi Chúa Duệ-tông chạy vào nam, đem ấn ấy theo. Chúa Duệ-tông mất, để ấn lại cho Thế-tổ Cao-hoàng (vua Gia-long).

Cuối đời Tộ quốc-công, Nam, Bắc nghỉ binh đã nhiều năm, trong cõi yên ổn, nhân dân đông đúc, có cảnh tượng thái-bình.

Năm Bảo-thái thứ 6 (1725) tháng 4, ngày mậu-tí, Tộ quốc-công mất, ở ngôi 34 năm, thọ 51 tuổi, con trai con gái 146 người.

...Bấy giờ binh lửa hơn 20 năm, ấn ấy nhiều lần mất đi rồi lại tìm lại được. Mùa hạ năm nhâm-dần (1782) Tây-sơn đánh Sài-côn, Thế-tổ ra đảo Phú-quốc, Điều-khiển là Ngô Công Quí mang ấn theo sau, đi lạc. Đến khi Châu Văn Tiếp đánh được Tây-sơn, rước Thế-tổ về, Công Quí cũng từ Long-hồ đem ấn về nạp. Đến chiến dịch Ba-lai, quân Tây-sơn đuổi gấp, người mang ấn lội sang sông, chạy, ấn rơi xuống nước, may người đi sau vướng chân chạm phải, lại mò lấy được, đem nạp cho Thế-tổ ở hành tại. Khi Thế-tổ tránh giặc ở đảo Thổ-châu, vua Xiêm sai tướng là Thát-xĩ-đa đem binh thuyền đến mời ngài sang Xiêm. Trước khi đi, vì chưa biết tâm địa người Xiêm thế nào, Thế-tổ mật sai tùng-thần tên là Hựu đem ấn vượt biển lên bờ giấu kín. Đến Vọng-các, thấy vua Xiêm không có ý gì khác, Thế-tổ mới sai người về đảo Thổ-châu đón từ-giả và cung quyến, tên Hựu cũng mang ấn ấy đến nạp. Khoảng năm Gia-long, vua bảo thái-tử (tức vua Minh-mạng) rằng : « Ấn báu này các đời truyền nhau, xưa kia đã trải qua nhiều phen binh lửa, người không chắc còn mà ấn vẫn giữ trọn trước sau, chiếu văn và bổ dụng quan lại đều dùng ấn này, giữ tín trong nước, ai cũng hưởng ứng, ấn này quan hệ với quốc-gia không nhỏ... Từ nay về sau nên lấy ấn này làm vật báu truyền ngôi... » (Dịch T.L.T.B. quyển VIII, Hiển-tông Hiếu-Minh Hoàng-đế).

Công-tử cả nối ngôi, cùng bầy tôi dâng thụy-hiệu là Đô Nguyên-súy Tổng quốc-chính Khoan Từ Nhân Thứ Tộ Minh Vương, táng ở núi Kim-ngọc. Thế-tông truy tôn là Anh Mô Hùng Lược Thánh Văn Tuyên Đạt Khoan Từ Nhân Thứ Hiếu Minh vương, truy tôn phi là Từ Huệ Cung Thục Kinh phi. Năm Gia-long thứ 5, truy tôn là Anh Mô Hùng Lược Thánh Văn Tuyên Đạt Khoan Từ Nhân Thứ Hiếu Minh Hoàng-đế 孝明皇帝 miếu hiệu là Hiển-tông 顯宗, lăng gọi là Trường-thanh 長清, truy tôn phi là Từ Huệ Cung Thục Y Đức Kính Mục Hiếu Minh Hoàng-hậu, lăng gọi là Vĩnh-thanh 永清.

VIII.— Túc-Tông Nguyễn-Phước Trú 肅宗阮福澍 (1725-1738)

Nguyễn-phước Trú là công-tử cả của chúa Hiển-tông mẹ là Tống-thị, sinh năm bính-tí, Lê Chính-hòa năm thứ 17 (1696). Lớn lên có tài văn, võ, được trao chức Cai-cơ, Đĩnh-thịnh hầu ; năm ất-mùi, thăng Chưởng-cơ, làm phủ đệ tại cơ Tả-súng.

Chúa Hiển-tông mất, ông kế vị, các quan tôn là Tiết chế thủy, bộ chư dinh, kiêm Tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự, Thái-phó, Đĩnh quốc-công 鼎國公, hiệu là Vân-tuyền đạo-nhân 雲泉道人, cũng gọi là Ninh-vương 寧王, năm ấy ông 30 tuổi.

Lên ngôi rồi, Chúa miễn một nửa tiền sai-dư và hai phần mười thuế ruộng năm ấy, lại phát tiền kho để thưởng quân sĩ.

Đình quốc-công sửa sang lại việc hành-chánh : giảm bớt số quan viên coi việc thu thuế ở các phủ huyện từ trước đến nay đặt ra rất nhiều và danh sắc rất phiền phức ; sai quan đi tuần xét các phủ xứ Quảng-nam, định rõ chức lệ cho các thuộc (1) mới lập.

Ban huấn điều cho nhân gian khuyên đừng cờ bạc, rượu chè, noi giữ luân thường, đạo lý.

Năm kỷ-dậu (1729) tháng 4, chúa Trịnh Cương ép vua Lê Dụ-tông truyền ngôi cho thái-tử Duy-Phương, đổi niên-hiệu là Vĩnh-khánh, tôn vua Dụ-tông làm Thái-thượng-hoàng. Tháng 11, Trịnh Cương mất, con là Trịnh-Giang 郴 杠 (2) nối ngôi.

Năm Vĩnh-khương thứ 3 (1731) người Ai-lao là Sá-tốt đem quân Chân-lạp vào đánh cướp Gia-định. Chúa sai Thống-suất Trương-phước Vĩnh 張福永 điều-khiển binh các đạo đi đánh. Bấy giờ các dinh ở Gia định mỗi dinh đều có Thủ-tướng 守 將, nhưng không có chức quan thống nhiếp tất cả binh sĩ các dinh, nay chúa khiến binh-sĩ các dinh, trấn ở Gia-định đều thuộc quyền điều-khiển của Trương-phước Vĩnh ; lại đặt riêng một nha ly ở phía nam dinh Phiên-trấn, gọi là dinh Điều-khiển 調 遣 營, chức Điều-khiển đặt từ đấy.

Năm nhâm-tí (1732) Trịnh Giang phế vua Lê (Duy

(1) *Khu-vực hành-chánh ở những nơi gần núi, ven biển gọi là thuộc.*

(2) *T.L.T.B. chép là Trịnh Khương* 樠.

Phương) xuống làm Hôn-đức công, rồi lập con trưởng của Dụ -tông là Duy Tường (1) lên ngôi, đổi niên-hiệu là Long-đức, ấy là vua Thuần-tông. Trịnh Giang tiến phong là Thượng-sư, Uy vương.

Năm ấy, đặt châu Định-viễn 定遠州, lập dinh Long hồ 龍湖營 (tức Vĩnh-long ngày nay).

Năm quý-sửu (1733), đặt đồng hồ (phỏng theo cách thức Tây-phương mà chế, cũng có đồng hồ từ các nước Tây đưa sang, thường là đồng hồ chuông, nên gọi là tự-minh-chung) ở các dinh và các trấn dọc bờ biển. Trước đó, năm tân-mão, (1711) đời chúa Hiền-tông, đã sai châu Bố-chính đặt đồng hồ ở các đường để tính đường xa, gần bao nhiêu, và năm tân-sửu (1731) đã sai quan đem đồng-hồ đi các sở tuần ở thượng đạo, rồi xem thời khắc đồng-hồ để biết mỗi sở đường xa, gần bao nhiêu.

Năm ất-mão (1735) Tổng-binh trấn Hà-tiên là Mạc Cửu mất, Chúa tặng là Khai-trấn Thượng-trụ quốc Đại Tướng-quân, Võ-nghị công, cho con là Mạc Thiên Tứ 莫天賜 làm Đô-đốc, trấn Hà-tiên.

Năm ấy, vua Lê Thuần-tông băng, Trịnh Giang bỏ con trưởng của vua là Duy Diêu mà lập em vua là Duy Thần, đổi niên-hiệu là Vĩnh-hựu, ấy là vua Ý-tông.

---

(1) Duy Tường là con trưởng của vua Dụ-tông, còn Duy Phương là con thứ, nhưng năm đinh-vị (1727) Trịnh Cương lập Duy Phương làm thái-tử.

Năm bính-thìn (1736) vua Chân-lạp là Nặc-Yêm mất, con là Nặc Tha thỉnh mạng triều-đình, Đỉnh quốc-công phong Nặc Tha làm vua Chân-lạp.

Năm mậu-ngọ, Vĩnh-hựu năm thứ 4 (1738) tháng 4, ngày nhâm-dần, Đỉnh quốc-công mất, ở ngôi 13 năm, thọ 43 tuổi.

Công-tử cả nối ngôi, cùng bầy tôi dâng thụy-hiệu là Đại Đô-thống Tổng quốc-chính Tuyên Quang Thiệu Liệt Dĩnh-Ninh vương, táng ở Định-môn. Thế-tông truy tôn là Tuyên-Quang, Thiệu-Liệt, Tuấn-Triết, Tĩnh-Uyên, Kinh-Văn, Vĩ-Võ, Hiếu-Ninh vương, truy tôn phi là Từ-Y Quang-Thuận Thục phi. Năm Gia-long thứ 5, truy tôn là Tuyên-Quang Thiệu Liệt Tuấn-Triết, Tĩnh-Uyên, Kinh-Văn, Vĩ-Võ, Hiếu-Ninh Hoàng-đế 孝寧皇帝 miếu hiệu là Túc-tông 肅宗, lăng gọi là Trường-phong 長豐, truy tôn phi là Từ-Ý-Quang-Thuận-Chiêu-Hiến-Thục-Huệ, Hiếu-Ninh Hoàng hậu, lăng gọi là Vĩnh-phong. 永豐

IX.— Thế-Tông Nguyễn-Phước Khoát 世宗阮福濶 (1738-1765).

Nguyễn phước Khoát là công-tử cả của chúa Túc-tông, mẹ là Trương-thị, sinh năm giáp ngọ, Lê-vĩnh-thịnh năm thứ 10 (1714), đã được phong làm Chưởng-dinh dinh Tiền-thủy. làm phủ đệ tại cơ Tiền-dực ở Dương Xuân.

Chúa Túc, Tông băng, ông kế vị, các quan tôn làm

Tiết-chế thủy, bộ chư dinh, kiêm Tổng nội, ngoại, bình chương quân, quốc trọng sự, Thái bảo, Hiếu quận-công 曉郡公 hiệu là Từ-tế đạo nhân 慈濟道人 người ta gọi là Võ vương, 武王 năm ấy ông 25 tuổi.

Hiếu quận công là người thông-minh, cương-nghị, tham lam, tàn nhẫn, việc gì đã làm thì quả quyết làm (1). Chúa chăm lo việc lại trị, an dân, lưu tâm đặc biệt đến tài hóa quốc-gia, thường sai quan đi tuần sát các dinh trấn, răn trừng các quan chức hữu trách, kiểm tra sự thu chi thuế phú để ngăn ngừa những lạm. Trong đời chúa, nhờ khéo khu xử với Tiêm-la, can thiệp vào nội tình Chân-lạp, ta đã thu trọn đất Nam-Việt ngày nay của nước ấy.

Lên ngôi rồi, Chúa sai lập phủ chánh ở Phú-xuân để dời sang đấy, (bên tả phủ Phú-xuân cũ) ; ngày tân-mùi, tháng giêng năm sau, kỷ-mùi (1739) thì phủ chánh làm xong.

Năm canh-thân (1740), Trịnh Doanh 鄭楹 bắt anh là Uy Vương Trịnh Giang nhường ngôi cho mình, được tiến phong là Minh-đô vương, tôn Trịnh Giang làm Thái-thượng vương. Năm ấy, vua Lê Ý-tông nhường ngôi cho con trưởng của Thuần-tông là Duy Diêu, Duy Diêu lên ngôi, lấy niên-hiệu là Cảnh-hưng, tức vua Hiển-tông, tôn Ý-tông làm Thái-thượng-hoàng.

---

(1) *Theo V.B.T.L.*

Tháng 6, các quan dâng chúa tôn hiệu Thái-phó, quốc-công. Chúa định lại phép thi, sai kiểm tra những món tiền, lúa thuế, và thuế muối. Bấy giờ đã đặt những kho chứa tiền lúa và sản vật ở các địa-phương, để đến kỳ nạp thuế, dân địa-phượng chở đến đấy mà nạp, xứ Thuận-hóa có 7 kho, từ Quảng-nam trở vào Nam có 12 kho, xứ Gia-định chỉ có một kho là kho Tân-định. Chúa cho rằng Gia-định đất rộng, nên lập riêng cho xứ này 9 kho, và đặt quan lại để trưng thu. Chúa biết bọn lại thuộc thừa hành thường gian lận, nên sai quan chia nhau đi kiểm-tra, và ra lệnh cho các địa-phương mỗi năm phải làm sổ kê các số tiền thóc và sản-vật đã thu được, và tên những người biên thu dâng lên.

Năm Cảnh-hưng thứ 3 (1742) đổi phủ Qui-ninh làm phủ Qui-nhân 歸仁府, phủ Diên-ninh làm phủ Diên-khánh 延慶府.

Bấy giờ có cây sung nở hoa, cho là điềm tốt, lại nhân có câu sấm « Bát thế hoàn trung đô 八世還中都 » nghĩa là đến đời thứ 8 thì trở về kinh-đô, nên năm Cảnh-hưng thứ 5 (1744) Hiếu quốc-công định lên vương vị. Bầy tôi là Nguyễn Đăng Thịnh 阮登盛 dâng biểu xin, đại lược rằng : « Chánh danh phận vào lúc cả nước bắt đầu đổi mới, sửa lễ nhạc sau khi chửa đức trăm năm... Bầy tôi sắp hàng mà xin : các sao đã chầu về tử vi (1), mặt trời đã lên đến hoàng-đạo (2). Chỉ với

(1) *Chòm sao tượng trưng ngôi vua.*

(2) *Đường đi của mặt trời, ví với đạo làm vua.*

70 dặm bờ cõi, nhà Thương đã dựng nền huyền-điểu (1) huống hồ 3000 dặm dư đồ, sao còn đứng địa-vị hoàn khuê (2)...»

Bèn đúc ấn quốc-vương. Ngày 12 tháng 4 năm ấy (giáp-tí) chúa lên ngôi vương ở phủ chánh Phú-xuân, xuống chiếu đại xá trong nước.

Từ đó, các danh xưng gì thuộc về chúa đều thay đổi : chỗ ở trước kia gọi là phủ, nay gọi là điện 殿, thần dân khai trình việc gì trước kia dùng chữ thân 申, nay dùng chữ tấu 奏 ; văn thư vẫn dùng niên-hiệu vua Lê, nhưng đối với thuộc-quốc thì xưng là Thiên-vương 天王, trước kia bổ quan lại thì dùng hai chữ thị phó 示付, dưới kiềm dấu Thái-phó quốc-công và dùng ấn Tổng-trấn Tướng-quân, nay dùng ấn quốc-vương, nhưng vẫn dùng hai chữ thị phó hoặc lệnh truyền, nhà thờ tổ tiên trước kia gọi là từ-đường nay gọi là tông-miếu, trước kia con trưởng xưng là Thái công-tử, nay vẫn thế ; trước kia vợ xưng là chánh phu-nhân, nay vợ cả xưng là Tả hành-lang, các vợ lẽ thì gọi là Hữu hành-lang (3) ;

---

(1) Chim đen. Lấy điển bà Giản-địch nuốt trứng chim huyền-điểu rồi sinh ra ông Tiết là tổ nhà Thương, nên người ta gọi nhà Thương là cơ-nghiệp huyền-điểu.

(2) Cái hốt bằng ngọc khuê ; theo kinh Lễ, tước công lúc chầu vua thì cầm hốt bằng ngọc hoàn khuê.

(3) Hai danh xưng Tả hành-lang, Hữu hành-lang chỉ thấy nói ở V.B.T.L.

trước kia bà con dẫu là người rất tin dùng, lúc sống chỉ là Chưởng-dinh, Chưởng-cơ, tước hầu, sau khi chết mới tăng quận-công (1), nay bà con gần được phong quận-công. Lại vì sanh con khó nuôi nên con trai thì gọi là con gái, mà con gái thì gọi là con trai.

Truy tôn huy hiệu các chúa và phi đời trước. Để xứng hợp với một vương-quốc, các cơ-quan chính-quyền trung-ương được tổ-chức lại. Ở Chánh-dinh, chức Ký-lục đổi làm Lại-bộ, Nha-úy làm Lễ-bộ, Đô-tri làm Hình-bộ, Cai-bộ phó đoán sự làm Hộ-bộ ; đặt thêm hai bộ là Binh-bộ và Công-bộ ; thân quân đổi gọi là Vũ-lâm quân 羽林軍 ; Văn-chức đổi gọi là Hàn-lâm-viện ; Chánh-dinh Phú-xuân đổi gọi là Đô-thành.

Để tỏ rằng cả nước mở đầu vận-hội mới, Vương ra lệnh đổi áo mũ, cải-cách phong-tục, châm chước chế-độ các đời trước mà định triều-phục của quan văn, quan võ (quan văn từ chức đứng đầu các bộ đến Chiêm-hậu Huấn - đạo, quan võ từ chức Chưởng-dinh đến Cai-đội, mũ trang sức vàng bạc, áo dùng mãng bào hoặc sô, đoạn, tùy theo cấp bậc), còn quân, dân, trai, gái, cũng thay đổi y-phục theo thể chế Trung-quốc (trước đời Thanh).

Ở Đô-thành, kiến-trúc thêm cung, điện, đền, tạ. Dựng hai điện Kim-hoa, Quang-hoa, ba gác Dao-trì, Triêu dương, Quang-thiên và Tựu-lạc-đường, Chánh-quan-đường

(1) *Theo V.B.T.L.*

đình Thụy-vân, hiên Đồng-lạc, am Nội-viện, đình Giáng-hương ; ở thượng-lưu sông Hương lại có phủ Dương-xuân, điện Trường-lạc, hiên Duyệt võ ; các kiến-trúc ấy đều chạm vẽ rất tinh xảo. Ở vườn Hậu-uyển thì có non bộ đá lạ, hồ vuông, hào cong, cầu vồng, thủy tạ, tường trong, tường ngoài, xây đắp các hình rồng, hổ, lân, phượng, hoa, cỏ.

Bấy giờ phía trên, phía dưới Đô-thành thì nhà quân xá, đệ trạch của các công, hầu, la liệt như bàn cờ. Ngoài thành, chợ phố liên tiếp, cây cối um tùm, thuyền đánh cá, thuyền buôn đi lại như mắc cửi. Phú-xuân trở thành một đô-hội phồn hoa, đẹp đẽ, trước kia chưa từng thấy. Chúa sai các quan có tài văn-chương đề-vịnh các cảnh ấy, tựu trung có Hàn-lâm-viện Nguyễn Quang, Tiền đã sáng-tác nhiều bài thơ đặc sắc (1).

(1) *Lê Quý Đôn trong V.B.T.L. (quyển II) tả Đô-thành Phú-xuân và địa-lý đất ấy như sau: « Đất Phú-xuân thuộc huyện Hương trà, xưa là xã Thụy-lôi, Nguyễn-phước Trăn xưng là Hoằng quốc-công, bắt đầu đặt dinh trấn ở đấy. Đất bằng phẳng như bàn tay, rộng hơn 10 dặm ; ở giữa là Chánh-dinh, đất cao, bốn bên đều thấp, tức là chỗ nổi bật ở giữa đất bằng, ở vị Càn 乾 (tây bắc) trông về hướng tốn 巽 (đông-nam) dựa ngang sống đất (long tích), trông xuống bến sông, đằng trước là quần sơn, chầu về la-liệt, thu hết nước ở bên hữu nên của cải và vật lực giàu thạnh. Từ năm đinh-mão, Chánh hòa thứ 8 đến nay, mới 90 năm, mà (đã thấy) ở trên thì các phủ thờ ở Kim-long, giữa thì phủ trạch, hành lang, dưới thì nhà cửa Phủ-ao. Nguyễn-phước Khoát xưng vương hiệu, đổi tên, đề biển, có hai điện Kim-hoa, Quang-hoa, có các nhà Tựu-lạc, Chánh-quan, Trung-hòa, Di-*

Thời chúa Túc-tông có đúc tiền đồng phí tổn rất nhiều, nhưng rồi dân gian phá tiền lấy đồng làm đồ dùng (như mâm, ống nhổ, lư...), số tiền đồng mỗi ngày mỗi mất lần. Năm bính-dần (1746) theo đề-nghị của người Tàu họ Hoàng, Vương mua kẽm trắng của Tây-dương, mở cục đúc tiền ở Lương-quán để đúc tiền kẽm; từ đó tiền đủ dùng. Nhưng sau lại lẫn kẽm đen, đúc thêm tiền Thiên-minh thông-bửu 天明通寶 vành mỏng, dân gian không thích dùng, nên vật giá vụt cao lên.

Ở bãi Đại-phố 大舖州 (thuộc Trấn-biên) có người Hoa-thương tên là Lý Văn Quang 李文光 thấy hạt nầy

---

...nhiên, đài Sướng-xuân, gác Dao-trì, gác Triêu dương, gác Quang-thiên, đình Thụy-vân, hiên Đồng-lạc, am Nội-viện, đình Giáng-hương, công-đường, trường-học và trường súng. Ở thượng-lưu từ phía nam sông có phủ Dương-xuân, phủ Cam, trên nữa có phủ Tập-tượng, lại dựng điện Trường-lạc, hiên Duyệt-võ, mái nhà nguy nga, đài cao rực-rỡ, tường bao quanh, cửa bốn bề, chạm vẽ khéo đẹp cùng cực. Các nhà đều lát nền bằng đá, trên lát ván kiền kiền, những xối đều làm bằng thiếc để hứng nước. Cây cối có trồng xen cây vả và cây mít, đều to mấy ôm. Vườn sau có núi giả, đá lạ, ao vuông, hào quanh, cầu vồng, thủy-tạ, tường trong tường ngoài đều xây dày mấy thước, dùng vôi và mảnh sành đắp thành hình rồng, cọp, lân, phụng, cỏ, hoa. Ở thượng-lưu và hạ-lưu Chánh-dinh đều là nhà quân sự bày hàng như bàn cờ, nhà của thủy-quân thì ở trên bờ bên kia sông. Xưởng thuyền, kho lúa thì ở các xã Hà-khê, Thọ-khương, trên thượng-lưu. Nhà, vườn của công, hầu, quí-thần thì ở hai bờ thượng-lưu sông Phú-xuân, và hai bên bờ sông

không phòng bị, kết hợp đồ đảng hơn 300 người, tự xưng là Đông-phố đại-vương 東浦大王, dùng Hà-huy 何輝 làm quân-sư, Tạ Tam 謝三, Tạ Tứ 謝四 là Tả, Hữu Đô-đốc, mưu đánh úp dinh Trấn-biên. Bọn chúng sợ Cai-bộ dinh này là Nguyễn Cư Cẩn 阮居謹 võ nghệ giỏi mạnh, nên mưu trừ trước đi. Năm đinh-mão (1747), nhân ngày Tết, đồ đảng của Văn Quang mai phục, đâm Cư Cẩn, quân bộ thuộc của Cư Cẩn nghe tin, đến cứu. Lưu-thủ dinh Trấn-biên là

...con bên hữu Phủ Cam. ở thượng-lưu, hạ-lưu, phía trước hính-dinh, chợ phố liền nhau, đường cái lớn đi ở giữa, nhà cửa chia khoảng tiếp nhau, đều là nhà ngói. Cây to bóng mát, tả hữu thành hàng. Thuyền buôn bán, đò ngang đò dọc, đi lại như mắc cửi . . . . . Thành trấn Phú-xuân thu nước bốn đầm lớn mà tiếp với 4 cửa biển : đằng trước thì đầm Hà-trung chảy ra cửa Tư-dung (tục gọi là cửa Ông lại gọi là cửa Mũ u), đầm Bạc chảy ra cửa biển Cảnh-dương, đầm Sam chảy ra cửa biển Ải-vân, phía tả và đằng sau thì đầm lớn Tam-giang chảy ra cửa Nhuyễn, tục gọi cửa Eo.

Dinh Phú-xuân có 5 lần hồ-thủy (nước ở phía hữu) ôm đằng trước, một là nguồn Hữu-trạch chảy xuống là sông Phú-xuân, hai là sông nhỏ An-nông, ba là nguồn Hưng-bình chảy vào đầm Hà-trung, bốn là nguồn Phúc-ầu chảy qua Cao-đôi mà vào đầm Hà-trung, năm là nước từ đèo Mệt-mỏi chảy xuống bến đò Cảnh-dương. Có ba lần Long-sa (cát ở bên tả) ngăn bên tả : một là phố Thanh-hà ở bên tả cầu sông Lạc-nô, hai là các xã Hồng-phước, Hòa-thuận ở bên tả thượng-lưu sông con ngã ba Sanh, ba là các xã Bình-trị, Thai-dương ở bên tả hạ-lưu đầm Tam-giang thẳng đến cửa Eo.

Nguyễn Cường đem binh dàn ở bờ phía bắc cầu, báo với Cai-cơ đạo Hưng-phước là Tống-phước Đại 宋福大 đem quân đến họp, cùng đánh, bắt được Văn Quang cùng đồ đảng 57 người. Vì chúng là người Tàu, Vương sai giam vào ngục, chưa giết.

Ở Chân-lạp, năm mậu-thìn (1748), Nặc Nguyên (con Nặc Thâm) đem quân Tiêm-la về đánh đuổi vua là Nặc Tha (con Nặc Yêm) mà lên làm vua. Bấy giờ có một số người Chiêm trấn Thuận-thành, sau khi đất đai bị người Việt chiếm cứ, đã chạy sang lưu cư ở đất Chân lạp, gọi là người Côn-man 崑蠻 (cũng gọi là Vô-tì-man). Nặc Nguyên thường đánh cướp người Côn-man. Được tin ấy, Vương cùng quần thần bàn đem binh đánh Nặc Nguyên. Năm quí-dậu (1753) sai Cai-đội Thiện-Chính 善政 (không rõ họ), ký-lục Nguyễn Cư Trinh 阮居貞 đem đại binh đánh Chân-lạp, Nặc Nguyên chạy đến Tầm-phong-thu, Nguyễn Cư Trinh sai thuộc-tướng đến chiêu dụ người Côn-man. Người Côn-man bỏ đất Kha-khâm, đem bộ-lạc và xe cộ đến Bình-thanh ; dọc đường bị quân Châm-lạp đánh úp. Cư Trinh đem binh đến cứu, rồi hộ vệ 5000 người Côn-man về đóng ở chân núi Bà-đinh (1). Vương sai Trương-phước Du 張福猷 thống suất quân-sĩ, dùng người Côn-man làm hướng đạo, sang đánh tận Nam-vang, Nặc Nguyên thua, chạy về Hà-tiên, nương tựa Mạc Thiên Tứ.

Năm Cảnh-hưng thứ 17 (1756) Nặc Nguyên nhờ Mạc

(1) *Tức núi Bà-đen ở Tây-ninh.*

Thiên Tứ làm trung-gian, xin hiến đất hai phủ Tầm-bôn Lôi-lạp, và nạp lễ cống còn thiếu 3 năm trước để chuộc tội. Nguyễn Cư Trinh xin vương nhận lời.

Năm sau, (1757) Nặc Nguyên mất, chú họ là Nặc Nhuận quyền coi việc nước, Vương bắt phải hiến hai phủ Trà-vinh, Ba-thắc thì sẽ nhận cho làm vua. Rể Nặc Nhuận là Nặc Hinh giết bố vợ để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà-tiên. Nhờ Mạc Thiên Tứ xin hộ, Nặc Tôn được Vương sắc phong làm vua Chân-lạp, và dâng đất Tầm-phong-long. Vương sai dời dinh Long-hồ đến xứ Tầm-bào (tức là tỉnh-lỵ Vĩnh-Long ngày nay), đặt đạo Đông-khẩu ở xứ Sa-đéc, đạo Tân-châu ở Tiền-giang, đạo Châu-đốc ở Hậu-giang. Thiên Tứ xin đặt Giá-khê (Rạch-giá) làm đạo Kiên-giang, Cà-mâu làm đạo Long-xuyên, đều thuộc trấn Hà-tiên. Miền đất mà sau nầy gọi là Nam-kỳ đã hoàn toàn thuộc Việt vậy.

Năm Canh-ngọ (1750), tháng 2, sai Nghi-biểu hầu Nguyễn Cư Trinh làm Tuần-vũ phủ Quảng-ngãi, và dặn rằng: «Thuộc lại gian tham, người phải xét trị; hào hữu lấn cướp người phải ức chế; hộ khẩu không đông, ngươi phải làm cho phồn thịnh; nhân dân không kính thuận, ngươi phải giáo hóa; những kẻ gian tà trộm cướp, ngươi phải bắt vào khuôn phép; mọi tình-trạng của quân, nỗi khổ của dân, cho ngươi tùy nghi làm việc, chỉ cầu thanh sự, chớ ngại nhọc nhằn.»

Năm nhâm-thân (1752) sai Cai-cơ kiêm Hình-bộ là Nguyễn Hữu Bác 阮有鎛, Tri-bộ Chánh-dinh là Trần Đình Hý 陳廷憙 làm Khâm-sai tuần sát, dặn rằng : «Nay khí xuân nhuần thắm, ta thiết tha lo nghĩ đến dân, còn sợ các quan phiên trấn vỗ về trái phép, các quan thú lệnh ít kẻ tuần-lương, tình của dân hoặc vì đó chưa thấu đến trên, ân trạch của ta chưa thấm đều đến dưới. Tuyên bố được đức-ý của ta là nhờ hạng bề tôi chí thành. Vậy đặc sai các ngươi đi tuần sát 3 huyện trong kinh kỳ, và các châu, huyện Võ-xương, Hải-lăng, Minh-linh, Lệ-thủy, Khương-lộc, Bố-chính. Phàm quan lại đã bị người ta thưa kiện, các ngươi phải xét hỏi hết ; quan võ từ Cai-đội, quan văn tư Ký-lục trở lên thì tâu lên để định đoạt, Đội-trưởng, Cai-án, Phủ, Huyện trở xuống thì các người theo phép mà xử tội, cốt để thanh trừng quan lại, cho xứng với sự ủy thác của ta. »

Năm quý-dậu (1753) Vương sai Chưởng Thái-giám Mai Văn Hoan 枚文歡 kiểm tra số vàng bạc, và tiền xuất nhập từ năm bính-dần đến năm nhâm-thân, và định lệ từ đây cứ đến hết năm phải kiểm-tra rồi làm thành sổ sách, đến mồng ba tháng giêng năm sau tâu lên.

Về ngoại-giao, vì mới xưng vương, lo củng-cố cảnh nội, Vương giao hảo với các nước lớn như Trung-quốc, Tiêm la, đối với họ Trịnh cũng không muốn gây hấn.

Đối với thiên-tử là nhà Thanh, Vương phải mua lòng, và nhà Thanh đối lại cũng tử tế. Xem việc Lý Văn Quang nổi loạn ở Trấn-biên năm đinh-mão, Vương không giết bọn này, rồi đến năm bính-tí (1756) lại sai đưa Văn Quang và 15 đồ đảng sang giao trả cho Trung-quốc. Ghe thuyền thuộc đất nhà Nguyễn bị gió bão trôi giạt đến hải-phận Trung-quốc được nhà cầm quyền nước ấy giúp đỡ rồi đưa về, và ghe thuyền Trung quốc bị trôi giạt đến hải phận nhà Nguyễn cũng được đối xử như thế.

Đối với Tiêm-la, cũng giao-thiệp tử tế. Mặc dầu Tiêm-la và chúa Nguyễn đều giành nhau can-thiệp vào nội-tình Chân-lạp, và trong hoàng-gia Chân-lạp có hai phe, một phe dựa Tiêm-la (Nặc Thâm, Nặc Nguyên), một phe nhờ Việt (Nặc Nộn, Nặc Yêm, Nặc Tha), hai nước không vì thế mà công-khai tranh chấp.

Năm canh-ngọ (1750), nhân Nặc Nguyên cướp giết người Côn-man, Nguyễn vương sắp đem quân sang đánh, có đưa thư sang vua Tiêm xin đừng dung túng, nếu vua Chân-lạp thua chạy sang Tiêm. Sau đó, quả nhiên Nặc Nguyên thua, nhưng không chạy sang Tiêm mà chạy sang Hà-tiên. Như vậy, vua Tiêm vẫn muốn giao-hảo với Nguyễn vương.

Năm ất-hợi (1755) vua Tiêm sai bầy tôi là Lãng-phi Văn-Khôn và Khu-Sa Lũ-Reo đem thư sang nói Tiêm-la thường sai thuyền sang Hạ-môn, Ninh-ba,

Quảng-đông mua hàng-hóa, có khi bị bão phải ghé vào cửa biển của Nguyễn vương, bị hữu ty đánh thuế đến nỗi lấy mất cả hàng-hóa, vậy xin tính số tiền trả lại, và xin cấp cho 10 tấm long-bài cho thuyền công của Tiêm khỏi bị đánh thuế khi ghé các cửa biển của ta. Vương cho rằng việc đánh thuế là các quan hữu trách chiếu lệ mà thu, có lẽ nào lấy cả hóa vật, người Tiêm nói thế chỉ là muốn được miễn đánh thuế mà thôi, đâu dám đòi ta phải trả lại bạc, còn việc xin long-bài thì cho họ một tấm cũng đủ. Rồi vương sai viết thư trả lời và gửi cho Tiêm một tấm long-bài. Trước đó, thuyền công, tư của ta gặp bão, trôi giạt vào hải-phận Lục-Khôn đều bị nhà cầm quyền Tiêm giữ lại. Các quan ở Gia-định đưa thư sang trách, nhà cầm quyền Tiêm bèn giao trả lại ta 50 người quân và dân.

Đối với họ Trịnh, Nguyễn vương vẫn cự tuyệt để giữ độc-lập, nhưng không muốn họ có cớ để sanh sự. Năm Lê Vĩnh-hựu thứ 4 (1738), Lê Duy Mật 黎維密 (con vua Dụ-tông) đã nổi lên chống họ Trịnh, việc không thành, chạy về Thanh-hóa, Nghệ-an, rồi sang Trấn-ninh, giữ núi Trịnh-quang làm căn-bản. Chúa Trịnh là Trịnh Doanh mấy lần sai quân các đạo đi đánh, không được, năm quý-dậu (1753) đưa thư Nguyễn vương, xin mượn đường Trấn-ninh để tiến quân. Nguyễn vương sai Ký-lục dinh Bố-chính là Nguyễn Cư Trinh làm thư khước từ. Đến năm giáp-thân (1764), Lê Duy Mật sai người đến dinh Ai-lao đưa

thư lên Vương cầu viện. Thư đại lược rằng: « Trước kia, nhà Lê chúng-ta trung suy, họ Mạc soán ngôi, lòng người chán nghịch Mẫng (1), thiên-hạ nhớ họ Lưu (2). Bấy giờ Chiêu-huân tiên công (3) chúng ta xướng lên đại nghĩa, tôn phò nhà Lê, dựa oai trời, dứt họ Mạc, rước vua ở Ai-lao về, lên ngôi ở nước Nam, công trung hưng ấy, còn ai hơn nữa? Họ Trịnh lúc ấy cũng ở dưới cờ, đến năm Thuận-bình trở về sau, mới lộ mưu gian. Từ khi tiên-vương (4) đã vào Nam, họ Trịnh lại càng buông túng.— Ban đầu thì như lửa mới nhen, còn mượn tiếng Tề, Tấn (5) tôn Thiên-tử, đến sau thì như cây gỗ trong ruột sinh mọt, sắp làm Vương (6), Tào (7) cướp ngôi nhà Hán. Niên-hiệu Hoằng-định, Giản-công bị Trần Hằng giết (8), vua Vĩnh-khánh

---

(1) *Vương Mậng.*

(2) *Họ vua nhà Hán.*

(3) *Nguyễn Kim.*

(4) *Nguyễn Hoàng.*

(5) *Tề Hoàn-công, Tấn Văn-công tôn phò nhà Chu.*

(6) *Vương Mãng.*

(7) *Tào Tháo.*

(8) *Trần Hằng giết Giản-công nước Tề, ví với Trịnh Tùng giết vua Kính-tông.*

lên ngôi, Hiếu-hiến bị Đổng-Trác phế (1); Long-đức (2) được tôn, vô cớ mà trúng độc; Vĩnh-hựu (3) được lập, chưa bao lâu mà phải ra khỏi cung. Nhà Lê bị quyền thần họ Trịnh hiếp chế đã lâu vậy. Mật tôi, thẹn mình là con vua, rất căm giận mối thù nước, nhưng thế yếu địch mạnh, nhiều lần cử sự nhưng chưa thành công. Ngày nay ở cố-quốc, trăm họ đều nói nhà Lê là chủ cũ của ta, họ Trịnh là cừu thù của ta; phò Lê diệt Trịnh chỉ còn trông mong ở binh miền Nam đến mà thôi. Vậy xin sớm định cơ nghi, chọn ngày tiến binh, cùng nhau tiếp ứng. Như thế thì giặc nước mới trừ xong, thù chúng ta mới trả được, mà các đấng tiên liệt mới rạng rỡ thêm vậy.»

Chúng ta thấy lời thư rất tha thiết, đáng lẽ đã làm cho Nguyễn vương phải cảm động, nhưng Vương chỉ hậu đãi sứ-giả rồi từ khước.

Các bộ-lạc Man đã qui-thuận từ các chúa trước vẫn tiếp tục vào cống. Năm tân-mùi (1751) hai nước Thủy-xá, Hỏa xá sai sứ vào cống. Năm tân-tỵ (1761) nước Vạn-tượng sai sứ vào cống.

Ở Bắc-hà, từ năm Cảnh-hưng thứ 16 (1755) Minh-đô vương Trịnh Doanh được gia phong làm Thượng-sư Thượng-phụ Minh vương.

---

(1) *Đổng-Trác phế Hiếu-đế nhà Hán, ví với Trịnh Giang phế vua Duy Phương.*

(2) *Tức vua Thuần-tông.*

(3) *Tức vua Ý-tông.*

Cảnh-hưng năm thứ 26 (1765), tháng 5, ngày giáp-ngọ, Vương băng, ở ngôi 27 năm, thọ 52 tuổi. Bầy tôi dâng thụy hiệu là Cần Cương Uy Đoán Thần Nghị Thánh Du Nhân Từ Duệ Trí Hiếu Võ-vương, táng ở núi La-khê. Năm Gia-long thứ 5, truy tôn là Cần Cương Uy Đoán Thần Nghị Thánh Du Nhân Từ Duệ Trí Hiếu Võ Hoàng-đế 孝武皇帝, miếu hiệu là Thế-tông 世宗 lăng gọi là Trường-thái 長泰, truy tôn phi là Ôn Thành Huy Ý Trang Từ Dục Thánh Hiếu Võ Hoàng-hậu, lăng gọi là Vĩnh-thái 永泰.

X—. Duệ-Tông Nguyễn-Phước Thuần 睿宗阮福淳 (1765-1776)

Nguyễn-phước Thuần, còn có tên là Hân 昕, là con thứ 16 của Thế-tông, mẹ là Nguyễn-thị, sinh năm giáp-tuất, Lê Cảnh-hưng năm thứ 15 (1754).

Công-tử cả là Chương 暲 đã mất, Thế-tông lập công tử thứ 9 là Hiệu 昊 làm thế-tử, nhưng đến năm canh-thìn (1760) thế-tử mất, con thế-tử là Dương 暘 thì còn thơ ấu. Thấy công tử thứ hai là Luân hoàng-khảo vua Gia-long thông tuệ, Thế-tông sai Nội-hữu Cai-cơ Trương Văn Hạnh 張文幸 và Thị-giảng Lê Cao Kỷ 黎高紀 dạy học, và thường khiến cùng các quan đại thần dự bàn việc quân, việc nước, ý muốn cho nối nghiệp.

Thế-tông mất, năm ấy công-tử Thuần mới 12 tuổi, quyền thần là Ngoại-tả Đạt quận-công Trương-phước Loan 張福灣 muốn lợi-dụng tuổi nhỏ ấy, cùng Thái-

giám Chữ Đức 褚德 (không rõ họ), Chưởng-dinh Nguyễn Cửu Thông 阮久通 âm mưu, giết Trương Văn Hạnh (1), Lê Cao Kỷ, bắt giam Hưng-tổ, rồi lập công tử Thuần lên ngôi, hiệu là Khánh-phủ đạo nhân 慶頫道人, bấy giờ gọi là Định-vương. Chúa xuống chiếu đại xá, cũng xưng là lên «vương vị».

Trương-phước Loan là con của Quốc-công Trương phước Phàn 張福攀, thuộc một gia-tộc thế-thần ; con gái Phước Phàn là nguyên-phi của chúa Túc-tông, sinh ra Thế-tông. Vì vậy, đời Thế-tông, Loan đã được phụ chính. Theo V. B. T. L thì mẹ Nguyễn-phước Thuần tên là Nguyễn thị Ngọc-Cầu 阮氏玉球 (2), con gái Dận quốc-công Nguyễn-phước Điền 阮福沺. Dận quốc-công là con chúa Hiền-tông, em Túc-tông. Vậy Thế-tông cùng Ngọc-Cầu là anh em chú bác đồng đường. Có lẽ vì thế mà T. L. T. B. và L. T. T. B. chỉ chép «mẹ chúa là Nguyễn-thị, sau cuộc biến năm giáp-ngọ, bà đi tu, năm Gia-long thứ 3 được cho hiệu là Tuệ-tĩnh thánh-mẫu nguyên-sư «慧淨聖母元師» chứ không nói đến sự liên-hệ gia-đình với chúa Thế-tông. V. B. T. L. còn nói : «Mẹ

(1) *V.B.T.L. chép : « Trương-phước Loan sai một trăm tráng-sĩ cầm dao con đứng hầu, gọi Nội-hữu Ý-đức hầu (tức Trương Văn Hạnh) vào triều bàn việc, đã ước hẹn với các tráng-sĩ lấy cây đèn làm hiệu. Ý đức hầu vào triều, sau một lát, Loan ném cây đèn xuống gầm giường, tráng-sĩ xông ra trói Ý-đức hầu, rồi đem giết.*

(2) *Có bản chép là Ngọc Châu 玉珠.*

Phước Thuần và Nguyễn-phước Khoát là anh em đồng đường, nên Thế-tông ngầm nuôi Phước Thuần ở hậu cung, không lập làm kế tử » và « Ngọc Cầu rất tin Trương-phước Loan, vì vậy mới có âm mưu lập Phước Thuần». Cũng vì các mối liên-hệ ấy mà hai con của Dận quốc-công được trọng dụng, con trưởng là Nguyễn-phước Viên 阮福瑗 làm Chưởng Thủy-cơ, con thứ là Nguyễn-phước Nghiễm 阮福嚴 làm Nội-hữu, Chưởng dinh, quản bộ Lại và bộ Binh, lãnh Tả-phủ chưởng-phủ sự dinh Quảng-nam. Nhưng Phước Viên thì thích rượu, bỏ cả công việc, còn Phước Nghiễm thì xa hoa, mê sắc, hậu phòng thường có một trăm mấy chục người, việc đời không biết gì cả, chỉ yến tiệc vui chơi, không để ý gì đến việc nước. Trương-phước Loan tự do hoành hành. Cơ nghiệp chúa Nguyễn vì đó sụp đổ.

Duệ-tông lên ngôi, Trương-phước Loan được thăng làm Quốc-phó, giữ việc bộ Hộ, quản cơ Trung-tượng, kiêm Tàu-vụ. Chúa còn nhỏ, chỉ thích vui chơi, ca hát, Loan tự quyết định mọi việc, bán quan buôn ngục không kiêng nể ai.

Con trai Loan là Thặng 嵊乘 lấy công-nữ Ngọc-Nguyện, con chúa Thế-tông, Nhạc 嶽 lấy công-nữ Ngọc-Đảo cũng con chúa Thế-tông, đều giữ chức Chưởng-dinh, Cai-cơ. Cả nhà Phước Loan quý sủng, quyền thế, át cả trong triều, ngoài quận. Loan càng ngày càng buôn lung,

tham lam, tàn nhẫn, người ta gọi là Trương Tần-Cối. Cầm đầu bộ Hộ và Tàu-vụ, Loan đặt bè đảng là bọn Thái-Sinh 蔡生 giữ những cửa sông, cửa biển trọng yếu để thu thuế. Loan được thu thuế sản vật nguồn Thu-bồn và các nguồn Đồng-hương, Trà-sơn, Trà-vân làm ngụ lộc, mỗi năm thu được 4, 5 vạn quan, còn các món mà chức Hộ-bộ và Tàu-vụ thu được mỗi năm cũng không dưới 3, 4 vạn quan. Thêm vào đó, lại còn bán quan, buôn ngục, Loan trở thành giàu lớn, vàng bạc, châu ngọc, gấm vóc chất như núi, ruộng vườn, nhà cửa, nô bộc, trâu ngựa, thì không biết bao nhiêu mà tính. Loan có biệt thự ở làng Phần-dương, một năm lụt lớn, rương hòm trôi hết, nước rút rồi, đem đồ đạc ra phơi, người ta thấy vàng sáng chói đầy cả sân.

Biết dư-luận không phục mình, Trương-phước Loan bổ hai vị quan đương có danh vọng về chính-phủ trung ương : thăng Nguyễn Cư Trinh, Điều-khiển Gia-định, làm Lại-bộ, khôi phục Nguyễn Quang Tiền 阮光前 (1) làm Hàn-lâm viện. Đến năm đinh-hợi (1767) Cư Trịnh mất.

Cảnh-hưng năm thứ 28 (1767) chúa Trịnh là Trịnh Doanh mất, con là Sâm 森 nối ngôi, phong là Tĩnh-đô vương.

---

(1) *Nguyễn Quang Tiền là người học rộng, hiểu nhiều, lại giỏi thuật chiêm-tinh, lịch số, làm Hàn-lâm viện đời chúa Thế-tông, những văn-thư, từ lệnh thời ấy phần nhiều đều do ông soạn. Năm bính-tý (1756) Chúa sai viết thư cho quan tỉnh Phước-kiến (Trung-quốc) tự xưng An-nam quốc-vương, Quang Tiền không chịu, Chúa giận, bãi chức.*

Năm bính-tuất (1766) được tin vua Tiêm là Phung-vương (Ekathat) sửa soạn binh thuyền sang đánh Hà-tiên, Mạc Thiên Tứ phi báo về dinh Điều-khiển Gia-định xin quân ứng viện. Nhưng rồi vua nước Miến-điện là Mangra sai 2 đạo binh sang đánh Tiêm-la, tàn phá nước này rồi đến đóng trước kinh đô A-du-đa (Ayuthya). Năm sau (7-4-1767) A-du-đà bị hạ, đốt, phá hết. Vua Tiêm (Ekathat) trốn, nhưng bị bắt, rồi chết. Các tướng Miến để lại ở Tiêm một toán quân, còn bao nhiêu rút về, bắt đem theo 30.000 người Tiêm, cả hoàng-gia Tiêm, trong số đó có con vua là Chiêu Đốc-đa ; hai người con khác Chiêu Xi-xoang thì chạy sang Chân-lạp, Chiêu-thúy chạy sang Hà-tiên nương nhờ Mạc Thiên Tứ. Nước Tiêm-la đã gần bị xóa tên trên bản-đồ thế-giới, may có một người tên là Trịnh Quốc Anh, còn gọi là Phi-nhã Tân (Phya Tak) (1) con của một người Tàu Triều-châu tên là Yển, lưu ngụ ở Tiêm, làm chức quan cai-trị đất Mường-tát, (và một người đàn bà Tiêm), tổ-chức quân đội, cương quyết chống đánh, diệt đạo quân Miến, chiếm lại Kinh-đô A-du-đà, rồi năm mậu-tý (1768) tự lập làm vua, đóng đô ở Thanabury, gần Vọng-các. Khi được tin quân Miến tấn công Tiêm, Mạc Thiên Tứ khỏi lo nước này xâm lấn, xin dinh Điều-khiển rút quân ứng viện về.

Trịnh Quốc Anh lên ngôi rồi, đòi nước Chân-lạp tiến cống, vua Chân-lạp là Nặc-tôn cho rằng Quốc Anh không phải chánh-thống, không chịu. Bấy giờ có Nặc Nộn (Ang

(1) *Phi-nhã là một chức quan.*

Non) cháu Nặc Thâm đang lánh nạn ở Tiêm, năm kỷ-sửu (1769), Trịnh Quốc Anh sai tướng là Bôn-ma đem quân đưa Nặc Nộn về nước để giành ngôi vua. Quân Tiêm đến Lô-khu, Nặc Tôn đem quân chống cự, Bôn-Ma đánh mãi không được, phải rút về, bắt một số người Chân-lạp đem đi.

Từ khi Trương-phước Loan chuyên quyền, hình phạt phiền nhiễu, thuế má nặng nề, nhân-dân đều lấy làm khổ sở. Trong khoảng bốn, năm năm tai dị hiện ra luôn: động đất, núi lở, sao sa, nước đỏ, trăm họ đói kém, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Năm kỷ-sửu (1769) Hàn-lâm Nguyễn Quang Tiền nói với nhiều người rằng không quá năm sáu năm nữa ở Quảng-nam sẽ có binh nổi dậy.

Thế mà Duệ-tông cũng chỉ nghĩ đến việc vui chơi, xa xỉ. Năm ấy, sai các châu huyện lập phường chơi xuân, mỗi phường 15 người, mỗi người nạp thuế 1 quan tiền để khi có hội hè thì làm trò vui.

Ở Quảng-ngãi, mọi Đá-vách thường xuống cướp phá, từ thời các chúa trước đã khiến dân Quảng-ngãi lập 6 đạo quân, chia phiên đóng giữ các nơi, dân địa-phương mới được yên. Năm canh-dần (1770), mọi ấy lại xuống quấy nhiễu. Sai Ký-lục Quảng-nam là Trần-phước Thành 陳福成 làm Cai-bộ, tuần thành 5 phủ Thăng-bình, Điện-bàn, Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Phú-yên mưu tính cách đối phó, điều khiển tướng-sĩ, binh dân của 6 đạo quân

Quảng-ngãi, hợp với quân lính hai phủ Qui-nhơn và Phú-yên đi đánh dẹp.

Năm tân-mão (1771), vua Tiêm đem binh đánh hãm Hà-tiên, Mạc Thiên Tứ chạy đến Trấn-giang. Vua Tiêm để tướng Tiêm là Trần Liên ở lại giữ Hà-tiên rồi tự đem quân đánh Chân-lạp, Nặc Tôn chạy, vua Tiêm lập Nặc Nộn lên ngôi vua, Quân Tiêm đóng giữ phủ Nam-vang.

Khi được tin quân Tiêm sắp sang đánh Hà-tiên, Mạc Thiên Tứ đã cáo cấp với dinh Điều-khiển Gia-định, xin binh ứng viện, nhưng Thống-suất Nguyễn Cửu Khôi 阮久魁 cho rằng năm trước Hà-tiên đã báo hão, làm mệt nhọc quan quân, nên không cho quân tiếp viện. Sau khi Hà-tiên thất thủ, Nguyễn Cửu Khôi mời Thiên Tứ đến Gia-định yên ủi, Thiên Tứ dâng thư lên chúa xin chịu tội đã để mất đất, Chúa gửi thư tha thứ, cấp thêm lương, và sai dinh Điều-khiển cho quân đưa Thiên Tứ về đạo Trấn-giang để mưu việc khôi phục Hà-tiên. Vì đã không cứu viện, để mất Hà-tiên, Thống-suất Khôi bị giáng làm Cai-đội, Tham-mưu Nguyễn Thừa Mân 阮承婚 bị triệt về.

Năm nhâm-thìn (1772), sai Nguyễn Cửu Đàm 阮久潭 Trần Phước Thành Nguyễn khoa Thuyên 阮科瞼 Tống Phước Hợp 宋福洽 đi đánh quân Tiêm ở Nam-vang, thắng, vua Tiêm chạy sang Hà-tiên, Nặc Nộn chạy đến Cần-vọt, quân ta lấy lại các phủ Nam-vang, La-bích, Nặc Tôn trở về nước.

Liền sau khi đánh đuổi quân Tiêm ra khỏi Chân-lạp, Chúa sai quan Gia-định lập đạo Trường-đồn (tỉnh Định-tường sau nầy) ở xứ Mỹ-tho, đặt chức Cai-cơ, và Thư-ký. Địa-vực từ Hậu-giang sông Cửu-long ra đến phía đông thuộc chính-quyền chúa Nguyễn kiểm soát từ đó.

Vua Tiêm sang Hà-tiên rồi gửi thư Mạc Thiên Tứ xin hòa, Thiên Tứ từ chối. Vua Tiêm đem quân đi bắt con trai, con gái của Thiên Tứ và Chiêu Thúy đem về, rồi giết Chiêu-Thúy. Năm sau, (1773) Thiên Tứ sai người sang Xiêm xin chịu hòa, vua Tiêm trả lại các con của Thiên Tứ và triệu Trần Liên về, Hà-tiên lại thuộc Thiên Tứ.

Năm ấy, Nguyễn Văn Nhạc 阮文岳 ở Tây-sơn dấy binh. Nhạc người gốc huyện Hưng-nguyên (Nghệ-an); tổ bốn đời thời Lê Thịnh-đức (1653-1657), trong cuộc chiến-tranh, quân chúa Nguyễn đánh Nghệ-an, bị bắt đưa vào cho ở ấp Tây-sơn-nhứt (1), thuộc phủ Qui-ninh. Cha Nhạc là Phước dời đến ở ấp Kiến-thành (2), sinh 3 trai, trưởng là Nhạc, thứ là Lữ 惠, út là Huệ 恵. Nhạc làm nghề buôn trầu, thường đến buôn bán với dân miền thượng ở đất mọi, có lần đi qua núi An-dương được một cái kiếm, cho là thần vật, đem khoe với dân-chúng, nhiều người

---

(1) L.T.T.B. chú: Tây-sơn có hai ấp: ấp nhất và ấp nhì, nay là hai thôn An-khê và Cửu-an.

(2) Thôn Phú-lạc, huyện Tuy-viễn.

tin. Anh em Nhạc theo học với Giáo Hiến 獻. Hiến nguyên là mộn-khách của quan Nội-hữu Trương Văn Hạnh, (làm Thái-phó dạy Hưng-tổ, hoàng-khảo vua Gia-long), sau khi Trương Văn Hạnh bị Trương-phước Loan giết, Hiếu chạy vào Qui-ninh, ngụ ở ấp An-thái, mở trường dạy văn, dạy võ, anh em Nhạc đến học, Hiến biết Nhạc là người có tài. Sau Nhạc làm Tuần biện-lại ở Vân-đồn, vì tiêu hết tiền thuế, bị Đốc-trưng là Đằng 勝 thôi thúc, đòi hỏi riết quá, phải trốn vào núi, làm nghề trộm cướp. Giáo Hiến nuôi sẵn chí báo thù Trương-phước Loan, nói riêng với Nhạc rằng. «Có lời sấm nói — « tây khởi nghĩa, bắc thu công 西起義，北收功»— anh là người ở Tây-sơn, vậy hãy gắng lên!» Nhạc tin lời, lấy làm mừng.

Năm tân-mão (1771), Nguyễn Văn Nhạc lập đồn trại ở đất mọi, chiêu nạp những người vong mạng, hạng người hung hãn, vô lại theo về nhiều lắm. Bấy giờ, quốc phó Trương-phước Loan đương chuyên hoạnh, ai nấy giận ghét; lại gặp năm mất mùa, nhân-dân đói kém, Nhạc thường ăn cướp của nhà giàu đem giúp kẻ nghèo để mua lòng người. Có người giàu có là Huyền Khê 旳渓 xuất của ra giúp Nhạc; lại có thổ-hào là Nguyễn Thung 阮椿 đến theo, đồ đảng của Nhạc càng đông, cho ra cướp bóc các nơi, quan địa-phương không chống chế được. Lúc ấy trong triều và ngoài dân gian ai cũng chán ghét chế-độ hiện tại và khuynh về hoàng-tôn Dương 皇孫暘, anh em Nhạc bàn với nhau rằng Trương-phước Loan công khai ăn hối lộ, việc triều-chính hỗn loạn, ta cứ binh trừ đi rồi lập

hoàng-tôn Dương là người thông-minh, nhân-hậu, để an vương thất. Rồi truyền-bá ý định ấy ra dân-gian, ai cũng tin là thật. Từ đó, binh của triều-đình người ta gọi là binh của quốc-phó, binh của Tây-sơn thì được gọi là binh của hoàng-tôn, và bấy giờ có câu «binh triều binh quốc-phó, binh ó binh hoàng-tôn» (binh Tây-sơn lâm trận thường la ó), có lẽ cũng do anh em Nhạc đặt ra để tuyên-truyền cho binh mình.

Năm Cảnh-hưng thứ 34 (1773), Nguyễn Văn Nhạc đánh chiếm ấp Kiến-thành, xưng là Đệ nhất trại chủ, cai quản hai huyện Phù-ly và Bồng-sơn ; Nguyễn Thung xưng là Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy-viễn (1), Huyền Khê xưng là Đệ tam trại chủ, quản trị việc quân lương. Để mượn thêm lực lượng bên ngoài và gây thêm vây cánh bên trong, Nhạc mật ước với nữ-chúa Chiêm-thành tên là Thị Hỏa 氏火, bấy giờ đóng ở trại Thạch-thành, cùng làm thế ỷ-dốc (2), và chiêu dụ được hai tay cướp núi mạnh dạn ở nguồn An-tượng là Nhưng Huy 仍輝 và Tứ Linh 四靈 (3). Theo L.T.T.B. tháng 2, Nhạc sai Nguyễn Thung và Nhưng Huy, Tứ Linh đem một toán quân nhân lúc ban đêm về đánh phủ-lỵ Qui-nhơn ; bị đánh thình lình, quân dân hoảng chạy, Tuần-vũ là Nguyễn

(1) *Sau này Nguyễn Thung bị Nhạc giết.*

(2) *Sau này Thị Hỏa bị quân của Tống-phước Hợp giết.*

(3) *Hai người này sau bị Nhạc giết.*

Khắc Tuyên 阮克宣 bỏ trốn. C. M. nói rằng Nhạc là người có nhiều cơ-trí, một hôm vào ngồi trong cái cũi, bảo người khiêng đến phủ-lỵ trình với Khắc Tuyên là bắt được Nhạc đem nạp, Khắc Tuyên tin là thật, cho khiêng cũi vào thành. Đêm ấy, đồ đảng của Nhạc lén đến ngoài thành, Nhạc phá cũi, mở cửa thành cho chúng vào, đốt dinh trại, giết tướng, chiếm thành. Nhạc lại đem binh đến Cần-dương, Đạm-thủy (nước ngọt), cướp đoạt hai kho lúa ở đấy. Đốc-trưng Đằng và Khâm-sai Lượng đều chạy, Nhạc đuổi theo, giết Lượng, giết Đằng và tru di cả họ Đằng. Chiếm Qui-nhơn rồi, Nhạc thả tù, bắt dân làm lính, lập cờ hiệu Tây-sơn, chia quân làm 5 đồn Tiền, Trung, Tả, Hữu, Hậu, rồi đem tiến ra, đến Quảng-nam. Tin báo về Phú-xuân.

Chúa sai bọn Chưởng-cơ Nguyễn Cửu Thống 阮久統 (con Nguyễn Cửu Thông, lấy công-nữ Ngọc Huyên), Nguyễn Cửu Sách 阮久策 (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy công-nữ Ngọc Anh), Cai-cơ Phan Tiến 潘進, Cai-đội Nguyễn Vệ 阮衛 Tổng-nhung Tống Sùng 宋崇, Tán-lý Đỗ Văn Hoảng 杜文晃 đem quân đi đánh, không được; Sùng và Hoảng đều tử trận. Bấy giờ trong nước vô sự lâu ngày, tướng sĩ không quen trận mạc, nên khi phải đi đánh, phần nhiều tìm cớ để xin miễn, Trương-phước Loan ăn của đút lót, sai thay người khác, người bị sai sau xin thay không được, sinh oán giận, binh-sĩ đều bất bình nên ra trận là chạy ngay. Do đó, thế địch càng thịnh. Bọn Hoa-thương vô lại là Tập Đình 集亭, Lý Tài 李才 (đều không rõ họ) đem đồ đảng theo Nguyễn văn Nhạc,

Quân Tập Đình xưng là Trung-nghĩa quân, quân Lý Tài xưng là Hòa-nghĩa quân, lại lấy những người dân cao lớn, cho cạo tóc, gióc bím, giả làm người Tàu, khi đánh thì uống rượu say, cởi trần, cổ đeo giấy vàng bạc để tỏ ra là sẽ chết, liều mạng xông trận, quân chúa Nguyễn không ai dám đối địch.

Công-tộc, đại-thần phần nhiều đều giận Loan, muốn trừ đi, bí mật sai Hàn-lâm Ngô Đình Thứ 吳廷恕, Tri-phủ Trần Giai 陳佳 dùng trộm ấn của Loan, viết mạo một bức thư Loan gửi cho Nguyễn văn Nhạc, rồi đem bỏ ngoài đường. Tham - mưu Tá 佐 (không rõ họ) bắt được, đem trình với Nội-tả Chưởng-cơ Nguyễn-phước Văn 阮福文 (1), Văn đem trình chúa. Loan nghi bức thư ấy do Tham-mưu Tá làm ra, bắt Tá giam rồi giết; lại vì thế mà oán Văn, giả một bức thư của Nguyễn văn Nhạc nói Văn cùng Nhạc thông mưu, rồi khiến người tố cáo Văn làm phản. Thấy Loan sai tra xét để trị tội rất gấp, Văn sợ bỏ trốn, Loan sai Cai-đội Nguyễn-phước Hưng đuổi theo bắt được, đem dìm chết ở phá Tam-giang.

Đạo quân xuất trận đầu tiên, mặc dù Nguyễn Cửu Thống tử trận, vẫn đánh ở Quảng-nam. Tháng 12 năm ấy, sai Cai-đội Nguyễn-phước Hương làm Tiết-chế, đem quân tiến đến núi Bích-kê (thuộc phủ Qui-nhơn), bị Lý Tài và Tập Đình phục binh giết chết, dư quân tan vỡ. Nguyễn

(1) *Nguyễn-phước Văn là con thứ ba của Thế-tông, anh Duệ-tông.*

Văn Nhạc tiến ra chiếm phủ Quảng-ngãi, Cai-cơ Nguyễn-phước Bản 阮福斌 chống đánh không được, đem quân về. Nguyễn Văn Nhạc lại sai quân đánh lấy các phủ Diên-Khánh, Bình-khương. Thế là từ Quảng-ngãi trở vào nam đến Bình-thuận đều bị quân Tây-sơn chiếm cả.

Ở Quảng-nam thì quân Chúa đánh mãi với quân Tây sơn, không thắng được, may nhờ Cai-đội Nguyễn Cửu Dật 阮久逸 (con Nguyễn Cửu Pháp) một đêm cho người đốt nhiều đuốc trong rừng để làm nghi binh, rồi đem quân đánh úp quân Tây-sơn ở kho Mỹ-thị, quân Tây-sơn tưởng là có đại binh đến, sợ chạy tan cả.

Tháng giêng năm sau, giáp-ngọ (1774), sai Chưởng-cơ Nguyễn-Phước Thăng 阮福昇 (con Luân quốc-công Nguyễn phước Tứ) điều bát các quân vào Quảng-nam, chống đánh, nhưng Thăng thấy thế giặc lớn, ban đêm chạy về.

Tháng 4, Điều-khiển Gia-định là Nguyễn Cửu Đàm ủy Lưu-thủ dinh Long-hồ là Tống-phước Hợp và Cai-bộ Nguyễn Khoa Thuyên đốc suất tướng sĩ 5 dinh Bình-khương, Bình-thuận, Trấn-biên, Phiên-trấn, Long-hồ và đưa hịch mộ thêm quân ứng nghĩa các đạo, quân thủy, lục đều tiến ra, đánh bại được quân Tây-sơn, thu lại ba phủ Bình-thuận, Diên-khánh, Bình-khương, rồi đóng ở Hòn-khói (thuộc Bình-khương) để chống giữ.

Sau khi Nguyễn-phước Thăng chạy về, Chúa lại sai Chưởng-dinh Nguyễn-phước Nghiễm 阮福嚴 đem đại binh vào Quảng-nam thu thập tàn quân để chống đánh.

Tháng 5, Trấn-thủ Nghệ-an là Đoan quận-công Bùi Thế Đạt 裴世達 đệ lên Tĩnh-đô vương Trịnh Sâm tờ báo cáo của Trà-vũ bá, tướng giữ Bố-chính, nói về tình-hình rối loạn Thuận-hóa. Bấy giờ chúa Trịnh đã dẹp yên loạn Hoàng Công Chất ở Hưng-hóa, đánh được Lê Duy Mật ở Trấn-ninh, nhuệ-khí đương hăng, lại biết rõ họ Nguyễn suy yếu, Thuận-hóa có thể lấy được, nên đọc xong tờ khải của Bùi Thế Đạt, đương đêm cho triệu Chưởng-phủ Đại Tư-đồ quốc-lão Việp quận-công Hoàng Ngũ Phước 黃五福 (đương nghỉ việc ở nhà) và Tham-tụng Đại Tư-đồ Xuân quận-công Nguyễn Nghiễm 阮嚴 vào bàn việc đánh Thuận-hóa. Hai vị đại-thần đều tán thành.(1) Liền sai Hoàng Ngũ Phước làm Thống-suất bình Nam Đại Tướng-quân ; sai Bùi Thế Đạt làm Kiêm đốc-suất bình Nam đại Tướng-quân đi kinh-lược trước. Các tướng Hoàng Phùng Cơ 黃馮基 Hoành Đình Thể 黃廷體 đều thuộc quyền điều-khiển của Việp quận-công. Lại hạ lệnh cho Nguyễn Lệ Hoàng Đình Bảo 黃廷寶 lệ thuộc đạo quân viễn chinh. Tĩnh-đô vương biết rằng vùng Thuận-hóa luôn mấy năm mất mùa, đói kém, không thể thu thóc gạo ở nhân-dân được, nên trù tính việc cung-cấp binh lương như sau : đặt 3 trường-sở lương-thực ; trường sở Sơn-nam đặt ở Mỹ-lộc giao cho bọn Ngô Đình Diễn quản

---

(1) Có thuyết nói rằng Nguyễn-phước Văn, con Nguyễn-phước Dục giận Trương-phước Loan, lén ra mách bảo việc Thuận-hóa với chúa Trịnh, nên chúa mới cử binh.

lãnh, bắt tứ trấn đong thóc trong hạt, giả thành gạo, hợp với số lương chứa trong kho, rồi do đường thủy chở vào Nghệ-an ; trường-sở Nghệ-an đặt ở Hà-trung, giao cho bọn Đoàn Nguyễn Thục quản lãnh, bắt mua thóc gạo nhà giàu trong hạt, hợp với số lương của trường-sở Sơn-nam, rồi hoặc do đường thủy hoặc do đường bộ, chở vào Quảng-bình ; trường-sở Quảng-bình đặt ở Động-hải, sai bọn Ngô Dao dự bị, xếp đặt, điều-khiển việc vận tải các lương-thực ấy để cung-cấp cho binh-lính. Việp quận-công lãnh tượng-sĩ 23 dinh và binh thủy, bộ các đạo Thanh, Nghệ và đông-nam (V.B.T.L. nói là 3 vạn quân) đến đóng ở Dinh Cầu (tức dinh Hà-trung) đưa thư chúa Nguyễn nói vì nghĩa thân thích và nhiều đời có công nên đem quân vào giúp để diệt giặc. Chúa Nguyễn đáp thư, rồi sai Tống Hữu Trường 宋有長 làm Thống-suất đạo Lưu-đồn, Nguyễn-phước-Tiệp 阮福捷 làm Trấn-thủ dinh Bố-chính để chống đánh quân Trịnh.

Thấy thế quân Tây-sơn càng mạnh, tháng 7, Chúa sai Chưởng-dinh Nguyễn-phước-Kỉnh 阮福暻 (1) quyền coi việc nước để chúa thân chinh. Thuyền Chúa đóng ở cửa biển Tư-dung, sai Trương-phước-Loan luyện quân ở núi Quy-sơn.

Tháng 9, quân Trịnh đến châu Bắc Bố-chính. Tri-phủ Trần Giai chạy sang với quân Trịnh, làm hướng đạo, được Việp quận-công cho coi quân hậu-đạo (2). Việp

(1) *Con thứ 7 của Thế-tông.*

(2) *Sau này Trần Giai bị quân Tây-sơn bắt được, kể tội rồi giết.*

quận-công sai thuộc-tướng là Nguyễn Ngô Dao 阮吳瑤 đem quân đóng ở xã Đại-đan để phô trương thanh thế.

Chúa đóng ở Tư-dung, đến tháng 9 thì nhận được thư từ Bố-chính gửi về cáo cấp. Chúa liền triệu Nguyễn-phước Nghiễm từ Quảng-nam về, cùng chúa trở về kinh-thành, sai Nguyễn Cửu-Dật làm Tả-quân Đại-Đô-đốc lãnh quân thủy, bộ ở lại Quảng-nam chống cự quân Tây-sơn. Nguyễn Cửu Dật ở đấy đánh với quân Tây-sơn 10 trận, biết liệu thế địch mà tìm cách công-kích, quân địch rất kiêng.

Việc nước đương hiểm nghèo như thế, mà ở Thuận-hóa năm ấy đói to ; tháng 10, gạo một cáp 合 giá đến một tiền, ngoài đường thấy có xác người chết đói, người một nhà có khi phải ăn thịt nhau.

Việp quận-công đến Bắc Bố-chính rồi, sai người liên-kết với bọn biền-lại giữ biên-giới của Nguyễn, đến tháng 10, ban đêm đem quân lẻn qua đò sông Gianh, sáng sớm hôm sau, quân-sĩ lên bờ, đóng ở xã Cao-lao. Nguyễn-phước-Tiệp Trấn-thủ dinh Bố-chính, sai Cai-đội Quý Lộc 貴祿 (không rõ họ) và Câu-kê Kiêm Long 兼隆 (không rõ họ) đến khao quân để làm kế hoãn binh, và nói : « Giặc Tây-sơn tất chết, không phải nhọc đến quân Trịnh. » Việp quận-công sai người bí-mật giao thiệp với hai người này. Kiêm Long nói : « Lộ bất hành, bất đáo ; chung bất khấu, bất minh » (nghĩa là đường không đi thì không đến, chuông không đánh thì không kêu)

Ngũ Phước hiều ý, bèn tiến quân đến dinh Bố-chính. Trấn-thủ Nguyễn-phước Tiệp và Ký-lục Bảo-Quang 葆光 (không rõ họ) lui giữ lũy Đồng-hồi. Việp quận-công sai tướng là Hoàng Đình Thể tiến quân sát lũy Trấn-ninh, Cai-đội mã-quân là bọn Hoàng Văn Bật 黃文狒 Lê Thập Thí 黎十試 làm nội ứng, mở cửa đồn ra hàng, quân Trịnh đánh trống, reo hò, tiến vào. Tướng giữ đồn là Tống Hữu Trường (1) bỏ chạy. Hoàng Ngũ Phước bèn sai san phẳng lũy Trấn-ninh. Quân Trịnh tiến chiếm dinh Quảng-bình, Trấn thủ là Liêm Chính 廉政 (không rõ họ) cùng Nguyễn-phước Tiệp đều chạy trốn.

Thanh đô-vương Trịnh Sâm thấy Hoàng Ngũ Phước đem quân đi vào quá sâu đất địch, cũng e ngại, nên tự cầm quân đến biên-giới để viện-trợ thanh thế. Tháng 11, Trịnh Sâm tâu vua Lê làm lễ cáo Giao, Miếu, và xuống dụ thiên-hạ rằng : «*Các xứ Thuận-hóa, Quảng-nam ở nơi ven biển, năm trước tướng giữ là Phước Nguyên cậy thế hiểm xa, dám cầm quân không chịu vào chầu, dòng giỏi là Phước Tần lại đóng cửa, không chịu theo mạng lệnh. Trải qua các triều, vừa đánh dẹp, vừa vỗ-về, chỉ tỏ ý ràng buộc, đã từng đóng quân ở Kỳ-hòa, lập đồn ở Bố-chính. Cũng muốn treo cờ ở ải Hải-vân, cho ngựa uống nước ở sông Bình-giang (2) nhưng thế*

---

(1) *Đó là theo C.M., theo T.L.T.B thì tướng giữ lũy Trấn-ninh là bọn Luận Chính 論政 Thành Tín 誠信 (đều không rõ họ) đều hàng, còn Tống Hữu Trường thống suất đạo Lưu-đồn, Hoàng Ngũ Phước đến, Hữu Trường bỏ chạy.*

(2) *Sông ở huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình.*

chưa thừa được, còn phải chờ đợi. Ta nay nối theo mối cả, mong mở rộng mưu xưa, nghĩ rằng bốn cõi hơi yên, trăm họ chưa giàu, nên chỉ muốn nuôi dân không muốn động binh. Nhưng dòng ngụy là Nguyễn-phước Thuần hèn yếu, không biết gì, ngụy quốc-phó là Trương-phước Loan chuyên quyền, buông túng, chính-trị phiền hà, thuế khóa nặng nề, dân-chúng phản, kẻ thân lìa, giặc man xâm lăng, sinh dân khốn khổ, ấy chính là cơ-hội để đánh kẻ yếu, tối, lấy nước suy loạn. Vậy sai Việp, quận-công thống-suất tướng sĩ ra biên-thùy, lại còn đưa thư bày tỏ, mong nó biết cải ngộ thì sẽ bao dung, cốt tỏ lòng yêu vỗ người xa, cho hợp đức háo sanh của Thượng-đế. Nhưng nó vẫn không tỉnh ngộ, bị che lấp quá sâu, nên biến trá trăm đường, tội không tha được. Vậy phải thân đem đại quân, thay trời phạt tội, chia sai các tướng, thẳng đến Ô-châu, tùy thế ứng cơ, tuyên-bố đức chính để giết giống nghịch cường lương; cứu dân tàn đường trông ngóng. Nghĩ các phủ, huyện hai xứ, vốn thuộc bản đồ, chìm đắm cõi khác đã hơn trăm năm, nay lòng trời mở kỳ hợp lại, tổ tông ban vui cứu an, cho nên tiếng quân đến đâu thì hang núi đều vui, giỏ cơm bầu nước đầy đường (1), hào nóng, thành vàng (2) không còn nguy hiểm. Lưới săn giăng bốn mặt, cưu cánh (3) phải cùng đường, oai võ vang trời, tiếng nhân dậy biển. Người

---

(1) Dân ở xa xôi cũng mang theo giỏ cơm bầu nước để đi đón tiếp.

(2) Kim thành, thang trì 金城湯池 là thành bằng loài kim rất kiên cố, nước hào nóng như sôi không thể đến gần, chỉ thành-trì rất kiên cố, không thể đánh lấy được.

(3) Chim cưu ăn thịt mẹ, con cánh ăn thịt cha, dùng để ví với người vô nhân nghĩa.

họ Nguyễn bị bắt cũng thương là giòng dõi thế huân mà không bắt tội cũ, vẫn vỗ-về để được toàn sinh».

Rồi Thanh-đô vương chia binh-sĩ làm bốn đạo, sai Phạm Huy Đỉnh làm Tiền Tướng-quân, Trương Khuông làm Hậu Tướng-quân, Nguyễn Nghiễm và Lê Đình Châu làm Tả Tướng-quân và Hữu tướng, quân, tự mình thống suất Trung-quân, cùng tiến vào Nghệ-an, đóng ở Hà-trung.

Tháng ấy (11), Hoàng Ngũ Phước tiến quân đóng ở bến Hồ-xá, truyền hịch, đại lược nói : « *Tả tướng Trương-Phước Loan khí cục nhỏ hẹp như cái tiêu, cái đấu, lòng dạ gian tà như quỷ như ma. Nhờ cậy tình thân khuê-khổn, trộm được chức quan cơ-yếu. Tin dùng kẻ gian trái, hãm hại bậc trung lương. Ly gián người cố cựu, thân thích, mưu kế lập đảng kết bè. Giành quyền, nạp đảng, chỉ tính giàu có cho mình. Giết người này lập người kia, bên nách mà có lang sói. Buông độc hại, vẻ mũ xiêm mà như thú, như cầm. Nặng thuế-khóa, hút cạn máu mũ dân, bớt lương quân để cắt nanh vuốt. Chính-sự cấp bách như lông mày bị đốt, hình phạt nặng nề dường mắt bị đâm. Tự làm dân oán, gây thành mối loạn. Đến nỗi Tây-sơn là bọn dân hèn, tụ hợp như đàn ong, lũ kiến, chiếm đất Quảng-nam màu mỡ, nhanh chóng thế như lợn sổ chuồng, lang chạy rông. Làm cho thế giặc mạnh, như quạt lửa cháy ngất trời, xô dân biên giới vào chốn lầm than. Vì vậy, nhân lúc dân-chúng đương mong được sống, kéo đạo quân đầy sinh lực, trước trừ đứa cường thần, sau dẹp kẻ giặc kiệt hiệt. Trừ tàn khử bạo, để bảo vệ nước họ hàng trong lúc gian nan. Giữ gìn giềng mối để diên trường*

giòng dõi tiên-vương. Giúp hoạn nạn thực do nghĩa cử, chứ không phải vì tham tâm mà thừa lúc nguy nan.»

Được hịch ấy, Ngoại-hữu Chưởng-dinh Nguyễn Cửu Pháp 阮久法, Tiết-chế thủy, bộ binh Nguyễn-phước Huống 阮福晃 (1) cùng nhau lập mưu bắt Trương-phước Loan đem nạp ở quân dinh Hoàng Ngũ Phước, và giam Hộ-bộ Thái-sinh vào ngục. (Sau Thái-Sinh chết). Quân, dân đem nhau phá cướp nhà Loan, lấy hết của cải. (3)

Trong dịp đem nạp Trương-phước Loan, chúa Nguyễn cũng gửi tờ biểu lên vua Lê, tờ khải lên chúa Trịnh, thư cho Việp công, dâng vua 30 nén (3) vàng, chúa

(1) *Con thứ 4 của Thế-tông.*

(2) *V.B.T.L. chép : « Nguyễn-phước Thuần sai Tham-mưu Lê Công Bình đưa Loan do đường thủy đến nạp ở hành dinh... Con Loan sai đem biếu tỳ-tướng của Việp quận-công tên là Tạo Nhuận 30 nén vàng để cầu chu toàn. Mùa xuân năm ất-mùi, Việp công vào Phú-xuân, giao giam Loan ở phía tả nội dinh. Lại nhờ Tuân-thọ hầu nạp 30 nén vàng, 200 nén bạc (mỗi nén là 20 lượng) để xin chuộc tội. Lại thường biếu riêng vàng, bạc, bửu vật, kể cùng hàng nghìn. Mùa xuân năm bính-thân truyền giải về kinh, lại riêng xin hoãn, hối lộ cho tôi (Lê Quý Đôn) 2 nén vàng, cho dịch-mục 5 nén bạc, chúng tôi đều khước từ. Hỏi sao còn nhiều vàng thế, thì nói đó là cầm bán ruộng vườn. Mùa đông năm bính-thân, Loan bị đưa về Thăng-long, chết dọc đường.*

(3) *Dật 鎰 ta dịch « nén » là 20 lượng (có sách nói là 24 lượng).*

Trịnh 20 nén, và Việp quận-công 200 lượng (1).

Tờ biểu như sau : «Thuận-hóa, Quảng-nam đẳng xứ biên-thần Phước Thuần cẩn tấu Hoàng thượng vạn vạn tuế :

Mùa thu năm ngoái, Tây-sơn nổi loạn, chưa chịu qui hàng, mong nhờ Hoàng-thượng thương đến giòng dõi huân-thần, sai quan đến làm thanh viện, nay đã hơi bình phục, ấy cũng nhờ ơn của thánh minh và sức của các công. Vậy kính cẩn dâng lễ mọn gọi là bái tạ, để đáp lại lòng nhân như trời che đất chở, và lượng rộng như biển chứa xuân nuôi. Lòng run rẩy, muôn trông chuẩn nạp. Thần thực sợ, thực e, xiết bao cảm kích. Cẩn tấu dâng lên vàng mười 30 nén.»

Tờ khải như sau : «Thuận-hóa, Quảng-nam đẳng xứ biên-thần Nguyễn-phước Thuần cẩn khải :

Vương thượng thông minh soi xét, nhà thần gặp lúc không may, con dỏ lộng binh, mong nhờ vương thượng đoái tình thích-thuộc, sai quân làm thanh viện, nay Quảng-nam đã lấy lại được, đảng cướp hơi yên, ấy cũng nhờ sức cứu vớt, phò trì của vương-thượng. Dám dâng lễ mọn, tỏ chút lòng thành, để đáp ơn bao dung, che chở, cúi mong thu nạp. Thần xiết bao trông ngóng, Cẩn khải. Kính dâng vàng mười 20 nén.»

---

(1) Theo V.B.T.L. thì có biếu Việp quận-công 200 lượng vàng, nhưng không thấy nói trong thư gửi cho Việp quận-công dưới đây.

Tờ biểu, tờ khải, và thư gởi cho Việp quận-công sau đây là trích dịch ở V.B.T.L., T.L.T.B. và C.M. không nói đến các văn-kiện ấy. Theo V.B.T.L. thì chúa Duệ-tông xin nạp bản đồ, xin giữ chức cống, nhưng lẽ nào một việc quan-trọng như vậy mà không nói trong tờ biểu, tờ khải này.

Thư gửi Việp quận-công như sau :

« *Thuận, Quảng đẳng xứ thiềm quốc-thích Nguyễn-phước Thuần kính trình thượng quốc Thượng Tướng-quân quốc-lão đài soi xét. Từ trước, tiên công được phong vào trấn, cho đến sáu bảy đời nối chức giữ việc, hơn 200 năm bờ cõi được yên, không nói đến việc quân, ấy cũng nhờ vương-thượng thương đến giòng dõi huân-thần, không nỡ gắt-gao hỏi đến phú cống, lòng nhân che chở sánh với trời cao. Vương-thượng đoái tới đồng tông thích-thuộc, không nỡ trông thấy điêu tàn, công đức bao dung như trời, khó hình dung được. Nhờ đó, dân Thuận, Quảng đều yên nghiệp, cày ruộng, đào giếng làm ăn, không chuộng can qua, ấy là dân đen miền nam cũng nhờ sự chu toàn của thượng quốc vậy. Nay thiềm chức còn trẻ mỏ mà làm việc, việc binh, việc chính đắc thất, dân gian tật khổ, chưa từng trải qua, sợ hãi như cầm dây cương mục nát mà đánh xe sáu ngựa, thấy Trương Đạt (tức Loan) vốn là người thân thích, tuổi tác, lại làm bảo-phó, mọi việc đều phó thác, không nghi ngờ. Không dè Trương Đạt là đứa tiểu nhân, lại dùng bọn giúp việc làm tay sai, tự ý ngang dọc, hút hết mỡ dân mà đứng nhìn người chết, hao hết sức lính mà chỉ mưu giàu có cho nhà mình, nói đến điều ấy, cắn rốn không kịp. Đến như Thái Sinh, xuất thân khoa giáp, lại được Trương Đạt bảo cử làm thân thuộc, quan đến Hộ-bộ, ai biết người như thế mà tệ như thế, thực là một kẻ tội nhân của danh giáo, đáng ra phải bắt nó nạp ra cửa quan, xé xác làm muôn khúc để rửa giận cho quân, dân, nhưng Thái Sinh giam ở ngục, đã lo buồn mà chết rồi. Nay Quốc-lão, ủy Khôn-võ hầu đến báo rằng đem quân vào đánh trước để trừ giặc*

sâu mọt là Trương Dạt, sau trừ biện Nhạc ngông cuồng để cứu dân đen, ấy là trời mượn tay Quốc-lão để yên dân Thuận, Quảng vậy. Anh-hùng như thế, đáng bia tạc núi Yên. Vả, đại thế thiên-hạ, hợp lâu thì phải chia, chia lâu thì phải hợp. Như lấy việc tiên tổ mà bàn, thì tiên tổ có việc của tiên tổ, thiềm thích không dự. Người xưa nói : Người quân tử không chứa oán. Vậy xin lượng xét. Lại bảo có thể sai một hai người thân thuộc, danh vọng đem nạp thuyền ghe, voi, súng, phá bằng lũy Thầy, và niêm phong, ghi chép tài vật của Trương Đạt, và châu ngọc, vàng bạc, đồ đạc, tiền thóc, voi, ngựa, thuyền, súng đều phải đệ nạp. Nhưng các vật-kiện của hai xứ thì hiện đương giao cho những người sai phái đi đánh giặc, chưa thể kể rõ được, hãy đợi sau xong rồi sẽ đem thực số chép thành sổ bộ chuyển tâu lên và khải lên để nạp. Còn của cải của Trương Đạt vẫn đã niêm phong, ghi chép. Đến như tiền thóc khác thì trước đã chuẩn phát cho quân dân để an-ủy họ đã bị hao tổn máu mỡ ngày thường. Còn các người công-tộc, các tướng, cũng một lòng qui thuận, mong được tạ ân. Ấy là sợ oai trời để cứu mạng mạch sinh linh hai xứ Thuận, Quảng vậy. Cầu xin soi xét, chiếu tới phế phủ này. Kính thư. »

Thấy chúa Nguyễn đã dứt Trương-phước Loan rồi, Hoàng Ngũ Phước lấy cớ khác để tiến quân. Ông hạ lệnh cho quân cuốn cờ im trống, kéo lên đến huyện Đăng-xương, đóng ở Ai-tử rồi đưa thư nói : « Giặc Tây-sơn chưa tiễu trừ xong xin hội quân ở Phú-xuân để ứng tiếp. »

Trong khi Hoàng Ngũ Phước đóng ở Ai-tử, có một thầy

đồ già già huyện Đăng-xương tên là Trần Duy Trung 陳維忠 dâng một bài thơ tỏ sự vui mừng thấy quân nhà vua đến. Duy Trung lại nói với Ngũ Phước rằng quân chúa Nguyễn không quen đánh bộ, chỉ giỏi thủy chiến, quân Bắc ở xa đến đừng nên tranh đấu về môn sở-trường của quân chúa Nguyễn. Ngũ Phước khen phải, và lưu Duy Trung lại trong quân, cho làm Câu-kê.

Được thư của Việp quận-công, chúa biết là giả dối, liền sắp đặt việc chống cự. Sai Nguyễn-phước Tiệp làm Thống-binh, và bọn Cai-đội Đặng 鄧 (không rõ họ) đem quân cấm-vệ để chống giữ, rồi sai Cai-đội Tuyên Chính 宣政 (không rõ họ), Tham-mưu Thành-Đức 誠德 (không rõ họ) trá hàng để dụ quân Trịnh. Lại sai Cai-đội Phẩm Bình 品平 (không rõ họ) ra Quảng-bình, Bố-chính dụ hào-mục chia đóng đồn để quấy rối sau lưng địch. Chẳng may Phẩm Bình bị quân Trịnh bắt được, Nguyễn phước Tiệp bị tướng Trịnh là bọn Nguyễn Tiến Khoan 阮進寬 Hoàng Phùng Cơ đánh thua, quân của Đặng thì không đánh mà cũng tự vỡ. Quân Trịnh tiến đóng ở Bái-đáp (1). Chúa sai Nguyễn-phước Chí 阮福旺 (2) Tiết-chế Bộ-binh. Nguyễn-phước Đinh 阮福營 Tiết-chế thủy-binh, Nguyễn Đăng Trường 阮登場 làm Tham-tán quân-cơ, đem 20 chiến thuyền đi biển, chia đường chống

---

(1) *Nay là sông Phú-lễ, ở xã Phú-lễ, huyện Quảng-điền.*

(2) *Con thứ 6 của Thế-tông.*

đánh, cũng không thắng được (1). Chúa mời Nguyễn-phước Chí về, sai Nội-tả Chưởng-dinh Nguyễn Văn Chính 阮文政 điều bát các dinh thủy, bộ. Văn Chính đến quân-thứ hỏi tội Cai Đặng về việc rút lui, rồi đem chém để cảnh cáo quân sĩ.

Bấy giờ lòng người còn oán giận Trương-phước Loan chuyên quyền, nên gây ra biến cố, còn các tướng giỏi binh mạnh thì đã đưa vào Quảng-nam đánh với Tây-sơn ; từ sông Hiền-sĩ trở ra, binh tướng đều là những người già yếu, không quen chinh chiến, cho nên khi quân Trịnh đến thì không thể đối phó. Chỉ một mình Nguyễn Văn Chính đem quân sở bộ ra chống đánh, binh uy có hơi phấn chấn, nhưng Văn Chính không có tướng

---

(1) Về các trận này, V.B.T.L. chép như sau : (Sau khi đưa biểu, khải và vàng) chưa được trả lời thì Cai-đội là Tô Nhuận nói rằng quan quân miền Bắc ở hành dinh không mấy ; Thống-tướng thì mặc áo vải xanh, binh sĩ ăn mặc rách rưới, tất không phải là đại quân. Bởi vì (người Nam hà) tục quen phù hoa, thấy thế thì khinh thường, bèn đem quân ra đánh. Ngày 7 tháng 12, sang sông Đốc-giang, đến các xã Lương-phước, Diên-sinh (thuộc phủ Hải-lăng ngày nay, giáp với địa-giới Thừa-thiên) Việp quận-công sai Trấn-lĩnh hầu Nguyễn Đình Khoan đốc suất hậu quân, Thạc-vũ hầu Hoàng Phùng Cơ làm tiền phong đón đánh tan cả, chém và bắt sống vô số, được hơn 30 voi, hơn 100 ngựa. Thủy-binh họ ra đánh ở Đốc-giang cũng thua to. (Đốc-giang có lẽ là sông Ô-lâu ở bắc Thừa-thiên.)

lược, chỉ uống rượu, nói suông, không có kế sách đánh, giữ gì cả, rốt cuộc cũng thất bại.

Tháng 12, Hoàng Ngũ Phước sai tướng là bọn Hoàng Đình Thể Hoàng Nghĩa Phác 黃義樸 đem quân theo đường núi qua thác Trầm, thác Ma (1), tướng giữ đồn là Tường Quang (祥光), Doãn Đức (允德) (đều không rõ họ) đều thua, chết. Quân Trịnh bắt cầu nổi qua sông, thừa lúc quân Nguyễn không phòng bị, mặt trước mặt sau giáp lại đánh, Nguyễn Văn Chính chết, các quân tan vỡ. Quân Trịnh tiến về thành Phú-xuân.

Chúa sai Tham-mưu Trung-dinh là Tống-phước Đạm 宋福淡 đem hết số quân còn lại ra cửa Bắc chống giữ, và sai cá đội trưởng Tả-thủy, Trung-thủy, Tiền-thủy là Nguyễn Cốc 阮谷, Võ Di Nguy 武彝巍, Trương-phước Dĩnh 張福穎 chuẩn-bị ghe thuyền để di cư tị nạn. Hoàng-tôn Dương (con cố thế-tử Hiệu) đã đi trước bằng đường bộ, qua cửa Hải-vân.

Ngày 29, Chúa Duệ-tông cùng gia quyến, các quan tùng vong, và thân binh hơn 100 người xuống thuyền ra cửa Tư-dung (2). Trong đoàn người lưu vong này có công-tôn Nguyễn-

(1) *Hai thác (ghềnh) này ở địa-phận làng Cổ-bi huyện Quảng-điền.*

(2) *Về việc thành Phú-xuân thất thủ và chúa Duệ-tông chạy vào Quảng-nam, V.B.T.L. chép nhiều chi-tiết hơn T.L.T.B. và C.M., V.B.T.L. chép: Ngày 29 Phước Thuần bỏ công-phủ, đem vàng, bạc, châu báu xuống thuyền cùng thân-binh hơn 100 người, chạy ra cửa Tư-*

phước Ánh 阮福暎, bấy giờ 14 tuổi, là người sẽ đóng vai trò quyết định trong cuộc tranh giành giữa Nguyễn, Trịnh, và Tây-sơn sau này. Việp quận-công sai Hoàng Đình Thể đến giữ bốn cửa thành Phú-xuân, niêm phong kho tàng.

Năm ất-mùi, Cảnh-hưng thứ 36 (1775), tháng giêng ngày mồng 3, quân Trịnh vào thành Phú-xuân. Hoàng ngũ Phước tuyên chỉ ủy lạo, yết bảng chiêu an. Chưởng-dinh quận-công Nguyễn-phước-Thăng 阮福昇 và nhiều quan chức đến hàng (1).

...dung, nhưng bị gió ngược chưa đi được. Việp quận-công sai phái chư-tướng, sai tiên-phong Thể-trung hầu Hoàng Đình Thể đi trước đến giữ bốn cửa thành Phú-xuân, niêm phong kho tàng... Ngày mùng 5 tháng giêng năm ất-mùi, Cảnh-hưng thứ 36, Nguyễn-phước Thuần cùng bầy tôi là Nguyễn Huống, Nguyễn Kính, Nguyễn Trí lại bỏ thuyền, đi đường núi, qua núi Hải-vân, ẩn ở trong chùa 3 ngày, Việp quận-công sai bọn Hoàng Đình Thể đuổi kịp Phước Thuần. Những người đi theo (Phước Thuần) đều chạy tan cả, quan quân tranh nhau lấy vàng ngọc, không đuổi đến cùng.

(1) V.B.T.L. chép : Ngày 3 tháng giêng, (Việp quận-công) vào thành Phú-xuân, người họ Nguyễn là quận Chiêm, quận Thăng hơn 100 người đều qui-thuận : Văn, Võ, tướng, lại, đều đón hàng. Việp quận-công tuyên chỉ vỗ-về, ủy-lạo, yết bảng chiêu an. Quan lại, sĩ dân ở yên như cũ, chợ không đổi hàng, cả miền vui vẻ, nói rằng : không ngờ đã 200 năm, nay lại trông thấy áo mũ triều-đình.

Chúa vào Quảng-nam, đến bến Giá (Giá-tân 架津) vào nhà Tả-quân Nguyễn Cửu Dật (1) (còn tên là Du 猷, con Nguyễn Cửu Pháp).

Nguyễn Cửu Dật và các quan đi theo chúa là Ngoại tả Nguyễn-phước-Tịnh 阮福靖 (2), Chưởng-dinh Nguyễn-phước Kính, Chưởng-cơ Nguyễn-phước Chí, Nội Đội-trưởng Nguyễn Cửu Thận 阮久愼 (con Nguyễn Cửu Pháp), Đỗ Thanh Nhân 杜清仁, Đội-trưởng Trương-phước Dĩnh thưa Chúa rằng : « Hoàng-tôn Dương là người hiền đức, trong ngoài đều ngưỡng vọng, xin sớm lập lên ngôi trừ nhị để mưu đồ việc khôi-phục. Chúa bèn lập Hoàng-tôn Dương làm Thế-tử, xưng là Đông-cung, sai Trấn-vũ Quảng-nam, tổng-lý các việc trong ngoài.

Chúa sai các tướng kiểm duyệt các quân thủy, bộ để mưu tiến thủ.

Chúa ở đấy được vài ngày thì Nguyễn Văn Nhạc sai Tập Đình, Lý Tài đem thủy-binh ra cửa biển Hiệp hòa (tức cửa Đại-áp), bộ binh của Nhạc theo ven núi ra sông Thu-bồn, hai đạo binh đánh đến, Nguyễn Cửu

---

(1) V.B.T.L. chép là Nguyễn Hữu Du, C.M. chép là Nguyễn Cửu Du.

(1) Đó là theo V.B.T.L. T.L.T.B. không nói Chúa đến dinh Quảng-nam.

(2) Con Nguyễn-phước Tứ

Dật chống đánh, thua, chạy ra Trà-sơn, Đông-cung lui về Cu-đê (1), Chúa đi Liên-chữ.

Chúa sai người đến truyền cho Đông-cung rằng: « Nay đàng trước có giặc Tây-sơn, đàng sau có quân Trịnh, mà số quân mạnh, giỏi của ta không đầy 1000, lương thảo thiếu thốn. Vả lại, Cu-đê đất hẹp, quân cô, không có, cứu viện, mà binh Gia-định đã lâu không có tin tức. Đã tính cho Nguyễn Cửu Thận làm Hữu-quân Đại Đô-đốc cùng người ở lại giữ đất này, còn Nguyễn Cửu Dật thì chỉnh bị chiến-thuyền hộ giá đi Gia-định, thu binh về đánh Phú-yên, Qui-nhơn, để chia thế giặc, quân Cu-đê nhân đó mà hợp sức tiến thủ, đó là kế « đánh xa để cứu gần » vậy. Đông-cung vâng mạng ở lại Cu-kê với Nguyễn Cửu Thận, Nguyễn-phước-Tịnh, Nguyễn-phước Chí và Tống-phước Đạm.

Tĩnh-đô vương Trịnh Sâm ở Hà-trung, nghe tin chiếm được thành Phú-xuân, mừng lắm, sai Nguyễn Quỳnh, đem cho Hoàng Ngũ Phước 100 lạng vàng, cho tướng sĩ 5000 lượng bạc, sai Ngũ Phước ở lại giữ chức Đại Trấn-vũ, và viết thư dặn rằng: « Nay đã bình-định được Thuận-hóa rồi, còn Quảng-nam cũng nên lần lượt bình định nốt. Việc này, không phải tay nguyên - lão không ai có thể đương nổi trách-nhiệm. Vậy điều-khiển các việc, vỗ về hay đánh dẹp, đều cho phép được tùy tiện mà làm». Rồi tháng 2, Trịnh Sâm dẫn quân về Bắc.

---

(1) Ở bắc Đà-nẵng, phía nam Hải-vân. Sông Cu-đê là sông chảy ra biển ở Nam-ô.

Chúa Nguyễn thì ngày 19 tháng 2 đã xuống thuyền đi Gia-định. Chúa và công-tôn Nguyễn-phước Ánh (tức vua Thế-tổ Cao-hoàng sau này) đi một thuyền, theo sau là thuyền chở các quan và người tùy tùng (1). Thuyền vừa ra biển gặp gió to, thuyền chúa vào được Bình-khương, còn các thuyền theo sau đều bị đắm, Nguyễn Cửu Dật, Nguyễn-phước Kính đều chết.

Chúa đến Bình-khương, bọn Tống-phước Hợp, Nguyễn Khoa Thuyên cầm quân Ngũ dinh đương đóng ở Hòn-Khói, đến tiếp rước, Chúa thăng Phước Hợp làm Tiết-chế Kinh quận-công, Khoa Thuyên làm Tham-chính, bộ thuộc và quân ứng nghĩa là bọn Nguyễn Văn Nhân 阮文仁 đều được trao chức Cai-đội, Đội-trưởng. Rồi Nguyễn Khoa Thuyên và Chưởng-cơ Trương-phước Thận theo chúa vào Nam.

Ngày nhâm-dần, thuyền Chúa đến Gia-định, Chúa đóng ở Bến-nghé. Nghe tin chúa đến, Mạc Thiên Tứ đem các con đến hành-tại bái yết, Chúa gia thăng Thiên Tứ làm quốc-lão, Đô-đốc quận-công, cho con là Hoàng 潢 làm Chưởng-cơ, Thượng 尚 làm Cai-cơ Thắng-thủy, Duyên 沿 làm Tham-tướng Cai-cơ, khiến về đạo Trấn-giang đóng giữ.

Tháng 3, Hoàng Ngũ Phước giao cho Bùi Thế Đạt đóng giữ Phú-xuân, còn mình đem quân vào Nam, qua núi Hải-vân, đánh phá đồn Cu-đê, Đông-cung Dương chạy;

(1) *Theo V.B.T.L. thì có 16 thuyền tùy tùng.*

ngày 5 tháng tư bắt được mẹ và vợ chúa Duệ-tông (1) cùng nhiều quan chức và binh khí, rồi tiến vào nam.

Trước đó, Nguyễn Văn Nhạc mưu bắt Đông-cung Dương để mượn danh nghĩa mà hô hào dân chúng. Bấy giờ Đông-cung ở Cu-đê, Nhạc sai Thống-suất Diện 面, Tiên-phong Chánh 正, Thống-bộ Tường 祥 (đều không rõ họ) đem 2000 quân đóng đồn ở Thúy-loan và Bồ-bản làm quân thượng-đạo, sai Tập-đình, Lý Tài đem 2000 đóng ở Ba-độ làm quân trung-đạo, Đốc-chiến Phong 豐, Hổ-tướng Hẫn 罕 đem 2000 quân đóng đồn ở Hà-thân làm quân hạ-đạo, hẹn ai bắt được Đông-cung thì được trọng thưởng. Đông-cung biết tin, sai mưu-sĩ là Giáo Quý 貴 (không rõ họ) đến nói với các tướng thượng-đạo là Diện và Tường rằng : « Tây-sơn tuy hung hăng một thời-gian, nhưng phía bắc có quân họ Trịnh, phía nam có đại binh Gia-định, trước bụng sau lưng đều thọ địch, ắt không giữ được lâu, các người nếu không sớm trông thấy thời-cơ, sau nầy không khỏi là bè đảng đạo tặc. Chi bằng tránh chỗ tối, hướng về chỗ sáng, theo ta vào nam, liên kết ước hẹn với binh Gia-định, cùng nhau mưu đồ khôi phục, công danh ghi vào sử sách để lại về sau, như vậy chẳng hay sao ? » Diện, Tường vâng theo. Tháng 4, Đông-cung và Diện, Tường theo đường núi vào nam,

---

(1) Đây là theo V.B.T.L. T.L.T.B. không nói Hoàng Ngũ Phước sau khi qua đèo Hải-vân có đánh Cu-đê mà chỉ nói đánh Tây-sơn thôi ; cũng không nói quân Trịnh bắt mẹ và vợ Duệ-tông.

nhân dân có nhiều người đi theo. Tập Đình, Lý Tạ đuổi theo đến Ô-gia, đánh bọn Diện, Tường, bắt Đông-cung đem về Hội-an. Tập Đình nhiều lần mưu giết Đông-cung Lý Tài khuyên can mãi mới thôi.

Quân Trịnh đánh đồn Trung-sơn (?), phá tan quân của Nguyễn Văn Nhạc, ngày 22 tháng 4, đong đồn ở Cầm-lệ. Quân Tây-sơn lội qua Trà-khê, xông vào hỗn chiến, quân Trịnh không kịp bắn súng, phải dùng gươm dao mà đánh. Hoàng Đình Thể, Hoàng Phùng Cơ cùng các tướng thúc voi đánh, Văn Nhạc và Tập Đình thua to, theo khe mà chạy, bị đuổi theo, giết chết rất nhiều. Ngày 24, Hoàng Đình Thể đến Cầm-sa, Nguyễn Văn Nhạc sai Tập Đình làm Tiên-Phong, Lý Tài làm Trung-quân đem 6000 quân, hơn 30 thớt voi chia làm 5 chi đón đánh. Quân Tây-sơn đều đội khăn đỏ, mình trần, xông vào đánh bừa, không đợi thành trận. Trước kia quân Tây-sơn đánh thắng quân chúa Nguyễn luôn là nhờ đánh cách ấy. Không ngờ nay quân Trịnh, mặc dầu hỗn đấu, vẫn nghiêm trận, không động, Hoàng Đình Thể nhằm trước mặt thúc voi tiến đánh. Quân Tây-sơn hoặc bị giết, hoặc bị voi giày, chết không xiết kể, bèn vỡ chạy. Tập Đình đem một chi quân ở đằng sau, dựng cờ đánh trống trong rừng làm nghi binh, rồi phục binh ở ấp Biều-mang để tập kích hậu quân của Trịnh, nhưng cuối cùng cũng bị tướng Trịnh là Ngnyễn Đình Đống đánh bại. Hoàng Ngũ Phước sai quân đuổi theo, Tây-sơn thủy-binh thì do cửa Đại-chiêm ra bể, bộ-binh thì nhằm Quảng-nghĩa mà chạy, Quân Trịnh bắt được đồ

đảng, quân-nhu, khí giới rất nhiều, đuổi theo đến Thanh-hà, rồi chiếm dinh Quảng-nam. Việp quận-công bèn đóng quân lại ở đấy, tuyên dương đức-ý của triều-đình, phủ dụ dân chúng.

Nguyễn Văn Nhạc và Lý Tài chạy về Bến-ván (Bản-tân 板津, ở nam Tam-kỳ, giáp Quảng-nghĩa). Bấy giờ Nhạc thấy Tập Đình hung bạo quá, mà lại không kiềm chế được, nên muốn nhân dịp Tập Đình thua trận, giết đi. Tập Đình biết, chạy về Quảng-đông (sau bị Tổng-đốc Quảng-đông giết).

Nguyễn Văn Nhạc lại đưa Đông-cung Dương về Qui-nhơn, các ông Nguyễn-phước Tịnh, Nguyễn-phước Chí, Tống-phước Đạm theo hầu.

Tháng 5, Tiết-chế Tống-phước Hợp từ Hòn-khói tiến quân ra, chiếm lại Phú-yên, đóng quân bộ ở Xuân-đài, quân thủy ở Vũng-lấm, rồi sai Tri-huyện Đồng-xuân là Bạch Doãn Triều 白允朝 cùng Cai-đội Thạc 碩 (không rõ họ) ra Qui-nhân bảo Nguyễn Văn Nhạc : « Trả lại Đông cung, không thì đại binh kéo đến, không đường mà chạy». Nhạc giả vờ nhận lời (1), viết thư ước hẹn, trao cho

---

(1) L.T.T.B. thuật lại màn kịch Nguyễn văn Nhạc dàn ra khi tiếp sứ-giả Bạch Doãn Triều như sau : « ... ở gian giữa nhà, đặt bệ rồng, mời Đông-cung ngồi, ngoãnh mặt về nam, bên tả thì bọn Nhạc đứng hầu, bên hữu thì bọn Nguyễn-phước Chí đứng hầu, rồi cho mời sứ-giả vào. Nhạc nói : « Tướng sĩ Ngũ dinh, từ nghìn dặm kéo đến lo việc cần vương, thực là trung

Doãn Triều đem về Kính quận-công. Đó chỉ là một kế hoãn binh, và biết thế nào rồi Tống-phước Hợp cũng xua quân ra, nên bọn Doãn Triều về rồi, Nhạc đem của cải cất giấu ở Tây-sơn-thượng, và dời Đông-cung đến ở Hà-liêu, An-thái.

Nguyễn Văn Nhạc từ trận thua ở Cầm-sa, đồ-đảng nhiều người ly tán, đến khi Tống-phước Hợp ra chiếm lại Phú-yên, lại càng lo ngại, vì trước mặt, sau lưng đều thụ địch. Tháng 5, Nhạc sai thuộc-hạ là bọn Phạm Văn Tuế 范文歲 đem hàng thư, vàng, lụa đến dinh Hoàng Ngũ Phước xin hàng, dâng đất 3 phủ Quảng-ngãi, Qui-nhân, Phú-yên, và xin được làm một tiểu-tướng trong đạo quân tiền khu vào đánh Gia-định. Việp quận-công dâng biểu xin cho Nhạc làm Tây-sơn Trưởng-hiệu Tráng tiết Tướng-quân, và sai người gia khách giữ việc thư ký là Nguyễn Hữu Chỉnh 阮有整 đem sắc ấn, cờ, kiếm vào ban cho.

...nghĩa. Nay đã trừ xong Quốc-phó, chúng ta nên lập Hoàng-tôn để định nghiệp lớn, ấy là công-nghiệp để lại muôn đời. Chúng ta nên cùng các tướng-sĩ lo tính việc ấy.» Bạch Doãn Triều vẫn chưa tin lòng thành thực của Nhạc, hỏi lại: « Minh-công có lòng tôn phò như vậy, ai nghe mà chẳng hưởng ứng, nhưng tướng-sĩ ngũ dinh đến đây thì sẽ đóng nơi nào ? » (ý nói khi quân chúa Nguyễn đến thì Nhạc sẽ đối phó ra sao) Nhạc bối rối, ngẫm nghĩ giây lát rồi đáp: « Xin tùy Điện-hạ xử trí thế nào, chúng tôi vâng theo thế ấy. » Đông-cung nói « Tùy các khanh điều độ cho phải. »

Được yên tâm về mặt bắc, Nguyễn Văn Nhạc lo củng-cố để đối phó với mặt nam. Từ khi thua trận ở Cầm-sa, nhiều tướng sĩ của Nhạc đã bỏ Nhạc, toán quân của Tập Đình không còn, lực lượng Tây-sơn suy yếu hơn trước. Khi khởi nghĩa, anh em Tây-sơn đã tuyên bố với dân chúng là để tôn phò Hoàng-tôn Dương. Cũng vì lời tuyên-bố ấy mà Nhạc đã lôi kéo được một hào kiệt lục-lâm là Châu Văn Tiếp 朱文接 về giúp mình, rồi cũng vì thấy mình không thành thực với ý hướng ấy mà vị hào kiệt kia đã lìa bỏ Tây-sơn. Châu Văn Tiếp còn tên là Doãn Ngạnh 尹梗 vốn người Phù-mỹ, thuộc phủ Qui-nhân, vào trú ở huyện Đồng-xuân thuộc Phú-yên, rất giỏi võ nghệ, và có tướng tài, làm nghề buôn bán với Mọi, nên quen với Nhạc, cũng làm nghề ấy. Gặp thời Loạn, Tiếp cùng anh là Doãn Chữ 尹褚, em là Doãn Chấn 尹振, Doãn Hạng 尹頊 củ hợp được hơn 1000 người dân Mọi, chiếm cứ núi Trà-lang 茶郎山. Khi quân Ngũ dinh đóng ở Phú-yên, cũng có nhiều người theo về với Tiếp. Trong số này có Lê Văn Quân 黎文勻 (1) được Tiếp gả em gái là thị Đậu 氏豆 cho, nàng này cũng biết việc binh. Lúc bị dồn ép giữa hai lực-lượng Ngũ Phước và Phước Hợp, Nguyễn Văn Nhạc sai người mời Tiếp đem quân ra hợp để lập Đông-cung Dương. Năm ất-mùi, Tiếp rủ

---

(1) Lê Văn Quân sau này là vị tướng giúp Nguyễn-vương Phước Ánh lập được nhiều công, có theo vương sang Tiêm-la, giúp vua Tiêm đánh đuổi quân Miến-điện xâm lấn, nhưng sau tự tử (xem sau).

Quảng-nam, cùng rước Đông-cung về Qui-nhân. Nhưng về Qui-nhân rồi, thấy Nhạc không muốn lập Đông-cung, bèn đem đồ đảng trở về Phú-yên.

Sự có mặt của quân Ngũ dinh ở sát bên cạnh, và thái-độ của Châu Văn Tiếp khiến Nguyễn Văn Nhạc phải tính đến việc lập Đông-cung Dương, dầu chỉ là bề ngoài, để tạm thời hòa hoãn tình-thế. Ông đưa Đông-cung về Bồng-giang (1) rồi đem con gái là Thọ Hương 壽香 gả cho, cho vàng, bạc, gấm vóc rất nhiều, và cắt huyện Bình-sơn cho làm của riêng, xin Đông-cung lên ngôi vương, nhưng đông-cung biết Nhạc không thực tâm, không chịu.

Muốn mượn danh nghĩa nhà Nguyễn, Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn-phước Tịnh đi Quảng-ngãi phủ dụ quân dân, giao kết với các sách Mọi. Ông sai Nguyễn-phước Chí vào Phú-yên để bày tỏ với Kính quận-công ý muốn tôn lập Đông-cung Dương để cùng giúp xã-tắc của mình. Nhưng rồi ông giết Nguyễn-phước Tịnh, Nguyễn-phước Chí ở Phú-yên nghe tin ấy, bèn vào Gia-định, không trở ra Qui-nhơn nữa.

Thấy Nguyễn Văn Nhạc nhiều lần bày tỏ ý muốn tôn phò Đông-cung Dương, Tiết-chế Tống-phước Hợp tin lời, không phòng bị. Tháng 7, Nhạc sai Nguyễn Văn Huệ đánh úp, phá được quân Hợp. Trong trận này Cai-đội

---

(1) *Sông Bồng-sơn.*

Nguyễn Văn Hiền 阮文賢 tử trận. Huệ bắt Cai-cơ Nguyễn-Khoa Kiên 阮科堅 (con Nguyễn-khoa Thuyên) đem về, để Lý Tài ở lại đóng giữ Phú-yên. Tống-phước Hợp lui đóng giữ Hòn-khói, Chưởng-cơ Tống-phước Hòa 宋福和 (tùng-đệ của Phước Hợp) giữ Ô-cam. Cũng trong tháng 7, Hoàng Ngũ Phước tiến quân vào đóng ở Châu-ổ, (đầu địa giới Quảng-ngãi). Nguyễn Văn Nhạc sai người đến tạ ơn, dâng tờ biểu lên vua Lê, tờ khải lên chúa Trịnh, lại xin ban khôi giáp, và kể công Nguyễn Văn Huệ đánh lấy Phú-yên, xin Việp quận-công cho Huệ làm Tây-sơn hiệu Tiền-phong Tướng-quân. Ở Châu-ổ, quân Trịnh mắc bệnh dịch, chết quá nửa. Vì vậy, Hoàng Ngũ Phước tính rút quân về. Quan văn là bọn Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Lệnh Tân 阮令賓 thì muốn lưu quân lại ở Quảng-nam, đặt quan trấn giữ. Ngũ Phước không chịu, xin chúa Trịnh cho rút quân về Thuận-hóa, bỏ đất hai phủ Thăng-hoa, Điện-bàn để sau sẽ tính. Tháng 10, Ngũ Phước đem quân về Phú-xuân, sau đó ông bị bệnh, trở về Bắc, mất dọc đường.

Chúa Trịnh ủy Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Đống 阮廷棟, lưu giữ Phú-xuân, và sai bọn Phan Trọng Phiên 潘仲藩 Uông Sĩ Điền 汪士曲, Nguyễn Lệnh Tân giúp việc.

Tháng 5 năm ất-mùi, trong lúc Hoàng Ngũ Phước đánh Tây-sơn ở Quảng-nam, ở Hải-lăng có hai người tên là Lâm 林 và Mộc 沐 (đều không rõ họ, có thuyết nói hai người tên là Châu 朱 và Mỹ 美 V.B.T.L. nói là

Miên-đức hầu 綿德侯), tự xưng là người công-tộc nhà Nguyễn, hợp quân ở các huyện Cam-lộ, Hải-lăng, Đăng-xương, Minh-linh để chống lại chủ mới, hào mục nhiều người theo. Chúa Trịnh sai Phạm Huy Đĩnh 范輝綻 đóng giữ Dinh Cát, cùng Bùi Thế Đạt hợp quân bắt được, giết Lâm và Mộc, cùng đồ đảng vài trăm người.

Sau khi quân Trịnh rút bỏ Quảng-nam, tháng 11 năm ấy, hai công-tử là Nguyễn-phước Quyền 阮福鐉 (con thứ 14 của Thế-tông) và Nguyễn-phước Xuân 阮福春 (con thứ 17 của Thế-tông), dùng Trương-phước Tá 張福佐 làm mưu-chủ, dấy binh chống Tây-sơn. Có người Hoa-thương tên là Tất 悉 xuất của riêng ức, vạn, giúp quân-thế hai công-tử rất mạnh, chiếm giữ hai phủ Thăng-hoa và Điện-bàn. Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn-Khoa Kiên làm tướng chống đánh, nhưng Kiên không chịu đi, dùng gươm tự tử. Nhạc phải tự mình đi đánh, hai bên tương trì hơn 2 tháng. Gặp năm đói, quân của Quyền thiếu lương, Nhạc thừa thế đánh tan. Nguyễn Phước Xuân chạy vào Gia-định, còn Nguyễn-phước-Quyền thì không biết ra thế nào. Nhạc để Tham-tướng là Nguyễn Văn Duệ 阮文睿 ở giữ Quảng-nam, rồi đem quân về Qui-nhân.

Tháng 11, năm ất-mùi, Châu Văn Tiếp đem quân qui-thuận ở Hòn-khói. Tiết-chế Tống-phước Hợp báo lên, chúa sai Tiếp đem quân bản-bộ đóng giữ ở thượng-đạo để làm thanh ứng cho quân Ngũ dinh.

Lý Tài bất bình cảm thấy từ khi Nguyễn Văn Nhạc đắc chí, không còn tử tế với mình như xưa nữa, vả, thái-độ của Nhạc đối với Tập Đình cũng đã khiến Lý Tài ly tâm. Khi Nguyễn phước Chí được Nhạc sai đi Phú-yên: Lý Tài đã hẹn với Chí mình sẽ vào Nam theo chúa Nguyễn. Nay được Nhạc giao cho giữ đất Phú-yên, thực là thuận tiện để thực-hiện ý định. Lý Tài đem hết binh mã sở thuộc đến quân của Tống phước Hợp đầu hàng. Việc báo lên, chúa bằng lòng, đặt Lý Tài dưới quyền tiết-chế của Tống-phước-Hợp. Thế quân chúa Nguyễn vì đó lại được phấn khởi. Bấy giờ Nguyễn-phước Chí dụ được một tướng Tây-sơn tên là Nghĩa 義 (không rõ họ) cùng 50 đồ đảng về hàng. Nhưng Tống-phước Hợp giận Nghĩa trước kia trong trận đánh Phú-yên, làm tiền-khu quận Tây-sơn, đã giết hại quân Nguyễn khá nhiều, nên giết Nghĩa.

Được lại đất Phú-yên, Chúa sai Tham-tán Trần Văn Thức 陳文識 đem quân đóng giữ, cùng quân Tống-phước Hợp làm thế ỷ-giốc để chống giặc. Đất từ Phú-yên trở vào còn thuộc chúa Nguyễn.

Năm Cảnh-hưng thứ 37 (1776), tháng 2, Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn Văn Huệ đem quân vào đánh Bình-thuận, nhưng không thắng được (1). Nhạc bèn bắt tráng đinh ba huyện của phủ Qui-nhơn làm binh, sai Nguyễn văn Lữ làm Tiết-chế, vượt biển vào đánh Gia-định.

---

(1) Việc sai Huệ vào đánh Bình-thuận này, chỉ V.B.T.L. chép mà thôi.

Bấy giờ Duệ-tông không có quân, quân Ngũ dinh đương đóng ở Hòn-khói, Đỗ Thanh Nhân đã lập một đạo quân đặt tên là Đông-sơn (1), nhưng đạo quân ấy đương ở Tam-phụ (Ba-giồng, thuộc Định-tường), vì vậy khi Nguyễn Văn Lữ đến, chúa phải cùng Chưởng-cơ Tống-phước Hựu 宋福祐 chạy đến dinh Trấn-biên, đóng ở Đồng-nam (nay là Hải-đông). Lữ chiếm Sài-côn rồi, sai tướng là Điều-khiển Hòa (không rõ họ), đến đánh dinh Long-hồ, Ký-lục Bùi Hữu Lễ 裴有禮 cự chiến, bị Hòa bắt, Lễ không chịu khuất, bị Hòa nấu và ăn thịt.

Được tin Lữ chiếm Sài-côn, Nguyễn Văn Nhạc sai sửa sang lại thành Trà-bàn (2), rồi tháng 3, đời Đông-cung Dương ra ở chùa Thập-tháp, tự xưng là Tây-sơn vương, đúc ấn vàng (3) cho Nguyễn Văn Lữ làm Thiếu-phó, Nguyễn Văn Huệ làm Phụ-chính.

Xưng vương rồi, Tây-sơn Vương sai Trấn-thủ Toàn

---

(1) *Ý là để chống với Tây-sơn.*

(2) *Thành Vijaya cũ của Chiêm-thành, ở cách thành Bình-định cũ 8 km, cách Qui-nhơn 28 km về phía bắc, trên đường thiên-lý. Sách Thiên-nam dư-địa-chí gọi là Trà-bàn 茶槃 sau nhiều sách chép lầm là Đồ-bàn 茶槃, vì chữ 茶 và chữ đồ 荼 (đồ : một thứ rau đắng) gần giống nhau. Sử ta lại chép là 闍槃, vì chữ 闍 cũng đọc là « đồ »,*

(3) *Theo T.L.T.B. thì ấn đúc bị khuyết mãi, ba lần mới thành.*

giữ dinh Quảng-nam, lại sai đóng đồn ở các cửa biển Đại-chiêm, Đà-nẵng, Cu-đê (1). Lại thử ra oai với quân Trịnh : tướng giữ núi Hải-vân của Trịnh là Trương Công Phụng 張公奉 sai quân vào Quảng-nam gặt lúa, đến Bến-ván, Tây-sơn vương sai quân đánh, Phụng thua chạy.

Tránh ở Trấn-biên, Chúa đã cấp tốc sai Tống phước Hợp đem binh vào giúp, giao cho Trần Văn Thức, Châu Văn Tiếp giữ Phú-yên, Bình-thuận. Đồng thời, Chúa cũng sai Đỗ Thanh Nhân mộ binh cần vương. Quân Tống-phước Hợp chưa đến thì Đỗ Thanh Nhân đã tập hợp đoàn Nghĩa-quân Đông-sơn 東山 gồm binh của Nguyễn Hoàng Đức 阮黃德, Trần Búa 陳鈽, Đỗ Hoàng 杜鍠, Đỗ Ky 杜忌, Võ Nhàn 武閑, Đỗ Bảng 杜榜, hơn 3000 người. Đỗ Thanh Nhân tự xưng là Đông-sơn Thượng Tướng-quân, tháng 5 từ Tam-phụ kéo lên, đánh quân Tây-sơn 3 hợp, đều thắng. Nguyễn Văn Lữ cướp kho lúa, chở hơn 200 thuyền trở về Qui-nhơn. Đỗ Thanh Nhân đánh chiếm lại Sài-côn, rồi rước Chúa trở về Bến-nghé. Chúa thăng Đỗ Thanh Nhân làm Chưởng-dinh, Ngoại-hữu, Phương Quận-công và tưởng thưởng các tướng sĩ bộ thuộc.

Tống-phước Hợp được lệnh triệu, để Tống-phước

---

(1). *V.B.T.L.*

(2) *Nguyễn Hoàng Đức, người Định-tường, họ Hoàng, được cho quốc tính, họ Nguyễn.*

Hòa ở lại giữ đất Bình-Khương, rồi cùng Lý Tài vào Nam, đem Lý-Tài bái yết Chúa. Tháng 6, Tống-phước Hợp mất. Thật là một sự mất mát lớn lao cho chúa Nguyễn, vì Kỉnh quận-công là người khẳng-khái, có tài lược, lấy việc đánh Tây-sơn làm nhiệm vụ của mình, lại ở rất được lòng dân, bấy giờ Chúa đương xem là chỗ dựa quan trọng.

Từ khi lập được công, thăng chức, Đỗ Thanh Nhân tỏ ra kiêu hãnh, ăn ở khó chịu với người ngang hàng. Khi Lý Tài mới vào, Chúa muốn dùng, nhưng Đỗ Thanh Nhân nói Lý Tài là đồ heo chó, dùng có ích gì, vì đó Thanh Nhân và Lý Tài hiềm-khích. Khi Tống-phước Hợp còn sống thì hai người không dám xung đột nhau, nhưng Phước Hợp mất rồi, Lý Tài e sợ, đem binh sĩ của mình đến đóng ở núi Chiêu-thái (thuộc tỉnh Biên-hòa ngày nay) (1), Thanh Nhân đem binh đến đánh, không được, phải đắp lũy ở sông Nghi (儀江, tức sông Thị-nghè) để giữ.

Ở Thập tháp, Đông-cung Dương bảo riêng gia-thần rằng: «Tây sơn mượn tên ta để lừa dối dân chúng, nếu ta cứ nấn-ná ở đây thì quân Ngũ-dinh và nghĩa-binh các đạo sợ đầu thử kỵ khí (2), không dám tiến đánh, như thế biết bao giờ diệt được giặc để khôi phục nghiệp cũ. Chi bằng ta phải ra khỏi nơi lung lạc này mới mưu được việc lớn.»

---

(1) *Nay người ta gọi là núi Châu-thới.*

(2) *Ném chuột sợ vỡ đồ.*

Rồi mật sai mưu-sĩ tên là Quý đến Hồ-cơ (cửa biển Thị-nại) hẹn với một chủ thuyền tên là Tiến 進 sắp đặt thuyền để đưa mình đi.

Ngày quý-mão, tháng 10, Đông-cung Dương cùng Trương-phước Dĩnh và Quý ban đêm lén xuống thuyền (1), ngày ất-tỵ thì đến hải-phận Vị-nê (thuộc Bình-thuận tức mũi Né) gặp thuyền của Nguyễn-phước Xuân từ Quảng-nam trốn vào, hai người cùng vào Nam.

Đến Sài-côn, Đông cung Dương thấy việc ly khai của Lý Tài và sự chia rẽ giữa các tướng. Muốn giản xếp sự chia rẽ ấy, và vì Lý Tài trước kia ở Hội-an cùng mình có cảm-tình, nên Đông-cung xin chúa sai Tham-mưu Nguyễn Doanh Khoáng 阮名曠 đến bảo Lý Tài về. Lý Tài chưa tin, nên giữ Khoáng lại, rồi kéo binh về Sài-côn. Thấy Lý Tài đem binh đến, binh của Đỗ Thanh Nhân cũng tan chạy, Duệ-tông cũng phải đi tránh. Lý Tài chia binh làm 4 đạo, thúc trống, tiến tới. Đông cung sai kéo cờ lên, trên cờ đề : «Đông-cung phụng mạng chiêu an» 東宮奉命招安 Trông thấy cờ, binh Lý Tài bèn bỏ khí giới, lạy và hoan hô, tiếng nghe như sấm, rồi rước Đông-cung về Do-miệt, 油蔑 bản-doanh của Lý Tài. Có lẽ bấy giờ Lý Tài có binh Hòa-nghĩa mạnh hơn binh

---

(1) Bấy giờ gió ngược, người chủ thuyền hỏi ý-kiến Đông-cung. Đông-cung bảo : « Cứ đi thì gió sẽ thuận.» Quả nhiên, xuống thuyền rồi, gió thuận, thuyền đi mau như tên bắn. (T.L.T.B. quyển 12, năm bính-thân).

Đông-sơn, mà đương oán thù với Đỗ Thanh Nhân, thế mà Duệ-tông và Đông-cung đều vắng mặt, lòng người không khỏi hoang-mang nên Đông-cung sai Nội-tả Nguyễn Mẫn 阮敏 về Sài côn ủy phủ quan quân và chiêu an dân chúng.

Lý Tài đương là kẻ mạnh và muốn Đông-cung Dương, người có cảm tình với mình, lên ngôi tôn, nên tháng 11, đưa Đông-cung về Sài-côn, sai Trương-phước Thận đi rước Duệ-tông từ Tam-phụ về, ở chùa Kim-chương 金章寺, rồi Lý Tài rước Đông-cung đến bái yết. Có lẽ trong cuộc hội kiến này, Lý Tài ép Duệ-tông phải nhường ngôi. Ngày nhâm-thân, Chúa đại hội các quan văn võ, nhường ngôi cho Đông-cung. T. L. B. T. chép : «Đông-cung vì sự thế giao bức, bất đắt dĩ phải vâng mạng». Đông-cung lên ngôi, xưng là Tân-chính vương, 新政王, tôn Chúa làm Thái-thượng vương, 太上王 thăng Nguyễn-phước Chí làm Thiếu phó, Nguyễn-phước Xuân làm Chưởng-cơ, Lý Tài làm Bảo-giá đại Tướng quân, các quan văn võ khác cũng được thăng trật. Duy có Đỗ Thanh Nhân cùng với Lý Tài không hợp, nên không chịu đến dự hội. Tân-chính vương dùng Phạm Công Lý 范公理 làm Ngoại hữu, chức mà Chúa mới muốn dành cho Đỗ Thanh Nhân, sai Tống phước Hòa và Thiêm-lộc (không rõ họ) giữ dinh Long hồ.

Công-tôn Nguyễn phước Ánh, bấy giờ 16 tuổi, đã trở nên một nhân vật hệ-trọng trong triều. Vừa rồi, vua

Chân-lạp là Nặc-Tôn nhường ngôi cho em là Nặc Vinh. Vinh thấy chúa Nguyễn hữu-sự, không nạp cống, Duệ-tông đã sai ông cùng phó Tiết-chế Nguyễn Cửu Tuấn 阮久俊, Chưởng-cơ Trương-phước Thận đem binh đi đánh. Nặc Vinh xin hàng. Nguyễn Phước Ánh biết Lý Tài kiêu hoạnh, khó kềm chế được, nên bàn với Thái-thượng vương nên đến Tam-phụ chiêu vũ miền Đông-sơn để mưu đồ việc khôi phục. Lý Tài nghe tin ấy, đem quân bức, đưa Thái-thượng vương đến Do-miệt. Tân-Chính vương không thể ngăn được, phải sai Trương-phước Dĩnh theo hộ giá. Ngày hôm sau lại rước Thái-thượng vương trở về Sài-côn.

Như vậy, chúng ta thấy nội-bộ nhà Nguyễn chia làm hai phe, Tân chính vương dựa Lý Tài, phe kia, Thái-thượng vương và Nguyễn-phước Ánh đi với lực lượng Đông-sơn, một sự chia rẽ rất tai hại trước sức tấn công của Tây-sơn. Phải chăng Tân-Chính vương muốn tạo một thế hòa hoãn giữa hai lực lượng quân sự chủ yếu đương kình địch nhau ? hay là tranh giành nhau ?

Bấy giờ có Đội-trưởng Võ Di Nguy (người Thừa-thiên) và Tô Văn Đoái 蘇文兌 (người Bình-dương) trước kia cũng từ Phú-xuân theo Duệ-tông đi lánh nạn, nhưng vì ngăn trở, phải ở lại, nay mới từ Qui-nhơn vào được Gia-định cùng 200 quân sĩ. Họ cho chúa Nguyễn biết tình hình ngoài đó.

Tân-Chính vương liền sai Tống-phước Đạm làm Giám-quân, Trần Văn Hòa 陳文和 làm Tham-mưu-lệnh, cùng Đô-thống-sứ Đặng Văn Phong 鄧文豐 (đều người Quảng-ngãi) lên về Quảng-ngãi, để chiêu tập nghĩa-binh, nhưng bọn Đạm về đến Bồ-đề thì Tây-sơn dò biết được, đánh, phải chạy.

Nguyễn Văn Nhạc chiếm Quảng-nam rồi, năm Cảnh-hưng thứ 38 (1777) sai Đỗ Phú Tuấn ra xin Chúa Trịnh cho mình trấn thủ đất này. Bấy giờ Trịnh Sâm cũng ngại việc dùng binh, nên cho Nhạc làm Trấn-thủ Tuyên-úy đại-sứ, và phong là Cung quốc-công. Tây-sơn vương bèn sắm sửa binh khí, tích trữ lương-thực, chặn lấp nơi hiểm yếu, phòng thủ quan ải, thế càng hùng cường. Ở Thuận-hóa, từ năm bính-thân (1776) Bùi Thế Đạt đã bị triệu về, Phạm Ngô Cầu 范吳俅 thay làm Trấn-vũ, Nguyễn Lệnh Tân làm Phó Đốc-thị. Nguyễn Lệnh Tân muốn trừ diệt Tây-sơn vương sớm đi, nhưng bị Phạm Ngô Cầu ngăn cản. Lệnh Tân bèn làm tờ khải mật trình với chúa Trịnh rằng Phạm Ngô Cầu là người nhút nhát, không có mưu kế, nếu giao phó đất này cho Cầu, tất nhiên Thuận, Quảng sẽ mất, xin bãi Ngô Cầu mà phái một viên tướng khác. Nhưng Trịnh Sâm không cho là phải, lại triệu Lệnh Tân về. Tây-sơn vương được tự do hoạt-động.

Trong lúc nội-bộ chúa Nguyễn chia rẽ, tháng 3 năm ấy (đinh-dậu, 1777) Phụ-chính Nguyễn Văn Huệ, Thiếu-phó Nguyễn Văn Lữ chia Lãnh thủy, bộ binh vào đánh

Gia-định. Lần đầu tiên, Nguyễn Văn Huệ xuất hiện trên chiến-trường Gia-định. L. T. C. B. viết : « Huệ tiếng nói như chuông lớn, mắt sáng như điện, xảo quyệt, giỏi chiến đấu, ai cũng sợ... bốn lần vào đánh Gia-định, lâm trận thì đi trước sĩ tốt, hiệu lệnh nghiêm minh, bộ thuộc đều hết lòng vâng theo.» Quân Tây-sơn đến, Tân-Chính vương đem quân ra đóng ở Trấn-biên, để Lý Tài giữ Sài-côn. Bộ-binh Tây-sơn đi đường thượng đạo mà vào. Phó Tiết-chế Nguyễn Cửu Tuấn, Chưởng-trưởng-đà Nguyễn Đại Lữ 阮大呂 giao chiến với địch đều bị giết ; ở Sài-côn, Lý-Tài giao chiến với thủy-binh địch mấy trận cũng bị thua. Tân-Chính vương hội các tướng lại bàn cách đối phó. Tham-tán Nguyễn Đăng Trường nói : « Địch đông, ta ít, không thể chống cự, chỉ bằng rút về Sài-côn tính kế sách chiến, thủ.» Tân-Chính vương nghe theo, để Chưởng-cơ Tống-phước Lương đồn trú Trấn-biên và dẫn binh về Sài-côn. Mấy ngày sau, quân Tây-sơn đến, Vương sai Lý Tài đem Hòa-nghĩa quân ra Hóc-môn cự chiến, chém được Tuần-sát của địch là Tuyên quân địch hơi lui. Nhưng rồi một sự lầm lẫn đã gây ra hậu quả lớn : Trương-phước Thận (1) từ Cần-vọt đem quân lên tiếp viện, Lý Tài trông xa xa thấy cờ xí, tưởng là quân Đông-sơn đến tập

---

(1) Chưởng-cơ, thuộc đoàn quân của Tống-phước Hợp, khi Duệ-tông vào nam, đến Bình-khương, Thận cùng Nguyễn-Khoa Thuyên theo Chúa vào Gia-định, sau đó đã cùng Nguyễn Cửu Tuấn theo Nguyễn-phước Ánh đi đánh Chân-lạp.

kích mình, bèn rút quân về, địch thừa dịp đuổi theo, quân Lý Tài chạy rối loạn, đến Tam-phụ, bị quân Đông-sơn giết hết. Nhờ quân Phước Thận bảo vệ, Tân-Chính vương chạy về giữ Tranh-giang (thuộc Gia-định), còn Thái-thượng vương chạy về Đăng-giang (sông Chanh, thuộc Định-tường.)

Nguyễn-Phước Ánh bấy lâu ở Tam-phụ, tăng-cường đảng Đông-sơn, đến nay đem 4000 quân đến tiếp viện. Thái-thượng vương dựng cờ « Đông-sơn Đại Tướng-quân » rồi dẫn binh đến Tài-phụ (giồng Tài, thuộc Gia-định). Thái-thượng vương bảo Tân-chính vương lo giữ mặt Tranh-giang, còn mình đảm đương mặt Tài-phụ, có lẽ vì nghĩ Tân-chính vương không ở chung với binh Đông-sơn được, rồi sai các tướng dàn trận, dựa sông để đợi quân địch.

Tháng 4, quân Tây-sơn đến đánh Tài-phụ, đuổi Thái-thượng vương chạy về Long-hưng (thuộc Định-tường). May nhờ có mưa lớn, địch không đuổi kịp, Đỗ Thanh Nhân đã từ Giá-khê (Rạch-giá) đem binh đến Long-hưng. Rồi Vương cùng Thanh Nhân đi Cần-thơ (1) để hợp với binh của Mạc Thiên Tứ. Nhưng thấy binh-lực của Thiên Tứ cũng ít, yếu, khó mà chống địch, Thái-thượng vương sai Đỗ Thanh Nhân và Cai-đội Nguyễn Quân ra Bình-thuận triệu Châu Văn Tiếp, Trần Văn

(1) *Cần-thơ là lỵ-sở đạo Trấn-giang, Mạc Thiên Tứ sau khi Hà-tiên thất thủ, đem quân đến đóng ở đó.*

Thức vào cứu. Quân Tây-sơn đến đánh Tranh-giang, Tân-Chính vương phải chạy đến xã Trà-tân (1) (thuộc Định-tường). Chưởng-cơ Tống-phước Thiêm 宋福添 (2) dùng thủy binh đưa Vương về Ba-việt (thuộc Vĩnh-long). Vương sai Tống-phước Hựu giữ Mỹ-lũng, Tống-phước Thiêm giữ Hương-đôi (đều thuộc tỉnh Vĩnh-long), và đặt Tống-phước Hòa làm Tổng-lãnh chư quân để chống ngự với Tây-sơn.

Trong khi hai vương nhà nguyễn bị rượt, chạy từ nơi này đến nơi khác thì Nguyễn Văn Huệ chiếm cứ Sài-côn. Ở đây Nguyễn Văn Huệ bắt giết một viên quan nhà Nguyễn, Tham-tán Nguyễn Đăng Trường, mà thái-độ của người giết và người bị giết còn được nhắc nhở (3).

---

(1) L.T.T.B. chép là Trà-luật.

(2) Tức Thiêm-lộc, trước, theo Duệ-tông vào Gia-định, làm Chưởng-cơ, sau khi Duệ-tông nhường ngôi cho Tân-Chính vương, đã giao cho Tống-phước Hòa và Thiêm giữ Long-hồ.

(3) Nguyễn Đăng Trường, người huyện Hương-trà, cháu nội ẩn-sĩ Nguyễn Đăng Đàn (xem mục Văn-Học). Năm giáp-ngọ, quân Trịnh vào đánh, Đăng Trường làm Tham-tán, chống đánh với quân Trịnh ở sông Phú-lễ, bị thua.. Thuận-hóa mất, Đăng Trường theo Chúa Duệ-tông không kịp, đem mẹ vào lánh ở Qui-nhơn. Sau khi Đông-cung Dương vào Gia-định rồi thì Nguyễn Văn Huệ mời Đăng Trường,lấy lễ tân khánh mà-đãi, nhưng Đăng Trường không chịu giúp, xin đi. Huệ nói : « Tiên-sinh đi chuyến này, ý muốn làm cái việc xoay trở trời đất, nhưng

Đỗ Thanh Nhân và Nguyễn Quân ra Bình-thuận xin quân cứu viện, nhưng Châu Văn Tiếp vì quân ít, từ chối, chỉ Trần Văn Thức, tháng 7, từ Phú-yên đem quân vào Gia-định, đến Bình-thuận, giao chiến với quân Tây-sơn, vừa ra đánh miền Trung, bị giết.

Trong khi ấy, quân Tây-sơn đến đánh Ba-việt. Bấy giờ Thiếu-phó Nguyễn-phước Chí, Nội-tả Nguyễn-phước Mẫn, Chưởng-cơ Tống-phước Hựu đều đã bị bệnh, mất, chỉ còn Chưởng cơ Tống-phước Hòa một mình chống cự với địch, đánh mấy trận đều thắng. Tháng 8, Nguyễn

---

...sao được ! Tôi e rằng ngày khác có hối cũng không kịp.» Đăng Trường đáp : « Đại Trượng-phu ở đời, lấy trung hiếu làm đầu, tôi nay phò mẹ, tìm chúa, đạo nghĩa thật rõ ràng, còn được, mất, cùng, thông, đó là mạng, có hối hận gì ! » Huệ khen lời nói ấy, để cho đi. Nay chiếm Sài-côn, lại bắt được Đăng Trường, Huệ nói : « Nay tiên-sinh nghĩ thế nào ? » Đăng Tường đáp ngay : « Nay thì chỉ có chết mà thôi, hà tất phải hỏi.» Bị đưa ra pháp-trường, Đăng Trường quay về phía bắc, lạy rồi chịu chết. Bấy giờ có người võ sĩ tên là Điền Nghệ (không rõ họ), vốn ở trong quân ngũ của Tân-chính vương, sau trận Tranh-giang, chạy lạc, khi nghe tin Đăng Trường chết, nhảy xuống giếng tự tử (T.L.T.B.) Con Đăng Trường là Cao, môn-đệ là Nguyễn Thanh, Nguyễn Luân, Nguyễn Thường đều nhảy sông tự tử. Gia-long năm thứ 3, cho con Đăng Trường là Minh sung vào Hàn-lâm-viện, năm thứ 9, cho Đăng Trường được thờ ở miếu Trung-tiết-công-thần ; Minh-mạng năm thứ 3, truy tặng hàm Binh-bộ thượng thư. (L.T.T.B.)

Văn Huệ đến đánh Hương-đôi, Chưởng-cơ Tống-phước Thiêm chạy về Ba-việt.

Thấy thế quân Tây-sơn mạnh, và mình binh ít, lương hết, Tân-Chính-vương tính ra Bình-Thuận để hội binh với Châu-Văn-Tiếp, nhưng rồi việc ấy cũng thôi ; các tướng tan cả. Còn một mình Chưởng-cơ Tống-phước-Hòa, già cả, sức kiệt, thấy mình không làm gì được, khuyến khích bọn thuộc hạ, và nói : « Thân làm Đại-tướng mà phải chịu cái nhục không giữ gìn được xã-tắc, thì hỏi sống làm gì ? » rồi tự tử.

Trơ trọi một mình, Tân-Chính-vương nghĩ rằng sau khi đồn hãm, quân dân sẽ không khỏi bị giết hại, nên ước với địch nếu bảo toàn tính mạng cho quân dân trong đồn thì sẽ nạp mình. Tây-sơn bằng lòng. Vương sa vào tay họ, và ngày tân-hợi (1), bị họ giết cùng 18 vị quan bị bắt với vương. (Năm Gia-long thứ 8 (1809) truy tặng là Mục vương.)

Thái-thượng vương sau khi đến Cần-thơ với Mạc Thiên Tứ, sai con Thiên Tứ là Tham-tướng Tử Duyên hợp với các đạo binh cần vương, đi đánh Tây-sơn, nhưng thua. Quân Tây-sơn đến đánh Trấn-giang, Thiên Tứ xin rước vương do đường sông từ Cần-thơ đi Kiên-giang, ở đây nếu có bất trắc thì có thể chạy ra các hải-đảo để

(1) *T.L.T.B. chép là ngày tân-hợi, L.T.T.B. chép là ngày canh-tuất.*

tránh. Thiên Tứ đưa vương đi trước, và sai con dùng gỗ chắn những chỗ cạn của dòng sông. Thái-thượng vương lo buồn, nói với Thiên-Tứ : «Nay giặc mạnh như thế, việc nước như thế, biết có trông mong tái tạo cơ-nghiệp được không ?» Thiên Tứ khóc, và đề-nghị cho mình sang cầu viện nhà Thanh. Vương bằng lòng. Vương đi Long xuyên, Thiên Tứ sai một viên quan của mình là Cai-cơ Kham đưa Vương đi, còn mình ở lại Kiên-giang để đợi thuyền của một viên quan khác là Quách Ân đến để đi Quảng-đông. Nhưng liền đó, tháng 9, quân Tây-sơn, do Chưởng cơ Thành chỉ-huy, đến đánh Long-xuyên, bắt được Thái-thượng vương đem về Sài-côn, rồi ngày canh-thìn, đem giết cùng Nguyễn-phước Đồng 阮福 (anh ruột Nguyễn-phước Ánh), cha con Chưởng-cơ Trương-phước Thận, Lưu-thủ Lượng 諒 (không rõ họ) và Tham-mưu Nguyễn Danh Khoáng.

Thái-thượng vương ở ngôi Chúa 11 năm, lên ngôi Thái-thượng vương gần 1 năm, thọ 24 tuổi. Ban đầu táng ở đất huyện Bình-dương, năm mậu-tuất (1778) Nguyễn-phước Ánh lên nhiếp-chính, truy dâng tôn thụy là Thông Minh Khoan Hậu Anh Mẫn Huệ Hòa Hiếu-Định vương ; Gia-long năm thứ 5, truy tôn là Thông Minh Khoan Hậu Mẫn Hòa Hiếu Định 定 皇 帝 Hoàng-đế, miếu-hiệu là Duệ-tông 睿 宗 ; năm Gia-long thứ 8, cải táng ở núi La-khê, lăng gọi là Trường thiệu 長 紹

Giết cả hai vương nhà Nguyễn, nhà Tây-sơn cho là đất Gia-định đã dẹp yên, bèn giao cho Tổng-đốc Châu

朱 Hổ tướng Hãn 罕, Tư-khấu Uy 威 Điều-khiển Hòa 和 Cai-cơ Chấn 振, ở lại chia giữ đất này, Phụ chính Nguyễn Văn Huệ, Thiếu-phó Nguyễn Văn Lữ trở về Qui-nhơn.

Đã làm chủ gần trọn đất Nam hà, đầu năm mậu-tuất (1778) Tây sơn Vương Nguyễn Văn Nhạc xưng Hoàng-đế, lấy niên hiệu là Thái-đức, 泰德 đổi tên thành Trà-bàn là Hoàng-đế thành, phong Nguyễn Văn Lữ làm tiết chế và Nguyễn Văn Huệ làm Long-nhương Tướng-quân.

XI. — Phụ : Công Việc Chính-Quyền Lê-Trịnh Làm Ở Thuận-Hóa (1774-1786)

Tây-Sơn Đánh Chiếm Thuận-Hóa (1786)

Quân Trịnh chiếm thành Phú-xuân, vào kho thu được 30 vạn quan tiền đồng (thứ tiền rất tốt của nhà Đường, nhà Tống). Trấn-vũ Hoàng Ngũ Phước xuống lệnh dùng người địa-phương cai-trị các huyện.

Sau khi Hoàng Ngũ Phước về Bắc, tháng 10 năm cảnh- hưng thứ 36 (1775) chúa Trịnh sai Bùi Thế Đạt làm Trấn-vũ Thuận-hóa, cùng Nguyễn Đình Đống, Phan Trọng Phiên, Uông Sĩ Điền, Nguyễn Lệnh Tân giúp việc. Năm sau, tháng giêng, lại sai Lê Quý Đôn 黎貴惇 làm Tham-thị, Nguyễn Mận Dĩnh 阮茂頴 làm Phó Đốc thị, cùng với Bùi Thế Đạt kinh lý việc quân, đặt nhu

môn, sửa thành lũy, đóng thêm trọng binh để khống chế. Sai Ngô Phước Oánh làm Lưu-thủ đồn Động-hải, Phan Huy Áng làm Hiệp-đồng.

Tháng 2, Chúa Trịnh truyền Bùi Thế Đạt đem những khẩu súng đồng của Thuận-hóa mà nòng đã rộng, không dùng được, cùng đồ đồng, tấm đồng nặng, lớn, không chở được, phá hủy để đúc tiền. Thế Đạt thu những đỉnh to, vạc lớn, thùng lớn của nhà Nguyễn, nhiều cái rộng 7, 8 thước, cao 3, 4 thước, nặng 700, 800 cân, cùng súng, cân được 799 tạ (mỗi tạ 100 cân) đem đúc tiền; đồng tiền nặng một đồng cân, đề chữ «Cảnh hưng thuận bảo», 5 tháng thì xong, đúc được 30.362 quan. Lại nghe núi đất Nam-phố (huyện Phú-vinh) có vàng, Bùi Thế Đạt sai đội Hoàng-sa và thuê phu đào lấy đất, đãi, nấu, nhưng sau 4 tháng chỉ được 4 lạng, 6 đồng cân vàng, không bù được tiền công và tiền ăn, nên bỏ (1).

Năm Cảnh-hưng thứ 37 (1776) tháng 5, Trấn-vũ Thuận-hóa khiến các huyện Hương-trà, Phú-vinh, Quảng-điền, Đăng-xương, Minh-linh, Hải-lăng, Lệ-thủy, Khương-lộc và châu Nam Bố-chính lược khai số ruộng đất công, tư bỏ hoang, và hiện chịu thuế. Số ruộng đất ấy của 8 huyện, 1 châu, cộng hơn 265.507 mẫu 4 sào, trừ số bỏ hoang ra, hiện số thực nạp thuế là 153.181 mẫu 5 sào.

Tháng 7, ra lệnh cho nhân-dân Thuận-hóa phải thay đổi y phục, theo tục Bắc-hà. Tháng 8, triệu Bùi Thế Đạt,

(1) *V.B.T.L. quyển IV.*

Lê Quý Đôn (1), Phan Trọng Phiên về. Sai Tạo quận. công Phạm Ngô Cầu, Trấn-thủ Sơn-nam vào làm Trấn-vũ

---

(1) *Trong bài tựa sách V.B.T.L. Lê Quý Đôn nói về tình-hình Thuận-hóa khi quân Trịnh mới chiếm đóng Phú-xuân như sau: «... Nhưng trấn ty mới đặt, mọi việc bắt đầu. Bấy giờ binh, dân ở lẫn lộn nhau, quân-đội ỷ thế cướp đoạt, dở các trại lính cũ để làm củi, đặt những đồn mới để bắt bớ, khám xét, tiền kẽm không ăn, giá lúa vọt lên cao, các lò nấu muối bỏ nghề, cựu quan cùng thổ dân tranh nhau ruộng đất, phát sanh kiện cáo; lại, dân ăn mặc khác kiểu; kẻ hung hãn lớn tiếng, kẻ yếu uất ức. Tôi cùng đồng liêu bàn cách khu xử, bắt đầu tạm đặt Đề-lại, định lệ kiện, cấm các quan đồn xét kiện, việc nào huyện xét, việc nào trấn xét, đều có phép thường; sức các tướng hiệu cấm quân lính không được hiếp chế, cướp đoạt, khiến quân nhân đến núi Hòn chén ở thượng lưu để lấy củi, cắt cỏ; không được tự tiện vào nhà dân, khiến dân gian dùng tiền kẽm, cứ 3 đồng ăn 1 đồng tiền đồng, cho đầu nguồn Cam-lộ chở gạo đến, bỏ các sở thuế tuần, thuế đò, thuế chợ phiền hà tuế toái hơn 140 sở.....»*

Và ở quyển viết: «... Dinh Phú-xuân, nhà quan, nhà lính đến mấy vạn nhà. Tháng giêng năm ất-mùi, quan quân đến đóng đồn, tướng sĩ và binh lính đi theo có hơn 3 vạn người, họ mặc ý phá dỡ để lấy làm củi, dân gian nhân đó mà lấy trộm cũng không ai ngăn cấm. Gỗ nhà ấy là gỗ kiền-kiền, gỗ sao, gỗ giáng-hương. Sau mấy năm đốt cháy, còn thấy một gian nhà chứa đầy các gỗ ấy để làm củi...»

Thuận-hóa, để bọn Nguyễn Lệnh Tân, Nguyễn Mậu Dĩnh ở lại giúp việc.

Năm Cảnh-hưng thứ 38 (1777), sai Phạm Ngô Cầu định ngạch thuế, ngạch binh xứ Thuận-hóa, thuế điền giảm hai phần mười, binh giảm một phần ba. Lại mở khoa thi hương, lấy đỗ Hương-cống và Sinh-đồ để thu dung những người văn-học. Hợp Nam Bố-chính và Bắc Bố-chính lại làm một, cho thuộc Nghệ-an.

Từ khi quân Trịnh chiếm Phú-xuân, có 3000 lính đồn trú và 30.000 lính thú, thay phiên p'hòng thủ biên-giới. Vua Thái-đức đã vững ở Qui-nhơn rồi. Nguyễn Huệ muốn đánh Phú-xuân, nhưng vua không chịu, cho là nguy hiểm. Trấn-vũ Phạm Ngô Cầu là người ngược, hoạnh,tham nhiễu, dày xéo nhân-dân, lính lại khiếp nhược, đa nghi, cùng Phó Tướng Hoàng Đình Thể không hiệp nhau. Tây-sơn dò biết tình-hình ấy. Cuối mùa xuân năm bính-ngọ (1786), Phạm Ngô Cầu sai một viên thuộc-hạ là Nguyễn Phù Như vào Qui-nhơn để nói về việc biên-giới, nhân để xem xét tình-hình Qui-nhơn. Bấy giờ Nguyễn Hữu Chỉnh đã vào theo Tây-sơn, được đãi làm thượng khách và chờ cơ hội để tính việc báo thù cho chủ cũ (Hoàng Đình Bữu), nên thường khuyên vua Tây-sơn chuẩn-bị để đánh Phú-xuân. Nguyễn Phù Như vốn quen thân với Nguyễn Hữu Chỉnh, bảo riêng với Chỉnh rằng Thuận-hóa có thể lấy được. Hữu Chỉnh đem lời ấy tâu lại với vua Thái-đức.

Tháng 5 năm ấy, Cảnh-hưng năm thứ 47, vua Thái-đức quyết định đánh Phú-xuân, sai Hữu-Chỉnh làm Hữu

quân, Võ Văn Nhậm làm Tả-quân, Nguyễn Văn Lữ điều khiển thủy-quân, đều do Nguyễn Văn Huệ tiết-chế, tiến ra Phú-xuân. Quân bộ qua đèo Hải-vân, tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Quyền chống cự, bị giết. Trước đó, Tây sơn đã ngầm sai một thuật-sĩ người Tàu, đến hành nghề ở Phú-xuân, Phạm Ngô Cầu mời vào, nhờ xem cho mình; người thuật-sĩ lấy lẽ họa phước mê hoặc Ngô Cầu, rồi xúi Ngô Cầu lập đàn cầu đảo, quân lính phải phục dịch ngày đêm, đều mệt mỏi. Vượt đèo Hải-vân, quân bộ tiến ra, thủy-quân cũng do đường biển tiến vào, hai đạo quân ập đến thành Phú-xuân. Ngô Cầu đương ở trai đàn, nghe tin, vội vả trở về bàn việc chống giữ, nhưng quân sĩ đương mệt mỏi không có lòng chiến đấu nữa. Nguyễn Huệ lại bảo Hữu Chỉnh viết một bức thư niêm kín, gửi cho Hoàng Đình Thể, hẹn làm nội ứng, nhưng giả vờ đem đưa đến dinh Phạm Ngô Cầu, Ngô Cầu nghĩ rằng Đình Thể và Hữu Chỉnh đều là môn hạ của Hoàng Đình Bửu, ắt có thể thông đồng nhau. trong lòng nghi ngại, có ý muốn đầu hàng. Quân thủy, bộ Tây-sơn giáp công. Ngô Cầu sai Đình Thể ra thành nghênh chiến. Thành ở gần bờ sông, nhưng từ sông trông lên chân thành cách hơn 2 trượng, quân Tây-sơn ở dưới thuyền không bắn lên mặt thành được, Đình Thể lại bắn đại-bác làm chìm I chiến-thuyền của địch, quân địch hơi lui. Nhưng đêm hôm ấy, nước triều dâng cao, thuyền Tây-sơn đến được sát chân thành, bắn lên, trong khi ấy thì bộ-binh vây các cửa thành. Đình Thể cùng hai con và một tỳ-tướng là Võ Tá Kiên

dựa vào thành lũy để bày trận, ra sức chiến đấu, giết được vài trăm quân địch, nhưng rồi hết đạn, sai người vào xin quan Trấn-vũ, Ngô Cầu đóng cửa thành, không cho. Đình Thể giận lắm, muốn vào thành giết Ngô Cầu rồi sẽ trở ra đánh, nhưng thấy trên thành đã treo cờ trắng rồi ! Đình Thể cùng quân sĩ dùng đoản đao tiếp tục chiến đấu, giết được mấy chục quân địch, hai con phóng ngựa ra giết giặc, ngựa bị chặt chân, cả hai đều bị giết, Đình Thể đi đánh ngặt, phải đâm cổ mà chết trên bành voi, Tá Kiên cũng bị giết. Phạm Ngô Cầu mở cửa thành, trói mình, xe quan tài ra hàng. Quân Tây-sơn reo hò, tiến vào, tha hồ giết chóc một cách rùng-rợn. Quân Bắc-hà ở trong thành đến vài vạn đều bị giết, những kẻ chạy thoát ra ngoài thành thì bị dân chúng giết ; vượt qua sông Gianh trở về Bắc chỉ được vài trăm. Quan Đốc-thị Nguyễn Trọng Đang bị chết trong đám loạn quân. Phạm Ngô Cầu bị đưa về Qui-nhơn rồi bị giết.

Chiếm xong Phú-xuân, Nguyễn Huệ liền đem quân ra Bắc, tướng đóng đồn ở Dinh-cát đã chạy trốn; đến Động-hải, tướng giữ đồn là Ninh-Tốn cũng đã bỏ chạy. Thế là trong vòng 5, 6 ngày Nguyễn Huệ đã chiếm trọn đất Thuận-hóa.

Theo Hoàng Lê nhất thống chí, công cuộc lấy Thuận-hóa hoàn tất ngày 14 tháng 5 năm bính-ngọ.

Trịnh - Nguyễn phân tranh

NGUYỄN		TRỊNH
Nguyễn Hoàng (1558-1613)	Lê Anh-tông (1557-1573)	Trịnh Kiểm Thái-sư
Đoan quốc-công	n.h. Thiên-hụu 1557	mất năm 1570
	Chính-trị 1558	Trịnh Tùng
	1571	(1570-1623)
	Hồng-phước 1572	Bình-an vương
Nguyễn Hoàng	Lê Thế-tông (1573-1599)	Trịnh Tùng
	n h. Gia-thái 1573	
	1577	
	Quang-hưng 1578	
	1599	
Nguyễn Hoàng mất năm 1613	Lê Kính-tông (1600-1619)	Trịnh Tùng
Nguyễn-phước Nguyên (1613-1635) Thụy quốc-công	n.h. Thuận-đức 1600	
	Hoằng-định 1601	
	1619	
Nguyễn-phước Nguyên mất năm 1635	Lê Thần-tông (lần thứ I) (1619-1642)	Trịnh Tùng mất năm 1623 Trịnh Tráng

NGUYỄN			TRỊNH
Nguyễn-phước Lan (1635-1648)	n.h. Vĩnh-tộ	1619	(1623-1657)
		1628	Thanh-vương
Nhân quận-công	Đức-long	1629	
		1634	
	Dương-hòa	1635	
		1642	
Nguyễn-phước Lan mất năm 1648	Lê Chân-tông (1643-1649)		Trịnh Tráng
Nguyễn-phước Tần (1648-1687)	n.h. Phước-thái	1643	
Dõng quận-công			
Nguyễn-phước Tần	Lê Thần-tông (lần thứ II) (1649-1662)		Trịnh Tráng mất năm 1657
	n.h. Khánh-đức	1649	
		1652	
	Thạnh-đức	1653	Trịnh Tạc
		1657	(1657-1682)
	Vĩnh-thọ	1658	Tây-vương
		1661	
	Vạn Khánh	1662	
Nguyễn-phước Tần	Lê Huyền-tông (1663-1671)		Trịnh Tạc
	n.h. Cảnh-trị		

NGUYỄN			TRỊNH
Nguyễn-phước Tần	Lê Gia-tông (1672-1675)		Trịnh Tạc
	n.h. Dương-đức	1672	
		1673	
	Đức-nguyên	1674	
		1675	
Nguyễn-phước Tần mất năm 1687	Lê Hy-tông (1676-1705)		
Nguyễn-phước Trăn (1687-1691)	n.h. Vĩnh-trị	1676 1680	Trịnh Tạc mất năm 1682
Hoằng quốc-công	Chánh-hòa	1680	Trịnh Căn
Nguyễn-phước Chu (1691-1725) Quốc-chúa		1705	(1682-1709) Định Vương
Nguyễn-phước Chu mất năm 1725	Lê Dụ-tông (1705-1729)		Trịnh Căn mất năm 1709
	n.h. Vĩnh-thạnh	1705	Trịnh Cương
Nguyễn-phước Trú		1720	(An vương)
(1725-1738)	Bảo-thái	1720	(1709-1729)
Đỉnh quốc-công		1728	
Nguyễn-phước Trú	Lê đế Duy-phương (1729-1732)		Trịnh Giang (Uy-vương)
	n.h. Vĩnh-khánh		(1729-1740)

NGUYỄN		TRỊNH
Nguyễn-phước Trú	Lê Thuần-tông (1372-1735)	Trịnh Giang
	n.h. Long-đức	
Nguyễn-phước Trú mất năm 1738	Lê Ý-tông (1735-1740)	Trịnh Giang
Nguyễn-phước Khoát (1738-1765) Quốc-vương		Trịnh Doanh Minh vương (1740-1767)
Nguyễn-phước Khoát mất năm 1765	Lê Hiển-tông (1740-1786)	Trịnh Doanh mất năm 1767
Nguyễn-phước Thuần (1765-1777)	n.h. Cảnh-hưng	Trịnh Sâm Tĩnh-độ vương (1767-1782)

CHƯƠNG BA

CÔNG VIỆC CÁC CHÚA NGUYỄN LÀM Ở NAM-HÀ

I.— BẮC CỰ

II.— NAM TIẾN

III.— TỔ-CHỨC CHÍNH-QUYỀN.
CÁC CHẾ-ĐỘ.

I.— BẮC CỰ (Chiến-tranh với họ Trịnh)

II.) Nguyên-do.

Đoan quận-công Nguyễn Hoàng từ giả Tây-đô ra đi Thuận-hóa, trong lòng vốn sẵn mối nghi đối với người anh rể đã ám hại anh ruột mình.

Nhưng hai người vẫn giữ hòa hảo. Đời vua Trung-tông, Thuận-bình năm thứ 12 (1569) tháng 9, Đoan quận-công ra Tây-đô yết vua Anh-tông, nhân đó hai anh em lại có dịp nhắc lại tình xưa, cùng nhau tỏ lòng thân mến. Tháng giêng năm sau, canh-dần, chính Thái-sư Trịnh Kiểm tâu vua Lê để Đoan quận-công trở về nam, và cho kiêm lãnh trấn Quảng-nam, triệu Tổng binh Nguyễn bá Quỳnh về.

Nhưng đến Trịnh Tùng lên ngôi, thấy Đoan quận-công đã vững thế ở Thuận, Quảng, liền đối với cậu đã có ý không lành. Việc Mỹ Lương và Văn Lang mưu đánh Đoan quận-công năm Tân-mùi (1571) bắt đầu bộc lộ lòng kỳ-thị của chúa Trịnh. Rồi đến việc sai Hiến-sát-sứ Nguyễn Tạo vào khám ruộng đất để thu thuế năm bính-tuất (1586) cho chúng ta thấy mối tương giao giữa hai họ đã căng thẳng. Đoan quận-công đã được tự do hoạt động trong địa - hạt của mình, mỗi năm chỉ nạp cho triều-đình số tiền sai-dư thay bằng 400 cân bạc và 500 cây lụa. Theo T. L. T. B. và V. B. T. L. thì không chỉ Đoan quận-công đã nạp đủ số, không khi nào để thiếu

thốn, mà thấy Tây-đô liền năm mất mùa, quân dụng không đủ, ông còn đem thóc ra giúp triều-đình nữa. Nhưng theo bức thư mà Trịnh Tùng đã gửi cho cậu (xem trước) thì cũng có khi Nguyễn Hoàng tìm cớ để từ chối. Nhưng dầu có nạp đủ hay không, việc sai phái Nguyễn Tạo là một hành-động bất nhã, chắc đã làm cho Đoan quận-công khó chịu lắm. Chính Nguyễn Tạo cũng cảm thấy điều ấy, nên không đi khám đặc mà chỉ lấy sổ sách các quan trình lên đem về.

Nhưng Đoan quận-công phải nấn-ná làm thinh vì chưa có lực lượng.

Năm Quý-dậu (1573) Trịnh Tùng giết vua Anh-tông, lập vua Thế-tông, rồi thăng chức cho các quan, Nguyễn Hoàng cũng được phong Thái-phó. Nhưng đó là việc làm để cho các quan vui lòng chấp nhận một tội ác của Tùng mà thôi, mà đã thăng cho các quan thì không lẽ không thăng cho Trấn-thủ Thuận, Quảng.

Năm nhâm-thìn (1592) Trịnh Tùng thu phục được Đông-đô, rồi năm sau vua Lê trở về Đông-đô. Đó là một dịp Quốc-khánh lớn lao, nên Trấn-thủ Thuận, Quảng không thể không về bái hạ. Vả, nhân thể để dò xem việc triều chính và thái-độ của Trịnh Tùng mà tiếng dồn vào Thuận-hóa là lấn át quyền vua, hống hách với triều-thần. Ông đem sổ sách quân dân, binh lương, kho tàng, dâng lên vua Lê, như vậy đã tỏ lòng trung thành rất mực. Vua Lê phong ông tước quốc-công.

Ở Thăng-long 8 năm, ông đã thấy rõ Trịnh Tùng tước đoạt quyền vua. Trong thời-gian ấy, ông lập được nhiều huân-công lớn lao, hai con thứ hai là Hán và thứ tư là Diễn đều hy-sinh vì việc nước, thế mà Bình-an vương không muốn để ông về Nam. Ông phải tìm cách mà về. Việc Phạm Ngạn, Ngô Đình Nga nổi loạn ở cửa Đại-an năm canh-tý (1660), ta có thể tin là do ông xui sử để có cớ mà đem quân về. Bình-an vương cho người đuổi theo, nhưng không kịp. Trịnh, Nguyễn đoạn tuyệt bắt đầu từ đó (1660).

Tuy vậy Đoan quốc-công cũng chưa dám ra mặt ly-khai, vì chưa có lực lượng. Bình-an vương thì bất đắc dĩ cũng phải chấp nhận một việc đã rồi : để cho Nguyễn Hoàng trấn thủ Thuận, Quảng. Liền đó, sai Thiêm-đô ngự-sử Lê Nghĩa Trạch đem sắc vua Lê và thư của mình vào vỗ về Đoan quốc-công. Việc Đoan quốc-công đốt nhà trọ Lê Nghĩa Trạch khi ông này mới vào đến Dinh-Cát để đoạt sắc vua Lê mà T.T. chép, không biết có hay không, nhưng nếu có thì cũng không phải là việc quan-trọng, vì Đoan quốc-công bề ngoài vẫn phục thuộc triều-đình, và đương tìm cách hàn gắn sự xích mích giữa Trịnh-Nguyễn. Ngoài việc đã lưu lại công-tử Hải, công-tôn Hắc ở Bắc làm quan để làm con tin, nay nhân Lê Nghĩa Trạch về, Đoan quốc-công gửi thư cho Bình-an vương hẹn kết nghĩa thông gia, và tháng 10 năm ấy thì đưa công-nữ Ngọc-Tú về Bắc. Nếu họ Trịnh đánh họ Nguyễn trong thời-gian này thì chắc đã dẹp

được, nhưng trước thái-độ thuận hảo ấy của Đoan quốc-công, chúa Trịnh lẽ nào công khai dụng binh cho được!

Đoan quốc-công mất, Vua Lê sai sứ vào phúng, tặng là Cần-nghĩa công, và phong Thụy quận-công hàm Thái-bảo, tước quận-công, trấn-thủ Thuận, Quảng.

Đến năm canh-thân (1620), việc Bình-an vương sai Đô-đốc Nguyễn-Khải đem quân vào Nhật-lệ hưởng ứng với hai công-tử Hiệp, Trạch, để mưu chiếm Thuận-Hóa đã làm cho Thụy quận-công không thể nấn-ná, nên không nạp thuế cống nữa. Năm giáp-tý (1624) Thanh-đô vương sai Công-bộ Thượng-thư Nguyễn Duy Thì vào đòi thuế đất, chúa Nguyễn trả lời cho qua, không nạp. Năm bính-dần (1626) chúa Trịnh sai Nguyễn Khải đem quân vào đóng ở Hà-trung, rồi sai Binh-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn Hữu Bản vào đòi thuế và mời Thụy quận-công đến Thăng-long, chúa Nguyễn không nạp mà cũng không đi. Thấy họ Nguyễn đã ra mặt ly-khai triều-đình, Thanh-đô vương phải hành-động. Nhưng trước khi dùng binh, chúa Trịnh cũng muốn hỏi lại Thụy quận-công một lần cuối cùng. Năm đinh-mão (1627), sai Lê Đại Nhậm đem sắc vua Lê vào bảo chúa Nguyễn cho con ra chầu, và nạp voi, thuyền để cống nhà Minh. Thụy quận-công khước từ, Thanh-đô vương phát binh. Trận ấy, quân Trịnh không thu được thắng lợi gì, nên phải rút quân về.

Bấy giờ ở Nam-hà đương có cơ thịnh vượng, còn ở Bắc-hà thì liền năm mất mùa, đói kém, quân nhu không

dủ (1) việc dùng chiến-tranh để thắng được chúa Nguyễn không phải là dễ. Vả lại, bà Tây-cung (Ngọc Tú) còn đó (2), và tình nghĩa thông gia hai đời đều là những yếu-tố không phải là không có ảnh-hưởng trong hành-động của chúa tôi họ Trịnh. Thanh-đô vương phải nghĩ đến việc vỗ về chúa Nguyễn một lần nữa, năm kỷ-tỷ (1629) sai Lại-bộ thượng-thư Nguyễn Khắc Minh vào phong Thụy quận-công tước Quốc-công, và khiến đem quân ra đi đánh họ Mạc ở Cao-bằng, như Nguyễn Thái-tổ đã làm trước kia vậy. Nếu chúa Nguyễn ra, thì tốt biết mấy ! Nhưng Thụy quốc-công đã không trúng kế, rồi bốn chữ «Dư bất thọ sắc» của Văn Khuông chẳng khác nào một tiếng sét ngang tai chúa Trịnh. Thôi, thế là dứt hẳn !

Trận đánh nhau năm đinh-mão (1627) là trận đánh nhau đầu tiên, sau đó hai bên Trịnh, Nguyễn còn đánh nhau 6 lần, trong 46 năm nữa. Công khai Trịnh Nguyễn đều có chánh-nghĩa phần mình, và đều tôn vua Lê để dựa vào mà giành chánh-nghĩa. Trong mấy mươi năm chiến-tranh với họ Trịnh, cũng như sau này, cho tới khi nghiệp

---

(1) *Ấy là lời của Nguyễn Danh-Thế nói với Thanh-đô vương trong dịp này.*

(2) *Vừa rồi, mùa thu năm mậu-thìn (1628) (T. L. T. B. năm kỷ tỵ) bà lập chùa Long-ân ở phường Quảng-bá, thuộc phủ Hoài-đức, dựng bia thuật lại công đức của Triệu-tổ Nguyễn Kim, Thái-tổ Nguyễn Hoàng (chùa này đời Minh-mạng đổi tên là chùa Sùng-ân, đời Thiệu-trị đổi tên là chùa Hoằng-ân. T. L. T. B. năm mậu-thìn, 1628).*

chúa chấm dứt, ở Nam-hà trong những giấy tờ công, tư đều dùng niên-hiệu vua Lê.

Chúa Nguyễn tuyên-bố rằng họ Trịnh đã giết vua Anh-tông (1573) rồi vua Kính-tông (1619), ấy là một tội đại nghịch ; đã tước đoạt hết quyền bính vua Lê, để vua làm bù-nhìn, hư vị; rồi xâu thuế nặng nề, khiến trăm họ lầm-than, vậy mình có bổn phận diệt Trịnh để phò Lê, và giải-thoát ngôi vua và nhân-dân khỏi ách chúa Trịnh.

Còn chúa Trịnh thì nói vì họ Nguyễn đã phản bội nhà Lê : được bổ làm Trấn thủ, họ Nguyễn đã ly-khai triều-đình, bỏ bổn-phận thuế cống, lại còn xâm lược đất nhà vua, vậy mình có trách-nhiệm nhân danh vua Lê mà đánh kẻ phản-thần để đem giang sơn về một mối cho vua Lê.

Đó là bề ngoài. Bề trong là lý-do đố kỵ. Các chúa Nguyễn cho rằng thủy-tổ nhà mình, Triệu-tổ Nguyễn Kim, mới là người khôi phục nhà Lê, còn thủy-tổ họ Trịnh, Trịnh Kiểm, là một người ty tiểu, phục vụ dưới trướng cha ông mình, được cha ông mình cất nhắc lên, vậy địa vị họ Trịnh có được bên cạnh vua Lê đáng lẽ phải dành cho họ Nguyễn mới phải. Thế mà họ Trịnh nắm hết quốc quyền, khi làm chúa đã được phong tước vương, còn các chúa Nguyễn chỉ được phong tước quận-công, may lắm được thăng quốc-công, và sau khi chết, như chúa Nguyễn Hoàng, được tặng tước Công là

cùng. Chúa Trịnh thì thấy chúa Nguyễn mạnh lên, đất đai mở rộng, thành một nước độc lập, cũng là mối lo về sau cho mình.

Vì vậy chúa Nguyễn thì muốn diệt chúa Trịnh, sau đó mình có làm như họ Trịnh đối với vua Lê không thì chưa biết ; còn chúa Trịnh thì muốn diệt chúa Nguyễn để lãnh-thổ nhà Lê, tức lãnh-thổ mình, rộng lớn hơn, và dứt được hậu hoạn.

Các nguyên-do ấy đã khiến Trịnh Nguyễn chiến-tranh 7 lần, khi đánh, khi nghỉ trong 45 năm, quân chúa Trịnh lần nào vào đánh cũng bị đẩy lui hoặc phải rút về, quân chúa Nguyễn một lần ra đánh chiếm được 7 huyện ở Nghệ-an, nhưng giữ được 5 năm rồi bị quân họ Trịnh vào đánh đuổi. Kết cuộc, vua Lê, chúa Trịnh phải mặc-nhiên chấp nhận sự ly-khai, lập riêng giang-sơn của chúa Nguyễn.

II.) Lực-Lượng Của Chúa Trịnh Và Chúa Nguyễn.

Tài-liệu không cho chúng ta biết một cách mục đích xác lực lượng quân-sự của chúa Nguyễn và của chúa Trịnh trong các cuộc chiến-tranh này.

Nhưng chúng ta biết chắc rằng ở Bắc-hà, việc tổ-chức quân-đội đã có qui-củ lâu đời, vả bấy giờ chiến-tranh, biến loạn xảy ra luôn, chúa Trịnh lại ỷ lại binh-lực để tự tồn, quan, dân cũng lấy việc quân làm trọng, cho nên Bắc-hà đã có một đạo quân khá mạnh.

Nam-hà, từ sau khi chúa Thái-tổ đánh thắng Lập Bạo, trong cõi yên-ổn một thời-gian lâu, quân-đội vẫn như lúc chúa mới vào, từ chức Chưởng-dinh, Chưởng-cơ cho đến Cai-đội, chỉ dùng người công-tộc và người Thanh-hoa, con cháu họ lớn lên thì cho làm Cai-đội tòng quân ở các dinh, xem vậy quân đội chưa được mở rộng thành một lực-lượng của toàn dân. Mãi đến sau trận đánh với quân Trịnh năm đinh-mão (1627) chúa Hy-tông biết rằng muốn giữ được địa-bàn ắt phải còn nhiều lần chiến-tranh; lại có Đào Duy Từ bày mưu, định kế, quân-đội mới được tổ-chức lại, dùng người khỏe mạnh, và am hiểu võ-nghệ ở hai xứ Thuận, Quảng, sung vào, để quyết tranh hùng với họ Trịnh.

T.L.T.B. có cho ta biết năm quý-tị (1653) là năm sắp đánh lần thứ 5 với họ Trịnh (trận ất-mùi 1655), Chúa Thái-tông mở một cuộc duyệt binh lớn ở An-cựu, nay xem số quân của các dinh, cơ, đội, thuyền tham dự, cộng lại cả thảy chỉ 22.740 người. Đó là lính chánh - qui và của chánh - dinh mà thôi.

Số lính chánh-qui của Bắc-hà, theo các người ngoại-quốc cho biết, thì gồm lối 50.000 người đóng ở Thăng-long.

Ấy là số binh-sĩ túc trực thường ngày ở kinh-đô. Gặp chiến tranh, chúa Nguyễn cũng như chúa Trịnh, có thể gọi thêm binh ở các địa-phương và hương binh ở các phủ, huyện, như chúa Nguyễn Thái-tông đã làm năm

nhâm-tý (1672). Trong trận này là trận to nhất, chúa Trịnh đã tung ra những lực lượng quan-trọng, thì theo lời Trần Đình Ân mật thưa với chúa Hiền : « Thần liệu quân Trịnh không có tới 10 vạn mà nói phao lên 18 vạn là nói dối. Việc binh cần có tiếng trước rồi sau mới đến sự thực... Xin nói phao lên là binh ta có 16 vạn, rồi tuyển thêm người cường tráng ở hai xứ (Thuận, Quảng) làm hương-binh 10 vạn nữa, nói là 26 vạn... » (1). Xem đó, chúng ta có thể phỏng đoán trong những trận lớn nhất, quân Trịnh nhiều lắm cũng không có đến 20 vạn chánh-qui và hương-binh, quân Nguyễn thì dưới số ấy.

Theo giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã mục-kích đạo quân chúa Trịnh đi đánh chúa Nguyễn năm ất-mão (1626) thì quân bộ của Bắc-hà không dưới 12 vạn, và thủy, bộ cả thảy là 20 vạn người. Đó có lẽ là giáo-sĩ nghe lời nói phao lên một ít như Trần Đình Ân đã nói.

Về thủy-quân, Trịnh hơn hẳn Nguyễn một cách rõ rệt. Vì ở Bắc có nhiều sông ngòi lớn, liên lạc với nhau, hạm-đội dễ điều động, nên người Bắc chú trọng thủy-quân, tu tạo nhiều chiến thuyền, còn ở Nam thì sông ngòi hẹp, lại không liên lạc được nhau, thuyền chỉ dùng ở mặt biển mà thôi. Giáo-sĩ Alexandre de Rhodes trong dịp nói trên, đã thấy Trịnh Tráng có lối 600 chiến-thuyền, lớn hơn tàu Âu-châu thời ấy, mỗi chiếc trang bị 3 khẩu đại-bác, mỗi bộn thuyền có 25 người chèo, xen lẫn vào đám thủy - thủ

(1) *T. L. T. B. quyển V.*

là những lính chiến. Theo các tài-liệu của nhiều giáo-sĩ khác có mặt ở Nam-hà lúc ấy thì chúa Nguyễn có chừng 200 chiến-thuyền thôi.

Theo giáo sĩ Vachet (1) thì chúa Nam-hà có 40.000 lính chánh-qui, trong số ấy lấy 15.000 phòng thủ biên-giới phương Bắc, 9000 giữ phủ chúa, 6.000 giữ dinh thự các hoàng-thân, đại-thần, 10.000 giữ các dinh (tỉnh) khác. Số chiến-thuyền của chúa lên đến 200 chiếc, nhưng chiến-thuyền của Bắc-hà nhiều gấp ba, gấp bốn số ấy, mà lại lớn hơn, trang-bị khí giới đầy đủ hơn. Theo tu sĩ Choisy thì năm 1679, chúa Nam-hà có 131 chiến-thuyền, không kể chiến thuyền của các dinh khác, mỗi chiếc mỗi bên có 30 người chèo, do 3 sĩ-quan điều khiển, có hai pháo-thủ và hai cái trống.

III.) Công cuộc phòng thủ biên-giới.

Sau cuộc phát binh vào Nam của chúa Trịnh năm đinh-mão (1627) và sau việc trả lại sắc của vua Lê, chúa Hy-tông thấy rằng muốn bảo tồn lãnh-thổ và duy-trì địa-vị thì chiến-tranh với họ Trịnh không thể tránh khỏi. Mà-đã thế thì trước phải lo việc biên-phòng. Chúa Thái- tổ đã nói : «Đất Thuận, Quảng phía bắc có núi Hoành-sơn và sông Gianh hiểm trở...» Địa-hình hiểm trở, nhưng phải có trí người, sức người, biết lợi dụng để bố phòng.

(1) Giáo-sĩ Bénigne Vachet đến Nam-hà năm 1671, có ở Phú-xuân và Faifo 14 năm. (Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine trong Bulletin de la Commission Archéo-logique de l'Indochine năm 1913 của R. P. Cadière.)

May đâu, một nhân-vật đã đến làm quen với chúa, được chúa tin dùng, Lộc-khê hầu Đào Duy Từ, đã giúp chúa kế hoạch bố trí sự phòng-thủ ấy. Hai lũy Trường-dục và Nhật-lệ do sáng-kiến của Lộc-khê hầu vạch ra đồ bản và thực hành các công-tác, đã giữ một vai trò tối quan-trọng trong cuộc chiến-tranh với họ Trịnh, và chính nhờ hai công trình kiến trúc ấy mà các chúa Nguyễn đã đẩy lui các cuộc xâm nhập của quân Trịnh.

Người ta phải tự hỏi vì sao chỉ phòng thủ ở Quảng-bình mà thôi, quân Trịnh không có thể đổ bộ ở một nơi nào khác rồi kéo đến phủ chúa Nguyễn ở Phước-yên, ở Kim-long, ở Phú-xuân sao? Quân Trịnh không thể đổ bộ vào một hải-cảng nào ở phía Nam Thuận-hóa, ở Thị-nại, ví-dụ, như vua Lê Thánh-tông đã làm, vì bấy giờ Chiêm-thành còn có lực lượng, sợ có thể bị kẹp vào giữa hai lực lượng Chiêm, Nguyễn thì không có đường thoát. Quân Trịnh cũng không thể đổ bộ ở một hải-cảng nào gần hơn, như cửa Việt, cửa Eo (hoặc gọi là cửa Noãn, tức cửa Thuận-an ngày nay) để rồi lên sông Quảng-trị hay sông Thuận-an, vì các sông này chật hẹp, chiến thuyền lớn vào không tiện, vả lại không binh-gia nào lại đem quân xông thẳng vào kinh-đô của địch là nơi sự phòng thủ chắc phải nghiêm nhặt rồi. Vậy muốn đánh Thuận-hóa, ắt phải đánh sông Nhật-lệ, đổ bộ lên đất Quảng-bình, rồi từ đó quân bộ, quân thủy mới chia ra mà đi công kích. Vì đó mà Quảng-bình phải làm đất chiến-trường cho hai họ Trịnh Nguyễn suốt nửa thế-kỷ, trên

đó hai lũy Trường-dục và Nhật-lệ là đối-tượng của hai bên, bên này cố giữ đến cùng, bên kia cố lấy cho được.

Lũy Trường-dục (1) 長育壘 là một trường thành bằng đất, bắt đầu từ làng Trường-dục, dưới chân núi Trường-sơn, chạy tới phá Hạc-hải (Thạch-bàn hải-nhi). Lũy dọc theo bờ sông Rào-đá, đến chỗ giáp sông Nhật-lệ, lại từ sông này ngược lên tả-ngạn đến làng Quảng-xá, đi qua địa-phận các làng Trường-dục, Xuân-dục, Cổ-hiền, tới Đình-thôn. Lũy dài 2.500 trượng (khoảng 10 đến 12 cây số), có nơi cao đến 3 thước tây, chân rộng từ 6 đến 8 thước tây. Phỏng quân Trịnh vượt qua được sông Nhật-lệ mà tiến lên thì phía tây gặp núi non hiểm trở, không qua được, phía đông là một đồng bằng, nay là phá Vạn-xuân quanh năm bùn lầy, rồi đến một bãi cát lớn. Ở giữa phá Vạn-xuân và bãi cát có một khoảng đất, đường quốc lộ ngang qua đó, trên khoảng đất này chúa Nguyễn đặt nhiều công-cuộc phòng thủ. Trong lũy Trường-dục, có dinh để các quan ở, các trại lính và kho lương, theo hình chữ dĩ 巳, ở trong chữ hồi 回, nên lũy này còn gọi là Hồi-văn lũy.

Lũy Trường-dục là để giữ con đường núi và chận ngang đường tiến lên của quân địch đã đổ bộ được sông Nhật-lệ. Vậy phải chận ngay quân địch khi mới đổ bộ lên

---

(1) Đề tả lũy Trường-dục và lũy Nhật-lệ sau đây, phần nhiều chúng tôi phỏng theo tài-liệu bài Le Mur de Đồng-hới của R. P. Cadière đăng trong B. E. F. E. O. năm 1906.

Nhật-lệ. Vì đó, năm sau, Lộc-khê hầu lại đắp lũy Động-hải, 洞海壘, cách lũy Trường-dục 20 cây số, về phía bắc. Núi Đâu-mâu là một rặng núi lớn, từ núi Trường-sơn chạy ngang ra ; ở chỗ đắp lũy rặng Trường-sơn chia ra làm hai dãy đồi, dãy thứ nhất chạy đến sông Nhật-lệ, ở địa phận làng Văn-la (sử gọi là làng Cầm-la, thường gọi là Cồn-hàu), dãy thứ nhì chạy đến bờ biển, khoảng 15 cây số về phía bắc, ở địa-phận làng Phú-hội, thường gọi là Kẻ-địa. Hai dãy đồi ấy như hai cái càng cua ôm lại một đồng bằng rộng bùn lầy, hình bán nguyệt, mùa đông đầy nước, không qua được. Thành Đồng-hới ở giữa đường kính nối hai đầu cái bán-nguyệt đó. Lũy Động-hải được xây dựng trên một đường từ cửa Nhật-lệ, ban đầu chạy xiêng về phía nam, rồi rẻ sang phía tây, cho đến rặng núi Đâu-mâu, cắt ngang chánh giữa đồng bằng nói trên. Phía bắc có con sông Lệ-kỳ khá rộng và hai bờ đều là bùn lầy.

Lũy Động-hải dài 3000 trượng (12 km), cứ cách một trượng đặt một khẩu súng khóa-sơn, 3 hay 5 trượng lại xây một pháo-đài, đặt một khẩu súng nòng lớn, lũy cao một trượng 5 xích (6 thước tây), mặt ngoài đóng gỗ lim, trong đắp đất, làm 5 cấp, voi ngựa có thể đi được.

Quân Trịnh từ bắc vào chỉ có thể dùng hai con đường : phía đông là đường theo bờ biển, nghĩa là dọc theo quốc-lộ ngày nay, phía tây là đường núi,

đồng-bằng làng Võ-xá bùn lầy không cho họ tiến vào khoảng giữa được. Ở hai đầu lũy, chúa Nguyễn có đặt những đồn phòng thủ. Phỏng như quân Trịnh có hạ được đồn ở phía bắc lũy Động-hải, họ tiến vào bằng đường bộ và đường thủy, có khi họ dùng cả đường núi và đường biển, nhưng thường thường họ tập trung vào cửa Nhật-lệ, rồi từ đó bộ-binh và thủy-binh phối hợp cuộc tấn công. Họ vấp phải lũy Đông-hải và nhiều công cuộc phòng thủ khác nữa, và phải đương đầu ngay với hạm-đội của chúa Nguyễn đậu trên sông Nhật-lệ. Cửa sông, lòng sông lại có dây lớn hoặc xích sắt giăng chận. Nhưng phỏng quân Bắc vượt được các trở ngại, hạm-đội họ lên sông Nhật-lệ, còn bộ-binh thì qua lũy Động-hải, theo đường bộ kéo vào Nam. Thì ở đây, họ gặp phải đồn binh hiểm yếu của Dinh Mười là ly-sở hành-chính và quân-sự của Quảng-bình, ở trên địa-phận làng Võ-xá hiện nay. Nơi này dài nhiều cây số, và ở phía bắc và phía nam đều có những đồn binh bảo vệ. Năm mậu-tý (1648), quân Trịnh chiếm được Động-hải và dinh Quảng-bình (dinh Mười), nhưng họ không thắng được, vì ở phía tây còn có lũy Trường-dục bẻ gẫy mọi cố gắng tiến lên của họ. Xem thế thì tuy lũy Trường-dục và lũy Động-hải đã được kiến trúc hai lần, trong hai giai-đoạn, nhưng vẫn tạo thành một hệ-thống phối-hợp với nhau.

Lũy Động-hải còn gọi là Trường-lũy (lũy dài) 長 壘 hoặc là lụy Nhật-lệ 日 麗 壘 vì nó nằm trên tả ngạn sông này, hoặc

Trấn-lũy ninh, 鎮寧壘 ấy là lấy tên làng ở phía đông lũy mà gọi , thường thì gọi là lũy Thầy, vì Đào Duy Từ đáng là thầy chúa, đắp lên.

Thời ấy có những câu ca dao nói lên sự hiểm trở của lũy Thầy :

Thứ nhứt thì sợ lũy Thầy,
Thứ nhì sợ lầy Võ-xá.

Dịch ra chữ Hán là :

一可忌兮，洞海長壘，
Nhứt khả kỵ hề, Động-hải Trường-lũy,
二可忌兮，武舍泥田.
Nhị khả kỵ hề, Võ-xá nê điền. (N.T.C.)

và :

Có tài vượt nổi sông Gianh,
Dẫu thêm hai cánh trường thành khó bay.

Dịch ra chữ Hán là :

有智勇兮，可過清河，
Hữu trí dũng hề, khả quá Thanh-hà,
(một tên khác của sông Gianh)
縱有翼兮，長壘不可過.
Túng hữu dực hề, trường lũy bất khả quà.

Ngoài lũy Trường dục, và lũy Động-hải (Nhật-lệ), là hai lũy lớn, còn nhiều công-trình phụ thuộc mà các tướng sẽ tùy theo nhu-cầu, kiến-trúc thêm để bổ-túc cho việc phòng thủ. Chúng ta sẽ lần lượt thất lũy Trường-sa 长沙 đắp lên năm quý-dậu (1633), trên bãi cát giữa cửa Động-hải và cửa Tùng để phòng đối phó quân địch khi họ không đổ bộ ở cửa Nhật-lệ mà theo đường thủy xuống phía nam, đổ bộ lên bãi biển ở phía bắc cửa Tùng; lũy Trấn ninh 镇宁 kiến-trúc năm nhâm dần (1662) để bảo vệ phía đông lũy Động-hải mà giữ đường biển. Chính lũy Trấn ninh này, trong chiến cuộc năm nhâm-tý (1672), quân Trịnh đã cố gắng đánh trong mấy tháng, hy sinh rất nhiều, nhưng không hạ được, vì sự chống giữ kiên trì của Nguyễn Hữu Dật, rồi phải rút về, và từ đó nghỉ binh, mặc nhiên chấp nhận sông Gianh làm giới-tuyến giữa hai miền Nam, Bắc.

IV.) Các Cuộc Chiến-Tranh Với Họ Trịnh :

a./ CHIẾN-TRANH NĂM ĐINH-MÃO (1627)

Sau khi sai Binh-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn Hữu Bổn đem sắc vua Lê vào đòi tô thuế, chúa Nguyễn Hy-tông không nạp, sai Lê Đại Nhậm đem sắc vua Lê vào dỗ, dọa, không được, tháng 3 năm đinh-mão (1627) Thanh-đô vương Trịnh Tráng phát quân, đem vua Thần-tông cùng đi, mượn tiếng xem xét địa phương, rồi cho quân thủy, quân bộ đều tiến. Tướng Trịnh là Thái-bảo Nguyễn Khải dàn quân ở phía bắc sông Nhật-lệ. Chúa Nguyễn

sai Nguyễn-phước Vệ 阮福衛 làm Tiết-chế Văn chức Nguyễn Hữu Dật làm Giám-chiến, đem bộ quân ra chống cự, và sai công-tử thứ tư là Trung 忠 chỉ huy thủy-quân để tiếp ứng. Quân hai bên đối lũy nhau. Tiên-phong của Trịnh là Lê Khuê 黎珪 dùng kỵ-binh cướp trận. Quân Trịnh bắn đại bác, quân Nguyễn phải lui. Đêm ấy, thủy-quân Nguyễn thừa lúc nước triều lên, bắn vào dinh Nguyễn Khải, quân Trịnh rối loạn. Thanh-đô vương tiến đến, thế quân rất mạnh, quân Nguyễn phải lui. Quân Trịnh thừa thắng tranh nhau cướp của cải, quân Nguyễn đem thủy-binh đánh chặn ngang, quân Trịnh tan vỡ, chết rất nhiều.

Nguyễn Hữu Dật bàn mưu với Lượng quốc-công Trương Phước Gia 張福嘉 sai gián-điệp phao đồn rằng ở Đông-đô anh em Trịnh Gia 鄭嘉 Trịnh Nhạc 鄭岳 mưu nổi loạn, Trịnh Tráng nghe tin, lấy làm nghi ngờ, bèn rút quân về Bắc.

b). CHIẾN-TRANH NĂM QUÝ-DẬU (1633)

Năm quý-dậu (1633) em thứ 3 của chúa Nguyễn Hy-tông là Anh, gởi mật thư xin qui thuận chúa Trịnh, và hẹn nếu quân Trịnh vào đánh thì y sẽ làm nội ứng. Trước đó, tháng 3, Thanh vương đã sai Trấn-thủ Nghệ-an là Trịch Tạc đem thủy quân đóng đồn ở cửa biển Kỳ-la (1) và sai Trịnh Đệ 鄭棣 đem bộ-binh đóng đồn ở

(1) *Thuộc huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay, tức cửa Nhượng.*

bắc Bố-chính để chuẩn-bị Nam xâm. Sau khi được thư của Anh, tháng 12, Thanh-vương rước vua Thần-tông cùng đi, thống lãnh thủy, bộ đại-quân thẳng tới cửa biển Nhật-lệ. Chúa Hy-tông sai đại-tướng Nguyễn Mỹ Thắng 阮美勝 và Đốc-chiến Nguyễn Hữu Dật đem quân chống cự. Trấn-thủ Quảng-bình là Nguyễn-phước Kiều đóng cọc gỗ để chận cửa biển. Ở phía nam cửa Nhật-lệ, có một bãi cát rộng, nếu quân Trịnh không đổ bộ ở Nhật-lệ mà đổ bộ ở bãi cát này để bọc ra lũy Động-hải thì quân Nguyễn sẽ bị bao bọc giữa đạo quân thủy, bộ của địch, vì vậy Nguyễn Hữu Dật sai đắp ngay trên bãi cát ấy một lũy dài, gọi là lũy Trường-sa để bảo vệ lũy Động-hải. Quân Trịnh bắn súng làm hiệu, không thấy Nguyễn-phước Anh tiếp ứng, Thanh-vương sanh nghi. Hơn một tuần, quân Trịnh chán nản, quân Nguyễn xông ra đánh mạnh, quân Trịnh vỡ chạy, chết quá nửa.

Thanh-vương bèn lưu bọn Nguyễn Khắc Loát ở giữ châu Bắc Bố-chính, và rút quân về.

C.) CHIẾN-TRANH NĂM QUÝ-MÙI (1643)

Năm quý-mùi (1643) tháng hai, Thanh-vương sai Thái-bảo Trịnh Tạc, Trịnh Đệ (đều là con Thanh vương) thống lãnh đại-quân, và Thị-lang Nguyễn Quang Minh 阮光明, Tự-khanh Phạm Công Trứ 范公著 và Nguyễn Danh Thọ 阮名壽 làm Tham-tán quân-vụ, vào đánh Nam Bố-chính. Đến nơi, quân Trịnh gặp ngay quân Nguyễn đóng ở Trung-hòa (nay là Mỹ-hòa)

ở cửa sông Gianh, trên tả ngạn Thủ-tướng Bố-chính là Bùi Công Thắng cố sức đánh bị bắt, giết. Quân Trịnh thừa thắng tiến vào cửa Nhật-lệ. Tháng 3, Thanh Vương đem vua Lê cùng đi, vào đóng ở xã An-bài (thuộc Bắc Bố-chính) gần cửa sông Gianh. Tháng 4, Thanh vương sai Trịnh Đào 鄭 掏 đánh lũy Trung-hòa, quân Nguyễn phòng thủ rất vững, Đào đánh không được. Bấy giờ trời nóng lắm, quân Trịnh ốm chết nhiều, nên phải rút về.

Trong thời-gian này, như chúng ta sẽ thấy, người Bồ-đào-nha, người Hà-lan đã đến buôn bán ở Bắc-hà cũng như ở Nam-hà. Chúa Trịnh Tráng muốn nhờ một ngoại-bang Tây-phương giúp đỡ mình trong việc chinh-chiến với họ Nguyễn. Chúa Trịnh đã nhiều lần yêu cầu người Bồ, nhưng người Bồ đã liên kết với chúa Nguyễn rồi, chúa Trịnh bèn quay sang người Hà mà chúa đã cho phép mở thương điếm ở Hiến-nam, người Hà cũng đã hứa giúp. Tháng 4, năm 1643, hai chiếc tàu Hà-lan là Kievit và tàu Nachtegeals đến Bắc-hà, lúc ấy Thanh vương đã đi đánh Nam-hà rồi. Hay tin, chúa liền viết thư cho viên thương-điếm-trưởng ở Bắc-hà là Bronckhorst xin cho hai tàu ấy và một tàu khác là chiếc Woeckende Boode đã và đương đậu ở biển Bắc-hà vào sông Gianh giúp mình. Bronckhorst sẵn-sàng thỏa mãn lời yêu cầu của chúa Trịnh, nhưng người ta không thấy ba tàu ấy dự vào cuộc chinh-chiến năm ấy.

d./ CHIẾN-TRANH NĂM MẬU-TÝ (1648)

Chiến-tranh lần này, như đã nói trên kia, là do Tống

thị làm mê hoặc chúa Thần-tông, bị Chưởng-cơ Nguyễn-phước Trung định giết, sợ, mới gửi thư xin chúa Trịnh Tráng đem quân vào đánh, mình sẽ giúp quân-lương.

Năm mậu-tý, tháng giêng, Thanh-vương sai Đô-đốc Trịnh Đào (1) thống lãnh, các đạo quân thủy, bộ vào Nam. Tháng 2, thủy-quân vào cửa biển Nhật-lệ. Thủ-tướng là Hoằng Lễ 宏禮 (không rõ họ) chống đánh, thua chạy, cầu viện với Trấn-thủ Nguyễn-phước Kiều, Kiều sai Tham-tướng Nguyễn Triều Văn 阮朝文 đem chiến thuyền đến cứu, nhưng Triều Văn nhút nhát, nửa đường dừng lại ở phá Hạc-hải (phá ở phía nam gần dinh Mười). Quân Trịnh bèn tiến bức dinh Quảng bình. Cai-đội là Trương Triều Lương 張朝良, Trương Triều Nghi 張朝毅 đốc xuất đồn binh hơn 400 người cố đánh, bị chết. Ký lục Thịnh-Hội 盛會 (không rõ họ) đánh không được, lên sang sông về. Quân Trịnh tiến đóng đồn ở làng Võ xá. Trấn thủ Bố-chính là Trương phước Phấn 張福奮 và con là Hùng 雄 giữ lũy Trường-dục, quân Trịnh đánh mãi không được, gọi ông là («Phấn cố trì» 奮固持).

Chúa Nguyễn Thần-tông nghe tin báo, liền sai Thế-tử Dũng lễ hầu tiết-chế các dinh quân Chưởng-Dinh Nguyễn phước Lộc 阮福祿 Trấn-thủ Cựu-dinh Tống Hữu Đại 宋有大 và Giám chiến Nguyễn Hữu Dật lãnh bộ binh, cùng Tham-tướng Nguyễn Triều Văn lãnh thủy-binh, chia đường tiến ra. Còn chúa cũng đem đại binh ra đóng ở xã

(1) *Có sách chép là Trịnh Tráng sai Đô-đốc Lê Văn Hiếu* 黎文曉 *đem thủy, bộ-quân vào đánh.*

Trung-chỉ (1). Nhưng rồi đến ngày mậu-thìn. Chúa không được khỏe, sai Dũng-lễ hầu thay mình làm tướng. Đạo quân tiền-phong đến xã An-đại thì có gió ngược nổi lên, Nguyễn-phước Lộc muốn đóng quân cố thủ. Nguyễn Hữu Dật nhìn trời thấy phương nam có một đám mây đỏ như cái lọng, ánh sáng rực-rỡ, phương bắc có đám mây trắng tản-mác như tuyết, mừng bảo rằng : «Đây là điềm phương Nam đại thắng, sao lại cố giữ. » Nguyễn-phước Lộc còn nghi ngờ, Hữu Dật lại nói : «Quân họ dẫu nhiều, nhưng dựa núi mà đi, chưa biết địa-hình khó dễ thế nào, nay ta lựa những chiến-sĩ dũng cảm, chặn chỗ hiểm để xung kích thì ắt thắng được.» Bèn chỉnh đốn đội ngũ tiến lên, gặp bộ-binh của địch, đánh gấp, phá được, thế quân khá mạnh.

Thế-tử Dũng-lễ hầu đến dinh Quảng-bình. Trấn-thủ Nguyễn-phước Kiều xin giữ lũy Trường-dục để làm kế cố thủ Ký-lục Thịnh Hội nói rằng : « Quân họ đã đi sâu vào đất ta, kiêu ngạo, không phòng bị, ta góp sức mà đánh thì ắt toàn thắng.» Thế-tử mừng bảo các tướng rằng : «Quân Trịnh tuy đông nhưng ít người đánh giỏi, quân đi không có hàng ngũ, đồn đóng không chọn địa thế, nếu quân ta nhân đêm đem voi xông vào đánh thì ắt bắt được.» Thế-tử cho Triều Phương thay thế Triều Văn nhút nhát, rồi sai Triều Phương 朝芳 đem thủy-quân phục ở bên tả sông Cầm-la. Đến đây, lại sai Nguyễn Hữu Tiến đem hơn 100 con

(1) *Ở 10 km ở phía bắc tỉnh-lỵ Quảng-trị ngày nay.*

voi, đầu canh năm, thẳng vào dinh quân Trịnh đánh úp, Thế-tử cho đại-quân theo sau. Quân Trịnh bất ngờ, đều sợ chạy cả, đại-quân tiếp đến, đánh phá tan. Bọn nào chạy xuống thuyền về Bắc thì gặp thủy quân chận đánh, đều chết đuối cả. Bắt sống được các tướng là Gia, Lý, Mỹ (không rõ họ) và 3 vạn quân Trịnh. Trịnh Dào ở đồn Nam Bố-chính nghe tin, bỏ quân chạy. Thế tử đem đại-binh đuổi đến sông Gianh rồi trở về. Sai Nguyễn Hữu Tiến lãnh 3000 quân đóng ở Võ-xá, gọi là đạo Lưu-đồn. 留屯道 (bấy giờ gọi là dinh Mười) để phòng bị. Lần này, quân Nguyễn đã thắng quân Trịnh một trận lớn vậy.

Dũng-lễ hầu đến hành-tại làm lễ hiến-phù. Bọn tù binh là các tướng Gia và Lý xin tha, chỉ Mỹ khẳng-khái không chịu khuất, xin nhảy xuống biển chết. Chúa khen, cho phép, rồi sai thu xác mai táng để nêu cao tiết tháo. Chúa tha bọn Gia, Lý và hơn 60 tỳ tướng, cho về Bắc, còn 3 vạn người khác chia ra cho ở các nơi từ Quảng-nam đến Phú-yên, giúp cho phương-tiện để khai khẩn ruộng đất làm ăn.

e./ CHIẾN-TRANH NĂM ẤT-MÙI (1655) CANH-TÝ (1660)

(Quân Nguyễn chiếm được huyện Nghệ-an, Quân Trịnh lấy lại.)

Sau cuộc thất trận năm mậu-tý (1648), Thanh vương

sai tướng là Trịnh Đào (1) cùng Trần Ngọc Hậu 陳玉厚 mở dinh Tả-trấn-quân, lãnh 1 vạn binh đóng ở Hà-trung (dinh Cầu), Lê Hữu Đức 黎有德 cùng Võ Lương 武良 mở dinh Hữu-trấn-quân, lãnh 5 ngàn binh đóng ở Hoành-sơn, Phạm Tất Đồng (2) làm Thủ-tướng giữ châu Bắc Bố-chính.

Bên chúa Nguyễn, Dũng quận-công vừa lên ngôi, liền nghĩ đến những mưu kế lớn. Chúa triệu Tham-tướng thủy dinh Quảng-bình là Nguyễn Triều Văn đã tỏ ra rất kém can-đảm trong trận Nhật-lệ vừa rồi, và sai Vân Long hầu Nguễyn phước Tráng 阮福莊 ra thay. Tráng lo huấn luyện quân sĩ, và phòng bị biên giới nghiêm nhặt. Tháng 3 năm quý-tỵ (1653), Chúa sai duyệt binh lớn ở An-cựu, tháng 6 lập đồn Sa-chủy ở hữu ngạn sông Nhật-lệ. Năm giáp ngọ (1654) sai Phù Dương 扶陽 (không rõ họ) ra thay Xuân-Sơn làm Trấn-thủ dinh Bố-chính. Phù Dương sửa sang thành trì, vỗ về quân sĩ, rất được lòng người.

Hai bên Trịnh, Nguyễn gườm nhau, sẵn sàng chờ dịp lâm chiến.

Năm ất-mùi (1655), tháng 2, Trịnh Đào sai Phạm Tất Đồng cho quân vượt biên giới, đánh cướp. Phù Dương

---

(1) Có sách nói là Tiến quận công Lê Văn Hiếu.

(2) Có sách chép là Phạm Tất Toàn 范必全, vì Toàn và Đồng tự dạng gần giống nhau.

báo lên. Dũng quận-công bàn việc đi đánh. Trước khi xuất quân, tháng 3, Chúa sai Nguyễn Hữu Dật đến dinh Bố-chính xem xét tình hình. Hữu Dật về thưa : «Thần có một kế, bắt Trịnh Đào dễ như trở bàn tay : gần đây năm nào cũng dùng binh mà quân ta chưa khi nào sang đất Bắc, nay xin chia quân làm ba đạo, thượng-đạo tiến trước đánh Phạm Tất Đồng, trung-đạo tiếp theo sau làm thanh ứng, Trịnh Đào ở Hà Trung nghe tin chắc cho rằng quân ta ra đấy chỉ để đánh Tất Đồng mà thôi, ắt sẽ bỏ đồn mà đi cứu viện, còn hạ-đạo thì tiến đến Hoành-sơn, đánh úp Lê Hữu Đức, rồi thừa thế ra cướp dinh Hà-trung. Đó là kế «điệu hổ ly sơn, dẫn xà nhập huyệt», đánh một trận có thể thu toàn thắng».

Chúa rất khen kế ấy. Hữu Dật lại xin đặt đài hỏa-hiệu ở các cửa biển Quảng-bình để báo tin quân-sự cho chóng, và dựng kho ở Trường-dục, chở thóc đến chứa làm quân-lương. Chúa đều y theo, và phong cho Nguyễn Hữu Tiến làm Tiết-chế, Nguyễn Hữu Dật làm Đốc-chiến.

Ngày canh-ngọ, tháng 3 (1), Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật đem quân các dinh thủy, bộ qua sông Gianh. Hữu Tiến liền sai Trấn-thủ Cựu-dinh là Tống Hữu Đại ra chợ Lũ-đăng 屢 登 (2), đánh Tham-đốc của Trịnh là

---

(1) *Dương lịch là 21-5-1655 (chú của R.P. Cadière)*

(2) *Ở tả-ngạn nhánh bắc sông Gianh, khoảng 12 km ở trên cửa sông Gianh.*

Đặng Minh Tắc 鄧明則 và cướp lấy dinh, sai Phù Dương ra Phù-lưu 芙留 đánh dinh Tam-hiệu 三號 (Ba-đồn). Phạm Tất Đồng chạy vào Lũng-bông (1) 山龍光 quân Nguyễn chiếm dinh Bắc Bố-chính.

Trịnh Đào nghe tin Tam-hiệu thất thủ, quả nhiên đem hết quân theo đường núi đến cứu viện. Chiều hôm ấy, Tống Hữu Đại lại dẫn quân trở về, tạm đóng ở bắc-ngạn sông Gianh. Chỉ trong một ngày, quân Nguyễn chiếm được hai đồn ở Bắc Bố-chính của Trịnh.

Lập tức, Tiết-chế Nguyễn Hữu Tiến tổ-chức đội quân hạ-đạo, sai Xuân Sơn 春山 lãnh đạo quân này, 4 đội quân của Nguyễn-phước Kiều, Cao Bá Phước 高伯福, Tống Uy 宋威 và Nguyễn Nghĩa 阮義 đều thuộc vào. Nguyễn Hữu Tiến tự suất quân Tráng-tiệp (2) làm trung-đạo, có Cai-cơ Triều Nghĩa 朝義 và Phù Tài 扶才 (đều không rõ họ) làm Tả, Hữu Vệ-trận, còn Nguyễn Hữu Dật thì lãnh cơ Tiền-súng (3) tiếp sau, hẹn ngày mai đều đến dinh Hà-trung.

Phù Dương cầm quân thượng-đạo, có Tống Hữu Đại tiếp ứng, đem quân đuổi đánh Tất Đồng.

(1) *Ở Miền thượng-lưu sông Gianh (đều theo chú của R.P. Cadière).*

(2) *Tên đạo quân đóng giữ Lưu-đồn (dinh Mười) giao cho Nguyễn Hữu Tiến.*

(3) *Cơ này thấy trong cuộc duyệt binh năm quý-tỵ (1653) gồm 6 thuyền, 270 người.*

Ngày tân-mùi (1), tướng cầm quân hạ-đạo là Xuân Sơn sai một cánh quân ra giữ cửa Ròn (2) để chống với thuộc-tướng của Lê Hữu Đức là Bật Trung 弼忠 (không rõ họ), còn mình thì dẫn quân tiến thẳng đến Hoành-sơn, gặp quân Hữu Đức, đánh phá được, Hữu Đức thua chạy về xã Lạc-xuyên (3), Xuân Sơn thu được voi ngựa, khí-giới rất nhiều, rồi thừa thắng kéo thẳng đến dinh Hà-trung (4). Tỳ-tướng của Trịnh Đào là Trăn Bái 蓁沛 và Kỷ Thiệu 紀紹 (đều không rõ họ) ra sức chống cự, Xuân Sơn phải lui về khe Bàn-thạch. Đại binh của Nguyễn Hữu Tiến tiếp đến, chém được Trăn Bái; Kỷ Thiệu trốn chạy. Quân Nguyễn chiếm dinh Hà-trung.

Phù Dương cầm quân thượng-đạo đuổi Phạm Tất Đồng đến Lũng-bông, Tất Đồng đầu hàng, nạp châu Bắc Bố-chính. Trịnh Đào theo phía sau núi Hoành-sơn mà chạy. Nguyễn Hữu Dật đoán rằng Trịnh Đào thua, ắt sẽ theo đường núi mà ra Bắc, nên đã đem quân bản bộ mai phục ở gò Bạch-thạch 白石岡 khi Đào chạy đến đó, quay bảo thuộc hạ rằng : « Chỗ này nếu có binh phục thì bọn ta không còn đường chạy nữa » Nói chưa dứt lời thì phục

---

(1) Dương lịch là 22. 5. 1655 (chú của R.P. Cadière)

(2) Ở 18 km phía bắc sông Gianh, 10 km phía nam Hoành-sơn.

(3) Ở 15 km phía bắc Hà-trung.

(4) Ở phía bắc Hoành-sơn 30 km (đều chú của R.P. Cadière).

binh nổi dậy. Hữu Dật chính tay bắn trúng vào cánh tay trái của Đào. Đào bèn bỏ hết khí-giới, voi ngựa chạy về xã An-trường 安場 (1). Hữu Đức cũng đến đó.

Hữu Dật muốn thừa thắng đuổi theo, Hữu Tiến thận trọng hơn, không nghe, hợp quân ở Hà-trung, báo tin thắng trận lên chúa. Chúa Thái-tông sai quan đến thưởng lạo tướng sĩ, và biết Hữu Dật vốn có nhuệ-khí táo bạo, mật bảo phải đóng binh lại, vỗ về quân, dân để chờ cơ-hội, chớ nên khinh tiến, và mọi việc quân-sự phải nên thương nghị với Hữu Tiến trước, không được tự chuyên. Nguyễn Hữu Tiến cùng Nguyễn Hữu Dật ý kiến không hợp bắt đầu từ đó.

Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật yết bảng chiêu an dân chúng. Tham-đốc của Trịnh là Đặng Minh Tắc cùng Triều Tô 朝蘇 Tú Long 秀龍 Toãn Võ 鐏武 Ninh Lộc 寧祿 (đều không rõ họ) đến cửa quân đầu hàng. Hữu Tiến chia ra cho lệ thuộc các dinh. Rồi dân, sĩ huyện Kỳ-anh, Thạch-hà (tức nam-bộ tỉnh Hà-tĩnh ngày nay) đều xin hàng, Hữu Tiến chép thành bộ tịch dâng về chúa. Lê Hữu Đức và Trịnh Đào (hoặc Lê Văn Hiểu) sau khi thua chạy về huyện Thạch-hà, đóng ở làng Đại-nại. Nguyễn Hữu Dật viết thư kêu gọi Trịnh Đào đầu hàng. Đào không nghe. Hữu Dật bèn mật sai Nguyễn Văn Phương 阮文芳 và em là Nguyễn Văn Tường 阮文祥 dùng vàng, bạc và tung gián điệp phao

(1) *Tỉnh-lỵ Nghệ-an ngày nay.*

tin Trịnh Đào muốn đầu hàng chúa Nguyễn, lại nhờ Đô-đốc của Trịnh là Sung 崇 (không rõ họ) nói lại với Thanh-vương. Thanh vương tin lời, ra lệnh bắt Đào giải về. Đào đã bị thương trong chiến-trận vừa qua, chết dọc đường. Lê Hữu Đức và các tướng khác bị triệu về, và bị giáng, bị cách.

Hay được các tin ấy, chúa Nguyễn thưởng Hữu Tiến 30 lạng vàng, 100 lạng bạc, Hữu Dật 30 lạng vàng, 80 lạng bạc, một áo gấm, một thanh gươm ; các tướng khác cũng đều được thưởng.

Tháng 5, chúa Trịnh sai Thái-bảo Trịnh Trượng làm Thống-lãnh, kinh lược đất Nghệ-an, cùng Bồi-tụng Nguyễn Văn Trạc 阮文濯, Cấp-sự-trung Nguyễn Tính 阮性, làm Chánh, Phó Đốc-thị, lãnh 18 tướng vào thu phục dinh Hà-trung. Võ Văn Thiêm 武文添 lãnh 50 chiến-thuyền, đóng ở cửa biển Kỳ-la.

Nguyễn Hữu Tiến nghe tin, mời Nguyễn Hữu Dật đến hỏi kế. Dật nói : « Quân họ nhiều, quân ta ít, khó chống chọi được ; ta hãy tạm lui quân về sông Gianh để tỏ mình yếu, rồi một mặt khiến bộ-binh phục ở Lũng-bông, thủy-binh đóng ở cửa Ròn để đợi. Trịnh Trượng thấy quân ta trở về Nam ắt cho rằng ta nhát mà không phòng bị, ta nhân đó tiến đánh, bọn Trượng ắt bị ta bắt. » Hữu Tiến cho là phải, bèn sai Cai-cơ Trương-phước Hùng 張福雄 (con Trương-phước Phấn) đem quân phục ở Lũng-bông, Nguyễn-phước Tráng đem

chiến-thuyền ra cửa Ròn, còn tự mình rút quân về sông Gianh.

Trịnh Trượng đến Hà-trung, nghi ngờ không dám tiến, hỏi kế Nguyễn Văn Trạc. Văn Trạc nói : « Hữu Tiến, Hữu Dật là những tướng có mưu trí và sức mạnh. Từ khi ra Bắc đến nay, thừa thế đuổi đánh, nhuệ-khí rất hăng, nay vô cớ mà rút quân, ấy là làm kế dử ta. Vậy không chi bằng ta lui đóng ở xã Lạc-xuyên, quân thủy, quân bộ tiếp nhau, rồi tùy cơ ứng biến. » Trịnh Trượng theo lời, lùi đóng ở xã Lạc-xuyên-hạ, 樂川下 chỉ sai 500 quân tuần du ở dinh Hà-trung để phô thanh thế.

Hữu Tiến, Hữu Dật nghe tin, dâng thư lên Chúa rằng : «Trước kia Tào Tháo có quân 100 vạn mà bị quân Đông Ngô đánh thua (ở Xích-bích), Hách Chiêu 郝昭 quân chỉ 3000 mà chống được với Gia-cát (trận Kỳ-sơn), số quân nhiều ít không đáng kể. Nay Trịnh Trượng đem quân vào Nam đã hơn 1 tháng mà chưa đánh trận nào, lại bỏ đất Kỳ-hoa (nay là huyện Kỳ-anh), lui giữ Lạc-xuyên, đó là quân tuy nhiều mà không có chí chiến đấu. Vậy chúng tôi xin phát binh đi đánh, đại quân theo sau tiếp ứng. Lại dàn thủy-quân ở sông Gianh để làm thanh viện.» Chúa bằng lòng.

Tháng 8, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật sai các tướng chia quân tiến lên : Chánh đạo là bọn Trương-phước Hùng, Phù Dương, Thuần Đức, Khuê Thắng 奉 朴

(ba người đều không rõ họ) đốc xuất quân tiên phong đánh đuổi bọn du-binh của Trịnh, đến thẳng Lạc-xuyên-hạ, đánh phá binh Trịnh Trượng. Thượng-đạo là bọn Tống Hữu Đại, Xuân Sơn, Phù Tài, Cống Giác 貢覺 (ba người sau không rõ họ) nghe tin Lạc-xuyên-hạ đã bị phá, liền tiến đánh tướng Trịnh là quận-công Tài, 才 quận công Địch 迪 (hai người không rõ họ) ở xã Lạc-xuyên thượng, cũng phá được, thu được khí-giới và voi ngựa rất nhiều. Nguyễn Hữu Dật đem thủy-binh vào cửa biển Kỳ-la đánh Võ Văn Thiêm. Văn Thiêm lùi đóng ở cửa Đan-nhai (cửa Sót). Tướng Trịnh là Nguyễn Hữu Sức, Lê Sĩ Hậu đều chạy trốn. Trịnh Trượng và các tướng lùi giữ An-trường. Quân Nguyễn thừa thắng tiến đến xã Bân-xá 彬舍 (thuộc huyện Thiên-lộc.)

Bảy huyện Nghệ-an ở phía nam Lam-giang : là Kỳ-hoa, Thạch-hà, Thiên-lộc, Nghi-xuân, La-sơn, Hương-sơn, Thanh-chương đều về chúa Nguyễn. Bắc-hà rúng động.

Nguyễn Hữu Tiến không dám đóng xa căn-cứ quá trong đất đai mới chiếm được, phải lùi về đóng ở Lạc-Xuyên.

Tình thế đã khó khăn cho họ Trịnh, tháng 9, Trịnh Tráng sai con là Tây định vương Trịnh Tạc đem đại binh vào đóng ở An-trường. Tháng 10, lại sai con út là Ninh quận-công Trịnh-Toàn (em khác mẹ của Trịnh Tạc) làm Thống-lãnh, Đào Quang Nhiêu 陶光鐃 làm Đốc-xuất,

Võ Văn Thiêm làm Đốc-xuất thủy-quân. Quân Trịnh tiến đến Kỳ-Hoa. Nguyễn Hữu Tiến đem quân từ Lạc-xuyên lui đóng ở dinh Hà-trung. Nhưng đến tháng 11, thì Trịnh Toàn và Đào Quang Nhiêu lại về An-trường. Bấy giờ tình-hình rất đáng e ngại cho họ Trịnh : quân Nguyễn liên tiếp thắng trận đã làm cho binh sĩ Trịnh nẫn lòng, trong khắp 7 huyện phía nam Lam-giang, chúa Nguyễn đã có nhiều người theo về, và được dân-gian xem như là người đến giải thoát cho họ. Vì Trịnh Tráng tuổi già, nhiều việc, gọi Tạc về để giúp đỡ, tháng 11 năm ấy, Trịnh Tạc trở về Thăng-long, để Võ Văn Thiêm ở lại làm Trấn-thủ, Đào Quang Nhiêu làm Đồn-thủ (theo T.T. và T.L.T. B. thì Võ Văn Thiêm làm Trấn-thủ, theo C.M. thì Đào Quang Nhiêu làm Trấn-thủ), Dương Hồ 楊湖 và Phan Hưng Tạo 潘興造 làm Đốc-thị, đều lãnh quân sở bộ đóng ở An-trường, Thân Văn Quang 申文舡, Mẫn Văn Liên 閔文蓮 đóng ở xã Tiếp-vũ 接武 (thuộc huyện Thiên-lộc), Lại Thế Thì 賴世時 và Tường Trung 祥忠 (không rõ họ) đóng ở xã Minh-lương 明良 Hằn 恒 và Hán 漢 (đều không rõ họ) đóng ở núi xã Bình-lãng, 平朗 Văn Thiêm đóng ở sông Khu-độc 驅犢 (1) đều lãnh hương-binh để chống giữ.

Tháng 12, tướng Trịnh là Tường Trung cùng mấy tướng khác đem hương-binh đến huyện Kỳ-hoa hô hào dân chúng bỏ Nguyễn, trở về với nhà Lê, Nguyễn Hữu Tiến hợp các tướng ở chợ Vân-cát, 雲葛 sai Lưu Diên

(1) *Hữu ngạn sông Lam, ở trên Vinh một khoảng.*

劉 延 và Thiêm Vinh 添 榮 (đều không rõ họ) làm Chánh, Phó tiên-phong. Trương-phước Hùng làm Vệ-trận, đem quân ra huyện Thạch-hà đón đánh, phá được. Hùng là người quả cảm, đánh giỏi, người Bắc gọi là « thiếc Hùng » (Hùng sắt). Nguyễn Hữu Dật muốn vận-động nhân-dân Bắc-hà nổi lên giúp chúa Nguyễn trên đất Bắc, nên sai bọn Văn Tường 文 祥, Hoàng Sính 黃 生 đem mật thư đến các trấn Bắc-hà chiêu dụ. Ở Cao-bằng có Mạc Kính Hoàn 莫 敬 完, ở Hải-dương có quận-công Phấn 奮, ở Sơn-tây có Phạm Hữu Lễ 范 有 禮 đều nguyện giúp. Họ hứa nếu quân chúa Nguyễn qua sông Lam thì họ sẽ hưởng ứng : Hải-dương sẽ không nạp tô thuế để Trịnh tuyệt lương; Cao-bằng sẽ phát binh chiếm Đoàn-thành (nay là tỉnh lỵ Lạng-sơn) để chia thế lực của Trịnh; Sơn-tây thì nguyện làm nội ứng để cướp lấy thành. Bọn Văn Tường về thưa lại, Hữu Dật mừng bảo Hữu Tiến : « Lòng người như thế, xin sớm định kế-hoạch để hoàn thành công lớn ».

Năm bính-thân (1656), tháng giêng, quân Nguyễn tiến lên, đánh úp đồn Tiếp-vũ, tướng giữ đồn là bọn Thân Văn Quang thua chạy. Quân Nguyễn thừa thắng, đuổi đánh thủy-binh Trịnh ở sông Tam-chế 三 制 (ở thượng lưu Vinh, tức là khúc sông Lam ở khoảng dưới cửa sông La, có bến đò Chế. N.T.C. chép là sông Tam-đăng), nhưng bị Vũ Công Quang 武 公 光 Lê Sĩ Hậu 黎 仕 厚 hợp lại đánh, quân Nguyễn thua, chạy. Tháng 2, Nguyễn Hữu Dật tiến quân đến núi Hồng-

lĩnh (1) gặp du-binh của Trịnh, đánh đuổi được, rồi chiều tối phải dừng quân, sáng mai, tiến đến Mẫn-tường, gặp tướng Trịnh là Võ Văn Thiêm đem thủy-binh lên bờ, Tiên-phong quân Nguyễn là Diên Lược 延略 (không rõ họ) đánh ngay, Văn Thiêm lui giữ xã Đằng-đề 藤底, Nguyễn Hữu Dật đốc quân xung kích, bắn giết được tướng là Tường Trung, Văn Thiêm chạy về An-trường, Hữu Tiến đem quân chánh-đạo đến Minh-lương, Tống Hữu Đại đem quân thượng-đạo đến núi Bình-lãng. Đào Quang Nhiêu chia quân chống đánh, nhưng rồi quân Trịnh bị tướng Nguyễn là Đăng Doanh 登瀛 (không rõ họ) đánh thua, các tướng Trịnh đều bỏ chạy, Đào Quang Nhiêu cũng bỏ về An-trường. Nguyễn Hữu Dật thu quân đến đóng ở Vân-cát, báo tin thắng trận lên Chúa. Chúa sai sứ-giả đem vàng, lụa thưởng cho tướng sĩ.

Tháng 3, Phạm Hữu Lễ ở Sơn-tây sai Cống Ban đem thư vào cho Hữu Tiến và Hữu Dật xin thi hành 3 chước : tung phản gián làm cho chúa Trịnh nghi ngờ các tướng, gây tình hòa hảo để người Bắc-hà giúp đỡ, dùng người hào kiệt Bắc-hà.

Bấy giờ lại có người ở Hải-dương là Văn Dụ 文諭 (không rõ họ) đến thưa rằng : « Hào kiệt ở Hải-dương cũng sẽ cùng nổi dậy với hào kiệt ở Sơn-tây, đợi quân chúa Nguyễn sang sông Lam thì sẽ tiếp ứng. »

(1) *Dãy núi chạy từ bắc vào nam, làm giới-hạn cho hai huyện Nghi-xuân và Thiên-lộc.*

Tháng 5, hai bên trở lại đánh nhau. Ninh quận-công Trịnh Toàn đã cầm quyền chỉ-huy và đến đóng ở huyện Thạch-hà, và sai Đào Quang Nhiêu và Dương Hồ đem quân bộ đóng ở làng Đại-nại 大奈 và Hương-bộc 香僕 (có nơi viết 香瀑, gần tỉnh thành Hà-tỉnh ngày nay), sai quận-công Thung 春, Lê Sĩ Hậu, Bùi Sĩ Lương 裴仕良 đem thủy-binh vào cửa Nam-giới (tức cửa Sót), với Nguyễn Hữu Sắc, Thái Bá Trật 蔡伯秩. Đốc-suất Võ Văn Thiêm đóng ở cửa Đam-nhai (cửa sông Vinh).

Nghe tin quân Trịnh đến gần, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật sai bọn Hoằng Vinh 黃榮, Dương Trí 佯智 Văn Thuần 文純 (đều không rõ họ) đem thủy-quân đến cửa Nam-giới đánh quận-công Thung. Trịnh Toàn sai thuộc tướng là quận-công Lý 李 (không rõ họ) đem quân đến cứu. Trong khi hai bên bắn nhau, Nguyễn Hữu Dật giăng cờ ra hiệu cho Dương Trí ở ngoài biển, Dương Trí trông thấy, liền tiến vào đánh, bắt được Thung và 30 chiến-thuyền, Lý thua chạy, phò-mã Trình 程 (không rõ họ) đốc suất chiến thuyền đến tiếp đánh, quân Nguyễn nhân lúc gió thuận, bắn súng, khói tỏa mù trời, quân Trịnh thua, tan vỡ. Lê Sĩ Hậu, Bùi Sĩ Lương, Nguyễn Hữu Sắc, Thái Bá Trật bỏ thuyền mà chạy. Ninh quận-công nghe tin, lui giữ bến đò Diêm (tức bến đò xã An-điềm). Hữu Dật đem quân đến vây, nhưng bị đánh phải rút quân về cửa Nam-giới, hợp với thủy-quân của Dương Trí. Trịnh Toàn lại đến đóng ở Đại-nại. Hữu Dật và Dương Trí đem

các quân thủy, bộ tiến đến sông Lam. Phó-tướng thủy-sư là Nguyễn-phước Kiều và Tham-tướng Nguyễn-phước Tráng lại đem quân đến cửa Đan-nhai, 丹 涯 đánh phá được thủy-quân của Trịnh, Võ Văn Thiêm bỏ thuyền chạy. Tống-Phước Khương 宋 福 康 và Phù Dương đem quân thượng-đạo đến xã Hương-bộc vây quân Đào Quang Nhiêu. Ninh quận-công đốc suất các quân đến cứu viện, hai bên đánh nhau ở làng Đại-nại. Quân Nguyễn thua, bọn Phù Dương phải chạy về Hà-trung. Nguyễn Phước Kiều bị thương, rồi chết.

Ninh quận-công và Đào Quang Nhiêu đem quân đuổi quân Nguyễn đến xã Tam-lộng 三 弄. Nguyễn Hữu Tiến nghe tin, bèn bố trí thủy-quân ở các bến Phù-thạch 浮 石, Tam-kỳ 三 岐 (ngã ba) và Việt - yên 越 安, sai Hoằng Tín 弘 信 (không rõ họ) đem chiến-thuyền phục ở Minh-lương, 明 良 Hữu Dật đem bộ-binh phục ở xã Nam-ngạn (1) 南 岸 để triệt đường về của Trịnh Toàn. Chận đường về của một đạo quân chiến thắng cũng là một việc táo bạo. Vì vậy Trịnh Toàn nghe tin Hữu Dật đóng quân ở Nam-ngạn, cười bảo : « Bọn quân cô đơn kia dám vào sâu trong đất ta, như cá vào lưới để cho ta vỗ các tướng một bữa gỏi ! » Ninh quận-công bèn sai tướng là quận-công Tào Nham 漕 岩 và quận công Diễn Thọ 演 壽 (hai người đều không rõ họ) xông ra gò nổi ở

(1) *Các bến, các xã này đều thuộc khúc sông Lam trên dưới ngã ba sông Lam và sông La.*

xã Nam-ngạn đánh với quân Nguyễn. Gặp phục-binh nổi dậy đánh, Tào Nham và Diên thọ đều bị tướng Nguyễn là Đô Tín 都信 (không rõ họ) giết chết. Trịnh Toàn dẫn quân qua Bình-hồ (1) 平湖 bị Hoằng Tín suất thủy-quân bắn, quân Trịnh chết rất nhiều. Trịnh Toàn bèn lui đóng ở An-trường.

Quân Trịnh vẫn bị bắt buộc phải ở bên kia, phía bắc, sông Lam, mặc dầu Ninh quận-công có thắng được một trận nhỏ ở Đại-nại.

Chúa Nguyễn nghe quân mình thắng được nhiều trận, tự cầm quân muốn ra xã Phù-lộ, châu Bắc Bố-chính để tiếp ứng. Đến khi nghe tin các tướng đã lui về Hà-trung thì dừng lại ở Dinh Trạm (xã An-trạch, nay là Thuận-trạch). Nguyễn Hữu Dật đến hành-tại yết kiến, và vì tính bộc trực sẵn có, đem hết tình-trạng trình bày với Chúa, chỉ-trích kịch liệt những tướng càn dỡ, và cái thói tệ thiên vị công tộc của các chúa nữa. Hữu Dật nói : «Dùng binh hai năm nay, mới lấy được 7 huyện Nghệ-an, được rất khó mà phí cũng rất nhiều. Nay thế chưa thể thừa được, vậy xin đắp lũy ở phía nam Lam-giang để giữ mà chờ cơ-hội. Vả, việc dụng binh trước phải bàn đến tướng. Nay những người cầm binh phần nhiều là người bà con, cố cựu (của Chúa), hoặc có người không quen kỷ-luật, đi đứng trái phép, cũng có người dung túng quân đi cướp bóc, làm mất lòng dân, ấy không phải là đạo toàn thắng. Xưa kia Hàn Tín, Bành

(1) *Nay là An-hồ, ở La-sơn.*

Việt, Anh Bố (1) đều vì có trí dũng mà làm tướng nhà Hán, lập nên công nghiệp, họ đâu có phải là người đất Phong, đất Bái (2) ? Thần xin chọn lựa kỹ các tướng có phương lược, không kể sơ, thân, thì cho cầm quân, còn những người bà con, cố cựu mà không biết việc binh thì hậu đãi bổng lộc để trọn cuộc đời, chứ không cho nắm giữ binh-quyền. Như vậy thì sự sai dùng đều xứng tài năng, mà đánh thì ắt thắng. » .Chúa khen là phải, cho vàng, bạc và một thanh bảo kiếm, và bảo trở về quân-thứ.

Trong mấy tháng còn lại của năm bính-thân, hai bên không đánh nhau trận nào, chắc là vì bên nào cũng đương bận rộn việc nội-bộ. Bên Trịnh, ngoài những cuộc thất bại liên tiếp, còn việc Thanh-vương Trịnh Tráng già yếu, e sắp qua đời mà mỗi lần một chúa qua đời là một lần tranh giành, chia rẽ trong nhà họ Trịnh. Bên Nguyễn tuy thắng, nhưng lại đương gặp khó khăn về việc vận tải quân-lương, việc bổ-túc quân-số, vả lại, trong một xứ mới được chinh phục, muốn duy trì được cũng phải lo thu phục dân tâm.

Trịnh Toàn từ khi vào Nghệ-an, hậu đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục. Thấy em có

---

(1) Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố ba tướng giúp Hán Cao-tổ dựng nước.

(2) Quê hương của Hán Cao-tổ.

nhiều người quý chuộng, Trịnh Tạc sinh lòng đố kỵ. Tháng 6 năm bính-thân (1656) sai con là Thái-Bảo Phú quận-công Trịnh-Căn 鄭根 vào Nghệ-an làm Thống lãnh, nói là để giúp Trịnh Toàn, nhưng sự thật là để dòm ngó và rút bớt quyền binh của Toàn. Tiếp đó, nhiều võ tướng và mưu-thần khác được gởi vào Nghệ-an để tăng cường đoàn-quân viễn chinh. Tháng 11, quân Trịnh dời sang phía nam sông Lam. Trịnh Toàn đóng ở xã Quảng khuyên 廣勸 (thuộc huyện Thiên-lộc) Trịnh-Căn đóng ở xã Bạc-trạc (cũng thuộc huyện ấy). Hai bên đào hào, đắp

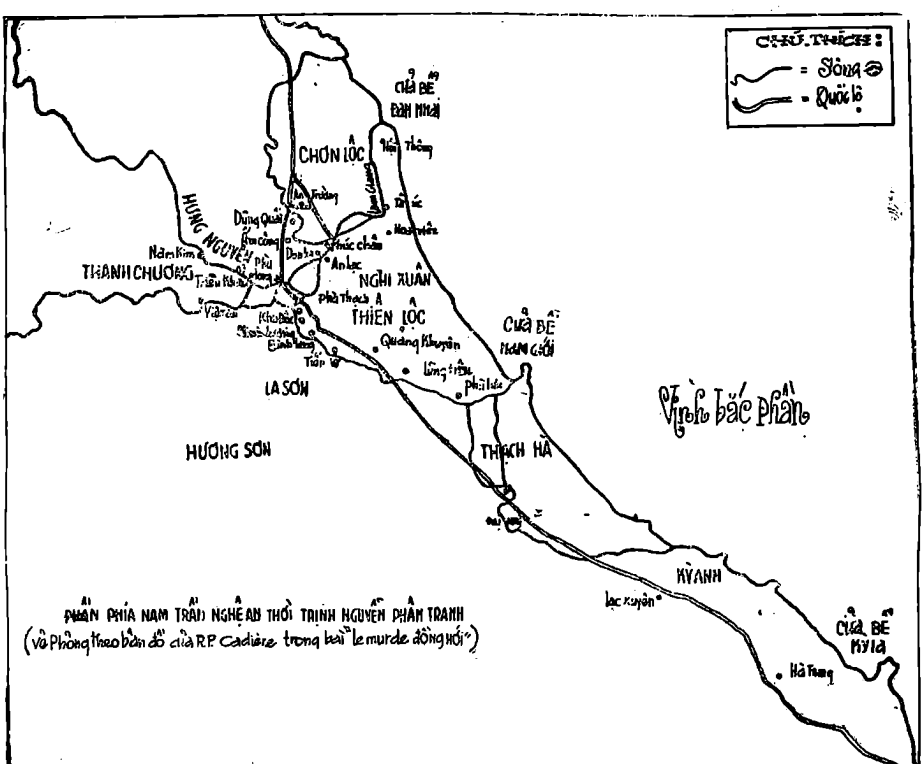

lũy. Trịnh Toàn muốn đem quân về An-trường, Trịnh Căn e ngại, lui về đóng ở Phù-long, trong huyện Hưng nguyên, xây đắp những công-trình phòng thủ, dòm ngó những hành-động của chú mình.

Năm đinh-dậu (1657) tháng giêng, Chúa Thái-tông đến

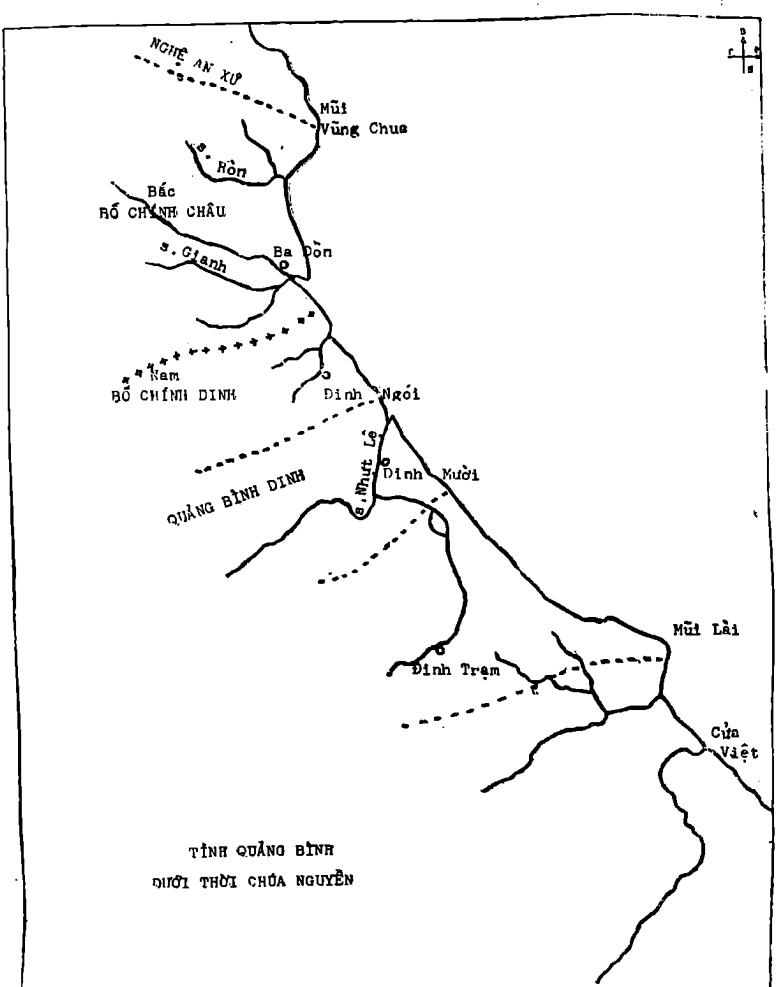

dinh Quảng-bình (dinh Mười). Trước đó, Chúa đã sai Văn Tường, Hoàng Sinh, Thế-Lương (đều không rõ họ) đem mật thư cho bọn Phạm hữu Lễ ở Sơn-tây, bảo ngấm ngầm kêu gọi hào kiệt Bắc-hà hưởng ứng. Đến tháng 2 năm nay, Phạm Hữu Lễ cho con là Phụng 鳳 cùng bọn Văn Tường, Hoàng Sinh đến quân-thứ Hà-trung. Hữu-Tiến và Hữu Dật sai đưa đến hành-tại Quảng-bình bái yết chúa. Chúa hậu đãi, và khiến trở về hoạt-động. Theo lời xin của Hữu Dật, Chúa cho Thế-Lương làm Thứ Đội trưởng, Văn Tường làm Cai-hợp để khuyến khích họ. Tháng 4, Thanh-vương Trịnh-Tráng mất, Trịnh Tạc nối ngôi. Vì lẽ đó mà chúng ta đã thấy vừa được sai vào An-trường, Trịnh Tạc liền bị triệu về.

Tháng 5, Chúa Thái-Tông đến huyện Thạch-hà, đóng ở xã Vân-cát. Các tướng xin nhân họ Trịnh gặp biến-cố, thừa cơ tiến đánh. Chúa nói không nỡ đánh người trong lúc có tang, bèn sai Võ Đình Phương đem lễ vật ra Thăng Long điếu, rồi chúa trở về, khiến các tướng chia nhau đóng đồn từ sông Lam trở vào Nam và đắp lũy từ đầu núi đến cửa biển để phòng ngự.

Lên ngôi rồi, Tây định vương Trịnh Tạc liền ra tay trị đứa em mình ngờ có dị chí. Trịnh Toàn bị triệu về, vì tội không về chịu tang cha ; binh quyền ở Nghệ-an giao cho Trịnh-Căn. Việc triệu hồi Trịnh Toàn đã khiến nhiều tướng bộ hạ của ông như Trịnh Bàn 鄭槃 Trương Đắc Danh 張得名 và nhiều người khác bỏ Trịnh,

hàng Nguyễn Hữu Tiến. Trịnh Toàn về Thăng-long, bị kết tội phản nghịch, bỏ ngục, rồi chết trong ngục. (1)

Tháng 6 (1657), Trịnh-Căn chia quân ra làm 3 đạo, sai Lê Thì Hiến 黎時憲 làm tướng trung-quận, Hoàng Nghĩa Giao 黃義膠 làm tướng tả-quân, Đặng Thế Công 鄧世功 làm tướng Hữu-quân, sang sông Lam ở khoảng thuộc huyện Thanh-chương, rồi tiến lên đánh tướng Nguyễn là Tống Hữu Đại ở làng Nam-hoa (nay là Nam-kim), còn Trịnh-Căn thì đốc suất đại binh tiếp ứng để đánh úp phía sau. Nhờ có người ở xã Phúc-châu, huyện Nghi-xuân, tên là Phan-Lân 攀鱗 (không rõ họ) báo trước với Nguyễn Hữu Dật, nên Tống Hữu Đại đã phòng bị trước. Quân Trịnh lên bờ, đi chưa được vài dặm thì gặp quân Hữu-Đại, Hữu-Đại giả đò chạy, bọn Lê Thời Hiến đuổi theo, gặp phục binh của Phù Dương nổi ra đánh, quân Trịnh rối loạn, đều tự vỡ chạy, quân Nguyễn đuổi đến bên sông rồi trở về, báo tin thắng trận lên Chúa, Chúa sai đem vàng, lụa thưởng các tướng sĩ, và cho Phan Lân làm Cai-đội. Nhưng trận này không phải đến đó là dứt, sứ-thần nhà Nguyễn chỉ chép đến đó rồi thôi, chứ theo T.T. thì khi thấy quân Lê Thời Hiến thua, Trịnh-Căn đã sai

---

(1) T.T. viết rằng : « Trịnh Toàn là mối nguy ở trong nước, cũng như họ Nguyễn là mối nguy ở ngoài nước. Nhưng Khang vương Trịnh Căn thận trọng, minh sát, nên thu phục được lòng người và diệt được mối nguy tận gốc, nhờ đó nhân dân không bị khốn khổ, vương thất được yên như bàn thạch.

quân cứu viện : Đặng Thế Công tiến đánh quân Nguyễn, Mai Văn Hiếu Lê Sĩ Hầu cũng cho thủy quân đổ bộ, hợp sức với Đặng Thế Công, đuổi được quân Nguyễn. Như vậy trong trận này không ai được mà cũng không ai thua ; ban đầu quân Nguyễn thắng, nhưng sau bị đẩy lui, thế thôi. Nhưng rồi quân Trịnh trở về An-trường.

Tháng 9, quân Nguyễn đánh phá được lũy Đồng-hồn, 同昏 ở xã Mỹ-dụ, huyện Hưng-nguyên, do tướng Trịnh là Thắng Nham 勝巖 (không rõ họ) đóng giữ. Lũy ấy ở chỗ đất ẩm thấp, mùa thu, trời mưa thường bị ngập lụt. Thám-tử đem tình-trạng ấy báo lên Hữu Dật. Hữu Dật xem thiên-văn biết ngày 25 sẽ có mưa lụt, nên cho Hữu Tiến biết trước, sẽ nhân đó đem quân đến đánh. Quả nhiên, ngày ấy, mưa to gió lớn, nước sông, đầy tràn, Hữu Dật dẫn quân đánh thẳng vào lũy Đồng-hồn đương bị ngập, Thắng Nham đã lên núi Thổ-sơn chạy trốn, quân Nguyễn thu được khí giới rất nhiều. Cuộc chiến tranh này hao tốn rất nhiều đã làm cho hai bên Trịnh, Nguyễn phải kiệt sức. Tháng 5 năm mậu-tuất, vua Lê Thần-tông xuống chiếu cho nhân dân ai nạp thóc thì bổ làm quan, cao, thấp, tùy theo số thóc nạp. Ấy chắc là để sung vào quân-lương cho Nghệ-an. Ở Nam-hà thì từ trước lương thực binh-sĩ Nghệ an vẫn do các tỉnh Thuận, Quảng vận tải ra, nhưng đến tháng 2 năm mậu-tuất, Chúa đặt trường duyệt tuyển ở Nghệ-an, duyệt lấy ba hạng tráng, quân, dân để thu thuế thân mà cấp cho binh-sĩ.

Trong thời-gian này, nhiều tướng Trịnh đóng ở Nghệ an và lại, dân ở đây qui phụ chúa Nguyễn. Người ta nhận thấy có Đô-đốc Lân 麟, Thự-vệ Chiêu Đức 昭德, Cai-đội Toản Vũ 纘武, Tiềm Vân 潛雲, Bật Lân 弼隣 Triều Cương 朝剛 (đều không rõ họ) đều đem quân sở-bộ đến đầu hàng.

Chúa Thái-tông bèn nghĩ đến việc dùng người ở đất mới chinh phục cho làm quan để lo việc trị an địa-phương và khuyến khích lòng người. Sai lựa những người có tài trí, văn học, ở châu Bắc Bố-chính và 7 huyện Nghệ-an, giao họ các chức quan, để họ xét xử kiện tụng, xét bắt trộm cướp.

Năm mậu-tuất (1638) tháng 6, một tù-trưởng dân thượng là Lang Công Cần 郎公瑾, người sách Trọng hiệp, huyện Quỳnh-lưu, hướng dẫn một đạo quân Nguyễn do đường núi tiến đến xã Dương-hiệp, huyện Đông-thành, xui giục nhân-dân vùng này nổi dậy. Trịnh Căn sai Lê Văn Hi, Lưu Thế Canh đem quân đi đánh, Đạo quân Nguyễn thua, rút về. Lang Công Cần đắp đồn, tiếp tục chiến đấu. Trịnh căn sai Phạm Thành đi đánh, bắt được Cần, bỏ vào cũi, giải về Thăng-long.

Tháng 7, quân Nguyễn tiến đánh xã Mỹ-dụ 美裕 (thuộc huyện Hưng-nguyên), Thủ-tướng Trịnh là Nguyễn Hữu Tá 阮有佐 bỏ đồn chạy. Lê Thời Hiến đem quân đến cứu viện, quân Nguyễn thua, phải rút về, nhiều người bị chết đuối.

Tháng 8, quân Nguyễn qua sông Lam, đóng ở xã Bạch đường 白塘 (huyện Nam-đường) đánh Đào Quang Nhiêu.

Tháng 9, Phạm Phượng 范鳳 đến quân-thứ báo với Nguyễn Hữu Tiến rằng tướng giữ lũy Đồng-hồn là Tham-đốc Vân Khả 雲可 (không rõ họ) là người tham lam, bạo ngược, xin đánh lấy lũy ấy. Hữu Tiến sai đem ý ấy bảo Hữu Dật. Hữu Dật xem thiên-văn, biết ngày 11 sẽ có mưa lụt, nên hẹn với Nguyễn Hữu Tiến sẽ nhân lúc nước lớn, hợp quân mà đánh. Đến ngày ấy, quả mưa to, Hữu Dật đem thủy quân kéo đến đánh, quân Trịnh sợ hãi, tan vỡ, Vân Khả chạy về An-trường, Hữu Dật rút quân về. Trịnh Căn sai quận-công Miện 冕 thay giữ lũy Đồng-hồn.

Nhưng giai đoạn thắng trận của quân Nguyễn đã qua, từ đây họ chỉ gặp những thất bại.

Tháng 12 năm ấy, Trịnh Căn bắt đầu cuộc phản công. Ông sai Đốc-suất Đào Quang Nhiêu và Lê Thời Hiến Đặng Thế Công, Phó Tham-thị Trịnh Quang Đễ đem quân qua sông Lam, vào Huyện Hương-sơn, tấn công một đạo quân Nguyễn ở xã Tuần-lễ 循禮. Quân Nguyễn thua to.

Trong năm kỷ-hợi và nửa năm đầu năm canh-tý, hai bên không đánh nhau trận nào, có lẽ vì quân Nguyễn đương gặp khó-khăn trong nội bộ, còn quân Trịnh đương đợi viện-binh thêm.

Nhiều người Bắc-hà vẫn vào theo chúa Nguyễn. Năm kỷ-hợi (1659), có người Nghệ-an là Tư-thiên-giám Châu Hữu Tài 朱有才, Chiếm-hậu Cồn Lương 袞良 Hộ binh Tộ Long 祚隆 vốn làm quan ở Thăng-long, xin phép nghỉ về quê, rồi đến quân-thứ Nguyễn Hữu Tiến xin về với nhà Nguyễn. Họ đều nói nhân dân Bắc-hà đương trông ngóng quân chúa Nguyễn. Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật trình lên Chúa việc ấy. Chúa trả lời rằng : « Phàm công việc ở ngoài biên cương, ta đều ủy thác cho hai ngươi, nên định ngày tiến binh, ta cũng sẽ cử đại binh tiếp ứng. » Hữu Tiến, Hữu Dật bèn sai các tướng chuẩn bị chiến-cụ, và khiến Tộ Long trở về Bắc chiêu tập quân sĩ để hưởng ứng.

Nhưng cuộc chuẩn bị ấy không đưa đến thực hành. Chắc là vì nghĩ kỹ lại, chúa tôi nhà Nguyễn phải nhận thức rằng lực lượng mình không thể tranh phong nổi với lực lượng quân Trịnh trên đất Bắc-hà, vả lại bấy giờ các tướng tá đã bất hòa, binh sĩ mệt mỏi, chán nản, nên ý nghĩ tiến quân phải dẹp bỏ.

Châu Hữu Tài, Cồn Lương dâng thư lên chúa Nguyễn bàn về ba điều : điều thứ nhất bàn về thiên-thời. Sách Xuân Thu Tả Truyện nói : « Sao Tuế 歲 ở đâu thì nước có phước, có thể đánh được người, mà người không thể đánh được mình ». Xin đem việc biên-giới để làm chứng. Giáp-tí năm thứ 7, sao Tuế ở vào độ mùi, đầu sao Thuần 鶉, đinh-mão năm thứ 9, sao

Tuế ở vào độ Thìn của sao Thọ 壽, ất-mùi năm thứ 3 sao Tuế ở cung Đoài 兌. Ấy đều là hiện-tượng phương Nam có sao Tuế, cho nên quân Trịnh mấy lần xâm lấn bờ cõi đều bị thua, đó là một ứng nghiệm. Nay sao Tuế hiện ra ở độ thân của sao Thực-trầm 宸 沈. Sách C. M. (Thông-giám Cương-mục của Chu Hy) nói : « Chỗ sao Sâm mà được sao Tuế thì ắt có chân-nhân dấy lên ở đất ấy. » Tượng trời ứng nghiệm thật là rõ ràng. Điều thứ hai bàn về địa-lợi : Đất Hồng-lĩnh núi sông như giải áo, xin đóng dinh ở đó, lấy La-sơn làm góc thành bên tả, Nghi-xuân làm góc thành bên hữu, núi Cô-độc làm tiền phong, lại ở Thanh-chương thì đặt tả kỳ-binh, ở La-sơn thì đặt Hữu kỳ-binh, nên tự chỗ sao Tuế ở mà đánh vào chỗ sao Tuế xung. Ấy là nơi tất phải tranh lấy, không thể bỏ mất được. Điều thứ ba bàn về nhân-hòa : Nghĩa lớn vua tôi gốc ở lòng người. Nay họ Trịnh giết vua, làm nghịch, thiên hạ ai cũng căm giận, nguyện làm quân Lạc-dương (1) mà hỏi tội ở Giang-trung (2), như thế thì nghịch tặc kia không trốn vào đâu được... Thư lại nói rõ về việc dùng người, việc lý-tài : xin lập khoa thi võ, mở khoa thi hương, để thu dùng những người có học thức, tài năng ; xin chia đều đinh điền, rộng về thuế khóa để yên lòng dân mới quy-phụ.

(1) *Quân của Hán Quang-võ dẹp yên bọn tiếm nghịch và khôi phục nhà Hán.*

(2) *Tội Hạng Vũ giết vua Sở Hoài-vương ở Giang-trung.*

Chúa Thái-tông khen Châu Hữu Tài là người học rộng, có thể dùng làm tư vấn, cho làm Tham-chính giám-hộ quân. (Đến năm tân-sửu -1661- vì hàng tướng Nghệ-an có nhiều người phản, Chúa Nguyễn đối với Châu Hữu Tài và Cồn Lương cũng thờ ơ, lạt lẻo, không biết vì vậy hay là vì thấy chúa Trịnh đã lấy lại 7 huyện Nghệ-an, Châu Hữu Tài và Cồn Lương bỏ trốn về Bắc.)

Tháng 8, chúa Trịnh Tạc sai người mang một gói trân châu, 5 khối vàng mã-đề,, và mật thư đưa đến Hữu Dật để dụ hàng. Nguyễn Hữu Dật giả vờ trả lời: «Tháng sau, xin vương đem quân tiếp tôi ở trên sông.» Sứ Trịnh đi rồi, Hữu Dật đem bức thư và đồ vật của Trịnh Tạc trình lên chúa, Chúa cho phép Hữu Dật cứ nhận lấy.

Tháng 9, ở Thăng-long, việc âm-mưu nội ứng của Phạm Hữu Lễ bị phát giác. Trịnh Tạc bắt Hữu Lễ tra hỏi rồi giết. Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật nghe tin, rất thương tiếc, lập đàn cúng tế.

Nguyên từ năm mậu-tuất (1658), việc chúa Nguyễn bắt dân 7 huyện Nghệ-an nạp thuế thân đã làm cho nhiều người thắc mắc. Họ bảo nhau: «Quân Chúa đến, chúng ta mong được hưởng một chính-sách rộng rãi, sao bây giờ thuế thân lại nặng hơn năm trước?» Nguyễn Hữu Dật biết rằng tâm-lý ấy của dân-chúng một xứ mới chinh-phục rất bất lợi cho nhà Nguyễn, nên liền sai người đi các làng hiểu dụ, đại khái nói

rằng ấy vì việc hành binh chưa xong, phải tạm thu thuế để giúp quân-nhu. Sau đó, lại thu thuế ruộng. Sự bất mãn chắc đã không khỏi lan tràn (1). Nhận thấy điểm yếu ấy của địch, nay họ Trịnh lại ngầm tung người qua sông Lam, lấy việc thuế má ấy phản tuyên truyền, chống nhà Nguyễn.

Việc phản tuyên-truyền ấy đã có kết-quả. Và chính trong hạng tướng lãnh cũng có người bị họ Trịnh mua chuộc được. Phạm Tất Đồng, tướng giữ Bắc Bố-chính của Trịnh, đã hàng chúa Nguyễn năm ất-mùi (1655) đã từng được sai làm tiên-phuông, nay được Trịnh Tạc gửi thư đến dụ và cho 3 khối vàng, nên mưu trở về Bắc. Chẳng may, việc bị tiết lộ, Tất Đồng và bọn đồng mưu hơn 20 người đều bị giết.

Và cũng từ đây lòng quân chán nản, sự bất hòa giữa Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật bộc lộ, các tướng chia rẽ, ý-chí chiến-đấu không nhất trí nữa.

Quân từ Thuận, Quảng đưa ra ở lâu ngày muốn về, còn quân Nghệ-an mới hàng thì nhiều người trốn đi. Tháng 11, Tộ Long, người mà Hữu Tiến, Hữu Dật phái ra Bắc chiêu tập quân sĩ, trở về, đến yết Nguyễn Hữu Dật và phàn nàn thái-độ chần chờ, không tiến ra Bắc của các tướng miền Nam. Hữu Dật tiếp Tộ Long

---

(1) V.B.T.L. chép : Họ Nguyễn làm sổ kê binh dân 7 huyện Nam-hà trấn Nghệ-an, thu thuế đinh, vơ vét thuế ruộng, dân ta thán hận.

rồi cho trở về Bắc, Tộ Long không yết kiến Hữu Tiến. Hữu Dật đến dinh Hữu Tiến thuật lại lời Tộ Long và bàn việc xuất quân. Nhân đó, xảy ra vụ cãi vả giữa các tướng Nguyễn Phước Tráng, Tống Hữu Đại, Phù Dương một bên, và Nguyễn Hữu Dật. Các tướng ấy nói: «Đại-binh đi chinh phạt thì lệnh phải do Nguyên-súy, sao Đốc-chiến lại cho riêng Tộ Long về ? Vả, trước đây, có mật thư gửi đến, (1) chưa biết hư thực thế nào, nay một lời nói của Tộ Long, sao có thể tin dễ dàng được ? Chi bằng hãy đóng quân để chờ thời. » Hữu Dật phân trần. Nhưng từ đó, Hữu Dật bực tức, thành bệnh. Phù Dương nói với Hữu Tiến : «Hữu Dật là bạch diện thư-sinh, chỉ nhờ tài nói năng mà được Chúa tin dùng, rồi tự ví mình với Quản Trọng, Nhạc Nghị, bọn chúng tôi lấy làm xấu hổ. Lại nghe đâu sứ nhà Trịnh có bí mật đi lại, sợ có ý gì khác chăng ? » Nguyễn Hữu Tiến thấy Hữu-Dật nhiều lần được Chúa khen thưởng, sinh lòng ghen ghét, nên cũng đồng ý với các tướng, nhưng nghe lời chỉ trích của Phù Dương, giả vờ trả lời cho đúng giọng đàn anh : « Ông nói sai rồi ! Đạo làm tôi cốt lấy trung ái làm đầu, trung để thờ vua, ái để kết bạn, há lại nghi kỵ lẫn nhau mà phụ lòng ủy thác của triều-đình sao ? » Nhưng bên trong vẫn đồng ý với Phù Dương.

Năm canh-tý (1660), tháng 8, Nguyễn Hữu Tiến đem quân sang sông Tam-chế đánh tướng Trịnh là quận-

(1) *Ám chỉ bức thư dụ hàng của Trịnh Tạc gửi cho Hữu Dật.*

công Lan 闌 (không rõ họ) ở xã Do-nha 由芽 (thuộc huyện Hưng-nguyên, trên tả-ngạn sông Lam) quân Nghệ-an mới hàng đều không có chí chiến đấu, đào ngũ rất nhiều. Nguyễn Hữu Tiến phải rút quân về đóng ở hữu-ngạn. Quận-công Lan đem quân giữ lũy Đồng-hồn. Khi đi đánh Do-nha, Hữu Tiến đã cùng các tướng hợp quân, nhưng không cho Hữu-Dật biết. Khi nghe tiếng súng, Hữu Dật sai người đến hỏi, Hữu Tiến bèn sai Hữu Dật tiến đánh lũy Đồng-Hồn. Hữu Dật liền đem quân bản-bộ đánh với quận-công Lan, Lan thua chạy. Thủ-tướng lũy này là quận-công Miện 冕 đem quân đi quanh sau núi để đột công Hữu-Dật. Vừa lúc ấy, Hữu Tiến đem đại binh đến, Miện không dám chống cự, chạy về An-trường. Hữu Tiến đốc quân sang sông Lam đóng đồn, Hữu-Dật thì đóng quân từ Đồng-hồn, huyện Hưng-nguyên đến xã Lãng khê 朗溪 thuộc huyện Nghi-xuân, để làm thế dựa nhau, và sai làm cầu nổi để tiện qua bờ nam sông. Uy-thế quân Nguyễn thêm mạnh. Hữu Tiến, Hữu-Dật báo lên Chúa tin thắng trận, và xin đại-binh tiếp ứng.

Chúa trả lời : «Dùng binh là việc lớn, trước phải xét thiên-thời, sau xem địa-lợi, rồi sau nữa đo-đắn lòng người. Nay là lúc thu, đông giao tiếp, gió mưa lạnh lẽo, ấy là điều bất lợi thứ nhất. Quân đóng ở phía bắc sông, trước mặt không có thành quách, phía sau có sông lớn cách trở, ấy là điều bất lợi thứ hai. Quân đi đánh đã 5 năm, lòng người ai cũng muốn về, nếu cất quân đánh gấp, ít không đánh được đông, tình người không khỏi

sợ hãi, ngờ vực, ấy là điều bất lợi thứ ba. Chi bằng hãy về lũy cũ, để an lòng quân, đợi mùa xuân sang năm lại cử binh cũng chưa muộn. » Hữu Tiến bèn ra lệnh dở cầu nổi và rút quân về phía nam sông Lam, đóng ở các lũy cũ để cố thủ.

Nhưng cũng trong tháng 8 này, lực lượng của Trịnh Căn đã được tăng cường. Các tướng Mân Văn Liên 閔文連, Trịnh Liễu 鄭柳 Trịnh Thế Khanh 鄭世卿 và nhiều tướng khác đã đem thêm nhiều binh-sĩ đến Nghệ-an.

Đã có thêm quân viện trợ, Trịnh Căn liền phản công. Tháng 9, Căn khiến làm cầu nổi qua sông Lam, rồi sai Đô-đốc Diệu lãnh quân qua dinh Khu-độc đánh Lũy-ngang và Thạch hiệp, Tham-đốc Hằng lãnh chiến-thuyền theo đường Lãng-khê, Lũy-ngang đánh úp phía sau. Nguyễn hữu Dật biết mưu ấy, sai tỳ-tướng là Trương Văn Vân 張文雲 phục binh ở rừng Thạch-hiệp, 石峽林 Triều-Tô 朝蘇 và Tú Minh 秀明 đóng trên gò cao Lũy ngang để chống cự. Đô-đốc Diệu đương đêm đến rừng Lũy-ngang, 橫壘 gặp phục binh Văn Vân nổi dậy, đoàn quân của Diệu bị cắt làm đôi, đầu cuối không tiếp nhau được, bị chết rất nhiều. Sáng ra, Đô đốc Diệu đem quân còn lại đến đánh lũy Ngưu-pha 牛坡, tướng giữ của Nguyễn là Trương-phước Hùng thua chạy. Trong khi ấy, Tham-đốc Hằng đem thủy-binh đến Lãng-Khê, bị quân Nguyễn bắn, phải bỏ thuyền chạy.

Quân Nguyễn, quân Trịnh cầm cự nhau ở hai bên

bờ sông Lam. Trịnh Căn hợp các tướng để hỏi mưu sách. Trần Công Bách 陳公栢 thưa: «Phả lấy cho được Lận-sơn 吝山 (dãy núi chạy ven hữu-ngạn sông Lam), hễ chiếm được Lận-sơn trước thì thắng.» Trịnh Căn nói: «Ta đã từng lên núi Dũng-quyết, 勇決山 xem kỹ hình-thế, vẫn lưu tâm đến núi ấy, nay ông nói thế thật đúng ý ta.» Căn bèn cho Trần Công Bách làm tiên-phong, chia binh làm hai đạo, sai Hoàng Nghĩa Giao và Phan Kiêm Đồng 番兼公 qua sông ở xã Âm-công 陰功 (thuộc huyện Hưng-Nguyên) Lê Thời Hiến do xã Tả-ao (thuộc huyện Nghi-xuân) vượt qua cửa Hội-thống. Hai đạo quân này xuất phát lúc nửa đêm. Mờ sáng hôm sau, Trịnh Căn đem đại-binh lên núi Dũng-quyết tiếp chiến. Hoàng Nghĩa Giao sang sông trước, đến thẳng xã An-lạc (thuộc huyện Nghi-xuân). Trần Công Bách sấn vào đánh chiến Lận-sơn, gặp phục binh của Hữu Dật từ trong rừng xông ra, Công Bách đánh nhau với bọn Đinh Đức Nhuận 丁德潤, bị giết. Thuộc tướng của Bách là Vũ Bách Phúc 武百福 Lê Văn Hy 黎文曦 Lưu Thế Canh 劉世庚 chạy trốn. Quân Nguyễn bao vây bốn mặt. Trịnh Căn sai Trần Tiến Triều 陳進朝 đem quân ra chống cự, và cho thủy-quân tiến qua bờ sông mà bắn sang. Quân Nguyễn phải rút lui. Bọn Lê Thời Hiến đến Tả-ao, gặp quân Nguyễn, hai bên giao chiến, tướng Trịnh là Mai Văn Hiếu 枚文孝 Phạm Thạnh 范晟 Dương Quỳnh 楊瓊 Trịnh Thế Khanh đều thua, Mẫn Văn Liên bị chết. Thời Hiến đốc quân tiến lên tiếp cứu, đuổi được quân Nguyễn đến xã Hoa-viên. 花園 Quân Nguyễn bỏ lại khí-giới rất nhiều, lui giữ huyện-lỵ Nghi-xuân.

Nguyễn Hữu Tiến nhận thấy rằng trong mấy trận vừa qua, tướng sĩ Nghệ-an mới hàng đều có chí khác, nên tháng 10, ông hội hợp các tướng để bàn cách xử trí. Tống Hữu Đại nói : « Việc binh cần phải nghiêm, xin xét trong quân có kẻ mưu phản thì giết ngay một hai tên để răn kẻ khác. » Nguyễn-phước-Tráng cũng đồng ý ấy. Nguyễn Hữu Dật đứng lên nói : « Điều hai ông vừa nói đó là phép hành binh, còn như việc dụng binh thì cốt yếu là nhân hòa, hễ lòng người hòa thuận thì đánh ắt thắng. Vậy chỉ nên lấy ấn mà kết hợp, lấy tín mà cảm phục, thì người ta vui lòng mà dễ sai dùng, chứ chém giết làm gì ? » Tham-mưu Võ Đình Phương 武廷芳 nói : « Nay bọn hàng tốt hai lòng mà thế của địch còn vững, chi bằng rút quân về, sau sẽ tính. » Hữu Tiến thấy ý-kiến các tướng bất nhất, bèn bí mật định kế rút quân. Và những lời nói của Hữu Dật đã làm cho ông phật ý.

Trong khi các tướng nhà Nguyễn cãi vã, chia rẻ nhau thì tháng 10, Trịnh Căn nhận được thêm viện binh và lần này khá lớn lao. Các tướng Trịnh Kiền 鄭榩, Trần Lương Nho 陳良儒 Lê Tôn 黎尊, Trịnh Phác 鄭僕 Trịnh Oai 鄭威 Phạm Phúc Thiêm 范福添, Trịnh Huyên 鄭楦 Cao Diên 高暀 được sai vào Nghệ-an, đặt dưới quyền điền-khiển của Trịnh Căn, chỉ huy dinh Tá-quốc Đồng thời, Lê Sĩ Triệt 黎仕澈 được bổ làm Tham-thị dinh Tá-quốc Trịnh, Thế Tế 鄭世濟 làm Phó Tham-thị dinh này. Trịnh Đống 鄭棟 chỉ huy dinh Trung-khuông-quân và Hồ Sĩ Dương 胡士揚 được

bổ làm Đốc-thị dinh này, Trịnh Kiện chỉ huy dinh Tả-nội-quân và Thân Toàn 申 墫 làm Đốc-thị.

Tháng 11, Trịnh Căn lại mở cuộc tấn công. Ngày 17, sai Lê Thời Hiến và Lê Sĩ Triệt theo bờ biển qua xã Cương-giản thuộc huyện Nghi-xuân tiến lên ; Hoàng Nghĩa Giao, Nguyễn Năng Thiệu 阮能紹 do đường bộ đi qua hai xã Lũng-trâu 龍鄒 và Mạn-trường 慢長 thuộc huyện Thiên-lộc, tiến lên. Ngày 18, Lê Thời Hiến, Lê Sĩ Triệt đánh tan quân Nguyễn ở làng An-điềm 安恬 trong huyện Thiên-lộc. Quân Nguyễn đã rút lui khỏi Nghi-xuân. Ngày hôm sau, 19, Lê Thời Hiến, Lê Sĩ Triệt, Hoàng Nghĩa Giao, Nguyễn Năng Thiệu hợp quân lại, cùng đánh quân Nguyễn ở xã Phù-lưu, quân Nguyễn thua to và tan vỡ. Bảy huyện Nghệ-an ở Nam Lam-giang đều bị quân Trịnh chiếm lại.

Trong ngày ấy, Trịnh Căn lập tức sai phi báo tin chiến-thắng về Thăng-long. Trịnh Tạc thân hành vào cung tâu tin mừng lên vua Thần-tông. Bách quan vào làm lễ khánh hạ.

Sau khi thua ở An-điềm, và Phù-lưu, Nguyễn Hữu Tiến quyết định rút lui, nhưng nói phao lên là sai các tướng do đường thủy, đường bộ đều tiến, lại báo cho Nguyễn Hữu Dật (1) đem quân tiếp ứng, hẹn đến canh ba hôm sau tới thẳng An-trường đánh phá dinh

(1) *Theo C.N.M. thì bấy giờ Hữu Tiến đóng ở Nghi-xuân, Hữu Dật đóng ở Khu-độc.*

quân Trịnh ; và dặn riêng các tướng đến đêm rút quân về châu Nam Bố-chính, chỉ không cho một mình Nguyễn Hữu Dật biết. Đêm ấy, Hữu Dật mặc sẵn binh giáp ngồi chờ. Đến khi biết tin Hữu Tiến đã rút quân thì quân Trịnh đã qua sông, tiến sát đến ngoài dinh rồi. Hữu Dật vốn là người nhiều mưu trí, gặp lúc khó khăn, cũng tìm cách xoay xở được. Ông sai người đàn ca, hát xướng vui vẻ trong dinh, trong khi ấy thì cho binh-sĩ bí mật rút lui. Trịnh Căn đến ngoài dinh, nghe tiếng đàn sáo, sinh nghi, không dám đến gần, Hữu Dật rút quân về, đến Hoành-sơn thì gặp quân Nguyễn Hữu Tiến.

Báo tin thắng trận về Thăng-long rồi, ngày 21, Trịnh Căn đốc suất các đạo binh đuổi theo quân Nguyễn. Quân Trịnh đuổi kịp quân Nguyễn, hai bên giao chiến, quân Trịnh bị thương và chết rất nhiều. Trịnh Căn bèn lui quân 20 dặm, đóng đồn. (1) Hữu Tiến cũng lui đóng ở cửa biển- Nhật-lệ. Hữu Dật đi sau, sai người kéo cành cây ở trong rừng làm cho cát bụi tung bay, và cho treo nhiều cờ lên ngọn cây để làm nghi binh. Tướng Trịnh là Nguyễn Đễ thấy thế, quả nhiên sinh nghi, không dám tiến, các tướng đem được toàn quân về Nam Bố-chính.

Trịnh Căn về dinh Kỳ-hòa. Tháng 12, triều Lê sai sứ đem sắc thư vào khen thưởng, thăng Căn làm Thái-úy Nghi quốc-công. Tháng 2 năm tân-sửu (1661) Trịnh Căn khải hoàn về Thăng-long, được tưởng thưởng trọng hậu

các tướng đã tham dự chiến trận vừa rồi cũng được thăng thưởng. Đào Quang Nhiêu được lưu làm Trấn-thủ Nghệ-an, kiêm trấn châu Bắc Bố-chánh, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương, Trịnh Thời Tế làm Đốc-thị, lãnh các tướng, đóng đồn ở Kỳ-hòa.

Bên Nguyễn, Nguyễn Hữu Dật làm Trấn thủ dinh Bố-chính.

f./ CHIẾN CUỘC NĂM TÂN-SỬU (1661) NHÂM-DẦN (1662)

Trịnh Căn đuổi quân Nguyễn đến biên-giới rồi trở lui. Ấy có lẽ vì muốn cho quân lính nghỉ ngơi sau 6 năm trời chiến-đấu và nhiều phen nếm mùi thất bại, chứ không phải đã chịu bỏ cuộc để cho họ Nguyễn được bình-yên ở Nam-hà. Vì vậy mà cuối năm ấy, Nghi quốc-công lại cử binh vào đánh miền Nam.

Năm tân-sửu (1661) tháng chạp (2), Trịnh Căn thống lĩnh các quân chia làm ba đạo, sai Đào Quang Nhiêu làm Thống suất, Lê Thời Hiến, Hoàng Nghĩa Giao làm Đốc-suất Lê Sĩ Triệt, Trịnh Thời Tế làm

(1) *T.L.T.B. và C.M. không nói rõ Trịnh Căn đuổi theo quân Nguyễn đến đâu, nhưng theo T.T. thì Căn đuổi đến cửa biển Nhật-lệ mới trở lại.*

(2) *Các sách chép ngày tháng quân Trịnh phát binh khác nhau : Toàn-thư và Cương-mục thì chép tháng 10 nhuận, Thực-lục chép là tháng 12.*

Đốc-thị, tiến vào. Trịnh Tạc cũng đem vua Thần-tông cùng đi, đến đóng ở Phù-lộ, 扶路 (nay là Phù-ninh) trên tả ngạn sông Gianh, nơi nầy vừa rồi chúa Hiền đã đến đóng trong một thời-gian. Hoàng-đế nhà Lê đến đây cũng như để lấy lại những đất đai mà kẻ phản thần đã chiếm đoạt trong một thời-gian, và để gây ảnh-hưởng tinh-thần trên đám sĩ-phu và dân-chúng đã trót theo chúa Nguyễn biết mà hồi tâm.

Nguyễn Hữu Dật làm Trấn thủ Nam Bố-chính cách đây mấy tháng, vừa rồi đã được lệnh chúa dời đồn sang xã Phước-lộc 福祿 ở phía nam dinh cũ vài cây số, và đắp một lũy đất từ làng An-náu 安衄 trên bờ biển, đến núi Châu-thị 朱市山 để bảo vệ quân đội mình và để che cho lũy Động-hải ở đầu phía tây, trên lũy có dựng pháo đài.

Thủy-binh của Trịnh vào đóng ở cửa Nhật-lệ, còn bộ-binh thì sang sông Gianh, đóng ở thôn Phước-tự 福寺, đối diện với lũy An-náu.

Trấn thủ Nguyễn Hữu Dật sai Trương Văn Vân và Vân Trạch 雲澤 (không rõ họ) chia binh chống giữ. Tham mưu của Trịnh là Hoan Trung 懽忠 (không rõ họ) sai quân khiêng một cái án, có tàn lọng che, đi đến cửa lũy của Vân Trạch và nói lớn rằng: «Có sắc mạng của thiên-tử nhà Lê đây!» Vân Trạch đáp: «Năm ngoái, quân ta lùi về Hoành-sơn, bọn các người đuổi đánh, hỏi lúc ấy có sắc mạng của Thiên-tử nhà Lê không? Muốn đánh thì đánh, sao lại lừa dối, dỡn cợt

như thế ? » Bèn bắn Hoan Trung chết. Quân khiêng án bỏ mà chạy.

Quang Nhiêu bèn sai Thời Hiến tung quân ra đánh, suốt ngày không thắng được. Hữu Dật báo lên Chúa. Chúa thấy quân Hữu Dật một mình đóng giữ cô thành, nên xuống lệnh cho lùi vào lũy Động-hải. Hữu Dật liền thi hành kế thanh dã, sai hộ vệ dân chúng vào trong lũy, bỏ Nam Bố-chính, vườn không nhà trống. Đào Quang Nhiêu bèn chiếm đóng dinh Bố-chính.

Năm nhâm-dần (1662) tháng giêng, Nguyễn Hữu Dật dời quân sang đóng đồn ở Võ xá (tức ly-sở dinh Quảng-bình) Chúa sai sứ đến bảo : « Quân Bắc từ xa đến, thế không thể đóng lâu được. Quân ta cứ cố thủ, đừng đánh, đợi chúng mệt mỏi sẽ đánh, đó là kế vẹn toàn. » Tháng 2, quân Trịnh đến dựng dinh trại ở xã Trấn-ninh, ở đầu phía đông lũy Động-hải, và xã Chánh-thủy, 正始 nay là xã Trung-nghĩa, tức là ở đầu phía tây lũy này, hàng ngày mấy lần khiêu chiến, nhưng quân Nguyễn vẫn không động.

Quả nhiên hơn 1 tháng, quân Trịnh thiếu lương, Đào Quang Nhiêu lại đưa thư khiêu khích, Nguyễn Hữu Dật bèn lập kế ; sai Trương Văn Vân cho quân ăn mặc như quân Trịnh, ban đêm lẻn ra khe Đồng-hồi, kéo thẳng đến dinh của Quang Nhiêu, bắn giết quân Trịnh hơn 100 người. Các tướng Nguyễn ở trong thành đều bắn không dạn và khua trống hò reo để hưởng ứng. Đào Quang Nhiêu tưởng ấy là đại-binh Nguyễn đánh úp, bỏ dinh

chạy về phía bắc. Sáng ra, Hữu Dật đem quân thủy, bộ tiến ra. Trịnh Căn cũng bỏ dinh chạy. Quân Nguyễn đuổi đến sông Gianh, bắt được voi ngựa, khí giới của Trịnh rất nhiều. Trịnh Tạc rước vua Lê trở về. Chúa Nguyễn sai đem vàng, lụa thưởng các tướng sĩ.

Sau trận này, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật xin bổ túc công cuộc phòng thủ ở cửa sông Nhật-lệ : trên tả-ngạn sông Nhật-lệ đắp thêm một lũy ở làng Trấn-ninh gọi là lũy Trấn-ninh, bổ túc cho lũy chánh là lũy Động-hải ở mặt đông, để ngăn chận quân địch tiến vào theo đường bờ biển, trên hữu-ngạn đắp lũy Sa-phụ 沙埠, ở nơi gọi là Động-cát, đối diện với lũy Trấn-ninh. Sau vài tháng, hai lũy đắp xong.

g. — CHIẾN-TRANH NĂM NHÂM-TÝ (1672)

Năm canh-tuất (1670) chúa Trịnh Tạc sai Lê Đắc Đồng, Trần Xuân Bảng phụng mạng vua Lê vào đòi Chúa Nguyễn nạp thuế. Chúa Thái-tông không chịu nạp, Tây vương đã muốn phát binh vào đánh, nhưng Đô-đốc Thông can, mới thôi.

Đến năm nhâm-tý (1672) tháng 6, họ Trịnh lại cử đại-binh vào Nam. Nghi quốc-công Trịnh Căn làm Nguyên súy thủy-quân, Lê Thời Hiến làm Thống-suất bộ-quân, lãnh quân 10 vạn, nói phao lên là 18 vạn, chia đạo cùng tiến. Chúa Trịnh Tạc cùng vua Lê Gia-tông theo sau, tiếp ứng.

Chúa Thái-tông bảo các tướng : « Trịnh Tạc không

răn mình vì cuộc thất bại năm trước, lại tức giận mà nổi binh, binh tức giận ắt bị diệt. Ta muốn chống họ, trước phải chọn người làm Nguyên-súy. » Các tướng đề-nghị công-tử thứ tư là Chưởng-cơ Hiệp-đức hầu Hiệp (còn có tên là Thuần 淳) là người hùng dũng, có thao lược. Chúa y theo, cho Hiệp làm Nguyên-súy, Nha-úy Mai Phú Lãnh 枚富嶺 và Ký-lục Vũ Phi Thừa 武丕承 làm Tham-mưu, Chưởng cơ Trương-phước Cương 張福崗 (con Trương-phước Phấn) và Nguyễn Đức Bửu 阮德寶 làm Tả, Hữu Tiên-phong.

Việc vận-tải quân-lương được tổ-chức : sai ty Tướng-thần-lại đốc-suất chở gạo cho đủ dùng đến ba kho Lai-cách 來格 ở miền bắc Quảng-bình, An-trạch 安宅 và Trường-dục ở miền nam, để sẵn mà cấp phát. Chở bằng đường bộ hoặc đường thủy. Đường bộ đặt những đội xe, cấp cho xe, trâu, và dùng 150 thớt voi để chuyên chở. (1).

Tháng 7, Nguyên-súy Hiệp xuất quân, đến xã Tân-thắng ở Quảng-bình, hợp các tướng để sai phái : Nguyễn Hữu Dật giữ lũy Sa-phụ, Trấn-thủ Quảng-bình là Nguyễn

---

(1) Đường bộ đặt hai đội Xa-nhất, Xa-nhị, mỗi đội 50 người, đặt 4 đội-tưởng, cấp cho xe công 37 cỗ, trâu 74 con, mỗi xe đóng hai trâu, mỗi người coi 7 xe, mỗi xe chở 1.200 bát 盆本 gạo. Lại sai 5 cơ voi, điều động 150 thớt voi đến trước ở xã Phù-tôn (nay là Phù-chính) để giúp vào việc chuyên chở. (T.L.T.B.).

Mỹ-Đức giữ Chánh-lũy (tức phần chánh giữa của lũy Động-hải), Chưởng-cơ Trương-phước Cương giữ lũy Trấn-ninh, Trấn-thủ Bố-chính là Triền Tín giữ lũy Động-hồi (tức phần ở phía tây của lũy Động-hải), Trấn-thủ Cựu-dinh là Thuận Đức 純德 (không rõ họ) giữ lũy Đâu-mâu (cũng ở phía tây lũy Động-hải), Cai-cơ Thuận-Trung 順忠 (không rõ họ) giữ cầu Mũi-nại 海耐 (ở trên chỗ hợp-lưu sông Nhật-lệ với sông Lệ-kỳ), còn Tham-tướng Tài Lễ 才禮 thì đóng cọc gỗ ở cửa biển Nhật-lệ.

Tháng 8, quân Trịnh đến Châu Bắc Bố-chính, rồi chia làm nhiều đạo tiến lên, lưu Giám-sát Nguyễn Sũng 阮寵 làm Đốc-thị châu Bố-chính để mộ hương-binh. Trịnh Căn đem quân sang sông Gianh, đóng ở xã Động-cao, trên sông Lý-hòa, và Thanh-hà ở hữu-ngạn sông này và gần cửa sông (tức Quảng-khê ngày nay).

Ở Đông-cao 東高, Nghi quốc-công Trịnh Căn ban tờ hiểu dụ nhân dân hai xứ Thuận, Quảng rằng: « *Phạt tội, cứu dân là cái nghĩa hưng sư của bậc vương-giả. Các người, nhân dân hai xứ, là nhân dân ở đất đai của Thánh-tổ, Thần-tông của Hoàng-triều, chứ không phải đất đai sở hữu của họ Nguyễn khai-thác. Mông nhờ các bậc tiên thánh, vương, nghĩ đến tình quốc thích, tâu với Tiên Hoàng-đế cho Đoan quốc-công trấn thủ hai xứ, cung nạp thuế cống để giúp quốc-dụng, đã thề với trời đất thủy chung giữ trọn tiết của kẻ bề tôi. Trong lúc tiên thánh, vương đương lo dẹp trừ ngụy Mạc, khôi phục quốc-gia, Đoan quốc-công ở trấn ngoài, không có chút công hãn mã, đến khi thiên hạ đại định mới về kinh bái hạ, tiên thánh, vương lượng rộng bao dung, ban gia chức tước,*

sũng lộc ưu hậu, địa-vị trên cả đình-thần. Chẳng ngờ trái với lời thề, âm mưu phản trắc, năm canh-tý lại dụ dỗ gian-thần làm loạn (1), rồi trốn về, trái với thần tiết. Đáng lẽ dùng phép nước để tài chế, nhưng tiên thánh, vương thương yêu, xá lỗi, lại sai quan đem sắc thư hiểu dụ sự lý, lại đốt nhà sứ-giả, mưu đoạt sắc thư, ngầm làm nhục sứ-giả, (2) cái lòng bất trung manh nha từ đó. Sau đó, vẫn quen thói cũ ; nói qua, bất tất phải nói hết lời. Năm vừa rồi có sai quan mang sắc hiểu dụ cho biết đại nghĩa vua tôi, chỉ cho rõ hai đường họa, phước, muốn người ấy đổi lòng, trở lại theo mạng, để cho dân khỏi chịu cái khổ binh-qua, cùng hưởng phước thái-bình. Ngờ đâu bọn nghịch ấy không thể giác ngộ, lại nói năng kiêu mạn, chống cự những người của nhà vua sai đến, còn tội phản nghịch, bất kính nào hơn thế nữa ?: Ôi ! đất là đất của vua, dân là dân của vua ; kẻ kia trộm chiếm đất, lấy danh nghĩa gì mà lũy cao hào sâu để chống mạng vua ? thuế má thu cao để hà, ngược dân chúng ? Ép các người phải cầm kích, cầm giáo, có ban-liêu, chức trật gì ? (3) Làm cho các người không được học các sách Kinh, Thư nào có khoa mục, công danh gì (4) ? Xem việc làm và ý cố

---

(1) Chỉ việc bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga làm phản ở cửa Đại-an.

(2) Chỉ việc đốt quán trọ của sứ-giả Lê Nghĩa Trạch.

(2) Ám chỉ quan-chế của các chúa Nguyễn. Quan-chế này không được hoàn bị như ở Bắc-hà.

(4) Ý nói các chúa Nguyễn không lập trường quốc-học, chế-độ thi cử cũng không đầy đủ như ở Bắc-hà.

chống mạng, làm hại nhân dân của họ, tội ác như thế, có lẽ nào bỏ qua mà không hỏi được ? Nay ta vâng mạng Đại Nguyên-súy Tổng quốc-chính Thượng-sư, Thái-phụ đức công nhân uy minh thánh Tây-vương, dực phù Hoàng-đế ngự giá thân chính, ủy ta cầm đại-binh, hiệu lệnh các tướng, chia binh tiến đánh, hẹn thủ thắng vạn toàn, giết hết bọn nghịch mới thôi.

Nhân-dân hai xứ, các người nếu bỏ tối về sáng, theo về đường nhân, tránh bọn hà ngược, hoặc trở giáo đầu hàng, hoặc đến cửa quân xuất thú, sẽ được tha lỗi, thưởng công. Đối với dân, sẽ nhẹ xâu thuế. Còn nhân dân biệt xứ, sợ tội mà trốn, hoặc có kẻ bị giặc dụ dỗ, trốn ở đất ấy, nếu thấy đại-binh đến, trước ra qui hàng cũng được tha lỗi, lục dụng. Nếu chấp mê, không giác ngộ thì lửa cháy núi, ngọc đá đều đốt; khi ấy bọn người có trốn được không ?»

Tháng 9, Triều Tín ở lũy Động-hải chia binh tiến đánh quân Trịnh, thua, phải đem nhân dân vào trong lũy để cố thủ. Quân Trịnh rải ra đóng, ở phía tây thì từ làng Chánh-thủy (tức nay là làng Trung-nghĩa) đến đầu núi, ở phía đông thì từ làng Phú-xá đến Trấn-ninh, sát trước cửa lũy Động-hải. Như vậy, ở giữa có một khoảng trống, là một đồng bằng mùa này đương ngập nước, không thể vượt qua được. Nhưng ở phía sau đồng bằng ấy, ở chỗ đất cao hơn, Trịnh Căn đắp một lũy từ chân núi đến bờ biển để nối tiếp hai đạo quân ở tây và đông của mình.

Nguyên-súy Hiệp sai Tham-tướng Tái Lễ đắp thêm pháo đài để đặt súng trên lũy Trấn-ninh, lại sai Tham-mưu Đồng-giang 桐江 (không rõ họ) đi mộ dân ở các ven

núi làm lính để giữ những đường xung yếu để phòng quân Trịnh tiến qua.

Chúa Thái-tông thấy quân Trịnh thế to, triệu tập các quan để bàn cách đối phó. Chúa nói: « Quân giặc đông, quân ta ít, thế không địch được, các khanh hãy trình bày ý kiến, nên đánh hay nên giữ? » Cai-cơ Tống Đức Minh 宋德明 nói: «Quân Trịnh vào sâu đất ta, họ lợi ở sự đánh gấp, vậy ta cứ hào sâu lũy cao giữ mãi cho họ mệt mỏi; vả, công kích thành lũy là tai vạ của nhà binh, quân Trịnh tiến đánh không được, lương-thực đưa đến không tiếp tục, ắt sẽ nhân đêm trốn đi, ta thừa thế mà đánh, một hồi trống là có thể phá được.» Chúa còn cho là khó. Trần Đình Ân 陳廷恩 mật thưa rằng: « Thần liệu rằng quân Trịnh không tới 10 vạn mà hô 18 vạn, ấy là dối. Việc binh cần có tiếng trước rồi sau mới đến sự thực. Hai nước đánh nhau ắt có gián-điệp. Xin phao lên rằng quân ta có 16 vạn. Rồi tuyển thêm người cường-tráng 10 vạn nữa, nói là 26 vạn. Chúa sẽ cầm quân thân chinh. Bọn gián điệp ắt sẽ về báo lại với Trịnh...» Chúa cho là phải, bèn sai quan đi hai xứ Thuận, Quảng để tuyển binh, và xuống lệnh hễ chậm trễ, không kịp kỳ hạn thì sẽ theo quân-pháp mà trị.

Ngày ất-mùi, chúa Nguyễn đốc-suất đại quân thủy, bộ đều tiến. Sai đội Hữu-binh và cơ Tam-thủy giữ cửa biển Tư-dung (Tư-hiền), đội Hậu-thủy giữ cửa Eo (cửa Thuận), và huy động hương binh năm huyện đóng giữ bờ biển Trường-sa, tức là dọc theo bờ biển từ Động-hải đến Tư-hiền.

Thuyền Chúa đến Kim-đôi, gặp gió thuận, chạy thẳng đến Cựu-dinh, đóng ở phủ Toàn-thắng, tức là làng Trung-chỉ, vài cây số ở bắc tỉnh-lỵ Quảng-trị ngày nay.

Chúa liền sai tổ-chức các trạm đường thủy và đường bộ để tiện việc liên lạc với chiến-trường. Trạm đường thủy đi từ Bao-vinh (gần Huế) đến Hồ-xá, (ở 40 km phía bắc tỉnh-lỵ Quảng-trị ngày nay.) Đường thủy này chia làm 16 đoạn, có 17 trạm (1). Từ Hồ-xá, các công-văn, thư từ đi bằng trạm đường bộ từ Vinh-quang đến lũy Sa-phù, ở cửa Nhật-lệ, đường bộ này chia thành 17 đoạn, có 18 trạm (2).

---

(1) Trạm đường thủy thì cấp cho 4 chiến thuyền, mỗi thuyền 6 người phu chèo, chia làm 16 độ, độ thứ nhất đi từ Bao-vinh đến Vân-khốt, độ nhì đến Cương-giản, độ ba đến Tam-giang, độ tư đến Vân-trình, độ năm đến Tháp-quán, độ sáu đến Phương-lang, độ bảy đến Cầu-ngói, độ tám đến An-tiêm, độ chín đến Đồng-giám, độ mười đến Hội-môn, độ mười một đến quán Nhĩ-hạ, độ mười hai đến An-mỹ, độ mười ba đến Câu-phụ, (Cồn câu), độ mười bốn đến Độ-thị (Chợ đò), độ mười lăm đến Châu-thị, độ mười sáu đến Hồ-xá (T.L.T.B.)

(2) Trạm đường bộ thì cấp cho bốn ngựa, chia làm 17 độ. Độ thứ nhất đi từ Vinh-quang đến Kiều-thị (chợ Cầu), độ nhì đến Kênh-thị (chợ Kênh), độ ba đến Châu-thị, độ bốn đến Hồ-xá, độ năm đến Hà-kỳ, độ sáu đến Phật-quán (quán Bụt), độ bảy đến Liên-quán (quán Sen), độ tám đến Cát-quán (quán Cát), độ chín đến Ba-nguyệt, độ mười đến Dâm-hương, độ mười một đến

Tháng 10, Tham-đốc của Trịnh là Văn-lộc 文祿 (không rõ họ) đem quân lẻn qua núi Mật-cật 密詰 để thăm dò lũy Động-hải. Triều Tín đứng trên lũy trông thấy, Cai-cơ Trương-Văn Vân xin đem binh phục kích. Hoằng Phương 弘芳 (không rõ họ) nói với Triều Tín: « Phục binh thì phải giấu kín thanh tích, nay Mật-cật là một quả núi trơ trọi, bốn mặt bằng phẳng, không phải là đất phục binh. Vân là người chỉ có mạnh mà không có mưu, sợ lỡ việc lớn. Xin cho một cánh quân ngầm theo sau để phòng tiếp ứng ». Đêm ấy, Trương Văn Vân đóng quân trên núi Mật-cật, quả nhiên Văn-Lộc đem quân đến vây, phóng hỏa đánh gấp, Vân thua chạy, Hoằng Phương đem quân đến tiếp chiến, Vân mới chạy được thoát thân. Triều Tín muốn xin theo quân pháp trị tội, nhưng Chúa nghĩ Vân trước kia ở Nghệ-an đánh dẹp có công, chỉ giáng làm Cai-đội và cho về, cấp cho ngụ-lộc mỗi năm 100 quan tiền.

Trước khi mở một cuộc hành quân đại qui mô, Trịnh Căn muốn gắng khuyến phục các tướng Nguyễn một lần nữa. Ông sai người đến ngoài lũy Trấn-ninh mời tướng Nguyễn ra nói chuyện. Nguyên-súy Hiệp sai Cai-hợp Tú Minh ra gặp. Sứ Trịnh nói vì năm trước có sắc vua Lê

...Trà-quán, độ mười hai đến Thị-quán (quán Chợ) độ mười ba đến Bối-phụ, độ mười bốn đến Tráng-kiện, độ mười lăm đến Miếu Mít, độ mười sáu đến Cừ-hà, độ mười bảy đến lũy Sa-phụ. (T.L.T.B.)

đến mà không thấy tướng Nguyễn ra nhận, nên nay vì việc ấy mà đến. Tú Minh trả lời: « Ông nói lầm rồi ! Trước kia, tiên-vương ta phò giúp đế-thất, thiên-hạ đều biết. Nay họ Trịnh chuyên quyền, hiệu lệnh đều tự mình đặt ra. Việc xảy ra đời Chính-trị (1), đời Hoằng-định (2) không ai nỡ nhắc lại (vì ghê tởm). Năm trước, (chúng tôi) cự sứ-giả là cự họ Trịnh chứ không phải cự vua Lê. Nay đã đem binh đến đây, muốn đánh thì đánh, còn kéo dài ngày tháng làm gì cho khổ ?» Sứ Trịnh không trả lời được, từ biệt mà về.

Hữu Dật nói: «Sứ Trịnh về báo, Trịnh Căn ắt nổi giận mà động binh, vậy xin ra lệnh cho các tướng sửa soạn binh giáp để đợi.» Nguyên-súy theo lời.

Quả vậy, tháng 11, Thống-suất Lê Thời Hiến đem quân đến lũy Trấn-ninh. Nguyên-súy Hiệp đương đóng ở phủ Toàn-thắng 全勝, liền dời đến gần chiến-địa để tiện điều-khiển, đóng ở Cừ-thôn 渠村 và Hà-thôn 河村, ở hữu-ngạn sông Nhật-lệ, trên Động-hải một ít. Vì lũy Sa-phụ ở cách cửa Nhật-lệ một khoảng trống, sợ cửa

---

(1) Vua Lê Anh-tông, niên-hiệu Chính-trị (sau cải niên-hiệu Hồng-Phước), bị Trịnh Tùng giết ở xã Lộc-dương năm quý-dậu (1573).

(2) Vua Lê Kính-tông, niên-hiệu Thận-đức, rồi đổi niên-hiệu là Hoằng-định, bị Trịnh Tùng bắt phải thắt cổ chết năm kỷ-mùi (1619).

sông này không được phòng bị chu đáo, Nguyên-súy sai quân đến đóng trên cửa sông, và ở đồn Sa-chủy 沙 觜 (đồn này xây năm quý-tỵ (1653) còn gọi là lũy Mũi-dài).

Quân Trịnh đánh lũy Trấn-ninh không được. Trịnh Tạc triệu các tướng quở trách. Thời Hiến bèn đốc thúc 3000 quân đến sát chân lũy, san bằng và lấp hết hào rãnh, và ra sức đánh. Quân Nguyễn ở trên lũy bắn xuống, quân Trịnh bu vào lũy như kiến, leo lên, quân Nguyễn dùng mác mà đâm. Quân Trịnh đào đất khoét thân lũy, và thả những diều giấy đương cháy, hoặc bắn đạn lửa để đốt dinh trại của Nguyễn. Trong một ngày, lũy Trấn-ninh suýt bị chiếm ba, bốn lần. Tướng giữ lũy này là Trương Phước Cương xin bỏ lũy Trấn-ninh, lui giữ Mũi-nại. Nguyên-súy Hiệp đáp : « Quân ta mà lui, địch tất thừa thế đuổi theo, ta không thể chạy được, nên gắng sức cố giữ, ta đến cứu ngay.» Nguyên-súy liền sai người phi ngựa đến lũy Sa-phụ, khiến Nguyễn Hữu Dật đem quân cứu lũy Trấn-ninh. Hữu Dật nói : « Nhiệm-vụ của ta là giữ Sa-phụ, Trấn-ninh không phải phận-sự của ta, ta không dám đi.» Hữu Dật lên lũy đứng trông, thấy khói lửa mù trời, súng nổ không ngớt, biết rằng lũy Trấn-ninh đương bị đánh mạnh, nghĩ lại rằng : « Nếu ta không đi thì Nguyên-súy ắt phải đi, lẽ nào ta lại đùn địch cho Nguyên-súy đánh.» Bèn lập tức đem quân đi. Lại không có thì giờ để bẩm báo, e Nguyên súy đã đi rồi, nên phải vạch chữ trên một cây đa ở

dọc đường nói rằng : « Hữu Dật đã đi Trấn-ninh rồi, xin Nguyên-súy dời quân thay giữ Sa-phụ » Khi Hữu Dật đến thì lũy đã bị phá vỡ hơn 30 trượng, gần như không thể giữ được nữa. Bấy giờ đêm tối đen, cách nhau gang thước mà không thể nhận nhau, Hữu Dật sai lấy cũi và cỏ kết lại làm đuốc, đốt lửa soi sáng rỡ như ban ngày. Quân Trịnh nghi là có phục binh, không dám tới gần. Hữu Dật liền sai quân sĩ dựng ván làm phên, lấy giỏ tre đựng đất để đắp vá những chỗ vỡ của lũy. Sáng hôm sau, quân Trịnh tiến đánh thì lũy đã vững rồi, không thể hạ được.

Còn Nguyên-súy Hiệp được tin Hữu Dật từ chối không đi cứu Trấn-ninh, liền đương đêm đem quân đi cứu, dọc đường thấy mấy chữ Hữu Dật vạch ở cây đa, bèn đem quân đến giữ lũy Sa-phụ. Lại nghe tướng Trịnh là Tham-đốc Thắng 勝 đem hơn 30 chiến thuyền từ cửa biển tiến vào, muốn ngăn chận bến sông Trấn-ninh để ngăn đường viện binh của mình, Nguyên súy Hiệp liền lập tức sai Cai-cơ Kiên Lễ 堅禮 (không rõ họ) nhân đêm thẳng tới tới đồn Sa-chủy (lũy Mũi-dùi), đắp đài cát để đặt súng lớn, rình thuyền của Thắng đến thì bắn. Lại sai Tham-tướng Tài Lễ đem chiến thuyền ra cửa biển Nhật-lệ để cùng Kiên Lễ trên dưới giáp công Tham-đốc Thắng. Thủy-binh của Thắng quả bị Kiên Lễ đánh úp, lũy Trấn-ninh được Hữu Dật đến cứu, nên bộ binh Trịnh cũng không làm gì được. Quân Nguyễn cùng quân Trịnh còn đánh nhau kịch liệt trong mấy ngày nữa, quân Trịnh

chết thây chất thành đống, quân Nguyễn cũng bị thương và chết rất nhiều.

Chúa Nguyễn đóng ở Toàn-thắng nghe tin Trấn-ninh nguy cấp, sai sứ đến hỏi tin tức. Hữu Dật nói với sứ giả : « Trước kia ta ở Nghệ-an, ta đi sâu vào đất khách mà quân Trịnh còn chẳng dám làm gì, huống chi nay ta lũy cao hào sâu, ta là chủ mà Trịnh là khách, thì còn sợ gì nữa ? » Rồi Hữu Dật dâng biểu nói rằng : « Thần xin ra sức cố giữ và phá giặc để đền ơn nước, nếu có sơ suất để sinh ra chuyện lo, xin theo quân pháp trị tội thần.» Chúa xem biểu rồi nói : « Hữu Dật từ ngày lên làm tướng đến nay, bày mưu định kế, đánh đâu được đấy. Nay nghe lời nói này, ta không lo nữa.»

Trở lên là thuật lại trận đánh lũy Trấn-ninh trong tháng 11 của Trịnh, theo Thực-lục tiền-biên, còn Toàn-thư không chép cuộc tấn công vô hiệu này của quân Trịnh, mà chỉ nhắc lại một thắng lợi nhỏ của quân Trịnh, việc này Thực-lục lại không chép : Tháng 11, Thống-suất Lê Thời Hiến đến chân lũy của giặc, sai Lương Đăng Quang 梁登光 Võ Tuấn Tài 武俊材 đánh quân địch ở Đa-lẫn 多吝 đốt phá doanh trại, chặt đầu và xẻo tai một số quân địch, lấy được nhiều cờ xí và khí-giới đem về để gởi lên vua và chúa.

Tháng 12 Trịnh Tạc thấy đánh Trấn-ninh đã mấy tháng không lấy được, mà ở đó đất ẩm-thấp, trời rét mướt, binh sĩ khó ở lâu được, bèn rước vua Lê Gia-tông về đóng ở Phù-lộ, trên tả-ngạn sông Gianh, sai Lê Thời Hiến ở lại giữ đồn Chính-thủy.

Thời Hiến lại hợp các tướng, đánh lũy Trấn-ninh, Nguyên-súy Hiệp sai Cai-cơ Ngô Thắng Lâm 吳勝林 điều động 60 thớt voi đi theo bãi biển Trường-sa, ở phía nam Động-hải, rồi vào lũy Sa-phụ, ra vào như thế nhiều vòng, lại sai 4 chiếc binh thuyền chèo ra biển, đến ngang cửa Ròn, cứ sáng đi chiều về, làm cho quân Trịnh tưởng là có viện binh ở Nam đề ra cắt đường rút lui về Bắc của quân Trịnh. Thời Hiến liên tiếp mấy ngày đánh lũy, Hữu Dật hết sức cố giữ, nhuệ khí gấp mười khi trước, quân Trịnh không thể thắng được. Lại nghe tin Trịnh Căn đem thủy quân đến sông Gianh thì bị cảm gió độc, đau nặng phải trở về Bắc (1), Thời Hiến đương đêm rút quân về. Quân Nguyễn đuổi theo đến núi Lệ-đệ thì quân Trịnh đã sang sông rồi. Trịnh Tạc đưa vua Lê trở về Đông-đô. Bấy giờ Trấn-thủ Nghệ-an là Đào Quang Nhiêu chết, chúa Trịnh sai Lê Thời Hiến thay, đóng ở dinh Hà-trung, chia binh đóng đồn ở các nơi trong châu Bắc Bố-chính đề phòng giữ.

Từ đó Nam Bắc nghỉ binh, lấy sông Gianh làm giới-tuyến, phía nam sông gọi là Nam-hà, hoặc Đàng-trong, phía bắc sông gọi là Bắc-hà, hoặc Đàng-ngoài. (2).

Nguyên-súy Hiệp dẫn quân về Thạch-xá 石舍 (3), báo

---

(1) *Theo L.T. thì Trịnh Tạc đến sông Gianh bị đau.*

(2) *Từ Hoành-sơn đến lãnh thổ của chúa Nguyễn dài 28 km (Theo R.P. Cadière)*

(3) *Ở phía nam dinh Mười một ít.*

lên Chúa tin thắng trận. Chúa sai đem vàng, lụa thưởng các tướng sĩ, và đặt yến đãi các quân, rồi trở về phủ Lương-phúc.

Năm sau, quý-sửu (1673) tháng 2, Nguyên-súy Hiệp khải hoàn, đến phủ Lương-phủ yết-kiến Chúa. Chúa thưởng cho 100 lượng vàng, 1000 lượng bạc, 50 tấm gấm. Chúa về phủ Kim-long, tế cáo trời đất, tông-miếu, gia phong các vị thần linh, mở tiệc lớn khao tướng sĩ, và định công, ban thưởng. Miễn ba năm tô thuế cho nhân dân châu Bố-chính và nhân dân ở ngoài lũy Động-hải. Lại miễn thuế thường-tân và tiết-liệu cho hai huyện Khương-lộc và Lệ thủy.

Thế là Nam-hà tách hẳn triều lê, giang-sơn chia hai, các chúa Nguyễn tuy còn tiếp tục dùng niên-hiệu vua Lê, nhưng trên thực tế, vẫn hoàn toàn độc lập và đối lập với Bắc-hà. Ấy là do trận nhâm-tý quyết định. Trong trận ất-mùi-canh-tý-quân Nguyễn đã chiếm được 7 huyện Nghệ-an, nhưng rốt cuộc bị đẩy lui, ở trận nhâm-tý quân Trịnh cũng bị đẩy lui, và mặc dầu quân lực mạnh hơn Nguyễn gấp mấy lần, không màng trở lại nữa, mà phải để sông Gianh vĩnh-viễn làm giới tuyến của hai miền. Nguyên do chánh của sự giống nhau này và sự nhường nhịn của họ Trịnh là nguyên-do mà Nguyễn Hữu Dật đã trình với chúa Thái-tông. « Ở Nghệ-an, quân Nguyễn là khánh, quân Trịnh là chủ, còn ở Quảng-bình, quân Nguyễn là chủ, quân Trịnh là khách. « Ở Nghệ-an, quân Nguyễn là khách, không có những công cuộc phòng thủ vững

chãi, nhân dân tuy hưởng ứng lúc ban đầu, nhưng rồi thấy cũng xâu thuế nặng như thời chúa Trịnh, nên không hoan nghênh mà rất dễ bị chủ cũ kêu gọi để lôi kéo trở về, không làm lính nữa, còn quân-đội Thuận, Quảng đưa ra thì không thể ở lâu mãi trên đất xa lạ, vì vậy mà không thể chống được với những lực lượng lớn lao nhiều lần tăng cường của Trịnh được. Ở Quảng-bình, quân Nguyễn là chủ, binh-lương không thành vấn-đề khó khăn, còn quân Trịnh thì ở xa đến, không có những công cuộc phòng thủ, không hợp thủy thổ, sự vận tải lương-thực khó khăn, nên không thể ở lâu được. Ở Bắc hà, nhân dân không nhứt trí trung thành với chúa Trịnh, trong nội-bộ nhà chúa sự chia rẻ, tranh giành xảy ra luôn, và họ Mạc ở bên cạnh rục-rịch mãi, tình-trạng ấy cũng khiến chúa Trịnh không dám vắng mặt Thăng-long nhiều ngày. Một yếu-tố quan-trọng khác nữa đã làm chúa Trịnh nẫn lòng, không còn dám mưu xâm lấn Nam-hà nữa là lòng dân. Sự đối địch của hai miền kéo dài non nửa thế-kỷ đã làm cho tinh-thần của quốc-gia địa-phương càng mạnh, và người dân đánh để bảo vệ đất đai, ruộng vườn, bà con họ, nên đánh hết lòng, binh lương không thành vấn-đề khó khăn. Vì các lẽ đó, quân Bắc-hà không thể thắng được, chúa Trịnh buộc lòng phải bỏ cuộc.

II.— NAM TIẾN

1.— Chiếm hết đất Chiêm-thành.

Lập phủ Phú-yên, dinh Thái-khương, phủ Bình-thuận. Thái-tổ Nguyễn Hoàng vào trấn-thủ Thuận-hóa, sau kiêm lãnh xứ Quảng-nam, mà đất cực nam của Quảng-nam là huyện Tuy-viễn, thuộc phủ Hoài-nhân, tức là phủ Tuy-phước, tỉnh Bình-định ngày nay. Bên kia đèo Cù-mông là nước Chiêm-thành.

Năm tân-hợi (1611), Thái-tổ sai Chủ-sự là Văn phong (không rõ họ) đem quân vào đánh Chiêm-thành (1), lấy đất bên kia đèo Cù-mông đến núi Thạch-bi, đặt làm phủ Phú-yên, gồm hai huyện là Đồng-xuân và Tuy-hòa, cho Văn Phong làm Lưu-thủ. Đó là bước Nam-tiến đầu tiên của các chúa Nguyễn.

Chúa Thái-tổ khi lâm chung dặn công-tử thứ sáu (chúa Hy-tông) rằng :« Đất Thuận, Quảng phía bắc có núi Hoành-sơn và sông Gianh hiểm trở, phía nam có núi Hải-vân và núi Thạch-bi vững bền; núi sẵn vàng, sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh-hùng, nếu biết dạy dân, luyện binh để chống chọi với nhà Trịnh

(1) *Về lý-do khiến chúa Thái-tổ đem quân vào đánh Chiêm-thành, T.L.T.B. nói là vì « Chiêm-thành xâm lấn biên-giới », chúng tôi tưởng đó chỉ là một cách nói của sử-thần mà thôi, chứ Chiêm-thành bấy giờ suy-yếu, bé nhỏ, lẽ nào dám xâm lấn biên-giới của Chúa, có lẽ có người Chiêm cướp bóc, chúa Nguyễn đã nuôi sẵn ý-chí bành-trướng, lấy cớ để dùng binh.*

thì đủ xây dựng cơ-nghiệp muôn đời, còn nếu thế-lực không địch được thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ-hội, chứ đừng bỏ quên lời dặn của ta. » Xem đó ta thấy rằng chúa Thái-tổ đã nuôi chí mở rộng lãnh-thổ để xây dựng cơ-nghiệp, mà mở rộng về ngả nào, nếu không phải là phía nam, phía mà các triều-đại trước như Lý, Trần, Lê đã hướng về, và chính chúa đã tiến bước năm tân-hợi.

Năm kỷ-tỵ (1629), Lưu-thủ Phú-yên là Văn Phong giữ chức đã lâu năm, thân cận với người Chiêm, bèn dùng quân Chiêm để làm phản. Chúa sai Phó-tướng Nguyễn phước Vinh 阮福榮 (1) đi đánh, dẹp yên, và đổi phủ Phú-yên làm dinh Trấn-biên (2).

Việc khai-thác đất Phú-yên thuở ấy nhờ Lương Văn Chính 梁文政 một phần lớn. Văn Chính vốn làm quan nhà Lê đến chức Thiên-võ-vệ Đô-chỉ-huy-sứ, năm mậu-ngọ theo chúa Thái-tổ vào Thuận-hóa. Sau khi chúa Thái-tông chiếm đất Phú-yên, ông chiêu tập lưu dân, khai khẩn đất hoang ở Cù-mông, Xuân-đài, dời dân đến

---

(1) *Con trưởng Mạc Cảnh Huống, lấy công-nữ Ngọc Liên, con chúa Hy-tông ; ban đầu cho theo quốc-tánh Nguyễn-phước, sau đổi lại hệ-tánh Nguyễn-hữu.*

(2) *Khi mới mở mang lãnh-thổ, những dinh ở địa đầu biên-giới gọi là dinh Trấn-biên, như Biên-hòa sau này ban đầu cũng gọi là dinh Trấn-biên.*

ở ; lại mộ dân vỡ đất làm ruộng ở vùng sông Đà-diễn, (1) chia lập thôn, ấp, các nơi ấy càng ngày càng đông đúc (2).

Đời Chúa Thần-tông, có một cuộc tháp cư khá lớn lao. Trận đánh với quân Trịnh ở Quảng-bình năm mậu-tý (1648), quân Nguyễn do Thế-tử Dũng-Lễ-hầu (tức chúa Hiền sau này) tiết-chế, đại thắng, bắt sống được nhiều tướng Trịnh và 3 vạn quân. Đối với một số người phe địch đông như vậy, chưa biết xử trí thế nào cho ổn đáng. Chúa hợp các tướng lại bàn. Có người nói quân giặc tráo trở, để ở đây thì sợ sanh biến, chi bằng đưa họ đến ở nơi núi sâu hoặc ngoài hải-đảo để khỏi lo về sau. Có người cho rằng nên giết các tướng hiệu đi, còn thì thả cho về Bắc. Chúa nói : « Từ miền Thăng Hoa, Điện-bàn trở vào Nam là đất cũ của người Chàm, hiện nay dân cư thưa thớt, nếu đem chúng vào ở đất ấy, cấp cho trâu, cày bừa và lương-thực, chia ra từng bộ, từng xóm để chúng khai khẩn ruộng hoang thì trong khoảng mấy năm, thuế má thu được có thể giúp quốc dụng, và sau hai mươi năm, sanh sản nhiều thêm, lại có thể thêm vào quân số, có gì mà lo về sau ? » Bèn thực-hành theo kế ấy : tha bọn tỳ tướng hơn 60 người về Bắc, chia số 3 vạn binh ra cho ở các nơi, từ Thăng, Điện đến Phú-yên, cứ 50 người làm một ấp,

---

(1) *Tức sông Đà-rằn.*

(2) *L.T.T.B. quyển III, N.T.C.*

cấp cho lương ăn nửa năm, lại cho họ được khai-thác những mối lợi ở núi, đầm, và ra lịnh cho nhà giàu bỏ thóc cho họ vay. Từ đó, từ Thăng, Điện đến Phú-yên, mới thấy làng mạc nối liền nhau.

Năm quý-tỵ (1653), đời chúa Thái-tông bước một bước nữa trên đường tiến vào đất Chiêm-thành. Vua Chiêm là Bà tấm xâm lấn Phú-yên, chúa sai Cai-cơ Hùng-Lộc 雄祿 (không rõ họ) làm Thống-binh, Xá-sai Minh Võ 明武 (không rõ họ) làm Tham-mưu, đem 3.000 quân đi đánh. Quân đến Phú-yên, các tướng đều muốn dừng lại để dụ địch, Hùng Lộc nói : «Xuất quân lúc không ngờ, đánh lúc giặc không phòng bị, ấy là mưu hay của nhà binh. Quân ta từ xa đến, lợi ở sự đánh gấp, cần gì phải dụ» Bèn cho quân vượt đèo Hồ-dương 虎揚 núi Thạch-bi, đánh thẳng vào thành địch, lại ban đêm phóng hỏa đốt trại địch; đại phá quân Chiêm. Bà-tấm bỏ chạy, quân ta chiếm đất đến sông Phan-rang, Bà-tấm sai con là Xác-bà-ân đem thư đến xin hàng, Hùng Lộc báo lên Chúa, Chúa y cho, khiến lấy sông Phan-rang làm giới hạn, từ phía tây sông trở vào vẫn để cho Chiêm thành, Chiêm thành phải giữ lệ cống ; từ phía đông sông đến Phú-yên ta lấy, đặt làm dinh Thái-khương 泰康 (sau đổi làm Bình-khương tức tỉnh Khánh-hòa ngày nay), chia làm hai phủ là Thái-khương (sau đổi là Bình-khương, tức Ninh-hòa ngày nay, và Diên-ninh 延寧 tức Diên-khánh ngày nay) phủ Thái-khương lại chia làm hai huyện là Quảng-phước 廣福 và Tân-an 新安, phủ Diên-ninh chia làm 3

huyện là Phước-điền 福田, Vĩnh-xương 永昌, và Hoa-châu 花州. Sai Hùng-Lộc trấn giữ dinh Thái-khương.

Thời chúa Hiền-tông, năm nhâm-thân (1692) vua Chiêm là Bà Tranh đem quân đắp lũy, cướp giết nhân dân phủ Diên-ninh, dinh Bình-khương báo lên. Tháng 8, Chúa sai Cai-cơ Lê-tài hầu Nguyễn Hữu Kính (con của Nguyễn Dật) làm Thống binh, Văn-chức Nguyễn Đình Quang 阮廷光 làm Tham-mưu, đem quân Chánh-dinh cùng quân Quảng-nam và Bình khương đi đánh. Tháng giêng năm sau, (quý-dậu 1693), quân Việt đánh bại Chiêm thành, Bà-Tranh bỏ chạy ; đến tháng 3 thì bắt được Bà-Tranh cùng một viên quan là Tả-Trà-viên Kế-bá-tử và một người trong hoàng-gia Chiêm là Nàng-mi-bà-ân. Chúa Nguyễn bèn sáp nhập nước Chiêm vào bản đồ nước mình, đặt làm một trấn, tên là Thuận-thành. Tháng 7 năm ấy, Thống binh Nguyễn Hữu Kính đưa bọn Bà-Tranh về nạp, chúa sai đem giam ở núi Ngọc-trản (Hòn Chén), hàng tháng cấp cho tiền gạo, vải lụa. Năm sau, giáp-tuất, (1694) Bà-Tranh mất, Chúa sai hậu táng.

Phải đề phòng sự phản ứng của người Chiêm. Chúa sai Cai-đội Nguyễn Trí Thắng 阮智勝 đem quân giữ Phố-hài, Cai-cơ Nguyễn Tân Lễ 阮新禮 giữ Phan-rý, Cai-đội Chu Kiêm Thắng 朱兼勝 giữ Phan-rang, rồi tháng 8, đổi trấn Thuận-thành làm phủ Bình-thuận. Một mặt, Chúa muốn đồng-hóa lần lần số người Chàm trên thửa đất nhỏ hẹp còn lại của họ, mặt khác, muốn vỗ về họ, nên bổ viên quan cũ của Chiêm là Kế-Bá-Tử làm khám-ký phủ

Bình thuận, ba người con của Bà-ân làm Đề-đốc, Đề-lãnh, Cai-phủ, bắt mặc quần áo như người Việt để cai-trị người Chiêm.

Người Chiêm nổi dậy chống đối kịch liệt. Viên quan Chiêm là Hữu-trà-viên Ốc-nha Thác liên kết với một người Tàu ở Thuận thành tên là A-Ban. Khi vua Chiêm Bà-Tranh bị bắt (tháng 3 năm quý-dậu) thì hai người chạy về đất Đại-đồng mưu nổi loạn. Ở đây, A-Ban đổi tên là Ngô Lãng 吳朗, tự xưng mình có phép hô phong hoán vũ, gươm đao không phạm đến được. Một người Chiêm tên là Chế Vinh đốc suất nhiều dân Chiêm theo y. Cuối năm quý-dậu, Ngô Lãng đem đồ-đảng cướp Phố-hài, Cai-đội Nguyễn Trí Thắng đem quân chống đánh, Ngô Lãng trá bại, Trí Thắng đuổi theo, bị phục binh giết chết. Cai-đội Dinh Bà-rịa là Dực 翊 và Thư-ký là Mai 枚 (đều không rõ họ) đem quân đến cứu viện, đều bị chết cả. Ngô Lãng bèn mưu đánh Phan-rí, biết rằng Cai cơ Nguyễn Tấn Lễ có sức mạnh, khó đánh được, bèn sai một cô gái Chiêm bỏ thuốc độc vào quả chuối cho Tân Lễ ăn, Tân Lễ bị câm, Ngô Lãng lại tung tiền bạc mua chuộc quân của Tân Lễ khiến làm nội ứng, đến khi lâm trận, Tân Lễ bị phản binh đâm chết, dinh trại và của cải bị đốt và cướp gần hết. Ngô Lãng lại kéo quân đến Phan-rang, Cai-đội Chu Kiềm Thắng vì ít quân, đóng cửa thành tự thủ. Gặp lúc ấy Khâm-ký Kế-Bá-Tử vừa đến, Chu Kiềm Thắng bắt trói lại, để ngoài cửa thành, nói sẽ đem chém. Ốc-nha Thác sợ Kế-Bá-Tử bị giết, bảo Ngô

Lãng giải vây Phan-rang Kiếm Thắng thả Kế Bá Tử. Tháng giêng năm sau, giáp tuất (1694) Ngô Lãng lại vây Phan-rang, Chu Kiếm Thắng báo về dinh Bình-khương, Trấn-thủ Nguyễn Hữu Oai 阮有威 và Lưu-thủ Nhuận 潤 đem quân đi đường thượng-đạo đến cứu giải vây Phan-rang, Ngô Lãng tiến quân giữ lũy Ô-liệm 烏鐮壘 Lưu thủ Nhuận, Cai-cơ Tống Tuân 宋遵 và Nguyễn Thành 阮城 chia quân giáp đánh, Ngô Lãng chạy về Phố-châm, quân ta đuổi theo sát, Ngô-Lãng chạy về Thượng-dã 上野 là biên-giới Cao-miên. Lưu-thủ Nhuận báo lên Chúa, Chúa ra lệnh Cai-cơ Nguyễn Hữu Kính và Văn-chức Trinh Tường 偵祥 tùy nghi xử trí. Cai-cơ Nguyễn Thắng Hổ 阮勝虎 đem quân tiến đánh, mới dẹp yên được bọn Ngô Lãng.

Trong các biến-cố vừa qua, một số người Chiêm chạy sang Cao-miên, một số khác chạy lên miền cao nguyên. Khâm-lý Kế-Bá-Tử trình lên Chúa rằng từ khi danh-vị, tôn-hiệu đời trước đổi thay thì luôn luôn xảy ra đói kém, tật dịch, nhân-dân chết hại rất nhiều. Ý Kế-Bá-Tử là muốn phục hồi vương-hiệu cho nước mình. Tháng 8 năm giáp-tuất (1694), Chúa cho đổi lại là trấn Thuận-thành, cho Kế-Bá-Tử làm Tả-Đô-Đốc để thống trị.

Cuộc nổi loạn của người Chiêm do A-Ban điều khiển và lời trình bày của Kế-Bá-Tử có lẽ đã khiến chúa Hiền-tông thấy rằng bỏ ngay nước Chiêm-thành, đặt ngay người Chiêm-thành dưới quyền cai-trị của người Việt chưa tiện, nên đến tháng 11 năm ấy, (giáp-tuất) phong Kế-Bá-Tử làm Phiên-vương Thuận-thành để cai-trị người Chiêm, hàng năm nạp cống, trả hết những ấn, gươm,

yên ngựa và những người Chiêm đã lấy, bắt được, cho người Chiêm. Cống-phẩm hàng năm gồm : hai thớt voi đực, 20 con bò sắc vàng, 6 chiếc ngà voi, 10 tòa sừng tê, 50 khăn vải trắng, 200 cây gỗ mun, 1 chiếc thuyền dài, 200 tấm da cá, 400 thúng phất-sa (thứ cát bỏ vào nước thì sôi lên, dùng để gội đầu và giặt).

Năm Đinh-sửu (1697), đặt phủ Bình-thuận, lấy đất từ Phan-rang, Phan-rý trở về tây chia làm hai huyện An-phước 安福 và Hòa-đa 和多 (1). Năm nhâm-thìn (1712), theo lời yêu cầu của Phiên-vương Kế-Bá-Tử, Chúa-Hiền-tông sai địch điển-lệ về sự quản-trị người Chiêm, người Việt sống lẫn lộn trên đất Thuận-thành, điển lệ gồm các điều như :

Phàm người Việt kiện nhau hoặc kiện với dân Thuận-thành thì do Phiên-vương và Cai-bộ, Ký-lục (của Việt) xử đoán, dân Thuận-Thành kiện nhau thì một mình Phiên-vương xử đoán, v.v.

Người Chiêm vẫn cố gắng thỉnh thoảng nổi lên chống đối. Đời chúa Thế-tông, năm bính-dần (1746), ở Thuận-thành, người Chiêm là Dương-bao-lai và Diệp-mã-lăng

---

(1) Sử cũ không nói rõ địa-giới của lãnh-thổ trấn Thuận-thành dành cho Phiên-vương Chiêm, nhưng thấy nói khi Trấn-thủ Nguyễn Văn Thừa xin cải-tổ qui-lưu thì triều-đình lấy đất ấy đặt làm phủ Ninh-thuận, thì ta biết trấn Thuận-thành tương-đương với tỉnh Ninh-thuận ngày nay.

nổi loạn. Lưu-thủ dinh Trấn-biên là Nguyễn Cương đem quân đi đánh, đắp lũy Cổ-tỉnh để chống giặc, rồi đánh úp, bắt được Dương-bao-lai và Diệp-mã-lăng giết đi.

Sau khi phong Kế-bá-tử làm Phiên-vương trấn Thuận-thành, chúa Nguyễn có cấp 30 lính để hộ vệ Bá-tử. Kế-bá-tử chết, Cai-cơ là Tá 佐 quản-hạt công việc trấn Thuận-thành. Năm nhâm-dần (1782) Tây-sơn vào đánh, Cai-cơ Tá đầu hàng Tây-sơn, đem bửu-khí truyền quốc của Chiêm-thành nạp cho Tây-sơn.

Tóm lại, từ năm quý-dậu (1693) chúa Nguyễn đã chiếm hết đất Chiêm-thành, chỉ để lại cho họ một khoảnh đất Thuận-thành và một tước Phiên-vương, cũng do quan ta kiểm-soát, để an-ủi họ mà thôi. Nhưng rồi sau đó chẳng bao lâu, biến-cố dồn dập, Thuận-thành cũng bỏ và Chiêm-thành bị xóa hẳn tên trên bản-đồ.

II.— Lấn Đất Chân-Lạp. Mở đất Gia-định. Quốc-Gia và Nhân-Dân Chân-Lạp.

Đầu Tây-lịch kỷ-nguyên, nước Phù-nam (扶 南, Founan) là một trong những quốc-gia có tổ-chức mạnh vững ở Đông-nam Á-châu, kinh-đô ở Vyadhapura (gần thành-phố Banam ngày nay) ở đông-bắc Kampot, tây-bắc Châu-đốc ngày nay.

Lãnh-thổ nước Phù-nam gồm miền nam nước Cao-miên cùng xứ Nam-Việt ngày nay, và có lẽ cả bán-đảo Malacca nữa. Người Phù-nam, (trong đó gồm người Chân-lạp) thuộc giống

người Úc-Á, tự xưng là giống Khmer, đã đến ở bán-đảo Đông-dương từ vài mươi thế-kỷ trước tây-lịch kỷ-nguyên, thâm nhiễm văn-hóa Ấn-độ, theo tông-giáo, dùng chữ viết, pháp-luật Ấn-độ, quan-niệm vương-quyền theo Ấn-độ-giáo. Nước Phù-nam có một đời sống kinh-tế hoạt-động, ngoài canh-nông, họ còn buôn bán với ngoại-quốc, thuyền buôn các nước Ấn-độ, Trung-quốc, Mã-lai, và La-mã nữa đã tới lui Óc-eo, cửa biển chánh của nước ấy. Thế-kỷ thứ III, Phù-nam đã giao-thiệp với Trung-quốc, gửi sứ-giả sang cống, năm 484 vua là Jayavarman đương đánh Lâm-ấp, gửi phẩm-vật sang Trung-quốc để cầu viện.

Sau khi vua là Rudravarman chết, thế-kỷ thứ VI, thì các tiểu-vương chư-hầu không thần phục nữa. Một tiểu-vương, cháu Rudravarman, trị vì ở phía bắc Phù-nam, tại miền Sambor, là nước Kambuja (do đó có tên là Cam-bốt, Tàu và ta gọi là Chân-lạp, ta còn gọi là Cao-miên) đem quân xuôi dòng sông Cửu-long (Mékong), chiếm kinh-đô Vyadhapura, lên ngôi vua, lấy hiệu là Bhava-Varman (550-600) ; quyền uy ở lưu-vực sông Cửu-long đã từ Phù-nam truyền sang vua Kambuja, từ vua Chân-lạp vậy.

Những bi-ký cũ nhất tìm được ở Chân-lạp ra đời từ thời-gian này. Trong thế-kỷ sau, Chân-lạp chia làm hai là Lục Chân-lạp, đất của miền Trung-Lào và Hạ-Lào ngày nay, và Thủy Chân-lạp ở phía nam là miền sông ngòi của lưu-vực sông Cửu-long cho đến biển. Ở Thủy Chân-lạp có lúc có hai triều vua. Hậu bán thế-kỷ thứ VIII,

Chân-lạp bị bọn cướp biển Java đến cướp phá, rồi phải thần thuộc Java.

Năm 1802, JayaVarman 11 thống nhất Chân-lạp, thoát ly Java, và đặt nền tảng cho đế-quốc Khmer.

Ở các thế-kỷ sau, Chân-lạp lại chiến-tranh với Chiêm-thành, đã có lúc vào chiếm kinh-đô Vijaya của Chiêm, cũng đã có lúc người Chiêm đến chiếm kinh-đô Angkor của Chân-lạp, và thế-kỷ XII, cuộc chiến-tranh kéo dài một thế-kỷ. Kinh-đô ở Angkor phải làm đi làm lại ba lần vì bị chiến-tranh tàn phá, chiến-tranh nội-bộ hoặc chiến-tranh với Chiêm-thành.

Thời vua Jaya Varman VII (1181-1201) là thời-kỳ lãnh thổ Chân-lạp mở mang rộng nhất trong lịch-sử : ngoài đất Chân-lạp, một phần đất Chiêm-thành, các tỉnh Hạ Lào, Trung Lào, các tỉnh phía đông Tiêm-la, một phần đất Miến-điện, bán đảo Mã-lai, đều thuộc quyền của Chân-lạp.

Tuy Ấn-độ-giáo là quốc-giáo, nhưng Phật-giáo đại-thừa từ thế-kỷ thứ X, cũng đã được chính-phủ bảo vệ.

Theo thể-chế, vua là người đứng đầu hoàng gia, dưới vua có ba tước vị là: 1) Upayuvareach, tức là Thượng-hoàng, vị vua thoái vị, dùng lọng 6 tầng. 2) Obareach, tức là đệ nhất hoàng-thân, hoặc phó-vương, dùng lọng 5 tầng ; thường Obareach được kế vị vua sau khi vua băng. 3) bà Mẫu-hậu hoặc là đệ nhất hoàng nữ, dùng lọng 4 tầng.

Đến thế-kỷ XIV xảy ra một cuộc cách-mạng quan

trọng về chính-trị và tông-giáo. Một viên quan giữ vườn tên là Ta Chay giết vua, rồi được tôn lên ngôi vua (1336-1340). Không như các triều vua trước, tự cho mình thuộc dòng dõi thần, làm môi-giới giữa trời và dân, và sau khi chết, sẽ hỗn-đồng với thần, triều-đại mới không còn tính-cách thần thánh nữa mà gần dân hơn. Phật-giáo tiểu-thừa được công nhận là quốc-giáo, vì vậy không xây dựng những đền đài đồ sộ bằng đá theo quan-niệm Bà-la-môn là những công-trình vừa tốn kém bao nhiêu tiền của của nhà nước, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt của nhân-dân, mà chỉ xây cất những ngôi chùa với vật-liệu nhẹ. Tuy vậy, trong triều vẫn giữ những giáo-sĩ Bà-la-môn, là vì tôn trọng cổ-truyền. Trong sự cúng lễ và những ký tái, chữ pali được thay cho chữ sanscrit.

Nhưng cuộc cách-mạng chính-trị và tông-giáo này có những hậu-quả tai hại lớn lao về kinh-tế. Chính-sách thủy-lợi với những hồ chứa nước lớn, những đường mương, con đê mà các vua trước, với uy quyền tập-trung, áp-dụng trong 15 thế-kỷ, đã làm cho nghề nông thịnh vượng, nay nền quân-chủ ấy sụp đổ, chính-quyền trung ương suy yếu, hệ-thống dẫn thủy tan rã, ruộng chỉ làm mỗi năm một mùa, so với 3, 4 mùa trước kia, nên sản-xuất giảm, dân-số sụt, tiếp theo là những thất bại quân-sự những cuộc bắt người đem về của quân Tiêm sau mỗi khi thắng trận. Chân-lạp đi vào con đường suy-vong, không sao ngăn cản được. (1)

(1) *Theo Histoire du Cambodye của Dauphin Meunier (trương 54, 55).*

Dưới triều Ta Chay, và con là Nippean Bat (1340-1346), Chân-lạp đã mất các thuộc-địa ở Tiêm-la, ở Ai-lao và các miền ở lưu-vực thượng-lưu sông Menam.

Và từ đó, trong cung đình thường xảy ra những cuộc giành ngôi, cũng từ đó, trong sử-ký Chân-lạp, những cuộc nối ngôi, những niên-đại không được ghi chép đầy đủ, người ta phải nhờ những đoạn sử của Tiêm-la, Ai-lao, Trung-quốc, có liên-quan với Chân-lạp, và những văn-thư của các giáo-sĩ, thương-gia Bồ-đào-nha, Hà-lan, I-pha-nho đã đến nước này trong thế-kỷ XVI để tìm biết lịch-sử Chân-lạp trong thời-gian ấy.

Tiêm-la quyết ý đánh Chân-lạp, nên năm 1350, dời đô đến Ayuthya cho gần. Năm 1351, quân Tiêm chiếm kinh-đô Angkor, đến năm 1357 thì Chân-lạp lấy lại. Đời vua Barom Râma (1363-1373) được yên ổn, giao hảo với nhà Minh, Tiêm-la cũng không gây sự. Nhưng đến năm 1373, vua Tiêm là Ramesuen lại gây chiến-tranh với Chân-lạp, một cuộc chiến-tranh kéo dài 50 năm. Ramesuen chiếm được Angkor, bắt 70.000 tù binh đem về, giết vua Chân-lạp, cho con mình là Ento làm vua Chân-lạp (1394). Nhưng rồi Ento bị mất hoàng-thân Chân-lạp sai người giết. Hoàng-thân nay là Chau Ponhea lên ngôi vua ở Srei Santhor, dấy binh đánh quân Tiêm và sai sứ giao-hảo với Trung-quốc. Chau Ponhea mất, con là Ponhea Yat tiếp tục chiến-tranh trong 20 năm, đuổi hết quân Tiêm ra khỏi nước, và lên ngôi vua năm 1432, hiệu là Soryopor (1432-1467). Bấy giờ những vùng gần kinh-đô Angkor đã

bị chiến-tranh tàn phá, dân-cư thưa thớt, nếu quân Tiêm trở lại xâm lăng thì không đủ người để làm lính, nên năm 1434 Soryopor dời đô đến Chaturmakha, tức Phnom Penh (Nam-vang) ngày nay là nơi giàu có, đông dân. Vua tăng cường sự phòng thủ các thành lũy, sai sứ giao-hiếu với Trung-quốc ; an-ninh, trật-tự được vãn hồi trong một thời-gian hơn 30 năm. Nhưng sau khi Soryopor mất thì trong hoàng-gia chia rẻ, tranh giành, ai muốn được ngôi phải kêu cầu người Tiêm, và vua Tiêm tùy theo lợi ích cho mình mà đem quân giúp phe này hay đánh phe họ, vì đó đã chiếm được dễ dàng những đất đai Chân-lạp tiếp giáp Tiêm la. Năm 1474, một hoàng-thân Chân-lạp là Thommo Reachea, vốn đã theo phe Tiêm-la trong các cuộc tranh-giành vừa qua, được vua Tiêm giúp, lên làm vua (1474-1494). Thommo Reachea thần phục Tiêm, nhường hai tỉnh Korat và Chan-taboun cho Tiêm. Ấy là vị vua Chân-lạp đầu tiên do vua Tiêm đặt lên và bảo hộ.

Sau khi Thommo Reachea mất, hoàng-gia lại chia rẻ, tranh giành, người làm vua ở vùng này, kẻ xưng vương ở miền khác.

Năm 1505, một hoàng-thân là Ang Chan 1 lánh nạn ở Tiêm trở về, đánh dẹp vua soán nghịch và lên ngôi vua. Vua Tiêm cho rằng Chân-lạp là thuộc-quốc của mình, đòi nạp cống. Ang Chan 1 không chịu, nên năm 1510, quân Tiêm chiếm tỉnh Angkor, nhưng liền bị Ang Chan 1 đánh đuổi. Để dễ tránh sự công kích của quân

Tiêm hơn, Ang Chan 1 lập một kinh đô mới là Lovêk, có thành bằng đá bao bọc ba mặt, mặt đông liền với vùng sình lầy, quân tấn công không thể vượt qua được.

Trong thời-gian này, người Âu-châu bắt đầu đến Cao-miên. Ấy là những giáo-sĩ, thương-nhân, thanh niên phiêu lưu, người Bồ-đào-nha, I-pha-nho. Họ được vua Chân-lạp tiếp đãi tử tế, nhưng vì hoàn-cảnh và thời-gian không thuận tiện nên họ không thành công trong việc giảng đạo và buôn bán.

Năm 1560, vua là Barom Reachea thu hồi được các tỉnh Korat, Chantabuon, nhưng đến năm 1583, quân Tiêm lại chiếm Battambang, Pucsat, rồi Lovek, phá tan cung điện nhà vua, đốt hết thư tịch.

Người kế thừa hợp pháp ngôi vua Chân-lạp là Soryopor bị quân Tiêm bắt đem về nước trong trận đánh chiếm Lovek. Năm 1603, triều-thần Chân-lạp và vị giáo-chủ của giáo-sĩ Bà-la-môn yêu cầu Tiêm cho Soryopor về nước. Soryopor lên ngôi (1603-1618) khiến các tỉnh đều qui phục, và nhờ Tiêm giúp đỡ, bình định được các đất duyên hải vịnh Tiêm-la. Vua này thần phục Tiêm-la, buộc các đại-thần ăn mặc áo dài màu vàng như người Tiêm, và áp-dụng những nghi lễ như ở triều-đình Ayuthya. Nước Chân-lạp bình định, nhưng lại rơi và ảnh-hưởng Tiêm-la. Sự phản ứng không thể tránh khỏi. Năm 1618, Soryopor phải thoái vị, nhường ngôi cho con là Chey Choetha (hoặc Chey Chesdha II, 1618-1628). Em Chey Choetha là

Préahoutey làm Obbarcach. Vua này phục hồi triều-nghi Chân-lạp, không thần phục Tiêm-la nữa, và để bày tỏ ý-chí phục-hưng và độc lập, dời cung-điện đến Oudong; Oudong trở thành kinh-đô Miên cho đến năm 1867.

Để buộc Chân-lạp phải nhìn nhận quyền bá-chủ của mình, năm 1623, vua Tiêm sai hai đạo quân sang xâm-lấn Chân-lạp, nhưng một đạo bị Chey Chêttâ 11 đánh bại, đạo kia bị em vua là Préah Outey đẩy lui. Năm sau, một đạo thủy-quân lại sang đánh, cũng bị thua to.

Chúa Nguyễn gây ảnh-hưởng trên đất Chân-lạp

Từ thế-kỷ XVII đã có nhiều người Việt-nam đến hai xứ Đồng-nai và Mỗi xuy của Chân-lạp, tức Biên-hòa, Bà-rịa ngày nay, để vỡ đất làm ruộng. Vua Chân-lạp Chey Chetta 11 muốn tìm một đối-lực để chống lại lân-bang Tiêm-la nguy hiểm kia, đã xin cưới một công-nữ con chúa Nguyễn, làm hoàng-hậu, trông mong được sự ủng hộ của triều-đình Thuận-hóa, và chúa Hy-tông, có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho vua Chân-lạp một công-nữ (1). Cuộc hôn nhân này có ảnh hưởng lớn lao đến

---

(1) Việc này, sử ta đều không chép, có lẽ các sử-thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp, nên giấu đi chăng ? Nhưng nếu họ quan-niệm như vậy thì không đúng. Hôn-nhân chính-trị, nhiều nước đã dùng, còn ở nước ta thì chính sách ấy đã đem lại nhiều ích lợi quan-trọng. Đời nhà Lý, thường đem công chúa gả cho các tù-trưởng các bộ-lạc thượng-du Bắc Việt, các bộ-lạc ấy là những giống dân rất khó kiềm chế. Nhờ đó mà các vùng

vận-mạng Chân-lạp sau này. Bà hoàng hậu này đem nhiều người Việt đến, có người được giữ chức hệ-trọng trong triều, bà lại lập một xưởng thợ và nhiều nhà buôn bán gần kinh-đô. (1)

Đến năm 1623, một sứ-bộ của chúa Nguyễn đến Ou-dong, yêu cầu được lập cơ-sở ở Prey Kôr, tức Sài-gòn

---

...ấy được yên ổn, dân thượng không xuống cướp phá dân ta, triều-đình thu được thuế-má, cống phẩm ; đất-đai ấy, nhân dân ấy lại là một rào giậu kiên cố ở biên-giới Hoa-Việt để bảo vệ cho miền trung-châu và kinh-đô Thăng-long. Đến đời Trần, chánh đôi má hồng của ả Huyền Trân đã cho chúng-ta hai châu Ô, Lý để làm bàn đạp mà tiến vào đến Bình-thuận.

Sử ta không chép, nhưng theo các sách sử Cao-miên do các nhà học-giả Pháp biên soạn, mà họ lấy sử liệu Cao-miên để biên-soạn, thì quả Chey Chetta II năm 1620 có cưới một công-nữ con chúa Nguyễn. Giáo-sĩ Borri, ở Đàng-trong trong thời gian ấy cũng có nói đến cuộc hôn-nhân này. Xem L. T. T. B. mục Công chúa, thấy chúa Hy tông có 4 con gái, hai nàng Ngọc Liên, Ngọc Đãnh thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là « khuyết truyện », nghĩa là không rõ tiểu truyện, tức là không biết chồng con thế nào. Vậy người gả cho vua Chey Chetta II phải là Ngọc Vạn hoặc Ngọc Khoa.

(1) Theo Les Khmers par André Migot.

ngày nay (1), và được đặt ở đấy một sở thu thuế hàng-hóa. Vua Chey Chetta chấp-thuận, và triều đình Thuận-hóa khuyến-khích người Việt di cư đến đất ấy làm ăn, rồi lấy cớ để giúp chính-quyền Miên gìn giữ trật tự, còn phái một tướng lãnh đến đóng ở Prey Kôr nữa. Khi Chey Chetta mất, vùng đất từ Prey kôr trở ra bắc đến biên-giới Chiêm-thành, tức là Saigon, Bà-rịa, Biên-hòa ngày nay đã có nhiều người Việt đến ở, và khai-khác đất đai. Chey Chetta mất năm 1628, con là TO (Ang Saur) và NOU kế nhau làm vua, Outey làm phụ-chính,

---

(1) Prey Kôr, ta gọi Sài-côn là miền Chợ-lớn ngày nay, còn Sàigòn ngay nay thuở ấy gọi là Bến-nghé. Khi người Tây-phương đến, họ đã nghe người Tàu gọi chung cả vùng Sai-côn và Bến-nghé là Sai-côn xứ, nên họ gọi Bến-nghé là Saigòn. Còn Sài-côn có tên gọi Chợ-lớn hình như bắt đầu từ đời Gia-long, Prey Kôr trở nên một nơi buôn bán đông đúc. Prey,tiếng Miên có nghĩa là rừng. Kôr là cây gòn. Nơi này xưa có nhiều cây gòn nên gọi thế. Ta gọi Sàigòn (Sài là cũi) cũng là dịch nghĩa tiếng Prey Kôr của Miên chăng ? Dầu sao, người Tàu đã gọi thành phố họ lập lên ở đấy sau khi phải rời bỏ Biên-hòa vì bị Tây-sơn tàn phá (xem sau) là Đề-ngạn 堤岸 mà Đề-ngạn người Quảng-đông đọc là Tai-ngon hay Thay-gon,còn giọng Triều-châu đọc là Tingan, cũng hơi giống với Sài-gòn. Vậy không biết danh từ Sai-gòn của ta là dịch Prey Kôr của Miên hay bắt chước giọng nói của Tầu. Có lẽ dịch chữ Prey Kôr, vì trong sử chép tên Sài-côn đã lâu, trước khi người Tàu lập Đề-ngạn. Theo một thuyết khác thì Sai-gon do hai chữ 西貢 Tây-cống đọc chạnh ra, Tây-cống chỉ phần đất do các vị vua nước ở phía tây cống hiến cho ta.

nhưng rồi TO bị giết, Nou chết năm 1640, Préa Outey cho con mình lên làm vua, ấy là Ang Non I (1640-1642)—

Năm 1642, người con thứ 3 của Chey Chetta II là Chant, (mẹ người Lào) sử ta gọi là Nặc Ông-Chân, nhờ họn bộ hạ người Chàm và người Mã-lai, giết Outey và Ang Non I mà lên làm vua (1642-1659). Trong thời-gian này, người Hòa-lan đã lập công-ty Đông Ấn-độ ở Batavia (1), công-ty này đến đặt thương-điếm trên sông Mékong, ở Kampong LuOng, gần Oudong, nhưng vì có sự tranh giành giữa thương-nhân Hà, và Bồ, nên thương điếm không phát đạt, phải đóng cửa. Nặc Ông Chân cưới một gái Mã-lai làm Hoàng-hậu, và theo Hồi-giáo là tôngiáo của những bộ hạ đã giúp mình lên ngôi.

Năm 1658, con của PréahOutey là So và Ang Tan nổi binh đánh Nặc Ông Chân, nhưng thất bại, đến nương náu với bà Thái-hậu người Việt, vợ Chey Chetta II. Bà này vốn bất bình con ghẻ mình lấy ợ người Mã-lai, theo Hồi-giáo, nên khuyên So và Ang Tan cầu cứu chúa Nguyễn. Thật là một cơ-hội rất tốt cho chúa Nguyễn để can-thiệp vào việc Cao-miên, bành-trướng thế-lực trên giải đất mà ông cha đã lưu ý. Chúa Thái-tông liền sai Phó-tướng dinh Trấn-biên (2) (dinh Phú-yên) là

(1) *Tức Djakarta ngày nay.*

(2) *Về lý do xuất quân, T. L. T. B., C. M., và G. Đ. T. C. đều nói vì Nặc Ông Chân xâm lấn biên-thùy. Chúng tôi nghĩ đó là một cách nói « công khai » và « nhà nước » của các sử thần nhà Nguyễn, vả lại vì*

Nguyễn-phước Yến 阮福燕, Cai-đội Xuân Thắng 春勝, Tham-mưu Minh Lộc 明祿 (hai người đều không rõ họ) đem 3000 quân đến thành Hưng-phước 興福 (bấy giờ gọi là Mỗi-xuy 每吹, tức Bà-rịa), đánh phá được, bắt Nặc Ông Chân bỏ vào cũi đem về Quảng-bình nạp cho Chúa (1). Trong trận này, Ang-Em em của So và Ang Tan, theo phe Ông Chân, bị giết trong một trận thủy chiến ở Bà-rịa.

Năm sau (1659), Nặc Ông Chân chết, chúa Nguyễn phong So làm vua Chân-lạp, lấy hiệu là Batom Reachea (1660-1672) (2).

Từ đó lưu-dân Việt-Nam đến ở Gia-định, Mỗi-suy (Bà-

...đã không biết hoặc biết mà giấu cuộc hôn nhân giữa vua Miên và nàng công nữ họ Nguyễn-phước thì không biết tìm lý-do nào khác, chứ lúc bấy giờ Cao-miên suy vi, triều-đình chia rẻ, Tiêm-la dòm ngó, Nặc ông Chân đương gặp khó khăn, lẽ nào dám gây hấn với Chúa Nguyễn. Vậy thuyết của nhà sử-học Pháp mà chúng tôi theo đề thuật lại đây đáng tin hơn.

(1) Bấy giờ Nguyễn Trịnh đánh nhau, năm đinh-dậu (1657), chúa Thái-tông đã ra đóng ở Quảng-bình để xem xét việc quân (T. L. T. B).

(2) Về việc này, sử ta và sử do người Pháp soạn, viết khác nhau. Các sử ta đều chép : Nặc Ông Chân chịu làm phiên-thần, hàng năm nạp cống, giúp đỡ người Việt sang làm ăn, nên chúa Nguyễn sai quân hộ tống về nước. Nhưng chúng tôi đã tin ở việc So sang cầu cứu chúa Nguyễn, nên cũng tin thuyết của các sách Pháp đều nói Ông Chân chết, và người cầu cứu là So được chúa Nguyễn phong làm vua.

ria), Đồng-nai (Biên-hòa ngày nay) càng ngày càng đông, ban đầu sống xen lẫn với người Miên, mở mang đất ruộng, nhưng người Miên không muốn sống chung với những người thuộc văn-hóa khác và thuộc một nước mạnh hơn mình, nên hễ người Việt tiến đến đâu thì họ lánh đi nơi khác, không tranh giành, ngăn trở.

Năm 1672, vua Miên là Batom Reachea bị người vừa là rể vừa là cháu là Chey Choetha III giết, em là Ang Tan chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Nhưng rồi Chey Choettha cũng bị người phe của Chan do vợ Batom Reachea xui sử, giết. Ang Chei (1673-1674) sử ta gọi là Nặc Ông Đài, con đầu đầu của Batom Reachea lên ngôi. Nặc Ông Đài đắp lũy ở thành Nam-vang, làm bè nổi, dùng xích sắt chận các cửa sông, rồi tiến xuống chiếm Sài-côn, có binh Tiêm-la đến cứu viện. Ông Đài đắp một lũy đất ở địa-đầu Mỗi-xuy, ngoài trồng tre gai, trong đặt quân-đội phòng thủ, thế rất kiên cố. Trải qua một năm, không thấy chúa Nguyễn phản ứng gì, quân của Ông Đài giải đãi việc phòng thủ, tan ra đi làm ruộng rẫy. Đầu năm giáp-dần (1674), chúa Thái-tông sai Cai-cơ đạo Nha-trang thuộc dinh Thái-khương là Nguyễn Dương Lâm (1) 阮陽林 (con quận-công Nguyễn Văn Nghĩa, Thống suất dinh Quảng-nam) làm Thống-binh, Tướng-Thần-lại Thủ-hợp là Nguyễn Diên Phái 阮廷派 (1) làm Tham-mưu, Văn Sùng 文崇 làm Thị-chiến, đem quân đi đánh.

---

(1) C. Đ. T. C chép là Dương và Diên.

Quan quân đi gấp, tháng 3, Nguyễn Dinh Phái đến Mỗi-xuy trước, thừa lúc quân Miên không đề phòng, vào chiếm đồn, binh khí không vấy máu. Qua ba ngày, quân Miên bốn mặt kéo về, vây đồn Nguyễn Diên Phái đóng cửa kiên thủ, không giao chiến. Đến lúc đại binh Nguyễn Dương Lâm kéo đến, trong ngoài giáp công, quân Miên tan rã, tử thương rất nhiều, nhân đó đặt tên lũy này là lũy Phước-tứ (phước trời cho), hiện nay còn dấu tích và có chép trong N.T.C. (tỉnh Biên-hòa). Đại binh tiến lên, chiếm Sài-côn. Tháng 4, quan quân chia ra làm hai đường thủy, bộ tiến lên phá hai đồn Gò-bích, Nam-vang, thiêu hủy các bè nổi, khóa sắt. Nặc Ông Đài trốn vào rừng bị người trong đảng giết chết. Ang Tan cũng đau chết, giao binh quyền lại cho Ang Non, tức Nặc Nộn, đóng ở Oudong. Năm tháng sau, em Ông Đài là Ang Saur, sử ta gọi là Nặc Thu, đuổi quân-đội Việt-nam, Nặc Nộn chạy sang Sài-côn (1), Nặc Thu, lên làm vua, lấy hiệu là Chey Choetha IV, được chúa Nguyễn phong vương, và Nặc Nộn có lẽ được phong Obareach mà sử ta gọi là đệ nhị vương.

---

(1) Trận đánh Nặc Ông Đài của Nguyễn Dương Lâm này, T. L. T. B. chép vắn tắt. Ở đây chúng tôi thuật theo G. Đ. T. C, mục Thành-trì-chí. Nhưng T. L. T. B, và G. Đ. T. C. chép nhiều điểm khác với các sách của người Pháp viết. Đại khái, theo sử ta thì người đi cầu cứu là Nặc Nộn chạy ra Thái-khương, còn theo sử người Pháp thì là Ang Tan ; sử người Pháp viết nói việc Ang Saur đánh đuổi quân Việt, còn sử ta thì không chép việc ấy.

Nặc Nộn nằm ở Sài-côn, sẽ tìm cách giành lại ngôi vua. Trong khi chờ đợi, Chánh-vương Nặc Thu và đệ nhị vương Nặc Nộn đối với chúa Nguyễn đều tỏ ra cung thuận, xem như năm đinh-mão (1687), chúa Thái-tông mất, hai vua có sai quan là Lịch-đà thi-na đến dâng hương phúng điếu.

Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên mở mang đất Mỹ-Tho, Biên-Hòa

Năm kỷ-mùi (1679), một tập-đoàn di dân lớn lao người Trung-quốc đến khai thác đất Thủy Chân-lạp để rồi sau trao cho chúa Nguyễn.

Tháng giêng năm ấy, dư đảng của họ Trịnh ở Đài-loan (1) là Tổng-binh Long-môn Dương Ngạn Địch (2),

---

(1) Thời Minh mạt. Trịnh Thành Công chiếm cứ đảo Đài-loan để chống với nhà Thanh, quan chức nhà Minh và những phần - tử chống nhà Thanh nhiều người qui tụ ở đó, lấy đó làm căn-cứ để hoạt-động.

(2) Theo giáo-sư Trần Kinh Hoa trong chú thích Thành-trí-chí C. Đ. T. C. đăng ở tạp-chí Đại-học số 1 năm 1962 thì Dương Ngạn Địch tức tướng cướp biển khét tiếng hồi Thanh-sơ, tên Dương Nhị y từng vùng vẫy ở miền nam biển Trung-quốc, một mặt để bảo vệ thương thuyền của họ Trịnh ở Đài-loan phải đi mua bán ở các xứ Nam-dương, một mặt hoạt động ở miền duyên hải bốn phủ Cao, Lôi, Liêm, Quỳnh để hưởng ứng các hành động của Phiên-vương Lưỡng-Quảng là Ngô Tam Quế đương chống nhà Thanh ; sau khi Trịnh Kinh

Phó-tướng Hoàng Tiến và Tổng-binh Cao-Lôi-Liêm (1) là Trần Thượng Xuyên, Phó-tướng Trần An Bình, đem binh lính và quyến thuộc hơn 3000 người và hơn 50 chiến thuyền, chạy vào đậu dọc theo bờ biển từ cửa Eo đến cửa Đà-nẵng. Tuần-quan cửa Tư-dung là Trí-thắng hầu đi thuyền nhỏ ra hỏi, Dương Ngạn Địch treo cờ trắng rồi trình lên rằng: « Chúng tôi là tôi lưu vong của nhà Đại Minh, vì nước thề hết lòng trung, nay lực kiệt, thế cùng, quốc-tộ nhà Minh đã chấm dứt, chúng tôi chẳng chịu làm tôi nhà Thanh, nên chạy đến quý quốc, thành tâm xin làm tôi tớ ». Dương Ngạn Địch sai Hoàng Tiến, Quách Tam theo Trí-thắng hầu đến phủ chúa trình bày ý muốn. Chúa tôi chúa Hiền gặp một trường-hợp khó-xử. Bấy giờ đương chiến tranh với họ Trịnh, người Bắc-hà thường tìm cách dòm ngó, một đoàn quân và hạm-đội lạ lùng như vậy, hư thực thế nào, sao dám tin được ? Thu dùng họ chăng ? thì ngôn ngữ bất đồng, tâm tình không hiểu, làm sao điều khiển được ? Từ khước chăng ? thì đối với một số

---

chết, quyền lực họ Trịnh sụp đổ, Địch chạy sang Việt Nam, Long-môn là huyện, thuộc phủ Quảng-châu, tỉnh Quảng-đông.

(1) Cao-châu (tên phủ) thuộc phủ Quảng-đông, huyện Mậu danh ngày nay là cựu trị của phủ ấy ; Lôi-châu (tên phủ), thuộc tỉnh Quảng-đông, huyện Hải-khương ngày nay, là cựu trị của phủ ấy. Ấy là một bán đảo ở phía tây Quảng-châu loan. Liêm-châu (tên phủ) thuộc tỉnh Quảng-đông, huyện Hợp-phố ngày nay làc ựu trị của phủ ấy (đều theo Từ-Nguyên).

quân sĩ và chiến thuyền đông đảo như vậy, nếu họ cự lại thì sao ? Có người bàn rằng : « Phong-tục, tiếng nói của họ khác ta, khó bề sai khiến, nhưng nghĩ họ bị thế cùng bức bách, chạy đến nhờ ta, lòng trung tiết, ý thành ấy, chúng ta không nỡ cự tuyệt. Hiện nay đất Đông-phố nước Cao-miên đất đai mầu mỡ nghìn dặm, chưa rành để kinh lý, chi bằng cho họ vào đó cư trú, cậy sức của họ để mở mang đất đai, thế là làm một việc mà được ba điều lợi. » Chúa Thái-tông theo lời bàn ấy. Bèn khiến đặt yến tiệc đãi họ, an ủi, khen ngợi, cho các tướng lãnh y chức cũ, phong thêm quan tước mới, khiến vào ở đất Đông-phố để mở mang đất ấy. Sai Xá-sai Vân Trình, Tướng-thần-lại Văn Chiêu đem thư cho vua Chân-lạp yêu cầu chia cấp đất đai cho họ. Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên đến phủ chúa tạ ơn, vâng theo chỉ dụ vào Nam. Rồi do Vân Trình, Văn Chiêu hướng dẫn, binh thuyền tướng sĩ Long môn của Ngạn Địch tiến vào cửa Lôi-lạp, theo cửa Đại, cửa Tiểu, đến định cư ở Mỹ-tho, binh thuyền tướng sĩ Cao, Lôi, Liêm của Thượng Xuyên, An Bình vào cửa biển Cần-giờ, lên định cư ở Bàn-lân, xứ Đồng-nai (tỉnh-lỵ Biên-hòa ngày nay). Ở hai nơi ấy, hai đoàn di dân vỡ đất, phá rừng, cất phố, lập chợ, từ đó thương thuyền các nước Trung-hoa, Nhật-bản, Tây-dương, Đồ-bà (1) qua lại tấp nập. Và cũng từ đó, phong-hóa Trung-quốc thấm dần vào xứ này.

---

(1) Danh-từ chỉ người Java, người Mã-lai thuở ấy.

Ở Biên-hòa, Trần Thượng Xuyên tập trung Hoa-thương ở Đại-phố-châu (tức cù-lao Phố), ở giữa sông Nông-nãi (Đồng-nai) phía nam tỉnh-lỵ Biên-hòa ngày nay. Cù lao Phố có người, Âu-châu, người Nhật, người Mã-lai, người Tàu v. v. đến mua bán ngày càng phát triển, phồn-thịnh, trở thành trung-tâm-điểm thương nghiệp, của xứ Nam-kỳ cho đến ngày Tây-sơn vào chiếm.

Ở Mỹ-tho bọn Dương Ngạn Địch cũng lập Mỹ-tho đại phố, tàu thuyền tới lui buôn bán đông đúc, lại nhóm họp người Tàu, người Miên, người Việt, vỡ đất làm ruộng, chia lập trang trại, thôn ấp.

Từ năm 1675, đến năm 1691, Nặc Thu phải chống lại những âm-mưu của Nặc Nộn nằm ở Sãi-côn mong lật đổ mình.

Năm 1679, Nặc Nộn đem quân về đánh Nặc Thu, Nặc Thu xin Tiêm cứu viện, nhờ quân Tiêm, Nặc Thu thắng, đuổi được Nặc Nộn chạy về Sài-côn (1).

Đội quân Long-môn mà Nặc Thu đã cho vào ở trên đất Miên, Nặc Nộn sẽ lợi dụng để làm hại Nặc Thu. Năm 1682, Nặc Nộn lấy trong đám Hoa-kiều một số làm nòng cốt để lập một đạo quân có người Chàm tham dự, đem đánh Nặc Thu. Bị đánh thình lình, Nặc Thu đã phải bỏ hai tỉnh Kan Kau (là Bassac sau này) và Trapeang (là Trà-vinh sau này) mà lui về phía tây Oudong. Nhờ quân Tiêm cứu trợ, năm 1684, Nặc Thu

(1) *Trận này sử ta không chép.*

chuyển sang thế công và đuổi được quân Nặc Nộn chạy về Sài-côn. (1) Nặc Nộn có xin vua Tiêm làm trọng tài giúp mình, nhưng không được. Nhưng khi xin chúa Nguyễn thì Nặc Nộn gặp may mắn hơn, mà rốt cuộc cũng chỉ may mắn cho chúa Nguyễn mà thôi.

Đời chúa Anh-tông, năm mậu thân (1688) Phó-tướng Long-môn là Hoàng Tiến giết chủ tướng là Dương Ngạn Địch ở cửa biển Mỹ-tho, rồi tự xưng là Phấn-dõng Hổ-oai Tướng-quân, thống lãnh binh-sĩ Long-môn, dời đồn sang Nan-khê 灘溪 (Rạch-than), đắp lũy, đúc đại bác, đóng chiến thuyền, cho quân đi cướp bóc dân Cao-miên. Nặc Thu cùng bầy tôi là Ốc-nha Cống-sa đắp lũy ở ba thành Gò-bích, Cầu-nam, Nam-vang, rồi giăng xích sắt ngăn cửa sông để cố thủ. Nặc Nộn báo với dinh Trấn-biên (bấy giờ là Phú-yên) ý muốn chống đối ấy của Nặc Thu. Phó-tướng Trấn-biên là Mai Vạn Long 枚萬龍 liền gửi bức thư của Nặc Nộn lên chúa. Chúa bàn việc xuất binh đánh Nặc Thu. Chưởng-dinh Tống Đức Minh 宋德明 thưa : « Xin sai Cai-cơ Trấn-biên là Nguyễn Thắng Long 阮勝龍 (con Nguyễn Dương Lâm) là người có mưu lược, quen biết thủy tỗh Cao-miên, làm Thống binh, còn Hoàng Tiến giết chủ nó, chưa biết lòng nó theo nào, xin sai làm Tiên-phong để xem nó theo hay phản, nếu nó hoài tâm do dự thì ta tiến quân đánh ngay, Nặc Thu ngăn đằng trước, đại binh bức đằng sau, Tiến ắt bị bắt. » Chúa theo lời. Nhưng rồi Đội-trưởng Trương Thiêm Lộc 張添祿 cháu Mai Vạn Long, biết Cao-miên có nhiều của báu, muốn Vạn Long được làm

(1) *Trận này sử ta không chép.*

tướng để mình đi theo, nên xin chúa cho Vạn Long. Chúa bèn lấy Mai Vạn Long làm Thống-binh, Nguyễn Thắng Long và Nguyễn Tân Lễ 阮新禮 làm Tả, Hữu Vệ-trấn, Thủ-hợp Văn Vy 文渭 làm Tham-mưu, đem quân đánh Cao-miên, sai Hoàng Tiến làm Tiên-phong, dưới quyền Tiết-chế của Mai Vạn Long.

Tháng giêng năm sau, kỷ-tỵ (1689) Mai Vạn Long kéo quân đến cửa biển Mỹ-tho, đóng ở rạch Gầm, 岑溪, sai người đến triệu Hoàng Tiến đem quân sở-bộ đến. Tiến không đến.. Biết Tiến có ý phản, Vạn Long sai người dụ Tiến đến hội họp ở giữa sông, rồi sai phục binh nổi dạy đánh, Tiến chạy, rồi chết (1), Vạn

---

(1) *T. L. T. B. quyển VI, chép : Nặc Thu nghe quân chúa Nguyễn đến gần bờ cõi, cùng bề tôi là Ốc-nha Đa-trình mưu dùng kế hoãn binh, bèn chọn một người con gái đẹp, có tài ăn nói, biện bác, tên là Chiêm Đao-luật, sai đem bửu vật đến dinh Hoàng Tiến nói : «Tướng-quân ở đất Chân-lạp đã lâu năm. Người xưa ăn một bữa cơm cũng còn báo ơn, nay nghe Tướng quân vâng mạng đi đánh Chân-lạp, trộm nghĩ việc ấy thật không đáng khen. «Hoàng Tiến nói : « Nay Vạn Long triệu ta, không phải là thành tâm, nhưng chỉ muốn bắt ta trước, rồi sau sẽ diệt Nặc Thu, nhưng lẽ nào ta để cho nó đánh lừa; về nói với chủ ngươi đừng nghi ngờ.» Tiến bèn đóng quân giữ chỗ hiểm yếu, Vạn Long thúc giục không thấy Tiến đến, biết Tiến có chí khác, lấy làm lo. Trong quân có người Quảng-ngãi tên là Văn Thông có tài biện luận, lại nói được tiếng ngoại quốc, nói với Vạn Long : « Thống binh nếu muốn bắt Tiến, không làm cho hắn rời bỏ chỗ hiểm thì không được. Tôi nghe người Long-môn có một ông già họ Trương*

Long vào lũy bắt vợ con của Tiến chém hết. Rồi giao

...rất có tiếng tăm, Tiến vốn hâm mộ, nhưng chưa biết mặt. Tôi xin giả làm ông già Trương đến phân trần lợi hại để dỗ hắn tới hội, Thống-binh nhân đó chụp đánh thì bắt được Tiến ngay.» Vạn Long mừng và sai đi. Văn Thông bèn cải trang, tự xưng là Trương lão-gia đến dinh Hoàng Tiến xin yết kiến. Tiến mừng mời vào. Văn Thông thong thả nói « Tôi từ khi quân Long-môn thất bại, vong mạng đến miền Nam, nhờ Thiên-vương cho làm Cai đội, nay ở dưới quyền của Thống - binh Trấn biên, nên lại đây gặp nhau để bày tỏ chút tình châu, lý.» Tiến tin lời. Văn Thông nói tiếp : « Tướng quân vâng mạng đi đánh Cao-man, vì sao đã lâu mà không đến hội với Thống-binh ?» Tiến đáp : Tôi nghĩ mình lưu lạc, được tiên vương cho ở đất này, nỡ nào quên ơn ; nhưng xem lại sự ăn, mặc đều là sản vật của Cao-man, nay đem quân đánh họ thì là bất nghĩa, còn nếu vì Cao-man mà chống lại mạng vua thì là bất trung, tiến thối lưỡng nan, nên tôi án binh giữ mình, chờ xem tình thế.» Văn Thông nói : «Bất nghĩa là lỗi nhỏ, bất trung là tội lớn, Tướng-quân còn phải lựa chọn gì ? Tôi nghĩ tướng-quân bây giờ không gì bằng đến hội gặp Thống-binh, để cởi sự nghi ngờ, rồi sau sẽ tính, ấy mới là phải ? » Tiến nói : « Tiên-sinh dạy tôi nên gặp Thống-binh, nhưng tôi đến hội thì không biết Thống - binh có ra thành đón tôi không ? Có cùng nhau tả, hữu chia ngồi không ? Có cho tôi đem binh đến hội mà không nghi ngờ không ? » Văn Thông nói : « Nhường chiếu để đãi kẻ sĩ, ấy là bổn tâm của Thống-binh, tôi về thưa lại với Thống-binh, ắt được như ước, mong Tướng-quân chớ thất tín. » Văn Thông từ biệt về. Mưu-sĩ của Tiến là Hoắc Sanh nói với Tiến : « Tôi nghe Trương lão gia ít nói, nay người này ngôn ngữ mau mắn, hay là thuyết khách của Vạn Long, xin chớ tin. » Nhưng Tiến không nghe. Văn Thông về trình lại Vạn Long. Vạn Long sai Văn Thông

cho Trần Thượng Xuyên quản lãnh binh-sĩ Long-môn của Dương Ngạn Địch để làm tiên phong, tiến đánh Nặc-Thu, phá hết xích sắt chắn ngang sông, liên tiếp lấy được ba lũy Gò-bích, Cầu-nam, Nam-vang (1). Nặc Thu lui giữ thành Long-úc. Cai-đội Nguyễn Thắng Quyền 阮勝權 khinh địch, tiến đánh, bị bại. Cai-cơ Nguyễn Thắng Sơn 阮勝山 đem quân đến cứu, xông trận đánh hăng, Nặc Thu phải vào thành cố thủ. Nhân trời mưa gió, Vạn Long cùng các tướng rút quân về bản dinh. Nặc Thu bèn sai Nặc Sa đưa lễ đến dinh Vạn Long để xin hoãn binh, Vạn Long bắt giam lại. Nặc Thu chọn một người con gái đẹp có tài ăn nói là Chiêm Dao Luật đem vàng, lụa đến hiến. Bị thúc giục nạp lễ cống, Nặc Thu lại sai Dao Luật đem vàng lụa đến đút lót và hứa hẹn. Vạn Long tin lời, để mấy tháng trôi qua, không chịu tiến quân. Nguyễn Thắng Sơn báo lên Chúa. Chúa giận lắm, chọn tướng khác thay thế. Chưởng cơ Hoằng Lược 宏略 tiến cử Cai-cơ Nguyễn Hữu Hào 阮有豪 (con Nguyễn Hữu Dật). Chúa bèn sai Nguyễn Hữu Hào làm Thống-binh, Văn-chức Hòa Tín 和信 làm Tham-mưu, Thủ-

---

...đi mời Tiến và đặt phục binh để chờ. Quả nhiên Hoàng Tiến đi thuyền ra sông để hội với Vạn Long, phục binh bốn mặt nổi lên đánh, Tiến bỏ thuyền chạy, lên trốn về phía cửa biển Lôi-lạp. Vạn Long vào lũy, bắt vợ con của Tiến giết hết.

(1) Theo sách Pháp thì quân Việt trong trận này chiếm Oudong mà thôi.

hợp Diệu Đức 曜德 (không rõ họ) làm Thị-chiến, Nguyễn Thắng Sơn làm Tiên-phong, bãi Mai Vạn Long làm thứ-nhân, giáng Văn Vy làm Tướng-thần-lại.

Thống-binh Nguyễn Hữu Hào lực thêm binh ở Phú-yên, Thái-khương, Phan-lý, rồi đưa vào nam, mùa xuân năm sau, giáp-ngọ (1690) tiến đóng ở Bích-đôi (1). Tháng 5, chúa sai sứ đến bảo Nguyễn Hữu Hào rằng : « Nặc Thu nếu muốn chuộc tội thì phải hiến 50 thớt voi đực, 500 lượng vàng, 2000 lượng bạc, 50 tòa tê-giác, thì mới rút quân về, nếu không thì phải tiến đánh gấp.» Hữu Hào sai người đến bảo với Nặc Thu. Nặc Thu sai đem 20 thớt voi nhỏ, 100 lượng vàng, 500 lượng bạc đến hiến. Các tướng cho rằng Nặc Thu không chân tình qui phụ, xin tiến quân đánh. Nhưng Nặc Thu thường sai Dao Luật đến van xin, Hữu Hào tin lời, cho rằng mình không mất một mũi tên mà Cao-miên qui-phụ, nên không chịu tiến quân. Từ đó, Hữu Hào và các tướng không hiệp. Sau đó, Nặc Thu sai Dao Luật đem thêm 10 thớt voi nhỏ, 6 tòa tê-giác, 50 lượng vàng, 100 lượng bạc đến hiến. Mặc dầu các tướng xin tiến quân, Hữu Hào rút quân về đóng ở Bà-rịa, rồi kéo quân về.

Tháng 8, quân về tới, bọn Hòa Tín và Thắng Sơn kể lại việc Nguyễn Hữu Hào chần chờ, Chúa giận lắm, sai tước bỏ quan chức Hữu Hào, truất làm thứ-dân.

---

(1) Theo sách Pháp thì trong khoảng thời gian này quân Việt chiếm Nam-Vang.

Tuy vậy, cuộc dụng binh lần này cũng thu được kết-quả là khiến Nặc Thu chịu nạp cống, xưng thần. Người Việt đến ở đông lần trên đất mà sau đó gọi là Trấn-biên, Phiên-trấn, các tướng của chúa Nguyễn bèn đem đất ấy chia ra khu-vực, đặt người cai-trị một cách bán chánh-thức. Còn Nặc Nộn thì được Nặc Thu đề về Chân-Lạp, sống tự do ở Srei Santhôr, mất năm 1691.

Năm nhâm-thân (1692) nhân Cai-cơ Nguyễn Hữu-Kính đem quân đánh vua Chiêm-thành Bà-Tranh, có 5000 người Chiêm chạy sang Cao-miên xin cư-trú, vua Nặc Thu cho họ ở gần Lôvek và cắt đất cho họ cày cấy làm ăn.

Thời chúa Hiền-tông, năm 1695, Nặc Thu nhường ngôi cho cháu là Outey I. Outey I chỉ ở ngôi 10 tháng rồi mất, Nặc Thu lên làm vua lại.

Lập dinh Trấn-Biên (Biên-hòa) và dinh Phiên-trấn (Gia-định) thuộc phủ Gia-Định (1698)

Có viên quan Chân-lạp là Êm nổi loạn, nhờ chúa Nguyễn giúp quân lính và đã hứa là sẽ nhường các tỉnh Prey Kôr (Saigon) Kâmpeâp Srêkatrey (Biên-hòa), Bà-rịa để đền đáp (1). Năm 1699, Êm đem quân Việt theo sông Me-kong tiến lên đến Kompong Chhnang, nhưng bị đẩy lui, trở về ba tỉnh này, Êm bị giết (1). Nhưng nhân đó, chúa Hiền-tông đã công khai chiếm đất ấy, đặt quan cai-trị.

(1) *Việc này không thấy chép trong sử ta.*

Năm mậu-dần (1698) Chúa sai Thống-suất Nguyễn Hữu Kính vào kinh lược, chia đất Đông-phố, 東浦 lấy xứ Đồng-nai (người Tàu gọi là Nông-nại) đặt huyện Phước-long 福隆 lập dinh Trấn-biên 鎮邊 (tức tỉnh Biên-hòa ngày nay); lấy xứ Sài-côn đặt huyện Tân-bình 新平, lập dinh Phiên-trấn 藩鎮, (tức Gia-định ngày nay) mỗi dinh đều đặt chức Lưu-thủ, Cai-bạ, Ký-lục và các cơ, đội, thuyền, thủy, bộ tinh-binh và thuộc-binh. Đặt phủ Gia-định để thống thuộc hai dinh Trấn biên và Phiên-trấn. Với phủ Gia-định, bấy giờ chúa Nguyễn đã có đất nghìn dặm, 4 vạn hộ dân. Chúa sai chiêu mộ thêm lưu dân từ Bố-chính trở vào Nam đến ở, thiết lập, xã, thôn, phường, ấp, chia ranh giới, khai khẩn ruộng đất, đánh thuế tô, thuế dung, làm bộ đinh, bộ điền. Người Tàu cũng khá đông rồi, bèn lập làng xã cho họ, và bắt đầu chính-sách đồng-hóa: lập xã Thanh-hà 青霞 cho những người Tàu ở Trấn-biên nhập tịch, xã Minh-hương 明香 (1) cho những người Tàu ở Phiên-trấn nhập tịch, từ đó họ thành dân hộ của ta.

Đất Mỹ-tho hình như bấy giờ chưa trực tiếp thuộc quyền phủ Gia-định mà do các tướng Long-môn kiểm-soát một cách lỏng-lẻo. Theo G.Đ.T.C., trên nguyên tắc, ban đầu tỉnh Định-tường (tức Mỹ-tho thuở ấy) là để thu nhận những dân quá đông ở Trấn-biên và Phiên-trấn đến ở. Họ được tự-do làm ăn, muốn ở đâu thì ở, muốn khai khẩn đất chỗ nào tùy ý. Có những người định cư

(1) 明香 *có ý là giữ hương hỏa cho nhà Minh. Đến thời Minh-mạng, sợ mất lòng nhà Thanh nên sai đổi chữ* 香 *làm* 鄉; 明鄉

ở những nơi xa xôi, như trên núi, để khai thác lâm-sản, trên bờ biển để đánh cá, hạng người ấy thì không thuộc chính-quyền nào cả. Rồi lần lần, người di dân mới lập thành thôn, ấp, đặt người trưởng để phân xử kiện tụng. Còn thuế thì tùy theo nghề nghiệp mà nạp : người đánh cá nạp cá, người thợ rừng nạp gỗ, người làm nông nạp lúa...

Vì miền này xa Trấn-biên, Phiên-trấn, lại không muốn ép buộc nhân dân tuân theo thể-lệ như các nơi khác, nên lập 9 kho riêng để dân ở gần kho nào thì đem thuế đến nạp kho ấy cho tiện. (ở phủ Gia-định chỉ có một kho Tân-định cho Trấn-biên và Phiên-trấn). Chín kho ấy là : (kho đặt ở xã nào thì lấy tên xã ấy mà gọi tên kho) Qui-an, Qui-hóa, Cảnh-dương, Thiên-mụ, Quản-thảo, Hoàng-lạp, Tam-lạch, Bả-canh, Tân-thịnh.

Thấy mất một phần đất đai, chán nản, năm 1690, Nặc Thu lại thoái vị, nhường ngôi cho Ang Em (1690-1701) sử ta gọi là Nặc Yêm. Nặc Yêm là con Nặc Nộn, Nặc Nộn chết, Nặc Thu đem con gái gả rồi nhường ngôi cho, có lẽ muốn hòa giải hai phe (1), Nặc Yêm bất tài, Nặc Thu lại phế mà lên làm vua lần thứ ba. Nặc Thu liền phải đối phó với một cuộc nổi loạn do tê Kim cầm đầu và người Việt xui sử. Ban đầu Nặc Thu phải cùng gia-quyến và triều-thần bỏ trốn, đến

(1) *Sử ta chép : « Nặc Nộn chết, Nặc Thu phong con là Nặc Yêm làm chức Tham-đích-sá-giáo-chùy » chứ không nói nhường ngôi.*

Pursat, nhưng rồi nhà vua lấy lại được thế chủ động và bắt được tên Kim. (1)

Năm kỷ-mão (1699) tháng 7, Nặc Thu đắp lũy ở Bích-đôi, Nam-vang và Cầu-nam, cướp bóc dân buôn. Tướng Long-môn là Trần Thượng Xuyên bấy giờ đóng giữ Doanh-châu (thuộc Vĩnh-long) báo lên triều-đình. Chúa Hiền-tông sai Lê-thành hầu Nguyễn Hữu Kính (2) làm Thống-suất, Cai-bộ Phạm Cảm Long 范錦龍 làm Tham-mưu, Lưu-thủ Trấn-biên là Nguyễn Hữu Khánh 阮有慶 làm Tiên-phong, lãnh quân hai dinh Bình-khương và Trấn-biên và thuộc-binh 7 thuyền dinh Quảng-nam, hợp với tướng-sĩ Long-môn đi đánh. Năm sau, canh-thìn (1700), tháng 2, quan quân tiến đóng Rạch-Cá (Ngư-khê) (3), dò xét tình-hình quân địch. Tháng 3, Trần Thượng Xuyên giao chiến với quân Chân-lạp mấy trận, đều thắng, rồi quan quân tiến đến lũy Bích-đôi và Nam-vang. Nặc thu lui trước, quân Chân-lạp tan vỡ, quan quân tiến đánh, hạ đồn Bích-đôi, quân Chân-lạp ra hàng, Thống-suất Nguyễn Hữu Kính vào thành, vỗ an dân chúng. Tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân xin hàng, Nguyễn Hữu Kính yên ủi, khiến trở về Bích-đôi chiêu tập dân-chúng, rồi kéo quân về đóng ở cồn Cây-sao (tức cồn Ông Chưởng ngày nay), báo tin thắng trận về triều-đình.

---

(1) *Việc này không thấy chép trong sử ta.*

(2) *C. Đ. T. C. chép là Nguyễn-phước Lễ.*

(3) *C. Đ. T. C. nói đóng ở Tân-châu.*

Tháng 5, Nguyễn Hữu Kính kéo quân về đến Sầm-giang thì bị bệnh mất. (1), quan cửu đưa về dinh Trấn-biên quyền táng. Hung tin báo lên, Chúa rất thương tiếc, truy tặng là Hiệp-tán công thần, đặc tiến Chưởng-dinh. Người Chân-lạp lập đền thờ ông ở đầu cồn Nam-vang, ở Trấn-biên, Phiên-trấn nhân dân nhớ ơn khai-thác, đều có lập đền thờ. (2)

Cuộc thất trận năm canh-thìn làm cho Nặc Thu thêm chán nản, nên năm 1702 ông lại thoái vị, nhường ngôi cho con là Thommo Reachea, sử ta gọi là Nặc

(1) *Về việc Lễ-thành hầu mất, G. Đ. T. C. mục Thành-trì-chí, chép: «Lễ-công đem quân về đóng ở cồn Cây sao... đêm 26 tháng ấy, mưa gió nổi lên đùng đùng, đất đầu cồn lở sập, tiếng vang như sấm, trong đêm ông chiêm bao thấy một người cao lớn, mình mặc áo giáp, tay cầm búa vàng, mặt đỏ như son, mày râu trắng toát, đến trước mặt nói rằng: « Tướng-quân nên về gấp, không nên lưu lại nơi ác địa nầy. » Ông tỉnh dậy, ngẫm nghĩ lấy làm buồn, nhưng vì việc biên-phòng mới đặt chưa yên, tàn quân của giặc còn ẩn phục sơn lâm chưa dẹp hết, không biết tính sao. Bỗng trong quân phát bệnh dịch, ông cũng nhiễm đau, lần lần hai chân tê liệt, ăn uống không được. Đến ngày tiết Đoan ngọ, ông gượng ra khao thưởng quân-sĩ, bị gió, thổ huyết, bệnh trở nên trầm trọng. Ngày 14 kéo quân về, ngày 16 đến Sầm-giang, than ôi! ông qua đời ngày ấy. » T. L. T. B. cũng chép gần giống như thế.*

(2) *Các đền thờ này đều có chép trong N. T. C. và G. Đ. T. C. Theo N. T. C. thì ngoài các đền ấy, dân châu Đình-bình cũng lập đền thờ, và đặt tên châu ấy là châu Lễ-công.*

Thâm, mới 12 tuổi, nhưng Nặc Thu vẫn cầm quyền cho đến năm 1706 thì giao ngôi lại cho Nặc Thâm một lần nữa.

Năm 1700, ở Lào có nội-chiến, viên quan cai-trị Na-Khône là Nan Tharat tiếm ngôi vua, hoàng-gia và rất nhiều người Lào chạy sang cư-ngụ Chân-lạp. Năm 1705, có 5000 người thuộc hoàng-gia Lào ở Viêng-chanh bị đuổi, chạy đến ở tỉnh Bati của Chân-lạp, gần một làng người Lào bị cầm giữ ở đó. Năm 1708, hai hạng người Lào ấy nổi dậy chống chính-quyền địa-phương. Bọn người này kêu cầu Nặc Yêm, vị vua bị truất ngôi, giúp đỡ. Nặc Yêm bèn cầm đầu dân-chúng, lại hô hào những bộ-lạc ở các tỉnh phía bắc Angkor và Kompong-Thom theo mình; mặt khác cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa sai Chánh-thống Cai-cơ Nguyễn Cửu Vân (con Nguyễn Cửu Dực) đem quân giúp Nặc Yêm. Với bọn người Lào và các bộc-lạc Miên kia, Nặc Yêm đánh chiếm Oudong, còn quân Việt thì đến các tỉnh phía đông, Nặc Thâm bị bao vây. Sau ba tháng chống cự, Nặc Thâm cùng em là Ang Tong (Nặc Tân) ban đêm trốn thoát, chạy sang Tiêm-la (1). Nặc Yêm trở về La-bích (1710-1722).

---

(1) Theo T.L.T.B. thì việc quân Việt-nam do Nguyễn Cửu Vân chỉ huy sang đánh Nặc Thâm giúp Nặc Yêm, khiến Thâm cùng em là Nặc Tân chạy sang Tiêm-la là việc năm ất-dậu (1705) còn theo các sách Pháp thì Thâm và Tân chạy sang Tiêm năm 1708.

Nặc Yêm còn phải đối phó với ba cuộc mưu đồ khôi phục của Nặc Thâm do Tiêm-la ủng hộ nữa, Nặc Yêm phải nhờ cậy quân chúa Nguyễn. Nhân đó, chúa Nguyễn bành-trướng uy lực mình trên vùng duyên-hải vịnh Tiêm-la.

Mạc Cửu mở mang đất Hà-Tiên

Từ khi Dương Ngạn Địch đến ở Mỹ-tho, Nguyễn-Hữu Kính lập phủ Gia-định, thì tỉnh Gia-định, tỉnh Biên-hòa ngày nay đã công-nhiên thuộc vào bản đồ Nam-hà, còn trên đất Mỹ-tho, Chúa đã cho đặt được một thứ bán-chính-quyền. Như vậy, uy-lực của chúa Nguyễn đã đến sông Tiền-giang, còn bên kia Tiền-giang thì vẫn là đất của Chân-lạp. Một người Trung-hoa khác sẽ đem dâng Chúa một giải đất ở tận trên bờ biển ở vịnh Tiêm-la để Chúa dùng làm bàn đạp, và từ đấy tiến trở lên phía bắc, nối liền với Tiền-giang.

Mạc Cửu (1) quê ở phủ Lôi-châu, tỉnh Quảng-đông, nguyên là một chủ thuyền buôn, rất hoạt-động, thường sang buôn bán ở Phi-luật-tân, Batavia, có lẽ đã cộng-tác mật-thiết với họ Trịnh ở Đài-loan trong việc khuếch-

---

(1) Chữ Mạc, họ của Cửu, nguyên là 莫 chứ không phải 莫[阝] sở dĩ thư tịch chép là 莫[阝] là muốn tránh sự lầm lẫn với nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê (theo ông Trần Kinh Hòa trong bài « Họ Mạc và chúa Nguyễn ở Hà-tiên » đăng trong tạp chí Văn-hóa Á-châu).

trương mậu-dịch Đài-loan ở hải ngoại (1). Sau khi thấy nhà Minh không thể phục hưng được, ông không chịu cạo tóc, gióc bím theo nhà Thanh, chạy sang cư-ngụ ở đất Chân lạp, (2) làm quan với Chân-lạp. Thấy chính-cuộc nước này rối-ren mà ở Màng-khảm, thuộc tỉnh Peam của Miên (3) (người Tàu gọi là Phương-thành) có nhiều người buôn bán ngoại quốc tụ họp, ông đến ở đấy, mở sòng gá bạc để lấy xâu, lại đào được một hầm bạc chôn, nên trở thành giàu. Mạc Cửu bèn xây một ngôi thành trên bờ biển, mở phố xá rồi chiêu tập lưu-dân đến ở các nơi Phú-quốc, Cần-bột (Kampot) Rạch-giá, Luống-cày, Hương-úc (tức Vũng-thơm, Kompong Som), Cà-mau, lập thành 7 xã thôn. Tương truyền đất Màng-khảm có người Tiên thường hiện trên sông, nên đặt tên là Hà-tiên. Nhưng vào khoảng 1687-1688 quân Tiêm vào cướp phá Hà-tiên, đưa Mạc Cửu về Tiêm, cho ở hải-cảng Vạn-tuế-sơn (Muang Galapuri). Sau một thời-gian, ông lén trở về Long-kỳ rồi vào khoảng năm 1700 trở về Hà-tiên.

Từ năm 1698, chúa Nguyễn đã lập phủ Gia-định, địa-vị của người Việt trên đất Thủy Chân-lạp đã vững chãi, và thế-lực đương có cơ phát-triển, còn ở Chân-lạp thì nội loạn tiếp tục, người Tiêm-la luôn luôn can-thiệp và chờ cơ-hội để xâm lấn. Vì tình-hình ấy và muốn duy-trì địa

(1) *Cũng theo ông Trần Kinh Hòa trong bài báo trên.*

(2) *Cũng theo ông Trần Kinh Hòa thì Mạc Cửu sang Cao-miên vào khoảng năm 1680.*

(3) *Péam là lỵ-sở của tỉnh Kham, tức Màng Kham.*

vị mình, nên Mạc Cửu theo lời khuyên của mưu-sĩ họ Tô, năm Mậu-tý (1708), cùng bộ-thuộc là bọn Trương Cầu 張 求 Lý Xá 李 舍 đem ngọc, lụa đến Thuận-hóa dâng biểu xưng thần, xin cho làm Hà-tiên-trưởng. Chúa Hiền-tông thấy Mạc Cửu tướng mạo khôi kiệt, tiến thối cung kính, cẩn thận, nên bằng lòng cho làm thuộc quốc, trao cho chức Tổng-binh và ấn thụ để giữ trấn Hà-tiên; khi Cửu về, chúa sai Nội-thần tiễn đưa đến ngoài cửa đô-thành (1). Như vậy, Hà-tiên trở thành gần như đất chư-hầu của chúa Nguyễn. Mạc Cửu bèn xây dựng dinh ngũ, nhân dân đến ở càng ngày càng thêm đông. Năm tân-mão (1711) ông lại đến Thuận-hóa yết Chúa để tạ ân.

Bấy giờ có một số người Việt xiêu tán ở Chân-lạp, chúa Hiền-tông sai Tướng-thần-lại-ty Thuần Đức sang chiêu tập họ, khiến trở về xứ, rồi năm tân mão (1711) ra lệnh cho hai dinh Trấn-biên và Phiên-trấn rằng phàm dân lưu tán mới trở về thì chia cho họ ruộng đất để thiết-lập thôn, phường, tha các thứ diêu dịch, quân sự, và tô thuế trong 3 năm.

---

(1) Ấy là theo L.T.T.B. Theo T.L.T.B. thì Mạc Cửu sai bọn bộ thuộc Trương Cầu và Lý Xá đến Thuận-hóa dâng biểu và lễ vật, xin cho mình làm Hà-tiên-trưởng, chứ Cửu không đi lần nầy.

(2) Theo T.L.T.B. và L.T.T.B. thì Mạc Cửu được chúa Hiền-tông cho làm Tổng-binh Hà-tiên năm mậu-tý, còn theo G.Đ.T.C. thì ấy là năm giáp-ngọ (1714).

Năm tân-mão (1711) tháng 10, Nặc Thâm từ Tiêm-la về Chân-lạp, cùng Ốc-nha Cao-la-hâm mưu đánh Nặc Yêm. Nặc Yêm sai người Ai-lao là Nặc Xuy-bồn-bột đến báo với hai dinh Trấn-biên và Phiên-trấn xin quân cứu viện. Phó-tướng Nguyễn Cửu Vân và Tổng-binh Trần Thượng Xuyên báo lên chúa. Chúa cho thư trả lời rằng: « Nặc Yêm đã theo về với ta và đã xưng thần, cố nhiên phải an ủi, dung nạp, nhưng Nặc Thâm là con Nặc Thu, mà Nặc Thu không bỏ triều cống, nỡ nào đem binh đến đánh. Các khanh phải xét rõ tình hình bên địch, tùy cơ ứng biến, khiến Nặc Thâm cởi bỏ oán thù mà cũng bảo toàn được Nặc Yêm, ấy là thượng sách.»

Chúng ta đã biết các Chúa Nguyễn, và Tiêm-la đương tranh giành đất đai và ảnh-hưởng ở Chân-lạp, và hoàng gia Chân-lạp chia làm hai phe, phe Nặc Yêm, con của Nặc Nộn, do chúa Nguyễn lập lên, và phe Nặc Thu và con là Nặc Thâm nương nhờ Tiêm-la, tuy vậy Nặc Thu vẫn cống chúa Nguyễn. Xem bức thư của chúa Hiền-tông, ta thấy tuy chúa cương quyết bảo vệ Nặc Yêm, nhưng cũng vỗ về Nặc Thu, Nặc Thâm để mong làm dịu sự chống báng. Vì thế, liền sau đó, năm nhâm-thìn (1712) tháng 8, ta thấy T.L.T.B. chép: « Chúa thấy Chân-lạp sản nhiều sơn tốt, sai người đem sang 100 lượng vàng, theo giá mà mua để sung quốc-dụng, và gửi thư cho phiên vương Nặc Thu.» Tuy T.L.T.B. không cho biết nội-dung bức thư, nhưng chúng ta có thể đoán là thư dỗ dành Nặc Thu, chứ không mua sơn tốt gì đến 100 lượng vàng. Thư ấy

có lẽ không hiệu quả, và Nặc Thu sắp có hành-động chống lại chúa Nguyễn, nên năm quý-tỵ (1713) tháng giêng, thì T.L.T.B. cho ta biết nội-dung một bức thư khác của chúa Hiền-tông gửi cho Nặc Thu, đại lược rằng: « Trời đất theo đạo công che chở nên muôn vật đều thỏa thuê, bậc đế-vương rộng lượng bao dung khiến bốn bên láng giềng đều giữ nghĩa thân thiện. Nước Chân-lạp người thật là một nước phên giậu, từ tiên triều đã vâng mạng lớn, đến dâng cống trước sân rồng, kịp khi ta nối giữ cơ-đồ lại tới xưng thần nơi cửa ngọc. Ấy là sợ trời để giữ nước, chỉ người trí giả mới được như vậy. Ta vốn quý trọng lòng thành và khen ngợi việc ấy, ban cho phẩm-vật để tỏ ân mới. Ngươi nên thể lòng ta, đừng quên thần phục, để biên-cảnh nhờ đó dứt mối can qua, sanh-dân nhờ đó yên ổn, xóm làng trong ngoài được vô sự mãi mãi. » Thực là những lời dỗ dành rõ rệt.

Thư này cũng vô hiệu nữa, có lẽ vì sự xui giục của Tiêm-la, nên năm giáp-ngọ (1714) tháng 10, Nặc Thâm và Cao-la-hâm đem binh vây Nặc Yêm. Nặc Yêm nhờ Nặc Xuy-bồn-bột ứng tiếp. Xuy-bồn-bột chọn trong quân mình 2000 người đi đường bộ kéo đến, nhưng quân của Nặc Yêm cộng với quân của Xuy-bồn-bột không đầy một vạn, không thể đối địch được với Nặc Thâm có 4 vạn quân. Nặc Yêm phải cầu viện hai dinh Phiên-trấn và Trấn-biên. Đô-đốc Phiên-trấn là Trần Thượng Xuyên đem binh qua Sài-côn. Phó-tướng Trấn-biên là Nguyễn Cửu Phú 阮久富 đem binh đóng ở Lôi-lạp, thủy-quân đóng

ở Mỹ-tho để từ xa làm thanh viện, rồi báo lên Chúa. Chúa Hiền-tông trả lời rằng : « Việc ở ngoài biên khổn đều ủy cho hai khanh, phải xét nên đánh hay nên giữ, cho yên nơi phiên phục. » Rồi Chúa sai Cai-cơ tả bộ dinh Bình-khương là Nguyễn Cửu Triêm 阮久霑 lãnh 26 thuyền quân thủy, bộ dinh Bình-khương để ứng tiếp, lấy quân 4 thuyền cơ Tả-thủy Quảng-nam để giữ dinh Bình-khương.

Tướng sĩ hai dinh Trấn-biên, Phiên-trấn hợp với quân Nặc Yêm và Xuy-bồn-bột vây Nặc Thâm ở thành La-bích. Cao-la-hâm đã trốn đi rồi. Nặc Thu đưa thư xin chịu tội, nói vì Nặc Thâm tin dùng nịnh thần Cao-la-hâm, thành ra anh em không hòa, gây nên mối loạn, nay xin lập vua mới giữ nước để khỏi giết hại nhân-dân. Thượng Xuyên và Cửu Phú báo lên, Chúa mừng bảo hai tướng rằng : « Việc ngoài biên khổn để tướng-quân định đoạt nên làm sao cho ra trận thì quyết thắng, chế phục được người xa, còn việc xin lập vua mới thì đợi sau sẽ bàn.»

Năm ất-mùi (1715) tháng giêng, Nặc Thâm bị vây trong thành La-bích, đốt nhà cửa, rồi cùng em là Tân bỏ trốn. Nặc Thu nghe tin cũng trốn. Trần Thượng Xuyên và Nguyễn Cửu Phú đốc quân vào thành, thu hết

khi giới, dò biết Nặc Thu ở tháp Băng - thủy, bảo Nặc Yêm mời đến, nhưng Nặc Thu không đến. Chúa Nguyễn Phong Nặc Yêm làm vua Cao-miên và đưa thư cho Nặc Thu đại lược rằng ?« *Đạo trời công che trùm muôn vật, tỏa dương khí thỏa thuê cuối lúc âm hàn. Đạo vương-giả chế ngự nhung dịch, thi hành nhân nghĩa sau khi chinh phạt. Nước Chân-lạp của ngươi là thuộc-quốc của ta. Trước kia liệt-thánh đã thi ân nuôi nấng, nay ta lại bố đức vỗ về. Vừa rồi ngươi đem lòng phản trắc, quên nghĩa thủy chung. Vì vậy ta bảo tướng nhắn lời, dấy binh hỏi tội. Ngươi đã trốn vào rừng rú, không đắt nương thân, sao chẳng biết răn lầm lỗi xưa để mong đón lấy điềm lành sắp tới... Lại vì gia-giáo không nghiêm, đến nỗi trong nhà gây hấn. Vả lại đối với Nặc Yêm có ân ấp trứng, có nghĩa chở che, cho nên bất đắc dĩ phải dùng binh để bảo toàn đó thôi. Huống chi ngươi với Nặc Yêm kết nghĩa thông gia, thân như phụ tử, lại tuổi đã già, ta nào có lòng gì ? Vậy ngươi nên về nước cho trọn cái ân phụ tử và giữ được vui vẻ vợ con. Ta đã sách lập Nặc Yêm làm vua nước ngươi, ngươi nên nhường ngôi cho yên nhà, yên nước, yên nhân-dân ngươi. Nếu có thể đến chầu cửa khuyết, ta cũng lấy lòng thành mà đãi. Còn nếu đường sá xa xôi, không thể đi được, thì cũng cho tùy thích.*»

Vua Tiêm liền sai một toán quân sang phủ Tầm-bôn để đặt Nặc Thâm lên ngôi, nhưng Nặc Yêm không chịu nhân nhượng, quân Tiêm phải rút về. Vua Tiêm đưa thư sang trách Nặc Yêm gây hấn và dọa. Quân Tiêm lại đưa Ang Tong, em Nặc Thâm trở về phủ Tầm-bôn để mộ dân làm lính. Nặc Yêm liền đem quân ra chống

cự, có quân Việt giúp. Nặc Yêm bắn tên trúng vai của Ang Tong, Ang Tong phải chạy vào núi để chữa. Tháng 2 (năm ất-mùi) vua Tiêm bèn tấn công Nặc Yêm ở hai mặt : sai một đạo quân ra phía đông bằng đường bộ, đồng thời vua đích thân chỉ-huy 3.000 thủy-quân đi trên nhiều chiến-thuyền, cùng Nặc Thâm đến đánh Hà-tiên. Mạc Cửu không chống nổi, chạy đến Long-kỳ. Quân Tiêm cướp phá hết Hà-tiên, nhưng chiến-thuyền đến ngoài biển bị quân Chân-lạp bắn chìm (1) nên phải rút về. Trong khi ấy, lục-quân Tiêm tiến đến Oudong, được nhiều người Chân-lạp của phe Nặc Thâm tăng cường. Nặc Yêm đem quân đến, nhưng không đánh mà lại nhận thần phục vua Tiêm. Quân-đội Tiêm hy-sinh quyền-lợi Nặc Thâm, liền rút về nước. Nặc Yêm trông mong với sự thần-phục Tiêm-la tăng cao được quyền uy đối với dân chúng, quyền ny này đương bị anh em Nặc Thâm tranh giành và phủ nhận.

Quân Tiêm rút khỏi Hà-tiên rồi (1718) Mạc Cửu mới trở về, đắp thành lũy để phòng thủ, kiến thiết lại phố, chợ. Từ đó, Hà-tiên mỗi ngày mỗi thịnh vượng.

Năm 1722 Nặc Yêm thoái vị, nhường ngôi cho con là Nặc Tha (Sâtha II, 1722-1736). Bấy giờ Cao-miên hình như có 4 vua, âm mưu, tranh giành lẫn nhau, kẻ nhờ vua Tiêm, kẻ cậy chúa Nguyễn, đưa nước nhà vào cảnh loạn ly cực độ: Nặc Thu (đến năm 1725 mới chết) ; Nặc Thâm bị Nặc Yêm truất ngôi; Nặc Yêm, năm 1729 lấy lại ngôi vua trong 7 tháng ; và Nặc Tha.

(1) *Theo G. Đ. T. C. thì chiến thuyền Tiêm bị bão làm chìm*

Đặt châu Định-Viễn 定遠州 lập dinh Long-Hồ 龍湖營 (1732)

Thời chúa Túc-tông, năm tân-hợi (1731), có người Ai-lao di cư ở Chân-lạp tên là Sá-tốt, nói mình được số tiền-định để đánh đuổi người Việt ở trên đất Chân-Lạp. Nhiều người Chân-lạp tin theo. Sá-tốt khởi binh, cùng nhiều người Chân-lạp giết người Việt ở Cầu-nam (Ba-nam) rồi xuống cướp Gia-định. Chúa Túc-tông lấy cớ tái lập an-ninh, sai Thống-suất Trương-phước Vĩnh điều khiển binh các đạo đi đánh. Bấy giờ các dinh ở Gia-định đều có Thủ-tướng, Chúa thấy rằng việc quân ở nơi biên khẩn cần phải có một cơ-quan thống-suất, nên đặt chức Điều khiển, sai Trương-phước Vĩnh giữ chức ấy, quan binh các dinh, trấn đều thuộc về, lại đặt nha thư ở phía nam dinh Phiên-trấn, gọi là dinh Điều-khiển.

Trương-phước Vĩnh huy-động cấp tốc Cai-cơ Đạt-thành 達成 (không rõ họ) ra chống giặc ở Bến-lức (Lật-giang), cô quân không có cứu viện, Đạt Thành bị giặc giết.

Thống-binh Trần Đại Định 陳大定 (con Trần Thượng Xuyên, được thay cha (mất) giữ chức Thống-binh để thống lãnh tướng sĩ Long-môn) (1) suất lãnh thuộc tướng Long-môn đón đánh giặc tại vườn trầu (Phù-viên), phá tiền-quân của giặc, Đại-Định đắp lũy Hoa-phong để ngăn giặc. Trương-phước Vĩnh sai Giám-quân Cai-đội Nguyễn-cửu

(1) *Đại Định lấy con gái Mạc Cửu, em Mạc Thiên Tứ.*

Triêm đem quân cứu ứng Bến-lức, giặc bị đánh bại phải rút lui về Vũng-cù. Phước Vĩnh chia quân đi ba đường cùng một lúc tiến phát, quân Lào tan chạy, núp trốn vào rừng sâu. Cha con vua Miên là Nặc Yêm, Nặc Tha sợ bị tội lây, chạy đến Sơn-bô (tên phủ ở Cao-miên) đưa thư nói ấy là người Lào gây hấn, xin đại binh tạm đình, và xin tình nguyện bắt cho được giặc. Đại Định tiến quân đóng giữ Cầu-nam và báo tin về Phước Vĩnh. Bấy giờ trời mưa lụt, Phước Vĩnh nhân đó thuận cho và rút ba đạo quân về Gia-định.

Nặc Tha trở về La-bích, nhưng người Lào lại tụ về Cầu-nam rồi giết người cướp của như cũ. Nặc Tha không địch nổi, phải hiệu triệu binh các phủ hợp cùng mình để đánh dẹp.

Năm nhâm-tý (1732) tháng giêng, Trương-phước Vĩnh tiến quân lên và trách Nặc Tha dung túng giặc. Nặc Tha sợ, cũng chạy vào Sơn-bô và đem nhiều của cải đút lót, cầu hoãn binh để mình thong thả liệu kế bắt giặc. Tháng 3, Phước Vĩnh lưu Đại Định ở lại dẹp giặc, còn mình thì đem quân về. Tháng 4, Đại Định tiến quân đóng đồn ở Lô-việt (Angkor Vat) vừa đánh giặc vừa vỗ yên dân. Nặc Tha dùng kế lừa bọn người Lào giết sạch, rồi đến cửa quân xin chịu tội. Đại định bèn rút quân về (1). Trước đó, vì dùng binh lâu ngày không dẹp được

(1) *Về cuộc đánh dẹp giặc Lào Sá-tốt này, T. L. T. B. chép rất vắn tắt, ở đây chúng tôi thuật theo C. Đ. T. C. mục thành-trì-chí.*

giặc, triều-đình quở trách, Phước Vĩnh đổ lỗi cho Đại Định, Đại Định về đến Gia-định hay được, lên về kinh để minh oan, ra đến Quảng-nam thì triều-đình nhận được sớ của Phước Vĩnh nói Đại Định trốn, nên bắt giam vào ngục đợi xét. Khi xét Đại Định vô tội thì ông đã chết trong ngục rồi (1). Trương-phước Vĩnh

---

(1) Gia-định Thông Chí, mục Thành-trì-chí chép : «... Bấy giờ luôn năm dùng binh mà chưa bắt được giặc, triều-đình quở trách rất nghiêm, Phước Vĩnh sợ tội, mật sớ đổ lỗi vì Đại Định năm trước không chịu tiến binh, lại tư thông với Cao-miên, năm nay lợi dụng cơ-hội người Lào gây loạn để giữ mãi binh quyền, mà đánh dẹp thì bất lực... Đại Định (dẹp xong giặc Lào) trở về đến Gia-định, Phước Vĩnh muốn ra tay trước để hại ông, bèn định ngày hội đồng các tướng để xét hỏi. Đại Định biết mưu nghĩ rằng trước đây vì đại-tướng (Phước Vĩnh) điều-khiển không khéo nên Đạt Thành phải bị giặc giết, kế đó lại ăn hối lộ rút quân về, tiến thối không được việc, nay lại đổ lỗi cho ta, nếu bó tay chịu cho y xét hỏi, y sẽ dùng quyền thế áp đảo, thêu dệt nên tội rồi ánh sáng không soi qua chậu úp, ai sẽ bộc bạch oan này cho ta. Chi bằng tự về kinh kêu xin bề trên thẩm xét, dẫu chết cũng cam tâm. Ông bèn thừa đêm tối, cùng thuộc hạ đi thuyền ra kinh. Lúc thuyền đến Bút-sơn thuộc hải-phận Quảng-ngãi, người em chú bác của ông tên là Trần Thành can rằng : « Phước Vĩnh là dòng dõi đại - thần nước Nam, ở triều-đình có nhiều thân thích, nay anh muốn thân minh lẽ phải, trái, ai sẽ biện bạch cho anh ? Chi bằng chạy thẳng về Việt-đông, tìm chốn an thân, khỏi

bị tội vu cáo, giáng làm Cai-đội, cho Cai-cơ Nguyễn Hữu Doãn thay làm Điều-khiển dinh Gia-định.

...đem mình làm cá thịt cho người vằm vé. » *Đại Định nói rằng* ; « *Cha ta là Thượng Xuyên đã từng mang ơn nặng của triều-đình, vua từng có lời dụ rằng* : « *Họ Nguyễn làm vua, họ Trần làm tướng, công khanh đời đời, không dứt.* » *Vinh hạnh biết chừng nào. Nay vì biên súy che lấp, bất công, nếu chẳng đến triều-đình nhờ thẩm xét, ta sẽ mang tội phản nghịch ; bao nhiêu công-nghiệp ông cha như non như núi sẽ sụp đổ xuống hang, xuống sông ; chẳng những ta mang tội làm tôi bất trung mà cũng mang tội làm con bất hiếu nữa, còn mặt mũi nào đứng trong trời đất ?* » *Bèn quát thủy-thủ, khiến lái thuyền vào cửa Hàn. Trần Thành cương quyết không chịu, giành với người thủy-thủ để cầm lái, rồi cho thuyền chạy thẳng ra bể. Đại Định thấy gió nam thổi mạnh, sợ thuyền đến Quỳnh-hải, khó quay buồm trở về, bèn rút gươm chém Trần Thành, quát lái thuyền quay thuyền vào cửa Hàn ; rồi làm tờ trình nhờ dinh Quảng-nam chuyển lên triều-đình. Sau khi Đại-Định ban đêm trốn đi, Phước-Vĩnh nghĩ chắc ông về Quảng-đông, hạ lệnh bắt toàn gia bỏ ngục và làm sớ tâu về triều xin chỉ thị và định đoạt. Sớ dinh Quảng-nam cũng đến một lúc. Các quan hội nghị rồi tâu rằng* : « *Trần Đại Định trước đã giao-thông với Cao-miên nay lại cố ý vi lệnh thượng-tướng, xin xuống sắc lệnh chánh pháp (xử tử) để răn đứa ngoan phu.* » *Nhưng thánh-thượng nghĩ rằng nếu Đại Định có lòng phản bội thì đã như cá lớn ra bể, dễ gì bắt lại được mà giết chết, nay tự ý ra kinh xin thẩm xét thì bề trong tình lý còn có thể tha thứ. Bèn xuống*

Sau cuộc dụng binh đánh Sá-tốt và thành công này, chúa Túc-tông buộc Nặc Tha chánh thức nhường hai tỉnh Me-Sa và Long Hôr (tức đất Mỹ-tho và Vĩnh-long), hai tỉnh này tuy người Việt đã chiếm rồi, nhưng trên pháp-lý vẫn còn là của Chân-lạp. Trên đất Long-Hor, chúa đặt châu Định-viễn, và lập dinh Long-hồ, cho châu Định-viễn thuộc vào, còn Mỹ-tho thì vẫn để như tình-trạng cũ, sau này, năm 1772, mới đặt chính-quyền chính-thức.

Vua Chân-lạp thấy Oudong gần Nam-vang quá, dễ bị quân Việt xâm nhập, nên dời kinh-đô lên phía bắc, ở Lovêk. Xem vậy thì kinh-đô khi dời lên bắc, khi lùi xuống nam, tùy theo lúc phải đánh với người Việt hay chống với người Tiêm. Người Việt trong giai-đoạn này nguy-hiểm hơn.

Năm ất-mão (1735) Tổng-binh trấn Hà-tiên là Mạc Cửu mất, Chúa tặng là Khai-trấn Thượng-trụ-quốc Đại-

---

...lệnh lưu giam Trần Đại Định ở Quảng-nam, một mặt sai quan vào Gia-định phúc thẩm, chờ kết-quả sẽ đoán định... Nguyễn-phước Triêm cương quyết làm chứng Đại Định không hề giao-thông với Cao-miên và chậm tiến quân bao giờ. Đại Định ở trong ngục lâu ngày, tức giận, thổ huyết, rồi phát bệnh, qua đến tháng 12 thì chết. Kịp khi án thẩm sát tâu về thì Đại Định đã chết rồi. Đại Định được hưởng ân điển, truy tặng hàm Đô-đốc Đồng-tri (T. L. T. B. cũng chép như vậy nhưng vắn tắt hơn.)

Tướng-quân Vũ-nghị công ; cho con là Mạc Thiên Tứ (1) kế cha làm Đô-đốc trấn Hà-tiên. Thiên Tứ là một vị Nho-học, giỏi thơ văn, có nhiều tài-năng. Lúc ấy Hà-tiên đã bắt đầu phồn thịnh, nên Chúa cho Thiên Tứ quyền hạn rộng rải hơn : được cấp cho ba chiếc thuyền Long-bài miễn thuế, để thông thương với hải ngoại, được phép đúc tiền. Thiên Tứ bèn xây dựng thành lũy, lập quân ngũ, đặt nha thuộc, khuếch-trương phố, chợ, tàu thuyền buôn bán ngoại-quốc tới lui càng đông, ông cũng cho thuyền sang mậu-dịch với Nhật-bản. Thiên Tứ lại vời những người văn-học Việt, Hoa đến lập ra nơi để cùng nhau giảng bàn học vấn, xướng họa thơ văn, gọi là Chiêu-anh-các, lễ giáo Trung-quốc lần lần thấm nhuần nhân-dân đất này.

Năm 1736, Nặc Yêm mất, Nặc Tha được Chúa Nguyễn phong làm vua. Nặc Thâm ở Tiêm-la được tin, trở về, Nặc Tha không tiếp nạp. Nặc Thâm đình trú ở Lô-khu (Angkor), nhưng con của Thâm là Yêm Chăn và cháu kêu bằng chú là Sô đều theo Nặc Tha ở La-bích, thường có tin tức qua lại với Thâm. Nặc Tha sinh nghi, dời ra ở Nam-vang, phục binh và dò xét động tĩnh của bọn Sô để thừa thế giết đi. Bọn Sô sợ, bèn lập bè đảng ở các phủ Lô-việt, Cầu-nam chống đánh Nặc Tha, Nặc Tha chạy xuống Gia-định (2). Bọn Sô chiếm được toàn

(1) *Mẹ Thiên Tứ là người Việt.*

(2) *Nặc Tha xuống Gia-định, tướng giữ thành Gia-định cho Tha lưu trú ở vùng đất trống miền thượng-du sông Nghi-giang (sông Thị*

cõi Cao-miên, rước Nặc Thâm về, lập làm vua (1).

Lên ngôi rồi, Nặc Thâm liền sai sứ đến kinh tiến cống (năm đinh-tỵ, 1737), chúa Túc-tông thu nhận. Nặc Thâm vốn được Tiêm-la giúp đỡ để tranh giành với Nặc Tha, nay Thâm qui thuận xưng thần, chúa Nguyễn chắc cũng không mong gì hơn nữa. Vả, Nặc Tha bất lực, đã không chống nổi với bè đảng của Nặc Thâm, Chúa biết làm sao được ! Thôi, hãy để Tha nằm ở Gia-định mà đợi thời. Và Tha sẽ nằm ở đây hơn 10 năm.

Mặc Cửu đã chết rồi, Nặc Thâm nghĩ có thể chiếm lại Péam (Hà-tiên). Năm kỷ-mùi (1739), đem quân đến đánh (2), nhưng bị Thiên Tứ đẩy lui. Để tưởng thưởng,

---

...Nghè) phía bắc đồn dinh ; vì chỗ ở cách sông, Tha bắt một cái cầu ván để đi qua lại cho tiện, người đương thời gọi là cầu Cao-miên.

(1) Về việc Nặc Thâm khôi phục ngôi vua lần này, sánh Histoire du Cambodge của Dauphin Meunier chép : « Năm 1736, một cuộc âm mưu trong nội cung lật đổ Satha : Nghi vợ mình và các anh em chú bác âm mưu lật đổ mình, Satha định bắt để giết. Hoàng-hậu và các vị hoàng-thân kia biết được, kêu gọi Nặc Thâm và quân Tiêm-la đến cứu. Một đạo quân Tiêm kéo đến chiếm Angkor và một đạo quân khác do Nặc Thâm chỉ-huy, đổ bộ lên Kampot. Nặc tha chạy sang Việt-Nam. Những người nổi loạn làm chủ toàn quốc, tôn Nặc Thâm làm vua.

(2) T.L.T.B. chép là Nặc Bồn đem quân đến đánh.

chúa Nguyễn phong Thiên-tứ chức Đô-đốc Tướng-quân, ban cho áo bào đỏ và mũ, đai. Vợ Tứ là Nguyễn-thị có công đốc-suất vợ lính tiếp-tế lương-thực cho quân, cũng được Chúa phong làm Phu-nhân.

Thời chúa Thế-tông, năm đinh-mão (1747) Nặc Thâm bệnh chết, con thứ 5 là Đôn được lập làm vua, lấy hiệu là Thommo Reachea III, con thứ 4 là Hiên (Ang Hing) giành ngôi, cử binh giao-chiến, giết Đôn. Các thầy sãi Chiên Hậu và Châu Thùy Yết lập con trưởng của Nặc Thâm là Yếm (Ang Tong, 1747-1749) lên ngôi. Ba con bèn chém giết lẫn nhau, dân Miên rất khốn khổ.

Thừa dịp ấy, một người Miên ở phủ Ba-thắc tên là Sô-liên-tốc nổi binh đánh cướp Mỹ-tho. Chúa Nguyễn lại có cớ để dùng binh. Đầu năm sau, mậu-thìn (1748), Chúa sai Điều-khiển Nguyễn Hữu Doãn đem quân dẹp loạn. Hữu Doãn tiến đánh Sô-Liên-tốc, đốt hết thuyền bè của y ở Mỹ-tho, rồi thừa thắng tiến thẳng lên Nam-vang, đại binh liên tiếp đánh bại quân của Châu Thùy Yết, vua là Yêm (Ang Tong) chạy sang Tiêm-la, bọn Hiên chạy đâu không biết.

Chúa sai đưa Nặc Tha về nước, đóng ở La-bích. Nặc Tha làm vua, nhưng trên thực-tế chính các tướng lĩnh Việt-Nam cầm quyền. Họ thu thuế, bổ nhiệm và thay đổi các quan đầu tỉnh, thi-hành cách cai-trị như ở Việt-Nam.

Viên quan Ốc-nha Cao-la-hâm (1) trước kia lại xuất-hiện. Ông võ trang nhân-dân tỉnh Pursat rồi đem đánh, quân Việt-nam và Nặc Tha phải chạy về Gia-định.

Cao-la-hâm sắp đặt lại các việc trong nước, rồi tôn một người con của Đôn (Thomma Reachea III) (hay của Ang Tong ?) là Angk Snguon lên ngôi, lấy hiệu là Chey Chêttâ V (1749-1755), sử ta gọi là Nặc Nguyên (2).

Mạc Thiên Tứ ở Hà-Tiên có công nhiều trong việc dẹp trừ bọn cướp bể thường đánh cướp các thương thuyền trong hải-phận này. Hà-tiên giáp tiếp Tiêm-la, Cao-miên, bọn cướp trộm, côn-đồ dễ dàng qua lại, nên Thiên Tứ phải luôn luôn đề phòng và đối phó.

Năm đinh-mão (1747) tháng 4, Mạc Thiên Tứ sai người đi thuyền Long-bài ra Huế đem dâng Chúa Nguyễn ngọc kim cương thủy-hỏa, ngọc hạc-đính, 20 con trĩ, 1 con gà tây, 1 con chó tây, 5 con vẹt biết nói lông ngũ sắc, nhiều thứ chiếu. Chúa Thế-tông ban 4 đạo sắc bổ nhiệm Cai-đội, Đội-trưởng làm việc ở trấn cùng gấm, đoạn và đồ dùng cho Thiên Tứ, giao thuyền ấy chở về. Có tên cướp biển tên là Đức, người Qui-nhơn, biết thuyền ấy chở gì, nên đến tháng 8, thuyền về đến hải-phận Long-xuyên thì Đức đem đồ đảng đánh cướp thuyền.

---

(1) Sách Pháp gọi là Bộ-trưởng vận-tải O K.

(2) Như vậy thì Nặc Nguyên là cháu nội, chứ không phải là con của Nặc Thâm như sử ta chép.

Thiên Tứ sai con rể là Cai-đội Từ Hữu Dụng đem 10 chiến-thuyền đến bắt được 4 tên cướp đem chém, Đức chạy trốn đến cửa Ba-thắc, Thiên Tứ thông tư chính-quyền Gia-định, lùng bắt được Đức, chém ngay.

Ở ngoài biển Hà-tiên, có những hòn đảo Cổ-công Cổ-cốt, và Dần-khảm, là những nơi hiểm trở hẻo lánh rất tiện cho bọn cướp biển dùng làm sào huyệt. Bấy giờ có một người Triều-châu tên là Hoắc Nhiên, giỏi nghề chiến trận, đem một bọn người trộm cướp đến chiếm cứ đảo Cổ-công, lập đồn trại, rồi từ đó đi cướp các thuyền buôn qua lại vùng này. Hoắc Nhiên dùng thứ tên bằng sắt, bắn thủng các ghe thuyền, buộc phải dừng lại. Bọn vô lại theo Hoắc Nhiên ngày càng đông nên nó định đánh Hà-tiên nữa. Thiên Tứ hay được, năm đinh-hợi (1767) sai quân tinh nhuệ đem thuyền đến vây bắt, giết Hoắc Nhiên và nhiều đồ đảng. Từ đó thuyền buôn mới được bình yên đi lại buôn bán.

Năm kỷ-mão (1769) có người Triều-châu tên là Trần Thái 陳太 hợp đồ đảng ở núi Bạch-mã, liên kết với người họ Mạc là Mạc Sùng 莫崇, Mạc Khoan 莫寬 làm nội ứng để mưu đánh úp Hà-tiên. Mưu ấy tiết lộ, Mạc Thiên Tứ sai quân mai phục, bắt được bọn Sùng, Khoan, đến đánh đồ đảng đương hội họp ở chùa Hương-sơn, Trần Thái chạy sang Tiêm-la, đến đóng ở Chân-bôn.

Có một lên lính ở Hà-tiên tên là Phạm Lam, trốn đến Cần-vọt, Vũng-thơm, tụ tập bọn trộm cướp hai nơi này, rồi đem chúng đi theo người Mã-lai tên là Vang-ly Ma-

ư và người Miên tên là Ốc-nha Kê-Ba tên đầu đảng lcướp nầy có hơn 800 người và 15 chiến thuyền, năm canh-dần (1770) chia đường thủy, đường bộ đến đánh Hà-tiên. Thuyền chúng đã vào vịnh Hà-tiên, còn bộ binh vừa đến núi Tuy-bình thì bị Tổng-trấn Thiên Tứ đem binh đánh tan được, đâm chết Phạm Lam trên thuyền, bắt được Ma-lư và Kê, đem chém.

Đặt đạo Đông-Khẩu 東口道 ở Sa-Đéc, đạo Tân-châu 新州道 ở Tiền-giang, đạo Châu-đốc 朱篤道 ở Hậu-giang, (1757). Đặt đạo Trường-đồn 長屯道 ở Mỹ-tho (1772).

Nguyên sau khi vua Chiêm là Bà-tranh ở Thuận-Thành bị quân Nguyễn đánh, năm Mậu-thân (1692), thì có một số người Chiêm chạy sang Cao-Miên, được vua Miên là Nặc-Thu cho ở gần Lovek, ta gọi người ấy là Côn-Man hoặc Vô-tỳ-man. Theo các sách Pháp thì số ấy, năm 1692, là 5000, rồi sinh đẻ thêm ra, lại vì Thuận-thành giặc dã, mất chủ quyền, chắc cũng có nhiều người khác tiếp đến nữa, đến đây chắc đã đông hơn số ấy nhiều. Họ phần nhiều bị người Mên bắt làm nông-nô. Đời vua Nặc Nguyên, bọn người Côn-man ấy bị người Cao-mên giết, cướp, chúa Nguyễn cho rằng mình có bổn phận bênh vực người Thuận-thành dân mình, nên năm Canh-ngọ (1750), cùng các quan bàn, lấy cớ ấy, để đem quân sang can thiệp. Trước hết, sai sứ đưa thư cho vua Tiêm nói : «Đấng vương-giả dùng binh để dẹp loạn,

giết bạo, vì vậy vua Văn-vương giận rợ không cung kính, vua Tuyên-vương đánh rợ chiếm đất, không phải lấy việc chiến tranh làm vui mà là bất đắc dĩ vậy. Nước Chân-lạp bé nhỏ kia là phiên-phục của ta, lại dám tụ hợp bọn côn-đồ hung dữ, dựa thế để lấn biên giới. Việc làm như thế nước Tiêm cũng ghét vậy. Nay khiến nhung-thần đem quân hỏi tội, chúng ắt ngóng gió mà tan vỡ, hoặc chúng có chạy sang nước Tiêm, nên lập tức bắt đưa cho quân-thứ, đừng để kẻ phản nghịch trốn được búa rìu».

Rồi đến tháng 11 năm qui-dậu (1753), chúa Thế-Tông sai Cai-đội Thiện Chính 善政 (không rõ họ) làm Thống suất, Ký-lục Nguyễn Cư Trinh làm Tham mưu, điều khiển tướng sĩ 5 dinh Bình-Khương, Bình Thuận, Trấn-Biên, Phiên-Trấn, Long-Hồ sang đánh Chân-lạp. Quan quân tiến đóng ở Bến nghé, dựng trại cho quân ở, gọi là dinh Đồn (nay là chợ Sói) kén chọn quân lính, chứa lương-thực để chuẩn bị xuất trận.

Năm Giáp-tuất (1754) tháng sáu, quân ta chia làm hai đạo, Thiện Chính do đường Mỹ-tho tiến lên, Cư Trinh từ sông Bát-đông (1) tiến vào, Cư Trinh tới đâu quân Miên đều tan chạy, dân bốn phủ Lôi-Lạp, Tầm-bôn, Cầu-nam, Nam-vang đầu hàng, Cư-Trinh lại do Tần-lê-bắc mà ra sông Cửu-long, hợp với quân Thiện Chính đóng ở Lô-yêm trên Tiền-giang. Sai biệt-

(1) *Cần rạch Vũng-ngù, trên sông Vàm-cỏ-tây.*

tướng là Chấn Long đến phủ Trầm-trầm-xiêm (Kompong Cham) chiêu dụ người Côn-man. Vua Chân-lạp là Nặc Nguyên chạy về La-bích. Người Miên cũng bỏ hết đất Lôi-lạp cho người Việt mà dời về Quang-hoa.

Chúa Thế-tông nghe Nặc Nguyên đến cầu viện ở Nghệ-an, sợ chúa Trịnh nhân đó động binh, nên sai người đến bảo các thổ-tù Cam-Lộ là nơi đường núi thông với Chân-lạp phải cho người thám thính, hễ có quân Bắc hay quân Ai-lao sang giúp Chân-lạp thì phải báo ngay.

Năm ất-hợi (1755) ùma xuân, Thiện-Chính đem quân về đóng ở Mỹ-tho trước, ra lệnh cho người Côn-man rời Kha-tung (tức Katum, ở phía bắc Tây-ninh ngày nay, T. L. T. B. chép là Kha-khâm) đem bộ lạc và xe cộ xuống đóng đồn ở Bình-thạnh (túc Gò-vấp ngày nay). Đi đến Vô-tà-ơn thì người Côn-man (1) bị quân Chân-lạp hơn vạn người đuổi theo đánh úp. Người Côn-man xếp xe cộ lại làm lũy để chống giữ, rồi cáo cấp với các tướng Nguyễn Thiện Chính bị chằm rừng ngăn trở, không cứu ứng được (2). Nguyễn Cư Trinh lập tức đem 5 đạo tùy binh đến cứu, quân Chân-lạp phải rút lui. Cư Trinh bèn hộ vệ hơn 5000 trai, gái Côn-man về đóng ở chân núi Bà-Đinh (tức núi Bà-Đen), rồi bẩm lên Chúa, hặc Thiện Chính bỏ lỡ cơ-hội và bỏ rơi dân mới qui phục. Chúa triệu Thiện Chính về, giáng làm Cai-đội, sai Cai-đội

(1) *Theo G.Đ.T.C. thì số người Côn-man là 10.000*

Trương-Phước Du thay Thống-suất quân-đội (1). Quân Nguyễn bèn dùng người Côn-man ấy trở sang đánh Cầu-nam, Nam vang, giết được mấy quan Ốc-nha, Nặc Nguyên chạy về Hà-tiên, nương tựa Đô-đốc Mạc Thiên Tứ, Nặc Nguyên nhờ Thiên Tứ bẩm lên Chúa Thế-tông rằng việc đánh cướp Côn-man là do tướng Chiêu-nhùy-Ếch gây ra, nay xin hiến đất 2 phủ Tầm-Bôn, Lôi-lạp (miền Gò-công và Tân-An ngày nay) và nạp bù lễ cống 3 năm trước còn thiếu để chuộc tội. Chúa bảo phải bắt Chiêu-chùy-Ếch đem nộp. Nặc Nguyên trả lời Ếch đã bị xử tử rồi, Chúa lại bảo bắt vợ con, Nguyên lại kiếm cớ xin tha, Chúa biết là nói dối, không chấp nhận lời xin của Nặc Nguyên. Nguyễn Cư Trinh liền bẩm rằng: *« Trước kia, việc dùng binh chẳng qua là để giết bọn cừ-khôi và mở mang thêm đất đai. Nay Nặc Nguyên đã biết ăn năn, nạp đất, xin hàng, nếu truy cho đến cùng lời nói dối ấy thì ắt nó chạy trốn. Nhưng từ đồn binh Gia-định đến La-bích, đường sá xa xôi, nghìn rừng muôn thác, không tiện đuổi đến cùng. Muốn mở mang đất đai cũng nên lấy hai phủ này (2) trước để củng cố mặt sau của hai dinh (3). Nếu bỏ gần, mưu xa, e rằng hình thế cách trở, binh dân không liên*

---

(1) Theo sách « Cao-miên, Nam-kỳ sự ký » của Doãn Uẩn thì Thiện Chính bị quân Chân-lạp đánh đuổi ở Mỹ-tho, nên chúa sai Trương Phước Du ra thay.

(2) Vùng đất từ nam Gia-định đến sông Cửu-long, đi ngang qua Mỹ-tho.

(3) Trấn-biên, Phiên-trấn.

tiếp, lấy được tuy dễ mà giữ thì thật là khó. Trước kia, mở mang phủ Gia-định, tất phải mở trước đất Hưng-phước, rồi đến đất Đồng-nai, khiến quân dân đông đủ, rồi sau mới mở đến Sài-côn. Đó là cái kế « tằm ăn lá dâu ». Nay đất cũ từ Hưng-phước đến Sài-côn chỉ 2 ngày đường, dân cư chưa yên ổn, quân giữ cũng chưa đủ huống chi từ Sài-côn đến Tầm-bôn, xa sáu ngày đường, địa thế rộng rãi, dân số đến vạn người, quân chánh-qui đóng giữ thật e không đủ. Thần xem người Côn-man giỏi bộ chiến, người Chân-lạp cũng đã e sợ Nếu cho họ ở đất ấy, khiến họ chế ngự (người Chân-lạp), lấy người Man đánh người Man, cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân-lạp chuộc tội, thu lấy đất hai phủ ấy, ủy thần xem xét hình-thế, đặt lũy, đóng binh, cấp điền sản cho quân, dân, vạch rõ địa-giới, cho lệ thuộc châu Định-viễn để thu lấy toàn thể vùng ấy.» Chú y lời. Năm Đinh-sửu (1757). Vua Chân-lạp là Nặc Nguyên mất. người chú họ là Nặc Nhuận quyền coi việc nước, các quan Gia-định xin lập Nặc Nhuận làm vua để tỏ ân nghĩa và giữ yên biên cương, chúa Thế-tông buộc phải hiến hai phủ Trà-vinh và Ba-thắc mới lập. Vừa lúc ấy con rể của Nặc Nhuận là Nặc Hinh giết Nặc Nhuận để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà-tiên. Thống-suất Trương-phước Du thừa dịp tiến đánh, Nặc Hinh chạy đến Tầm-phong xuy, bị viên quan Ốc-nha Uông giết chết. Bấy giờ Mạc-Thiên Tứ cũng bẩm xin hộ cho Nặc Tôn, chúa Nguyễn bèn sắc phong Nặc Tôn làm vua Cao-miên, sai Thiên Tứ cùng tướng sĩ 5 dinh hộ tống về nước, Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm-phong-long (tức đất tỉnh An-giang sau

này, và hai quận Tầm-độn, Xuy-lạp thuộc tỉnh Vĩnh-long sau này)

Về tên các vua Cao-miên trong giai đoạn này như Nặc Nhuận, Nặc Hinh, Nặc Tôn, chúng tôi không đối chiếu được với tên trong các sách Pháp, nên trên đây là chép y tên và thuật lại sự-kiện y như sử ta (T. L. T. B. ; G.Đ.T.C. nói Nặc Tôn là cháu Nặc Nhuận) Về giai đoạn này, sách Histoire du Cambodge của Dauphin Meunier viết : «Chey Chêttâ (Nặc Nguyên) mất (1755), Ang Tong được tôn trở lên ngôi. Lần trị-vì này (1755-1757) còn tai hại hơn lần trước nữa. Những cuộc tranh dành trong cung đình đạt đến một cảnh tượng ghê tởm chưa từng thấy. Cháu nội của Ang Tong, hoàng thân Préah Outey bắt giết Ang Hing và em là Ang duong đã đi tu, giết luôn người quả phụ và người con đầu của Ang Hing. Hai người cháu nội của Thommo Reachea II (Nặc Thâm) cũng bị bắt bỏ vào cũi, người nhỏ hơn bị giết, người kia là Ang Non (Sử ta gọi là Nặc Nộn) nhờ một viên quan cứu thoát, trốn sang Tiêm-la. Còn người Việt thì khuấy động trong các miền nam Cao-miên, ở giữa nhánh tây sông Mékong, Hà-tiên và núi Bắc-lim, gián-điệp của họ khích thích các tỉnh Treang, Benteay Meas, Bati, PreyKrâbas nổi dậy. Vua Ang Tong bị bức bách phải nhường đất Phsar Đek (tức Sa-đéc sau đó) 2 quận của tỉnh Long-Hôr và tỉnh Meât Chrouk (tức Châu-đốc sau đó).Nguy hơn nữa, hoàng thân Preah Outey (1) nổi lên chống đối vua

(1) *Hoàng-thân Preah Outey, và Outey II phải chăng là Nặc Tôn ? Và như vậy là Ang Tong là Nặc Nhuận (trước kia*

phải bỏ Oudong, trốn đến Pursat, vừa đến đây thì buồn mà chết. Outey II lên ngôi (1758-1775) thần phục chúa Nguyễn, và để tạ ơn, cắt nhường hai tỉnh Srok-Trang (tức Sóc-trang sau đó) và Préah Trapeang (tức Trà-vinh sau đó). Toàn cõi Nam-kỳ ngày nay thuộc Chúa Nguyễn.»

Trương-phước Du, Nguyễn-cư Trinh dời dinh Long-hồ đến xứ Tầm-bao (thuộc thôn Long-hồ, tỉnh-lỵ Vĩnh-long sau này), lại đặt đạo Đông-khẩu ở Sa-đéc đạo Tân-châu ở Tiền-giang, đạo Châu-đốc ở Hậu-giang. Châu-đốc là địa-điểm quan trọng về việc phòng ngữ, vì ở gần biên-giới Chân-lạp, nên lấy thêm quân của dinh Long-hồ đóng giữ. Nặc Tôn lại cắt thêm 5 phủ Cần-bột (Kampot) Vũng-thơm (Hương Úc, Kompong Som) Chân-rùm (nam bộ tỉnh Treang) Sài-mạt (Bentey Méas) Linh-quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ đem dâng chúa Nguyễn, chúa cho 5 phủ ấy thuộc trấn Hà-Tiên quản hạt (1). Thiên Tứ lại xin lập đạo (2), Kiên-giang 堅江道 ở Rạch-giá, đạo (2) Long-Xuyên 龍川道 ở Cà-mau, đều đặt quan lại, rồi chiêu tập dân đến ở, lập thành thôn,

---

...sử ta gọi là Yếm) đã làm vua từ (1747-1749), và Nặc Tôn là cháu nội Nặc Nhuận như G.Đ.T.C. nói chứ không phải con.

(1) 5 phủ này giao trả Chân-lạp đời Tự-Đức.

(2) Đạo là khu-vực hành-chính và quân-sự, có đồn binh, lỵ-sở hành-chính của đất ấy đóng ở đó.

ấp. Từ đó, địa-vực từ Hậu-giang sông Cửu-long ra đến biển phía đông và phía tây đều thuộc Chúa Nguyễn.

Vì vua Chân-lạp là Nặc-Tôn không chịu cống vua Tiêm là Trịnh Quốc Anh và hai con vua Tiêm cũ đang được Mạc Thiên Tứ dung nạp ở Hà-tiên (Xi-xoang đã trốn sang Chân-lạp, chỉ còn có Chiêu Thúy ở Hà-tiên) vừa rồi tướng Bồn-ma sang đánh không được, nên năm kỷ-sửu (1769) Trịnh Quốc Anh tổ chức một cuộc chinh phạt lớn để diệt hai con của vua cũ và đánh Nặc Tôn. Quân Tiêm chia làm hai đạo, đạo thứ nhất từ phương bắc tiến xuống, đến Ang-kor, Battambang, Pursat, đạo thứ hai do Trần Thái làm hướng đạo và chánh do nhà vua chỉ huy, có Nặc Nộn đi theo, cùng hai vạn quân thủy, bộ, đến vây Hà-tiên, thành này ba mặt dựng ván gỗ, đắp đất. Bấy giờ binh trấn Hà-tiên ít ỏi, nên Thiên Tứ đóng cửa thành chống giữ, và cáo cấp đồn dinh Long hồ. Quân Tiêm chiếm cứ núi Tô-châu, bắn đại bác vào thành, 3 hôm sau, do nơi cửa sau, nơi không có đắp thành đánh ùa vào, phóng hỏa đốt dinh, Thiên Tứ ra sức chống đánh, nhưng quân, dân trong thành đầu tan chạy hỗn loạn, thành bị hãm. Cai-đội Đức Nghiệp 德業 bèn bồng Thiên Tứ lên thuyền, chèo ra sông, tẩu thoát (1). Các con Mạc Thiên Tứ là Hiệp-trấn Mạc Tử Hoàng, Thắng-thủy Mạc Tử Thương, Tham-tướng Mạc Tử

(1) *Đoạn kể việc Hà-tiên thất thủ này, thuật phỏng theo ông Trần Kinh Hòa trong chú thích Thành trì chí, sách GĐTC, đăng ở tạp chí Đại-học số 1 năm 1962.*

Duyên đốc suất thủy-quân phá vòng vây, do đường biển chạy xuống Kiên-giang (Rạch-giá) rồi qua Trấn-giang 鎮江 (Cần-tHơ) đình trú. Tướng Tiêm là Trần Liên (1) đuổi theo, Thiên-Tứ sai tùy tướng tên là Sa (người Mã-lai) chống cự với quân Tiêm, nhưng bị thua. Vừa gặp Lưu-thủ Long-Hồ Tống-phước Hợp đem binh thuyền tới cứu, kéo thẳng tới sông Châu-đốc chống cự. Quân Tiêm rút lui, nhưng không biết đường, lầm vào những kênh lạch không có lối ra, đại binh ta áp đuổi tới, chém được hơn 300 quân địch. Trần Liên phải bỏ thuyền dẫn quân chạy về Hà-tiên, lại bị Cai-đội đạo Đông khẩu là Nguyễn-hữu Nhân đón đánh, quân Tiêm chết quá nửa.

Vua Tiêm bèn lưu Trần-Liên ở lại giữ Hà-tiên, rồi tự đem quân sang Chân-lạp, đến kinh đô, Nặc-Tôn và triều-thần bỏ chạy, vua Tiêm lập Nặc-Nộn làm vua. Thế là quân Tiêm đóng giữ Nam-vang.

Sau khi giáng chức Nguyễn-cửu-Khôi, triệt hồi Nguyễn-thừa-Mân vì đã không cứu viện Hà-tiên, triều đình Phú-Xuân nghĩ đến việc giúp Nặc Tôn và đuổi quân Tiêm đương đóng giữ Nam-vang. Năm Nhâm-thìn, (1772), sai Chưởng-cơ Nguyễn Cửu Đàm (con Nguyễn Cửu Vân) là Khâm-sai chánh Thống-suất đốc chiến, Cai-bộ dinh Quảng-nam là Trần phước Thành làm Tham-tán đem 10.000 quân thủy, bộ của hai dinh Bình-Khương, Bình-

(1) *Người Tàu Triều-châu.*

thuận và 30 chiến - thuyền vào Gia-định giữ chức Điều-khiển và đi đánh Chân-lạp. Tháng 6, Nguyễn Cửu Đàm tiến quân theo đường Tiền-giang, cùng với Cai-bộ dinh Long-hồ là Nguyễn-khoa Thuyên lảnh binh sĩ đạo Đông-khẩu, do đường biển tiến đến Kiên-giang, Lưu - thủ Tống-phước Hợp do đường Hậu-giang tiến đóng giữ Châu-đốc để tiếp ứng cho hai cánh quân trên. Nguyễn - khoa Thuyên đem 3.000 quân và 50 thuyền, đánh với quân Tiêm, không được, phải lui về Kiên-giang, rồi dùng người Chân-lạp là Nhẫn lạch (1) Tối (2) làm tiên-phong, tiến lên Nam-vang, phá được quân Tiêm, vua Tiêm và Nặc-Nộn đều chạy, quân ta thu phục các phủ Nam-vang, La-bích. Nặc-Tôn trở về nước.

Sau cuộc cứu giúp lớn lao ấy, chúa Nguyễn gần như lập cuộc bảo hộ trên đất Chân-lạp : đặt một vị quan trú đóng ở kinh - đô Chân-lạp duyệt xét tất cả những bản văn chính trị của vua Nặc-Tôn ban hành. (3)

Nguyễn Cửu Đàm thu quân về dinh Điều-khiển, đắp lũy Tân-hòa kéo dài 15 dặm, bao quanh đồn dinh, chắn ngang đường bộ để phòng thủ. (4)

---

(1) *Chức quan.*

(2) *Tên người.*

(3) *Dauphin Meunier trong Histoire du Cambodge.*

(4) *Lũy này ở thôn Tân-hòa, tổng Chánh mỹ, tỉnh Gia-định (N.T.C.)*

Sau cuộc dụng binh này, các quan ở Gia-định lập đạo Trường-đồn ở Mỹ-tho (tức Định-tường sau này) đặt Cai-cơ và Ký-lục. Với đạo Trường-đồn, uy quyền chúa Nguyễn phát triển lên phía Tây-bắc đến biên-giới Chân-lạp.

Nặc-Nộn không theo Trịnh Quốc Anh mà ở lại Cần-bột (Kampot) với một số quân vua Tiêm trao cho, rồi chiêu nạp đồ đảng; quan chức các tỉnh thì không tuân theo Nặc Tôn mà cũng không tuân theo Nặc-Nộn. Bấy giờ trong nước Chân-lạp khắp nơi đều là nghèo khổ, bệnh tật, dân số giảm sút, ruộng không có người cày, quân Tiêm có thói quen khi rút khỏi nơi nào thì bắt hết đàn ông, đàn bà khỏe mạnh nơi ấy đem đi. Trước tình trạng ấy, năm Ất-mùi (1775) Nặc-tôn nhường ngôi cho Nặc-Vinh (Ang-Non II, 1775-1779). Năm ấy chúa Duệ-tông chạy vào Gia-định.

Nặc Vinh khuynh về Tiêm-la và rất không ưa người Việt-nam; Chân-lạp từ bỏ sự thần-thuộc Việt-nam lại rơi vào sự thần-thuộc Tiêm La. Sau khi quân Tây-sơn nổi dậy, quan quân ta ở Gia-định đang gặp lúc khó khăn, có yêu cầu Chân-lạp giúp đỡ, Nặc Vinh từ chối, lại không nạp cống nữa. Năm Bính-thân (1776), chúa Duệ-tông sai Nguyễn-phước Ánh đem quân đi đánh. Trong thời gian này, có lúc quân chúa Nguyễn đánh đuổi được quân Tây-sơn, tính đem quân đánh Chân-lạp, Nặc Vinh biết, sai quân lấy Mỹ-tho và Vĩnh-long, nhưng không giữ được lâu.

Sau khi bị quân chúa Nguyễn đuổi ra khỏi Nam-vang, năm nhâm-thìn (1772), vua Tiêm là Trịnh Quốc Anh chạy về Hà-tiên, sai người đưa thư mời Mạc Thiên Tứ đến giảng hòa, nhưng Thiên Tứ không chịu. Vua Tiêm để tướng Trần Liên ở lại giữ Hà-tiên, bắt con trai, con gái Thiên Tứ, và Chiêu Thúy đem về nước, rồi giết Chiêu Thúy.

Năm quý-tỵ (1773) Mạc Thiên Tứ sai xá-nhân là Mạc Tú đem thư và lễ-vật sang vua Tiêm, mượn tiếng giảng hòa để dò tình hình. Vua Tiêm trả lại các con của Mạc Thiên Tứ và triệu Trần Liên về. Bấy giờ thành lũy, nhà cửa ở Hà-tiên đã bị tàn phá gần hết, Thiên Tứ sai con là Tử Hoàng về sửa sang, còn mình ở lại Trấn-giang.

Cách xâm lấn Thủy Chân-lạp và khai thác, mở-mang đất Gia-định.

Như đã thấy, khi cuộc chiếm cứ hết đất Chiêm-thành gần hoàn tất, với những hoạt-động ngoại-giao và quân sự, các Chúa Nguyễn đã lần lượt xâm lấn đất Thủy Chân-lạp để đem vào bản đồ một miền nam rộng rãi, phì nhiêu. Ngoại-giao để can thiệp vào nội-tình hoàng gia Chân-lạp và nhất là đối với nước Tiêm-la, từ nhiều thế kỷ đã xem Chân-lạp như một chư hầu của mình, nên không từ bỏ dễ-dàng bát-quyền trên nước ấy. Còn quân-sự thì chỉ khi cần mới dùng đến.

Tóm tắt, chúng ta thấy :

Với cuộc hôn nhân giữa Chey Chetta II và nàng công-nữ chúa Hy-tông, đưa đến việc thiết lập các cơ sở Việt-nam ở Sài-côn năm 1623 chúa Nguyễn đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ ở triều đình Chân-lạp và trên đất Thủy Chân-lạp.

Từ năm mậu-tuất (1658) đời chúa Thái-tông, sau cuộc dùng binh của Nguyễn-phước Yên, phó-tướng dinh Trấn-biên (Phú-yên), đánh phá Mỗi-xuy (Bà-rịa) bắt vua Chân-lạp là Nặc Ông-Chân, Chân-lạp bắt đầu thần thuộc chúa Nguyễn, và phải để người Việt đến làm ăn trên đất mình.

Năm Giáp-dần (1674), sau cuộc dùng binh của Nguyễn Dương Lâm Cai-cơ đạo Nha-trang, chúa Thái-tông đặt Nặc Thu làm chánh-vương, đóng ở Long-úc (Udong) và Nặc Nộn làm đệ nhị vương đóng ở Sài-côn, hai vua đều hàng năm nạp cống. Với Nặc Nộn mà chúa Nguyễn đặc-biệt bênh-vực đóng ở Sài-côn, quyền lợi của người Việt ở Thủy Chân-lạp càng dễ bành-trướng.

Sau năm kỷ-dậu (1679), đời chúa Thái-tông, với những tập-đoàn di dân của Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên, hai đất Mỹ-tho, Đồng-nai (Biên-hòa) bắt đầu mở mang về thương-mại, khai thác đất đai, tuy trên pháp-lý là đất của Chân-lạp, nhưng thực-tế đã chịu ảnh-hưởng của Chúa Nguyễn.

Thấy Nặc Nộn lợi dụng bọn người Tàu di cư ấy để tổ-chức quân-đội đánh mình, Nặc Thu phải lo phòng

thủ và có ý chống lại Chúa Nguyễn nữa. Nặc Nộn đem tố cáo với chúa. Cuộc dùng binh của Mai Vạn-Long năm kỷ-tỵ (1689) và Nguyễn-hữu Hào năm canh-ngọ (1690) đời chúa Anh-tông đã buộc Nặc Thu thần phục chúa Nguyễn như cũ.

Năm Mậu-dần (1698), đời chúa Hiền-tông, Thống-suất Nguyễn-hữu Kính chánh thức sáp nhập đất Biên-hòa và Gia-định vào bản đồ Việt-nam, thiết lập xã, thôn, đặt quan cai trị.

Cuộc dùng binh của Nguyễn-hữu Kính năm canh-thìn (1700) tiến chiếm Bích-đội, Nam-vang, đã phá tan, một lần nữa, mưu toan độc-lập của Nặc Thu, và làm tăng thêm quyền uy của chúa Nguyễn trên đất Thủy Chân-lạp.

Việc dùng binh của Nguyễn-cửu Vân năm ất-dậu (1705) đời chúa Hiền-tông là để giúp Nặc Yêm, con Nặc Nộn, chống đánh Nặc Thâm, con Nặc Thu, không thuận hảo với chúa Nguyễn, kết quả là đã đặt Nặc Yêm lên ngôi.

Đến đây, với những nơi mà chúa Nguyễn đã chánh thức đặt chính-quyền như Gia-định, Biên-hòa, và những nơi mà Dương Ngạn Địch đã choán ở Mỹ-tho, uy quyền chúa Nguyễn đã đến sông Tiền-giang, mặc dầu chưa chánh thức.

Từ năm Mậu-tý (1708), đời chúa Hiền-tông, với Mạc

Cữu được chúa cho làm Tổng-binh Hà-tiên, chúa Nguyễn có thể kiểm-soát bờ biển từ Tiêm-la đến Nam-việt ngày nay, và từ đất Hà-tiên ấy, chúa sẽ làm bàn đạp để tiến lên phía bắc, nối liền với Tiền-giang.

Cuộc dùng binh của Nguyễn-cữu Phú và Trần Thượng Xuyên năm giáp-ngọ (1714) đời chúa Hiền-tông là để cứu Nặc Yêm bị Nặc Thâm vây, quân chúa vây lại Nặc Thâm ở thành La-bích, khiến Thâm phải bỏ chạy trốn, Nặc yêm trở về ngôi vua.

Sau cuộc dùng binh của Trương-phúc Vĩnh, Trần Đại Định Nguyễn Cữu Triêm năm nhâm-tý (1732), chúa Túc-tông buộc vua Chân-lạp chánh thức nhường 2 tỉnh Mésa và Longhôr tức đất Mỹ-tho và Vĩnh-long ngày nay. Chúa đặt châu Định-viễn, lập dinh Long-hồ. Như vậy chúa Nguyễn đã bước sang sông Tiền-giang.

Cuộc dùng binh của Nguyễn Hữu Doãn năm mậu-thìn (1748) đời chúa Thế-tông, đã đánh bật Nặc Thâm, vị hoàng-thân đã đánh đuổi Nặc Tha, vị vua được chúa Nguyễn phong vương, để giành ngôi, và đặt Nặc-Tha trở lại ở ngôi vua.

Sau cuộc dùng binh của Nguyễn Thiện Chính và Nguyễn Cư Trinh năm giáp-tuất (1754) và năm ất-hợi (1755) chúa Thế-tông được thêm đất Tầm-bôn và Lôi-lạp, tức là vùng đất ở phía nam dinh Gia-định đến sông Cửu-long, đi ngang qua Mỹ-tho, tiếp giáp với châu Định-

viễn. Như vậy, chúa Nguyễn chánh thức có đất từ Gia-định đến Tiền-giang.

Năm Đinh-sửu (1757) để được phong làm vua, Nặc Nhuận đã hiến chúa Thế-tông đất Praah-trapeng và Srok-trang tức là Trà-vinh và Sóc-trăng. Chúa Nguyễn đã sang được miền đông sông Hậu-giang vậy. Rồi Nặc Tôn, nhờ chúa Nguyễn giúp, được lên ngôi vua, dâng chúa đất Tầm-phong-long là đất ở phía bắc Sóc-trăng tức tỉnh An-giang sau này. Nguyễn Cư Trinh lập đạo Đông-khẩu ở Sa-đéc, đạo Tân-châu ở Tiền-giang, đạo Châu-đốc ở Hậu-giang. Như vậy, miền đất ở giữa hai sông Tiền-giang và Hậu-giang, và ở phía đông và dọc theo hữu-ngạn sông Hậu-giang, chánh thức thuộc về chúa Nguyễn.

Mạc Thiên Tứ lại lập hai đạo nữa là đạo Kiên-giang ở Rạch-giá, và đạo Long-xuyên ở Cà-mau. Tất cả đất bên hữu ngạn Hậu-giang ra đến biển đều thuộc người Việt. Cuộc Nam-tiến đến Cà-mau hoàn tất.

Đến năm canh-thìn (1772) đời chúa Duệ-tông, lập đạo Trường-đồn ở Mỹ-tho, uy quyền chúa Nguyễn phát triển lên phía tây-bắc đến biên-giới Chân-lạp.

Việc chánh-thức sáp-nhập đất đai và đặt chính-quyền thường xảy ra sau khi người Việt đến ở đông rồi. Người Việt làm ăn cần-cù, siêng năng, vả lại văn hóa khác nhau, phong-tục khác nhau, nên thường thường hễ người Việt đến ở đâu đông thì người Chân-lạp bỏ đi nơi khác. Cũng có nơi dân Miên, Việt ở lẫn lộn nhau. Khi

người Việt đã đến ở một nơi nào đó đông rồi, chúa Nguyễn mới tìm cách chánh-thức chiếm cứ lãnh-thổ, đặt chánh - quyền.

Về việc khai thác đất đai, chính-quyền rất dễ dãi để khuyến khích việc khẩn hoang, lập ấp. Theo G. D. T. C. thì dân ở tỉnh này có thể tự do đến khai khẩn đất ruộng ở các tỉnh khác, ai muốn đến ở đâu, khai khẩn ruộng gò, ruộng thấp ở nơi nào, lập làng, lập ấp ở đâu, tùy ý. Lựa chọn đất đai rồi, chỉ khai báo với nhà cầm quyền là mình trở thành nghiệp chủ đất ấy, chính-quyền cũng không đo đạc, không cần biết đất ấy tốt xấu thế nào, người nghiệp-chủ tùy theo đất mình chiếm rộng hay hẹp mà nạp thuế nhiều hay ít, và nạp thuế bằng thóc, dùng hộc già hay hộc non cũng được. Cũng theo G. D. T C., sau này đến đời Gia-long, đất ruộng mới đo đạc, và thuế ruộng ấn định công bằng hơn, tuy vậy cách đánh thuế ở Gia-định cũng rộng rãi hơn ở các tỉnh miền bắc nhiều.

V. B. T. L. viết: «Ở phủ Gia-định, đất Đồng-nai, từ các cửa biển Cần-giờ, Lôi-lạp, cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng nghìn dặm, họ Nguyễn trước kia đánh với Cao-mên, lấy được đất ấy, rồi chiêu mộ những dân có vật lực ở các phủ Điện-bàn, Quảng-nghĩa, Qui-nhơn xứ Quảng-nam, di cư đến, chặt cây, khai phá, trở thành bằng phẳng, đất nước mầu mỡ, cho họ chiếm lấy, lập vườn trồng cau, làm nhà ở. Lại thu con trai,

con gái người Mọi ở các đầu nguồn, đem bán làm nô-tỳ (người đen, tóc quăn là giống Mọi thực, giá tiền 20 quan, người hơi trắng, giá tiền chỉ hơn 10 quan) cho chúng lấy nhau, sinh đẻ, nuôi nấng, lớn lên lấy việc cày ruộng làm nghề nghiệp, vì đó mà lúa rất nhiều. Ở các địa-phương mỗi nơi có, 40, 50 hoặc 20, 30 nhà giàu, mỗi nhà có đến 50, 60 điền-nô, 300, 400 trâu bò, cày cấy, gặt hái, rộn-ràng, không rỗi, hằng năm đến tháng 11, tháng chạp, giả lúa thành gạo, bán lấy tiền để dùng lễ chạp, lễ Tết, sau tháng giêng trở đi, không làm việc giả xay nữa. Bình thời, bán ra Phú-xuân để đổi lấy hàng bắc như lụa, lảnh, trừu, đoạn, áo quần tốt đẹp, ít dùng vải bố. Đất ấy nhiều ngòi lạch, đường nước như mắc cửi, đi đường bộ không tiện. Người buôn có thuyền lớn thì đèo theo thuyền nhỏ để tiện vào các bến. Từ cửa biển đến đầu nguồn đi 6, 7 ngày, toàn là đồng ruộng, nhìn bát ngát, không bờ. (1)»

Hai đoàn di dân người Tàu của Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên ngoài việc phá rừng, khẩn hoang, còn giúp việc mở mang thương mãi như cất phố, lập chợ Mỹ-tho và Biên-hòa. Ở Biên-hòa, Trần Thượng Xuyên tập trung Hoa-thương ở Đại-phố-châu, tức cù-lao Phố (ở giữa sông Đồng-nai, phía nam tỉnh lỵ Biên-hòa ngày nay) lập phố, chợ, để buôn bán, cù-lao Phố càng ngày càng phồn-thịnh, trở thành trung-tâm-điểm thương-mãi của

(1) *V.B.T.L. quyển VI.*

đất Gia-định cho đến ngày Tây-sơn vào chiếm. Trong G. D.T.C. Trịnh Hoài-Đức viết « Phố-Nông-nải (tức Đồng-nai) ở đầu phía tây cù-lao Phố, lúc mới khai thác, Tướng-quân Trần Thượng Xuyên chiêu tập các nhà buôn Trung-quốc, xây cất phố xá, lầu cao, gác lớn, ngói lợp, tường xây, kéo dài 5 dặm; có 3 đường lớn : đường Đại-nhai-phố xây đá trắng, đường Hoành-nhai-phố xây đá tổ ông, đường Tiểu-nhai-phố xây đá xanh, đường nào cũng trơn tru, rộng rãi, thương-khách tụ hợp, thuyền bè đầy sông, thật là một nơi đại đô-hội, hạng nhà buôn giàu có lớn, chỉ nơi ấy có nhiều nhất. Những người mà cả nước đều biết tiếng, như ông ngoại tôi (lời của Trịnh hoài Đức) là Lâm-tổ-quan tên chữ tiếng Tàu đọc là Nai 耐 nên tục xưng ông Nai, người huyện Tấn-giang, phủ Triều-châu, tỉnh Phước-kiến, thời vua Thế-tông ra lệnh đổi y phục, ba cha con ông hâm mộ vinh hoa áo mảo, cùng một lúc dâng vàng lạc quyên, được phong làm chức Nội-viên-thị-hàm, ông có tiếng hào phú, đồn thấu tai vua, ông nội tôi là Sư Khổng 師孔 người huyện Trường-lạc, Phước-châu, và bà nội tôi tên Vương thị Nghi, tục gọi Bà Nghi, cùng ông Châu người phủ Tứ-phong, đều nổi tiếng giàu có lớn. Từ năm bính-thân (1776) trở về sau, Tây-sơn vào đánh phá, triệt hạ nhà cửa, lấy hết ngói gạch, tiền của chở về Qui-nhơn, còn nền đất cày làm vườn ruộng. Từ ngày

trung hưng đến nay, nhân dân quy tụ, chưa được một phần trăm ngày xưa...» (1)

Khi phủ Gia-định mới lập, từ Phiên-trấn (tức tỉnh Gia-định ngày nay) đến Trấn-biên (Biên-hòa sau này) phần nhiều là đất bùn lầy, chưa có đường bộ, người đi đường phải đi đò dọc. Năm Mậu-thân (1748), nhân có việc dùng binh ở Chân-lạp, Điều-khiển Nguyễn-hữu-Doãn mới sai giăng dây đo, đắp một con đường thẳng từ phía bắc Cầu-sơn đến Mỗi Xuy (huyện Phước-chánh tỉnh Biên-hòa ngày nay) gặp sông ngòi thì đặt bến đò, bắc cầu cống, nơi bùn lầy thì đắp đất bồi thêm lên, trên đường có đặt nhà trạm, đường ấy gọi là đường « thiên-lý-cù » (đó là thiên-lý-cù phía bắc, đến năm Gia-long thứ 14 (1815) mới đắp thiên-lý-cù phía tây lên đến Cao-mên.)

Gia-định sông ngòi, kênh lệch, chằng chịt, ghe thuyền không chỉ là phương-tiện di chuyển mà còn là nhà ở của nhiều người nữa. Bọn gian phi thường dùng ghe thuyền để trộm cướp, hoặc đỗ chỗ vắng người, rình thương-thuyền đi qua thì xông ra cướp, nhân dân rất khổ. Nguyễn Cư Trinh làm Tham-mưu ở Gia-định ra lệnh các hạt bắt ghe thuyền lớn nhỏ trong hạt phải khai, lập thành sổ bộ, rồi khắc tên của chủ thuyền, quán xứ của thuyền ở đầu thuyền để tiện việc kiểm soát. Từ đó thuyền gian không thể ẩn giấu được, và nạn trộm cướp ở trên sông ngòi mới bớt.

(1) *G.D.T.C. mục Thành trì chí.*

Lại ghe thuyền ngày đêm qua lại trên sông thường đụng chạm nhau, gây thiệt hại cho nhau, sanh ra kiện tụng, đổ lỗi cho nhau, thật khó phân xử ai phải ai trái. Nguyễn-cư-Trinh đặt lệ rằng : Ghe thuyền không luận gặp gió, nước thuận hay nghịch, khi đi ngược chiều, đến gần nhau phải hô lên « Bát » thì ghe mình đi bên hữu, ghe thuyền kia cũng đi bên hữu để tránh nhau, nếu ghe thuyền kia hô «bát» mà ghe thuyền này còn đi bên tả để va chạm nhau bị hư hại thì phải chịu lỗi.

III—.TỔ-CHỨC CHÍNH-QUYỀN. CÁC CHẾ-ĐỘ

I.) Khu-Vực Hành-Chính. Quan-Chức.

Khi mới vào Thuận-hóa, Thái-tổ Nguyễn Hoàng đóng ở Ái-tử, chỗ ở gọi là dinh, các cơ-quan chính-quyền trung-ương của xứ Thuận-hóa đều ở đó. Sau khi được kiêm lãnh xứ Quảng-nam (1570), Chúa đặt dinh Quảng-nam, danh-từ « dinh » 營 ở đây chỉ một khu-vực hành-chính. Đến đời chúa Hy-tông thì đặt thêm dinh Quảng-bình, dinh Trấn-biên (Phú-yên, 1629), dinh Bố-chính (1630). Khu-vực mà chúa đóng dinh (từ đời chúa Hy-tông gọi là phủ) gọi là Chánh-dinh 正 營. Dinh hoặc phủ chúa dời từ Ái-tử đến Trà-bát (1570), đến phía đông dinh Ái-tử cũ (1600, gọi là dinh Cát), đến Phước-yên (1626), đến Kim long (1635), đến Phú-xuân (1687), đến Bác-vọng (1712), rồi trở lại Phú-xuân (1739) ; và sau khi rời bỏ Ái tử

thì khu-vực ấy gọi là Cựu-dinh. Sử-liệu không cho chúng ta biết tên gọi Cựu-dinh 舊營 có năm nào và địa-giới của Cựu-dinh và Chính-dinh, nhưng chúng ta có thể đoán rằng sau khi rời bỏ huyện Đăng-xương để dời phủ vào Phước-yên, thuộc huyện Quảng-điền, mới đặt khu-vực của huyện Đăng xương, huyện Hải-lăng tức là đất Quảng-trị ngày nay, làm Cựu-dinh, còn Chính-dinh là đất tỉnh Thừa-thiên ngày nay. Sau chúa Hy tông, các chúa lần lượt, theo kết-quả sự mở rộng lãnh-thổ phía nam và nhu-cầu chiến-tranh phía bắc (chỉ ở đất Quảng-bình ngày nay, thời ấy có 3 dinh), thiết-lập các dinh khác. Đến chúa Thế-tông, lãnh-thổ chia làm 12 dinh và 1 trấn như sau : dinh Bố-chính, tục gọi dinh Ngói, ở làng Thổ-ngõa (huyện Bố-trạch, Quảng-bình), dinh Quảng-bình tục gọi dinh Trạm ở làng An-trạch (1) (nay là Thuận-trạch, thuộc huyện Lệ-thủy, Quảng-bình), dinh Lưu-đồn, tục gọi dinh Mười,

---

(1) Nguyên tất cả miền nam tỉnh Quảng-bình ngày nay, từ sông Nhật-lệ trở vào, đều thuộc dinh Quảng-bình, tục gọi dinh Mười, lỵ sở ở làng Võ-xá. Năm ất-dậu (1645), đặt Thủy-dinh Quảng-bình, gọi là dinh Trạm, nhưng thủy-dinh đây là một đơn vị thủy-quân và phụ trách việc vận-tải, việc bưu-chính, chứ không phải là một đơn-vị hành-chính. Đến năm mậu-tý (1648) sai Nguyễn Hữu Tiến đem quân đóng ở Võ-xá, gọi là Lưu-đồn, và từ đây dinh Lưu-đồn thay dinh Quảng-bình thống hạt miền này, còn địa-hạt dinh Quảng-bình thì lùi vào miền cực nam Quảng-bình.

ở làng Võ-xá (1) (huyện Khương-lộc, nay là phủ Quảng ninh), Cựu-dinh ở xã Ái-tử, Chánh-dinh, dinh Quảng-nam tục gọi dinh Chiêm ở xã Cần-húc, dinh Phú-yên, dinh Bình-khương, dinh Bình-thuận, dinh Trấn-biên, dinh Phiên-trấn, dinh Long-hồ và trấn Hà-tiên. Dinh có trấn-thủ, Cai-bộ, Ký-lục, để cai-trị, trấn Hà-tiên có chức Đô-đốc trấn giữ. Hai phủ Quảng-ngãi, Qui-nhơn thuộc dinh Quảng-nam, thì đặt riêng chức Tuần-vũ và chức Khám-lý để cai-trị.

Dinh chia ra nhiều phủ, phủ gồm nhiều huyện, huyện gồm nhiều tổng, tổng gồm nhiều xã ; các nơi gần núi rừng, dọc sông, biển thì đặt làm thuộc 屬, cho các phường 坊, thôn 村, nậu 耨 (1), man 蔓 (2), lẻ-tẻ thuộc vào.

Thời chúa Thái-tổ vẫn giữ các cơ-quan hành-chính do triều Lê đặt ra.

Chúa Hy-tông lên ngôi, liền bỏ các cơ-quan ấy mà đặt ở ba ty là ty Xá-sai, ty Tướng-thần-lại và ty Lệnh-sử. Ở Chánh-dinh có ty Xá-sai coi việc văn án từ tụng, có Đô-tri 都知 và Ký-lục 記錄 đứng đầu, và 3 Câu-kê 勾稽, 7 Cai-hợp 該合, 40 Ty-lại 司吏 giúp việc ; ty Tướng-thần-lại có Cai-bộ 該簿 đứng đầu, coi việc

(1) *Đám đông người họp lại để làm ruộng.*

(2) *Man là cỏ mọc tràn ra, chỉ nơi có nhiều nhà ở liền nhau.*

thu tiền sai-dư và lúa tô ruộng các xã Thuận-hóa, phát lương tháng cho các dinh đạo Lưu-đồn, dinh thủy vũ bộ Quảng-bình, dinh Bố-chính, phát tiền cho các quân cùng cấp lính các xã, số nhân-viên cũng như ty Xá-sai, ty Lệnh-sử, có Nha-úy 衙尉 đứng đầu, coi việc tế-tự, lễ tiết, phát lương tháng cho quân ở Chánh-dinh và coi các quan điền, số nhân-viên cũng như hai ty kia.

Ngoài ra, còn có ty Nội lệnh-sử 內令史 kiêm coi các thứ thuế, ty này gồm hai ty Tả lệnh-sử, Hữu-lệnh-sử chia nhau thu tiền sai dư của các xã hai sứ để nạp cho Nội phủ. 內府 Lại có ty Lệnh-sử đồ-gia (Nhà-đồ 圖家) để thu cất các đồ đạc, phẩm vật (như sắt, đồng, vàng thiếp, đồ đồng, dầu sơn, than, gỗ...)

Chúa Thần-tông, năm mậu-dần (1638) bắt đầu đặt các chức Nội-tả, Ngoại-tả, Nội-hữu, Ngoại-hữu, gọi là tứ trụ đại-thần ; là những chức cao nhất trong. Các dinh ở ngoài, có dinh chỉ đặt một ty Lệnh-sử, có dinh đặt hai ty Xá-sai và Tướng-thần-lại, lại có dinh đặt hai ty Xá-sai và Lệnh-sử để coi việc từ tụng của quân, dân, sổ sách đinh, điền và trưng thu thuế ruộng sở tại, số nhân viên thì tùy theo công việc nhiều ít mà thêm, bớt.

Phủ có tri-phủ, 知府 huyện có tri-huyện 知縣 đứng đầu, giữ việc từ tụng, thuộc-viên có Đề-lại 提吏 coi các văn án từ tụng, Thông-lại 通吏 để sai tra xét các từ tụng, Huấn-đạo, 訓導 Lễ-sinh 禮生 coi việc tế tự miếu Văn-thánh và các linh-từ. Xã có Xã-trưởng 社長.

Còn việc thu thuế ở các phủ, huyện, châu, thì ban đầu có chánh, phó Đề-đốc, 提督 chánh, phó Đề-lãnh 提領, Ký-lục 記錄, Cai-phủ 該府, Cai-tri 該知, Ký-phủ 記府, Thư-ký 書記, Cai-tổng 該總, Lục-lại 錄吏, chuyên lo. Chúa Túc-tông giảm bớt nhân-viên và thay đổi như sau : xứ Thuận-hóa mỗi phủ đặt một Đề-đốc, 1 Đề-lãnh, 1 Ký-lục, 1 Cai-phủ, 1 Thư-ký, mỗi huyện đặt 3 Cai-tri, 3 Thư-ký, 4 Lục-lại, mỗi Tổng đặt 3 Cai-tổng, duy tổng Bái-ân chỉ có 1 Cai-tổng (1). Xứ Quảng-nam, mỗi phủ đặt 1 Chánh-hộ Khám-lý 正戶勘理, 1 Đề-đốc, 1 Đề lãnh, 1 Ký-lục, 1 Cai-phủ, 1 Thư-ký ; mỗi huyện 1 Cai-tri, 1 Thư-ký, 2 Lục-lại ; mỗi tổng một Cai tổng, thuộc có Ký-thuộc. 記屬 Ở Thuận-hóa cũng như ở Quảng-nam, ở các xã có đặt chức Tướng-thần 將臣 để cùng Xã-trưởng thu thúc phú dịch. Các quan-chức và nhân-viên coi việc thu thuế không thuộc quan địa-phương mà thuộc quyền Nội-phủ.

Đời chúa Túc-tông, năm bính-ngọ (1726), sai Ký-lục Chánh-dinh Nguyễn Đăng Đệ 阮登第 đi tuần xét các phủ xứ Quảng-nam, định chức, lệ cho các thuộc mới lập. Bấy giờ phủ Thăng-hoa có 15 thuộc, phủ Điện-bàn 4 thuộc, phủ Qui-ninh 13 thuộc, phủ Phú-yên 38 thuộc, phủ Bình-khương 20 thuộc, phủ Diên-ninh 14 thuộc, phủ Bình-thuận 20 thuộc ; định lệ : thuộc 500 người trở lên thì đặt 1 Cai-thuộc, 1 Ký-thuộc ; 450 người trở xuống thì đặt

(1) *V.B.T.L. nói : mỗi tổng 2 viên Cai-tổng, mỗi thuộc và tổng Bái-trời thì 1 Cai-thuộc, 1 Cai-tổng, 1 Duyện-lại.*

1 Ký-thuộc, 100 người trở xuống thì đặt 1 Tướng-thần.

Ngạch hoạn-quan (thái-giám) cũng đã đặt ra. Thường thường họ giữ sổ sách thuế khóa, thu thuế, canh phòng nội-cung và quản-trị việc chi tiêu trong cung cấm.

Chúa Thế-tông xưng vương-hiệu (1744) tổ-chức lại các cơ-cấu chính quyền. Ở Chánh-dinh, ty Xá-sai chia làm 2, chức Đô-tri và thuộc-viên đổi làm bộ Hình, chức Ký-lục và thuộc-viên đổi làm bộ Lại, chức Cai-bộ phó-đoán-sự và thuộc-viên ở ty Tướng-thần-lại đổi làm bộ Hộ, chức Nha-úy và thuộc-viên ở ty Lệnh sử đổi làm bộ Lễ, đặt thêm 2 bộ Binh và Công. Trước kia đã có chức Văn-chức, lựa người có văn-học xung vào, nay lấy những Văn-chức đặt làm Hàn-lâm-viện.

Các quan viên không có thường bổng, chỉ được cấp ruộng ngụ-lộc 寓 祿 (1), hoặc điền-lộc nhiêu-phu 饒 夫 làm ngụ-lộc. Các Phủ, Huyện xử kiện tụng, bắt bớ, tra hỏi, được thu lễ của các đương-sự cung đốn cho, các quan chức thu thuế được thu một món lúa, tiền của người nạp thuế nạp thêm. Ruộng ngụ-lộc là ruộng cấp cho để cày cấy. Huân thích, quí thần (2) mỗi người được cấp 10 mẫu, Chưởng-cơ 5 mẫu, Cai-cơ 4 mẫu, Cai-đội 3 mẫu, Nội Đôi-trưởng 3 mẫu rưỡi, Ngoại Đôi-trưởng 2 mẫu rưỡi (3). Điền-lộc là thu thuế ruộng ở mấy xã làm ngụ-lộc,

(1) *Ngụ-lộc là lương bổng các quan.*

(2) *Bà con của chúa có công lớn, những bề tôi quí tộc.*

(3) *Theo T.L.T.B. năm bính-thìn (1676) đời chúa Thái-tông.*

dân-tộc là thụ thuế thân ở mấy xã làm ngụ-lộc ; nhiêu phu là số dân được cấp theo hầu, người dân ấy phải nạp cho người được cấp một số tiền để thay thuế thân, và miễn dao dịch. Ví dụ như Chánh, Phó Đề-đốc được cấp mỗi người 20 nhiêu phu, thu tiền 27 quan, Đề-lãnh được cấp 16 nhiêu-phu, thu được 21 quan 6 tiền, huyện Thư-ký 3 nhiêu-phu thu được 3 quan, bản-phủ Câu-kê 3 nhiêu-phu, thu được 3 quan.... (1)

Các chức, lại, mỗi khi được bổ nhiệm, phải nạp các lễ như thượng-lễ để dâng chúa, nội-lễ để dâng nội-cung, tiền lãnh bằng, tiền ngụ-lộc các quan, tiền đóng ấn, tiền trầu. Như Tướng-thần phải nạp thượng-lễ 35 quan, nội-lễ 7 quan, tiền lãnh bằng và tiền ngụ-lộc các quan cộng là 7 quan ; Xã-trưởng phải nạp thượng-lễ 30 quan, nội-lễ 6 quan, tiền lãnh bằng và tiền ngụ lộc các quan cộng là 5 quan (1).

QUÂN ĐIỀN. — Năm Gia-long thứ 3, định lệ quân cấp công-điền, công thổ, vua nói : «Phép quân điền thời quốc-sơ đã có định-chế, nhưng đến loạn Tây-sơn, đồ-bản, sổ sách mất bỏ... » Xem thế thì từ đầu thời các chúa, đã có định-chế quân cấp công-điền, công thổ cho quan, quân, dân, nhưng không còn sổ sách nên nay chúng ta chỉ biết thời ấy có công-điền, công-thổ mà không biết cách quân cấp thực thi thế nào.

(1) *Theo V.B.T.L.*

2.) Binh-Bị :

Các chúa Nguyễn, ở phương bắc phải chống cự với họ Trịnh, ở phương nam, để mở mang lãnh-thổ, phải trấn áp Chiêm-thành, Chân-lạp, phải chế ngự Tiêm-la, nên rất chú-trọng binh-bị.

Quân-đội có bộ-binh, thủy-binh và tượng-binh, chia làm thuyền 船, đội 隊, cơ 奇, dinh 營. Thuyền là đơn-vị thấp nhất. Điều-khiển đội có Cai-đội 該隊 và Đội-trưởng 隊長, điều-khiển cơ có Chưởng-cơ 掌奇 và Cai-cơ 該奇. Dinh là một quân-đoàn, cũng gồm nhiều thuyền, đội như cơ, do Chưởng-dinh 掌營 cầm đầu. Chưởng dinh là chức quan cao nhất trong quân-đội.

Xem cuộc duyệt binh năm quý-tỵ (1653) đời chúa Thái-tông để biết số quân của các đơn-vị ấy, và của Chánh-dinh Phú-xuân. Cơ Trung-hầu gồm 10 thuyền, 300 người ; Nội-bộ 60 đội thuyền hơn 3.280 người; 2 cơ Tả-trung và Hữu-trung mỗi cơ 14 thuyền, đều hơn 700 người; Nội-thủy 58 thuyền, 6.410 người; cơ Tả Trung-kiên 12 thuyền, 600 người; cơ Hữu Trung-kiên, 10 thuyền, 500 người; 2 cơ Tả Trung-bộ và Hữu Trung-bộ, mỗi cơ 10 thuyền, đều 450 người; cơ Tiền Trung-bộ 12 đội, mỗi đội 5 thuyền, cộng 2.700 người; 4 cơ Tả-dực, Hữu-dực, Tiền-dực, Hậu-dực mỗi cơ 5 thuyền, cộng hơn 1.100 người; 4 đội Tiền-thủy, Hậu-thủy, Tả-thủy, Hữu-thủy mỗi đội 5 thuyền, đều hơn 500 người ; 8 cơ Tả Nội-bộ, Hữu Nội-bộ, Tiền Nội-bộ, Hậu Nội-bộ, Tả-súng, Hữu-súng, Tiền-súng, Hậu-súng mỗi cơ 6 thuyền,

cộng hơn 2.100 người; dinh Tả-bộ 10 thuyền, cộng hơn 450 người; 4 đội Tiền-bính, Hậu-bính, Tả-bính, Hữu-bính mỗi đội 4 thuyền, đều hơn 200 người; cơ Tả-thủy 5 thuyền hơn 200 người. Như vậy, cơ có khi gồm nhiều thuyền, có khi gồm nhiều đội, và số thuyền và số đội của mỗi cơ không nhất định; cũng như số lính của mỗi cơ cũng không nhất định, có khi là 260, là 300, là 500 và có khi đến 2.700 như cơ Tiền Trung-bộ. Đội là một phần-tử của cơ, và có khi nó là một đơn-vị độc-lập. Đội chia làm nhiều thuyền, 4 hoặc 5 thuyền, và có khi gồm 220 hoặc đến 500 lính. Còn thuyền, một phần-tử của cơ hoặc của đội, gồm 30, 40, 50 có khi hơn 100 lính. Dinh cũng gồm nhiều thuyền như cơ, và có khi số lính ít hơn một cơ nào đó. Tổng-cộng số binh dự cuộc duyệt binh này là 22.740. Đó là chánh-binh, hoặc tinh-binh, và có lẽ của Chánh-dinh ở Phú-xuân mà thôi.

Ngoài chánh-binh hoặc tinh-binh ra, các quan Trấn-thủ, Lưu-thủ thường lấy dân địa-phương làm binh để canh giữ các nơi, binh ấy gọi là thổ-binh hoặc tạm-binh, hoặc thuộc-binh. Số binh ấy rất đông gấp mấy lần chánh-binh mà lại không được trả lương tháng như chánh-binh, họ chỉ được miễn sưu thế mà thôi.

Số binh và ngạch binh ở Chánh-dinh Phú-xuân và ở các dinh, trấn, dưới thời các chúa Nguyễn cuối cùng chia ra làm nội-binh là binh ở Chánh-dinh và Cát-dinh, và ngoại-binh là binh ở các dinh, trấn khác như sau :

Chánh-binh có cơ Trung-hậu gồm 10 thuyền, mỗi thuyền không quá 30 người, binh Nội-bộ gồm 60 đội thuyền (1) mỗi đội hoặc 50, 60, hoặc 40, 80 người, cộng 3.287 người ; cơ Tả-trung gồm 14 thuyền, mỗi thuyền 50 hoặc 73 người, cộng 783 người; binh Nội-thủy 58 thuyền, mỗi thuyền 50 hoặc 60, 70 người, cộng 6.410 người ; cơ Tả Trung-kiên 12 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 600 người ; cơ Hữu Trung-kiên, 10 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 500 người ; cơ Tả Trung-bộ, 10 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 450 người ; cơ Hữu Trung-bộ, 10 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 450 người ; cơ Tiền Trung-bộ, 10 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 450 người ; cơ Hậu Trung-bộ, 10 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 450 người ; đội Tả Trung-bộ 5 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 225 người ; đội Hữu Trung-bộ, 5 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 225 người; đội Tiền Trung-bộ, 5 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 225 người ; đội đội Hậu Trung-bộ, 5 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 225 người ; đội Tả Kiên-bộ, 3 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 135 người ; đội Hữu Kiên-bộ, 3 thuyền mỗi thuyền 45 người, cộng 135 người ; các đội Tả-nội, Hữu-nội, Tiền-nội, Hậu-nội, Tả-súng, Hữu-súng, Tả-bộ, Hữu-bộ, Tiền-bộ, Hậu-bộ, 12 đội mỗi đội 5 thuyền, mỗi thuyền 225 người, cộng 2.700 người ; bốn cơ Tả-dực, Hữu-dực, Tiền-dực, Hậu-dực, mỗi cơ 5 thuyền (trong đó có một thuyền 45 người, còn mỗi thuyền khác 50

(1) *Các thuyền đều có tên riêng, ở đây chúng tôi xin lược*

người), 281 người, cộng 1.124 người ; hai đội Tả-thủy, Hữu-thủy, mỗi đội 5 thuyền (trong đó có một thuyền 45 người, còn 4 thuyền kia mỗi thuyền 59 người) 281 người, cộng 562 người ; 2 đội Tiền-thủy, Hậu-thủy mỗi đội 5 thuyền (trong đó có 1 thuyền 45 người, còn 4 thuyền kia mỗi thuyền 60 người) cộng 570 người ; 8 cơ Tả Nội-bộ, Hữu Nội-bộ, Tiền Nội-bộ, Hậu Nội-bộ, Tả-súng, Hữu-súng, Tiền-súng, Hậu-súng, mỗi cơ 6 thuyền, mỗi thuyền 45 người, 270 người, cộng 2.160 người ; đội Tả-bộ 9 thuyền, mỗi thuyền 45 người, cộng 455 người ; đội Tả-binh, 4 thuyền, cộng 225 người ; đội Hữu-binh 4 thuyền, cộng 225 người ; đội Hậu-binh, 4 thuyền, cộng 225 người ; cơ Tả-thủy, 5 thuyền cộng 285 người ; cơ Hữu-thủy, 5 thuyền cộng 285 người ; cơ cơ Tiền-thủy, 5 thuyền cộng 285 người ; cơ Hậu-thủy, 5 thuyền cộng 285 người ; binh Nội-thủy 2 thuyền, cộng 112 người ; Kiên-binh các thuộc, 12 thuyền cộng 590 người ; các tượng cơ là cơ Nội-tượng, 35 người, cơ Tả-tượng, quản-mục và quân bắn 32 người, cơ Hữu-tượng 194 người, cơ Tiền-tượng 94 người, cơ Hậu-tượng 48 người ; thuyền Tân-súng tuần cửa Eo 21 người.

Các hạng chiến-binh trên đây cộng 3 vạn 16 người, trong đó có 8 thuyền Nghi-giang, Tiệp-tam, Trà-nhi (đều thuộc binh Nội-thủy), Hà-lộc (thuộc đội Hậu-binh), Hữu-binh, An-triền (thuộc cơ Tả-thủy), An-nhất, An-nhị

(thuộc cơ Hậu-thủy) được cấp tô ruộng bản xã, còn thì đều lãnh lương tháng ở kho nhà nước.

Ngoài ra, còn hai vệ Tả-tiệp, Hữu-tiệp đặt ở hai bên tả, hữu dinh Chúa, mỗi vệ 50 người, lựa con cháu tướng võ người huyện Tống-sơn sung vào, để đi theo hầu và hộ vệ chúa.

Ở Cát-dinh có cơ Trung-kiên gồm 6 thuyền, 288 người ; các cơ Tả-kiên, Hữu-kiên, Tiền-kiên, Hậu-kiên, mỗi cơ 5 thuyền, mỗi thuyền 225 người, cộng 900 người ; đội Thắng-thủy 2 thuyền, 110 người, cơ Kiên-tượng, quản-mục và quân bắn 30 người. Các chiến binh cộng 1.328 người.

Nội-binh, ngoài số chiến-binh kể trên, còn số binh để sai việc vặt và canh giữ, như các đội thuyền Nội-phủ, Bả-lệnh, binh cắt cỏ ngựa, binh giữ các từ-đương, sái-phu chùa Thiên-mụ, binh giữ các phủ, các vườn, kho, các lăng mộ, Văn-miếu, lương y các tượng, thợ đúc các cục, thợ súng, thợ rèn, thợ sơn, thợ rèn khí-giới, thợ nhuộm, thợ yên ngựa, thợ hỏa công, thợ hỏa luân (tàu thủy), thợ mộc, thợ làm quả (hộp), thợ tiện, thợ ngà, thợ quạt, đội nội-phòng-y, đội điền-lạp, thợ bánh súng, thợ dùi chiêng, v. v... Các hạng tạp-binh ấy cộng 2.519 người, đều lãnh lương tháng ở Phú-xuân.

Dinh Lưu-đồn ở Võ-xá có binh Trung-tiệp 30 đội thuyền, cùng mã-đội 40 người, và cơ Tân-tượng 46 người, cộng 1697 người ; đội Hữu-hùng 5 thuyền, cộng 250

người ; cơ Tả-thắng, 6 thuyền, cộng 282 người ; cơ Hữu-thắng, 6 thuyền, 297 người ; cơ Tiền-thắng 6 thuyền 289 người : cơ Hậu-thắng 6 thuyền, 291 người ; cơ Tả-tiệp 6 thuyền, 291 người ; cơ Hữu-tiệp 6 thuyền, 298 người ; cơ Tiền-tiệp 10 thuyền, 500 người ; cơ Hậu-tiệp 6 thuyền, 290 người.

Dinh Quảng-bình ở xã An-trạch có cơ Trung-bộ, 19 đội thuyền, mỗi đội 50 người, cùng mã-đội 40 người ; cơ Trung-tượng 81 người, cơ Tiền-tượng, quản-mục 16 người, hai đội Xa-nhất, Xa-nhị..... cộng 1.222 người ; cơ Tả-bộ, 5 thuyền 148 người ; cơ Hữu-bộ 5 thuyền, 250 người, cơ Tả-kiên 5 thuyền, 219 người ; cơ Hữu-kiên, 5 thuyền, cộng 248 người ; đội Tả-bộ 4 thuyền, 200 người ; đội Hữu-bộ 2 thuyền ?, cơ Tả-tiệp 2 thuyền, 99 người ; cơ Kiên-nhị 4 thuyền, 248 người.

Thủy-dinh Quảng-bình có cơ Tráng-nhị 5 thuyền, 278 người ; cơ Tả-nhị 2 thuyền, 214 người ; cơ Hữu-nhị 1 thuyền 57 người ; đội Bình-thủy, 1 thuyền, 57 người.

Dinh Bố-chính có cơ Trung-cơ, 18 đội thuyền và quản-mục, cắt cỏ voi, cộng 939 người ; đội Tả-thắng, 3 thuyền, 149 người ; đội Hữu-thắng, 3 thuyền 149 người ; đội Tiền-thắng 3 thuyền, 149 người ; đội Hậu-thắng 3 thuyền, 149 người, cơ Tả Tuần-hà 5 thuyền, 147 người, cơ Hữu Tuần-hà 5 thuyền, 147 người ; đội Thủy-sai 3 thuyền, 150 người. Chiến-binh cộng 1.484 người, lãnh lương tháng ở các kho Lai-cách, An-trạch, Trường-dục.

Dinh Quảng-nam có cơ Trung-cơ 6 thuyền (1) ; cơ Tả-thủy 4 thuyền ; cơ hữu-thủy 5 thuyền ; cơ Tả-thắng-bộ 5 thuyền ; chức Cai-bộ quản 4 thuyền, chức Ký-lục quản 4 thuyền ; đội Hùng-thủy quản 3 thuyền đề giữ cửa biển Đà-nẵng ; đội Thắng-thủy quản 3 thuyền giữ cửa Đại-chiêm ; về tượng đội có 3 cơ.

Binh thủ ngự phủ Quảng ngãi có đội Hữu-ngự gồm 8 thuyền, Thủ ngự phủ Qui-nhơn có đội Tả-ngự gồm 5 thuyền. Thủ ngự phủ Phú-yên có đội Tiền-ngự gồm 5 thuyền.

Dinh Bình-khương, có Trung-cơ, 13 thuyền (chức Trấn-thủ quản 9 thuyền, Cai-bộ quản 2 thuyền, Ký-lục, Câu-kê mỗi chức 1 thuyền), cùng đội Tả-mã ; Tượng-binh thì có 2 cơ Trung-tượng, Binh-tượng ; cơ Tả-bộ, 5 thuyền ; đội Thủy-thắng 3 thuyền ; đội Hùng-bộ 3 thuyền ; đội Hùng-thủy 3 thuyền ; đội Kiên-thủy, 3 thuyền. Lại có 3 thuyền tạm binh đề phòng giữ giặc biển.

Dinh Bình-thuận có Trung-cơ, 7 thuyền, cùng mã-đội (Cai-đội kiêm Khám-đoán ? quản 4 thuyền, Phiên-vương (2) quản 2 thuyền, Cai-bộ quản 1 thuyền, Ký-lục quản 1 thuyền) ; đội Bình-thủy, 2 thuyền đề canh giữ cửa Mũ-i ; đội Súng-bộ, 3 thuyền ; đội Tuyển-phong 2 thuyền. Lại có 3 thuyền tạm binh đề canh giữ giặc biển. Có

(1) *Ở dinh Quảng-nam và các dinh dưới đây, không thấy chép số binh.*

(2) *Tức vua Chiêm-thành, trấn Thuận-thành.*

thuyền Tiền thuận thuộc Phiên-vương Thuận-thành, có một Cai-cơ, 1 Cai-đội người Chiêm, binh cũng người Chiêm, chỉ miễn cho sưu thuế, chứ không cấp lương, số binh cũng không tính.

Dinh Trấn-biên có Trung-cơ, 8 thuyền (chức Lưu-thủ quản 7 thuyền, Ký-lục quản 1 thuyền, đội Binh-bộ 3 thuyền; đội Súng-bộ 3 thuyền; đội Kiên-thủy 4 thuyền; đội Tân-tiệp 3 thuyền, để giữ dân Hà-bạc (?) và giữ đảo Côn-lôn; đội Hùng-ngự 3 thuyền để giữ trường voi; đội Tráng-ngự 3 thuyền để giữ ngã ba Long-cốt (Xương-rồng ?) : 3 đội sau ấy gồm 9 thuyền, mỗi thuyền 50 người, đều lấy dân địa-phương sung vào, được miễn sưu thuế, Cai-đội và chánh, thứ Đội-trưởng đều do quan sở tại lựa người sung bổ, miễn cho sưu thuế.

Dinh Phiên-trấn, có Trung-cơ, 7 thuyền, cùng mã-đội (Giám-quân Cai-đội quản 4 thuyền, Ký-lục, Cai-án, Cai-bộ mỗi chức quản 1 thuyền); đội Tân-nhung 3 thuyền; đội Thắng-thủy 3 thuyền, đội Tả-long 3 thuyền, đội Tả-tiệp 3 thuyền; đội Hữu-tiệp 3 thuyền, để giữ xứ Đồng-tranh (?); đội Tiền-tiệp 3 thuyền, đội Hậu tiệp 3 thuyền, cùng giữ sông Ba-thắc xứ Cần-thơ. Bốn đội, 12 thuyền này, mỗi thuyền 50 người, đều lấy dân địa-phương sung vào, miễn cho sưu thuế, Chánh, Thứ Đội-trưởng đều cho quan sở tại lực người sung bổ, miễn cho sưu thuế.

Dinh Long-hồ có đội Hùng-nhuệ, 3 thuyền ; đội An-bộ 5 thuyền ; đội Cường-bộ 3 thuyền ; đội Minh-bộ 3 thuyền ; đội Tân-thắng 3 thuyền ; mỗi thuyền 50 người, được miễn sưu thuế. Còn trên đất thuộc Cao-miên, các tướng chia nhau đặt đề, nha quan-thứ có các quan văn trông coi các việc, có quan coi việc từ tụng, có quan coi voi ngựa, có quan coi kho lúa, có quan chia giữ các xứ Thủy-tung ? Long-chi, Đống-kha ? Đống-mễ ? , Nam-vang, số binh không tính.

Trấn Hà-tiên có 8 thuyền, (Tổng-binh quản 6 thuyền, Cai-bộ, Tri-bộ mỗi viên quản 1 thuyền) ; đội Thủy-thắng 3 thuyền, đội Hùng-bộ 3 thuyền ; và các đội Tả-thủy, Hữu-thủy.

Các kho đều có binh canh giữ.

Các số mục trên đây trích dịch ở V.B.T.L và do ông Lê quí Đôn theo sổ bộ lấy được ở Phú-xuân mà chép lại. Ngoài ra V.B.T.L có thuật lại lời của một viên quan của chúa Nguyễn trình bày về binh số các dinh, trấn ở Gia-định rõ - ràng hơn. V.B.T.L. viết : «...Cai-bộ phủ Gia-định là Hiến-đức hầu Nguyễn Khoa Thuyên, ở trấn 16 năm, ngày tháng 5 năm bính-thân vì loạn, vượt biển đến hàng, hỏi về thực số quân dân xứ ấy, y cho biết thổ-binh 3 dinh có đến mấy vạn, vì họ Nguyễn từ trước vốn dốc lòng khai thác miền Nam, chiếm lấy đất màu mỡ ấy, nên gọi dân đến ở, mộ binh, chia ruộng, chứa lúa, để trấn áp Chiêm-thành, Cao-miên, chế ngự Tiêm-la, đóng đồn các

nơi trong xứ, sắp đặt rất kỹ, nhờ đó mà đến khi bôn ba có thể dừng chân, giữ yên. Xin chép như sau :

Dinh Trấn-biên, tinh-binh 20 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 1.000 người, ghe bầu Hải-sư 18 chiếc, đội thuyền Mã-hậu lệ không có ghe bầu ; các thuyền thuộc-binh được miễn sưu thuế, có 20 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 1.000 người, chiến thuyền 20 chiếc ; tạm-binh được miễn sưu, phỏng 100 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 4000 người, chiến-thuyền phỏng 100 chiếc. Huyện Phước-long có hơn 25 thôn, dân số 8000 người, lệ thuế ruộng hơn 2000 hộc. Các thuộc Canh-dương, Thiên-mụ, Hoàng-lạp có phỏng 40 thôn nậu, dân số 1000 người, phải nạp thuế, có 20 chiếc chiến thuyền; thuộc Ô-tất gồm phỏng 30 nậu, dân số ước 500, có 10 chiếc chiến thuyền . . . Giữa cửa Tắc-khai, có 3 đội quân, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 360 người; giữ cửa Cần-giờ, giữ nguồn Đồng-mâu (?) giữ Nước-sông (?) đều như thế. Giữ Quảng-hóa có 5 đội quân, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 48 người, cộng 722 người, giữ Tuyên-uy (?), Bà-rịa, Mỗ-xoài cũng đều như thế. Dinh Phiên-trấn, tinh-binh 20 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 1000 người, ghe bầu-Hải-sư 18 chiếc, thuyền Mã-hậu không có ghe bầu. Thuộc-binh phỏng 20 thuyền, mỗi thuyền 50 người, cộng 1000 người, chiến-thuyền 20 chiếc. Tạm binh phỏng 100 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 4000 người, chiến thuyền 100 chiếc. Huyện Tân-bình có hơn 350 thôn, số dân hơn 15.000 đinh, thuế ruộng hơn 3000 hộc. Tam lạch (?) có hơn 100 thôn, số dân 4000 đinh, chiến thuyền 70 chiếc,

ruộng hơn 5000 thửa, Qui-an (?), có hơn 100 thôn, dân hơn 3000 đinh, chiến-thuyền 50 chiếc, thuế ruộng hơn 5000 hộc ; 3 trại Bả-canh, Ba-lai, Rạch-kiến có 100 thôn, dân 4000 đinh, chiến-thuyền 70 chiếc, ruộng hơn 4000 thửa. Giữ cửa Soài-rạp có quân 3 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 360 người. Giữ cửa Đồng-tranh (?), giữ cửa Đại, cửa Tiểu, giữ cửa Bà-lai, cũng đều như thế. Giữ Trường-đồn ở Mỹ-tho có 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 48 người, cộng 720 người; giữ Đường-sử, (?) nguồn Ba-can (?) cũng như thế. Đinh Long-hồ có tinh-binh 20 thuyền, Mỗi thuyền 50 người, cộng 1000 người, ghe bầu hải-sư 18 chiếc, và thuyền Mã-đội. Tạm binh hơn 300 thuyền, phỏng 12.000 người. Châu Định-viễn có 350 thôn, dân 7000 đinh, ruộng 7000 thửa. Các Thủ-ngự miền thượng nguyên: giữ Phiếm-bái (?) có 3 đội quân, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 360 người, chiến-thuyền 9 chiếc, giữ cù-lao Dao-chiêu (?), rạch Ông Chưởng, giữ Tân-châu, giữ Chiến-sai (?), giữ Hùng-thắng (?), cũng đều như thế. Các Thử-ngự miền Tiền-giang: giữ đạo Đông-khẩu, quân 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 48 người, cộng 720 người, chiến-thuyền 15 chiếc; giữ đạo Tân-thắng cũng như thế; giữ trường Giao-dịch có 3 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 360 người, chiến-thuyền 9 chiếc; giữ Mộc-hãn (?), giữ Vũng-liêm, giữ Lãng-thi (?), giữ Bến-tranh cũng như thế; giữ Quang-phục (?) có 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, chiến thuyền 15 chiếc. Thủ-ngự

các cửa biển giữ cửa Bãi-ngao (?), có 3 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 360 người, chiến thuyền 9 chiếc; giữ cửa Tiểu-hổn, giữ cửa Cổ-chiên (?), giữ cửa Trà-vinh, giữ cửa Cái-lóc (?), giữ cửa Thanh-hải (?) cũng đều như thế; giữ cửa Thu-tu (?) có 1 đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 120 người; giữ cửa Rạch-giá cũng như thế; hai nơi nầy chiến-thuyền 3 chiếc. Các Thủ-ngự ở Hậu-giang: giữ Cường-uy (?) có 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, cộng 720 người, chiến-thuyền 15 chiếc; giữ Tà-ôn (?) giữ Cần-chung (?), giữ bãi Bà-lúa (?), giữ Thâm-trừng (?), giữ Chắt-trang (?) cũng như thế.»

Quân-chế định (1): dân ở xã mới về, hay dân mới đến ở thì để cho 3 năm yên nghiệp làm ăn, hết hạn, xã ấy mới được lấy người ấy làm lính; — Người dân nào 50 tuổi trở lên và thấp bé, cô độc, thì được miễn đi lính; — Nhà nào có 2 con trai thì chỉ lấy 1 người đi lính, người kia ở nhà giữ nhà; cha mẹ già mà không có con gái, chỉ có con trai thì đều được miễn đi lính; — Thuyền nào có lính trốn thì trình lên, quan công-đường dinh ấy bắt Tướng-thần, Xã-trưởng xã người lính trốn định người thay thế, giao cho sai-nhân điệu về; sai-nhân về nã binh lính ở xã nào thì được thu ở xã nấy 1 số tiền hành-lý, xã lớn (100 người trở lên), 1 quan; xã vừa (50 người trở lên) 5 tiền; xã nhỏ (dưới 50

(1) *Tiết này dịch theo V.B.T.L.*

người) 3 tiền. Ở xa như phủ Thăng-hoa, phủ Điện-bàn thì 2 quan, phủ Quảng-ngãi, phủ Qui-nhơn 3 quan, phủ Phú-yên 4 quan, sai-nhân nhiễu lạm và bản phủ dung, ẩn, đều có tội; sai-nhân về nã binh lính trốn thì xã ấy thu ở họ người lính trốn cho người sai-nhân 5 tiền hành-lý; — Người lính nào được cấp vào bản thuyền thì cho miễn công dịch 3 tháng để cho người ấy làm ở nhà. Về tiền công dụng cũ như tiền nồi, tiền xưởng của bản thuyền, không được bắt người lính mới ấy phải chịu, thuyền nào hà-khắc với lính mới thì Đội-trưởng phải phạt, Ngũ-trưởng phải giáng; — cấm các quan cơ đội đem quân lính sửa sang nhà riêng, vườn riêng, ai trái lịnh thì đình, không cấp ngu-lộc.

Chánh-binh được cấp lương tháng, có một số thuyền không lãnh lương tháng thì được cấp tô ruộng của bản-xã, hoặc xã khác, hoặc được cấp một số nhiều-phu làm ngu-lộc. Quân lính mỗi khi thắng trận được thưởng bạc, tiền.

Về binh-khí, từ chúa Hy-tông đã đặt ty Nội Pháo-tượng 內 礮 匠 và hai đội Tả, Hữu Pháo-tượng để đúc súng tay, súng đại-bác. Ty Nội Pháo-tượng có 1 Thủ-hợp, 1 Ty-quan, 38 người thợ, 2 đội Tả, Hữu Pháo-tượng có 12 Ty-quan, 48 người thợ. Từ năm 1614 có 1 người Âu-châu tên là Joao Da Crux, sách Pháp gọi là Jean de la Croix, người Bồ-đào-nha, hoặc Y-pha-nho lai Ấn-độ, đến Đường-trong, trú tại Kim-long, ở nơi mà nay gọi là Phường-đúc, làm nghề thợ đúc, đã đúc cho chúa

chúa nhiều súng tay và đại-bác, và truyền dạy nghề này cho nhiều người. Các chúa cũng thường được các thuyền buôn Âu-châu đem đến bán, có khi tặng các thứ súng và đại bác Âu-tây, và sai người đi các nơi mua các thứ súng, đại-bác Âu-tây. Việt-sử-yếu viết : «Binh-chế Nam triều gồm có 5 cơ Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Vua Hiếu-chiêu (chúa Thượng) lập trường tập bắn ở xã Hoằng-phước, diễn trận voi, ngựa, cứ mỗi năm, sau 7 tháng, ngày nào cũng luyện tập. Ở Nam-triều, quan-chế, thí-pháp không đầy đủ như ở Bắc-triều, hình-thư còn thiếu, vì là ở thời kỳ sáng-lập, nhưng việc luyện binh, giảng võ, các đời đều noi theo (vua Hiếu-chiêu), cho là yếu-tố, thực là hơn hẳn Bắc-triều, cho nên hun-đúc được tinh-thần thượng võ, và đạt được mục-đích kháng cừu (1)».

3.) Phép Duyệt-tuyển. Thuế đinh và các thuế phụ

Chúa Hy-tông với ý định lập giang-sơn riêng, sau khi bãi bỏ các cơ-quan hành-chính của triều Lê, đặt tam ty để thay thế, năm nhâm-thân (1632), bắt đầu thi hành phép duyệt-tuyển 閱選. Duyệt tuyển là duyệt dân, chia ra từng hạng để đánh thuế, và tuyển binh. Đó là một điển-lệ quan-trọng của quốc-gia, phải do lệnh triều-đình ban hành, nay chúa Nguyễn tự ý quyết định, ấy tỏ rằng Thuận, Quảng thoát ly uy quyền nhà Lê vậy.

Phép này, chúa Hy-tông noi theo qui-chế đời Hồng-đức, và các chúa kế sau đều thi-hành: 6 năm 1 lần duyệt

(1) *Việt-Sử-yếu quyển III.*

tuyển lớn, gọi là Đại-điển, 3 năm 1 lần duyệt tuyển nhỏ, gọi là Tiểu-điển. Đến năm duyệt-tuyển thì tháng giêng sai các tổng, xã làm sổ hộ-tịch, để riêng dân chánh-hộ là dân chánh quán ở xã, và dân khách-hộ là dân ngụ cư, rồi chia làm các hạng:

1) Tráng 壯 là hạng mạnh khỏe để sung vào quân đội ;

2) Quân 軍 là hạng người được ở nhà làm ruộng, đến khi quân ngũ có thiếu thì theo thứ tự trong sổ lấy mà bổ sung :

3) Dân 民 là người tự 18 tuổi trở lên hhông được chọn làm binh lính :

4) Lão 老

5) Tật 疾 là người tàng tật ;

6) Cố 雇 là người làm thuê ;

7) Cùng 窮 là người nghèo túng ;

8) Đào 逃 là người bỏ trốn.

Đến tháng 6 thì duyệt tuyển. Ở các địa-phương, lập lên các tuyển-trường, có quan văn, võ do trung-ương phái đến phụ trách việc duyệt tuyển. Thời ấy, lập 1 trường cho 3 huyện Hương-trà, Quảng-điền, Phú-vang, 1 trường cho 3 huyện Võ-xương, Hải-lăng, Minh-linh, 1 trường cho huyện Khương-lộc, 1 trường cho huyện Lệ-thủy, 1 trường cho châu Nam Bố-chính, 5 phủ Điện-bàn, Thăng-hoa, Quảng-ngãi, Hoài-nhân, Phú-yên mỗi phủ 1 trường, sau khi đặt phủ Thái-khương (sau đổi là Bình-khương) thì

lập 1 trường ở đấy, đến năm mậu-tý (1708) chúa Hiền-tông lập thêm 1 trường ở phủ Bình-thuận, 1 trường ở phủ Gia-định, cộng cả thảy 13 trường.

Duyệt-tuyển ở tuyển-trường 1 tháng thì xong. Xã nào thấy sự ấn-định các hạng dân có nặng cho mình có quyền làm đơn xin xuống hạng. Định lệ thu thuế sai-dư 差餘 (1) các hạng dân như sau: ở Thuận-hóa, về chánh hộ, con cháu quan viên, (quan, viên, tử, tôn,) nạp 1 quan; tráng hạng 2 quan; quân hạng 1 quan 5 tiền; dân hạng 8 tiền; lão hạng 1 quan; tật hạng, cố hạng đều 5 tiền; cùng hạng 3 tiền; đào hạng 2 tiền. Về khách-hộ, con cháu quan viên nạp 3 tiền; tráng hạng 1 quan; quân hạng 7 tiền, dân hạng, lão hạng đều 5 tiền; các hạng cố, cùng đào, tật đều được miễn. Còn các người viên chức cũ như cựu Xã-trưởng, cựu Tướng-thần, cựu Tri-phủ, cựu Tri-huyện, cựu ưu-binh v.v... cũng phải nạp sai-dư và phụ thu, nhưng nhẹ hơn.

Ở Quảng-nam, đại khái, về chánh-hộ, tráng hạng nạp 2 quan; quân hạng 1 quan 7 tiền; dân hạng 8 tiền; lão hạng 9 tiền; cố hạng chia làm 3 hạng: hạng nhất 1 quan 5 tiền, hạng nhì 1 quan, hạng ba 7 tiền; tật hạng 6 tiền; cùng hạng 3 tiền, đào hạng 2 tiền. Về khách-hộ, tráng hạng 1 quan 2 tiền, quân hạng 1 quan,

(1) *Thuế sai-dư là thuế phải nạp ngoài các sai dịch, tức là thuế thân.*

dân hạng, lão hạng đều 6 tiền ; tật hạng 4 tiền, các hạng cùng, đào được miễn.

Đại khái, thuế chánh-hộ nặng hơn khách-hộ.

Các số tiền thuế sai-dư của các hạng trên đây định từ năm nhâm-thân (1632), nhưng xem trong V.B.T.L. ông Lê Quí Đôn đã chiếu theo sổ thuế đời chúa Duệ-tông mà chép lại thì thấy các sổ ấy vẫn không thay đổi, sau 150 năm.

Tuy là có duyệt tuyển, nhưng thường mỗi xã, mỗi thuộc, số người cố, cùng, đạo, được định theo số người nạp thuế, ví-dụ như ở phủ Điện-bàn, cứ 100 chánh-hộ nạp thuế sai-dư thì trong đó cho được có 10 người hạng cố, 10 người hạng cùng và 15 người hạng đào ; ở các thuộc kim-hộ, hễ chánh-hộ thực nạp 100 người thì cho được có 25 người hạng cùng, hạng đào v.v...

Ngoài thuế sai-dư, các hạng đều phải nạp các món tiền phụ thu nầy : tiền tiết-liệu 節料 là lễ Tết, tiền thường-tân 嘗新 là lễ cơm mới, và cước mễ đại nạp tiền 脚米代納錢, gọi tắt là tiền cước-mễ (gạo cước) là tiền để chuyên chở thóc thuế, nhiều ít tùy hạng, duy hai hạng cùng, đào trong chánh-hộ và các hạng trong khách-hộ thì đều được miễn. Như ở Thuận-hóa, Chánh-hộ hạng tráng nạp tiền lễ Tết 3 tiền 30 đồng, tiền thường-tân 3 tiền 30 đồng, gạo cước-mễ thay bằng tiền là 6 tiền ; hạng dân nạp tiền Tết 2 tiền 30 đồng, tiền

thường-tân 2 tiền 30 cồng, cước-mễ 6 tiền ; hạng cố cước mễ 3 tiền, hạng lão tiền Tết 2 tiền 30 đồng, tiền thường-tân 2 tiền 30 đồng, cước mễ 6 tiền ; hạng tật tiền Tết 2 tiền 15 đồng, tiền thường-tân 2 tiền 15 đồng, cước mễ 6 tiền ; các tiền trên đây do quan bản-huyện thu, rồi nạp ở ty Tướng-thần-lại bản dinh, Cai-thu chuyển nạp lên ty Tướng-thần-lại Chánh-dinh hoặc bộ Hộ ; còn các xã, thôn, phường, thuộc Nội-phủ vi-tử thì do Nội-lệnh-sử thu riêng. Cũng có xã, huyện được miễn một hoặc nhiều trong các món tiền phụ thu ấy, ví dụ như huyện Minh-linh được miễn tiền tiết-liệu, hai huyện Khương-lộc, Lệ-thủy được miễn tiền thường-tân và tiết-liệu, châu Nam Bố-chính được miễn các tiền tiết-liệu, thường-tân và cước-mễ, nói là vì phải đắp trường lũy khó nhọc, các xã thuộc Nội-phủ ở huyện Hương-trà được miễn tiền cước-mễ và giảm hai phần ba tiền thường-tân và tiết-liệu.

Ở các tuyển-trường, xã dân còn phải nạp tiền giữ cửa trường (守門例) và các lễ trình diện các quan phải đến phụ trách việc duyệt tuyển. Đời chúa Hiển-tông, trong thể-thức duyệt-tuyển có định : về lệ tiền giữ cửa, xã lớn 100 người trở lên nạp 3 tiền, xã trung 70 người trở xuống nạp 1 tiền 30 đồng, xã nhỏ 30 người trở xuống nạp một tiền ; lễ trình-diện của các xã, thôn, phường, cứ 100 người dân nạp 5 tiền ; người dân nào trên 60 tuổi, được ghép làm lão-nhiêu, phải nạp một tiền.

Các món tiền ấy sẽ chia cho các quan, viên phụ trách duyệt tuyển.

Các nhà sư Phật - giáo, nếu có quan điệp (giấy của quan cấp chứng nhận là tăng), và có trai giới, tu hành thì được miễn thuế và các thứ sưu sai.

Phú thuế xứ Quảng-nam nặng hơn và khác với Thuận-hóa. Và ở mỗi phủ xứ Quảng-nam, dân phải nạp thuế sai-dư, tiết - liệu, thường-tân ở 3 trường riêng, số tiền, gạo mỗi thứ thuế cũng không nhất luật đồng nhau. Tiết-liệu và thường-tân nạp bằng gạo và tiền.

Lại có những xã, thuộc làm công nghệ hoặc có sản-vật riêng thì cho nạp sản-phẩm thay tiền sai-dư, hoặc thay sưu dịch. Như huyện Phú-châu nạp lụa thay sai-dư, châu Dinh-trận đông, tây, nạp hồng hoa (một thứ hoa làm thuốc) thay tiền sai - dư : thuộc Kim-bộ (hộ lấy vàng) nạp vàng, thuộc Tịch-tượng (thợ làm chiếu) nạp chiếu thay tiền sai-dư ; các thuộc Châu-sơn nội, Châu-sơn ngoại nạp kỳ-nam hương thay sưu dịch ; các xã Thạch-thành, Thạch-bình, Thạch - an nạp võ gai thay sưu dịch. Các xã ở duyên-hải làm nghề đánh cá thì nạp mắm (mắm mòi, mắm ướp, nước mắm, dầu cá) thay tiền sai - dư hoặc các tiền phụ thu, sưu, tính (1).

---

(1) So sánh với thuế đinh ở Bắc-hà trong thời-gian ấy : đời vua Thần-tông năm Vĩnh-tộ thứ 7 (1625), ra lệnh : ... Về tiền quý (thuế thân) ở 4 trấn thì hạng lính không từng chinh

Hai xứ Thuận, Quảng, có một số xã thôn, phường gọi là Nội vi-tử 內圍子 về thuế khóa, trực thuộc Nội-phủ ; thuế sai - dư, các món phụ thu cũng như thuế điền của các xã, thôn, phường, nội-vi-tử do Nội - lệnh-sử thu để

...mỗi người nạp 3 quan 5 tiền, hạng quân mỗi người nạp 1 quan 5 tiền, hạng dân mỗi người nạp 1 quan 2 tiền 30 đồng, sinh-đồ, cựu Tướng-thần, xã-trưởng, hạng lão, điền-lại, thông-lại đương làm việc, và nhà sư, đạo-sĩ, giáo phường (con hát) mỗi người nạp 1 quan, người tàn tật, bất cụ nạp 8 tiền. Tiền quý của các hạng nói trên mỗi năm chỉ thu mỗi người 7 phần, miễn cho 3 phần ; quan viên, giám-sinh, lão-nhiêu đều được miễn. Ngoài ra các xã dân còn phải nạp 7 lễ là : Thượng-tiến là tiến lên vua, Thường-tân là lễ cơm mới, Tiết-liệu là lễ Tết, Cung-tiến là lễ tiến lên chúa (Trịnh), Kỵ-thời là lễ kỵ ngày chết của các vua, chúa, sinh-nhật là lễ ngày sinh các vua, chúa. Hàng năm, ba lễ Thượng-tiến, Thường-tân, và tiết - liệu thì mỗi tổng phải nạp 5 tiền và 100 bát gạo : các lễ cung-tiến, kỵ-thời, sinh-nhật thì mỗi xã nạp một quan.

Đời vua Huyền-tông, năm Cảnh-trị thứ 2 (1664), theo kiến nghị của Tể-tướng Phạm-công Trứ, định bình-lệ (là lấy số dân 1 năm nào đó làm bình-lệ, sau cứ theo đó mà đánh thuế, số dân thêm lên không tính, hao hụt không trừ). Về phú thuế các trấn, tính số dân đinh mà đánh thuế gọi là tiền quý, mỗi người một quan 8 tiền, ở các trang trại mới lập, mỗi người một quan. Về bảy lễ (thường tiến, thường tân...) mỗi người dân nạp 2 tiền và 4 cáp rưỡi gạo.

nạp cho Nội-phủ. Theo bộ sổ năm kỷ-sửu (1769) đời chúa Duệ-tông, thì xứ Thuận - hóa, hai phủ, 8 huyện, 1 châu, số dân đinh là 126.850 người, từ Quảng - nam đến Gia-định, 9 phủ, 25 huyện, số đinh là 165.060 người.

4). **Thuế điền, các thứ thuế đầu nguồn, tuần-ty, đầm, hồ, chợ, đò, vàng, bạc, sắt, muối.**

Thời chúa Thái-tổ, mỗi năm, mùa gặt xong, sai người đến tận nơi chiếu theo số ruộng đất cày cấy mà thu thuế. Đời chúa Hy-tông, năm mậu-ngọ (1618),

---

...Năm Bảo-thái thứ 3 (1722), định thuế thân là 1 quan 2 tiền quý và 4 bát gạo ; sinh-đồ, lão hạng (50 tuổi trở lên) và hoàng-đinh (từ 17 đến 19 tuổi) chỉ phải nạp một nửa. Về tạp dịch; từ buổi đầu trung hưng, các việc về bài, biểu, tế, khoán đều do phần các hộ phải đóng góp. Bài là những ngày sinh nhật, ngày nguyên-dán, các nha môn làm lễ bái vọng vua, chúa ; biểu là dâng biểu mừng trong các ngày lễ của vua chúa, hai lễ này đều có hát xướng, yến tiệc ; tế là tế đinh (tế Khổng-tử) tế âm - hồn, tế tứ quý ở các đền, miếu, tế bách thần về mùa xuân ? khoán là các việc làm đê, làm đường, cầu cống, kho tàng, trường thi. Từ trước chiếu suất đinh mà chia ra để thu, nạp, có nhiều khi thu quá mức, lại các người thừa hành thúc giục, thường làm phiền nhiễu dân. Năm ấy (Bảo-thái thứ 3) định lệ mỗi suất đinh cứ mùa hạ, mùa đông hai kỳ, mỗi kỳ nạp 6 tiền để quan trên thuê người làm thay. (Trích dịch L.T.H.C)

sai quan đo đạc ruộng công của các xã dân để thu thuế. Đến đời chúa Thái-tông, việc đo đạc mới chu đáo hơn, và các hạng, ruộng, đất, cùng ngạch thuế được ấn định rõ ràng. Năm kỷ-dậu (1669), sai bọn văn-thần Hồ Quang Đại chia nhau đi bao đạc những ruộng đất thực cày cấy của các xã dân các hạng, định làm 3 hạng, và chia các hạng ruộng mùa thu và đất khô, để thu thuế.

Bấy giờ có các thứ ruộng này : ruộng công 公 田 là ruộng công của các xã thì chia cho dân cày, nạp thuế, ruộng quan đồn-điền 官 屯 田 là ruộng quân lính đã khai-khẩn, nay thuộc về nhà nước ; ruộng quan điền-trang 官 田 莊 là ruộng công của nhà nước ; còn người nào xuất lực khai khẩn rừng hoang để cày thành ruộng thì trưng làm ruộng tư, gọi là «bản bức tư điền» 本 幅 私 田, được giữ vĩnh viễn mà nạp thuế riêng, xã dân không được tranh chiếm.

Công-điền thì do ty Tướng-thần-lại hoặc bộ Hộ giữ sổ sách thu, nạp, lúa tô chứa ở kho địa-phương sở tại ; còn quan đồn-điền, quan điền-trang (1) đất bãi bồi (花 洲) ruộng hoang mới khẩn thì do ty Nội-lệnh-sử giữ sổ sách, cấp ngụ-lộc cho các quan, còn dư

---

(1) Xem trong V. B. T. L. thì chỉ ở Thuận-hóa, có quan đồn-điền, quan điền-trang, từ Quảng-nam trở vào, bấy giờ không có hai thứ ruộng này.

thì cho dân cày nạp thuế, hoặc sai lính cày, gặt nạp vào nội-phủ.

Từ năm ấy (1669), thuế lệ định như sau :

Ruộng công nhất đẳng, mỗi mẫu nạp thuế bằng lúa 40 thăng,

Nhị đẳng mỗi mẫu 30 thăng.

Tam đẳng mỗi mẫu 20 thăng.

Ruộng mùa thu và đất khô thì không chia hạng, cứ mỗi mẫu nạp 3 tiền; không đủ mẫu thì nạp 1 tiền. Quan đồn-điền mỗi mẫu 1 quan hoặc 9 tiền, hoặc 6 tiền, 5 tiền, hoặc 3 tiền 30 đồng. Ruộng khô mỗi mẫu 4 tiền, hoặc 1 tiền 30 đồng, hoặc hai tiền, hoặc 2 tiền 30 đồng. Ruộng hoang mới khai-phá nạp mỗi mẫu 3 tiền. Bãi mầu ở Thuận-hóa mỗi mẫu nạp 3 quan hoặc 3 tiền.

Các hạng ruộng công, tư, nạp gạo « đầu mẫu » : ruộng nhất đẳng nạp mỗi mẫu 8 hợp gạo, ruộng nhị đẳng nạp gạo mỗi mẫu 6 hợp, ruộng tam đẳng mỗi mẫu nạp gạo 4 hợp. Lại cứ một thăng lúa thuế thì phải nạp tiền phụ 3 đồn. Gạo đầu mẫu và tiền phụ ấy là để làm ngu-lộc cho các quan, viên, phụ trách việc thu thuế, như Cai-trưng, Cai-lại, Hậu-thuyền (người hầu thuyền) Khán-lượng (người đong lúa) và các quan Đề-đốc, Đề-lãnh v.v... Quan đồn-điền mỗi mẫu nạp 1 tiền trầu cau, ruộng khô mỗi mẫu nạp 1 tiền hoặc 30 đồng tiền trầu cau,

cũng để cung đốn viên chức đi thu thuế. Về sau, chúa Thái-tông thấy ruộng hoang khai khẩn một ngày một nhiều, đặt ty Nông-lại để coi việc thu thuế ruộng mới khai phá.

Mỗi năm đến kỳ thu thuế, các xã, thôn, và công-điền đem thóc gạo đến nạp trữ ở đình, rồi đưa đến kho công, các quan phụ trách việc thu thuế chờ đợi ở đấy, chiếu sổ mà thu, và giao lại quan Đề-lãnh kho sai binh giữ kho đem cất vào kho.

Các kho là : ở Thuận-hóa ban đầu có 7 kho là kho Thọ-khương (huyện Phú-vang), kho Nguyệt-biều (huyện Hương-trà, kho Thạch-hãn (huyện Hải-lăng) kho Lai-cách (huyện Minh-linh), kho An-trạch (huyện Lệ-thủy), kho Trung-trinh và kho Trường-dục (huyện Khương-lộc). Từ Quảng-nam trở vào nam có 12 kho là : kho Tân-an (phủ Thăng-hoa), kho An-khương, kho Tư-cung (phủ Quảng-ngãi) kho Phú-đăng, kho Thời-phú, kho Đạm-thủy, kho Càn-dương (phủ Qui-ninh), kho An-toàn, kho Xuân-đài (phủ Phú-yên) kho Phú-yến (phủ Bình-khương),kho Phước-yên(huyện Diên-ninh), kho Tân-định (xứ Gia-định), Thời Chúa Thế-tông, năm tận-dậu (1741), chúa cho rằng Gia-định đất rộng, lập 9 kho để cho dân tiện việc lập ấp, vỡ ruộng và nạp thuế: kho Qui-an, kho Qui-hóa, kho Cảnh-dương, kho Thiên-mụ, kho Quản-thảo, kho Hòa-lạp, kho Tam-lạch, kho Bã-canh, kho Tân-thịnh. Các kho ấy chất chứa lúa, tiền thuế ruộng và thuế sai-dư.

Kho chứa lúa cần những tấm cót tre dài 8 thước, rộng 7 thước rưỡi và do người có ruộng phải cung cấp. Cứ thuế nạp 1000 thăng thì nạp 5 tấm cót, nếu thay bằng tiền thì tính mỗi tấm 2 tiền. Ngoài việc dùng vào kho, người ta thu thêm một số cót, mỗi huyện 100 tấm, tính bằng tiền để làm ngụ-lộc cho các quan, viên chức coi việc thu thuế và lính giữ kho và làm lễ biếu các quan tứ trụ, lục bộ . v v... Ngoài ra, các xã phải nạp tiền khoán-khố, là tiền dùng vào việc sửa chữa kho khi hư hỏng.

Theo bản tính đinh điền, thuế khóa mà chúa Duệ-tông sai làm năm kỷ-sửu (1769) thì xứ Thuận-hóa 2 phủ 8 huyện, 1 châu, ruộng hơn 153.180 mẫu, từ Quảng-nam đến Gia-định, 9 phủ, 25 huyện, 1 châu, ruộng 270.000 mẫu khoảnh (I).

Thuế ruộng công và ruộng tư của xứ Thuận-hóa từ năm quý-tỵ (1773) là năm trước năm chúa Duệ-tông chạy vào nam, mỗi năm, theo lệ là 3.217.657 thăng, thực thu được 3.112.762 thăng, (2) (Quan đồn điền, quan điền-trang, ruộng mới khai-phá và đất bãi do Nội-lệnh-sử thu, không tính vào đây) (2).

---

(1) Theo T.L.T.B. khoảnh đây có lẽ là chỉ diện-tích trên dưới một mẫu, vì ruộng mới khai khẩn chưa đo đạc, nên nói phỏng chừng.

(2) Theo V.B.T.L.

Xứ Quảng-nam gồm cả Gia-định, 25 huyện, 1 châu, ruộng thực trưng hơn 27 vạn mẫu, và lúa thuế mỗi năm là 6.108.524 thăng, không kể gạo và tiền (ruộng bỏ hoang, ruộng mới trưng, mới khai khẩn, đất dâu, đất phù-sa, đất mía cùng đất vườn trầu và tiền lãnh canh quan đồn-điền, ruộng núi ở Gia-định đều không tính vào đây). (1)

Ở các cửa biển, đèo, ải, cửa sông, nơi nào mà người buôn bán thường qua, lại, thì đặt sở tuần-ty 巡司 (gọi tắt là sở tuần) để đánh thuế hàng hóa. Hai xứ Thuận, Quảng phía tây giáp núi Trường-sơn, nhiều con sông từ núi Trường-sơn chảy qua các bình-nguyên, miền thượng lưu các sông ấy gọi là nguồn (源 nguyên chúa Hy-tông đổi gọi là tuyền 泉) Người Việt và người thượng thường gặp nhau ở các nguồn để trao đổi hóa-vật, nên ở các đầu nguồn cũng đặt sở tuần-ty.

Người ta thấy bấy giờ thuộc huyện Hương-trà có sở tuần Tam-kỳ (hàng năm tiền thuế 132 quan) (2), tuần cửa Eo, (cửa Thuận) ; thuộc huyện Quảng-điền có tuần Hiền-sĩ ; thuộc huyện Đăng-xương, có tuần Lâm-lang (hàng năm tiền thuế hơn 35 quan), tuần Ngưu-tất (tiền thuế 121 quan), tuần An-khương (tiền thuế 110 quan) ; thuộc huyện Hải-lăng có tuần nguồn Long-xã, Trường-

(1) *Theo V.B.T.L.*

(2) *Tên các sở tuần-ty và số thuế chép dưới đây là theo V.B.T.L.*

phước (tiền thuế 29 quan), tuần Viên-kiệu (tiền thuế hơn 89 quan) ; thuộc huyện Minh-linh có tuần nguồn Du-xã, tuần Tân-lộc, (tiền thuế hơn 39 quan), tuần Cổ-lâm (tiền thuế hơn 32 quan). Xứ Quảng-nam, thuộc phủ Thăng-hoa, có tuần Tiểu-áp (tiền thuế 60 quan), tuần Đại-chiêm (tiền thuế 75 quan), tuần cửa biển Đà-nẵng (tiền thuế 64 quan), tuần Ô-gia (tiền thuế 275 quan), tuần Thu-bồn (tiền thuế 516 quan), tuần Lạch-nhỏ, Hoa-nông (tiền thuế hơn 73 quan) ; thuộc phủ Quảng-ngãi có tuần Mỹ-ý (nay là Mỹ-á, tiền thuế hơn 37 quan) tuần đèo Mộ-nô, Cẩm-khê (tiền thuế hơn 276 quan), tuần cửa Sa-kỳ (tiền thuế hơn 560 quan), tuần cửa Đại Cổ-lũy, (tiền thuế 150 quan), tuần cửa Thái-cần (tiền thuế hơn 84 quan), thuộc phủ Qui-nhơn, có tuần cửa Đề-gi (tiền thuế hơn 100 quan, tính luôn cả thuế đò ở đấy), tuần cửa Kim-bồng (tiền thuế 100 quan), tuần cửa Thời-phú (tiền thuế 150 quan), tuần cửu Thị-nại (tiền thuế 470 quan) ; thuộc phủ Phú-yên có tuần đèo Cù-mông (tiền thuế hơn 466 quan, tính luôn cả thuế đò ở đấy), hai sở tuần cửa Đà-nông (tiền thuế hơn 36 quan), tuần cửa Ô-luân (tiền thuế 62 quan), tuần cửa Xuân-đài (tiền thuế hơn 31 quan), tuần cửa Đà-diễn, (tiền thuế hơn 34 quan); thuộc phủ Bình-khương có tuần Tắc-cu cửa Nhũ (tiền thuế hơn 107 quan), tuần Bình-khương (tiền thuế hơn 155 quan), tuần đèo Thạch-vọng (tiền thuế hơn 156 quan), tuần đèo Nha-trang (tiền thuế 163 quan), tuần Hòn-Khói (tiền thuế 91 quan) ; thuộc phủ Diên-khánh có tuần Cam-ranh (tiền thuế hơn 105 quan), tuần Cù-huân và đò Cồn-lỡ (tiền thuế 206 quan) ; thuộc phủ Bình-thuận có tuần cửa Phù-

my (tiền thuế 12 quan); thuộc phủ Gia-định có tuần Đồng-tranh (tiền thuế hơn 30 quan), tuần Cổ-thác (tiền thuế 40 quan), tuần Xoài-rạp (tiền thuế 55 quan), tuần cửa Mỹ-tho và tuần Ý-đào (tiền thuế 64 quan), tuần Ba-rơm và tuần cửa Cần-giờ (tiền thuế 300 quan), tuần cửa Tắc-khai (cửa Lập, tiền thuế 120 quan); Cam-lộ giáp đất Lào là nơi qua lại giữa Lào-Việt, bấy giờ việc đổi chác khá thịnh, các chúa Nguyễn đã đặt sở tuần-ty ở đất Lào, và khống chế được các bộ-lạc Lào ở đấy cũng như các động, sách người thượng dọc theo Trường-sơn. V.B.T.L. viết: Xã Cam-lộ, huyện Đăng-xương ở thượng-lưu sông Diếu-giang, dưới thông với cửa Việt, trên tiếp với nguồn Sài ở Ai-lao, đường đi của dân Mọi các sách đều phải qua đấy, ở xa thì đến các bộ-lạc Lào ở nước Lạc-hoàn, nước Vạn-tượng, phủ Trấn-ninh, châu Qui-hợp, đều có đường thông hành ra từ đấy. Từ xã ấy đi vào một ngày đến phường An-khương, có tuần gọi là Ba-lăng, cũng gọi là đồn Hiếu-giang; theo lệ, bọn buôn bán lãnh giấy đến tuần ấy đi lên nguồn buôn bán, hàng năm phải nạp thuế 110 quan. Từ tuần Ba-lăng đi hai ngày rưỡi đến bờ sông Đại-giang thuộc địa - giới nước Ai-lao, nhà Nguyễn có đặt dinh, đóng quân 6 thuyền ở đấy, gọi là dinh Ai-lao. Bên hữu sông xã Cam-lộ, có tuần Cây lúa, cũng như lệ đồn Hiếu-giang, hàng năm nạp thuế 120 quan. Từ đấy thông sang Muờng-vanh, Vạn-tượng. Phía trên tuần Hiếu-giang, bên tả có tuần Ngưu-cước (Chân - trâu, cũng như tệ Hiếu-giang, hàng năm phải nạp thuế 120 quan. Hai bên tả, hữu phía trên sông Hiếu-giang, dân Mọi các động, sách

cày cấy, chăn nuôi rất nhiều, người buôn bán thường đem muối, cá khô, đồ sắt, nồi đồng, bạc, vòng xuyến, các tạp vật đến đất Mọi đổi lấy thóc gạo, gà trâu, gai, sáp, mây, vải, màn Mọi, rồi thuê voi chở về Cam-lộ. Người Mọi cũng chở hóa-vật xuống Cam-lộ bán... có một phiên chợ họ lùa đến 300 con trâu xuống bán, một con trâu giá không quá 10 quan, một voi giá 2 hốt bạc...»

Đầm, vũng, chợ, đò đều chịu thuế hàng năm.

Hai xứ Thuận, Quảng có vàng, sắt. Nguồn Phù-ầu (tục gọi Cô-hai) và núi đất ở xã Nam-phố-hạ có vàng, các chúa Nguyễn cấp cho xã dân tiền ăn, miễn cho thuế, sai đào đất, đãi lấy vàng. Xứ Quảng-nam có nhiều núi, sông, suối có vàng. Các chúa đặt hộ đãi vàng ở các phủ gọi là liêm-hộ, người trong hộ được miễn đi lính, cho đi lấy vàng, mỗi người mỗi năm phải nạp 2 hoặc 3 đồng cân vàng sống, tìm không được vàng thì theo giá vàng mỗi hốt 200 quan, mỗi người phải nạp 4 quan. Nguồn Thu - bồn mỗi năm nạp 38 lượng 3 đồng 1 phân vàng, nguồn Lỗ-đông mỗi năm nạp 70 lượng vàng. Đầm An-xuân, huyện Quảng-điền mỗi năm nạp 80 lượng bạc ; những nguồn ở phủ Quảng-ngãi mỗi năm nạp 180 lượng. Xã Phù-bài, huyện Phú-vang có hòn núi sản - xuất sắt, hàng năm nạp 2.000 khối, mỗi khối nặng 25 cân, dân xã được miễn tiền tiết-liệu. Trang Phước-điền (1), châu Bố-chính có sắt, hàng năm nạp 500 khối, ở dinh Ngói, dân xã được trừ sưu dịch.

(1) *V.B.T.L. chép là xã Điền-phước.*

Dọc theo bờ biển Thuận-hóa có ruộng muối, gọi là diêm-điền. Thuế diêm-điền định như sau : mỗi lò muối, ruộng 1 sào thì thu thuế 1 sọt 婁 muối, nửa sào thì thu một thúng 箕, không đầy nửa sào thì thu nửa thúng ; 1 lò mà nhiều ruộng thì 2 sào thu một sọt, trên nữa thì tăng lần lên. Hai xã Diêm-trường, Phụng-chính huyện Phú-vang hàng năm nạp 56 sọt ; xã Xuân-my huyện Minh-linh hàng năm nạp 168 sọt, lễ 15 sọt, xã Di-luân mỗi năm nạp 60 sọt, lễ 5 sọt ; cái sọt mặt rộng 1 thược, cao 1 thước 5 tất. Các xã ấy đều được miễn các món tiền thường-tân, tiết-liệu, tạp dịch, sưu sai, cầu cống, đường sá, đài đệ, khỏi đi lính. Ruộng muối của các chùa được miễn thuế. Các nơi không có ruộng muối, khách-hộ mua muối ở Quảng-nam thì chiếu theo số người mà thu thuế thay tiền sai-dư, gọi là thuế diêm-đinh : hạng quân, hạng nhất mỗi người nạp thuế 6 sọt, hạng nhì mỗi người nạp 4 sọt, hạng 3 mỗi người nạp 3 sọt v.v... người không có muối thì nạp thay bằng tiền, mỗi sọt 1 tiền. (1)

Dân xã Thanh-châu, huyện Hà-đông, phủ Thăng-hoa có nghề lấy yến-sào. Họ ở tản mác tại các phủ Thăng-hoa, Điện-bàn, Qui-nhơn, Phú-yên, Bình-khương, Diên-khánh, Gia-định ; mỗi năm đến tháng 2 thì nạp thuế là 120 tổ yến non. Người áp thu lãnh giấy tờ đi đến các phủ để thu thuế, tùy theo hạng dân ; hạng tráng mỗi người nạp 2 cân yến sào, nếu không có thì nạp thay bằng tiền 2 quan, hạng dân mỗi người nạp 1 cân 8 lượng, hạng

(1) *Theo V.B.T.L.*

lão và hạng đinh mỗi người nạp 1 cân, còn cả xã nạp lễ thường-tân, chánh-đán 1500 tổ (1).

Theo sổ sách kê khai mà V.B.T.L. đã chép lại thì thuế đầu nguồn, tuần ty, đầm, núi, chợ, đò thu được năm giáp-ngọ (1774) là năm chúa Duệ-tông bỏ chạy là hơn 76.467 quan tiền, hơn 14 hốt 8 lượng vàng, hơn 145 hốt 2 lượng bạc, 10 chiếc ngà voi, 9 tòa sừng tê, 1 con ngựa đực, cùng sáp ong, dầu nước (dầu thảo mộc dùng để thắp) dầu vừng, song, mây, đèn nhựa trám, đèn nến lớn, chiếu mây, mật ong, hải-sâm, nước mắm, các thứ ấy kể có hàng trăm, hàng nghìn (2). Trong số ấy, Quảng-nam chiếm 6 phần, Thuận-hóa chỉ nạp 1 phần là 11.122 quan. Người ta nói tạp thuế xứ Quảng-nam do Trương-Phước Loan mới tăng, trước kia không cao như thế. (3)

Ngoài hải-phận phủ Quảng-ngãi, thuộc huyện Bình-sơn xã An-vinh, về phía đông-bắc, có hơn 130 bãi cát vàng cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy nghìn dặm, tục gọi «Vạn lý trường sa» . Trên bãi có giếng nước ngọt, sản-vật có hải-sâm, đồi-mồi, vích, ba-ba, ốc xa-cừ, ốc hoa, v.v.... tàu thuyền ngoại quốc gặp bão thường đến đậu ở đó. Các chúa Nguyễn lấy dân ở xã An-vinh 70 người, đặt

(1) *Theo V.B.T.L.*

(2) *Trong số này, có lẽ tính cả số thuế của các động, sách Mọi ở các đầu nguồn chung vào đó.*

(3) *Theo V.B.T.L.*

một đoàn gọi là đội Hoàng-sa, mỗi năm cứ tháng 3 thì đi thuyền ra đảo, 3 ngày 3 đêm thì đến, lấy sản-vật và hóa-vật tàu thuyền bị đắm, tháng 8 đem về, vào cửa Eo, nạp ở Phú-xuân một phần, còn thì đem bán riêng. Lượm lấy được nhiều, ít, không chừng, như năm nhâm-ngọ lượm được 30 hốt bạc, năm nhâm-thân được 5100 cân thiếc, năm ất-dậu được 126 hốt bạc, cũng có năm được bát sứ, súng, v.v... Lại có đội Bắc-hải, cũng do Cai-đội Hoàng-sa kiêm quản, lấy người thôn Tứ-chính ở Bình-thuận hoặc xã Cảnh-dương sung vào để đi ra đảo Côn-lôn và các đảo ở Hà-tiên để tìm lượm đồ vật của tàu, thuyền và các thứ đồi-mồi, ba-ba, bào-ngư, hải-sâm v.v . . .

oOo

Theo sổ sách kế toán đinh, điền, các thứ thuế khóa mà chúa Duệ-tông sai làm năm kỷ-sửu (1767) thì xứ Thuận-hóa ruộng hơn 153.180 mẫu, đinh hơn 126.850, hàng năm thu vào lúa 3.533.356 thăng, gạo 63.655 thăng, tiền 153.600 quan. Từ Quảng-nam đến Gia-định ruộng 270.000 mẫu khoảnh, đinh hơn 165.060 người, hàng năm thu vào lúa hơn 6.048.500 thăng, gạo hơn 782.000 thăng, tiền hơn 241.900 quan. Các thứ thuế nguồn, tấn, đầm, nọ, tuần-ty, chợ, đò mỗi năm thu vào hơn 76.460 quan tiền, 148 lượng vàng, 1.450 lượng bạc. Từ Quảng-nam trở vào nam chiếm 6 phần, Thuận-hóa 4 phần. Ngoài ra, các loại như lụa, nhiễu vải trắng, ngà voi, sừng tê,

sáp ong, dầu nước, dầu thơm, đường cát, mật mía, mật ong, song, mây nước, đuốc trám, đèn nến không kể trong số thứ này.

5.) Thi Cử. -

Các chúa Nguyễn không lập trường đại-học công để dân gian tùy ý lập trường tư dạy học, chính-quyền chỉ tổ-chức các kỳ thi.

Đời chúa Hy-tông, năm nhâm-thân (1632), bắt đầu thi-hành pháp duyệt-tuyển, và mỗi kỳ duyệt-tuyển thì ra lệnh cho học trò các huyện đến trấn dinh để khảo thí một ngày, kỳ thi ấy gọi là «quận thí mùa xuân» (春 天 郡 試) Phép thi có một bài thơ, một đạo văn sách, dùng Tri-phủ, Tri-huyện làm sơ-khảo, Ký-lục làm phúc khảo, người thi đỗ gọi là Nhiêu-học 饒 學, được miễn thuế sai-dư 5 năm. Lại thi viết chữ Hoa-văn (Hoa-văn tự thể 華 文 字 體), người nào trúng thì được bổ làm việc ở 3 ty Xá-sai, Tướng-thần-lại, Lệnh-sử.

Đời chúa Thần-tông, năm bính-tuất (1646), định phép thi Hội mùa thu (thu vi hội thí 秋 圍 會 試) : 9 năm một kỳ, mở 2 khoa thi Chánh-đồ 正 途 và Hoa-văn 華 文 ở tại phủ chúa ở Phú-xuân. Chánh-đồ thi 3 ngày, ngày thứ nhất thi tứ-lục, ngày thứ hai thi thơ phú, mỗi thể một bài, ngày thứ ba thi văn-sách một bài, dùng Văn-chức, Tri-phủ, Tri-huyện làm sơ-khảo, Cai-bộ, Ký-lục làm Phúc-khảo, Nha-úy làm Giám-khảo, Nội-tả, Nội-

hữu, Ngoại-tả, Ngoại-hữu làm giám-thí. Danh sách người thi đỗ nạp lên chúa, chia làm 3 hạng giáp, ất, bính. Hạng giáp là Giám-sinh, được bổ làm Tri-phủ, Tri-huyện, hạng ất là Sinh-đồ được bổ làm Huấn-đạo, hạng bính cũng là Sinh-đồ bổ làm Lễ-sinh, hoặc cho làm nhiêu-học suốt đời. Hoa-văn thi 3 ngày, mỗi ngày viết một bài thơ. Người trúng cũng chia làm ba hạng, bổ làm việc ở tam ty, và cho làm Nhiêu-học.

Đến năm ất-mão (1675), chúa Thái-tông lại đặt thêm khoa thi Thám-phỏng 探訪, khoa này thi một ngày, hỏi về tình-trạng binh, dân, và việc Lê, Trịnh ; người trúng cách được bổ vào Xá-sai-ty.

Năm giáp-tý (1684), chúa Thái-tông bãi bỏ phép thi Nhiêu-học ở tuyền-trường, và bỏ thi Hoa-văn, chỉ giữ lại khoa thi Chánh-đồ mà thôi. Bọn Cai-bộ Cẩm-Lãnh 錦嶺 Thủ-bộ Đông Triều 東朝 bẩm rằng : « Nhà nước mở khoa cử, đều dùng nho, lại, họ đều tán phụ mới thành công lớn, há chỉ dùng một mình nho mà thôi đâu, vậy xin thể theo chính, hóa của tiên-vương, cho sĩ-tử Hoa-văn được ứng thí». Nhưng chúa không nghe.

Chúa Anh-tông, năm kỷ-tỵ (1689), trong dịp duyệt tuyển, thi-hành lại chế-độ cũ, ra lệnh cho các học-trò Chính-đồ và Hoa-văn tới tuyền-trường để ứng thí.

Năm ất-hợi (1695), chúa Hiền-tông bắt đầu đặt khoa thi Văn-chức 文職 và Tam-ty ở sân phủ chúa. Thể-

lệ thi Văn-chức thì kỳ đệ nhất thi tứ lục, kỳ đệ nhị thi thơ, phú, kỳ đệ tam thi văn sách. Thi Xá-sai-ty thì hỏi về số tiền thóc xuất, nhập và việc ngục tụng xử quyết trong một năm; thi hai ty Tướng-thần-lại và Lệnh-sử thì viết một bài thơ.

Đời chúa Thế-tông, năm canh-thân (1740), định lại phép thu thí và quyền lợi của các người trúng cách : kỳ đệ nhất thi tứ lục, ai trúng gọi là Nhiêu-học tuyển-trường, được miễn tiền sai-dư 5 năm; kỳ đệ nhị thi thơ, phú, kỳ đệ tam thi kinh-nghĩa, ai trúng gọi là Nhiêu-học thí trúng, được miễn sai-dịch suốt đời, kỳ đệ tứ thi văn-sách, ai trúng gọi là Hương-cống 鄉貢, được bổ Tri-phủ, Tri-huyện, Huấn-đạo.

Đời chúa Hiền-tông, có hai kỳ thi gặp cảnh bất thường. Năm quý-ty (1713), thu thí thi Chánh-đồ, kỳ đệ nhị có 130 người, khảo quan bất hòa đánh hỏng cả, duy thi Hoa-văn và Thám phỏng thì lấy trúng cách được hơn 10 người. Chúa cho rằng khảo-quan qua khắc, nên ra lệnh thi lại, chúa ra đề thi, lấy trúng cách 1 Sinh-đồ, bổ làm Huấn-đạo, 7 Nhiêu-học bổ làm Lễ-sinh, còn những người đỗ Hoa-văn và Thám-phỏng trên kia đều được bổ làm việc ở tam ty. Năm quý-mão (1723) thi Nhiêu-học lấy trúng cách 77 người, dư-luận học trò rất sôi nổi, chúa ra lệnh hợp tất cả ở Chánh-dinh để chấm thi tứ lục và thơ phú, mỗi thể một bài. Sĩ tử không làm nổi, bỏ ra, chúa truất bỏ cả, không lấy một người nào.

Xem trên ta thấy phép thi cử ở Nam-hà chưa được hoàn bị bằng ở Bắc-hà. Lại có các khoa mà ở Bắc không có, như Hoa-văn, Thám phỏng, Tam ty, và ở khoa Thu-thi nào số người trúng-cách Hoa-văn, cũng đông gấp mấy lần số trúng cách Chánh-đồ. Ba khoa Hoa-văn, Thám-phỏng, Tam ty cốt chọn những lại viên giỏi và những người am hiểu vấn đề mà Nam-hà đương bận tâm đối phó là vấn-đề Lê, Trịnh. Chắc là vì đương ở trong giai-đoạn khai sáng, kiến thiết, lại chiến-tranh với Bắc-hà, rồi với Chiêm-thành, Chân-lạp, nên các chúa Nguyễn chú trọng đến phương-diện thực-tế trong việc dụng nhân hơn.

Lê Quí Đôn trong V.B.T.L. viết : «Họ Nguyễn chuyên giữ một phương, chỉ mở thu-thi (tức thi hương), chuyên dùng lại tư, không chuộng văn-học, nên ít thu thái được người tuấn dị. Khảo thí thì lấy học-sinh Hoa-văn nhiều gấp 5 Chánh-đồ. Những nơi quyền, yếu, thì ủy người họ hàng coi giữ, mà cho người đậu Hoa-văn phụ tá. Người đậu thu-thi bắt đầu làm Tri-phủ, Tri-huyện, chỉ coi việc kiện-tụng, rồi làm Ký-lục thì coi việc thu thuế khóa ; những kẻ lớn, mưu lớn không được hỏi han đến ; còn bọn hậu học, tiểu-sinh cũng không thấy nuôi dưỡng, tác thành. Thế mà văn-mạch ở đất nầy dằng-dặc không đứt, thật là đáng khen. »

6.) Tiền-Tệ.--

Thời các chúa Nguyễn, ở Thuận, Quảng, Gia-định thông dụng tiền Khương-hy và các thứ tiền Khai-nguyên

nhà Đường, Thuần-hóa, Tường-phù nhà Tống. Và có lệ mỗi chúa lên ngôi, có đúc tiền đồng nhỏ, in hai chữ Thái-Bình 太 平.

Năm giáp-ngọ (1774), quân Hoàng Ngũ Phước vào Phú-xuân, tịch thu kho tàng, lấy được hơn 30 vạn quan tiền đồng cũ hiệu Khương-hy, Thuần-hóa..., mới biết thuyền buôn Bắc-hà đã lén chở vào bán lại (1).

Những tiền đồng cũ của Tàu, thường bị dân gian phá làm đồ dùng, mỗi ngày mỗi hao hụt. Nên năm ất-tỵ (1725) chúa Túc-tông đúc thêm tiền đồng.

Năm giáp-thìn (1724) đời chúa Hiền-tông, Ký-lục Chánh-dinh là Nguyễn Đăng Đệ xin cấm dùng các thứ tiền bằng gang, thiếc, chì, sắt để mua bán, còn tiền đồng nếu không gẫy mẻ thì không được bỏ. Không biết các thứ tiền gang, thiếc, chì, sắt, này là tiền gì và do ai đúc ra.

Nhưng số tiền đồng của chúa Túc-tông đúc ra cũng bị dân gian phá làm đồ dùng, nên đến chúa Thế-tông, năm bính-dần (1746), theo đề nghị của người Hoa-kiều họ Hoàng, mua kẽm trắng của Hòa-lan, mở trường đúc ở Lương-quán, đúc tiền kẽm, vành tiền và chữ đề theo thể-thức tiền Tường-phù nhà Tống. Việc lưu-hành tiền

---

(1) *Các thứ tiền Khai-nguyên, Thuần-hóa, Tường-phù luyện đồng rất tinh thục, chôn xuống đất không hư nát. Chữ ở tiền nhà Tống phần nhiều là vua viết* (V. B. T. L.)

kẽm nầy đã gây ra một cuộc khủng-hoảng tiền-tệ trầm trọng lúc ấy ở Nam-hà lúc bấy giờ. Theo V.B.T.L. thì tiền kẽm đúc ra lần đầu, dày, cứng, tuy có thể đốt cháy, nhưng không thể bẻ gẫy được, nên tiêu dùng cũng tiện. Lại nghiêm cấm đúc riêng. Thế rồi, người có tiền đồng cất giữ, không chịu đem tiêu dùng. Lần lần người quyền quý, có thế lực, tranh nhau xin đúc thêm tiền kẽm, dựng hơn 100 lò, đúc tiền hiệu Thiên-minh thông-bữu, trộn chì vào, tiền lại nhỏ mỏng, có thể bẻ gẫy được, dân gian chê xấu không dùng, nên việc mua bán không thông. Trước thì một đồng tiền kẽm ăn một đồng tiền đồng, đến nay 3 đồng mới ăn một. Thuyền buôn ngoại quốc không nhận, họ đổi hàng hóa lấy gạo, muối, còn nhà giàu không muốn lấy tiền ấy, không chịu bán lúa, vì thế giá lúa cao vọt lên. Trong vòng hai năm, thuyền buôn Ma-cao đem kẽm đến bán, không dưới 15 vạn cân, mà chính-quyền không biết cấm, kẻ gian mua rồi đem đến sơn dầu, hải-đảo đúc lén, không thể tra hỏi bắt được.

Pierre Poivre là người sai phái của công-ty Đông-Ấn của Pháp đến Nam-hà lúc ấy cũng nói : « Việc thương mải của xứ này đương bị xáo trộn vì sự lưu hành một thứ tiền kẽm nó gây ra nhiều sự gian trá, độc quyền và rối-ren đủ thứ, các tệ hại này không thể tồn tại lâu được, nhưng tôi không thể biết trước bao giờ sẽ chấm dứt... » (1).

(1) *Mémoire sur la Cochinchine của Pierre Poivre, dẫn lại trong La Geste Francaise en Indochine của Taboulet.*

Từ năm mậu-tý (1768) trở đi, vì nhà giàu giữ lúa không chịu bán ra, nạn đói hoành hành ở Thuận, Quảng. Năm canh-dần (1770) ở Thuận-hóa, có dật sĩ là Ngô Thế Lân dâng thư lên chúa Duệ-tông bàn về nguyên nhân đói kém, và đề-nghị phương kế bổ cứu. Thư đại lược rằng: « *Trộm nghe khi tiên quân mở mang cương-vu, đất còn hẹp, dân còn thưa, phía nam chưa có đất Gia-định phì nhiêu, phía bắc còn việc phòng giữ ở Hoàng-sơ, liền năm binh cách, thế mà dân không đói kém, nước có dư dùng. Nay thiên-hạ bình yên đã lâu ngày, đất rộng, dân đông, đất trồng ngũ cốc đã khai khẩn hết, những nguồn lợi núi chằm đã khai thác hết, lại thêm ruộng ở Phiên-trấn, Long-hồ không bị hạn lụt, thế mà từ năm mậu-tý đến nay giá lúa cao vọt, sanh dân đói kém, là vì cớ gì? Thần trộm nghĩ ấy không phải là vì thiếu lúa mà vì tiền kẽm gây nên vậy. Phàm dân chạy về mối lợi cũng như nước chảy xuống chỗ thấp, thế không thể ngăn được, cho nên tuy rừng sâu có độc lam chướng, có nạn hùm beo, biển lớn có cái nguy sóng gió, có nạn kình, ngạc, mà người ta thường đến mà không sợ, ấy là vì thấy lợi mà quên hại vậy. Huống chi cái lợi đúc tiền kẽm lại gấp bội cái lợi khác mà không có cái lo về lam chướng, hùm beo, sóng gió, kình ngạc, tuy có lệnh cấm nhưng từ khi dùng tiền đến nay, chưa nghe ai vì đúc trộm tiền mà bị giết bao giờ. Cho nên từ khi việc đúc trộm tiền kẽm ở Ba-thắc hoành hành thì giá lúa ở Gia-định cao vọt, ấy là vì kẻ đúc trộm tiền kẽm được lợi rất nhiều, nếu chở đi nơi khác thì sợ lộ việc gian, nên không kể hàng đắt, hàng rẻ, đều tùy tiện mua lấy, giá lúa nhân đó mà cao lên. Lúa đắt thì dân sợ đói, sợ đói thì tranh nhau mua để chứa, tranh nhau mua thì lúa ngày càng đắt, lúa đắt thì mọi vật trong thiên-hạ cũng theo đó mà đắt lên. Huống chi tính người ai*

cũng ưa cái bền chắc, ghét cái chóng hư, nay lấy đồng tiền kẽm chóng hư mà thay đồng tiền đồng bền chắc, cho nên dân tranh nhau chứa lúa mà không chịu chứa tiền. Thời Hán Cao-tổ cho rằng tiền nửa lượng 半兩錢 của nhà Tần nặng quá, mới đúc giáp-tiền 莢錢 để thay, vật giá liền lên cao, một thạch gạo giá đến 1 vạn đồng tiền, ấy là vì tiền mỏng nên vật giá phải cao, đã có kinh-nghiệm rõ rệt. Vả, từ khi có Gia-định, dân xứ ấy chưa bao giờ lấy sự chứa lúa làm lợi. Nay ở Gia-định nhà nào cũng chứa. Không chỉ ở Gia-định mà ở Phú-xuân và các phủ, nhân dân có tiền đều tranh nhau chứa lúa, như vậy mà muốn cho lúa khỏi đắt có được không ? Ở Gia-định lúa đắt thì lúa ở các phủ làm sao không đắt được ? Lúa ở các phủ đắt thì dân ở Phú-xuân khỏi đói sao được ? Phàm tình người một ngày không ăn hai bữa thì đói, suốt năm không may áo thì rét, đói rét thiết thân thì không đoái đến liêm sĩ, cho nên gian tà, trộm cướp mới sinh ra. Có câu nói rằng : « Một bữa không có ăn thì cha con không có nghĩa nữa » Cha đã không giữ được con, thì vua sao giữ được dân ?

Tuy vậy, các tệ tiền kẽm đã lâu rồi, nay muốn thay đổi rất khó mau có công hiệu, mà nạn đói của dân lại rất gấp. Thần trộm nghĩ phương kế ngày nay, không gì bằng phỏng theo phép nhà Hán, mỗi phủ đặt một kho « Thường bình » 常平倉, đặt chức quan hữu-tư, định giá thường-bình, rồi hễ lúa rẻ thì theo giá mà mua chứa vào kho, lúa đắt thì theo giá mua mà bán cho dân. Như thế thì giá lúa không đến nỗi rẻ quá để thiệt hại nhà nông, mà cũng không đến nỗi đắt quá để lợi cho con buôn, khiến dân nghèo đói kém, rồi sau

sẽ lần lần sửa đổi cái tệ tiền kẽm. Như thế vật giá sẽ được bình ổn.» (1).

Thư dâng lên, nhưng không thấy trả lời. (2)

7.) Đong Lường.

Từ thời chúa Thái-tổ trở đi, chắc là dùng phép đong lường như ở Bắc-hà. Năm kỷ-dậu (1669), chúa Thái tông định các nghạch thuế điền, nhân đó cải định phép đong lượng như sau : cứ 10 nhúm (toát 撮, lấy ba ngón tay nhúm lại được bao nhiêu ấy là một toát) là một vốc (thược 勺), 10 vốc là một hợp (合) 10 hợp là một thăng (升), 10 thăng là một hộc (斛) 10 hộc là một thùng (dũng 桶). Hộc dùng để thu thuế thì mỗi hộc là 50 thăng, lại thêm 25 thăng, thành mỗi hộc là 75 thăng; lấy 500 thăng làm 1 thùng. Hộc để phát lương cho quân thì có 33 thăng 5 hợp. Hộc phát ở nội-phủ thì kém hộc phát cho quân 3 thăng; thăng cũng giảm bớt.

8.) Pháp-Luật.

Các chúa Nguyễn chưa soạn luật riêng cho Nam-hà. Việt-Sử-Yếu viết : « Ở Nam-triều, quan chế, phép thi cử không đầy đủ như ở Bắc-triều, hình-thư còn thiếu, vì đương ở thời kỳ thảo sáng...» Vậy chắc là Nam-hà cũng dùng luật của Bắc-hà.

---

(1) Thư này trích dịch ở V.B.T.L., bản chép ở T.L.T.B. tóm tắt bỏ bớt nhiều đoạn.

(2) Sau Ngô Thế Lân làm quan với Tây-sơn.

Theo Koffler (1), tất cả những án tử hình đều phải đưa về tòa án tối cao của triều-đình phán xét. Tòa án này gồm các quan coi về việc hình, các quan đã xét vụ án ấy và do pháp-quan tối cao của vương-quốc (2) chủ tọa. Tội nào cũng có một hình phạt nêu rõ trong bộ luật của quốc-gia. Các quan Trấn-thủ tham-lam, ngạo mạn, sách nhiễu, đục khoét tiền của dân chúng đều bị tội tử hình ; những kẻ trộm cướp thường thường bị tội đâm chết ; những kẻ cấp cho người khác thuốc độc, bùa mê, hoặc đem dùng thuốc độc bùa mê, những kẻ phạm tội đại nghịch, khi quân, sẽ bị trừng phạt nặng : trao cho voi dùng vòi quang lên, làm chết ngạt, hoặc rơi xuống đất bể mình, hoặc dùng chân chà chết. Đàn bà giết chồng con bị tội gươm đâm vào ngực. Ở mỗi tỉnh (dinh), có tòa án xét xử các vụ án, quan Trấn-thủ duyệt lại rồi mới thi-hành, nhưng tội đại-hình thì phải đưa về triều-đình xét lại. Ở mỗi xã, cũng có pháp lệ riêng, các hào lý theo đó mà cai trị, các thứ thợ hợp thành phường (corporation), mỗi phường có một người trưởng, một người phó và 4 người phụ tá cai-quản, họ giàn xếp các cuộc cãi lộn, đánh lộn xảy ra trong phường ;... Cũng theo Koffler, thì hội-nghị tối cao của quốc-gia gồm 9 viên quan lớn nhất của triều-đình, 5 quan võ, 4

(1) *Trong Description historique de la Cochinchine của Jean Koffler.*

(2) *Le Grand Juge du Royaume, chắc là quan Đô-trị hoặc quan Hình-bộ.*

quan văn, và do Chúa chủ-tọa. Những vấn-đề quan-trọng đều đem bàn trong hội-nghị này. Tuy là chủ-tể tuyệt đối, chúa không thể đặt thêm lễ cống, thuế mới, nếu không được hội-nghị đồng ý. Nhưng chúa có thể ban những đặc ấn, miễn là đặc ân ấy không trái với công ích. Một mình chúa không thể tuyên chiến, không thể đem vào quốc-gia một tông-giáo mới, hoặc thay đổi phong-tục. Vì vậy mà vị chúa đương kim (chúa Võ vương) khi muốn thay đổi y phục của nhân-dân, bắt chước y-phục cũ của Trung-quốc (trước khi người Mãn-châu làm chủ), phải có hội-nghị tối cao chấp thuận đã...

9.) Đối với các Bộ-lạc thượng.

Những giống người ở miền cao-nguyên, dọc theo dãy núi Trường-sơn Trung-Việt và ở cao-nguyên Nam-Việt, trước kia ta thường gọi chung là Mọi, gồm nhiều bộ-lạc, thuộc giống Mélanésiens và Indonésiens, đã đến ở miền đồng bằng dọc theo bờ biển Trung-Việt và ở lưu-vực sông Cửu-long (Mekong) từ trước. Nhưng rồi người Chàm, người Phù-nam đến, làm chủ các đồng bằng và lưu-vực này, người Mọi vì bản tính thích độc-lập, không muốn bị thắng phược bởi chế-độ chính-trị và phong-tục của chủ-nhân, lui lên ở miền núi.

Vào thế-kỷ III, sau khi người Chàm đã lập quốc, thì họ cũng khuất phục người Mọi. Miền cao-nguyên của dãy Trường-sơn sản-xuất kỳ-nam, voi, ngà voi, sừng tê và bao nhiêu lâm-sản quí báu khác mà người Chàm ưa chuộng, tìm kiếm, yêu-sách, nên giữa

người Chàm và người Mọi cũng thỉnh thoảng xảy ra chiến-tranh. Nhưng thường thường thì hai bên hòa hảo, thông hôn nhau, nên nhiều bộ-lạc Mọi đã lai Chàm. Còn người Mọi ở thượng-lưu sông Đồng-nai Nam-việt, vì lệ thuộc Phù-nam, rồi Chân-lạp nhiều năm nên tiếng nói, phong tục, đã chịu ảnh-hưởng của hai dân tộc ấy nhiều phần.

Đến khi người Việt lần lượt thay thế người Chàm, người Chân-lạp làm chủ Trung-Việt, Nam-Việt, thì người Mọi ở cao-nguyên các vùng ấy cũng bị người Việt khuất phục. Người Mọi ở Trung-Việt đã tỏ ra cảm tình và nhớ ơn chủ cũ, vì người Chàm đã tôn trọng tập-quán của họ, không bắt buộc họ phải tuân theo những chế-độ chính-trị khác, đã đối xử với họ như là kẻ bày dạy chứ không phải như kẻ chiến thắng, và nhất là đã dạy họ cách tập thuần voi, luyện kim-thuộc, và có nơi cách làm ruộng và dẫn thủy nhập điền.

Sau khi đất Chiêm-thành ở các tỉnh Phú-yên ngày nay trở vào nam bị các chúa Nguyễn lần lượt đánh chiếm, thì một số người Chiêm cũng chạy lên núi ở phía Tây, sống với người Mọi.

Đối với các giống người Mọi, các chúa Nguyễn cũng như triều Lê trước đó, đã chủ trương chính-sách phân cách và chế-ngự : buộc họ phải lui về sống yên ở cao-nguyên, theo phong-tục, tập-quán của họ, và ngăn cấm họ xâm nhập đất đai trồng trọt được ở đồng bằng ; ở các vùng biên-thùy ấy, đặt binh phòng ngự, lập những sở đồn-điền, dinh điền

để khai-khẩn, tàm thực đất đai cao-nguyên; buộc những người Mọi qui thuận trả một món thuế bằng tiền, hoặc bằng sản-vật; những người Việt được vào đất Mọi buôn bán phải do nhà cầm quyền Việt cho phép và đánh thuế. Hễ khi người Mọi xuống quấy phá, cướp bóc đồng bằng thì dùng binh để tiễu trừ.

Thời các chúa Nguyễn, ở các đầu nguồn châu Nam Bố-chính, huyện Khương-lộc, huyện Đăng-xương, huyện Hải-lăng, huyện Quảng-điền, huyện Hương-trà, huyện Phú-vang là nơi có nhiều động, sách Mọi, có đặt quan, thường là một viên Cai-đội để chăm nom và thu thuế dân Mọi và người Việt lên buôn bán ở xứ Mọi. Thuế ấy gồm hai phần : thuế công để nạp nhà nước, và thuế tư để làm ngụ-lộc cho quan chức hữu trách. Thuế có nơi đánh theo số dân đinh, có nơi đánh vào động, sách, trả bằng tiền hoặc bằng sản-vật như sáp ong, sơng, mây, chiếu mây, đèn cảm-lãm, nhựa trám, lô-hội, vải trắng của Mọi, dao đánh lửa, đá lửa, ngà voi, sừng tê, trâu, võ gai, dầu, dầu vừng, mật ong, gạo nếp v.v., tùy theo động sách, hai mường Chà-bồng, Thượng-kế thuộc châu Sa-bồn và mường Xa-cụm thuộc châu Thuận-bình, đạo Mường-vanh, sách Lang-thìn đều nạp voi. Để vỗ về, khuyến khích người Mọi, các viên chức phụ trách được quyền trích tiền thuế để đãi-đằng, yến tiệc người Mọi, cho họ đồ-đạc, hàng lụa; động sách nào nạp đủ tiền thuế thì cho tiền, đồ dùng, hàng lụa.

Trong các bộ-lạc Mọi dọc theo núi Trường-sơn, Mọi Đá-vách (Thạch bích) (1) ở Quảng-ngãi là giống mọi hung bạo, háo chiến, khó khuất phục, thường xuống cướp phá đồng bằng, thì từ đời Lê (thế-kỷ thứ XVI), ông Bùi Tá Hán Trấn - thủ Quảng - nam đã áp-dụng những biện - pháp đặc-biệt để chế - ngự. Ông lập sáu đồn binh ở ranh-giới dọc theo miền núi Quảng-ngãi để canh giữ. Mỗi vùng mọi, ông đặt chức Giao-dịch người Mọi để đặc trách trông nom đồng bào mình. Mỗi vùng đặt dưới quyền của quan Giao-dịch chia làm 4 nguyên, mỗi nguyên có một Cai-quản và nhiều phụ-tá, đại diện chính-quyền Việt-nam để trông nom mọi việc. Chức Cai-quản lựa chọn những thương-hộ là những người được phép lưu hành trong nguyên để trao đổi, buôn bán với người Mọi. Các thương-hộ có trách-nhiệm thu thuế trong nguyên để nộp cho nhà cầm quyền Việt. Ngoài món thuế ấy ra, không được đòi hỏi gì người Mọi cả (2).

---

(1) Ở miền ấy có một con sông nhỏ gọi là Dvach, có lẽ người ta đã lấy tên con sông ấy mà gọi các bộ-lạc mọi ở đó. Mọi Đá-vách gồm các bộ-lạc Cua, Hré; trên xa nữa có Sédang, Bhanar, Dié. Theo T.L.T.B. thì vì mọi ấy ở ven núi, có những tảng đá đứng thẳng trông lên như vách đá, nên gọi tên là Đá-vách.

(2) Theo Essai d'histoire des populations montagnardes du S.I. của Bourotte.

Chúa Thái-tổ Nguyễn Hoàng kiêm lãnh Quảng-nam, cũng tiếp tục các biện-pháp và chế-độ ấy đối với người Mọi. Các chế-độ ấy, sau đó được đem áp dụng ở các miền thượng các tỉnh phía nam Bình-định đến Bình-thuận, khi các đất đai nầy lần lượt thuộc quyền chúa Nguyễn, nhưng về danh-xưng các viên-chức có trách-nhiệm thì có thay đổi, và về các món thuế người Mọi phải nạp cũng tùy theo địa-phương và bản-chất mỗi bộ-lạc Mọi mà khác, hoặc nặng, nhẹ, nhiều khi họ nộp bằng lâm-sản. Nhưng đó là những bộ-lạc Mọi ở các nguồn gần đất Việt, ta gọi là « Mọi thấp » hoặc « Mọi dưới », còn các bộ-lạc ở trên núi, xa đất Việt, ta gọi là « Mọi cao », không hiểu tiếng Việt, vì ít tiếp-xúc với người Việt.

Ở phía tây phủ Phú-yên, phía trên nước Nam-bàn mà vua Lê Thánh-tông đã chia cho dòng dõi vua Chiêm trước kia, có hai nước Thủy-xá (1)'水舍, Hỏa-xá (2) 火舍, gồm hơn 50 thôn lạc; giữa hai nước có núi Bà-nam, Thủy-xá ở phía đông, Hỏa-xá ở phía tây núi. Dân hai nước là giống Mọi Jarai là bộ-lạc mạnh-mẽ thiện chiến, họ tôn hai vị pháp-sư làm chủ mà họ coi như vua vậy (3). Vua Thủy-xá là thần nước, có quyền năng gây ra mưa

---

(1) *Sách Pháp gọi là Patau Ya, Sadet de l'Eau.*

(2) *Sách Pháp gọi là Patau Pui, Sadet du Feu.*

(3) *Theo Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud — Indochinoise của B. Bourotte.*

lụt, uy-quyền của hai vua có tính-cách thần-bí, không can-dự đến việc thế-gian, nhân-dân, người Jarai, người Bhanar và một số người Sédang ở phía bắc đều thần phục (1). Hai vua ở xa nhau, không được gặp nhau, hễ gặp nhau thì gây tai họa cho xứ sở (1).

Các chúa Nguyễn cứ 5 năm một lần, sai người đem đồ vật như áo gấm, mũ, nồi đồng, chão sắt, đồ sứ, chén dĩa, đến biếu. Vua hai nước nhận được, liền sắm sản-phẩm như Kỳ-nam, sáp ong, lộc-nhung, mật gấu, ngà voi để dâng chúa. Thỉnh thoảng hai nước cũng sai sứ vào cống.

Năm tân-mão (1711) Đôn vương và Nga-vương Mọi Trà-lai (Jarai) có lẽ là vua Thủy-xá và Hỏa-xá, sai sứ đến dâng phương vật và xin phát binh ra oai với người Mọi để khiến họ đóng thuế, chúa Hiền-tông sai Ký-thuộc Kiêm Đức (không rõ họ) là người đã từng đi chiêu dụ hai bộ-lạc ấy, quen biết tập-quán họ, đem thư đến hiểu dụ các tù-trưởng, cho họ áo sa, áo đoạn, đồ đồng, đồ sứ, và khuyên bảo nhân dân lấy nghĩa kẻ trên người dưới ăn ở với nhau, lại định thuế lệ, khiến phải nạp cho tù-trưởng,

Ở khoảng giữa nước Chiêm-thành và nước Chân-lạp, tức giữa đất Trung-việt và Nam-việt ngày nay, xưa kia có một tiểu quốc Mọi, ấy là nước Che-Mạ. Người Che-Mạ vốn ở đồng-bằng hạ-lưu sông Đồng-nai và sông Cửu-long, dưới quyền thống-trị của nước Phù-nam, nhưng

(1) *Theo Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud — Indochinoise của B. Bourotte.*

vì thích tự-do và không chịu thắng-phược bởi những chế-độ chính-trị của Phù-nam, nên rời bỏ miền này mà tới sinh sống trong vùng hoang vu này. Ấy là một vùng rừng rậm, đồng cát, những ngọn đồi lẻ-tẻ những thung-lũng lầy lội, kéo dài từ bờ biển Bình-thuận cho tới vùng hạ-lưu và trung-lưu sông Đồng-nai. Miền này thông với Chân-lạp dễ dàng. Vốn đã tiêm nhiễm ít nhiều văn-hóa Phù-nam, đến đây họ lập một tiểu quốc, tổ-chức thô-sơ, có lẽ cũng không khác gì nước Thủy-xá, Hỏa-xá bao nhiêu, phục-tùng một vị pháp-sư mà họ coi như vua vậy. Nước Che-Mạ gồm nhiều nhánh (Churu hay là Trau, ở vùng giáp giới phía Tây Bình-thuận và Nam-việt trên những mũi núi cuối cùng của dãy Trường-sơn và vùng Bà-rịa, nghĩa là gần biển nhất, Mạ, Cop, Che-Srê, Che-tô, Koho, Lat) và sau khi Chân-lạp thay Phù-nam thì họ thần-thuộc Chân-lạp, nhưng vẫn tự chủ. Thế-lực nước Che-mạ lan rộng sang tây-nam đến lưu vực sông La-ngà, và phía bắc lên đến miền cao-nguyên Di-linh và cao-nguyên Lạng biên. (1)

Là một nước nhỏ làm trái độn giữa hai nước Chiêm thành và Chân-lạp, nước Che-mạ tồn tại khi hai nước ấy tồn tại. Nhưng đến khi các chúa Nguyễn đã chiếm hết đất Chiêm-thành, tiến vào Chân-lạp thì Che-mạ cũng phải mất. Quân chúa Nguyễn đã đi ngang qua nước Che-mạ, không gây phản động nào, nên sử nhà Nguyễn không để ý đến tiểu-quốc này. Chỉ thấy năm mậu-tý (1708) đời chúa Hiển-tông, T.L.T.B chép :

(1) *Essai d'histoire des populations montagnardes du S. l.* của *B. Bourotte.*

«Mùa thu, tháng 7, bọn ác-man ở Lũ-bá, Bà-rịa và bọn man Nam-bàn quấy rối, cướp bóc dân ở biên-thùy, chúa sai Câu-kê dinh Quảng-nam là Hòa-Đức (không rõ họ) đem quân bản dinh đi đánh» Ác-man Bà-rịa là người Che-mạ.

Từ cuối thế-kỷ thứ XVII, tiểu quốc Che-mạ đã tan rã, chỉ còn những sách Mạ, Srê, Cop, Cil, sinh sống riêng biệt (1) Một số đã di cư lên Chân-lạp. Chúng ta còn nhớ năm giáp-tuất (1754) quân chúa Nguyễn đi đánh Chân-lạp, đuổi được Nặc Nguyên, Tham-mưu Nguyễn Cư Trinh sai chiêu dụ người Côn-man, người Côn-man theo về, nhưng bị quân Chân-lạp đuổi theo, Nguyễn Cư Trinh hộ vệ 5000 trai gái Côn-man về đóng ở chân núi Ba-đình (Bà-đen), năm sau người Côn-man làm hướng-đạo cho quân ta sang đánh Chân-lạp. Người Côn-man nói đây là người Chiêm-thành ở trấn Thuận-thành đã bỏ xứ sang Chân-lạp, nhưng trong đó, theo B. Bourotte trong Essai d'histoire des populations montagnards du S.I. (2) cũng có người mọi Chu-ru và Che-Mạ.

Nói chung, các chúa Nguyễn đã tỏ ra mềm dẻo và khéo léo trong chính-sách đối với các bộ-lạc thượng, nên trong 200 năm, từ đời Thái-tổ đến đời Thế-tông, các chúa đã giữ yên-ổn được các miền thượng, và trong những lúc khóa khăn như thời-gian chiến-tranh với họ Trịnh, chiến-tranh với Chiêm-thành, người thượng cũng

(1) *Essai d'histoire des populations montagnardes du S. I. của B. Bourotte.*

(2) *Trương*

không thừa dịp nổi lên chống đối. Cuối đời Thế-tông, chính-quyền quá mục nát, nhà cầm quyền những nhiễu bọn thương-hộ, thu thuế nặng hơn (1), nên mọi Đá-vách lại nổi dậy, không chịu nạp thuế, xuống cướp bóc các làng ở đồng bằng dọc theo biên-giới, nhiều làng phải bỏ đi. Đến năm canh-dần (1770) đời chúa Duệ-tông, sai Ký-lục dinh Quảng-nam là Trần Phước Thành làm Khâm-sai Cai-bộ đi tuần hành 5 phủ (Thăng-bình, Điện - bàn, Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Phú-yên), tham mưu việc dẹp giặc, điều-khiển tướng, sĩ, binh, dân 6 đạo đồn dinh Quảng-ngãi và quân lính hai phủ Qui-nhơn, Phú-yên đánh dẹp, đuổi giặc về núi, rồi đặt những đồn binh dọc theo biên-giới để trấn áp, nhờ đó nhân-dân các làng đã bỏ đi lại trở về làm ăn như cũ, và cho dân đến thêm để khai khẩn.

Nhưng chẳng bao lâu nữa, Tây-sơn nổi dậy, và trong những đạo binh của Nguyễn Văn Nhạc, người ta thấy có nhiều người Mọi.

10.) Ngoại Giao

a). GIAO-THIỆP VỚI TIÊM LA

Các chúa Nguyễn khi lấn đến đất Thủy Chân-lạp thì gặp phải sự đối kháng của Tiêm-la.

Nước Chân-lạp bị nước Tiêm-la xâm chiếm năm

(1) *Essai d'histoire des populations montagnards du S.I.* của *B. Bourotte.*

1351; năm 1357, một hoàng-thân là Soryovony đuổi quân Tiêm ra khỏi đất nước. Nhưng đến năm 1474, nhân trong hoàng-gia Chân-lạp xảy ra cuộc tranh giành ngôi báu, vua Tiêm-la đáp lời yêu-cầu của một hoàng-thân cạnh tranh, đem quân vào Chân-lạp lập vua mới, vua nầy phải cắt đất nhường và nhận Chân-lạp là phiên-thuộc của Tiêm-la. Sau đó, Tiêm-la mấy phen đem quân can-thiệp hoặc xâm lấn, và tuy nhiều lần Chân-lạp đánh thắng quân Tiêm, nhưng Tiêm-la vẫn coi Chân-lạp là chư-hầu của mình, nên không thể từ bỏ dễ-dàng bá-quyền trên nước ấy.

Sau khi các chúa Nguyễn đã đến gây ảnh-hưởng, rồi lần lần chiếm lấy đất đai của Thủy Chân-lạp, Chân-lạp trở thành phiên-thuộc của Việt-nam, thì Tiêm-la tìm cách xen vào nội bộ Chân-lạp, ủng hộ các hoàng-thân chống đối với vua Chân-lạp nào được chúa Nguyễn công nhận và phong vương. Các hoàng-thân đối lập hoặc thất bại sau một cuộc mưu toan chống đánh nhà vua, thường sang lánh ở Tiêm, chờ cơ-hội là quân Tiêm-la đưa về giành ngôi.

Các chúa Nguyễn đã khống chế được Tiêm-la trong việc tranh giành ảnh-hưởng ở Chân-lạp. Các vị vua hoặc hoàng thân Chân-lạp do chúa Nguyễn phong hoặc theo về chúa Nguyễn, đã được bênh-vực một cách đắc lực. Và hễ Tiêm-la có đem quân vào Chân-lạp thì chúa Nguyễn cũng không ngần-ngại sai đem quân đến

đấy để tranh hùng. Như năm ất-dậu (1705), vua Chân-lạp là Nặc Thâm đem quân Tiêm về đánh Nặc Yêm (con Nặc Nộn, vị phó vương chúa Nguyễn đã lập lên), Yêm chạy sang Gia-định cầu cứu, chúa Hiền-tông sai Cai - cơ Nguyễn Cửu Vân đem quân đến, gặp quân Tiêm ở Sầm-khê, đánh vỡ tan, Thâm phải chạy sang Tiêm. Sau đó, chúa cho Nặc Yêm làm vua Chân-lạp.

Đất Hà-tiên ở trên bờ biển, gần Tiêm-la, rất dễ bị nước này tấn công. Năm ất-mùi (1715) Nặc Thâm đem quân Tiêm về đánh Hà-tiên, Mạc Cửu chống không nổi, phải bỏ chạy, nhưng rồi quân Tiêm rút lui, Mạc Cửu trở về Hà-tiên.

Năm đinh-hợi (1767), vua nước Miến-điện (Mangra) đánh Tiêm-la, bắt vua Phung-vương (Ekathat), 2 con vua là Chiêu Xí-Xoang và Chiêu Thúy chạy sang Hà-tiên nương náu Mạc Thiên Tứ. Trịnh Quốc Anh, một Hoa-kiều lai, đánh đuổi quân Miến-điện, lên làm vua Tiêm-la. Thiên Tứ dung nạp hai con vua Tiêm là có dụng ý, vì bấy giờ tình-hình Tiêm-la chưa định, biết đâu có thể lợi-dụng được các vị thừa kế chính thống của vương-triều A-du-đà. Hành-động này của Trấn-thủ Hà-tiên đã được chúa Nguyễn cho phép. Trịnh Quốc Anh thấy hai con vua trước nằm ở Hà-tiên, (sau đó Xí Xoang sang Chân-lạp, còn Chiêu Thúy ở Hà-tiên) muốn dứt hậu hoạn, năm 1768, yêu cầu Thiên Tứ trao cho mình, mình sẽ nhường lại quyền lợi khác, nhưng Thiên

Tứ muốn đánh nước cờ cao, chỉ trả lời lơ lửng, rồi sai một hạm đội do con rể chỉ huy, sang Vọng-các đánh tiếng là chở gạo, nhưng sự thật là để tìm cách thình lình bắt Trịnh Quốc Anh. Quốc Anh đã được thám-tử báo trước, tịch thu thuyền gạo và bắt giam các người chỉ huy. Năm sau (1769), thừa dịp Trịnh Quốc Anh đi đánh Ligor, Thiên Tứ sai một hạm đội gồm 50.000 binh sĩ, đổ bộ lên bờ biển Tiêm-la. Nhưng bộ đội này bị quân Tiêm chống đánh, không tiến lên được, rồi bị bệnh dịch, phải trở về Hà-tiên, chỉ còn 10.000 người. (1) Nhưng đến năm tân - mão (1771), Trịnh Quốc Anh đem quân đánh chiếm Hà - tiên, bắt Chiêu-thúy và mấy người con của Thiên Tứ nữa. Nước cờ của Thiên Tứ đánh sai! Nhưng người ta cũng phải nhận rằng Mạc Thiên Tứ và gia-đình đã hết lòng trung với chúa Nguyễn, và cùng các tướng tá có chức trách ở Gia-định lúc ấy, đều đã tận tụy với phận sự, có mưu mô, có đảm lược, chính nhờ lớp quan viên ấy mà các chúa Nguyễn đã mở rộng bờ cõi ở phương Nam và giữ vững uy-thế trên cõi này.

Mặc dầu có sự tranh chấp về vấn đề Chân-lạp, các chúa Nguyễn và vua Tiêm-la, triều a-du-đà cũng như Trịnh Quốc Anh vẫn giữ được hòa hảo, thường trao đổi sứ-giả, thư từ, và tặng vật. V.B.T.L. có chép lại mấy bức thư trao đổi giữa triều thần chúa Nguyễn và triều thần

(1) *Theo Histoire moderne du pays d'Annam của Ch. Maybon*

Tiêm-la, trong đó ta thấy các quan chúa Nguyễn vẫn giữ giọng đàn anh (1).

Hải-phận Thủy-chân-lạp giáp tiếp với hải-phận Tiêm-la, ghe thuyền hai nước thường qua lại ; ghe thuyền Tiêm-la muốn đến các hải-cảng Trung-hoa là những nơi họ thường đến mua hàng-hóa, phải đi qua Hà-tiên; ghe thuyền nước này gặp gió bão, có khi trôi giạt đến hải-phận nước kia. Nhờ sự giao-hảo giữa hai nước, các ghe thuyền và người trong thuyền bị trôi giạt được trao trả cho nhau. Năm ất-hợi (1755), theo lời yêu-cầu của Tiêm chúa, Thế-tông sai cấp cho quan thuyền Tiêm-la (thuyền đi mua hàng cho nhà nước), một tấm long-bài để được miễn thuế khi vào các cửa biển Nam-hà.

Sau khi vua Trịnh Quốc Anh bị đổ, vua Rama 1 lên ngôi, việc giao-thiệp giữa hai nước được tốt đẹp hơn. Nguyễn-vương Phước Ánh đã gắng thắc chặc tình giao-hảo ấy, nên khi bị Tây-sơn đánh đuổi, đã có nơi nương tựa để chờ thời.

b.— GIAO THIỆP VỚI TRUNG-QUỐC.

Nước Đại-Việt là phiên-thần của Trung-quốc, xứ Nam-hà của chúa Nguyễn ban đầu là một phần đất của Đại-Việt, về sau các chúa mới lấy đất của Chiêm-thành và Chân-lạp, mở rộng thêm ra. Nhưng các chúa vẫn dùng niên-hiệu vua Lê. Chúa Hiền-tông xưng là Quốc-chúa,

(1) *V.B.T.L. quyển V.*

năm mậu-tý (1708), đúc quốc-bửu, cũng chỉ khắc « Đại-Việt quốc Nguyễn Chúa vĩnh trấn chi Bửu », ấn ấy sẽ dùng mãi cho đến Nguyễn-vương Phước Ánh. Chúa Thế-tông lên ngôi vương, nhưng chỉ xưng vương với các thuộc-quốc mà thôi, còn văn thư thì vẫn dùng niên-hiệu vua Lê.

Từ chúa Hiền-tông đã có ý tách hẳn nhà Lê, dựng riêng một nước. Muốn thế, phải được Trung-quốc phong vương cho đã. Năm nhâm-ngọ (1702), nhân Hòa-thượng Thạch-liêm gợi ý, chúa Hiền-tông sai hai người Quảng-đông là Giám Sanh Hoàng Thần 黃辰 và nhà sư Hưng Triệt 興徹 (theo Hòa-thượng Thạch-liêm sang Thuận-hóa) đem biểu và cống-phẩm. (Kỳ-nam hương thượng hạng một khối nặng 1 cân 10 lượng, kỳ-nam hương một khối nặng 3 cân 10 lượng, vàng sống một khối nặng 1 cân 13 lượng 5 đồng cân, một đôi vòng đồng tâm sét, hai chiếc ngà voi nặng 350 cân, 50 sợi mây hoa, 50 cây lụi) sang nhờ Tổng-đốc Quảng-đông để đạt lên Thanh-triều xin phong. Trong biểu cầu phong chúa Hiền-tông nói rằng tổ-tiên mình mở mang đất đai ở ngoài biển đã lâu năm, cùng các nước phương Nam từ trước chưa từng lệ thuộc vào đâu, nay vì mến đức, thực lòng hướng hóa, nên xin làm nước phụ-dung của thiên-triều. Bấy giờ nhân có thuyền Tiêm-la đi cống, gặp gió dậu ở hải-phận Nam-hà, chúa sai sửa sang thuyền, giúp lương-thực, rồi sai sứ-giả đáp thuyền ấy đi Quảng-đông. Được vua Thanh hỏi ý kiến, triều-đình tâu rằng: « Nước Quảng-nam

hùng thị một phương, thôn tính Chiêm-thành, Chân-lạp, sau ắt sẽ lớn. Nhưng nước An-nam còn có nhà Lê, chưa thể phong riêng được.»

Sau đó, chúa Nguyễn vẫn có thư từ đi lại với Tuần-vũ, Tổng-đốc Quảng-đông (1). Vì ở địa-vị đối lập với Bắc-hà mà chưa phải là chư-hầu của Trung-quốc, các chúa Nguyễn đối xử hậu tình với các quan lớn Trung-quốc, rộng lượng với người Trung-quốc, để được lòng nước ấy. Người Trung-quốc đi thuyền bị bão giạt vào hải-phận Đàng-trong được đối đãi tử tế, rồi giúp cho về. Năm đinh-mão (1747) người Hoa-kiều Phúc-kiến, ngụ ở bãi Đại-phố (Biên-hòa) mưu đánh úp dinh Trấn-biên, giết Cai-bộ Nguyễn-Cư-Cẩn, thất bại, bị bắt cùng 57 đồ-đảng (2). Nhưng chúa Thế-tông chỉ bắt giam, không giết. Đến năm bính-tý (1756), nhân có hai viên quan Mân, Chiết (3) đi thuyền gặp bão, dạt tới hải-phận Nam-hà, chúa mới gởi bọn ấy đưa về nạp Đốc-phủ Mân Chiết (3) làm tội. Nhân đó chúa cũng gửi thư và quà biếu rất hậu cho Tổng-đốc Mân, Chiết.

---

(1) Trong V.B.T.L. có chép 1 bức thư của chúa Hiền-tông gửi cho Tuần-vũ Quảng-đông năm Ung-chánh thứ 2, 1 bức thư điếu tế Tổng-đốc Quảng-đông ; hai thư này và tờ biểu cầu phong của Hiền-tông, cùng bức thư của chúa Thế-tông gửi cho Tổng-đốc Mân, Chiết sau đây do ông Lê Quí Đôn tìm thấy ở nhà ông Nguyễn Quang Tiền.

(2) Xem mục Thế-tông Nguyễn-phước Khoát.

(3) Phước-kiến và Chiết-giang.

c. — GIAO-THIỆP VỚI NHẬT-BẢN

Trong tạp-chí Nam-Phong số 54 (tháng 12 năm 1921), phần chữ Hán có bài « Bản Triều tiên đại dữ Nhật-bản giao-thông chi văn-thư » 本朝先代與日本交通之文書) văn thư giao-thông của các đời trước bản triều với Nhật-bản) của ông Sở-cuồng, trong đó ông sưu tập được một số văn-thư của các chúa Nguyễn, của vua Lê, chúa Trịnh trao đổi với các giới công, tư Nhật Bản. Ông Sở-cuồng cho biết các văn-thư ấy trích ở các sách Dị-quốc Vãng lai Ký, Hòa-văn Ngoại-Phiên thông thư, Cổ Sự loại Uyển, Nhật-bản Sử-Liệu của Nhật-bản.

Chúng tôi xin lược trích trong các bức thư ấy nêu ra những điểm có liên-quan đến lịch-sử xứ Đường-trong, mong các nhà sử-học khảo-cứu thêm, xem có đúng với sự thật không.

Theo bức thư của Đoan quốc-công, xưng là An-nam quốc thiên-hạ Thống-binh Đô Nguyên-súy, gửi cho Đức-xuyên Gia-khương, đề ngày tháng 5 năm Hoàng-định thứ 2, tức năm Khánh-trường thứ 6 của Nhật-bản, thì Hiền-quý mà T.L.T.B. năm ất-dậu (1585) chép « tướng giặc Tây-dương là Hiền-quý đi 5 chiếc thuyền lớn đến đậu ở cửa Việt để cướp bóc. Chúa sai hoàng-tử thứ 6 đem 10 chiến thuyền đánh tan hai chiếc thuyền giặc...» là Bạch-tần Hiền-quý, một thương-gia Nhật-bản thường

đi thuyền đến buôn bán, chứ không phải giặc cướp Tây-dương như T.L.T.B. nói.

Một bức thư của chúa Hiền-tông đề ngày 22 tháng 4 năm Hoằng-định thứ 20, tức năm Nguyên-hòa thứ 1 của Nhật-bản, giao cho Mộc-thôn Tông thái-lang 木村宗太郎 chấp chiếu, nói rằng Tông Thái-lang đã xin nguyện ở dưới gối (願承膝下) ta bằng lòng, cho làm quý-tộc, gọi là Nguyễn Đại Lương 阮大良 tên là Hiền Hùng 顯雄. Thư này trích ở sách Hòa Văn Ngoại - phiên thông thư 和文外藩通書 và sách này chú rằng : « Đầu năm Văn-lộc (có lẽ niên-hiệu của Nhật) vì muốn buôn bán với ngoại quốc, tàu Kinh, Giới, Trường-kỳ, cộng thuyền chủ 9 chiếc tàu, vượt biển sang Đông-kinh, Gia-chỉ, Đông-phố-trại, một tàu là sở hữu của Hoang-mộc-Tông-thái-lang, trong năm Nguyên-hòa, qua lại Quảng-nam, quốc-vương vì tình âu yếm người xa lạ, gả con gái cho Tôn-thái-lang, lại cho người này lấy họ Nguyễn để giữ vững tình thân thuộc. Bức thư trên đây là của vua nước ấy ban cho lúc bấy giờ. Sau người vợ theo chồng về Trường-kỳ ; rồi gặp lúc Nhật nghiêm cấm thuyền Nhật xuất dương, nên phải ở luôn lại Trường-kỳ.» Nếu thật như vậy thì chúa Hy-tông, ngoài công - nữ gả cho vua Chân-lạp, còn gả một công - nữ cho một thương-gia Nhật-bản. Theo L.T.T.B thì chúa Hy-tông có 4 công - nữ, hai công - nữ có chép sự tích đầy đủ, còn hai công nữ khác là Ngọc

Khoa và Ngọc-Vạn thì đều chép là « khuyết truyện » nghĩa là không nói gả cho ai, con cái thế nào. Chúng ta đã chắc một trong hai nàng này gả cho vua Chân-lạp, vậy nếu cuộc hôn nhân Nhật-Việt ấy có thật, thì vợ người Nhật ắt là nàng kia.

Một bức thư của chúa Hiếu-văn (tức Hy-tông) gửi cho Đức - xuyên Gia-khương và Bản-đa Thượng - Dã - Giới Chánh-Thuần, cho Trà-ốc Tư-lang Thứ-lang tỏ tình giao hảo, mời đến buôn bán, tặng phẩm - vật. Theo bức thư của Hy-tông và bức thư của Đức - xuyên Gia-khương gửi chúa Hy-tông, thì chúa Nguyễn đã gửi tặng trầm hương, kỳ-nam, rượu, mật ong, đoạn màu, con công ; Nhật gửi tặng chúa gươm, dao lớn, dao đeo lưng.

Một bức thư của chúa Hy-tông xưng Đại-Đô-thống Thụy - quốc-công nước An-nam gửi quốc - vương Nhật-bản đề ngày 11 tháng năm năm Hoằng-định thứ 5 (1), tức năm thứ 9 niên-hiệu Khánh - trường của Nhật-bản, xin vua Nhật chỉ cho thuyền buôn bán đến nước mình, chứ đừng cho đến các xứ Thanh-hóa, Nghệ-an là thù địch của nước mình.

---

(1) *Lê Hoằng-định năm thứ 5 là năm 1604 dương lịch, là thời chúa Thái-tổ Nguyễn Hoàng, đến năm Hoằng-định thứ 14 (1613) chúa Hy-tông mới kế vị cha, mà thời chúa Nguyễn-Hoàng chưa có sự phân tranh Nam-Bắc ?*

II.— Giao thương với các xứ Đông-á và Âu-châu

a.— GIAO THƯƠNG VỚI CÁC NƯỚC ĐÔNG-Á.

Một đặc sắc của chính sách các chúa Nguyễn ở Nam-hà là đi đôi với việc khai-thác đất đai ở phương Nam, mở cửa tiếp xúc với các nước khác, Á cũng như Âu, giao thiệp, buôn bán với họ, để thu dụng những tài-năng, những phẩm-vật, những gì mới lạ về kỹ-thuật và khoa-học. Từ khi chúa Thái-tổ còn ở dinh Cát, thuyền buôn các nước đã vào sông Quảng-trị, đến buôn bán ở dinh chúa rồi. T.L.T.B năm nhâm-thân (1572) chép : «Bấy giờ chúa ở trấn đã hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, chợ không khai giá, dân không trộm cắp, tàu buôn các nước nhóm hợp (nơi ly-sở của chúa), biến thành một đô-hội lớn » Từ chúa Hy tông trở đi, chúa nào cũng đặc biệt khuyến khích người Tàu, người Nhật, người Âu châu đến buôn bán ở xứ mình.

Năm nhâm-dần (1602) chúa Thái-tông lập dinh Quảng-nam. ở gần Hội-an mà người Âu-châu gọi là Faifo (1) và

---

(1) Có thuyết nói rằng sông Thu-bồn xưa kia có tên là Hoài-giang (sông Hoài), cho nên Hội-an cũng có tên là Hoài-phố nghĩa là phố trên sông Hoài ; sau Hoài-phố biến thành Phai-phố, sự biến âm này do một định-luật về ngữ-học rất thông thường : các chữ f, v, h, w, b, p, m, ph, có thể tương hoán (permutation) với nhau, tạp hóa người tàu đọc là chạp-phô, hỏa (đầu) cơ đọc phô-ky, thành ra chữ Hoài-phố người Tàu đọc là Phai-phô.

giao cho công-tử thứ 6 bây giờ là công-tử trưởng là Nguyễn Nguyên làm Trấn-thủ. Hội-an trở nên thương-cảng mậu dịch với ngoại-quốc và nơi đô-hội buôn bán lớn nhất của Thuận, Quảng bắt đầu từ đó. Thương mãi mở cho người mọi nước, còn ghe thuyền người Việt thì chỉ buôn bán dọc theo bờ biển đến vịnh Tiêm-la mà thôi.

Hội-an được chiếm địa-vị ấy là vì Quảng-nam là trấn giàu nhất trong xứ, phần nhiều sản-vật quý đều do đất ấy sản-xuất, lại ở gần Chiêm-thành, Qui-nhơn, nên dễ tập hợp những sản-vật mà thuyền buôn ngoại-quốc cần dùng. Lại còn lý-do chính-trị : Nước ta đã cùng với Trung-quốc giao-thương từ đời Tiền-Lê, Lý, Trần, Lê. Vì sợ người ngoại-quốc giả mạo thương nhân để do thám, nên triều nào cũng chỉ cho phép họ tụ hợp tại những nơi nhất định, gọi là « bạc dịch trường » để buôn bán, và cấm họ đến kinh-đô. Đời Lý lập bạc-dịch-trường ở đảo Vân-đồn (1) thuyền tàu ngoại-quốc đến buôn bán chỉ được vào hải-cảng ấy và thương khách cư trú tại đó. Đến đời Lê vua Thái-tổ chỉ định thêm mấy nơi nữa, ngoài Vân-đồn, cho thương-khách làm nơi cư-trú, nhưng cấm người Trung-quốc ra vào Thăng-long. Thời Nam-Bắc phân tranh, ngoài Vân-đồn ra, chúa Trịnh tập trung thương-khách Trung-quốc và Âu-châu tại Hiến-nam (phố Hiến), cho họ lập phố xá để tiện việc kiểm soát, và vẫn cấm họ ra vào

(1) *Đảo lớn nhất trong nhóm đảo mà các bản địa-đồ cũ gọi là Iles de la Table.*

Thăng-long. Chúa Nguyễn ở Nam-hà đối với Hoa-thương và thương khách ngoại-quốc cũng áp-dụng chính-sách ngăn ngừa, như ở các triều-đại trước, nên Hội-an xa cách Phú-xuân, được chọn làm nơi tập trung của họ, cũng như Vân-đồn, Hiến-nam đối với thương-khách ở Bắc-hà phải ở xa Thăng-long vậy.

Thương-cảng Hội-an càng ngày càng phồn thịnh, số thu nhập rất nhiều, vả lại trấn Quảng-nam còn đề trấn áp phương nam, là trấn quan-trọng, nên các chúa thường đề một công-tử làm Trấn-thủ. Trấn-thủ Quảng-nam có nhiệm-vụ trực-tiếp giao-thiệp với người ngoại-quốc, và kiểm-soát việc ngoại-thương, xuất, nhập cảng. Người ngoại-quốc, giáo-sĩ cũng như du-khách, thương-nhân muốn ra vào đất Nam-hà, phải do cửa Đà-nẵng, Hội-an đến ra mắt Trấn-thủ Quảng-nam trước, vì đó họ thường gọi xứ Đàng-trong là nước Quảng-nam (Quảng-nam quốc).

Giáo-sĩ Christoforo B0rri đã cư-trú tại Hội-an năm 1618, tả thành-phố này : « Thành-phố rộng rãi, nên có thể nhận ra hai khu-vực, một khu-vực do người Trung-hoa ở, khu-vực kia thì người Nhật-bản ở, mỗi khu-vực đặt riêng người khu-trưởng và y theo phong-tục, tập-quán riêng mà sinh sống...», và «...người Trung-quốc và người Nhật-bản là những thương-nhân chủ yếu của chợ phiên này, năm nào cũng mở và kéo dài trong 4 tháng. Người Nhật thường đem lại 4, 5 vạn nén bạc, người Trung-quốc thì đi một thứ thuyền buồm đem lại nhiều tơ lụa

tốt và sản-vật đặc biệt của họ. Do chợ này, quốc-vương thu được số tiền thuế lớn, toàn quốc cũng được nhiều lợi ích. »

Cách Hội-an vài chục cây-số về phía bắc là Đà-nẵng hay cửa Hàn, bấy giờ người Âu-châu gọi là Turon hay Touron. Tuy Hội-an và Đà-nẵng là hai cửa biển khác nhau, nhưng ở gần nhau và giao-thông với nhau dễ dàng, nên người Âu-châu coi là một hải-cảng duy nhất với hai ngõ vào (1) và gọi tên chung là hải-cảng Quảng-nam (Port de la Province de Cacciam : hải-cảng tỉnh Kẻ-chiêm).

Hằng năm vào khoảng tháng 12, tháng giêng dương lịch, tàu ngoại-quốc từ Trung-quốc, Nhật bản đến bán phẩm-vật của họ, mua sản-vật của ta, sau 4, 5 tháng họ đi. Người Nhật-bản ngoài việc bán, mua cho họ, còn gián-tiếp mua hàng Trung-quốc cho Nhật nữa. Nguyên đời nhà Minh từ năm 1371, đã có lệnh bế môn, cấm dân duyên-hải xuất ngoại ; đến năm 1567, bỏ lệnh hải

---

(1) Giáo-sĩ Borri tả hải-cảng Phai-phô và hai ngã vào ấy như sau : « Hai ngã vào ấy là cửa bể Pullu-ciampello (cù-lao Chàm) và Turon, hai cửa bể ấy ban đầu cách nhau ba, bốn dặm, rồi rẻ ra xa nhau mà đi sâu vào nội-địa như hai con sông lớn cách biệt nhau, sau cùng lại gặp nhau ở một địa-điểm, ở địa điểm đó người ta thấy nhiều tàu, thuyền vào bằng cửa này hoặc cửa khác. » Địa-điểm đó là Hội-an. Nhưng ngày nay dòng sông và cửa biển đều đã biến đổi.

cấm này, cho dân xuất dương buôn bán, nhưng vẫn cấm vượt biển sang Nhật-bản và xuất-cảng các phẩm-vật có tính-chất quân sự và kinh-tế. Vì vậy sau đó, các nhà cầm quyền Nhật khuyến-khích các thương-gia phải thuyền đến Quảng-nam, Tiêm-la, Phi-luật-tân để trao đổi với các thương thuyền Trung-quốc, năm nào cũng đến đó buôn bán, để mua những hàng hóa, vật-liệu của Trung-quốc mà Nhật-bản cần dùng. Vậy trong thời-gian ban đầu người Tàu, người Nhật hàng năm đến Hội-an trao đổi trong 4, 5 tháng rồi về, chỉ những người đại-diện mới ở lại bán hàng-hóa đã đem đến, và mua sản-vật để dành cho chuyến năm sau. Ngoài ra, còn một số thương-nhân vì công việc kéo dài, không kịp về chuyến ấy mà gió mùa đã ngược rồi, phải ở lại, gọi là vì áp đông hoặc lưu đông, đợi chuyến thuyền năm sau.

Đến hậu bán thế-kỷ thứ XVII, vì cuộc thay đổi triều-đại và các chính-biến xảy ra ở Trung-quốc, việc buôn bán ở Hội-an thịnh vượng thêm lên, và thương-cảng nầy đã tiếp nhận nhiều người Trung-quốc lưu-vong hoặc di-thần triều trước sang lánh nạn, định cư, trở nên đông đúc hơn lên.

Cuối đời nhà Minh, đất Hoa-nam cực kỳ rối loạn. Năm 1644, quân Thanh vào chiếm Bắc-kinh, vua Minh Tư-tông thắt cổ tự-tử, quốc-tộ nhà Minh hầu như đoạn tuyệt. Nhưng sau đó, di thần nhà Minh lập vua Hoằng-quang ở Nam-kinh, quân Thanh vào chiếm Nam-kinh,

vua Hoằng-quang bị bắt ; vua Long-võ được lập ở Phúc-Châu, rồi bị quân Thanh bắt (năm 1646); vua Vĩnh-lịch được lập ở Triều-khánh (thuộc Quảng-đông) nhưng trước sức tấn công của địch, phải chạy trốn đến Quế-lâm, thuộc Quảng-tây, Vân-nam, rồi sang nước Miến-điện, đến năm 1662, Ngô Tam Quế đem quân vào Miến-điện, buộc vua Miến phải trao nạp vua Vĩnh-lịch.

Từ khi vào cõi, nhà Thanh đã xuống lệnh nhân dân phải cạo tóc gióc bím, ăn mặc như người Mãn, ai không tuân phải tội chết.

Tuy nhà Minh đã mất, nhưng các đất duyên hải phương Nam, như Chiết-giang, Phước-kiến, Quảng-đông vẫn tiếp tục kháng cự nhà Thanh dưới sự lãnh - đạo của Trịnh Thành Công. Từ năm 1647, sau khi vua Long-võ bị giết, Thành Công đã lui về Hạ-môn luyện tập hải-quân, thỉnh thoảng vào đánh lục-địa. Năm 1661, Thành Công ra Đài-loan, đuổi người Hà-lan ở đấy, chiếm đảo này để cùng các cựu thần nhà Minh và những người trung nghĩa đất Giang-nam làm nơi căn-cứ mưu cuộc diệt Thanh phục Minh. Từ khi Thành Công rút ra Đài-loan, nhà Thanh ra lệnh nhân dân duyên-hải phải dời vào lục địa, cấm giao-thông với hải-ngoại, cốt làm cho Thành Công không thu được lương-thực và mua được vật-liệu quân-sự. Họ Trịnh phải hướng về các nơi khác như Nhật-bản, Quảng-nam, Tiêm-la để mua lương-thực, khí-giới và các thứ cần dùng, nhờ đó mà việc thương-mãi ở Hội-an

được phát-đạt thêm. Trịnh Thành Công ra Đài-loan chẳng bao lâu thì mất (1662), con là Trịnh Kinh nối chí cha, cùng các di thần nhà Minh tiếp tục công cuộc kháng Thanh.

Ngoài chiến-tranh giữa cựu thần nhà Minh và quân Thanh, Hoa-nam còn là bãi chiến-trường của Tam phiên và quân Thanh nữa. Nhà Thanh lấy được Trung-quốc, một phần nhờ công của các hàng tướng nhà Minh. Sau khi diệt vua Vĩnh-Lịch rồi, nhà Thanh phong cho các hàng tướng có công và cho họ lãnh bản-bộ binh sĩ đến trấn thủ các tỉnh phương nam : Ngô Tam Quế trấn thủ Vân-nam, Thượng Khả Hỷ trấn thủ Quảng-đông, Cảnh Kế Mậu trấn thủ Phước-kiến, người ta gọi là Tam phiên. Ba tướng ấy thừa lúc uy quyền nhà Thanh chưa được vững vàng ở phương nam, khuếch trương thế lực, lần lần có khuynh hướng độc-lập. Thanh triều biết vậy, nên dùng thủ-đoạn chính-trị để mưu lật đổ. Năm 1673, Ngô Tam Quế bèn cử binh làm phản, xuống lệnh cho dân trấn mình để tóc lại, bỏ y phục Mãn-châu, hai phiên trấn Quảng-đông, Phước-kiến cũng hưởng ứng. Ba phiên trấn ấy liên hợp với họ Trịnh ở Đài-loan, lập thành mặt trận phản Thanh, gây nên cuộc đại loạn tại toàn cõi Hoa-nam. Nhưng đến năm 1681, quân nhà Thanh đánh lấy ba trấn Vân-nam, Quảng-đông, Phước-kiến, lần lượt bình-định các nơi. Đầu năm 1681, Trịnh Kinh mất, con là Trịnh Khắc Sản không đủ uy-quyền để duy trì sự đoàn kết giữa các tướng lãnh đã mất tinh-thần chiến

đấu trước sự thất bại của tam phiên. Năm 1683, quân Thanh ra đánh Đài-loan, khắc Sản đầu hàng. Ở kháng chiến cuối cùng của nhà Minh bị hủy diệt.

Qua các biến cố trên, chúng ta có thể chắc rằng từ sau khi nhà Thanh vào Trung-quốc, hạ lệnh dân Tàu cạo tóc gióc bím, đã có nhiều người Trung-hoa di cư đến Hội-an (1), được chúa Nguyễn cho phép cư-trú. Họ lập lên xã Minh-hương, chúa Nguyễn áp dụng chính-sách đồng hóa, đã thừa nhận xã ấy, cho thuộc hộ-tịch Việt-nam. Đến sau khi Tam phiên thất bại, chính-quyền Đài-loan bị lật đổ, một số đông người Tàu khác phần đông chắc là người các tỉnh Phước-kiến, Quảng-đông, Chiết-giang, đã chạy sang cư-trú vĩnh-viễn ở Hội-an là nơi có nhiều người đồng-bang quen biết đã đến ở đó rồi. Vì nhà Thanh đã hoàn toàn làm chủ Trung-quốc, số người này ra đi mà không hẹn ngày về, và cũng như những người trước kia, chắc đã đến Hội-an đông hơn các nơi, vì Quảng-nam giàu có, việc làm ăn dễ dàng, và chính-sách đối với Hoa-kiều của nhà cầm quyền tương đối rộng-rãi. Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên là hạng di dân tị nạn nầy, nhưng vì là một tập-đoàn lớn lao, nên chúa Nguyễn cho vào ở Chân-lạp.

---

(1) Theo ông Nguyễn Thiệu Lâu, trong bài La Formation du Village de Minh-hương (Bulletin des Amis du Vieux Hue năm 1941) và nhiều nhà nghiên cứu khác, thì người Trung-hoa đến Quảng-nam, ban đầu đã ở Thăng-bình, Trà-nhiêu, Thanh-hà, rồi sau mới tập trung ở Hội-an.

Chính-sách đồng hóa người Hoa-kiều mà các chúa Nguyễn áp-dụng cũng là chính-sách đã thi-hành từ các triều trước. Năm 1437, vua Lê Thái-tông hạ lệnh cho người Minh ở trên đất Việt phải ăn mặc như người Việt. Có lẽ ấy là đối với số người Tầu theo quân Minh xâm chiếm Đại-Việt còn ở lại, số người ấy bụng dạ thế nào chưa rõ, nên phải đề phòng và quản chế. Năm Lê Cảnh-trị thứ 2, (1666), hạ lệnh người ngoại-quốc phải nhập-tịch, y-phục, nhà cửa bắt phải y theo quốc-tục và từng loại, sáp nhập vào các xã, thôn, trang, cảng và sách mà họ đương cư-trú. Vậy tuy cũng bị đồng hóa như ở Hoa-kiều ở Bắc-hà, nhưng Hoa-kiều ở Nam-hà được tụ tập trong một xã riêng biệt, do họ đặt tên (Minh-hương), chứ không phải biên chung vào hộ-tịch ở nơi mình cư trú với người Việt. Đó là một tiện lợi lớn lao cho Hoa-kiều Nam-hà vậy.

Với loạt người Trung-quốc di cư sang trong giai-đoạn sau, giai-đoạn loạn ly ở Hoa-nam, số Hoa-kiều định cư ở Hội-an mới đông hơn trước.

Năm 1695, người mại-biện Anh là Bowyear đến Hội-an thuật lại rằng : « Phai-phô gồm một con đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Tàu, cũng có 4, 5 gia-đình người Nhật-bản. Xưa kia người Nhật là dân cư chánh và làm chủ việc thương mãi ở hải-cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và của cải của họ cũng sút kém ; sự quản-trị công việc đã vào tay người Tàu. Mỗi năm có độ 10, 12

chiếc thuyền từ Nhật, Quảng-đông, Tiêm, Cao-miên và Batavia đến...» Trong sách Hải-Ngoại Ký Sự, Thích Đại Sán (1), vị Hòa-thượng đã đáp lời mời của chúa Hiền-tông đến Thuận-hóa năm 1695, có ghé Hội-an, viết : Hội-an là một mã-đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước ; thẳng bờ sông có một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại-đường-nhai, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố đều người Phúc-kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiên triều (nhà Minh), phần đông phụ nữ coi việc buôn bán. Khách trú ở đây hay cưới vợ người bản xứ, cho tiện việc thương mãi. Cuối đường là cầu Nhật-bản, tức Cẩm-phô, cách bờ bên kia là Trà nhiêu, nơi đình bạc của tàu ngoại-quốc. Nhân-dân đông đúc, cá tôm rau quả, tập hợp mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận-hóa không có thì người ta vào mua ở đây...» và : « Quốc-vương nói : Các năm trước, thuyền ngoại dương đến buôn một năm chừng 5, 6 chiếc, năm nay số ấy lên đến 16, 17 chiếc, nhờ đó trong nước tiêu dùng được dư dã...»

Ngoài Hội-an ra, từ đầu thế-kỷ thứ 17 người Trung-hoa cũng đến buôn bán ở Tàn-châu (Qui-nhơn) và Đề-gi (cũng thuộc phủ Qui-nhơn) nhưng chỉ một số ít. Trong công việc kiểm-soát ngoại - thương, thu thuế thương thuyền, cứu giúp những thuyền

(1) *Bản dịch của Viện Đại-Học Huế.*

ngoại quốc bị gió bão trôi giạt đến, các chúa Nguyễn đã đặt ở Hội-an một cơ-quan gọi là Tàu-vụ-ty 艚務司 trong có nhiều chức quan. Người Trung quốc và người Minh-hương vốn có nhiều tri-thức và kinh-nghiệm về ngoại-thương hơn người Việt, nên thường được chúa giao-phó giữ các chức quan ấy. Ngoài ra dân xã Minh-hương có nhiệm-vụ nghiệm xét cân lượng, định giá hàng các tàu buôn, và làm thông ngôn cho các tàu Trung-quốc và ngoại-quốc. Công-việc ấy cũng là sưu-dịch rồi, nên dân Minh-hương được miễn các thứ sưu dịch, sưu-sai, và quét chợ và tuần đò. (1).

Ở Tàu-vụ-ty có 1 viên Cai-tàu, 1 viên Tri-tàu, 2 viên Cai-bộ-tàu, 2 viên Cai-phủ-tàu, 2 viên Ký-lục-tàu, 2 viên Thủ-tàu, 6 viên Cai-phòng, 30 viên Lệnh-sử, 50 binh Toàn-súng, 4 đội lính tàu, 70 người, 7 viên Thông-sự (thông ngôn ?)

Thuế lệ là : tàu thuyền Thượng-hải khi đến nạp 3000 quan, khi đi nạp 300 quan, tàu thuyền Quảng-đông khi đến nạp 3.000 quan, khi đi nạp 300 quan ; tàu thuyền Phước-kiến khi đến nạp 2.000 quan, khi đi nạp 200 quan ; Tàu thuyền Hải-đông (Hải-nam) khi đến nạp 500 quan, khi đi nạp 50 quan ; tàu Tây-dương khi đến nạp 3.000 quan, khi đi nạp 800 quan, tàu thuyền Ma-cao,

---

(1) Theo Giáo-sư Trần Kinh Hòa trong bài «Mấy điều nhận xét về Minh-hương xã » (Việt-Nam Khảo cổ tập-san số 1, số 3).

Nhật-bản khi đến nạp 4.000 quan, khi đi nạp 400 quan; tàu thuyền Tiêm-la, Lữ-tống khi đến nạp 2.000 quan, khi đi nạp 200 quan. Tầu thuyền nào giấu diếm hàng hóa thì tịch thu tàu thuyền, sung công hàng hóa. Tàu thuyền nào không có hàng hóa thì không cho vào cửa biển.

Đại ước hàng năm số tiền thu thuế ít là không dưới 1 vạn quan, nhiều là hơn 3 vạn quan. Số thuế thu được ấy mỗi năm đem nạp vào kho 6 phần, còn 4 phần thì chia cho quản, lại, quân, dân đã phụ trách các việc.

Ngoài món thuế phải nạp khi tàu thuyền đến và đi ấy, mỗi tàu thuyền khi mới đến phải nạp « lễ báo tin »: Nguyễn lệnh (1), 4 cân trà, Cai-tàu 2 cân, Tứ-trụ văn ban cùng Thái-giám, Cai-tàu-vụ và Cai-bộ mỗi người một cân, Tri-bộ, Cai-phủ, Ký-lục mỗi người nửa cân — «lễ-tiến» dâng cho Nguyễn lệnh (1) là các thứ gấm, đoạn, lãnh, sa, ngoạn-vật, hoa-quả, lễ này không có định hạn, đại ước đáng giá 500 quan tiền, cũng có tàu, thuyền dâng một hai lễ vật thích ý thì truyền cho miễn thuế, không theo lệ ; — «lễ trình diện» quan Cai-tàu so với lễ tiến giảm một nửa, lễ trình-diện quan Cai-bộ và các nha

(1) *Có lẽ là quan Trấn-thủ Quảng-nam.*

theo thứ bậc mà giảm lần (1). Nguyễn-lệnh muốn mua thứ gì thì truyền quan Cai-tàu, khiến tàu thuyền đem nạp công khố, thuyền trưởng và tài-phó theo vào để cân; các thứ nhà nước không mua mới đem bán; nếu có tàu thuyền nào kêu ca giá bán cho nhà nước bị bớt nhiều quá cũng trả thêm cho (1). Tàu thuyền nào có mua hóa vật xứ này phải làm đơn trình quan Cai-bộ, quan Cai-bộ giao cho người phần hành tra xét, sai quân áp điệu đến tàu thuyền, chứ không được tự tiện chở riêng (1).

V.B.T.L cho biết sơ qua các hóa phẩm, sản-vật ngoại quốc đem đến bán, giá cả sản-vật của ta thời ấy, và vì sao Hội-an có nhiều tàu thuyền ngoại-quốc đến trao đổi. Ông Lê Quí Đôn viết : « Có người thương khách Quảng-đông họ Trần, có thuyền, quen mua bán, nói rằng : « Từ phủ Quảng-châu đi đường biển đến Thuận-hóa gặp gió thuận thì chỉ ba ngày, ba đêm đến cửa Eo, đến phố Thanh-hà ở Phú-xuân, vào cửa Đại-chiêm đến Quảng-nam Hội-an cũng như thế. Từ Quảng-châu đến trấn Sơn-nam (Nam-định) gần hơn, chỉ một ngày hai đêm nhưng thuyền ở Sơn-nam về chỉ mua được một món là cũ nâu, thuyền ở Thuận-hóa về chỉ mua được một món là hạt tiêu, còn thuyền từ Quảng-nam về thì trăm hóa vật không món gì không có, các phiên-bang không nước nào sánh kịp. Các hóa vật sản xuất ở các phủ Thăng-hoa, Điện-bàn, Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Bình-khương và Nha-trang do đường thủy, bộ, đi thuyền, đi ngựa đều tập hợp ở

(1) *Theo V. B. T. L.*

phố Hội-an, cho nên rất đông thương-khách phương bắc (Trung-hoa) đến đó để mua, đem về nước Đường. Trước đây, hóa vật nhiều lắm, dẫu có trăm chiếc thuyền lớn chở đi một lúc cũng không hết được.» Hỏi tên các hóa vật và giá mua bình thường thì y nói : «Ở Quảng-nam tục gọi 100 cân là một tạ, cau giá 3 quan 1 tạ, hạt tiêu 20 quan, đậu khấu 5 quan, Tô-mộc 6 quan, sa-nhân 12 quan, thảo-quả 10 quan, ô-mộc (gỗ-mun) 6 tiền hồng-mộc (?) 1 quan, hoa-lê-mộc (gỗ trắc) 1 quan 2 tiền, tê giác 500 quan, yến sào 200 quan, gân hươu 15 quan, vây cá 14 quan, tôm khô 6 quan, rau biển 6 quan, ốc hương 12 quan, đồi-mồi 180 quan, ngà voi 40 quan, đường phèn 4 quan, đường trắng 2 quan, còn các thứ hoạt-thạch (?) sát, phấn, kẽm, hải-sâm và mấy trăm vị thuốc nam không thể kể xiết ; còn kỳ-nam hương một cân giá 120 quan, vàng 1 hốt giá 180 quan, nhục-quế, trầm-hương, trân-châu rất tốt thì giá lên xuống nhiều ít không nhất định. Gỗ tử-đàm (?) cũng có, nhưng không tốt bằng của Tiêm-la».

Lại hỏi : «Các hóa vật từ Đường đem đến là những gì ? Đến đó có bị ế không ?» Y đáp : «Hàng bán chạy lắm, không ế đọng. Hàng đem đến là sa-đoạn, gấm đoạn 5 màu, vải, các vị thuốc, giấy vàng bạc, dầu thơm, các thứ giấy, kim tuyến, ngân tuyến các màu, các thứ phẩm nhuộm các màu, y-phục, giày, nhung đa-la (sản-xuất ở Giao-lưu-ba) pha-lê, kính, quạt giấy, bút, mực kim, nút áo, các thứ bàn, ghế dựa, các thứ đèn lồng, các thứ

đồ đồng, thiếc, đồ sành, đồ gốm, đồ ăn uống thì trà, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh, miến, bột mì, cải tàu, trứng muối, tương gừng, tương ngọt, đậu hũ, kim-châm, mộc-nhĩ, nấm hương...

b) GIAO THƯƠNG VỚI NGƯỜI ÂU CHÂU

Các bờ biển bán-đảo Đông-dương đã được các nhà hàng-hải Âu-châu biết đến từ thế-kỷ XVI, nhưng đến thế-kỷ XVII thì người Âu-châu mới đến tiếp xúc một cách liên-tục với người Việt.

Những người Âu-châu đến đầu tiên là thương-nhân và giáo-sĩ.

Thế-kỷ XVII, các nước Âu-châu đương theo chủ-nghĩa trọng thương. Từ đầu thế-kỷ, nước Hà-lan, nước Anh lập những công-ty thương-mãi, với sự hùn vốn của tư-nhân, được chính-phủ cho độc-quyền hoạt-động ở các miền trên bờ biển Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương, gọi là Công-ty Đông Ấn-độ. Thương nhân Hà-lan (của Công-ty Đông-ấn Hà-lan lập ở Amsterdam năm 1602) có mặt trên nhiều thương-khẩu ở Đông-á, lập thương-quán trên quần-đảo Nam-dương, lấy Batavia, tức Djakarta ngày nay, làm trung-tâm hoạt-động. Còn người Bồ-đào-nha thì từ đầu đời vua Mục-tông nhà Minh (1567-1572) đã thuê được Áo-môn (Ma-cao) của Trung-quốc để làm căn-cứ thương-mãi ở Viễn-đông.

Như đã thấy, từ đầu thế-kỷ nầy, Faifo là trung-tâm thương-mãi của Đường-trong, mà họ gọi là Cochinchina (1). Người Bồ đã tới lui thương-cảng này thường-xuyên trước năm 1660, còn người Trung-hoa, người Nhật-bản đã đến doanh-thương ở đấy trước rồi.

---

(1) Trước cuộc phát-kiến Cap de Bonne Espérance, người Âu-châu đã biết nước Đại-Việt ta, do nhà du-lịch người Ý là Marco Polo, từ thế-kỷ XIII, đã gọi nước ta là Caugigu, tức là Kiaotche-Kouo, âm của Giao-chỉ-quốc, là tên người Trung-quốc gọi nước ta thời ấy. Vậy từ thế-kỷ XIV, tên Kiao-che được các nước Âu-châu, Ba-tư, A-rập dùng để gọi Đông-kinh (Bắc-kỳ, Tonkin) và rộng ra là tất cả đất nước Đại-Việt. Tên này người Mã-lai đọc là Kutchi, người Bồ-đào-nha đọc là COci. Vì sợ lầm lẫn với đất Koci của Ấn-độ, người ta phải thêm China hoặc Cina ở sau, nghĩa là Coci ở gần biển Trung-quốc. Và danh-từ Cochinchina, trải qua các cách viết Cauchimchina, Cochinchina, Cauchinchina, Cocincina, Caucincina v. v... đều là chỉ đất Đại-Việt ta thời ấy. Đến năm 1615, các giáo-sĩ đạo Gia-tô đến xứ Đường-trong, lập giáo-hội đầu tiên, họ cần tìm một danh-xưng cho đất họ truyền giáo, đất này độc-lập về chính-trị với vương-quốc của nhà Lê. Bấy giờ họ biết hai tên là Tonkin và Cochinchine ; tên trước chỉ rõ ràng vương-quốc của nhà Lê, họ bèn dùng tên sau Cochinchine để gọi xứ Đường-trong. Đến năm 1861, người Pháp lấy Nam-kỳ, vậy cần có danh-xưng để phân biệt miền đất thuộc Pháp với các đất còn lại của Việt-nam, nên người ta dùng danh-từ Bassse Cochinchine

Hàng năm, vào khoảng đầu năm âm-lịch, sự buôn bán bắt đầu. Người Việt đem đến sản-vật trong xứ như tơ sống, gỗ quý, trầm hương, đường, xạ-hương, quế, tiêu, gạo v.v... Còn tàu Âu-châu thì chở đến đồ sành, đồ sứ, giấy, trà, bạc thoi, binh-khí, diêm-sinh, lưu-huỳnh, chì, kẽm, vải Âu-châu, nỉ đỏ, nỉ xanh, nỉ đen v.v... Các chúa cũng thường mua sản-vật của dân-gian để trao đổi với thương-nhân ngoại-quốc, lấy ngoại-hóa. Sự mua bán kéo dài trong 5, 6 tháng, xong, các tàu ấy chở đồ đã đổi được và các thương-nhân trở về.

Các chúa Nguyễn đã thu được lợi lớn do những quà biếu quý giá của các hội buôn ngoại-quốc, và những món thuế cao đánh trên tàu, thuyền nhập, xuất cảng (như đã thấy).

Trái với các thương-nhân Hòa-lan thuộc công-ty Đông Ấn-độ của Hà-lan, các thương-nhân Bồ-đào-nha hoạt-động độc-lập, không phải tuân theo qui-luật của một hội nào. Thương-nhân Bồ cũng không mở thương-điếm

---

...hoặc Cochinchine francaise để gọi Nam-kỳ, còn hai phần kia đất của Đường-trong cũ và Bắc-kỳ vẫn giữ tên cũ là Cochinchine và Tonkin. Đến năm 1883, tự-vựng địa-lý được xác định lại : tên Tonkin vẫn giữ lại ; Basse Cochinchine hay Cochinchine francaise được gọi là Cochinchine : phần đất ở giữa Cochinchine của Pháp ở Nam, và Tonkin ở Bắc, được gọi là Annam (theo Léonard Aurousseau.)

ở Faifo. Hàng năm, tàu họ từ Macao chở hàng đến, các thương-nhân bán hàng xong rồi đi, giao cho người đại-diện mua sản-vật để năm sau tàu sẽ chở về.

Bấy giờ người Bồ-đào-nha thù nghịch với người Hà-lan, và tìm cách làm cho người Nam-hà thù ghét người nước ấy nữa. Theo Christoforo Borri thì thấy người Hà-lan đến buôn bán ở Đàng-trong, người Bồ ở Macao sai 1 sứ-giả đến xin chúa Nguyễn đuổi họ ; sau đó lại sai một phái-đoàn đến nói với chúa Nguyễn vì quyền-lợi của chúa, xin chúa đề phòng người Hà-lan nhã-nhặn nhưng xảo hoạt, e họ sẽ xâm chiếm đất đai Nam-hà như họ đã làm ở Ấn-độ vậy. Nhưng chúa Sãi khá sáng-suốt, đã không theo ý-kiến ấy, lại còn sai viết thư cho công-ty Hà lan ở Ayuthia (Tiêm-la), Patani, và Ligor (thuộc quần-đảo Malacca) vời họ sang buôn bán ở nước mình nữa. Năm 1633, công-ty Hà-lan quyết định đến buôn bán ở Nam-hà. Đầu năm 1636, đã có một thương-điếm Hà-lan được thiết-lập ở Qui-nam (tức Quảng-nam), chắc là ở Faifo, giao cho Abraham Duijcker làm quản-lý. Trước đó, hai chiếc tàu Hà-lan, chiếc Warmont và chiếc Le Grol từ Nhật-bản đến Tourane, Duifeker được viên quan ở Tourane, rồi quan Trấn-thủ Quảng-nam tiếp đãi tử-tế, Duijcker cũng đến Thuận-hóa yết-kiến chúa Thượng. Duijcker có việc kêu xin : chiếc tàu Hà tên Grootenbrook bị đắm ở Paracels, đoàn thủy-thủ được người Việt cứu thoát, nhưng số tiền 25580 réaux thì bị lấy mất, vậy xin giao hoàn

lại số ấy. Chúa sai trả lời rằng việc ấy xảy ra thời quan Trấn-thủ trước, đừng nhắc lại nữa, nhưng từ nay người Hà-lan được tự-do vào buôn bán, khỏi nạp thuế, Duijcker phải bằng lòng và sự thương-mãi bắt đầu.

Bấy giờ ở Nhật-bản,Mạc-phủ đã xuống lệnh cấm người Nhật buôn bán với Đông-kinh (Tonquin), công-ty Hà-lan ở Nhật định sang Đông-kinh buôn bán, thay địa-vị người Nhật ở đấy. Tháng 3 năm 1637, tàu Grol từ Nhật-bản đến Tourane rồi ra Đông-kinh, chở hàng-hóa và 1 phái-đoàn do Karl Hartsingh cầm đầu, xin vua Lê, chúa Trịnh cho phép đến buôn bán ở Đàng-ngoài. Hartsingh dâng vua Lê 2 khẩu đại-bác, được tiếp đãi tử tế và cho phép mở thương-điếm ở Hiến-nam. Nhân đó, chúa Trịnh có yêu-cầu người Hà-lan giúp mình trong cuộc chiến-tranh với họ Nguyễn. Nhân tàu Grol ghé Tourane, Duijcker trao 1 bức thư và tặng-phẩm là nửa cân trầm-hương của chúa Thượng gửi cho Toàn-quyền Batavia, trong thư chúa tỏ ý mong muốn người Hà đến buôn bán ở nước mình. Thư nói : « Thư này của vua nước Quảng-nam gửi vua xứ Jackartre. Ta nghĩ rằng khi thông thương với những xứ xạ lạ, việc ấy phải được vua hai bên thương nghị. Vả lại, khi có thương nhân đến 1 nước để buôn bán, dân nước này ắt lấy làm vui thích. Ta được biết rằng trong các nước đến buôn bán ở nước ta, chỉ đức vua xứ Djakarta là đem lại lợi ích cho nhân-dân nước ta. Ta lấy làm vui lòng. Ta cũng được biết rằng đức vua muốn thuê 1 miếng đất trong nước ta để cho người

xứ ấy ở. Ta sẵn lòng cho thuê đất, nhưng sợ thương-gia ngoại-quốc khác không đến buôn bán trong nước ta nữa, như vậy sẽ gây tình-thế không tốt cho ta, vì người ta sẽ nói không ai muốn đến nước ta. Xin đức vua xét lẽ ấy và đừng tưởng rằng ta sợ. Trái lại, ta rất mong muốn thiên hạ đến doanh thương trong các hải-cảng của ta. Nếu đức vua không trách ta, thì xin cho người đến buôn bán trong nước ta, ta rất được đẹp lòng, cũng như đối với các nước khác vậy. Xin gửi theo đây nửa cân trầm hương. » Năm thứ ba triều ta, ngày 23 tháng giêng (1). Nhưng hão tâm ấy của chúa Nguyễn không được lâu bền. Vì chúa Thượng đã biết sự giao-thiệp của chúa Trịnh và người Hà, nhứt là lời yêu-cầu giúp đỡ để chống đánh mình. Theo lời Duijcker đã nói trước với Hartsingh thì tất cả những gì xảy ra ở triều-đình Đông-kinh đều được mật-thám Đàng-trong báo lại với chúa Nguyễn. Do đó, những lời hứa hẹn miễn thuế cho Hà-lan không được tuân giữ, rồi năm 1641, hai chiếc tàu Hà bị đắm gần đảo Poulo-Cham, phần đông người trong tàu bị bắt giam. Các thương-nhân Hà lại bị đối xử quyết liệt : 1 đứa đầy tớ người Việt của thương-điếm Hà ăn cắp, bị người Hà tự tiện đem giết, quan Trấn-thủ Quảng-nam bèn thu hàng hóa, đồ đạc của thương-điếm đem đốt hết, vàng bạc và đồ gì không cháy đều bị vứt xuống biển, 7 thương-nhân Hà bị giết, 2 thương-nhân khác

(1) *Thư này trích trong Dagh, Register, 1637, của công-ty Đông-Ấn Hà-lan.*

được gửi đi 1 tàu ngoại-quốc để về Batavia, thuật lại việc đã xảy ra cho công-ty biết. Trước tình-thế ấy, trong năm 1641, người Hà-lan đã phải bỏ thương-điếm ở Faifo, và giao cho 1 người Nhật-tên là Risemondono cư-trú ở Senua, tức Thuận-hóa chỉ Huế ngày nay (1), đại diện cho họ ở Đàng-trong.

Đầu năm 1642, 1 chiếc tàu Hà do Van Liesvelt làm thuyền-trưởng đi Batavia, ghé đến gần Faifo, xin chúa Nguyễn thả những người Hà đương bị giam, nhưng chúa Nguyễn biết trên tàu ấy có mấy sứ-giả của chúa Trịnh, phái sang Batavia, nên không thả.

Công-ty Hà-lan bèn quyết định dùng binh lực : 5 chiếc tàu có 152 thủy-thủ và 70 binh-sĩ được phái đến hải-phận Đàng-trong, 1 đoàn trưởng là Van Liesvelt lên bộ, bị quân chúa Nguyễn đánh giết cùng 12 binh sĩ, 1 đoàn-trưởng khác là Van Linga đem giết 20 người Việt mà họ đã bắt trước để làm con tin, nhưng Van Linga không dám lên bộ. Chúa Thượng bèn bắt giết 1 thương-nhân Hà đương bị giam. Để trả thù, Van Linga bắt 107 người Việt họ gặp trên các làng ở dọc bờ biển đem xuống tàu, rồi cho tàu chạy ra Bắc.

Năm 1643, 2 chiếc tàu Hà-lan là Kievit và Nachtegeals đến Đường-ngoài. Bấy giờ chúa Trịnh đương đem

---

(1) *Từ cuối năm ất-hợi (1635) phủ chúa đã dời từ xã Phước-yên đến Kim-long, gần đô Phú-xuân ngày nay,*

quân đi đánh Đường-trong ở Quảng-bình, được tin, liền viết thư yêu-cầu 2 tàu ấy và một chiếc khác là Woeckinde Bonde đương đậu ở hải-phận Đàng-ngoài, vào sông Gianh giúp mình, nhưng không biết vì sao không thấy 3 tàu ấy dự chiến trận này. Đầu năm 1644, 3 chiếc tàu Hà-lan, chắc cũng là các chiếc Kievit, Nachtegels và Woeckende. do Pieter Back chỉ-huy, vào hải-phận Đường-trong, không biết có phải để gặp quân chúa Trịnh không. Được tin, thế-tử Dũng-lễ hầu (tức chúa Hiền sau nầy) liền đem 60 ghe chiến ra vây đánh. Chiếc tàu lớn hơn của Hà bị ghe Việt xông vào đánh, phá, Pieter Back phải đốt nổ kho thuốc súng để tự tử, hai chiếc kia bỏ chạy, bị đuổi theo, 1 chiếc va vào đá, chìm, còn chiếc kia chạy thoát ra Bắc, chúa Trịnh tức giận, không cho ghé vào hải-cảng và tiếp tế lương-thực. Theo Aexandre de Rhodes, chúa Thượng sai cắt mũi 7 người Hà thoát chết, và cùng các xác chết người Hà, gửi ra Bắc để chúa Trịnh kỷ-niệm chiến-công của đội quân tinh-nhuệ của mình.

Nhưng công-ty Hà-lan thấy rằng tình-trạng ấy không thuận-tiện cho sự mở mang thương nghiệp của mình, nên năm 1650 thay đổi chính-sách. Về phần chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền, đã nối ngôi cha từ năm 1648, cũng cho Batavia biết là mình muốn hòa-hảo. Một sứ-giả là Verstege được phái đến Đàng-trong và ngày 9. 12.1651, hai bên hiệp ước : bỏ qua sự bất hòa cũ ; trao trả những người bị bắt, người Hà-lan được tự do

đến buôn bán ở Đàng-trong, lập thương-điếm mới, người Việt, người Hà phạm trọng tội sẽ do quan tòa mình xét xử, giúp đỡ nhau khi có tàu thuyền bị đắm, hàng-hóa vớt lại được sẽ đánh thuế 1 cách xứng hợp v.v.

Nhưng sự hòa hảo không được duy-trì lâu dài. Nhân-viên của công-ty tiếp tục bị phiền nhiễu, nên đầu năm 1654 thì công-ty Hà-lan quyết-định chiến-tranh với Đàng-trong. Nhưng chiến-tranh ấy, người Hà không tích cực thực-hành, người ta chỉ thấy thương-quán Hà đóng cửa từ đó.

Công-ty Ấn-độ của người Anh (London East India Company thành lập cuối năm 1600. Năm 1613, Richad Coks, đại-lý của công-ty ở Hirado phái thương-nhân tên là Peacock đi thuyền đến Đàng-trong. Peacock đến Faifo, sai 1 nhân-viên tên Carwarden lên bộ, trình lên quan Trấn-thủ 1 bức thư và tặng vật của Anh-hoàng. Carweden được tiếp đãi tử tế, và bán được cho quan Trấn-thủ nhiều tấm dạ. Thấy sự giao-thiệp bắt đầu tốt đẹp, Peacock đến dinh Trấn-thủ nhận tiền bán dạ, nhưng không hiểu vì sao khi mới lên bờ, Peacock và người thông-ngôn cùng mấy người tùy tùng bị người Việt xông ra giết hết.

Sau đó từ Hirado, công-ty Anh còn mấy lần phái tàu sang Đài-loan, đảo Bành-hồ và Đông-kinh để toan tính việc thương mãi, nhưng đều thất bại, vì bị người Hà-

lan luôn luôn tìm cách để khuấy phá. Từ năm 1620 đến 1625, người Anh bị đuổi ra khỏi các thương-quán của mình ở phía nam quần-đảo Nam-dương, và người Hà trở nên chủ-nhân việc thương-mãi ở quần-đảo nầy; người Anh phải đóng cửa luôn thương-quán ở Đài-loan và Nhật-bản. Sau cuộc bại trận của người Hà ở Âu-châu, với hòa-ước Wesminter (1654) tình-trạng công-ty của người Anh được nâng cao, công-ty bèn tính lập lại các thương-điếm ở các nơi trên bờ biển Trung-hoa và Nhật-bản. Năm 1672, công-ty sai William Gyfford và 5 nhân-viên đi tàu Zant đến Đông-kinh, dâng thư và phẩm-vật của công ty lên vua Lê xin đến buôn bán, Gyfford được phép lập thương-quán ở Hiến-nam. Nhưng việc doanh thương gặp nhiều khó khăn, phần lớn vì bấy giờ ở Âu-châu chiến-tranh giữa người Anh và người Hà tái diễn, nên bên này người Hà tìm cách ngăn trở sự đi lại và sự tiếp vận hàng-hóa của tàu Anh. Năm 1683, Gyfford phải dời thương-quán lên Kẻ-chợ (Hà-nội) nhưng ở đây việc buôn bán cũng không phát-triển được, vì các người quản-lý bất lực, sự bất hòa giữa các nhân viên, những âm mưu gây thiệt-hại của người Bồ, người Hà, và nhất là ác-ý của giới cầm quyền Việt, xét xử bất công các vụ tranh chấp, mua hàng rồi không chịu trả tiền. Năm 1697, người Anh phải đóng cửa thương-quán.

Trước khi rời bỏ Đàng-ngoài, người Anh mưu đến buôn bán ở Đàng-trong. Năm 1695, Nathaniel Higginson, chủ-tịch công-ty, phái tàu Le Delphin và người mại biện

tên là Bowyear mang thư đến chúa Nguyễn xin bán hàng-hóa, mua hàng bản xứ và xin sang năm sẽ cho 1 chiếc tàu khác đến. Bowyear có nhiệm vụ điều-tra về những điều-kiện thương-mãi, và sản-vật Đàng-trong, xét thử có thể mở những cuộc giao-thương với xứ này không. Chủ-tịch Higginson cũng muốn chúa Nguyễn cho biết những hàng-hóa có thể mua bán được và giá cả; nếu việc thương-mãi thuận tiện thì công-ty sẽ lập 1 thương điếm, miễn là chúa Nguyễn thuận cho công-ty những đặc-ân mà công ty vốn được hưởng ở các nước khác :

1) Nhượng 1 miếng đất để lập thương-điếm.

2) Cho chủ thương-điếm được quyền xét xử người Anh, và những vụ tranh tụng giữa người Anh và người bản xứ.

3) Cho chủ thương-điếm được quyền phạt những nhân công và đứa ở khi chúng phạm lỗi.

4) Được tự do nhập-cảng và xuất-cảng hàng-hóa, khỏi chịu quan-thuế.

5) Nhượng cho 1 mảnh đất trên bờ sông, hoặc trên 1 hòn đảo để lập xưởng làm tàu hoặc sửa tàu.

6) Tàu bị đắm ở bờ biển sẽ không bị tịch thu, người bản xứ phải giúp vào việc cứu trợ thủy-thủ, và hàng-hóa, rồi trao lại cho thương-điếm.

7) Được quyền chuyên chở khỏi chịu thuế hàng-hóa ra vào thương-quán.

Các đặc-ân ấy mà người Anh đề-nghị cho chúng ta thấy họ rất thận trọng. Có lẽ vì đã gặp những trở ngại

và thất bại ở Đàng-ngoài, nên nay họ không muốn đến buôn bán ở Đàng-trong nếu không có đủ điều-kiện để thành-công.

Bowyear đến Faifo rồi đi đường bộ ra Huế yết-kiến chúa Hiền-tông, dâng phẩm vật lên chúa, bà mẫu-hậu và các ông cậu chúa, chúa cũng sai đem cho Bowyear tiền, gạo, heo, cá, rượu để dùng trong lúc ở Huế. Bowyear trình lên chúa những điều thỉnh cầu của công-ty Anh, chúa trả lời rằng khi nào công-ty lập thương-quán các điều thỉnh cầu ấy sẽ được xét, và nếu Bowyear muốn, ông có thể chọn mảnh đất để lập thương-quán ngay bây giờ. Chúa Nguyễn lại sai đưa Bowyear đi xem những khẩu đại-bác đặt trong thành phủ chúa, và hỏi công-ty có thể bán cho chúa những đại-bác như thế không. Hàng-hóa chúa mua riêng được trả bằng vàng như Bowyear muốn; nhưng người ta đã trả theo 1 giá-suất mà Bowyear không bằng lòng, chúa sai trả thêm cho 2 thoi vàng. Bowyear rời Huế có mang về bức thư và tặng-phẩm (1 cân trầm-hương, vàng, 300 tấm lụa và gỗ quí) của chúa Hiền-tông gửi cho Higginson. Lời lẽ trong thư cho người ta thấy hảo tâm của chúa Nguyễn và hứa hẹn 1 tương-lai tốt đẹp cho việc giao-thương giữa 2 bên. Nhưng có lẽ vì công-ty Anh không thấy những bảo đảm đầy đủ và chắc chắn, hoặc vì kết-quả của chuyến đi của tàu Delphin không khích lệ, hay vì 1 nguyên-do nào khác mà công-trình của Hegginson không được tiếp tục.

Nước Pháp thì đến năm 1664 mới lập công-ty Đông Ấn-độ (Compagnie des Indes Orientales). Theo lời yêu-cầu của giám-mục Pallu, công-ty này còn có mục-đích giúp cho việc truyền giáo, nghĩa là các giáo-sĩ đến những nơi truyền giáo ở Viễn-đông. Nhưng công-ty Pháp chỉ hoạt-động ở Đàng-ngoài (các giáo-sĩ giả trang thương-nhân của công ty để truyền giáo, phái tàu Tonquin chở hàng-hóa đến bán, lập thương-điếm ở Hiến-nam), chứ chưa đến Đàng-trong.

Sang thế-kỷ XVIII ở Đàng-trong, mà ở Đàng-ngoài cũng vậy, không còn thương-quán nào của người Âu-châu, và việc buôn bán của họ đã suy giảm trên đất Việt. Ở Đàng-trong, chỉ còn người Bồ tiếp tục đến trao đổi, nhưng tàu của họ cũng không tới lui hàng năm như trước mà thỉnh thoảng mới đến. Sở dĩ việc buôn bán ấy không phát-đạt là vì những nguyên do này : bấy giờ chiến tranh Trịnh-Nguyễn đã chấm dứt, các chúa không mua súng đạn, không cần sự giúp đỡ của người Âu-châu, nên không dễ dãi với họ như trước nữa, trái lại còn nghi ngờ họ mượn tiếng buôn bán để mưu đồ chính-trị : —các hàng-hóa họ chở đến thuộc hạng xa-xỉ, chỉ bán cho vua, quan, còn dân-chúng không dự đến, việc mua sản-vật địa-phương bị nhà cầm quyền kiểm-soát, người Âu-châu không được trực tiếp với người sản-xuất, còn người Trung-hoa thì gặp gỡ người dân quê rất dễ dàng để mua hàng ; — Chúa, quan, ta yêu sách quá đáng, các tặng-phẩm, quà biếu, bán chịu, làm giảm rất nhiều số tiền lời kiếm được; — tính hạnh của các thương-nhân

Âu-châu, cách họ đối xử với nhau (kỳ thị, tranh giành, mưu hại lẫn nhau, xô-xát, ấu đả, có khi dùng đến khí-giới) đối với người Việt, có khi họ dùng những thủ-đoạn bất chánh, gần như cướp bóc, các điều ấy không làm cho người Việt nể vì và tư-thế doanh thương của người Âu-châu vì đó mà suy giảm; — ở Quảng-đông đã mở những thi-trường mới, có lợi hơn, nên thương-nhân Âu-châu chuyển hướng sang đó.

Nhưng thế-kỷ thứ XVIII, hai nước Anh, Pháp, có những kế hoạch lâu dài về thương-mãi ở Viễn-đông. Người Pháp dẫn đầu về số các công-chức, thương-nhân, đã sửa soạn hoặc bắt đầu thực hiện những chương trình thiết-lập cơ-sở trong suốt thế-kỷ.

Đảo Poulo Condore từ cuối thế-kỷ XVII đã được hai công-ty Pháp và Anh để ý. Năm 1686, chủ thương-quán Pháp ở Tiêm (Ayuthia) là Véret đi tìm 1 nơi thuận tiện để lập 1 thương-quán, đề-nghị Poulo Condore. Ông nói: «Tàu, thuyền Trung-quốc, Đông-kinh (Bắc-hà), Macao, Manille, Nam-hà muốn buôn bán ở Ấn-độ phải đi ngang qua đảo nầy, cũng như tàu thuyền ở Ấn-độ muốn đi đến Trung-quốc phải đi ngang qua đó, lối qua ấy cũng thuận lợi như eo biển La Sonde hay Malacca... Vả lại, phải tính rằng việc thương mãi với Cao-miên và Ai-lao là quan-trọng, vì ngoài những hàng-hóa như của Tiêm, hai nước ấy còn có vàng, an-tức-hương, xạ-hương, hồng-ngọc, (rubis), ngà voi, trầm hương và nhiều món hàng quí khác...» Không biết vì nghe được nhận

xét ấy hay vì sự tìm biết riêng của mình, công-ty Anh, năm 1702 dựng ở Poulo Condore I cái đồn làm thương-quán, giao cho Allen Cacthpole làm quản-lý. Như chúng-ta đã thấy, Trấn-thủ Trấn-biên là Trương-phước Phan sai mấy người Chà-và (Mã-lai) đến giả làm người giúp việc cho thương-quán, rồi I đêm phóng hỏa đốt đồn, đâm chết nhiều nhân-viên thương-quán, bắt I người trói lại rồi đem về (1). Theo Archives de l'India Office (2) thì những người Macasars (người Célèbes) mà Allen Cachpole đã thu dụng, vì bị giữ lại quá hạn giao ước, nổi dậy (2). Hẳn là vì người Anh không biết âm mưu của Trương-phước Phan nên mới tưởng như vậy. Cũng theo tài-liệu ấy thì các người Anh ở trong đồn đều bị giết, trừ Docteur Pound và Solomon Lloyd trốn thoát, lên được một chiếc thuyền rồi trải qua bao nhiêu khó nhọc, đến đất Jahore (mũi nam của bán đảo Malacca). Nhờ hai người này, người Anh mới biết thương-quán Poulo Condore đã bị hủy diệt. Chúng ta phải tự hỏi tại sao người Anh vốn thận trọng, khôn ngoan lại đến xây đồn ở một nơi mà không cần hỏi han chủ đất để đến gây ra cớ sự này.

Năm 1721, công-ty Pháp cũng phái 1 nhân-viên này Renault đến nghiên-cứu lại việc đặt 1 cơ-sở ở đảo này.

Năm 1723, Renault báo cáo rằng Poulo Condore nghèo,

---

(1) *Xem mục Hiền-tông Nguyễn-phước Chu.*

(2) *Ch. B. Maybon dẫn lại trong Histoire Moderne du Pays d' Annam.*

không tài nguyên, khí-hậu xấu, khiến người Âu-châu không làm việc được, vì đó, người Anh không muốn trở lại.

Ở Quảng-đông, thương-nhân Âu-châu bị quan lại Tàu bó buộc nhiều điều, phải tuân theo nhiều qui - tắc nghiêm nhặt, một phần lãi lại vào tay các dương-hành của người Tàu đứng làm trung-gian, cho nên họ muốn tìm 1 nơi khá trên biển Trung-quốc dễ chịu hơn để đến buôn bán. Có người nghĩ đến Amoy, có người muốn đến Ninh-phố, người Pháp nhắm xứ Quảng-nam. Vì vậy chúng ta sẽ thấy, nhiều thương-nhân Pháp ở Quảng-đông vận động với Chúa Nguyễn để được đến buôn bán trên đất chúa.

Năm 1744, 1 thương-gia Pháp ở Quảng-đông tên là De Rothe ủy lại buôn Friell đi tàu Bồ-đào-nha đến Đàng-trong điều-tra về việc buôn bán, và xin phép hàng năm cho tàu sang thông thương, được giảm thuế ít nhiều, và cho những người làm công được quyền lưu trú. Chúa Nguyễn, bấy giờ là chúa Thế-tông, tiếp Friell tử tế, cho giấy phép đến buôn bán được khỏi thuế đậu tàu, cho đất xây kho hàng. Chúa lại gửi theo Friell hai thanh-niên Việt tên là Hiêu và Lương (1) để học tiếng Bồ-đào-nha.

Kết-quả ấy rất khích lệ, nhưng De Rothe không có tàu Pháp để dùng, mới sai Friell sang Pondichéry đề-nghị với Dupleix, Toàn-quyền các đất Ấn-độ thuộc Pháp,

(1) *Lương hay Cương ? Chúng ta sẽ thấy một thanh-niên tên Cường chúa Thế-tông gửi sang học ở Pondichéry quen Poivre, sau Bị Poivre bắt cóc đem đi.*

là người đương doanh thương từ Hồng-hải đến Trung-quốc-hải một cách hăng-hái. Dupleix tán thành ngay, cho là một việc rất tốt và sai sửa soạn một chiếc tàu để phái đi. Nhưng vừa cuộc chiến tranh vì vấn đề thừa kế cương-vị Áo-đại-lợi xảy ra, Anh, Pháp giao chinh, việc buôn bán từ Ấn-độ-dương đến Trung-quốc phải đình đốn, nên mưu sang Đàng-trong phải gát lại.

Đến năm 1748, chiến-tranh dứt, Dupleix mới sai một quân nhân là Dumont sang xứ Đàng-trong. Nhưng lúc ấy ở Paris người ta cũng định kế hoạch sang buôn bán ở đất chúa Nguyễn.

Nguyên có một người Pháp tên là Piere Poivre đã từng sang du-lịch nhiều xứ Viễn-đông, như Quảng-đông, Đàng-trong, đảo La Sonde, Batavia nghiên-cứu vị-trí, chính-trị, thuế khóa, phong-tục, tông-giáo, sản-vật, việc thương-mãi của Đàng-trong, rồi có viết một bài ký-thuật trong đó ngoài những mối lợi về thương-mãi, hàng-hóa bán được, sản vật mua được đại khái cũng giống như những nhà khảo sát khác, tác-giả còn cho biết rằng thương-cảng lớn hơn cả của Đàng-trong là Faifo, cửa sông sâu tàu thuyền vào được dễ dàng và đến đậu trước cửa thương-điếm, Faifo là nơi thương mãi thịnh hơn cả của Đàng-trong, có gần 6000 người Tàu, hạng thương-gia lớn ở đó, và người ta có thể dễ dàng thuê nhà làm thương-quán, nhà lớn nhất giá thuê độ 100 đồng cho suốt mấy tháng gió mùa.

Tác-giả còn nói rằng đến xứ này còn những lợi ích quí báu và thiết thực hơn là có thể đưa về những thợ làm tơ lụa, làm đường, thợ cày, thợ làm sườn nhà.v.v...

Giữa năm 1748, Poivre trở về Paris và liền tiếp xúc với công-ty Đông Ấn-độ. Trước đó, công-ty đã tiếp nhận những đề-nghị của Friell chuyển đến, nhưng có người sĩ-quan ở Ấn-độ cho biết rằng Friell sẽ không được chúa Nguyễn tử tế, vì anh ta đã không dạy cho 2 thanh niên Hiếu, Lương như chúa Nguyễn đã nhờ cậy mà lại dùng làm đầy tớ để sai khiến là những lời than-phiền của hai thanh niên đã về tới tai chúa. Vì vậy công-ty đợi Poivre về. Các người hữu trách của công-ty nghiên cứu kỹ-lưỡng những lời trình bày của Poivre, rồi phái ông sang Viễn-đông với 2 mục-tiêu rõ ràng : 1) Mở cuộc thương-mãi với xứ Đàng-trong, và lập 1 thương quán ; 2) Đoạt độc quyền mua bán hương-liệu làm gia-vị như quế, tiêu, gừng, hồi-hương (muscade) của người Hà-lan (việc buôn bán các món nầy được lợi nhiều lắm, người ta sai Poivre tìm những hạt giống và cây con để đem sang trồng ở đảo France, giống và cây con ấy, người Hà-lan cấm xuất cảng, ai trái lệnh thì bị tội nặng)

Tháng 10 năm 1748, Pierre Poivre rời Pháp đi tàu đến đảo France, rồi từ đó viên Toàn-quyền đảo này được lệnh sai 1 chiếc tàu khác đưa ông sang Viễn-đông.

Nhưng tàu này không đi xa được, phải ghé Pondichéry. Toàn-quyền Dupleix lấy làm bất bình vì mình không được chính-phủ hỏi ý kiến về việc này, và việc mà chính mình đã đặt kế-hoạch thì nay lại giao cho người khác thực-hiện. Vì sự bất bình ấy mà Friell bấy giờ ở Pondichéry, không chịu trao những tài-liệu thu thập được về Đàng-trong cho Poivre, và đòi một số tiền lớn mới nhường lại giấp phép mà chúa Nguyễn Thế-tông đã cho phép đến buôn bán ở đất chúa, Poivre không đưa số tiền nên không lấy được giấp phép. Nhưng rồi Dupleix cũng không dám trái lệnh bề trên nên sai 1 chiếc tàu đưa Pierre Poivre đi.

Pierre đến Tourane, rồi ra Huế xin yết-kiến chúa Nguyễn, dâng lên chúa những tặng-phẩm.

Chúa Thế-tông tiếp Poivre tử tế và tỏ ý muốn xem các món hàng đem bán. Poivre đưa đến trình chúa xem, chúa mua vài món, nhưng khi trao lại các món kia thì nó phải qua nhiều người quá, nên chỉ còn lại có một nửa. Các món chúa mua chúa cũng viện nhiều lý-do không trả tiền... Rốt cuộc, Poivre chỉ bán được 300 quan. Poivre muốn mua sản-vật để chở về, nhưng đã quá mùa nên hàng đã xấu mà lại đắt. Trong tờ trình lên công-ty, đại-khái Poivre nói rằng : « Việt mua bán đổi thứ hàng-hóa quí giá

như vàng, trầm hương, ngà voi, tơ lụa, không được tự-do muốn mua được phải lập mưu mẹo hoặc có quan quyền che chở, chính-thể của nước và cách cai-trị xấu, chúa quan tham lam, và sự dốt nát, đó là những trở ngại lớn cho sự mở mang thương mại ; vả lại, dân chúng không dự vào việc này, mà không có dân chúng thì không thể có những giao - thiệp vững chải và lâu bền được. Vậy nếu muốn thu được ít nhiều kết quả thì ta cần phải có những đặc-ân để cho việc mua bán được tự do và dễ dàng, tránh những nhũng nhiễu của giới quyền quí, phân biệt công-ty Pháp với thương-nhân Tàu và Bồ, các điều ấy thì không thể trông mong ở Đường-trong được... Nhưng nếu công-ty quyết ý đến đó, mặc dầu điều-kiện không thuận tiện, thì phải có những phương-pháp làm cho người ta sợ và kính mới được. Các phương-pháp ấy có thể là đặt ở trong xứ, và nhất là ở Tourane nơi rất dễ phòng thủ, 1 đồn binh nhỏ, nó sẽ làm ra pháp-luật, và cắt đứt sự giao-thông tỉnh này qua tỉnh khác thì sự kháng cự của người bản xứ rất yếu ớt, vì họ nhút-nhát và ít chiến đấu hơn người Mã-lai. Sự thiết-lập ấy, cần phải biết rõ xứ này đã. »

Trong thời-gian ở Huế, Poivre đã gặp nhiều khó khăn, phiền nhiễu trong sự giao-thiệp với các quan của chúa Nguyễn. Có một thanh-niên Thiên-chúa-giáo tên là Michel Cường, 1 trong hai thanh-niên mà chúa Thế-tông đã gửi theo Friell năm 1743 sang Ấn-độ học tiếng Bồ và đã từng gặp Poivre ở đấy, nay đã về Huế giúp việc cho

chúa, gặp lại Poivre, được Poivre dùng làm thông ngôn. Nhưng Cường là 1 trong những người đã gây phiền hà cho Poivre. Hôm tàu Machault ở Tourane sắp nhổ neo, đưa Poivre đi, Cường còn lên tàu đòi Poivre trả mấy quan tiền thuê y giúp việc, Poivre đem nhốt y vào kho dưới hầm tàu, rồi tàu nhổ neo. Chúa Thế-tông hay tin sự bắt cóc này giận lắm, bắt giám mục Lefèbvre và giáo-sĩ Rivoal, sai áp giải vào Đà-nẵng để đòi tàu Machault giao lại Cường. Nhưng tàu đã đi lâu rồi. Đó là một trong những nguyên-nhân khiến chúa Thế-tông oán giận Thiên-chúa giáo. Pierre Poivre đem theo Michel Cường và 300 cây con các thứ cây mà Poivre cho là có ích của Đàng-trong đến đảo France, viết thư phúc-trình cho công-ty, và gửi theo bản dịch bức thư mà chúa Thế-tông gửi cho vua nước Pháp (1). Tờ trình bị quan của Pierre Poivre khiến công-ty Pháp bỏ các điều đã mưu tính.

Nhưng Dupleix thì vẫn giữ ý định của mình. Năm 1750, mấy tháng sau khi Poivre rời khỏi Đàng-trong, chúa Thế-tông đuổi hết giáo-sĩ, trừ giáo-sĩ Koffler làm y-sĩ cho chúa. Trong số bị đuổi, có giáo-sĩ Edmond Bennetat đến Macao, rồi đi Pondichéry, vì Dupleix muốn gặp giáo-sĩ. Dupleix nhờ giáo-sĩ làm môi-giới để kết-giao với chúa Nguyễn, lập thương-quán ở Đàng-trong và có được một khoảnh

---

(1) Chúng tôi không thấy sách nào có đăng bản dịch bức thư nầy mà chỉ thấy trích từng đoạn thôi.

đất ở trên bờ biển. Dupleix sai một chiếc tàu chở giáo-sĩ Bennetat và lễ-vật sang Đàng-trong. Được biết mục-đích của Bennetat, Thế-tông vui lòng tiếp giáo-sĩ, cho phép ở lại, giao hoàn giáo-đường Phường-đúc vừa bị tịch thu. Cách đối đãi ấy làm hy-vọng sẽ đem lại một kết quả gì. Nhưng chẳng bao lâu, vì sự kêu nài của một vị quan, Bennetat bị bắt giam rồi chở về Macao.

Dupleix cũng không thôi chí, lại sai một người giúp việc tên là De Rabec đi Đàng-trong. De Rabec có xin chúa Nguyễn được mấy điều như được tự do buôn bán, được quyền sở hữu và xây dựng nhà ở, kho hàng. Nhưng rồi Dupleix bị triệu hồi, cuộc chiến-tranh bảy năm xảy ra, De Rabec phải về Pondichéry, việc ấy không tiếp tục được.

Năm 1755, I thương-gia và mại biện Pháp ở Ấn-độ tên là Protais Leroux đưa lên Thượng-thư bộ Tài-chánh Pháp là Machault một đề-án trình bày những lợi ích của sự thiết-lập cơ-sở ở Poulo Condore. Leroux nói rằng: «Nên đến sớm ở Poulo-Condore để buôn bán, hoặc dùng đảo nầy làm nơi nghỉ ngơi cho tàu, thuyền, đi từ Âu-châu sang Trung-quốc và trữ hàng-hóa, dân bản-thổ ước chừng 1500 người Đàng-trong từ lục-địa ra đã khai-thác đất đai thành màu mỡ, họ bản tính hiền hòa, khéo léo, siêng năng, nếu đãi họ tử tế thì họ sẽ giúp chúng ta mở mang thương-mãi ở khắp biển Trung-quốc, như thế sẽ có lợi cho công-ty Pháp và thiệt hại cho công ty Anh, Hà; vả lại, Poulo Condore còn những lợi ích về chiến-

lược nữa, nếu người Pháp thiết lập cơ-sở ở đấy thì trong trận chiến tranh vừa rồi, công-ty đã không mất những tàu ở Trung-quốc, ở Manille, và việc thương-mãi của người Hà, người Anh đã suy-giảm và thương-mãi của công-ty Pháp đã thịnh vượng ở Âu-châu và Ấn-độ v.v...» Nhưng bấy giờ công-ty Ấn-độ của Pháp đã suy vi, người ta không nghĩ đến việc xa xôi ấy được.

Thuở ấy ở Pháp, Thủ-tướng Choiseul dưới triều vua Louis XV, thấy người Anh thắng thế ở Ấn-độ và chiếm được nhiều mối lợi của người Pháp, cố ý tìm cách để bù lại những tổn thất ấy. Thủ-tướng sai nghiên-cứu lại các hồ-sơ các hành-động của công-ty Đông-Ấn và các thương-gia tư-nhân ở xứ Đàng-trong. Vì vấn-đề quan-trọng nên một ủy-ban được thành-lập, trong-đó vấn-đề đặt ra xem có cách gì để làm cho nước Pháp đặt cơ-sở có một nơi nào bên châu Á để cân nhau với người Anh. De Rothe được hỏi ý-kiến và đề-nghị nên hỏi Poivre, người am hiểu việc này hơn. Poivre (1768) trả lời đại khái rằng nếu dùng võ lực thì phải dùng cách thế nào cho có hiệu quả, phải đánh úp cung điện chúa Nguyễn, chiếm lấy kho tàng, còn không thì không nên đem quân lính đến. Theo ý ấy, chính-phủ quyết dùng võ lực và kế-hoạch thực-hiện đã quy-định xong. Nhưng rồi Thủ-tướng Choiseul bị miễn chức, mưu ấy phải dình.

Nhưng vấn-đề này vẫn tiếp tục được nhà cầm quyền Pháp lưu tâm.

Vua Louis XVI lên ngôi (1774), bổ De Vergennes làm Thượng-thư Ngoại-giao. De Vergennes nguyên làm Đại-sứ ở Constantinople trong chính-phủ trước, là người đã cộng tác với Choiseul để lo duy-trì sự quân-bình thế-lực ở phương đông; lên giữ bộ Ngoại-giao, De Vergennes bèn cùng De Sartine Thượng-thư bộ Hải-quân tiếp tục chính-sách của Choiseul gỡ nước Pháp khỏi ưu-thế mà người Anh đã chiếm từ năm 1740, nhờ những chiến-tranh trên biển và thuộc-địa. Thật vậy, bấy giờ từ Hồng-hải qua đến Mã-lai, nơi nào người Anh cũng lấn lướt người Pháp, chỉ còn xứ Đàng-trong là người Anh chưa chăm chú đến, và các nhà cầm quyền Pháp nghĩ rằng « nếu người Anh đến đó trước thì chúng ta sẽ bị trục xuất vĩnh viễn, chúng ta sẽ mất một căn-cứ hệ-trọng, để khi chiến-tranh, cho chúng ta làm chủ mà chiếm lấy việc thương-mãi với Trung-quốc của người Anh và làm cho họ phải lo lắng không ngớt. »

Hai vị Thượng-thư đã định phái sang Đàng-trong một chiếc tàu mang lễ vật dâng chúa Nguyễn để xin thông thương, nhưng giao cho thương-gia De Rothe giả hành-động riêng phần mình, để tránh không cho người Anh biết mưu mô của chính-phủ. Năm sau 1775, việc dự trù ấy đã sắp đem thi-hành, nhưng trong triều-đình có kẻ phản đối, lấy cớ rằng chúa Võ-vương (Thế-tông) đã chết, không biết chúa mới có sẵn lòng giao-hảo như cha không, những điều hiểu biết về Đàng-trong là thuộc về tình-trạng cũ, mà ở xứ ấy những

cuộc tranh quyền thường xảy ra, thay đổi luôn..., tài-chánh đương khuẩn bách, việc sai phái một chiếc tàu và trang bị khí giới như thế tốn kém nhiều mà sự thành công không chắc... Một lần nữa, mưu sang Đàng-trong phải đình bãi.

Vả lại, bấy giờ một vấn đề khác đang lưu tâm triều-đình Pháp. Năm 1776, 13 quốc-gia Hoa-kỳ tuyên-bố độc-lập rồi Franklin được phái sang Pháp yêu-cầu viện trợ. Ấy là một cơ-hội để chiến-đấu chống nước thù (người Anh), mà qui-mô rộng lớn hơn, đương được quốc-dân hâm mộ hơn. Chính trong năm mà triều-đình Pháp quyết định can-thiệp vào việc Hoa-kỳ, thì người Anh và người Pháp cũng chăm chú đến Đường trong. Xứ này hiện giờ đương rối loạn, Huế đã rơi vào tay quân Trịnh từ năm 1775, và Tây-sơn đương làm chủ các tỉnh ở phía nam Huế, chúa Nguyễn và nhiều người trong công-tộc đã chạy vào Gia-định.

Vào cuối năm 1777, hoặc đầu năm sau, một tàu Anh, chiếc Rumbold, từ Trung-quốc về Ấn-độ, ghé Tourane để kiểm-soát lại tin-tức đã thu thập được về xứ Đàng-trong. Giáo sĩ Loureiro bấy giờ ở đấy muốn rời xứ này vì tình-hình chính-trị, xin quá giang để về Bengale (ở Ấn-độ thuộc Anh), và xin cho 2 viên quan chúa Nguyễn theo vào Gia-định. Gặp gió lớn, không ghé Gia-định được, tàu phải chở luôn 2 viên quan ấy sang Bengale viên Toàn-quyền xứ này là Warren Hastings tiếp 2 viên quan tử tế, và sai 1 chiếc tàu nhỏ, chiếc Jenny, chở trở

về xứ. Nhân dịp này, công-ty Ấn-độ của Anh cũng sai một nhân-viên là Charles Chapman đi chiếc tàu Amazon song xin đặt liên-hệ thương-mại với Đàng-trong. Lúc ấy toàn cõi Đàng-trong đã thuộc Tây-sơn. Chapman nghĩ không lẽ về không, nên tiếp tục cho tiến ra phía bắc, mong tìm thêm tin tức về xứ này. Tàu ghé Qui-nhơn để lấy nước, Chapman được em vua Tây-sơn (không biết là Huệ hay Lữ) tiếp và bảo đến ra mắt triều đình. Chapman tâu với vua Thái-đức chính-phủ Anh ở Bengale phái mình đến xin đặt những mối giao thiệp thương-mãi và thân hữu với Đàng-trong. Vua Thái-đức trả lời rằng vua đã nghe danh tiếng người Anh, và vui lòng cho phép đến buôn bán. Vua hỏi Chapman có thể cho mượn hai tàu Jenny và Amazon để đi đánh quân địch không, nhân-viên Anh trả lời mình không được cấp trên cho quyền để tham-dự chiến-tranh này. Trong một cuộc gặp gỡ khác, vua Thái-đức tỏ ý mong muốn Toàn-quyền Bengale sẽ gởi cho mình 1 nhân vật có khả-năng để huấn-luyện dân mình về thuật chiến-tranh, vì vua muốn chiếm Cao-miên, tất cả bán đảo Đông-dương cho đến Xiêm và xứ Bắc-hà, và để thực-hiện điều này, vua mong mỏi được vài chiếc tàu Anh giúp, vua sẽ cắt đất nhượng cho. Chapman trả lời sẽ trình lên quan Toàn-quyền.

Rồi tàu Anh đến Tourane, Chapman viếng Faifo vừa bị chiến-tranh tàn phá một phần, và viếng Huế. Ở đây phái viên Anh được quan Trấn-thủ nhà Lê tiếp đãi tử tế, hứa sẽ miễn cho tàu Anh tất cả thứ thuế. Chapman bắt đầu đem bán được một số hàng-hóa như kim-

thuộc, đồ thủy-tinh, chén dĩa, vải. Nhưng rồi hàng ngày ông gặp phiền nhiễu, các quan thì đòi tăng vật, người Tàu thì phao những tin đồn vu cáo. Sau cùng được tin chúa Trịnh sai chiếm đoạt tàu Jenny đương đậu ở cửa Thuận, Chapman phải cùng tàu nầy vào Tourane để gặp tàu Amazon, rồi vào nam. Chapman định ghé vua Thái-đức, nhưng gió ngược, tàu không vào bờ được, phải đi luôn về Ấn-độ.

Tuy không gặp may, nhưng Chapman cũng rất lạc quan về xứ Đàng-trong. Trong bài kỹ thuật, ông nói rằng xứ này có nhiều sản-vật buôn có lợi, vị-trí địa-lý rất thuận lợi cho việc buôn bán, có nhiều hải-cảng tiện, nhất là cửa Hàn có thể che núp tàu bè lớn nhỏ khi tiết trời xấu. Việc buôn bán của người Âu-châu ở Quảng-đông đương gặp nhiều khó khăn, nếu phải bỏ xứ ấy mà người Anh có cơ-sở ở Đàng-trong thì có lợi nhiều bề, Đàng-trong gần nước Tàu, hàng-hóa mua ở Tàu có thể tìm đây mà giá hời hơn, có thể lấy lại việc thương-mãi ở giữa Đàng-trong và Nhật-bản xưa nay người Hà-lan độc chiếm, giao thông với Phi-luật-Tân để tiêu-thụ vải Madras, Bengale sang Nam-Mỹ, mua được sản-vật các nước Tiêm-la, Cao-miên; thuốc phiện của Ấn-độ đã thành một món cần dùng cho sự sống của người Tàu, mà từ Đàng-trong có thể cho ghe thuyền chở sang được nhiều nơi để đi đến những miền xa xôi trong nước Tàu hơn là từ Quảng-đông; xứ Đàng-trong có nhiều kim-khoáng; tàu bè của công-ty Đông-Ấn ở cửa Hàn có thể chận dừng các tàu địch được, như thế người Anh sẽ trở thành kẻ láng giềng rất ghê sợ

cho người Hà-lan và người Y-pha-nho. Một chi cuộc có ích lợi cho công-ty như thế, nhưng lập lên không tốn mấy ; ông ta (Chapman) đã giao thiệp với nhiều người bà con và cựu thần chúa Nguyễn, họ đều giục ông gắng sức xin Toàn-quyền Bengale giúp chúa, sự khôi phục vị chúa chính-thống ấy sẽ rất được lòng dân ; kết luận, Chapman nói rằng hễ xứ Đàng-trong còn loạn lạc như bây giờ thì nước Âu-châu nào đến đây chắc cũng dễ thành công ; người Pháp đã sai người đến xem xét tình-trạng kinh-tế xứ này, và họ đương mong tìm cái để bù lại sự tổn thất ở Ấn-độ thì chắc họ sẽ không bỏ qua ; công-ty Anh phải gấp đi, kẻo người ta đi trước mất. Sự lo ngại của Chapman không sai.

Từ đầu thế-kỷ XVIII, người Pháp đã hoạt-động nhiều hơn người Anh trong việc mưu toan đến buôn bán với Đàng-trong. Chevalier, Trấn-thủ Chandernagor, một thành-thị Ấn-độ thuộc Pháp, đã sai tàu Diligente sang dò thăm ở Đàng-trong, và biết xứ này gặp loạn Tây-sơn, có thể lợi dụng cơ-hội, nên tháng 2 năm 1778, viết tờ trình lên Bellecombe, Toàn-quyền đất Ấn-độ thuộc Pháp, để trình bày những tin-tức đã thu thập ấy. Giáo-sĩ Loureiro vừa rồi theo tàu Rumbold về Ấn-độ cùng 2 viên quan của chúa Nguyễn, đã giới-thiệu 2 viên quan ấy gặp quan Trấn-thủ, và Loureiro và 2 viên quan đã bàn với quan Trấn-thủ nhiều về vấn-đề này. Giáo-sĩ Loureiro ở Đàng-trong hơn 25 năm, biết rõ xứ này, đã đưa ra những lý-lẽ mới, giúp cho dự tính của Chevalier. Mấy

ngày sau khi Chapman đưa hai viên quan của chúa Nguyễn về nước, Chevalier lại viết cho Toàn-quyền Bellecombe một bức thư khẩn cấp hơn, nêu rõ những lợi ích nước Pháp sẽ thu được nếu can-thiệp gấp để giúp vị vua chánh-thống nhà Nguyễn (1) khôi phục được giang-sơn. Ông nói nên lập tức bắt đầu gửi cho vua xứ ấy một sự cứu trợ gồm 200 lính Âu-châu, súng ống tốt, và từ 2 đến 300 lính Cipayes, và theo lời khuyên của giáo-sĩ Loureiro thì các sĩ-quan chỉ-huy phải là những người khôn ngoan, lúc nào cũng ôn hòa, có tinh-thần thỏa hiệp và hiền lành, nhã nhặn; giáo-sĩ Loureiro sẽ đưa toán quân này đến chúa Nguyễn và nói rõ ấy là vì mình đã thỉnh cầu thiết tha nên mới được sự trợ giúp này để đánh dẹp quân thù và khôi phục ngôi cho nhà Nguyễn. Theo Chevalier, một bản hiệp-ước hai nước ký kết sẽ dựa trên căn-bản này: Đàng-trong và nước Pháp đồng-minh, để công, thủ, đối với tất cả kẻ thù, phí tổn để duy-trì quân-đội Pháp sẽ do vua Đàng-trong chịu, Pháp lập 1 thương-quán ở Faifo; và được quyền đồn binh ở đó; nhượng cho Pháp 1 tỉnh và Pháp được hoàn toàn tự do buôn bán.

Xem trên chúng ta thấy thế-kỷ XVIII chính-phủ Pháp và vài công-chức Pháp ở Ấn-độ đã rất lưu tâm đến

---

(1) Nguyễn-phước Ánh đã được tôn làm Nguyên-súy, Tổng quốc-chính từ đầu năm 1778, hai chúa Duệ-tông và Tân-chính-vương đã bị hại cuối năm 1777, đầu năm 1780, Nguyên-súy Ánh lên ngôi vương.

Đàng-trong, đã đặt những kế-hoạch đến đó buôn bán để bù lại những thua thiệt ở Ấn-độ. Nhưng có lẽ vì những lý-do ngân-sách, và sự quyết định can-thiệp vào cuộc chiến-tranh của các quốc-gia Mỹ chống lại nước Anh, nên các nhà hữu trách tạm gát các mưu toan.

Chỉ sự bất động của người Anh là đáng lấy làm lạ. Chapman đã đề-nghị một sự can-thiệp mà ông hứa hẹn là dễ-dàng, ít tốn, Toàn-quyền Warren Hastings là người, theo tài-liệu người Anh, lúc ấy đương hoạt-động tích-cực để nâng-đỡ cuộc thương-mãi Anh ở Trung-quốc và tăng thêm mối lợi của công-ty Ấn-độ của Anh đương suy sụp, cũng do dự, không hành-động.

Chẳng bao lâu nữa, một giáo-sĩ khác của Pháp, giám-mục d'Adran, sẽ tìm cách giúp đỡ chúa Nguyễn để đặt mối giây liên hệ đầu tiên giữa người Pháp và xứ Đàng-trong.

Để hiểu rõ thêm việc thương-mại của người Âu-châu ở Đàng-trong trong khoảng thời-gian này, xin dịch sau đây bản thuyết trình về vấn-đề này, tác-giả khuyết danh, viết vào khoảng 1690-1700 đăng trong Lettres Edifiants et curieuses:

«... Còn như sản-phẩm chính mà có thể mua được ở Nam-hà là hạt-tiêu, tơ lụa, đường, gỗ hương mộc (calamba), gỗ mun, yến sào, vàng vụn hoặc đã nấu, gia 10 lần gia bạc bằng trọng-lượng, đồng, đồ gốm, hai món sau này từ Trung-hoa và Nhật-bản chở sang.

Không biết vì sao các thương-gia Âu-châu phàn nàn về các thứ thuế nhập-cảng, xuất-cảng, bỏ neo. Các thứ thuế ấy, ở Cochinchine, không quan-trọng lắm, quan-thuế thì chỉ 3 hay 4 phần trăm. Sự thật, khi tàu đến, không có món gì chở đi mà không được khám xét đã, các viên chức quan thuế bắt cất hết hàng-hóa dưới tàu lên cân, đếm, đến những vật nhỏ mọn nhất, rồi lấy những món họ cho là quí nhất để dưa lên chúa, chúa giữ lại món nào muốn mua và trả tiền. Nếu chỉ mình chúa làm như vậy thôi thì không thiệt-hại gì lắm, nhưng người ta nói rằng các quan trong triều cũng theo gương ấy, và không trả tiền... Sự bất tiện ấy, xem như không thể tránh khỏi, nhưng không phải tuyệt đối không có thuốc chữa. Người Hà lan từ Surate, Coromandel chở tàu chở vải, chì, diêm-sinh v.v... sang Cochinchine, người ta đã để cho họ bán hàng-hóa, vì họ đã dụng ý mỗi năm trả một số tiền. Các nước khác đáng ra cũng làm như vậy, và vì không muốn tốn một món tiền nhỏ, họ đã khiến việc thương-mãi của họ lâm nguy. Nhưng, từ mấy năm nay các người Đàng trong đã giảm bớt thái-độ ấy nhiều rồi, nhưng những cách vận dụng, thao túng của họ, dầu sao cũng không bằng người Đàng-ngoài, mà thương-mại của người Đàng-ngoài thịnh vượng chính là nhờ giao-thiệp thường-xuyên với người ngoại-quốc.

...Có lẽ không một xứ nào trên thế-giới mà người buôn bán dễ bị lầm lẫn về tiền tệ như ở đây. Các đồng tiền đúc giống nhau, và giá khác nhau chỉ bằng chữ trên đó,

Một mặt có 4 chữ tàu, còn mặt kia không có gì hết. Vậy có người tin cậy đi theo mới biết giá-trị đồng tiền, nếu không thì có thể bị các con buôn Đàng-trong phỉnh lừa. Người Đàng-trong bản tính khá ngay thực, nhưng vẫn tự khoe mình khi lừa phỉnh được người Âu-châu. Mấy năm trước đây, thương-nhân Macao đã thu được lợi lớn về tiền tệ này, vì thuở ấy chúa Đàng-trong chưa đúc tiền riêng, tiền dùng trong nước do ở ngoài đem vào. Nhưng từ khi chúa đã đúc tiền riêng thì người ngoại-quốc không thể buôn tiền được nữa, trừ phi chịu lỗ một nửa.

...Không nơi nào mà tàu bị đắm được đối xử tử-tế như ở Đàng-trong. Người ta cho thuyền ra cứu vớt thủy-thủ, bỏ lưới xuống biển tìm vớt hàng-hóa, và không quản gì khó nhọc, chăm lo sửa chữa cho chiếc tàu.

...Tôi chỉ thấy 2 điều có thể làm thiệt hại người ngoại-quốc, nhưng có thể tránh được một. Điều thứ nhất là việc tàu xuất-cảng. Nếu đợi đến hôm trước hoặc đến ngày đi mới xin giấy tờ thì có khi tàu phải lỡ chuyến đi. Vậy phải xin giấy tờ trước 1 tháng. Điều thứ 2 không thể tránh được là có khi cần phải bán chịu. Sự bán chịu không đến nỗi quá tai-hại như người ta nói, vì hễ có lời khiếu tố thì chúa sai bồi thường một cách nhanh chóng và đứng đắn cho người ngoại-quốc.»

Thiên - chúa - giáo truyền vào Nam-hà

Người Bồ-đào-nha chiếm Malacca rồi thì một giáo-đoàn dòng Dominicains (Thánh Đa-Minh) được thành-lập ở đấy. Năm 1550, giáo-khu này phái một giáo-sĩ là Gaspar da Cruz, do hải-cảng Hà-tiên vào nước Cao-miên giảng đạo. Gaspar da Cruz không thu được kết-quả gì, và sau đó hai giáo-sĩ Dominicains khác là Lope Cardoso và Joao Madeira theo đến, nhưng cũng không may mắn hơn. Sau nữa, giáo-sĩ Silvestre d'Azevedo được vua Miên là Prahuncar Langara tín sũng, nhưng cũng không tiến-hành gì được trong cuộc truyền giáo, vì dân chúng tin tưởng Ấn-độ-giáo, Phật-giáo và không ưa chuộng những gì mới lạ của Âu-châu. Giáo-khu Dominicain ở Manille cũng muốn truyền giáo vào Cao-miên nên sai hai giáo-sĩ Y-pha-nho đến Cao-miên, nhưng hai người này bị dân chúng bạc-đãi và buộc phải trở về. Năm 1593, vua Cao-miên là Chau Ponha Tan phái hai giáo-sĩ Diego Belloso và Blas Ruis de Hernan Gonzalez sang Phi-luật-tân để yêu-cầu viên Toàn-quyền viện-trợ Miên chống nước Tiêm-la. Viên Toàn-quyền chỉ nhận làm trung-gian, nhưng viên Toàn quyền kế vị quyết-định gửi sang một toán quân. Ba chiếc tàu trang-bị chở 120 binh-sĩ Y-pha-nho do sĩ quan Juan Juarez Gallinato chỉ-huy, cùng ba giáo-sĩ Dominicains, trong số có Diego Aduarte, đi Cao-miên. Sau khi trải qua nhiều việc rắc rối, phái đoàn nầy ghé Cachan để tiếp tế lương-thực (có người nói là Tourane, có người nói là Cacciam, tức Quảng-nam) người Y-pha-nho bèn gây lộn với người Nhật.

bản ở đấy, người Nhật-bản có người Việt ủng-hộ, hai bên đánh nhau, một chiếc tàu Y-pha-nho bị đốt, 2 tàu kia chạy ra bể, bỏ lại trên bờ biển Diego Aduarte và một tu-sĩ khác. Hình như hai người này sau đó lâu ngày mới được chuộc về. Có lẽ trong thời-gian bị bắt buộc cư-trú ở đây, Aduarte đã bắt đầu công cuộc truyền giáo. Nhưng đó chỉ là phỏng đoán, điều chắc là trước đó, chưa có một giáo-sĩ nào cư trú nhiều ngày trên đất chúa Nguyễn và cho đến khi các giáo-sĩ dòng Tên (Jésuites) đến cũng không có một giáo-sĩ nào khác ở trên đất này.

Giáo-sĩ dòng Dominicains bắt đầu gieo hạt giống Thiên-chúa giáo trên đất Đàng-trong, nhưng nhờ các giáo-sĩ dòng Tên ấy mới thu được kết quả.

Thời ấy tàu buôn Bồ-đào-nha hằng năm đến Faifo buôn bán, các giáo-sĩ dòng Tên từ Goa hoặc Malacca đến Macao, ở đó họ được tập sự một thời-gian rồi theo tàu ấy mà đến Faifo.

Ở Nhật-bổn, giáo-hội dòng Tên do Francois Xavier lập từ năm 1549 đã thịnh vượng một thời-gian. Năm 1614, Mạc-phủ Đức-xuyên đuổi các giáo-sĩ ngoại-quốc ra khỏi nước, nhiều giáo-sĩ hội dòng Tên sang để đi giảng-đạo ở Nhật, phải đình lại ở Macao. Vừa có người Bồ tên là Ferdinand da Costa buôn bán ở Đàng-trong, về, đề nghị phái giáo-sĩ sang xứ này. Năm 1615, giáo-hội phái các giáo-sĩ Francesco Busomi người Ý, Diego Carvalho, người

Bồ, từ Macao sang Tourane, xin được chúa Sãi cho phép truyền đạo, lập lên giảng-đường đầu tiên, rồi sau đến Faifo, ở đấy bấy giờ đã có người Bồ, người Nhật buôn bán đông đúc.

Diego Carvalho chỉ ở Đàng-trong một thời-gian ngắn, còn Fracesco Busomi ở lại hơn 20 năm, là người sáng lập giáo-hội Đàng-trong (Mission de la Cachinhchine) Nhờ chúa Sãi dung nạp giáo-hội thịnh lần; từ năm 1615 đến 1625 có vài mươi giáo-sĩ dòng Tên sang, phần nhiều là người Bồ, có mấy người Nhật, người Ý, người Pháp, người Nhật khá đông vì họ biết chữ Hán, tiện cho việc giảng dạy.

Trong các giáo-sĩ thuở ấy, có hai người ta nên biết đến là Christoforo Borri và Alexandre de Rhodes. Borri, người Ý, đến năm 1618 là tác-giả một quyển sánh nói về giáo-hội xứ Đàng-trong in ra lần đầu tiên, sau dịch ra nhiều thứ tiếng, đã làm cho người Âu-châu được biết rõ thêm về xứ này. De Rhodes, người Pháp, đến năm 1624, sau 6 tháng học tập đã thạo tiếng Việt và dùng giảng đạo cho tín-đồ được. Trong 7 năm ở Đàng-trong và ở Đàng-ngoài, ông biết rõ phong-tục, tính-tình người Việt, thông thuộc sử-ký, địa-dư nước nầy, nên có viết nhiều sách nói về nước ta, sách này có nhiều tài-liệu chắc chắn và đầy đủ hơn các sách, các bài kỹ-thuật ra đời từ trước đến bấy giờ, sau có dịch ra nhiều thứ tiếng.

Năm 1625, thấy công việc truyền bá ở Đàng-trong có hiệu-quả, giáo hội dòng Tên phái giáo-sĩ Giuliano Baldinotti đến Đàng-ngoài xem xét về việc truyền đạo. Baldinotti được chúa Trịnh Tráng tiếp tử tế, rồi theo lời phúc trình của ông, giáo hội Đàng-ngoài (Mission du Tonkin) lập lên, giao cho Alexande de Rhodes làm bề trên. Ông ở đây hơn 3 năm, cộng sự với giáo-sĩ Pedre Marquez, khuyến được nhiều tín đồ, nhưng rồi chúa Trịnh xuống lệnh đuổi ông đi.

Ở Nam-hà, ban đầu chúa Sãi cho phép giáo-sĩ truyền đạo, nhưng về sau chúa ra lệnh cấm họ tụ họp, họ phải lẩn mác mỗi người mỗi nơi. Có một sứ bộ Bồ-đào-nha đến điều đình, nhưng các giáo sĩ vẫn không được tự do giảng dạy.

Chúa Sãi mất (1635), chúa Thượng cấm đạo nghiệt hơn nữa. Năm 1616, hai giáo-sĩ dòng là Tên Matello Saccano và Balthazar Caldeira được phái đến thay Alexande de Rhodes, đến Tourane dâng phẩm vật quí giá lên chúa Thượng. Nhưng chẳng bao lâu, vì có sự xích mích với người buôn bán Macao, chúa sai đuổi Caldeira; Saccano là người Ý nên được ở lại, nhưng không được giảng đạo. Giáo-sĩ Carlo de Rocca người Ý, từ Macao được phái đem vàng ngọc sang xin thay thế Caldeira.

Tuy bị cấm truyền đạo, nhưng Saccano cũng lén tiếp tục công việc này. Năm 1647, chúa Thượng đầu tiên ra lệnh giết giáo đồ. Tuy ban đầu cấm đạo, nhưng sau cũng

dịu dần, người ta thấy chúa tiếp tại triều những thuyền-trưởng Bồ ; và có lẽ chúa nhận thấy nên tử tế với những người ngoại quốc này, họ giúp mình giết quân địch, họ thường tặng những phẩm vật quí giá, và sự thương mãi của họ đã làm tăng thêm ngân khố quốc-gia.

Chúa Hiền năm 1648 kế vị chúa Thượng, ban đầu tử tế với đạo Thiên-chúa, nhưng sau rồi cũng cấm đạo và giết nhiều tín đồ.

Vua cuối thế-kỷ XVII, ở Đàng-trong cũng như ở Đàng-ngoài việc truyền bá đạo Thiên-chúa bị cấm nghiêm, nhiều lần giáo-đồ bị giết, giáo-sĩ bị trục xuất hoặc bị bắt giam, có khi bị hành hạ phải chết. Năm 1698, chúa Hiền-tông bắt giáo-sĩ, giết giáo-đồ.

Như ta đã thấy từ thế-kỷ XVI, mấy giáo-sĩ dòng Dominicains đem đạo Thiên-chúa truyền vào Đàng-trong, nhưng công việc của họ trong thời-gian ấy không có kết-quả gì. Đến thế-kỷ XVII, giáo-sĩ dòng Tên đến đông, lập lên giáo-hội Đàng-trong, giáo-hội Đàng-ngoài, nhiều giảng-đường, rồi từ đó về sau hạt giống Thiên-chúa giáo mới nẩy nở dần ra, cho nên chúng-ta có thể nói rằng chính hội dòng Tên đã xây dựng nền tảng cho đạo Thiên-chúa ở đất nầy.

Trước khi thuật lại công việc truyền giáo trên đất Nam-hà ở thế-kỷ XVIII, chúng ta nên biết qua Hội truyền giáo ngoại-quốc (Société des Missions Étrangères) là hội

kế hội dòng Tên để giảng dạy Thiên-chúa-giáo ở Đàng-trong, lại có quan-hệ đến chính-trị ở nước ta sau đó nữa.

Bồ-đào-nha là một dân-tộc toàn theo Thiên-chúa-giáo, và tuy nước nhỏ, dân ít, họ đã chặn đứng được làn sóng Hồi-giáo đã tràn qua xâm lược Âu-châu và Bắc-Phi với một sức mạnh như vũ bão, và giành được nhiều đất đai của người Hồi chiếm cứ. Goa, Colombo, Malacca, đều là những thành trì kiên cố của người Hồi-giáo mà Bồ-đào-nha đã thu đoạt được. Từ Lisbonne kinh-đô Bồ đến Nagasaki của Nhật-bản, người Bồ đã lập nên một dãy thành trì nối Tây-phương với Đông-phương. Vì công trạng ấy, người Bồ được các Giáo-hoàng Alexandre VI (năm 1493), Léon X (năm 1514 và 1516), Paul III (năm 1539), Grégoire XIII (năm 1575), Paul V (năm 1616) ký sắc lệnh ban cho nhiều đặc quyền: tất cả đất đai mà người Bồ tìm thấy ở Phi-châu và Á-châu đều thuộc quyền sở hữu của Bồ; — cấm tất cả ai chưa được phép của Hoàng-gia Bồ vào trong lãnh vực đất đai mà tòa thánh đã ban cho Bồ, trong lãnh-vực này chỉ người Bồ mới được buôn bán, chỉ vua Bồ mới được gửi giáo-sĩ đến giảng-đạo, giáo-sĩ bất cứ nước nào muốn đi truyền giáo ở Ấn-độ, ở Á-châu đều phải ghé Lisbonne, phải có triều-đình Bồ ưng thuận, và đến nơi phải thống thuộc Tổng Giám-mục ở Goa, hoặc Giám-mục ở Macao, hay ở Malacca. Đến thế-kỷ thứ XVII, nước Bồ-đào-nha đã suy yếu, nhiều đất đai bên này đã bị người Hà chiếm đoạt,

nhưng họ còn thế-lực lớn về tinh-thần, và tự cho mình vẫn còn giữ các đặc-quyền ấy.

Sau khi giáo-sĩ De Rhodes bị trục suất khỏi Đàng-trong (1645), các giáo-sĩ bề trên ở Macao bèn phái ông sang La-mã, xin Đức Giáo-hoàng việc bổ Giám-mục sang chủ-trương các giáo hội bên này để họ đào tạo những Linh-mục bản quốc mới có đủ giáo-sĩ để giảng dạy, Ba năm ở La-mã, ông trình bày việc định đẳng cấp cho các giáo-sĩ ở Viễn-đông. Nhưng đề-nghị bổ Giám-mục ấy đi ngược quyền lợi của chính-phủ Bồ-đào-nha vì theo sắc dụ ban đặc-quyền cho Bồ-đào-nha đã nói trên kia thì chính chính-phủ Bồ được quyền giới-thiệu tên các Giám-mục cai trị các địa-phận thuộc lãnh-vực của Bồ. Vì vậy mà tuy đức Giáo-hoàng Innocent X tiếp nhận đề-nghị của De Rhodes với hảo ý, ngài cũng không làm gì được. De Rhodes được phải đi tìm những Giáo-sĩ thuận sang điều-khiển các giáo-hội ở bên ta. Vì đó, năm 1652, ông sang Pháp vận động, gặp được nhiều người ủng-hộ như Hoàng-hậu, và nhiều giáo-sĩ trẻ tuổi bằng lòng hiến thân cho các giáo-hội. Nhưng mục-đích vẫn chưa đạt. De Rhodes được bổ đi Ba-tư, ông rời Âu-châu trước khi nguyện vọng được thực-hiện, rồi mất năm 1660.

Từ khi De Rhodes sang vận-động ở Ba-lê, (1652-1653) vấn-đề bổ nhiệm các Giám-mục này trở thành một vấn-đề của Pháp Đức giáo-hoàng được biết có nhiều giáo-sĩ Pháp sẵn lòng sang điều-khiển các giáo-hội Đàng-trong

và Đàng-ngoài, sai lựa 3 giáo-sĩ để thăng- chức Giám-mục, nhiều người Pháp hằng tâm nguyện quyên tiền giúp sự thành lập ba tòa Giám-mục ấy và cấp dưỡng các vị Giám-mục. Vua Bồ-đào-nha nổi lên phản đối, vì sợ người Pháp theo chân giáo-sĩ họ mà du nhập Viễn-đông, sứ-thần Bồ ở Tòa-thánh còn hăm dọa La-mã rằng Bồ sẽ bắt giam hết giáo-sĩ Pháp phải sang Ấn-độ. Thái-độ ấy làm cho người Pháp mũi lòng, nhưng việc trải qua nhiều trắc trở và phải bỏ dở.

Năm 1657, mấy giáo-sĩ Pháp trong có François Pallu, ở La-mã, được Giáo-hoàng Alexandre VII tiếp, đề-nghị phái Giám-mục sang Viễn-đông, không phải ghé Lisbonne, và xin bổ cho xứ Đàng-ngoài, Đàng-trong những chức Giám-mục đại-lý trực tiếp của Giáo-hoàng để giảng dạy ở đất chưa tin chúa, chứ không phải chức Giám-mục thực thụ mà người ta có thể tưởng sự bổ nhiệm phạm đến quyền hạn khu-vực thống-trị của Đại Giám-mục ở thành Goa, các Giám-mục ở Macao, Malacca. Giáo-hoàng ưng thuận sai xét lại, rồi cho 3 giáo-sĩ François Pallu, Pierre de la Motte, Lambert, Ignace Cotolendi sung chức ấy. Ấy là bước đầu của sự thành-lập Giáo-hội ngoại quốc truyền giáo và việc Alexande de Rhodes mưu toan 8 năm về trước nay mới thấy thực hiện.

Các vị Giám-mục đại lý của Tòa-thánh đem theo nhiều giáo-sĩ, lục tục lên đường. Các vị ấy đến Tiêm-la chờ dịp để vào đất Việt ; Giám-mục Cotolendi chết dọc đường.

Việc bổ Giám-mục này bị người Bồ phản đối riết, năm 1661, thành Goa được lệnh của vua Bồ sai bắt những Giám-mục đi ngang qua đất Ấn-độ rồi đưa ngay về Bồ. Giám-mục và giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền giáo đến Tiêm và Việt thường bị người Bồ lập mưu xúi giục vua, quan đuổi đi, hãm hại, có khi thiệt đến tính mạng, và gieo mối hiềm oán giữa giáo-sĩ hội Dòng-Tên và hội Ngoại-quốc truyền giáo.

Giám-mục la Motte Lambert đến Tiêm gặp ngay sự chống đối của người Bồ, chức Giám-mục của ông bị cách, họ mưu bắt ông. Giám-mục Pallu đến Tiêm nghe rằng ở Đàng-trong, Đàng-ngoài việc cấm đạo đương nghiêm nên phải ở lại đây, và phái giáo-sĩ Chevreuil sang Đàng-trong với tư cách là bề trên của địa-phận nầy.

Ấy là giáo-sĩ đầu tiên của Hội ngoại-quốc truyền giáo đến đất chúa Nguyễn. Ông lên bộ ở Faifo ngày 24-7-1664. Bấy giờ có 3 giáo-sĩ dòng Tên ở Đàng-trong, giáo-sĩ Fuciti ở Thuận-hóa, giáo-sĩ Marquez ở Faifo, và giáo-sĩ Baudet ở Tourane. Giữa hai hạng giáo-sĩ, một bên là giáo-sĩ dòng Tên thuộc các bề trên ở Macao, tức là thuộc quyền vua Bồ, một bên các giáo-sĩ Hội Ngoại-quốc truyền giáo thuộc quyền Đức Giáo-hoàng, không khỏi có sự tranh chấp về quyền hành sở thuộc. Tuy vậy các giáo sĩ dòng Tên ở đấy tiếp giáo-sĩ Chevreuil tử tế, nhưng những người Bồ, trong có Jean de la Croix, thì tìm cách hại ông.

Bấy giờ Đàng-trong đương cấm đạo, nhiều giáo-sĩ bị giết, ba giáo-sĩ dòng Tên phải sang Tiêm, còn Chevreuil, sau đó, cũng bị người Bồ vận-động trục xuất ra khỏi Đàng-trong. Giám-mục Pallu đã trở về Âu-châu để lo các việc của giáo-hội và để giải-quyết vấn-đề độc-lập của các Giám-mục đại-lý Giáo-hoàng đối với Bồ-đồ-nha. Trong khi Giám-mục Pallu vắng mặt, Giám-mục La Motte từ Tiêm nhiều lần qua lại Đàng-trong và đưa giáo-sĩ của hội Ngoại-quốc truyền-giáo sang. Ngoài Faifo, Tourane, Huế, các giáo-sĩ này đã hoạt-động nhiều nơi trên đất Nam-hà như Quãng-ngãi, Bình-định, Phú-yên. Năm 1672, Giám-mục gởi thư và tặng vật đến Chúa Hiền, chúa cho phép các thừa-sai hội Ngoại-quốc truyền-giáo ở trong xứ, và lập giảng-đường. Năm 1676, Giám-mục lại đến Huế, được chúa Hiền tiếp long-trọng tại Phủ Chúa, Chúa hứa cho phép giảng đạo, và từ đó trong đời Chúa, các giáo-sĩ, giáo-đồ được yên ổn, Hội Ngoại-quốc truyền-giáo bắt đầu đứng vững ở Đàng-trong.

Giám-mục Pallu đã xin được ở La-mã những lợi ích cho các Đại-lý Tòa-Thánh, năm 1670 rời Âu-châu, mang 1 bức thư và tặng vật của Pháp Hoàng Louis XIV sang vua Tiêm, rồi năm 1674, sắm lễ vật đem sang dâng vua Lê, nhưng tàu gặp bão giạt đến bờ bể Phi-luật-tân, bị người Y-pha-nho bắt giam ; sau được xét xử rồi trả tự - do, ông về La-mã. Ở đây, ông trình lên Bộ Truyền-giáo một chương-trình chia cấp các khu-vực cho các Giám-mục đại-lý Tòa thánh ở Viễn-đông. Bước qua thế-kỷ thứ XVIII các giáo-sĩ

quay ra xung đột nhau hăng lắm. Hoặc cãi nhau về lễ-nghi, hoặc ganh ghét vị bề trên khác quốc-tịch, hoặc người Bồ nhứt định không công nhận quyền các đại-lý tòa-thánh, các hội Dòng-tên, Ngoại-quốc Truyền giáo, phái Franciscains bất hòa nhau, Giáo-hội loạn ly, treo những tấm gương chia rẻ cho con chiên. Năm 1727, Đại-lý Tòa-thánh ở Đàng-trong là Giám mục Alexande, người Ý. Như vậy, Hội Truyền giáo Ngoại-quốc mất quyền điều-khiển giáo-hội. Việc giáo-hội Đàng-trong do một người Ý chỉ-huy đã gây nhiều xích mích trong nội-bộ giáo-hội.

Trước tình-cảnh ấy, năm 1738, Giáo-hoàng Clément XII phái một vị Chủ-giáo là Achards de la Baume, người Pháp, sang điều-tra và xếp đặt để đem lại an hòa cho giáo-hội. De la Baume và 3 giáo-sĩ tùy tùng đến Đàng-trong tháng 5 năm 1739. Chủ-giáo gặp khó khăn đủ thứ, và sau một năm tìm hiểu người, việc và tình-hình, ngày 2.7.1740 Chủ-giáo ra quyết-định chia khu-vực cho các hội, đại khái là hội Dòng Tên lãnh trách-nhiệm xem sóc giáo-hữu từ Quảng-bình đến Huế, hội Ngoại-quốc Truyền giáo lãnh trách-nhiệm từ Huế đến Bình-thuận, còn các giáo sĩ Franciscains thì lãnh nam-bộ Đàng-trong và nước Cao-miên.

Giám-mục Lefèbvre điều-khiển các giáo-khu giao phó cho hội Ngoại-quốc truyền giáo. Trong thế-kỷ này, ở Bắc-hà, lệnh cấm đạo, việc giết giáo-đồ xảy ra luôn. Năm 1712, chúa Trịnh Cương bắt giáo-đồ phải khắc vào

mặt 4 chữ «họ: Hoa-lan đạo.» Năm 1721, cũng có lệnh cấm đạo, có giáo-sĩ bị tử hình ; Năm 1723 1737. nhiều giáo-sĩ dòng Tên bị giết. Các năm 1745, 1773, lại thấy cấm đạo, giết đạo, giáo-sĩ bị bắt giam, có người bị án tử hình.

Ở Đàng-trong, giáo-hội được tương đối yên ổn hơn. Trong tiền bán thế-kỷ XVIII việc giảng đạo gần như tự-do. Năm 1700 có lệnh cấm đạo, nhiều giáo-sĩ bị bắt, nhưng không bị xử tử hình. Năm 1724, chúa Hiền-tông có lệnh đuổi giáo-sĩ và cấm dân theo đạo, nhưng lệnh cấm ấy không thi-hành nghiêm nhặt. Năm 1725, chúa Túc-tông kế vị, dung nạp đạo Thiên-chúa, và giảng-đường dựng lên nhiều nơi, ở Huế có đến 5 tòa. Đạo được truyền bá tự-do. Chúa Thế-tông lên ngôi năm 1738 cũng rộng lượng với đạo Thiên-chúa, cho đến 1750 mới ra lệnh cấm, và đuổi giáo-sĩ. Lần này các nhà thờ bị phá, giáo-đồ bị bắt, giam, hoặc đánh, hoặc phạt, 28 giáo-sĩ bị bắt giam, có một người chết trong ngục, các giáo sĩ khác bị chở sang Macao, chỉ một mình giáo-sĩ Koffler thuộc dòng Tên, làm thầy thuốc cho chúa được ở lại.

Vài năm sau giáo-sĩ Dòng Tên trở lại Đàng-trong, các thừa-sai hội Ngoại-quốc truyền-giáo thì lên ở Caomiên, rồi phái người về miền Nam Đàng-trong tức đất Nam-Việt ngày nay để giảng đạo. Thừa sai Lefebre và Piguel đến ở gần Oudong, bấy giờ là kinh-đô Cao-miên, để giao-thiệp với người Việt lên đánh cá ở Cao-miên.

Vào khoảng năm 1765, mấy Thừa-sai hội Ngoại-quốc truyền giáo ở Tiêm, vì giặc giã, phải lánh sang Hà-tiên, rồi xin Trấn-thủ Mạc Thiên Tứ lập Tu-đạo Học-hiệu ở mũi Hòn-Đất, Thừa-sai Piguel bấy giờ đã lên chức Giám-mục giúp tiền của cho việc lập trường này.

Chẳng bao lâu, hai Thừa-sai khác đến, một là Pierre Joseph Georges Pigneau (1) ta gọi là Bá-đa-lộc, người sẽ đóng một vai tuồng hệ-trọng ở Việt-nam. Pigneau đến Hòn-Đất thì Giám-mục Piguel giao cho chức Hiệu-trưởng trường mới lập (1767) dạy 40 học trò Tàu, Tiêm, Việt. Năm 1769, trường tu, nhà thờ nhà ở của giáo-hội bị cướp đốt phá, nhiều học trò bị giết, Bá-đa-lộc phải dời trường qua Pondichéry (1770), ở đây ông được phong Giám-mục Adran, năm sau, giám mục Piguel mất, Giám-mục Adran thay làm Đại-lý Tòa-thánh ở Đàng-trong, nhưng đến năm 1774 mới được tấn phong, rồi năm 1775 mới sang Hà-tiên.

Năm 1773, Giáo-hoàng Clément XIV giải tán hội-Dòng-Tên, nhưng giáo-sĩ hội ấy còn ở lại tiếp tục công việc ít lâu nữa. Các giáo-sĩ dòng Dominicains, dòng Franciscains chỉ chiếm một số ít.

Hội Ngoại-quốc truyền-giáo thịnh lần lên, lại thay địa-vị của hội Dòng-Tên, càng dễ phát đạt. Trong thế-kỷ XVIII, các giáo-sĩ giảng đạo ở Việt-nam cũng như

---

(1) Pierre tiếng Pháp tức là Pedro tiếng Bồ-đào-nha, tiếng Quan-thoại đọc là Pe-to-lo, ta đọc là Bá-đa-lộc.

ở Tàu, ở Nhật, là những nước có một nền văn-hóa cổ truyền, đối với tín ngưỡng và lễ tục sẵn có của người bản quốc, họ chia làm hai phái, một phái chủ trương tùy nghi châm chước, dung túng việc thờ cúng tổ tiên để tránh mọi sự xung đột và khỏi chạm lòng tự ái của nhân dân các xứ ấy ; một phái chủ-trương tẩy trừ hết các hình-thức lễ nghi và tín-ngưỡng cũ. Giáo-sĩ dòng Tên thuộc phe trên, thừa-sai hội Ngoại-quốc truyền-giáo thuộc phe dưới.

Vì thấy các thừa-sai phản đối kịch liệt ý-kiến châm chước, dung túng nói trên, năm 1715, Giáo hoàng Clément IX ra sắc lệnh cấm ngặt giáo-hữu không được dự những lễ nghi thờ cúng tổ tiên, vì ấy là những mê tín dị đoan. Năm 1742, Giáo-hoàng Benoit XIV ra sắc lệnh nhắc các giáo-sĩ tuân theo sắc lệnh trên, và vì thế từ đó người ta thấy những sự cấm đạo, những hình phạt vua chúa nước ta thi-hành với giáo-sĩ, giáo đồ, còn xảy ra nhiều, nghiêm nhặt, nặng nề hơn. Nhìn chung lại trong hai thế-kỷ truyền bá ban đầu ở Đại-Việt, Thiên-chúa-giáo đã gặp nhiều trở ngại ở Đàng-trong cũng như ở Đàng-ngoài : cấm chỉ, tù phạt, đốt phá giáo-đường, giết hại giáo-đồ, giáo-sĩ. Vì sao ? Chắc không phải vì tông-giáo, vì người Việt từ nghìn xưa đã sẵn có tinh-thần bao dung tông giáo, sẵn quan-niệm «đồng qui, thù đồ» coi tông-giáo cũng nhằm mục-đích thiện cả. Nhưng ấy là vì phong-tục, lễ nghi của tín-đồ Thiên-chúa-giáo có nhiều chỗ khác biệt, trái ngược với của

mình và phong-tục, lễ nghi ấy mình chưa hiểu thấu ý nghĩa. Ví dụ trong lúc các quan, các chúa có người có 50, 70, 100 vợ lẽ, nàng hầu, thì các giáo-sĩ lấy chay tục đa thê, khuyến dụ cái lẽ một chồng một vợ; trong lúc toàn dân lấy đạo hiếu làm mối đầu của đạo làm người, mà hiếu là phải « sự tử như sự sanh» thì các giáo-sĩ lên án việc thờ cúng tổ tiên. Người Đại-Việt là một dân tộc rất chuộng lễ nghi đạo đức, ai đối với họ không giữ lễ nghi là họ cho là khinh bỉ họ, làm nhục họ. Những thương-nhân Âu-châu đối xử với nhau đã nhiều khi tỏ ra cộc-cằn, thô lỗ, còn đối với người Việt mà họ cho là mọi rợ, dã man, thì thường có những cử chỉ sỗ-sàng, không lịch-sự, có khi gần như cướp bóc. Những điều ấy khiến người Việt không nể trọng người Âu-châu, và cảm tình ấy lây đến Thiên-chúa-giáo. Xưa kia ở Á-đông nhà cầm quyền trị nước, chú trọng trước hết đến phương-diện giáo-hóa nhân dân. « Chính », « giáo » là hai chữ đi liền với nhau. Làm việc chính-trị là để giáo hóa nhân-dân. Nay thấy nhân dân bị giáo hóa một cách khác với nền giáo hóa thông thường mà họ tưởng là bất di bất dịch, thấy nhân dân của mình không chịu « hưởng hóa » thì kẻ có chức trách phải trị.

Đó là những lý lẽ khiến vua, chúa ta cấm Thiên-chúa-giáo, bạc đãi giáo-đồ, giáo-sĩ. Theo tài-liệu của các giáo-sĩ thời ấy để lại thì trong việc cấm đạo, đối xử với giáo-sĩ, chúa Nguyễn ở Đàng-trong rộng rãi, khoan dung hơn chúa Trịnh nhiều, và nhiều chúa đã tỏ ra một

thái-độ nễ vì thực sự đối với các nhà truyền giáo Tây-phương, có khi để họ tự do giảng dạy nữa. Các chúa Sãi, chúa Thượng, chúa Hiền, Minh-vương, khi mới lên ngôi đều để các giáo-sĩ giảng đạo, một thời-gian sau mới xuống lệnh cấm. Đến chúa Ninh-vương thì dung túng một cách rộng-rãi. Đến con là chúa Võ-vương cũng rất rộng rãi đối với đạo Thiên-chúa. Đến năm 1730 thì thình-lình ra lệnh bắt giam và đuổi hết giáo-sĩ ngoại-quốc như đã nói trên. Nhiều người Âu-châu đã lấy làm lạ thấy sự thay đổi này, Võ-vương, một vị chúa mà họ cho là có văn-hóa, có thiện cảm đối với người Âu-châu và nhất là đối với các thừa-sai Thiên-chúa-giáo. Ấy là vì trong triều có người thưa với chúa, nhắc lại vụ quân Pháp chiếm được Bankok năm 1687 là nhờ các thừa-sai và Giám-mục Laneau, và xin chúa hãy bắt chước vua Càn-long Trung-quốc trục xuất các giáo sĩ ngoại-quốc.

Nhưng vì sao ở Đàng-trong Thiên-chúa-giáo bị cấm ngăn tương đối ít nghiêm ngặt hơn ở Đàng-ngoài ? Các chúa Nguyễn đã nễ vì các nhà truyền-giáo Tây-phương hơn ? Vì chúa Nguyễn đã nhờ được người Bồ-đào-nha và giáo-sĩ Dòng-Tên nữa giúp mình trong các cuộc chiến-tranh với họ Trịnh, trong khi ấy chúa Trịnh có tỏ ý muốn nhờ người Bồ, người Hà giúp, nhưng rốt cuộc không được đáp ứng. Người Bồ giúp chúa Nguyễn là giúp việc mua khí-giới, đúc đại bác, chúa Hiền-vương còn nhờ giáo-sĩ Marquez thuộc Dòng Tên đem 10.000 nén bạc đi Ma cao mua súng đạn cho mình nữa. Đó là

một lẽ, tuy nhỏ nhưng cho ta thấy chúa Nguyễn đã nhận thức khả-năng của khoa-học Tây-phương. Vì nhận thức ấy mà nhiều chúa Nguyễn đã dùng giáo-sĩ Tây-phương theo khả-năng chuyên-môn để giúp việc tại phủ chúa. Chúa Hiền-vương đã dùng giáo-sĩ Bartholomen da Costa làm thầy thuốc, ông này được bề trên triệu về Âu-châu, khi đến Macao, được chúa Nguyễn viết thư cho Toàn quyền Bồ ở đây gửi lại Da Costa cho chúa, các bề trên phải y thuận. Chúa Hiền-tông dùng giáo-sĩ Antonio de Arnedo về việc toán học; năm 1724 chúa có 3 giáo-sĩ Dòng Tên bên cạnh để giúp việc toán học và thiên văn, ấy là các giáo-sĩ Sanna, Pirès, de Lima. Chúa Thế-tông dùng giáo-sĩ P. Neugebauer về việc toán học và thiên văn, và giáo-sĩ P. Siebert làm thầy thuốc; Siebert chết, chúa dùng giáo-sĩ Slamenski thay thế, và Slamenski chết, dùng giáo-sĩ Jean Koffler thay thế. Hai năm sau cuộc trục xuất giáo-sĩ năm 1750, người ta thấy ở Huế bên cạnh Thế-tông, ngoài Koffler, còn giáo sĩ Xavier de Monteiro làm việc toán học, trắc địa, và giáo-sĩ Jean de Loureiro làm thầy thuốc. Vậy chúng ta có thể nói rằng các chúa Nguyễn không cứng rắn với các giáo-sĩ Thiên-chúa-giáo quá, ấy là vì muốn tiếp xúc với nền văn-minh mới, lợi dụng khoa-học Tây-phương. Cái tinh-thần của người Đường-trong vượt núi trèo đèo để tiến vào tận vịnh Tiêm-la mà tinh-thần phóng khoáng để đón nhận những luồng gió mới.

KHU-VỰC HÀNH-CHÍNH THIẾT LẬP QUA CÁC THỜI ĐẠI

LÂM ẤP	LÝ	TRẦN	LÊ	Chúa NGUYỄN HOÀNG
Bố-chính	châu Bố chính (1069)	Lộ Tân Bình: châu Bố-chính	phủ Tiên-bình: châu Bố-chính (nam / bắc); huyện Khương-lộc; huyện Lệ-thủy; huyện Minh-linh — Thừa Tuyên Thuận Hóa (1466)	phủ Tiên-bình: châu Bố-chính; huyện Khương-lộc; huyện Lệ-thủy; huyện Minh-linh — Xứ
Địa-lý	châu Địa-lý (1069) đổi là Lâm-Bình (1076)	phủ Tân-bình (1375)		
Ma-linh	châu Ma-linh (1069) đổi là Minh-linh (1076)	Lộ Thuận Hóa: châu Minh-linh	phủ Triệu-Phong: huyện Võ-xương; huyện Hải-lăng; châu Sa-bồn; châu Tuận-bình; huyện Kim-trà; huyện Đan-điền; huyện Tư-vinh; huyện Điện-bàn — Xứ Thuận Hóa (1409)	phủ Triệu Phong: huyện Võ-xương; huyện Hải-lăng; châu Sa-bồn; châu Thuận-bình; huyện Hương-trà; huyện Quảng-điền; huyện Phú-vang; huyện Điện-bàn — Thuận Hóa
châu Ô	.....	châu Thuận (1306)		
châu Rý	.....	châu Hóa (1306)		

LÊ THÁNH TÔNG

Chiêm-động	Lộ Thăng Hoa	châu Thăng (1402)	phủ Thăng-hoa (1471)	huyện Lệ-giang	Thừa Tuyên Quảng Nam (1471)	phủ Thăng-Hoa	huyện Lệ-giang	Xứ Quảng-Nam
				huyện Hà-đông			huyện Hà-đông	
				huyện Hy-giang			huyện Hy-giang	
		châu Hoa (1402)	phủ Tư Nghĩa (1471)	huyện Bình-sơn	Xứ Quảng Nam	phủ Tư-Nghĩa	huyện Bình-sơn	
				huyện Mộ-hoa			huyện Mộ-hoa	
				huyện Nghĩa-giang			huyện Nghĩa-giang	
động Cổ-lũy	Hoa	châu Tư (1402)						
		châu Nghĩa (1402)	phủ Hoài-nhân (1471)	huyện Bình-sơn		phủ Hoài-nhân	huyện Bồng-sơn	
				huyện Phù-ly			huyện Phù-ly	
				huyện Tuy-viễn			huyện Tuy-viễn	

Chúa NGUYỄN HOÀNG			chúa NGUYỄN-PHƯỚC NGUYÊN	chúa NGUYỄN-PHƯỚC TẦN
phủ Quảng-bình (1604)	châu Bố-chính huyện Khương-lộc huyện Lệ-thủy huyện Minh-Linh	XỨ THUẬN-HÓA	dinh Bố-chính (1630) dinh Quảng-bình Cựu-dinh Chánh-dinh	Dinh Bố-chính Dinh Lưu-đồn Dinh Quảng-bình
phủ Triệu-phong	huyện Võ-xương huyện Hải-lăng châu Sa-bồn châu Thuận-bình huyện Hương-trà huyện Quảng-điền huyện Phú-vang			
phủ Điện-bàn (1604)	huyện Tân-phước huyện An-nông huyện Hòa-vang huyện Diên-khánh huyện Phú châu	DINH		

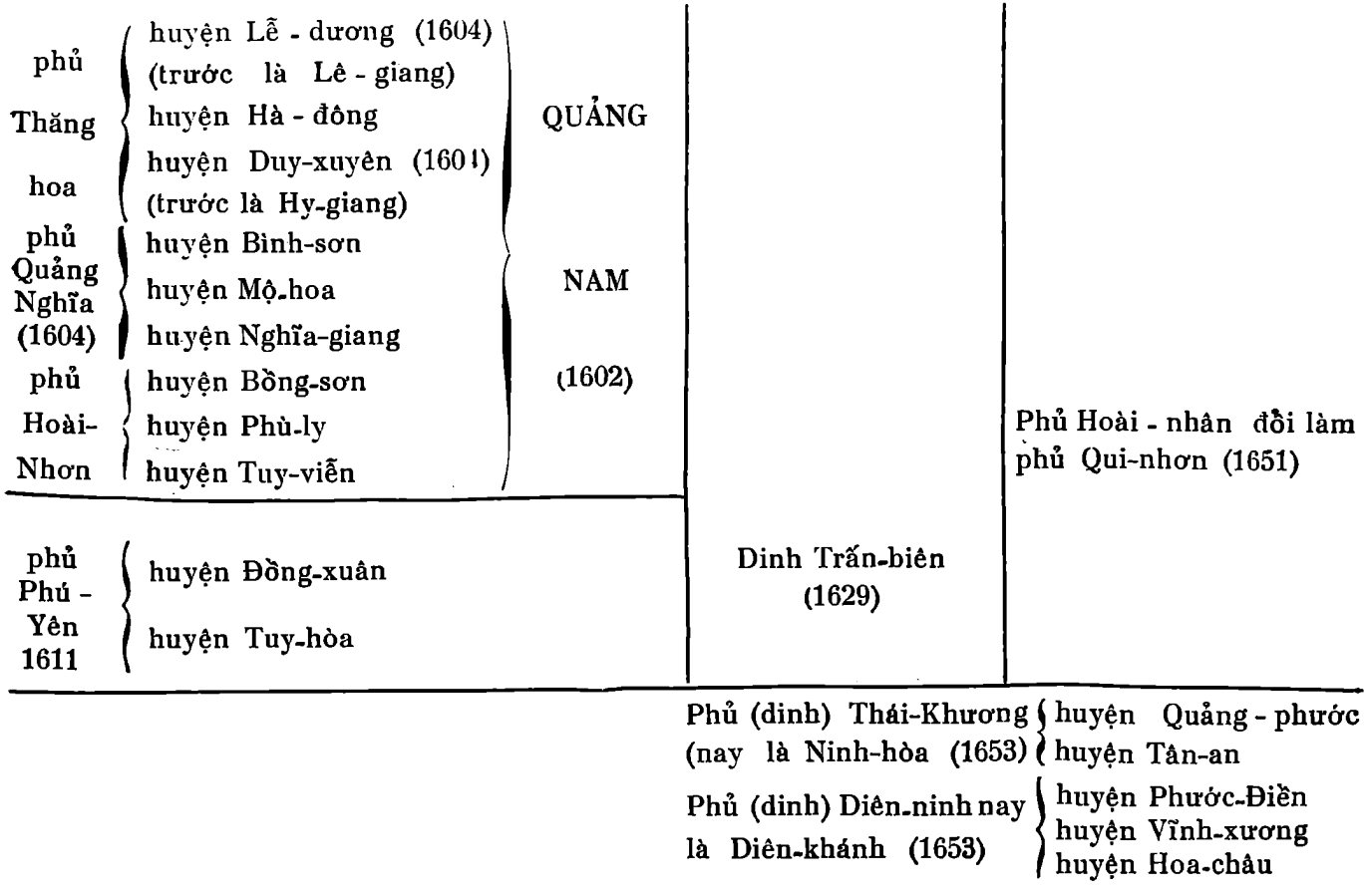
phủ Thăng hoa
huyện Lễ - dương (1604)
(trước là Lê - giang)
huyện Hà - đông
huyện Duy-xuyên (1604)
(trước là Hy-giang)
phủ Quảng Nghĩa (1604)
huyện Bình-sơn
huyện Mộ-hoa
huyện Nghĩa-giang
phủ Hoài-Nhơn
huyện Bồng-sơn
huyện Phù-ly
huyện Tuy-viễn
QUẢNG NAM
(1602)
Phủ Hoài - nhân đổi làm phủ Qui-nhơn (1651)
phủ Phú - Yên 1611
huyện Đồng-xuân
huyện Tuy-hòa
Dinh Trấn-biên (1629)
Phủ (dinh) Thái-Khương (nay là Ninh-hòa (1653)
huyện Quảng - phước
huyện Tân-an
Phủ (dinh) Diên-ninh nay là Diên-khánh (1653)
huyện Phước-Điền
huyện Vĩnh-xương
huyện Hoa-châu

chúa Nguyễn p.Trăn	chúa Nguyễn-p-Chu	chúa Nguyễn phước Trú	chúa Nguyễn-p-Khoát	chúa Nguyễn p-Thuần	Nay là
			phủ Qui-minh đổi làm phủ Qui-nhơn		
			phủ Diên-minh đổi làm phủ Diên-Khánh (1742)		
			dinh Bố-chính	. . . .	Quảng-bình
			dinh Lưu-đồn	. . . .	
			dinh Quảng-bình	. . . .	
			Cựu-dinh	. . . .	Quảng-trị
Đổi phủ Thái-khương làm phủ Bình-khương (1690)			Chánh-dinh	. . . .	Thừa-thiên
			Dinh Quảng-nam		
			Dinh Phú-yên (2)		
	Dinh Bình-khương (1)		Dinh Bình-khương	. . . .	Khánh-hòa
	Trấn Thuận-thành (1693) đổi trấn Thuận-thành làm phủ Bình-thuận (1693) đổi phủ Bình-thuận làm trấn Thuận-thành (1694)				

phủ Bình Thuận (1697)	huyện An-phước huyện Hòa-đa		Dinh Bình-thuận (1)		
phủ Gia-Định	dinh Trấn-biên huyện Phước-long dinh Phiên-trấn huyện Tân-bình (sài-côn).	châu Định-viễn dinhLong-hồ (1732)	Dinh Trấn-biên Dinh Phiên-trấn Dinh Long-hồ	. . . .	Biên-hòa Gia-định Vĩnh-long
Trấn Hà-tiên (1708)			Trấn Hà-tiên Đạo Đông-khẩu (Sa-đéc) (1757) Đạo Tân-châu (1757) Đạo Châu-đốc (1757) Đạo Kiên-giang (1757) Đạo Long-xuyên (1757)	. . . .	An-giang
				Đạo Trường-đồn (Mỹ-tho) (1772)	Định-tường

(1) *Không biết lập làm dinh năm nào*

(2) *Không biết dinh Trấn-biên đổi lại là dinh Phú-yên năm nào*

CHƯƠNG TƯ

SINH HOẠT CỦA NHÂN-DÂN

I.— KINH-TẾ.

CANH-NÔNG.

THƯƠNG-MÃI.

TIỂU-CÔNG-NGHỆ.

II.— XÃ-HỘI.

PHONG-TỤC.

III.— VĂN-HÓA.

I. KINH-TẾ. CANH-NÔNG. THƯƠNG-MÃI. TIỂU-CÔNG-NGHỆ.

Hai xứ Thuận, Quảng giàu có, giàu cả về lâm-sản, nông-sản và hải-sản, nhất là xứ Quảng-nam. Lại có nơi đất có vàng, sắt. V.B.T.L. viết : « Những sản vật qui phần nhiều xuất từ miền Nam... Xứ Quảng-nam (kể cả Gia-định) là đất phì-nhiêu nhất thiên-hạ... Ở Phủ Thăng-hoa, phủ Điện-bàn, đồng ruộng rộng rãi gạo lúa tốt... Ba phủ Qui-nhơn, Quảng-ngãi, Gia-định thì thóc gạo nhiều không kể xiết, nhất là Gia-định đất đã mầu mỡ mà không lo cái nạn hạn, lụt... Ở Gia-định có nơi cấy một hộc thóc giống thì gặt được 100 hộc thóc, có nơi ruộng không cần cày, chỉ phát cỏ rồi cấy, cấy một hộc thóc giống gặt được 300 hộc thóc » (1) và : « một tiền qui mua được 16 đấu thóc, bằng 30 bát quan đồng. Giá thóc rẻ chưa nơi nào như thế. Gạo nếp, gạo tẻ đều trắng, dẻo, tôm cá rất to béo, ăn không hết » (2) và : « Trước kia sự buôn bán với Đồng-nai được lưu thông, gạo ở Phú-xuân 10 thăng là một hộc (bằng 20 bát quan đồng), giá chỉ 3 tiền, có thể đủ một người ăn trong một tháng) (3).

---

(1) *V.B.T.L. quyển III.*

(2) *Theo lời Trùum Châm là người thường vào buôn bán ở Gia-định nói với ông Lê Qui Đôn V.B.T.L. quyển III.*

(3) *V.B.T.L. quyển III.*

Trong sách Hải-Ngoại-Ký-Sự, Hòa-thượng Thích Đại-Sán viếng Hội-an, Thuận-hóa đời chúa Hiền-tông viết : « Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trổ bông, hỏi thăm nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa, cũng khá tốt. Rừng cây trông hút mắt. Nơi làng xóm ở, nhà tranh, phên trúc, ngang dọc như bàn cờ, giống cây trồng có tre, mít, dừa, cam, hoa có thạch-lựu, dinh-hương, mộc-lan, hoa lài V.V... »

Ngoài ngũ cốc, Thuận, Quảng sản xuất nhiều cau, hạt tiêu, bo-bo, hạt mè, đường cát, đường phổi. Về lâm-sản, dãy núi Trường-sơn sản xuất trầm hương, kỳ-nam, sừng tê, ngà voi, sáp ong, dầu rái, cây lụi, tre tư-lao (dùng làm cán dáo) v.v... Kỳ-nam, trầm-hương (1) là hai thứ người đương thời rất quý vì chữa được nhiều bệnh, ở miền núi các phủ Phú-yên, Qui-nhơn, Diên-khánh, Bình-khương đều có. Chúa Nguyễn có đặt đội An-sơn hằng năm cứ tháng 2 thì đi tìm kiếm, tháng 6 thì đem về.

---

(1) *V.B.T.L. viết : « Kỳ nam hương xuất xứ từ núi hai phủ Bình-khương và Diên-khánh là tốt nhất, xuất tự Phú-yên là thứ hai. Hương ấy là do một cây gió 楮 樹 kết thành. Cây gió có 3 loại : gió lưỡi trâu 牛 舌 楮 thì thành khổ-trầm, gió niết 鼷 楮 thì thành trầm-hương, gió bầu 臬 楮 thì thành kỳ-nam-hương. Hễ thấy cây già lá vàng, thân nhiều u bứu, thì biết là có hương, chặt xẻ mà lấy... Muốn phân biệt kỳ-nam với trầm-hương thì dựa theo hình chất, khí vị : trầm-hương thì cứng, nặng, ít thơm, sắc vàng, vị đắng ; kỳ-nam thì mềm, nhẹ, có hơi dầu, thơm mát, vị gồm đủ cay, chua, ngọt, đắng ; đố*

Gỗ là thứ người Việt rất cần dùng thì Thuận, Quảng sản xuất rất nhiều và nhiều thứ quí. Theo V.B.T.L. thì các đầu nguồn, từ châu Bố-chính trở vào, đều có nhiều thứ gỗ tốt. Các đầu nguồn huyện Khương-lộc có «gỗ táu» 楛木 bền sắc đen như sắt, dân địa-phương dùng làm cột nhà, «gỗ gụ» có vân mà bền, đen dùng làm giàn nhà, «gỗ bời-lời» to mà sắc trắng dùng làm ván vách v.v... Mỗi năm, tháng 8, khách buôn đóng bè chở xuống bán từng cây hoặc từng súc lớn nhỏ, có đến nghìn, trăm. Như làm một ngôi nhà 5 gian gỗ rất tốt cũng không quá 30 quan, dùng gỗ tạp xen vào thì 17, 18 quan. Còn đóng thuyền thì dùng «gỗ huện», rất dài và to, bề rộng, bề dày đều gấp đôi gỗ khác. sắc đỏ, rất nhẹ, hoặc dùng «gỗ gụ», «gỗ sến», còn «gỗ lim» thì nặng quá không ai dùng.

...trầm-hương thì khói kết xoáy rồi sau mới tan, đốt kỳ-nam thì hơi khói lên thẳng mà dài. Trầm-hương chỉ có thể giáng-khí, kỳ-nam có thể chữa bệnh trúng phong, đàm suyễn, cấm khẩu, mài vào nước mà nhỏ và đốt khói cho hơi hương vào mũi thì tỉnh lại ngay ; đau bụng đầy tức ngậm kỳ-nam là tỉnh... sách Bản Thảo Bị Yếu nói : trầm-hương cay, đắng, tính ôn, các gỗ đều nổi (khi bỏ xuống nước) chỉ trầm-hương là chìm, hạ khí, sa đờm giải, giáng khí mà cũng thăng khí, hương khí vào tỳ nên trị được các khí mà điều-hòa, sắc đen mà thơm nên vào mạng-môn hữu thần, ấm tinh, tráng dương, hành khí chứ không thương khí. Ôn trung mà không trợ hỏa, trị bụng xói đau, cấm khẩu, uất kiết, độc lỵ, tà khí, bệnh tê. Sắc đen mà chìm xuống nước là tốt.

(Gỗ « kiền-kiền » cứng, bền, lâu hư, chôn sâu xuống đất mấy thước, 100 năm cũng không mục, ở đầu nguồn châu Nam Bố-chính và các huyện Khương-lộc, Quảng-điền, Phú-vinh đều có. Nhà cửa, lầu gác, ghe thuyền của họ Nguyễn đều dùng gỗ kiền-kiền. « Gỗ sao » có thể làm ván thuyền, loại sản xuất ở đầu nguồn huyện Phú-vinh, huyện Hương-trà nhẹ, vào nước thì nổi, dùng làm thuyền buôn và thuyền đánh cá, dùng không quá 10 năm, nhưng loại sản xuất ở Bình-khương và Gia-định rất tốt, bền, đóng thuyền có thể lâu được 60 năm, nhưng tính nặng, không nổi. Gỗ kiền-kiền nặng mà cứng, không chịu sóng gió, chỉ làm thuyền đi sông mà thôi, còn « gỗ sao » chịu sóng gió, có thể làm thuyền đi biển được. Họ Nguyễn có xây dựng cung điện, nhà cửa, thường lấy gỗ ở các phủ Qui-nhơn, Quảng-ngãi và Gia-định. Phủ Gia-định sản xuất nhiều gỗ tốt, các xứ, nguồn, thuộc huyện Phước-long huyện Tân-bình, có nhiều « gỗ sao », «gỗ trắc», «gỗ giáng-hương», «gỗ gụ». Nhưng loại gỗ tốt nhất của hai xứ Thuận, Quảng là « gỗ hoa-lê » 花梨木 tục gọi là « gỗ trắc mật » thớ nó nhỏ và trơn nhuận, có mùi thơm như mía nướng, sắc nó ban đầu đỏ, để lâu thành đen, bền, cứng, không mọt, người ta thường dùng làm rương, hòm, ghế, bàn, đòn kiệu, và các đồ dùng ; có thứ tên là thai bái 台拜 sắc trắng như ngà voi, uốn không gãy. Lại có cây mít trồng lâu năm thành gỗ tốt, sắc vàng, dùng làm cột nhà hoặc xẻ làm ván làm vách...

Quả cây có công dụng về tiểu công-nghệ, ở tổng Bái-trời có cây dầu sơn do người trồng, quả nó như quả

hồng, lấy hột giả nhỏ, chưng sơ qua, rồi ép lấy dầu mà sơn (1).

Các chúa Nguyễn có đặt hai đội Dầu-sơn, gồm 60 người miễn trừ sai-dư, dao-dịch, để lấy dầu sơn đem nạp. Ở gia-định, đất ven rừng sản xuất nhiều sơn, từ thời chúa Túc-tông đã mộ 500 dân, đặt làm 11 thuyền gọi là Ô-lất để lấy sơn đem nạp (mỗi năm thu được 6528 cân sơn). Nghề nông là gốc, nhưng dọc theo bờ biển nhân dân cũng sống về nghề chài lưới. Đánh cá, làm mắm, đem lại những nguồn lợi lớn cho các miền duyên-hải. Biển Thuận, Quảng còn có đồi-mồi, xa-cừ, các đảo trong biển Quảng-nam, Bình-khương có yến sào. Ở Hà-tiên có huyền phách 玄 珀 sắc đen như sắt, người ta nói dùng nó tránh được gió độc, nên thường dùng làm tràng hạt (2).

Về thương-mãi, người Thuận, Quảng chỉ mua bán thổ-sản và sản-phẩm tiểu-công-nghệ ở các chợ, chợ phiên. Người Hoa-kiều đã đông ở nhiều thành thị, chắc đã đưa ngoại-hóa đến bán ở các chợ, chợ phiên. Buôn bán

---

(1) Muốn dùng để sơn đồ vật thì chưng lại thành cao, trộn với vị trần-hoàng thì thành sắc vàng, trộn với ngân-châu thì thành sắc son, trộn với vôi và vỏ tre non cạo nhỏ, lấy giẻ lưới rách nhào lẫn rồi giả thành cao để xảm những kẻ hở của ghe thuyền thì rắn như đá. V.B.T.L.

(2) V.B.T.L.

bằng ghe thuyền thì chỉ dọc theo bờ biển đi tỉnh này sang tỉnh nọ, hoặc từ Bố-chính qua Thuận-hóa, Quảng-nam, Thị-nại, Gia-định, đến vịnh Tiêm-la là cùng. Nhờ bán sản-vật cho ngoại-quốc một phần lớn mà nền thương-mãi thịnh. Đến hậu bán thế-kỷ XVIII việc thương-mãi ở đô-thành Phú-xuân đã khá phát-đạt. Giáo-sĩ Koffler viết (năm 1766?): «... Mỗi năm có độ 80 chiếc ghe Trung-quốc từ các tỉnh đến, ấy là bằng chứng của một nền thương-mãi phồn-thịnh, nhất là khi thấy ngoài ra còn có tàu từ Macao từ Batavia, từ nước Pháp đến nữa. Những cuộc trao đổi giữa các tỉnh bắc và các tỉnh nam làm tăng gia sự quan-trọng của nền thương-mãi. Hàng-hóa chở tấp nập bằng đường bộ hoặc đường biển đến đô-thành, nơi đây người ta đem bán và mua các hàng-hóa khác» (1).

Tiểu-công-nghệ có tính-cách gia-đình và phường bạn đã khá phát đạt. Những thợ làm một nghề thường ở chung một làng hoặc một ấp. Ở Thuận, Quảng có thợ dệt vải, lụa, gấm, đoạn, trừu, sa, lãnh, và nhuộm các màu, có thợ dệt chiếu, chằm nón, đãi vàng, nấu, luyện vàng, khai mỏ sắt, đúc đồ đồng, đúc súng, làm giây thau, giây thép, đồ sành, làm giấy, đóng ghe thuyền, làm muối. Các nghề dệt, nhuộm, làm muối, đãi vàng, nấu, luyện vàng hoặc đã chịu ảnh-hưởng nhiều ít của người Chiêm-thành.

Theo V.B.T.L. thì huyện Hương-trà có phường dệt

(1) *Trong Description historique de la Cochinchine.*

hàng tơ, ở sau Phú-Cam, đông-nam sông Phú-xuân thuộc địa-phận 3 xã Sơn-điền, Dương-xuân, Vạn-xuân, chia là 3 ấp, mỗi ấp 10 nhà, mỗi nhà 15 thợ dệt, ông tổ ba đời của họ là người phủ Thăng-hoa, học được nghề dệt của người Tàu rồi truyền lại cho con cháu. Họ dệt được các hàng như đoạn, gấm, sa, lãnh, trừu, và dệt hoa rất xảo diệu. Ở Phú-xuân, ở phủ Phú-yên, ở xã Long-phượng huyện Mộ-hoa (Quảng-ngãi), xã Phú-châu phủ Điện-bàn, các xã Bình-xá, Võ-xá, thuộc huyện Lệ-thủy, xã An-lưu huyện Phú-vinh v.v... đều có nghề dệt hàng, lụa, lãnh. Phú-vinh có thợ thêu gấm rất khéo, kiểu hoa sưa, dày khác vẻ mà đều đẹp, đàn bà hay thêu ở cổ áo, hay thêu ở các túi trầu. Còn vải thì nhiều nơi dệt ; các xã Đông-di, Dương-nổ, Quán-lỗ, huyện Phú-vinh sản-xuất thứ vải nhỏ ; cả huyện Khương-lộc chỉ trừ một vài làng, đều làm nghề dệt vải. Xã Hoa-sơn huyện Tân-phước phủ Điện-bàn có nghề dệt chiếu hoa ; các đầu nguồn xứ Thuận-hóa dệt được chiếu mây. Xã Phú-trạch huyện Hương-trà có nghề dệt lát làm chiếu, tục gọi là chiếu đệm 蒲席 cũng dùng là buồm ; hai xã Đại-phước và Tuy-lộc huyện Lệ-thủy dệt chiếu cói 草管席 ; xã Nha-phiên huyện Phù-ly, phủ Qui-nhơn và phủ Phú-yên có dệt chiếu thảm 斑瑜席 còn chiếu thường thì nhiều nơi dệt. Xã Đốc-sơn huyện Hương-trà, xã Vĩnh-xương có nghề làm giấy bằng vỏ cây gió, nghề ấy truyền đến thôn Trung-chỉ xã Phú-yên ; hai xã Lộc-tuy và Đại-phước huyện Lệ-thủy làm giấy bằng vỏ cây niệt, không khác gì giấy lệnh Thanh-hoa.

Dọc theo bờ biển có những lò làm muối. Ở châu Bố-chính, ở huyện Phú-vinh, có nhiều quặng sắt, có lò nấu sắt, hàng năm dân xã phải nạp cho nhà nước một số sắt nhất định để được miễn sưu, thuế (xem trước). Ở huyện Phú-vinh và ở núi, nguồn thuộc Quảng-nam có đất có vàng, nhà nước đặt liêm-hộ, sai người trong hộ lấy đất đãi lấy vàng rồi nạp cho nhà nước, thay thuế thân (xem trước). Thuận, Quảng có thợ nấu vàng, luyện vàng, bạc. Xã Mậu-tài huyện Phú-vinh có thợ làm giấy thau, giấy thép. Ở phía nam sông Phú-xuân có phường thợ đúc gồm những người kiều-cư họ đúc được súng đồng và chảo, nồi, xanh, cây cắm đèn nến. Hai xã Phong-xá, Hoàng-giang thuộc huyện Phong-lộc có thợ lành nghề đúc súng đồng.

Các chúa Nguyễn lập những quan-xưởng, gọi là tượng-cuộc, tổ-chức như quân-đội, lựa thợ sung vào, để chế-tạo đồ dùng cho nhà nước. Các thợ ấy liệt vào hạng binh lính, ăn lương, hoặc được miễn xâu thuế. Tượng-cuộc có những ty kim-tượng để luyện vàng thành vàng lá dùng trang sức, đồ đạc (1), ty Ngân-tượng là ty thợ bạc v.v...

Từ đời chúa Hy-tông, cơ đặt ty Nội Pháo-tượng và hai đội Tả Pháo-tượng, Hữu Pháo-tượng, lấy dân hai xã

(1) *Cứ 10 lượng vàng luyện thành 9 vạn lá, chúa Nguyễn mỗi năm dùng đến 450 lượng vàng để thếp đồ đạc (V.B.T.L).*

Phan-xá và Hoàng-giang sung vào để đúc súng (1).

Sau khi tiếp xúc với người Âu-tây, cái đồng hồ đã được các công sở dùng. V.B.T.L. cho biết ở xã Đại-hào huyện Đăng-xương có Nguyễn Văn Tú, học người Hà-lan, làm được đồng-hồ, và thiên-lý-kính (2) và sửa chữa đồng-hồ. Em Văn Tú là Văn Thi, con là Văn Duy, rể là Lưu Văn Dũng đều biết nghề nầy.

Theo Koffler (3) người Đàng-trong về công-nghệ, rất dễ dạy và sáng dạ, họ bắt chước và làm được giống y những sản-phẩm của nghệ-thuật Tây-phương với những dụng-cụ không giá-trị gì và rất buồn cười đối với người

---

(1) *Tả Nội-pháo-tượng có một Thủ-hợp hai Tả-quan, 38 người thợ. Hai đội Tả, Hữu pháo-tượng thì 12 Tả-quan, 48 người thợ. Tả-quan hai đội Tả, Hữu Pháo-tượng được cấp ngụ-lộc mỗi người một mẫu ruộng và mỗi năm 10 quan tiền. Thợ lãnh lương hàng năm là 10 thúng thóc, 5 quan tiền, ở Tả-nội pháo-tượng, Thủ-hợp mỗi năm lãnh 20 quan, tả-quan 30 quan, thợ mỗi năm lương 10 hộc, 5 quan tiền. Đúc một khẩu đại-bác thì phát cho 15 khối sắt, 10 cân gang, tiền than 3 quan 5 tiền ; đúc súng tay thì cứ 10 khẩu súng dùng 30 khối sắt, 30 cân gang, 10 quan tiền than. Đinh súng thì đã có thợ rèn làm, cò máy thì thợ bạc làm, tai súng thì thợ tai làm, bảng súng thì thợ mộc làm. Pháo-tượng chỉ đúc lòng súng mà thôi* (V.B.T.L.).

(2) *Chắc là dùng những bộ phận đã làm sẵn của người Tây mà lắp lại.*

(3) *Trong Description historique de la Cochinchine.*

Tây-phương ; họ đóng tàu, làm nhà đúng y với bản vẽ của kiến-trúc-sư, họ sơn rất khéo và trên những bức sơn có những hình cây cối, hoa, cỏ, chim muông, rất ngoạn mục.

II.— XÃ-HỘI, PHONG-TỤC.

Hai xứ Thuận, Quảng giàu có, nên sự sinh sống của nhân-dân không khó-khăn, và sau khi có đất Gia-định, lại càng thêm phú túc. Trong đời chúa Thái-tổ, chúa Hy-tông, chúa Thần-tông, khoảng non một thế-kỷ, ít giặc-giã, nhân dân yên ổn làm ăn ; nhưng bấy giờ chỉ Thuận-hóa là đông đúc, còn từ Điện, Thăng trở vào, đất cũ của Chiêm-thành, dân cư thưa-thớt (1), nguồn lợi chưa khai-thác hết.

Trong cuộc chiến-tranh với họ Trịnh non nửa thế-kỷ, chỉ nhân dân dinh Ngói, dinh Mười, tức là tỉnh Quảng-bình ngày nay, là chịu nạn binh lửa, còn các dinh khác thì chỉ cấp binh lính mà thôi. Cuối đời chúa Hiền-tông, đã lấy hết đất Chiêm-thành và một phần đất Thủy Chân-lạp, Nam Bắc nghỉ binh đã lâu, T.L.T.B. chép : « Trong cõi yên ổn, trăm họ giàu có, đông đúc, người ta gọi là đời thái-bình. » (2) Trong thư dâng lên chúa Duệ-tông bàn về tiền tệ, năm canh-dần (1770), dật-sĩ Ngô Thế Lân đã viết (xem trước) : « Khi Tiên chúa mở mang bờ cõi, đất còn hẹp, dân còn thưa, phía nam chưa có đất Gia-định mầu mỡ, phía bắc còn có việc phòng-bị ở Hoành-sơn, liền năm chinh-chiến mà dân không đói kém, nhà nước dư tiêu. Ngày nay thiên hạ bình yên đã

(1) *T.L.T.B. quyển III.*

(2) *T.L.T.B. quyển VIII.*

lâu, đất rộng, dân đông, những đất đai trồng lúa đã khai khẩn hết, những nguồn lợi núi, chằm đã khai-thác hết... hơn nữa, ruộng ở Phiên-trấn, Long-hồ không khi nào bị nạn hạn, lụt... »

Xem các điều trên, chúng-ta thấy tài-nguyên không thiếu để nuôi nhân dân, nhưng vì sự phân phối không đều, và ở Thuận-hóa, Quảng-nam, hễ gặp năm hạn, lụt, thì mất mùa, cảnh đói kém liền bày ra, có năm có người phải chết đói.

Ngoài vấn-đề nuôi sống ra, nhân dân thường bị xâu thuế bức bách, quan lại của rất nhiều nha môn những nhiễu, những kẻ sai phái của bề trên quyền thế ức hiếp, nên không khỏi có nhiều người thất sở, xiêu tán. Việc bắt lính cũng là một tai nạn chung. Tuy có binh-chế minh định, và phép duyệt tuyển lựa chọn hạng dân phải đi lính, nhưng theo Thích Đại Sán nghe nói thì : « cứ mỗi năm vào khoảng tháng 3, tháng 4, quân nhân ra các làng bắt dân 16 tuổi trở lên, thể chất cường tráng, xiềng cổ bằng một cái gông tre, hình như cái thang nhưng hẹp hơn, đem về sung quân, cho học một nghề chuyên-môn, học thành nghề rồi phân bát vào đội chiến thuyền để luyện tập, lúc hữu sự ra trận đánh giặc, vô sự bắt làm công dịch trong quan phủ, chưa được 60 tuổi, chưa cho về làng, vì thế dân còn lại đều ốm yếu, tàn tật, ít có người tráng kiện... » (1) Xem bức

(1) *Hải Ngoại Ký Sự, quyển I, bản dịch của viện Đại-Học Huế.*

thư sau đây của Nguyễn Cư Trinh, Tuần-vũ Quảng-ngãi, dâng lên chúa Thế-tông năm tân-mùi (1751) thì biết các tình-trạng khốn tệ trong xã-hội đương thời do nền hành-chánh không lương hảo gây nên : « *Dân là gốc nước, gốc không vững thì nước không yên, ngày thường không lấy ân huệ mà kết lòng dân, đến lúc có việc sẽ nương cậy vào đâu ? Trộm lo trong dân gian mối tệ chất chứa đã nhiều, nếu cứ an theo thói thường, giữ lề lối cũ, không tùy thời thêm, bớt, lập bày kỷ-cương, thì một ấp chẳng làm được, huống chi một nước. Nay việc gây tệ hại cho dân là cấp lính, nuôi voi, và nạp tiền án. Ngoài ra, còn sự nhũng phí quá lệ rất nhiều, nhưng việc ấy thuộc về kinh-kỳ, (tôi) không dám vượt chức nói ra. Xin nói những việc trong chức phận : Dân Quảng-nghĩa chịu thống thuộc nhiều nơi, đã chịu lệnh của nha-trường sai-dư, lại chịu lệnh các nha-trường điền tô (1), lại chịu lệnh các nha biệt tải, biệt nạp (2), lại chịu lệnh các nha sai-viên vi tử (3), lại chịu lệnh các nha sai-viên đầu nguồn (4), lại chịu lệnh bản phủ, lại chịu lệnh quan, lại nha môn, lại chịu lệnh các sai-nhân (5), lại chịu lệnh người đi săn*

---

(1) *Thuế sai-dư nạp ở một trường riêng, thuế điền tô nạp ở một trường riêng.*

(2) *Chở riêng, nạp riêng.*

(3) *Các xã dân thuộc nội-vi-tử nạp thuế cho nhân viên tỵ Nội lệnh-sử để đệ nạp về Nội-phủ (xem trước).*

(4) *Các thuế đầu nguồn nạp cho chức quan phụ-trách đầu nguồn.*

(5) *Bọn người các quan lớn hoặc ở kinh sai đi.*

ngang dọc, há chẳng phải 10 con trâu đến 9 người chăn ? nghèo khổ, thất nghiệp rất là đáng thương, đã không có hằng-sản, làm sao giữ được hằng-tâm ? Trong lúc bình yên mà lòng dân còn rất dao động, một mai có việc thì chế ngự sao kịp ? » Nhân đó trình-bày 4 điều khốn tệ và cách cứu chữa như sau :

1) Phủ, Huyện là chức thân dân mà gần đây không giao cho trách-nhiệm làm việc, chỉ cho khám hỏi việc từ tụng, thì đặt chức huyện quan chỉ là hư danh mà người dân bách tánh chịu lệnh ở nhiều cửa, muốn an nghiệp, sao có thể được ? Xin từ nay trở đi, tiền, thóc thuế sai-dư, điền tô, biệt tải, biệt nạp, thuế ngụ-lộc các nha, thuế đầu nguồn, hết thảy đều giao cho Tri-huyện biên thu, chuyển giao cho quan Quảng-nam đệ nạp, để khỏi nhiều viên chức phiền nhiễu.

2) Từ trước đến nay, các quan Phủ, Huyện chỉ trông vào sự bắt bớ, tra hỏi mà lấy ngụ-lộc, khiến của dân càng hao, tục dân càng bạc. Vậy xin định cấp cho lộc thường và tùy liêm, tham, siêng, nhác mà thăng, giáng.

3) Dân lậu có 2 hạng, có hạng tránh dao dịch, trốn thuế mà đi lang thang, có hạng bị đói rét thiết thân mà xiêu dạt; nay không chia đẳng hạng mà lại cho vào sổ thu thuế tất cả, thì chúng ắt sợ hãi, rồi hoặc đi trộm cướp, xã ấy phải bồi thường thuế cho quan, thì họ chịu sao nổi ? Xin từ nay xét những dân lậu, người làm ăn được thì thu thuế như lệ, người đói rét khốn cấp thì vẫn miễn thuế cho, tùy cách mà vỗ nuôi, để cứu sống dân bần cùng.

4) Dân nên để cho yên, không nên làm cho động, động

thì dễ loạn, yên thì dễ trị. Nay sai người đi săn bắn trong rừng núi, tìm gà, đòi ngựa, bọn người ấy không thể theo ý tốt của bề trên mà lại khuấy nhiễu, làm khổ sinh dân ; lại có nhiều người giả mạo, đến đâu cũng hiếp tróc, làm cho dân rất oán thán. Xin từ nay trở đi, sai người làm việc gì cũng phải có bằng tích, khi đến, khi đi, phải trình quan địa-phương, để có thể xét rõ thị, phi, thực, giả ; nếu có nhiều dân thì xin (cho quan địa-phương) được tiện nghi xử trị, hoặc đem việc ấy tâu lên, để cho lòng dân được yên tĩnh, khỏi gây dao động.» (1)

Thư ấy nói về phủ Quảng-nghĩa, nhưng chắc các phủ khác cũng thế.

Đời chúa Thế-tông, vì nạn tiền kẽm, nhân dân Thuận, Quảng phải đói khó mấy năm liền. Nạn đói kém này kéo dài đến đời chúa Duệ-tông ; và năm giáp-ngọ (1774), trong khi ở phương nam Tây-sơn nổi dậy, ở bắc quân Trịnh đã vượt qua sông Gianh thì ở Thuận-hóa đói to, ngoài đường có xác người chết đói người nhà có khi ăn thịt nhau. (2)

Dưới mắt người ngoại-quốc, người Đàng-trong siêng năng, ưa làm lụng, tránh sự ăn không ngồi rồi, đàn bà

---

(1) *Thư này trích ở V.B.T.L. Bản chép ở T.L.T.B. có bỏ một đoạn. Thư ấy dâng lên, chúa không trả lời. Ông Cư Trinh xin giải chức.*

(2) *T.L.T.B. quyển XI.*

khéo dệt vải, lụa, và làm bánh trái. Họ đối với người ngoại-quốc rất hòa nhã, ân cần. Và không như người Nhật-bản trọng võ hơn văn và người Trung-quốc trọng văn hơn võ, người Đàng-trong không thiên vị bên này mà nhẹ bên kia, chúa tưởng thưởng quân-nhân cũng như người văn-học, hai bên đều được xã-hội trọng nể. (1)

Xem Ô-châu Cận-lục viết năm ất-mão (1555) đời Mạc Phước Nguyên tức trước khi ông Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận-hóa không lâu, ở hai phủ Tân-bình, Triệu-phong có làng cách ăn mặc còn theo kiểu Chàm. Từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận, Quảng, người Việt vào đông thêm, và y-phục, khí dụng, phong-tục cố nhiên là y theo kiểu họ đã sống ở Bắc.

Tương truyền rằng Chánh Lộc-khê hầu (Đào Duy Từ) trong khi bày mưu định kế chống cự với họ Trịnh, đã khuyên chúa Hy-tông bắt dân thay đổi tập-tục cho khác hẳn dân Bắc, như bỏ nón thượng, đội nón chóp, bỏ quần màu đen mặc quần màu nâu, đàn bà bỏ áo bốn thân bày yếm mà mặc áo 5 thân gài khuy, bỏ tóc bao mà bối tó, bỏ váy để mặc quần.

Đến đời chúa Thế-tông, năm giáp-tý, lên ngôi vương, thay đổi mũ áo các quan, và bắt nhân dân cũng phải cải-cách-y-phục. Thấy nói y-phục này châm chước theo kiểu Trung-quốc trước khi người Mãn-thanh vào làm chủ.

---

(1) Christoforo Borri trong Relation de la nouvelle mission au royaume de Cochinchine.

Chúng ta không biết kiểu y-phục này thế nào, cũng như không biết tục đàn bà bỏ váy và áo thắt vạt để mặc quần, và áo gài khuy ra đời từ lúc này, hay là từ đời chúa Hy-tông như truyền thuyết.

V.B.T.L. chép : « (Hiếu-vương) xưng vương hiệu, lấy thể-chế áo mũ trong « tam tài đồ hội » làm kiểu, hạ lệnh cho trai gái hai xứ đổi dùng quần áo y như Bắc-quốc (Tàu) để tỏ sự biến đổi... nhưng khiến phụ-nữ đều mặc áo ngắn, hẹp tay như áo đàn ông thì Bắc-quốc không như thế. Trải hơn 30 năm, người ta đều tập quan, quên cả tập cũ... » (1)

Sau khi Hoàng Ngũ Phúc chiếm Thuận-hóa, đặt nha môn Trấn-vũ, tháng 7 năm bính-thân (1776) hiểu dụ nhân-dân rằng : « Y phục bản quốc vốn có chế-độ, địa-phương này từ trước cũng tuân theo quốc-tục. Nay kính vâng thượng đức, dẹp yên biên-phương, trong ngoài như nhau, chính-trị và phong-tục phải được tề nhất. Nếu còn có người mặc quần áo kiểu người khách (Tàu) thì nên đổi theo thể-chế của nước nhà. Đổi may y-phục thì theo tục nước mà thông dụng vải, lụa, duy có quan chức mới cho dùng xen the, là, trừu, đoạn, còn gấm vóc và các thứ hoa rồng phượng thì đều không được theo thói cũ tiếm dùng. Thường phục thì đàn ông, đàn bà dùng áo cổ đứng, ngắn tay, cửa ống tay hoặc rộng hoặc hẹp tùy ý. Áo thì từ hai bên nách trở xuống phải may kín

(1) *V.B.T.L. quyển VI.*

liền, không cho xẻ hở. Duy đàn ông muốn mặc áo cổ tròn và hẹp tay cho tiện làm việc cũng cho. Lễ-phục thì dùng áo cổ đứng tay dài, vải xanh lạt 青吉布 hay vải đen, vải trắng, tùy nghi. Còn các hạng về viền cổ và kết lót thì đều theo như hiều dụ năm trước mà chế dùng.» (1) Nhưng chỉ năm sau Tây-sơn chiếm Thuận-hóa, chính-quyền Lê-Trịnh không còn, chắc là nhân dân lại dùng y phục kiểu cũ. Hai hạng người tri thức nho sinh ăn mặc nghiêm nghị, thường mặc áo dài đen ở ngoài (2).

Theo Lê Quí Đôn, người Thuận-hóa sống quá xa hoa: « Thuận-hóa thanh bình lâu ngày, công tư đều giàu có, y-phục dùng đồ tươi đẹp. Lại trải qua thời Hiếu-vương (Nguyễn-phước Khoát) hào hoa, phóng túng, bắt chước nhau trở thành phong-tục, các quan viên lớn nhỏ, không ai là không nhà cửa chạm trổ, vách tường xây bằng gạch, đá, màn trướng dùng sa, đoạn, khí mãnh đều bằng đồng, thau, bàn ghế bằng gỗ đàn, gỗ trắc, chén mâm đều là đồ sứ có hoa, yên cương nạm vàng, bạc, y-phục gấm vóc, chiếu nệm bằng mây hoa, phú quí phong lưu, đua nhau khoe đẹp. Hạng sắc mục ở nhân gian cũng dùng áo đoạn, hoa bát ty và áo sa, áo lương, áo địa, làm đồ mặc thường khi ra vào, mặc áo vải là hổ thẹn. Binh-sĩ đều ngồi chiếu mây, gối dựa bọc hàng

---

(1) *V.B.T.L. quyển VI.*

(2) *Theo Christoforo Borri trong sách đã dẫn.*

ôm lò hương, uống trà ngon trong chén sứ bịt bạc, nhỏ ống-nhổ thau, dĩa bát dùng trong việc ăn uống không có gì là không của Tàu, một bữa ăn ba bát lớn. Đàn bà, con gái đều mặc áo sa, là, tơ lụa, thêu hoa ở cổ tròn. Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xí quá lắm. » (1)

Có lẽ ở đây tác giả V.B.T.L. chỉ phong-tục ở thành Phú-xuân là nơi đã trở thành phồn hoa từ đời chúa Thế-tông, chứ các nơi khác ở Quảng-nam và trong dân gian thì không thể xa hoa như vậy.

V.B.T.L. có chép một việc buồn cười về nhận xét theo y-phục, gây ra thất trận cho quân Nguyễn : Năm giáp-ngọ khi quân Trịnh do Hoàng-Ngũ Phước thống lãnh đã kéo đến Hồ-xá thuộc huyện Minh-linh, Quảng-trị, và chúa Nguyễn đã sai bắt Trương-Phúc Loan đem nạp, và xin giữ lệ cống, Ngũ Phước chưa trả lời thì Cai-đội của Nguyễn là Tô Nhuận thấy trong đội quân Bắc-hà Thống-tướng mặc áo vải xanh, binh sĩ ăn mặc rách rưới, nên có ý khinh thường, tưởng không phải là đại quân, bèn đem quân ra đánh, bị quân Bắc đánh cho thua to, rồi nhân đó, tiến vào đất Phú-xuân. (2)

---

(1) *V.B.T.L. quyển VI.*

(2) *Theo V.B.T.L. quyển VI. Lê Quí Đôn viết : « ... Vì tục quen phù hoa, thấy thế thì khinh thường, cho ắt không phải là đại quân... »*

Ở đất Gia-định, người Việt mới đến kiết cư, lập nghiệp đông đúc từ đời chúa Hiền-tông, cuối thế-kỷ XVII. Sách Gia-định Thông-chí chép : « Gia-định là đất phương Nam của nước Việt. Khi mới khai thác, lưu-dân nước ta cùng người kiều ngụ như người Đường (Tàu) người Cao-miên, người Tây-phương, người Phú-lang-sa (Pháp) người Hồng-mao (Anh), Mã-cao (người Tây ở Macao đến), người Đồ-bà, ở lẫn lộn, nhưng về y-phục, khí-cụ thì người nước nào theo tục nước ấy. Người Việt vẫn noi theo tập-tục của Giao-chỉ... Quan chức thì đội khăn cao-cao sơn (?) 高山巾, mặc áo phi phong (?) 披風衣 mang giày bì đà (?) 皮拖, sĩ thứ thì bối tóc, đi chân trần, con trai con gái đều mặc áo ngắn tay, bâu thẳng, may kín hai nách, không có quần, con trai thì dùng một miếng vải cột từ lưng thẳng đến dưới háng, quanh lên đến rốn, gọi là cái khố, đội nón lớn, hút bình điếu, ở nhà thấp, trải chiếu ngồi dưới đất, không có bàn ghế. Vua Thái-tông cải định sắc phục của quan văn quan võ, tham chước các đời Hán, Đường, Minh mà chế ra, còn y-phục, gia thất, khí-dụng của sĩ thứ thì đại lược như thể-chế đời Minh, bỏ hết tục xấu Bắc-hà mà làm một nước y-quan văn hiến vậy ».

Gia-định thông-chí cho ta biết người Việt ở Gia-định học Nho-giáo, sùng thượng đạo Phật. Hạng người có học chuộng lễ nghĩa, danh tiết, khinh tài trọng nghĩa, trung dũng, đàn bà tin đồng bóng, nữ thần. Các lễ hôn, tang, tế làm theo Văn-công gia-lễ. Lễ hôn, nhà

sĩ-phu thì làm đủ các lễ, còn nhà tầm thường chỉ làm 3 lễ, có tục đem ruộng trâu làm món đồ lễ giá-thú, có tục gửi rể rồi sau mới làm lễ cưới. Đám tang cũng có người làm lễ trai tiếu của nhà Phật, tin dùng thầy địa-lý, còn như việc tế tự tổ tiên, lễ nguyên đán, tảo mộ, các lễ tiết đoan-dương, thất tịch, trung-thu, trùng-cửu đều theo tục của người Tàu. Ở mỗi xã đều có đình, hàng năm cử hành lễ tế kỳ yên trong tháng giêng hoặc tháng 8, tháng 9, hoặc trong mùa đông. Đến chiều ngày tế, già trẻ đều họp lại, ở đêm tại đình, gọi là túc yết, sáng hôm sau, áo mũ, chiêng trống làm lễ chánh tế, ngày hôm sau còn lễ dịch tế. Tế phẩm thường là trâu bò, lại có ca xướng, tùy lệ mỗi làng. Ở Gia-định có tục nhà có việc vui hoặc có kỳ đảo gì thì tổ chức diễn kịch; trước đó anh Giáp, ví-dụ, giết bò, heo, đem biếu những người quen biết để mời đến ngày ấy đến xem diễn kịch; đến ngày, người được mời, anh Ất, ví-dụ, đem lễ bằng tiền là một quan đến mừng, xem kịch, ăn uống no say rồi về. Nhưng sau đó, anh Ất có diễn kịch, mời, thì anh Giáp không thể không đến và lễ anh đem đến phải bằng hai của anh Ất lần trước, nghĩa là 2 quan. Sau đó anh Giáp có việc thì anh Ất phải đem đến 3 quan, và cứ qua lại như thế, có khi đến 100 quan. (1)

Người Gia-định không lo đói rét, nên ít chất chứa, dành dụm, và quen thói xa hoa. Tiếng nói thời ấy pha trộn tiếng Tàu và tiếng Miên (1)

(1) *Gia-định thông-chí mục phong-tục.*

III.- VĂN-HÓA

I.) Văn-học.

Ở Thuận-hóa đời Lê có Bùi Dục Tài 裴育材, người huyện Hải-lăng học rộng biết nhiều, có tiếng hay chữ, đỗ Tiến-sĩ năm Cảnh-hưng thứ 5 (1502) ; Dương Văn An, 楊文安 người huyện Lệ-thủy, đỗ Đồng Tiến-sĩ đời Mạc, năm Vĩnh-thịnh nguyên niên (1547), ngươi đã sửa chữa và tập thành sách Ô-Châu Cận Lục.

Thời các chúa Nguyễn, không thấy có trường đại-học công lập như trường Quốc-tử-giám ở Bắc-hà, cũng không thấy có chức học-quan. Đó là một khuyết điểm mà chúa Trịnh đã nêu lên để chỉ trích ; người ta cũng thấy Hòa-thượng Thạch-liêm đã khuyên chúa Hiền-tông nên mở trường quốc-học (1), không hiểu vì sao trải qua các chúa, đến đời chúa Thế-tông xưng vương, Nam-hà vẫn không có trường đại-học công. Nhưng trong bài tựa sách Vũ Biên tạp-lục, Lê Quí Đôn viết : «... Ngày tế đinh (2) tôi thân đến học-cung chiêm bái, học trò đến học có đến vài trăm người, tôi có cùng họ giảng học, luận văn, khuyến khích, dạy bảo ân cần... » Vậy thì cũng có sinh-viên đại-học đến nghe giảng ở nhà học, nhưng không

---

(1) Hải Ngoại Ký Sự của Thích Đại Sán, bản dịch của Viện Đại-học Huế.

(2) Tế đức Khổng ở Văn-miếu.

biết tổ chức cách nào. Nhưng trong dân gian thì trường học mở rất nhiều. Giáo-sĩ Christoforo Borri ở Đường trong thời chúa Hy-tông, đã thấy nhiều trường học bậc đại-học với nhiều giáo-sư cùng các cuộc thi, hạch các cấp y như ở Trung-quốc vậy, (1).

Các chúa Nguyễn có lập Văn-miếu, mở các khoa thi, nhưng chưa có thi Hội như ở Bắc-hà. Tuy vậy, đọc các tác-phẩm thơ văn còn lại, và theo các sử-liệu về thời ấy, chúng ta biết rằng ở Nam-hà nho-học đã thịnh, văn-học cũng phát-đạt và có nhiều văn nhân, thi sĩ có tài năng, kiến thức.

Lê Quí Đôn trong V.B.T.L. viết : « Họ Nguyễn trước kia chuyên giữ một phương, chỉ mở thi hương, chuyên dùng lại tư, không chuộng văn - học, ít thu lượm được người tuấn dị... Thế mà văn-mạch ở đất này dằng dặc không dứt, thật đáng khen ! »

Xem trong L.T.T.B., T.L.T.B. chúng ta thấy tên một số tác-giả và tác-phẩm nhưng phần nhiều các tác-phẩm ấy chỉ còn cái tên mà thôi. Vì các tác - phẩm đều chép tay, chưa khắc in, nên trải qua cuộc đánh chiếm Thuận, Quảng của quân Trịnh, cuộc chiến-tranh với Tây-sơn và 25 năm loạn lạc tiếp đó ít tác-phẩm còn giữ lại được dưới các cơn binh hỏa, nhiễu nhương. Điều đáng chú ý là có nhiều tác-phẩm bằng quốc âm, vậy biết rằng văn-chương quốc-âm cũng đã phát-đạt,

(1) *Trong Relation de la Nouvelle Mission au Royaume de la Cochinchine,*

Ông Lê Quí Đôn khi ở Phú-xuân có sưu tập một số thơ văn mà ông chép lại trong V.B.T.L. Các thơ văn ấy đều có giá trị về văn-chương và tư-tưởng.

Sau đây xin theo L.T.T.B T.L.T.B. , và V.B.T.L. chép lại tên các tác-giả, tác-phẩm cùng những vị học-thức, đức hạnh đã có công tài bồi văn-hóa trong thời-gian ấy.

Đào-Duy-Từ còn để lại bài « Ngọa long cương ngâm» và sách « Hổ trướng ngu cơ », Nguyễn Hữu Dật 16 tuổi đã nổi tiếng văn-học, đời chúa Hy-tông, được bổ làm Văn-chức, đời chúa Thái-tông Hữu Dật làm Ký-lục dinh Bố-chính, sai tướng sĩ giả làm áo mũ, cờ xí Bắc-hà, mưu làm rối loạn quân Trịnh, lại làm hàng thư trá hàng chúa Trịnh hẹn làm nội ứng, nhưng không bẩm trước với chúa mình. Tham tướng Nguyễn-phước Tráng vốn cùng Hữu Dật có hiềm khích, bèn dèm với chúa rằng Hữu Dật toan mưu trở về Bắc. Chúa Thái-tông bắt Hữu Dật bỏ ngục. Hữu Dật theo tập sách Anh-Liệt-Chí 英烈誌 đời Minh, làm thành truyện « Hoa vân cáo thị » 花雲郜氏傳 (1) để nói rõ chí mình, rồi nhờ người coi ngục dâng lên chúa. Chúa đọc xong, tha, và cho làm Văn-chức ở Chánh dinh. Nguyễn-phước Chu tức chúa Hiền-tông, học rộng, kinh sử, thường trước tác ; đề vịnh, ý tự tự nhiên. Ông còn để lại 4 bài thơ khóc phi là Nguyễn-thị, bài minh khắc trên chuông chùa Thiên-mụ, bài văn bia ở chùa

(1) *Hoa Vân mắng giặc mà chịu chết, vợ là Cáo-thị cũng tuẫn nghĩa.*

này, nhiều bài thơ, câu đối tặng, điếu các quan v...v. Nguyễn-phước Tứ 阮福泗 con thứ 8 chúa Hiền-tông, có khí cuộc, học rộng, ưa ngâm vịnh, giỏi thơ quốc âm, có làm «Hoa tình truyện» 花情傳 bằng quốc-âm, lời rất đau buồn, được dân gian ưa đọc. Nguyễn phước Dục con Nguyễn-phước Tứ, học rộng, có tài lược, thơ hay, ưa ngâm vịnh, tương truyền rằng đàn Nam-cầm là do ông chế ra. Nguyễn-Khoa Chiêm 阮科占 tổ là Nguyễn Đình Thân, người Hải-dương theo chúa Thái-tổ vào nam, nhập tịch ở huyện Hương trà, cải họ là Nguyễn-Khoa. Nguyễn Khoa Chiêm ban đầu làm chức Thủ-hợp đời chúa Hiền-tông rồi trải qua nhiều chức, đến năm giáp-thìn (1724) thăng Tham-chính Chánh đoán-sự, về trí sĩ, tác-giả sách Nam-Triều Nguyễn-Chúa Khai-Quốc Diễn-Chí. 南朝阮主開國演誌. Nguyễn Cư Trinh, hiệu Đạm-Am, tổ 6 đời là Trịnh Cam, người huyện Thiên-lộc, Nghệ-an, làm Thượng-thư bộ Binh triều Lê, gặp hồi họ Mạc cướp ngôi, vào lánh ở Thuận-hóa, con cháu nhập tịch làng An-hòa, huyện Hương-trà, dự hàng khoa mục rất đông Cha Cư Trinh là Đăng Đệ học rộng, đỗ Sinh-đồ, làm quan đời chúa Hiền-tông đến chức Ký-lục, đổi họ là Nguyễn Cư Trinh thuở bé dĩnh ngộ, tuyệt quần, 11 tuổi đã làm văn và thơ hay, cùng tùng-huynh là Nguyễn Đăng Thịnh, tề danh một thời, năm canh-thân đỗ Hương-cống, làm quan Tri-phủ, Văn-chức. Sau khi chúa Thế-tông lên ngôi vương, điển-chương, pháp-độ do Đăng Thanh tán định, còn từ lệnh thì do ông thảo ra. Ông người khẳng khái, có mưu lược,

giỏi quyết đoán, kiến-nghị điều gì cũng nói ngay, bàn thẳng. Năm canh-ngọ, ông làm Tuần-vũ Quảng-ngãi, bấy giờ mọi Thạch-bích xuống cướp phá, ông đưa thư dụ, nhưng chúng không chịu hàng, ông bèn quyết định đem quân đi đánh nhưng nhiều người lấy cớ xa xôi, lam chướng để cản trở. Ông bèn làm « Tăng Ni truyện » 僧尼傳 (tức truyện Sãi Vải vấn đáp) bằng quốc-âm để phúng thích, rồi ông tiến binh, mọi Đá-vách chạy trốn. Ông nghĩ nếu đem quân về thì chúng sẽ lại tụ họp để đi quấy nhiễu, nên ông sai chiếm cứ sào huyệt của chúng, lập trại sách, mở đồn-điền, đặt xích hầu để nghiêm giữ, giả cách ở lâu. Bọn mọi thấy vậy, sợ, mới chịu hàng. Từ năm quí-dậu (1753) Ông vào cầm binh đánh Chân-lạp, lập dinh Long-hồ, đạo Đông-khẩu, đạo Tân-châu, đạo Châu-đốc, nam-thùy mở rộng đất đai đến đấy đều là công của ông. Trong thời - gian ở biên cảnh hơn 10 năm này, ông thường cùng Đô-đốc Hà-tiên là Mạc Thiên Tứ tặng đáp thơ, văn. Ông có họa 10 bài thơ vịnh Hà-tiên, V.B.T.L có chép lại một số thơ văn của ông và mấy bức thư ông đáp Mạc Thiên Tứ, nội dung nhiều tư-tưởng, triết-lý. Chúa Duệ-tông lên ngôi, Trương-phúc Loan chuyên quyền, thấy ông đương có danh vọng trong nước, triệu về thăng làm Lại-bộ kiêm Tào-vận sứ. Bấy giờ Phước Loan thường triệu các quan đến nhà riêng để bàn việc công. Ông nghiêm sắc mặt nói : « Nghị-sự việc công của triều-đình đã có định-chế, Phúc Loan sao dám vô lễ như thế, muốn chuyên quyền sao ? Làm loạn thiên-hạ ắt là người này. » Các quan nghe thế không

dám đến hầu ở nhà Phúc Loan. Phúc Loan giận lắm, nhưng không dám hại ông. Vài năm sau ông mất. Ngoài truyện Sãi Vải, ông còn để lại Đạm-am tập 澹庵集 lưu hành ở đời.

Nguyễn Đăng Thạnh 阮登盛 hiệu Chuyết-trai, là con Nguyễn Đăng Trị 阮登治 (Đăng Trị là anh Nguyễn Đăng Đệ, đỗ Hương tiến làm quan Văn-chức). Đăng Thạnh thuở nhỏ thông mẫn, học rộng, nhớ lâu, giỏi văn-chương. Đời Hiển-tông Đăng Thịnh đỗ Hương-tiến, bổ Tri-huyện, rồi được bổ vào viện Văn-chức, nổi tiếng văn-chương, các từ lệnh đều do ông soạn thảo. Đời Túc-tông, ông làm Thị-giảng cho công-tử là Nguyễn Phước Khoát (tức chúa Thế-tông), rồi làm Đô-tri, Cai-bộ Quảng-nam, Nha-úy. Sau khi chúa Thế-tông lên ngôi, chính ông đã soạn tờ biểu xin chúa lên vương-vị. Ông được thăng Lễ-bộ kiêm Lại-bộ, các chế-độ, triều nghi, phục sắc thay đổi thời ấy phần nhiều đều do ông tán định. Ông mất, chúa Thế-tông sai đến nhà thu lục những di-cảo văn-phẩm ông, chúa đọc và rất khen ngợi. Ông đã để lại các tác-phẩm sau đây: Hiệu tần thi tập 效顰詩集 Chuyết-trai Văn tập 拙齋文集 Chuyết-trai vịnh Sử Tập 拙齋詠史集. Trong V.B.T.L Lê Quí Đôn có trích nhiều bài thơ vịnh sử của ông.

Nguyễn Đăng Tiến 阮登進 hiệu Minh-khiêm, là con Nguyễn Đăng Trị, em Nguyễn Đăng Thạnh, nhà nghèo ham học, giỏi từ lệnh, sở trường về thơ, văn quốc-âm. Đời chúa Túc-tông, ông thi Cống-sĩ không đậu, nhưng

quan hữu-tư mến tài, trình lên bề trên, các triều-thần đều tiến cử, nên ông được trao chức Văn-chức. Đăng Tiến cùng anh là Đăng Thịnh đều giữ chức Thị-giảng chúa Thế-tông khi còn ở thanh-cung. Sau khi chúa Thế-tông lên ngôi, ông được bổ làm Tuần-vũ Phú-yên, rồi thăng Thừa-chỉ-Viện, rồi Ký-lục Quảng-bình. Ông để lại « Minh Khiêm Thi Tập » 鳴謙詩集 lưu hành ở đời.

Nguyễn Quang Tiền 阮光前 người huyện Quảng-điền, học rộng, thơ hay. Đời chúa Hiền-tông, ông làm Văn chức, biểu cầu phong gửi vua Thanh là do ông soạn. Đời chúa Thế-tông, các bài thơ đề vịnh ở các cung đình, và văn-thư thù ứng với các lân-bang phần nhiều do ông soạn. Năm bính-tý, chúa sai ông thảo bức thư gửi cho quan tỉnh Phước-kiến, tự xưng là An-nam quốc-vương, ông nhất định không chịu, cho là không thể xưng như thế, chúa giận, bãi chức ông. Chúa Duệ-tông tên ngôi, Trương Phúc Loan nắm quyền bính, sợ dư-luận không phục, nên thu dụng những người đương có danh vọng. Vì vậy, ông được khởi phục làm Hàn-lâm-viện, cùng Nguyễn Cư Trinh làm Lại-bộ. Chẳng bao lâu, ông mất. Cuộc nổi dậy của Tây-sơn ông đã xem sao mà biết từ 6 năm trước. Khi Lê Quí Đôn ở Phú-xuân có đến nhà ông để sưu tầm những văn-phẩm của ông còn lại. Ngô Thế Lân 吳世璘 tự Hoàng-phác, khí nhỏ có chí thú, học rộng, thơ văn hay, ẩn ở huyện Quảng-điền, tự hiệu là Ái-trúc trai, đã dâng chúa Duệ-tông bức thư luận về tiền tệ như đã thấy trên. Ông còn để lại Phong-trúc tập 風竹集 trong có

nhiều bài thơ, văn đề vịnh mà Lê Qui Đôn phê bình là «nhã nhặn, tình tứ.» Phong-trúc tập được I người bạn của ông là Nguyễn Dưỡng Hạo 阮養灝 đề tựa, và I người khác là Trần Thế Xương 陳世昌 làm bài bạt. V.B.T.L. có trích lại nhiều thơ, văn của Ngô Thế Lân, bài tựa và bài bạt kia, thấy đều có giá-trị về văn-chương và triết-lý. Khi Lê Qui Đôn ở Phú-xuân có sai mời ông, nhưng ông không đến, chỉ gửi thư cảm tạ, và nói lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn. Sau ông làm quan với Tây-sơn.

Phạm Thị Lam Anh 范氏藍瑛 là con gái Phạm Hữu Kính 范有敬 người huyện Diên-phước dinh Quảng-nam. Hữu-Kính học rộng, thông các kinh, đời chúa Thế-tông, làm Trấn-thủ Nha-trang rồi thăng Cai-bộ Quảng-nam. Lam Anh tự Khuê-ấu mẫn tuệ, thơ hay, Hữu Kính rất thương mến. Hữu Kính nuôi trong nhà một sĩ-nhân tên là Nguyễn Dưỡng Hạo để dạy con, và định gả con cho. Dương Hạo người huyện Duy-xuyên, dinh Quảng-nam, (người bạn của Ngô Thế Lân), hiệu là Phục-am, cũng thơ hay có tiếng. Nguyễn Dương Hạo và Phạm Lam Anh thơ từ tặng đáp, rồi tư tình với nhau. Hữu Kính biết được, giận lắm, muốn giết con gái, bạn hữu khuyên giải mới thôi, sau gả Lam Anh cho Dưỡng Hạo. Lam Anh về nhà chồng, vợ chồng xướng họa, còn để lại tập Chiến Cổ đường-thi, 戰古堂詩集 lưu hành. Nguyễn Hữu Hào 阮有豪 con trưởng Nguyễn Hữu Dật, năm kỷ-tỵ đời chúa Anh-tông, thay Mai Vạn Long,

cầm quân đánh Chân-lạp, nhưng chưa thắng lớn đã rút quân về, chúa giận truất chức. Đời chúa Hiền-tông, được khôi phục làm Cai-cơ, rồi thăng Chưởng-cơ, đến năm Giáp-thân làm Trấn-thủ Quảng-bình. Bấy giờ nhân trong trấn yên ổn ông viết truyện « Song Tinh bất dạ » 雙星不夜傳 bằng quốc-âm, được người truyền tụng.

Nguyễn Đăng Đàn 阮登壇 tự Thuần-nhất 純一 người huyện Hương-trà, thuở nhỏ dĩnh tuệ, lớn lên nghiên cứu điển-phần rất tinh, không chuộng khoa cử, vinh lợi, ưa điều thiện, vui với đạo-lý, nổi tiếng về lý-học. Đời chúa Thế-tông, ông đến cửa khuyết dâng sách-ngữ bằng quốc-âm, đại lược nói đấng nhân quân trước hết phải cầu hiền, nạp giáng ; chúa khen ngợi, vời đến cho làm quan, nhưng ông từ chối, làm nhà tranh ở núi Thanh-thủy, dạy học, học trò có đến mấy trăm, nhiều người thành tựu. Ông đức hạnh trác tuyệt, người đời đều tôn trọng ; đến tuổi 70 chí không mệt mỏi. Sau khi ông mất, người ta gọi là Siêu-quần tiên-sanh. (chúa nói là Nguyễn Đăng Trường, xem ở mục Duệ-tông Nguyễn-phước Thuần.)

Võ Trường Toản 武長纘 người huyện Bình-dương, phủ Gia-định, thông dĩnh, kinh-học uẩn súc, lập chí cao khiết, gặp loạn Tây-sơn ở ẩn dạy học, học trò nhiều kẻ trở nên danh thần nhà Nguyễn như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức. Khi Nguyễn vương Phước Ánh đóng ở Gia-định, có triệu ông đến thăm hỏi, và rất khen ngợi sự cao thượng của ông. Ông mất, Nguyễn-vương cho hiệu

là « Gia-định xử-sĩ sùng đức Võ tiên-sinh », sai khắc ở mộ-chí. Ông không con, Nguyễn-vương cho người con nuôi tên là Trúc được miễn binh diêu để lo phụng tự ông.

Đặng Đức Thuật 鄧德述 tự Cửu-tư, không biết người hạt nào, thuở nhỏ dĩnh ngộ, học rộng, thơ hay, sở trường về sử. Tránh loạn Tây-sơn, ông làm nhà ở núi An-phước thuộc Bình-thuận, ẩn cư dạy học; các học-giả gọi là Đặng-gia sử-phái, khi ông ở Gia-định, các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định, Nguyễn Hương nghe tiếng đến xin học, thi học ở xứ này bắt đầu thạnh lên từ đó. Sau khi Nguyễn-vương Phước Ánh khắc phục Gia-định, ông đến yết, vương thấy là bậc lão thành, túc học, rất mến trọng, trao chức Hàn-lâm viện thị-giảng Giám-nghị. Ông tánh thẳng gặp việc dám nói, bị phạt xuy, bèn bỏ quan đi.

Nguyễn Hương 阮香 người Bình-thuận, thời trung-hưng (Nguyễn vương Phước Ánh) làm quan Hàn-lâm thị-thư, nổi tiếng văn-chương, nhưng không muốn làm quan, bỏ về, thường ngâm vịnh, có thi tập lưu hành.

Hoàng Quang 黃光 người huyện Hương-trà, có khí-thức, giỏi văn-chương, nhất là văn quốc-âm. Bắc-bình vương ở Phú-xuân nghe tiếng, triệu đến cho làm quan, ông không nhận. Ông thấy chính-trị Tây-sơn phiền hà, lòng người nhớ cũ, bèn làm bài « Hoài Nam khúc » 懷南曲 thuật lại công cuộc khai-thác khó khăn và ân đức của các chúa Nguyễn, kết tội quyền-thần, căm giận Tây-sơn. Hoài-nam-khúc lời rất bi tráng, dân gian tuyền nhau ca ngâm, thái-trưởng công-nữ Ngọc Quyên (con gái chúa Thế-tông)

sao lại, khiến người đem vào Gia-định dâng Nguyễn vương, vương sai đem truyền bá trong quân, ai nghe cũng cảm động.

Mạc Thiên Tứ, tự là Sĩ-lân 士麟 con trưởng Mạc Cửu, thông mẫn, học rộng kinh điển, năm bính-thìn đời chúa Túc-tông, được thay cha trấn Hà-tiên, chức Đô-đốc. Thiên Tứ ham thích văn-chương, vời những bậc văn-học các nơi đến, lập Chiêu-anh-các để cùng nhau giảng luận, xướng họa. Ông có 10 bài thơ vịnh cảnh Hà-tiên (Hà-tiên thập vịnh 河仙十詠) thi-sĩ người Tàu, người Việt đua nhau họa vần. Hà-tiên nổi tiếng tài-hoa phong nhã, văn-hóa Hán-Việt nhân đó du nhập, mở mang dạy dỗ cho nhân dân xứ hẻo-lánh này. Hà-tiên thập vịnh có 320 bài họa vần (của 25 người Tàu, và 6 người Việt) Mạc Thiên Tứ viết bài tựa rồi khắc in thành tập (1). Lê Quí Đôn đã đọc tập thơ in ấy và rất khen: «... vậy không thể bảo rằng hải-ngoại không có văn-chương được. » (2)

2 — Tôn-giáo.

Các chúa Nguyễn rất tín ngưỡng Phật-giáo. Chúa

---

(1) Tập in này chắc không nhiều và không còn, nên L.T.T.B. chép : «... Sau đó loạn lạc, các bài thơ phần nhiều mất mát, đến đời Gia-long Hiệp Tổng-trấn Gia-định là Trịnh Hoài Đức mua được 1 bản cho in và lưu hành.

(2) V.B.T.L quyển V.

Thái-tổ bắt đầu dựng chùa Thiên-mụ, sau đó các chúa kế tiếp lập nhiều chùa khác. Chúa Anh-tông đã ủy Hòa-thượng Tạ Nguyên Thiều sang Quảng-đông mời Hòa thượng Thạch-liêm, chúa Hiền-tông lại ủy người sang mời, Hòa-thượng Thạch-liêm sang, chúa qui-y. Chúa Hiền-tông trùng tu chùa Thiên-mụ, rộng lớn, rực rỡ như đã thấy trên, và sai sang Tàu mua kinh Đại-tạng, và luật, luận hơn nghìn bộ để ở tự-viện.

Trong dân gian, Phật-giáo được sùng bái, tăng-đồ đông, nhưng ít kẻ tu hành chân chánh (1). Theo Hòa-thượng Thạch-liêm thì một trong những duyên cớ khiến giới tăng lữ phức tạp là việc bắt lính. Con trai 16 tuổi trở lên thể chất cường tráng thì bắt làm lính, vì vậy « cha mẹ sợ con bị bắt làm lính, con lớn tuổi liền cho vào chùa làm sãi, may ra được khỏi. » (1) « cho nên tăng đồ rất đông, nhưng Phật-pháp do đó sinh ra hỗn loạn, chẳng những thiền-tông tuyệt nhiên không đếm xỉa đến, mà các việc luật, luận cũng buông trôi, chẳng chút quan tâm đến nỗi những phường áo, tràng mũ ni mà nết xấu tật hư còn quá dân quê nơi làng mạc. » (2)

Xin theo mục Cao-tăng trong L.T.T.B. chép lại các vị cao tăng thời ấy sau đây :

Tạ Nguyên Thiều 謝 元 韶 tự Hoán-bích, người

(1) *Hải Ngoại-ký sự của Thích Đại Sán, quyển I.*

(2) *Hải Ngoại ký-sự quyển I, và phần khảo cứu.*

Triều-châu (Trung-hoa), 19 tuổi xuất gia, tu ở chùa Báo-tư, là môn đệ của Hòa-thượng Khoán Viên. Đời chúa Nguyễn Thái-tông, năm ất-tỵ (1665), ông theo thuyền buôn sang phủ Qui-nhơn, lập chùa Thập-tháp A-di-đà, truyền bá đạo Phật, rồi ra Phú-xuân lập chùa Quốc-ân, dựng tháp Phổ-đồng. Chúa Anh-tông đã ủy ông đi Quảng-đông tìm mời cao-tăng và thỉnh tượng Phật, pháp-khí, ông nghe tiếng Thạch-liêm có đến mời. Sau khi về ông được chúa ủy làm trù-trì chùa Hà-trung. Ông tịch, môn đồ dựng tháp để cất xá lợi, chúa Hiền-tông đặt thụy là « Hạnh-đoan thiền-sư » và làm bài minh khắc ở tháp.

Đạt Bổn 達本 người phủ Qui-nhơn, tinh về huyền-đàm. Đời chúa Thế-tông, năm ất-hợi (1755) ông vân du đến Đông-phố (Gia-định), tu ở chùa Kim-chương, giữ kỷ giới luật. Ông sửa sang chùa này rộng rãi, tráng lệ, được chúa sắc tứ biển ngạch, ông tịch, y bát truyền lại nhiều đời không dứt.

Viên Quang 圓光 đại lão Hòa-thượng thuộc chánh phái Lâm-tế, đời thứ 36, tu ở chùa Giác-lâm trong núi (thuộc Gia-định).

Giác Linh 覺靈 hiệu Huyền-khê Hòa-thượng, người Quảng-đông, thuộc chánh phái Lâm-tế, đời thứ 35, thuở nhỏ thích du hiệp, giỏi võ nghệ, vì giết người cừu địch nên trốn vào cửa thiền. Ông đi đường biển sang Đông-phố, làm thầy du phương, rồi đến Thuận-hóa, tu ở

chùa Pháp-vân (sau đổi là Thiên-phước, giữ tinh giới hạnh, tăng-đồ càng ngày càng đòn. Nghe nói ông giỏi võ nghệ, nhiều người đến xin học, ông đều dạy cho.

Hoàng Lung 黃 龍 người Qui-nhơn, vân du đến Hà-tiên, thấy núi Bạch tháp ở phía bắc chóp Vân-sơn, núi non quanh co, cây cối rậm tốt, bèn làm chùa tu ở đấy. Đời chúa Túc-tông, năm Đinh-tỵ, ông tịch, đồ-đệ làm phù-đồ bảy cấp để giữ xá-lợi.

3. — Âm-nhạc. Ca-kịch.

Thời các chúa Nguyễn, ở xứ Đàng-trong, ca, vũ nhạc cũng thịnh, và về các môn này chắc không khỏi chịu ảnh-hưởng của Chiêm-thành. Âm-nhạc ta có hai điệu: điệu khách và điệu Nam. Điệu khách là điệu từ Trung-quốc đưa sang, được chế biến, Việt-hóa, điệu này vui, sáng, huy-hoàng. Điệu Nam chịu ảnh-hưởng của Chiêm-thành, buồn, u-ẩn, nặng về tâm tình, tâm-linh. Chúng ta đã biết vua Lý Thái-tông, năm 1044, đi đánh Chiêm-thành, bắt các thần thiếp vua Sạ-đẩu và chọn những cung-nữ Chiêm giỏi múa hát, bắt diễn khúc Tây-thiên, đem về cho ở trong cung, năm sau sai làm nhà riêng cho họ ở ; đời Lý Thánh-tông, năm 1060, bắt các nữ nhạc ấy biểu diễn các khúc Chiêm-thành, rồi phổ vào âm-nhạc ta, cho nhạc-công đánh. Năm 1202, vua Lý Cao-tông sai nhạc công chế các khúc nhạc đặt tên là Chiêm-thành-âm, tiếng nhạc ai, thương, sầu, oán, ai nghe cũng châu mày rơi lụy. Âm-nhạc Chiêm-thành đã

ảnh-hưởng đến âm - nhạc ta từ đó. Người xứ Đàng-trong sống trên đất Chiêm, hoặc gần đấy, trông thấy cảnh nước mất dân tàn của người Chiêm cũng chạnh tình thương, buồn dùm cho họ, nên đã chịu ảnh-hưởng ấy nhiều hơn nữa. Các câu hát hồ mái-nhì, điệu chầu văn (Huế), ca vọng-cổ hình như cũng chịu ảnh-hưởng nhiều của âm-nhạc Chiêm-thành.

Ở Chiêm-thành xưa, múa nhảy luôn luôn đi đôi với ca nhạc, nhất là trong những tế-lễ. Các điệu múa nhảy của ta biểu diễn trong cung điện hoặc khi cúng tế, chắc có pha trộn ít nhiều vũ nhạc Chiêm-thành.

Về nhạc khí, tương truyền chánh Nguyễn Hữu Dục (cháu nội chúa Hiền-tông) đã chế ra đàn Nam-cầm.

Về ca kịch, môn hát bội cũng thạnh, và khác hẳn với hát bội ở Bắc-hà. Tương-truyền rằng ông Đào-Duy-Từ vốn là con nhà xướng hát, sau khi được trong dụng ở Đàng-trong, đã đem một số người bà con vào phủ Hoài-nhân (tỉnh Bình-định ngày nay) lập gánh hát, dạy cho dân vùng ấy hát giọng địa-phương, và hát một hơi dài chứ không ngắt câu với tiếng vía ư, ư như ngoài Bắc để cho khác hẳn với hát bội của đất Lê Trịnh.

PHỤ :

NGUYỄN-VƯƠNG PHƯỚC ÁNH

KINH-DINH

Ở GIA-ĐỊNH

(1777-1801)

Phụ : Nguyễn-vương Phước-Ánh kinh dinh ở Gia-định (1777-1801). (1)

Giết Thái-thượng vương và Tôn-chỉnh-vương rồi, Phụ-chính Nguyễn Văn Huệ cho là đất Gia-định đã dẹp yên, nên tháng 10, lưu bọn Tổng-đốc Châu, Hồ-tướng Hản ở lại giữ các nơi ở Gia-định, rồi rút quân về Qui-nhơn.

Nguyễn-phước Ánh thoát nạn được ở Long-xuyên, chạy ra đánh ở đảo Thổ-châu, hay tin Nguyễn Văn Huệ rút về, liền trong tháng ấy, vào cử binh ở Long-xuyên, tiến đến Sa-đéc, cùng Chưởng dinh Ngoại-hữu Đỗ Thanh-Nhân, Cai-đội Lê Văn Quân tụ tập nghĩa quân ở Tam-phụ, làm hịch báo cáo các đạo. Thống-nhung Nguyễn Văn Hoằng 阮文弘 Chưởng-dinh Tống-phước Khuông 宋福匡 Tống-phước Lương 宋福良. Điều khiển Dương Công Trừng 楊公澄 Cai-cơ Hồ Văn Lân 胡文璘 đem quân đến hợp, các quân đều mặc áo tang. Tháng 11, họ đánh úp dinh Long-hồ, tháng 12, tiến đánh chiếm lại Sài-côn, và tiếp tục chống đánh Tây-sơn các nơi. Năm mậu-tuất, Cảnh-hưng thứ 39 (1778), ở Sài-côn, Đỗ Thanh-Nhân và các tướng tôn Nguyễn-phước Ánh làm Đại-nguyên-súy Nhiếp quốc-chính, năm ấy ông 17

---

(1) Tài liệu dùng để chép mục này phần nhiều lấy ở T.L.C.B. đệ nhất kỷ và Chánh-biên liệt truyện.

tuổi. Ở Qui-nhơn, Tây-sơn vương lên ngôi Hoàng-đế, niên-hiệu Thái-đức 泰德 phong Nguyễn Văn Lữ làm Tiết chế và Nguyễn Văn Huệ làm Long-nhương tướng-quân. Đại-nguyên-súy sai đóng chiến thuyền, đắp lũy phòng giữ Sài-côn, dựng nhà tông-miếu, đặt công đường các dinh Trấn-biên Phiên-trấn, Long-hồ, chứa lương-thực.

Bấy giờ ở triều-đình Chân-lạp xảy ra cuộc mưu hại vua là Nặc Vinh, trong đó Nặc Thâm có dự, Nặc Vinh giết Nặc Thâm, Nặc Tôn buồn mà chết. Bề tôi là Chiêu Chùy-mô và Đê-đô-luyện giữ Phong-xuy để chống Nặc Vinh, Vi-bôn-xuy giữ La-bích để hưởng ứng và cầu viện dinh Long-hồ. Năm kỷ-hợi (1779) Đại-nguyên-súy sai Đỗ Thanh-Nhân, Hồ Văn Lân đi đánh, bắt Nặc Vinh, giết, lập con Nặc Tôn là Nặc Ấn (Ang-En) làm vua, lưu Hồ Văn Lân ở lại bảo-hộ Chân-lạp (1) Nặc Ấn còn bé, các quyền thần cai trị.

---

(1) Về việc này sách Pháp chép : « Một cuộc âm mưu chống Nặc-Vinh (Ang Non) trong đó có anh vua là Ang Than và vua cũ là Outey tham dự. Người xướng suất cuộc âm mưu này là Srey, Bộ-trưởng vận-tải, cùng Ang-than, Outey đều bị giết. Mẹ của Srey tìm cách báo thù cho con, Srey có 4 con, đều làm quan tỉnh-trưởng. Bà khiến 3 người nổi dậy chống vua, lấy cớ là vua sẽ đem quân Miên hiệp với quân Tiêm-la để chống Ai lao, nước bạn cũ của Cao-miên.

Nặc Vinh lại sai người con thứ tư của Srey là Mou, tỉnh-trưởng Treang, đi dẹp loạn. Mou cùng các anh thỏa-hiệp với

Đại-nguyên-súy tổ chức lại việc cai trị đất Gia-định. Tháng 11 năm kỷ-hợi, chia vạch địa-giới 3 dinh Trấn biên (tỉnh Biên-hòa sau này), Phiên-trấn (tỉnh Gia-định và Định-tường sau này), và Long-hồ (hai tỉnh An-giang và Vĩnh-long sau này), liên-lạc với nhau, Dinh Trấn-biên có 1 huyện là Phước-long 福隆 gồm 4 tổng là Tân-chính 新政, Bình-An 平安, Long-thành 隆城 và Phước-An 福安. Dinh Phiên-trấn có một huyện là Tân-bình gồm 4 tổng là Bình-dương 平陽, Tân-long 新隆, Phước-lộc 福祿 và Bình-thuận 平順. Dinh Long-hồ đổi làm dinh Hoằng-trấn 弘鎮營 (năm sau lại đổi là Vĩnh-trấn) 永鎮營 có một châu là Định-viễn, gồm 3 tổng là Bình-An 平安, Bình-dương 平陽, và Tân-an 新安. Lại thấy đạo Trường-đồn là nơi yếu-địa của 3 dinh, nên nâng lên làm dinh (là Định-tường sau này) có 1 huyện là Kiến-An 建安, gồm 3 tổng là Kiến-đăng 建登, Kiến-hưng 建興 và Kiến-hòa 建和 (đến năm tân-sửu), 1781, dinh Trường-đồn đổi tên là dinh Trấn-định) 鎮定營 Mỗi dinh đều đặt chức Lưu-thủ, Cai bộ, Ký-lục để cai trị. Trước kia, khi mới mộ dân đến ở, cho họ tùy tiện khẩn hoang, lập ấp, có nơi là đất Phiên-

---

...người Việt-nam, bắt 4 con của Nặc Vinh giết đi, và bắt được Nặc Vinh lang thang ngoài thôn dã, đem về Oudong, rồi đến tháng 8 năm 1779 gìm xuống ao trước cửa bắc cung điện.

Mou tôn con của Nặc Tôn là Ang En mới 6 tuổi lên làm vua, ba vị đại-thần là Mou, Bên và Sous cầm quyền (Theo Histoire du Cambodge của A. Dauphin Meunier).

trấn, mà đánh thuế làm đất Trấn-biên, có nơi là đất Trấn-biên mà đánh thuế làm đất Phiên-trấn, ruộng đất cũng không chia hạng tốt xấu, diện tích chỉ khai đại khái, và đặt 9 kho để thu thuế ; đến nay, Đại-nguyên-súy đã vạch cương-giới của các dinh rồi, sai châm chước lệ cũ mà chữa lại thuế điền thổ cho cân bằng.

Năm canh tý, Cảnh-hưng thứ 41 (1780) tháng giêng, các quan tôn Đại-nguyên-súy Nguyễn-phước Ánh lên ngôi vương, nhưng vẫn dùng niên-hiệu nhà Lê, văn thư đưa xuống gọi là chỉ truyền, sai phái gọi là chỉ sai, dùng ấn « Đại-việt quốc Nguyễn chúa Vĩnh trấn chi bửu » (do chúa Hiền-Tông chế), biểu chương của quần thần xưng là bẩm 稟. Các quan tôn phò đều được thăng. Đỗ Thành-Nhân thăng làm Ngoại-hửu phụ-chính Thượng Tướng-công.

Đất Trà-vinh từ khi thuộc về Việt-nam thì người Chân-lạp ở đó cũng thành dân nội thuộc, hàng năm nộp thuế. Gặp lúc chúa Nguyễn bị Tây-sơn đánh, một lãnh-tụ là Ốc-nha Suất nổi lên chống chánh-quyền chúa. Quan quân đi đánh nhưng đất ấy rừng sâu, chằm rộng, rậm rạp, um tùm, Suất dựa thế hiểm, lại sở trường dùng tên nỏ, nên quân chúa đánh không được. Đến đây, Nguyễn vương sai Thượng Tướng-công Đỗ Thanh Nhân và Dương Công Trừng đi đánh. Công Trừng dùng móc sắt móc các chiến thuyền liền với nhau, bắc sàn ở trên, dựng trên sàn những cây chuối để đở đạn, rồi nhân lúc nước triều lên, cho thuyền đến sát lũy của

Suất để đánh. Giặc mất thế hiểm, vỡ chạy. Thanh Nhân đem quân đuổi đánh, chặt cây, phá rừng, mở đường, đặt phục-binh trong rừng, bắn súng bốn bề để uy hiếp. Suất cùng đường, bị quan quân bắt được.

Năm tân-sửu (1781) xảy ra việc giết Đỗ Thanh Nhân, một biến-cố gây nhiều hậu quả tai hại cho Nguyễn vương. Đỗ Thanh Nhân đã có công lớn với nhà Nguyễn và với Nguyễn vương. Để đền đáp, Nguyễn vương đã cho ông giữ chức cao nhất trong triều. Nhưng Thanh Nhân là người kiêu-hãnh, tự phụ, và khi đã lên được địa-vị cao, ông làm nhiều việc quá đáng, sanh sát tự ý, vượt cả quyền Nguyễn vương, và cường ngạnh đối với Nguyễn vương nữa. Chưởng-cơ Tống-phước Thiêm mật bẩm với vương xin trừ đi. Vương cho gọi Thanh - Nhân đến và sai võ-sĩ giết, rồi chia binh Đông-sơn làm 4 đạo, giao cho 4 tướng lãnh chỉ huy. Nhiều tướng Đông-sơn bỏ Nguyễn vương trở về Tam-phụ. Nguyễn vương chiêu dụ, nhưng họ chống cự, không nghe, bọn Vỏ Nhàn (anh của Vỏ Tánh) Đỗ-Bảng nổi dậy chống lại Nguyễn vương, vương sai Nguyễn Đình Thuyên, Tống-phước Lương đi đánh, Phước Lương thua, Thống-binh Cai-cơ Tống Văn Phước tử trận. Vương phải thêm quân, sai Cai-cơ Nguyễn Văn Quí, Phan Văn Huyền nhập bọn với địch, bắt được Nhàn, Bảng, giết.

Nguyễn vương sai Nguyễn-phước Du coi trung-quân, tiết chế bộ-binh, trấn giữ Bình-thuận, và Châu Văn Tiếp làm Khâm-sai Đô-đốc Chưởng-cơ, quận-công, trông coi

các tướng sĩ và các viện binh, dân ở Phú Yên. Tháng 5 năm tân-sửu (1781), vương sai điểm duyệt số quân các dinh thủy, bộ ở trong ngoài, không dưới 3 vạn người, 80 chiến thuyền đi biển, 3 chiến - thuyền lớn, 2 chiếc tàu Tây. Vương sai Chưởng-cơ Tống-phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng đem thủy-quân Gia-định ra hợp với quân của Nguyễn-phước Du và của Châu Văn Tiếp để đi đánh Tây-sơn. Các đạo quân ấy hợp ở Nha-trang và Hòn-khói và gặp quân địch. Nhưng quân Tây-sơn dàn trận với chiến rất nhiều, quân của Nguyễn vương thấy thế rút lui. Vừa lúc ấy, ở Gia-định xảy ra cuộc biến Đông-sơn, quân Gia-định không ra nữa, Châu Văn Tiếp lui giữ núi Trà-lang (ở Phú-yên), Nguyễn-phước-Du cũng lui.

Sau khi vua Tiêm là Trịnh Quốc Anh trả lại đất Hà-tiên cho Mạc Thiên Tứ, chúa Nguyễn và vua Tiêm lại giao hảo. Vì vậy năm Đinh-sửu (1777) sau khi Thái-Thượng vương bị Tây-sơn đánh thua ở Long-xuyên và bắt đem về Gia-định, Mạc Thiên Tứ chạy sang Tiêm-la lại vừa Nguyễn phước-Xuân cũng đến đó, đều được vua Tiêm hậu đãi và lưu ở lại. Năm Mậu-tuất (1778) Đại-nguyên-súy Nguyễn-phước Ánh thu phục được Gia-định, biết rằng việc giao thiệp với nước láng giềng này rất quan hệ, nên sai Cai-cơ Lưu-phước Trung sang Tiêm bàn việc giao hảo, và hỏi thăm tin tức Mạc Thiên Tứ, Nguyễn-phước Xuân. Năm canh-tý (1780) lên ngôi vương rồi, Nguyễn vương lại sai Cai-cơ Sâm 參 và Cai-cơ Tịnh 靜 (đều không rõ họ) sang Tiêm bàn việc

giao hảo. Lúc ấy, có thuyền buôn ở Tiêm từ Quảng-đông về, đến hải-phận Hà-tiên, bị Lưu-thủ Thăng 昇 (không rõ họ) giết người, đoạt của cải, vua Tiêm được tin giận lắm, bắt giam hai sứ-thần Việt. Bấy giờ có người Chân-lạp là Bô-ông-Giao gièm với vua Tiêm rằng Gia-định có gửi mật thư cho Mạc Thiên Tứ và Nguyễn-phước Xuân khiến làm nội ứng, mưu đánh kinh-đô Tiêm (1) Vua Tiêm nghi, bắt Mạc Thiên Tứ, Nguyễn-phước Xuân, Sâm, Tịnh và gia quyến của Mạc Thiên Tứ tra hỏi, rồi giết Xuân, Sâm, Tịnh và gia-quyến Mạc Thiên Tứ cả thảy 53 người, trong đó có con của Thiên Tứ là Tử Hoàng, Tử Thượng; Tử Duyên hết sức cải là chuyện vu cáo, cũng bị vua Tiêm đánh chết, Mạc Thiên Tứ uất hận, tự tử, bấy giờ trên 70 tuổi. Vua Tiêm lại dời tất cả người Việt cư ngụ ở Tiêm ra ở chỗ biên-giới xa-xôi.

Sau khi vua Chân-lạp là Nặc Vinh bị giết, Nặc-Ấn lên ngôi, còn nhỏ, quyền thần xâu xé lẫn nhau, vua Tiêm Trịnh Quốc Anh muốn thừa dịp thôn tính Chân-lạp. Năm tân-sửu (1781) vua sai hai tướng là Chất-tri (Chao Phaya Chakkri) và em là Sô-Si đem binh sang đánh Chân-lạp, Nặc-Ấn cầu cứu Việt-nam. Năm sau, nhâm-dần (1782) Nguyễn vương sai Chưởng-cơ Nguyễn Hữu Thụy 阮有瑞.

---

(1) Nhiều sách Pháp nói Bô-ông-giao do Tây-sơn sai thực hành kế ly-gián.

Và Hồ văn Lân 胡文璘 đem 3000 quân sang cứu, lên đóng ở La-Bích. Trong khi ấy, ở Vọng-các, Trịnh quốc Anh thình lình bị bệnh điên, bắt giam vợ con Chất-tri và Sô-si. Được tin, bọn Chất-tri giận lắm, đã không đánh với Nguyễn Hửu Thụy mà còn mời đến dinh để giao kết, bẻ mũi tên, thề nguyền phải cứu nhau lúc hoạn nạn, Nguyễn Hửu Thụy cũng đem ba bửu vật là cờ, dao và kiếm tặng Chất-tri. Vừa lúc ấy, ở Tiêm-la có loạn ở thành Cổ-lạc, Trịnh Quốc Anh sai Phi-nhả Oan-sản đi đánh, Oan-sản đảo qua, hợp với quân giặc đánh thành Vọng-các, Trịnh Quốc Anh trốn vào chùa, Oan-sản bắt giam lại rồi sai báo với Chất-tri, Chất-tri liền đem quân về, tự lập làm vua, xưng là Phật-vương (Rama I) phong em là Sô-si làm đệ nhị vương, và cháu là Ma-lặc làm đệ tam vương, giết Trịnh Quốc Anh (1782) và cho những người Việt bị dời ra ở biên viễn được trở về ở Vọng-các, cấp cho tiền gạo. Vì mối tình ấy mà Phật-vương và Nguyễn-vương giao hảo.

Hay tin Đỗ Thanh Nhân bị giết, vua Thái-đức mừng nói : « Thanh Nhân chết rồi, các tướng khác không đủ sợ nữa ». Năm nhâm-dần (1782) tháng 3 vua và Long-nhượng tướng quân Nguyễn văn Huệ cử đại binh vào đánh. Quân Tây-sơn vào cửa Cần-giờ, Nguyễn vương sai Tống-phước Thiêm dàn trận ở sông Ngả-bảy, phải thua. Cai cơ Mạn-hòa (tên là Manuel, một thanh-niên Pháp mà giám-mục Bá-đa-Lộc đã đem từ Pondichéry sang từ năm 1774 để giúp việc cho mình, và sau giới-thiệu cho Nguyễn vương dùng) chỉ huy một chiếc tàu Tây, cố sức đánh,

quân Tây-sơn ném hỏa khí đốt tàu, Mạn-hòa chết. Nguyễn vương đốc binh thuyền tiếp ứng, cũng thua, phải chạy đến Tam-phụ, Lử-phụ, Tứ-kỳ-giang (sông ngả-tư) rồi sang miền Hậu-giang. Nguyễn vương sai Nguyễn Hửu Thụy, Trần Xuân Trạch 陳春澤 cùng Cai-cơ Cao Phước Trí 高福智 đi đường Chân-lạp sang Tiêm cầu viện, không ngờ có một số người Chân-lạp ngầm giúp Tây-sơn, nên giết bọn Hửu Thụy. Nguyễn vương đến Rạch-giá, người Chân-lạp hợp 30 binh thuyền đuổi theo, nhờ 1 viên tướng của vương chặn đường sau mới đẩy lui được. Nguyễn vương đến Hà-tiên, rồi ra đảo Phú-quốc. Tây-sơn làm chủ Sài-côn, nhiều tướng Đông-sơn theo về. Nguyễn-phước Du từ Bình-thuận có đem quân vào cứu viện, các tướng khác như Nguyễn Kim Phẩm 阮金品 cũng có đánh phá được quân địch một trận, nhưng không làm gì xuể lực-lượng Tây-sơn.

Thấy sức phản kháng của Nguyễn-vương không còn, tháng 5, vua Thái-đức và Long-nhương tướng-quân dẫn binh về Qui-nhơn để hàng tướng Đông-sơn là Đổ Nhàn Trập 杜閑蟄 cùng Hộ-bộ Bá 伯 lãnh 3000 quân đóng đồn ở Bến-Nghé, giữ Gia-định. Châu Văn Tiếp từ Phú-yên cùng Thiếu-phó Nguyễn-phước Mân 阮文旻 (con thứ 5 của Hưng-tổ) giương cờ đề 4 chữ Lương-sơn tá quốc 梁山佐國 đem quân vào cứu, tháng 8 đánh lấy lại Sài-côn, rồi rước Nguyễn-vương về đó. Vương liền sai tập hợp thủy-binh, sửa đóng chiến-thuyền. Biết rằng Tây-sơn thua nhưng sang năm sẽ vào đánh,

mà mình thì quân yếu, lương ít, Nguyễn-vương sai chế hoa vàng, hoa bạc sai Cai-cơ Lê Phước Điển 黎福典 Tham-mưu Lê Phước Bình 黎福評 đem sang Tiêm kết hảo nhờ giúp đỡ khi hoãn cấp.

Năm qui-mảo (1783) tháng 2, Tiết-chế Nguyễn Văn Lữ và Long-nhương tướng-quân Nguyễn Văn Huệ vào đánh, binh thuyền Tây-sơn cũng từ cửa Cần-giờ mà lên. Quân Nguyễn vương thua, Nguyễn-phước Mân chết, Dương Công Trừng bị bắt. Châu Văn Tiếp rút lui. Nguyễn vương chạy về Tam-phụ. Các đạo quân liền tập hợp, đóng đồn ở Đồng-tuyên 仝宣, bấy giờ có một đạo quân người Chân-lạp, do Nguyễn Hoàng Đức điều khiển, Nguyễn văn Huệ được tin, đến đánh, giết, bắt nhiều tướng. Nguyễn vương phải chạy đến Lật-giang, rồi Mỹ-tho, lấy thuyền đưa quốc-mẫu và cung quyến ra trú ở đảo Phú-quốc. Khi Nguyễn vương đến hòn đảo Điệp-thạch (hòn Đá-chồng, thuộc Phú-quốc) thì quân Tây-sơn thình lình đến, Cai-cơ Lê Phước Điển lấy áo của vương mặc, ra đứng ở đầu thuyền, địch tưởng là vương, đổ xô đến bắt, vương nhân đó trốn thoát, nhưng Nguyễn-phước Điển 阮福典 (con thứ 6 của Hưng-tổ) và nhiều tướng khác bị bắt, giết. Nguyễn vương chạy đến đảo Cổ-long (Kok-rong) (1) Long-nhương tướng-quân dò biết được, tháng 7, sai Phò-mã Trương Văn Đa 張文多 đem chiến thuyền đến vây đảo này ba vòng (1) nhưng thình lình có gió lớn, mưa to,

(1) *T.L.T.B.* nói Nguyễn vương chạy đến đảo Côn-lôn, Trương

mây kéo đen nghịt, sóng lớn nổi dậy, chiến-thuyền Tây-sơn chìm đắm rất nhiều, nhờ đó, Nguyễn vương thoát vòng vây, chạy đến đảo Cổ-cốt rồi trở về Phú-quốc. Trong thời-gian ấy, lương hướng không có, binh sĩ phải hái cỏ, tìm củ mà ăn.

Dò biết Giám-mục Bá-đa-Lộc ở Chân-bôn (Chantaboun) Nguyễn vương sai người đi mời đến, và tỏ ý muốn nhờ Giám-mục sang nước Đại-Tây nhờ đưa binh sang giúp, giao con trưởng là Cảnh 景, bấy giờ mới 4 tuổi cho Giám-mục đem sang làm con tin, và sai Phó-Vệ-úy Phạm Văn Nhơn 范文仁, Cai-cơ Nguyễn Văn Liêm 阮文廉 đi theo. Cảnh đi rồi, Nguyễn vương cũng từ biệt gia-quyến đi nơi khác. Vương lấy một dật vàng (1) chẻ làm đôi, đưa một nửa cho bà phi, nói rằng : « con ta đi rồi, ta cũng đi, phi ở lại phụng dưỡng quốc-mẫu, chưa biết sẽ lại gặp nhau ở nơi nào và bao giờ, khi ấy sẽ lấy vật nầy làm tin. » (1)

Thấy vương đã kiệt quệ, tháng 8, Long-nhương

...Văn Đa đem quân vây đảo ba vòng. Nhưng chu-vi Côn-lôn rộng, quân đâu mà vây được ba vòng. Vậy Nguyễn vương chạy đến đảo Cổ-long thì đúng hơn (Theo Maybon trong Histoire moderne du pays d'aunam).

(1) dật là 24 lạng (có sách nói dật là 20 lạng) ; dật vàng này đến Minh-mạng năm đầu vua sai khắc trên đó : « đây là vật bà hậu của Đức Thế-tổ Cao-hoàng giữ làm tin trong lúc bá thiên năm quí mảo » và cất ở đền Phụng-thiên (T.L.T.B.)

tướng-quân Nguyễn văn Huệ, và Tiết chế Nguyễn Văn Lữ rút binh về Qui-nhơn, để phò-mã Trương Văn Đa, Chưởng-tiền Bảo 保 ở lại giữ Gia-định. Tháng 10, Nguyễn vương đến đảo Thổ-châu. Các tướng Hồ Văn Lân, Nguyễn-phước Hội, Lê Văn Quận còn chống với địch ở các nơi, nhưng đến đầu năm Giáp-thìn (1784) Trương Văn Đa đem binh đánh phá đồn Tân-hòa 新和, các tướng thua, chạy sang Tiêm-la.

Sau khi thua trận Bến-nghé (tháng 2 năm Quí-mão), Châu Văn Tiếp đã sang Tiêm xin quân cứu viện. Phật vương bằng lòng, khiến tiếp đi đường núi trở về báo tin. Tháng 2 năm Giáp-thìn (1784), vua Tiêm sai tướng là Thát-xỉ-đa đem thủy quân đến Hà-tiên để rước Nguyễn-vương sang Tiêm. Châu văn Tiếp cũng có mật thư gửi đến, nên Nguyễn vương đến Long-xuyên, cùng tướng Tiêm hội kiến, rồi cùng hơn 30 viên quan, mấy chục quân sĩ đi Tiêm, tháng 3 đến Vọng-các.

Tháng 6 Nguyễn vương trở về Gia-định, cùng 2 vạn thủy-quân và 300 chiến-thuyền của Tiêm giúp, do cháu vua là tướng Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương điều khiển. Châu Văn Tiếp được Nguyễn vương đặt làm Bình-tây đại Đô-đốc để điều bát các đạo quân. Tháng 7, quân Nguyễn-vương và quân Tiêm đánh lấy lại đạo Kiên-giang, phá được quân Tây-sơn ở Trấn-giang rồi thẳng đến Ba-thắc, Trà-ôn, Sa-đéc, chia quân đóng đồn. Trong trận đánh ở Sông Mân-thít, Châu Văn Tiếp bị thương rồi chết. Quân Tiêm thường cướp bóc dân chúng, làm nhiều điều tàn

ác, sau khi thắng trận lại ỷ công, không kềm chế được, khiến Nguyễn vương phải thất vọng. Trương văn Đa cáo cấp về Qui nhơn, tháng 12 năm giáp-thìn, Long-nhương tướng-quân đem binh thuyền vào cứu ứng. Long-nhương tướng-quân đến, đánh mấy trận đều không được, đã muốn đem binh về. May có viên quan của Nguyễn-vương hàng Tây-sơn là Lê Xuân Giác 黎春覺 hiến Long-nhương Tướng-quân một kế cho quân mạnh mai phục ở Sầm-giang 涔江 (Rạch Gầm) và Miệt-giang (rạch Xoài-mút thuộc Định-tường, ở trên Mỹ-tho) rồi dụ quân Tiêm đến, để đổ ra đánh. Huệ theo kế. Chiêu Tăng, Chiêu Sương vì không am hiểu địa thế, lại thắng luôn nên khinh lờn, đem binh tiến thẳng Mỹ-tho, bị phục binh Tây-sơn đổ ra đánh, lại có thủy, bộ binh yểm trợ, quân Tiêm thua to, chết nhiều, Chiêu-Tăng Chiêu-Sương chỉ thu tàn binh vài nghìn, chạy sang Chân-lạp trở về nước, quân của Nguyễn-vương cũng tan vỡ Nguyễn vương chạy về Trấn-giang. Biết không thể nhờ cậy quân Tiêm-la được, Nguyễn vương mới giục Giám-mục Bá-đa-lộc đưa con cả là Cảnh đi Pháp, bấy giờ là cuối năm giáp thìn. Nguyễn vương ra Thổ-châu, quân Tây-sơn đuổi theo, vương chạy đến Cổ-cốt. Ở đây, tháng 3 năm ất-tỵ (1785) Cai-cơ Trung đem binh thuyền Tiêm-la đưa sang rước vương trở sang Tiêm la, nhiều bầy tôi đi theo cùng 200 quân, 5 chiếc thuyền. Vương và đoàn tùng vong trú ở Long-kỳ (Tiêm gọi là Đồng khoai, ở ngoài thành Vọng-các).

Tháng tư năm ất tỵ, Nguyễn văn Huệ trở về Qui

nhơn, để Đô-úy Đặng Văn Trấn giữ Gia-định. Liền sau khi Nguyễn vương đến Vọng-các, Lê văn Quân cũng đem 600 quân sở-bộ đến, nhiều tướng sĩ khác cũng lục tục đến, một ngày một nhiều. Vương sai đi làm đồn điền để có lương thực cho quân, và ra hải-đảo đóng chiến-thuyền, hoặc lên về Gia-định mộ người nghĩa dũng. Và sai đưa quốc-mẫu và cung quyến sang Vọng-các. Tháng 5 năm bính ngọ (1786) Nguyễn Văn Huệ chiếm thành Phú-xuân, rồi tiến ra Thăng-long, dứt họ Trịnh. Vua Thái-đức nghi em, cũng gấp đường theo ra, rồi hai anh em trở về, phong Nguyễn Văn Huệ làm Bắc-bình vương, giữ Phú-xuân. Từ đó, hai anh em Tây-sơn bất hòa, lại dùng binh đánh nhau, không rảnh mà ngó đến phương Nam.

Tháng 9, ở Trấn-biên có Nguyễn Văn Nghĩa 阮文義 Nguyễn văn Tuyết 阮文雪 dựng cờ khởi nghĩa, đánh Tây sơn. Đồng thời, ở Phiên-trấn có Lê Công Trấn 黎公鎮 Phạm Điền 范佃 hợp quân mưu đánh úp Bến-nghé, nhưng mưu bị tiết lộ, bị Tây-sơn bắt được, giết.

Năm đinh-mùi (1787) bọn Giám-quốc Tống-phước Đạm 宋福淡 đến Vọng-các nói Đô-úy Tây-sơn giữ Gia-định là Đặng Văn Trấn 鄧文鎮 đã đem quân bộ thuộc về cứu Qui-nhơn, nội-bộ Tây-sơn chia rẽ, xin vương trở về tính việc khôi phục. Tháng 7 Nguyễn vương viết thư để lại tạ ơn vua Tiêm, rồi đương đêm đưa quốc-mẫu, cung quyến xuống thuyền trở về nước.

Bấy giờ Nguyễn Văn Lữ đã được phong là Đông-định vương 東定王, giữ Gia-định, Thái-bảo Phạm Văn Tham 范文參 phụ chính. Nguyễn-vương về Trúc-dử (Hòn-tre), Cổ-cốt, có người Tàu thuộc đảng Thiên-địa-hội là Hà Hỷ-Văn đem binh thuyền và 10 người bộ thuộc đến xin theo : Vương đến Long-xuyên, Chưởng-cơ của Tây-sơn giữ Long-xuyên là Nguyễn Văn Trương 阮文張 đem quân bản bộ qui phụ, vương trao cho chức Khâm-sai Chưởng-cơ. Nguyễn Văn Trương hạ đồn Trà-ôn của Tây-sơn. Nguyễn Văn Nghĩa cũng đem quân bản bộ tới đón, vương trao cho chức Chưởng-cơ. Vương tiến đến cửa Cần-giờ, nghĩa quân các nơi đến hưởng ứng rất nhiều. Đông-định vương nghe tin, đến lánh ở Lương-phụ 諒埠 (thuộc Trấn-biên) đắp lũy để ở. Nguyễn Vương lại dùng kế ly gián khiến Đông-định vương nghi ngờ Phạm Văn Tham, Đông-định vương chạy về Qui-nhơn. Phạm Văn Tham tiếp tục chống đánh.

Từ đó, vương và các tướng Lê Văn Quân, Hồ văn Lân, Nguyễn phước Hội 阮福會, Nguyễn Văn Trương, Tô Văn Đoài, Nguyễn-phước Huy 阮福暉, Nguyễn Đình Đắc, Nguyễn Văn Thành 阮文誠, Nguyễn Kế Nhuận 阮繼潤... lần lượt đi đánh dẹp quân Tây-sơn ở các nơi. Vương sai Nguyễn Văn Tồn 阮文存 chiêu mộ dân (Chân-lạp) ở Trà-vinh, Mân-thít được vài nghìn người, biên làm lính, đặt đồn gọi là đồn Tiêm-binh, theo quân đi đánh dẹp. Năm mậu-thân (1788) Võ-tánh 武性 một trong ba người mà thời ấy gọi là tam hùng đất Gia-định (Võ-tánh, Đỗ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp)

đem hơn vạn quân sở bộ đến theo Nguyễn vương, được trao chức Khâm-sai Tổng-nhung, Chưởng-cơ dinh tiền-phong, và gả công chúa Ngọc-du cho.

Năm mậu-thân, tháng 2 đặt quan công-đường ở Vĩnh-trấn ; tháng 4 đánh lấy đồn Trấn-định ; tháng 7 đặt quan công-đường dinh Trấn-định ; tháng 8 chiếm lại thành Gia-định, hạ lệnh bỏ luật của Tây-sơn, dụ bảo nhân dân yên ổn làm ăn ; dân đem hiến tiền, thóc, đồ đồng, gỗ ván để giúp quân-nhu, vương cho dân được miễn thuế dịch, đặt quan công-đường hai dinh Phiên-trấn và Trấn-biên. Mỗi dinh đặt một lưu-thủ, 1 Cai-bộ, 1 Ký-lục. Đầu năm kỷ-dậu (1789) bắt được Phạm Văn Tham ở Ba-thắc (1), từ đó đất Gia-định dẹp yên. Nhưng người Chân-lạp lại thỉnh-thoảng nổi dậy, đánh phá. Năm kỷ-dậu (1789), bọn tù-trưởng Miên ở Ba-thắc đem quân khuấy rối biên-thùy và đánh thành Trấn-di, tướng giữ thành là Tống-phước Khoa thua, vương phải sai Nguyễn-phước Hội, Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền đánh dẹp, đặt một đồn lớn ở Bãi-Xan, phía bắc cửa biển Mỹ-thanh để phòng giữ.

Bốn dinh ở Gia-định đã thu phục và đặt quan chức, Nguyễn vương lo chỉnh đốn việc cai trị, khuyến khích canh nông để giữ vững căn bản, tăng cường binh bị, luyện tập quân sĩ, để chờ ngày tiến ra Bắc.

Sau khi khắc phục, Gia-định, Nguyễn vương liền

(1) *Ba-thắc ở Châu-đốc, tức tỉnh An-giang sau này.*

xuống chỉ truyền quan dân ai có ý kiến về chính-trị, về binh-lương, về việc cấm trấp loạn tặc, thực hành như thế nào cho yên dân mà không khổ dân, hại dân, thì trình bày lên. Vương cũng đặt một hòm bỏ thư ở cửa khuyết, quân dân ai có điều oan khuất, hoặc bị người hãm hại, thì làm đơn bỏ vào hòm thư, sẽ được cứu xét ngay.

Vương sáng lập các chế-độ, sửa sang quan-chế, định binh-chính, lập triều nghi, ban chánh sóc, phác hoạch qui-mô vương-quốc. Bấy giờ đã có những người văn học như Lê Quang Định, 黎光定 Trịnh Hoài Đức 鄭懷德, Ngô Tùng Châu 吳從周, Ngô Nhân Tĩnh 吳仁靜... giúp việc, sau đó lại có Đặng Đức Siêu 鄧德超 (người Bình-định) Đặng Trần Thường 鄧陳常 (người Sơ-nam-hạ) là những người có học vấn vào theo ; hoặc ở trong quân, hoặc ở triều đình, họ đã cùng Nguyễn vương trù hoạch mưu lược, góp ý kiến về các công cuộc xây dựng xứ sở.

Ở chính-quyền trung-ương, đặt Công-đồng-thự 公同署 làm nơi hội nghị các quan văn, võ. Các chỉ truyền, sai phái, đều xưng là do Công-đồng, đóng ấn khắc bốn chữ « Thiêm ngôn doản hiệp » 僉言允協 (đều bàn hiệp ý nhau) mực đen. Lập Thị-thư-viện là văn-phòng của nhà vua, và các bộ Lại, Lễ, Hộ, Binh, Hình, Công, đặt chức Khởi-cư-chú ghi chép những lời nói, việc làm của vương. Năm canh-tuất (1790) đắp thành Gia-định (thành đắp theo kiểu bát quái, có tám cửa đều xây bằng đá ong (1) giữa là

(1) *Phía nam là cửa Càn-nguyên, và cửa Lý-minh, phía*

cung điện, bên tả dựng nhà Thái-miếu, sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt cục Chế-tạo, chung quanh là nhà tranh cho quân túc vệ ở, giữa sân dựng kỳ-đài ba tầng, trên làm tòa vọng đầu (1) bát giác, ban ngày kéo cờ, ban đêm kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân. Thành hình vuông, mỗi bề dài 131 trượng 2 thước, cao 13 thước, chân dày 7 trượng 5 thước, ngoài thành là hào, hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, có cầu treo bắc ngang. Chu vi ngoài thành là 794 trượng. Trong thành có 8 con đường ngang dọc. Ngoài thành là đường phố, chợ búa, dọc ngang la liệt, đều có thứ tự, hai bên đường đều có trồng cây). Theo tài liệu Pháp thì thành này xây theo lối Tây phương, chánh các sĩ-quan Pháp giúp việc Nguyễn vương lúc ấy là Olivier de Puymanel và Théodore Lebrun đã trình bày Nguyễn vương dự án xây thành này. Lại dựng gác Triêu-dương làm nơi ngự triều, điện Hậu-điện để phụng sự quốc mẫu, điện Phượng điện, điện Kim-hoa. Ngoài thành có nhà sứ-quán để tiếp sứ-thần các nước, sở hải-quan để thu thuế thuyền buôn, xưởng thủy-sư (từ bờ sông Tân-bình (sông Bến-nghé) đến bờ sông Bình-trị dài 3 dặm).

Từ cuối đời chúa Duệ tông, Đại-phố-châu (Biên-hòa

...bắc là cửa Khôn-hậu và cửa Khảm-hiểm, phía đông là cửa Chấn-hanh và cửa Cấn-chỉ, phía tây là cửa Tốn-thuận và cửa Đoài-duyệt.

(1) Đài để trông xa cũng như vọng lâu nhưng không có nóc.

ngày nay) đã bị Tây-sơn tàn phá (1), Hà-tiên cũng bị quân Tiêm-la đánh phá mấy lần, Hoa-thương ở hai nơi ấy phải rời bỏ, đến Bến-nghé là nơi quân nhà Nguyễn đóng, dân cư đông đúc, để được an ninh, và dễ làm ăn hơn. Vùng Sài-côn, tức Chợ lớn ngày nay, được chỉ định cho họ ở, lập phố xá buôn bán (2) Từ đó, Chợ-lớn ngày càng phồn thịnh, trở thành trung-tâm thương mãi của miền Nam. Năn nhâm-dần (1782), một tai họa xảy đến cho họ. Tháng ba năm ấy, vua Thái-đức đem quân vào đánh Gia-định, quân Nguyễn vương và thuộc tướng đạo quân Hòa-nghĩa là Trần Công Chương 陳公璋 chém Hộ-giá Tây-sơn là Phạm Ngạn 范彥 ở cầu Tham-lương, vua Thái-Đức nghe tin Ngạn chết, đau đớn như mất hai tay, cho rằng đạo quân Hòa-nghĩa là người Tàu, bèn sai bắt hết người Tàu không kể binh hay dân, hay người buôn bán, hơn 1 vạn người, đem giết hết và quăng xác xuống sông, hơn một tháng không ai dám ăn tôm cá, và uống nước sông.

Đất Gia-định vừa trải qua mấy năm binh cách, nhiễu-nhương, nhân dân xiêu tán, 4 dinh rừng rú, sông ngòi, đường sá nhiều ngã, bọn trộm cướp thường qua lại cướp bóc, việc đem lại an-ninh trật-tự phải được chăm

---

(1) *Xem lại mục « cách xâm lấn Thủy Chân-lạp và khai thác, mở mang đất Gia-định. »*

(2) *Theo Jean Bouchet trong sách Documents pour servir à l'histoire de Sàigon.*

lo trước hết. Nguyễn vương ra lệnh 4 dinh chiêu tập dân xiêu đạt, quan binh của Tây-sơn còn trốn tránh phải ghi tên vào hộ tịch, cho được cày ruộng làm ăn, ở các xã thôn cứ dân-số 40 người trở lên thì chọn đặt một Xã-trưởng. Sai biền-binh các dinh quân đặt đồn ở những nơi hiểm yếu, ngày đêm tuần phòng trộm cướp. Trộm, cướp đều bị tội chém, nếu là quan quân mà đi ăn cướp thì xử tội chém cùng cha mẹ và vợ con. Lại định lệ thưởng kẻ bắt được trộm, cướp và phạt những nhà chức trách không hết lòng truy nã trộm cướp ; nhân dân ai bắt được cướp không kỳ ít nhiều, được thưởng 100 quan, bắt được kẻ trộm thưởng 50 quan, bắt được kẻ cắp thưởng 25 quan, các quan có chức trách ở các dinh, nếu trong hạt mình có xảy ra vụ cướp mà trong hai tháng không bắt được thủ phạm để truy nã thu tang vật trả lại cho dân thì phải đền. Lại định lệ phòng hỏa và giữ an-ninh cho xã thôn : mỗi thôn phải đặt một điếm canh và dự bị những đồ cứu hỏa, tối lại dân trong thôn đều tụ hợp, chia phiên đi tuần, có nhà bị cháy, bị cướp hô hoán lên, phải giục nhau đi cứu, đi bắt cho được, nhà nào có bà con họ hàng đến thăm ở lại phải trình cho thôn-trưởng biết, đêm ấy có báo động, thì người ấy phải đến điếm canh trình-diện ; các quan võ có nhà riêng ở thôn ấp hễ nghe trong thôn có cướp phải đem quân lính của mình đến cứu, bắt kẻ gian, nếu không làm như vậy mà nhà mình và nhà người bị cướp ở gần dưới 10 thước thì phải đền của cải bị mất... Cấm dân quân (ngoài công vụ) mang binh-khí, cấm cờ bạc, phù thủy,

đồng bóng, cấm nấu rượu trong những năm mất mùa. Sau đó, cho tư nhân lãnh trưng nấu rượu, mỗi lò nấu phải nộp 200 quan tiền thuế, không ai được nấu lậu. Để dân gian mua vui, đặt ra 10 bạn hát gọi là « bạn du xuân » 遊春伴, mỗi bạn 15 người, giao cho một viên quan cai quản, đi các làng hát thuê, mỗi ban mỗi năm nạp tiền sưu 600 quan.

Chế độ về thuế điền, đầm ao, sai-dư vẫn theo như thời các chúa, phép duyệt tuyển vẫn thi hành (thấy năm quí-sửu (1793) thuế sai-dư tráng hạng nộp 2 quan 9 tiền, quân hạng nạp 2 quan 4 tiền 30 đồng, dân hạng 2 quan, lão hạng, tàn tật hạng 1 quan 6 tiền) Lập những nậu biệt nạp như nậu đầu rái, đầu trám, nậu mây, nậu đèn (trám) nậu sáp ong, nậu lá buôn, nậu buồm lá, dân sung vào các nậu ấy thì được miễn dao dịch, có nơi được miễn thuế thân, hàng năm phải nộp một số sản-vật. Ngoài ra trong những năm dùng binh, vì cớ quân-nhu không đủ, nhà nước còn thu thêm một món lúa gọi là « thị túc » 恃粟 hoặc thị nạp 恃納 (lúa trông cậy dân giúp nhà nước nuôi quân) bắt dân, quân và ruộng đất phải nộp (thấy năm nhâm-tý (1792) mỗi người phải nộp lúa thị túc từ 1 đến 5 phương ; năm kỷ-mùi (1799) ở Bình-định, Phú-yên mỗi mẫu ruộng phải nạp 17 thăng gạo thị nạp ; năm canh-thân (1800) ở Gia-định mỗi người phải nạp gạo thị nạp 2 phương, lão, tàn tật một nửa, ruộng mỗi mẫu 1 phương gạo, mỗi phương trị giá 7 tiền 30 đồng. Có những năm dùng binh, chi tiêu không đủ, nhà nước thu trước thuế năm tới.

Ở những phủ mà người Chân-lạp ở đông như Ba-thắc, Trà-vinh Nguyễn vương đặt người Chân-lạp làm quan để cai quản người Chân-lạp. Những vụ tranh chấp đất đai thường xảy ra giữa người Chân-lạp và người Việt ở lẫn lộn, nhất là ở dinh Vĩnh-trấn, miền Hậu-giang, ở Ba-thắc, Trà-vinh. Năm Tân-hợi (1791) vương ra lệnh cấm người Việt chiếm đất ruộng của người Chân-lạp, những nơi nào mà từ trước người Việt đã cày cấy thành điền thì cho giữ lại làm sản nghiệp, còn dư thì để cho người Chân-lạp, không được chiếm nữa. Năm mậu-ngọ (1798) sau những vụ kiện cáo của người Chân-lạp, vương sai quan đi khám, và định rằng hễ nơi nào người Chân-lạp có trồng cây rồi thì trả lại cho người Chân-lạp, đất hoang nhàn thì cho người Việt được lập vườn tược, chia vạch giới hạn. Người Chân-lạp có tục cho vay nặng lãi, lãi gấp ba bốn lần vốn, đến khi người mắc nợ không trả nổi thì người chủ nợ bắt vợ, con người ấy làm nô-lệ, Nguyễn vương đã ra lệnh cấm tục lệ ấy, chỉ cho một vốn một lãi, ai làm trái thì phải tội.

Đối với người Trung-quốc (1) ngụ trong xứ, mỗi dinh đặt một người Cai-phủ 該 府 và một Ký-phủ 記 府 để biên số dân; người Trung-quốc cũng đi lính, chịu các thứ

(1) *Bấy giờ gọi người Tàu là người Đường (Trung-quốc), và chia ra người Đường cũ tức là người Tàu đã đến ở đây lâu rồi, và người Đường mới hoặc người Thanh, tức người Tàu mới đến từ khi nhà Thanh làm chủ nước Tàu.*

thuế thân và lúa gạo thị nạp. Ở phủ Ba-thắc và phủ Trà-vinh là nơi nhân dân phức tạp, mỗi phủ đều đặt một người Hoa-kiều làm Tổng-phủ để cai quản người Hoa-kiều và trưng thu các thứ thuế.

Đất Gia-định phì nhiêu mà phần nhiều còn hoang vu, vừa rồi giặc giã, loạn lạc, nhiều nơi ruộng vườn bỏ phế, không có người cày. Việc khai thác, canh tác các đất đai ấy không chỉ cần cấp để nuôi dân nuôi binh lúc ấy, mà còn là nền tảng để cho xứ này mở mang và phát triển. Nguyễn vương đã đặc biệt lưu tâm đến vấn-đề ấy, thường xuống chỉ khuyên dân chăm nom làm ruộng, dùng nhiều biện-pháp để khích lệ, thúc giục, rồi luôn luôn nhắc nhở; có những năm đương dùng binh ở Bắc, cũng không quên nhắc Gia-định khuyến nông. Vương sai quan đi khắp các huyện, các làng, ấp thân hành khuyên bảo mọi người phải siêng năng cày cấy. Từ năm kỷ- dậu (1789) Vương đặt 12 quan Điền-tuấn 田畯, lấy các quan Hàn-lâm chế cáo là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Châu, Hoàng Minh Khánh 黃明慶 sung chức ấy. Các quan Điền-tuấn chia nhau đi trong 4 dinh Phiên trấn, Trấn-biên, Vĩnh-trấn, Trấn-định để khuyên bảo nhân dân từ phủ-binh đến hạng cùng cố, đều phải gắng sức làm ruộng, người nào không theo nghề nông thì đi lính. Đến mùa gặt, xét người nào cấy ruộng lầy thu được 100 thúng (mỗi thúng 24 bát) , cấy ruộng cao thu được 70 thúng trở lên, nếu là phủ-binh thì được miễn một năm tùng chinh, nếu là dân đinh thì miễn một năm dao dịch, không thu hoạch được số ấy thì không được

hưởng lệ miễn. Quan Điền-tuấn lại cho mộ dân các nơi đến làm ruộng, gọi là điền tốt 田 夫, cấp cho họ ruộng hoang, trâu cày và điền-khí, nếu không đủ dùng thì nhà nước cho vay, đến mùa gặt thì trả lại bằng lúa.

Nguyễn vương lại cho rằng phép đồn điền xưa là phép tốt, khiến các quan văn trình bày qui-thức để nhà nước theo mà thực hành. Rồi ra lệnh cho binh các đội Túc-trực và các vệ, thuyền dinh Trung-quân ra vở ruộng ở Thảo-câu (Vàm-cỏ), đặt tên là trại Đồn-điền, cấp cho ngưu canh, điền khí và các thứ lúa giống, bắp giống, đậu giống, đến ngày thu hoạch đem hết về kho (tức là kho Chứ-tích, sau đổi là kho Đồn-điền). Lại xuống lệnh cho các nha văn, võ mộ dân lập những đội, nậu đồn điền, mỗi người mỗi năm nạp sưu 6 hộc lúa, ai mộ được 10 người trở lên thì cho làm Cai-trại và rút tên ra khỏi sổ của thôn để khỏi chịu sai dịch. Những nơi nào có thể mở đồn điền được thì các cấp chỉ huy quân-sự cho quân sở bộ cày cấy, làm lấy mà ăn. Nhiều sở đồn điền được lập lên các nơi. Người Hoa-kiều ở đạo Long-xuyên ai muốn làm đồn-điền mà không đủ điền-khí thì nhà nước cho vay, mỗi năm nạp lúa sưu mỗi người 8 hộc, thuế thân xếp vào quân-hạng, giao-dịch được miễn, người nào không muốn làm đồn điền thì bắt thọ dịch, tùng chinh, để răn kẻ chơi bời, lười biếng. Người Chân-lạp, người Hoa-kiều ở hai phủ Ba-thắc và Trà-vinh cũng cho khẩn đất làm đồn điền.

Ngoài ra, ở các địa-phương, chính-quyền, tùy nơi, phát giống, cấp trâu cho dân cày cấy, nhân dân ai chăm làm ruộng thì được miễn dao dịch, kẻ du thủ du thực thì phải phục dịch, xã-trưởng phải theo dõi, phải biên vào số kẻ siêng, người lười, ẩn dấu thì có tội. Cấm giết trâu.

Chính nhờ những phương-pháp và khích-lệ ấy, mà đất Gia-định đã khai-thác, mở mang được nhiều.

Về binh bị phải tăng-cường quân-số, binh-khí, đề Bắc phạt, công-cuộc mà Nguyễn-vương sẽ theo đuổi trong 13 năm nữa. Ngoài số binh thường trực, Nguyễn-vương lập phủ-binh 府兵; lấy một nửa số tráng đinh các tổng, xã, thôn, sung vào, khi có việc thì làm binh, không việc thì về làm ruộng, mùa màng xong thì tập võ nghệ, ấy là theo chính sách «ngụ binh ư nông» vậy. Trong quân-đội bấy giờ có nhiều người Tàu, người Chân-lạp. Trong những năm đi đánh Bắc, có những binh «lạc tùng» 樂從 tức là tình nguyện, «chiến tâm» 戰心 (cảm tử). Lập sở Hoạn-dưỡng 豢養所 để chăm nuôi các binh sĩ bị thương, lập đền Hiển-trung 顯忠祠 ở Gia-định để thờ cúng các tướng sĩ đã bỏ mình từ trước cho đến khi thu phục Gia-định, đền Sinh-trung 旌忠祠 ở núi Hà-ra (Nha-trang) để thờ cúng tướng sĩ trận vong năm ất mão. Ban hành quân-chính, quân giới, định rõ kỷ-luật trong quân, răn cấm quân sĩ, ai cướp bóc, xâm phạm tài-sản của dân, hãm hiếp đàn bà con

gái, phải chém ngay, tướng lãnh dung túng cũng bị tội v.v...

Nguyễn vương cho rằng trong quân đội, tướng và binh phải hiểu tình ý nhau, nếu tướng không biết binh, không vỗ về, thì không khiến binh ra sức liều chết được. Vì đó, ai chiêu mộ nghĩa-binh, tổ chức thành cơ, vệ, đội binh lạc-tùng, thuộc-binh, thì trao cho quan chức để cầm binh ấy, và khi phát binh được đem theo. Chưởng quân các dinh đều cho giữ chức lâu, nếu có điều động đi nơi khác (như chức Chưởng-Hậu-quân điều sang chức Chưởng-Tiền quân) thì cũng cho quân ấy thuộc theo. Những tỳ tốt sở thuộc, ai ra trận có công, đều do quan Chưởng lãnh cất nhắc, rồi tâu lên sau.

Đất Gia-định có sông lớn, lại sông ngòi chằn-chịt, việc đánh Bắc cũng do đường biển, vì vậy Nguyễn-vương lục tục đóng rất nhiều thuyền, đủ hạng, nhất là chuyến-thuyền. Có thuyền hải-đạo là thuyền đi biển, thuyền đại-hiệu là thuyền lớn, chiến-thuyền thì hình-thức như thuyền buôn, nhưng không mui và nhỏ hơn, sai-thuyền là thuyền nhẹ để sai phái ; lại còn ô-thuyền sơn đen, chân thuyền sơn đỏ, lê-thuyền đầu đuôi có chạm vẽ, Lập xưởng thủy-sư từ bờ sông Tân-bình đến bờ sông Bình-trị dài hơn 3 dặm. Ở Sa-khê, (gần Mỹ-tho) ở Sadec cũng có mỗi nơi một xưởng thuyền. Từ năm mậu-ngọ (1798) có đóng thuyền lớn kiểu Tây-dương. Ở các cửa biển từ Nam ra Bắc như Cần-giờ, Đồng-tranh,

Vũng-tàu và các cửa biển ở Bình-thuận, Bình-khương đều có đặt đài hỏa-hiệu.

Năm kỷ-dậu (1789) hoàng-trưởng-tử là Cảnh ở Pháp về. Việc cầu viện nước Pháp không có kết quả, nhưng Giám-mục Bá-Đa-lộc đã mộ riêng một số người Âu-châu sang giúp Nguyễn-vương, cũng có người tự ý đến. Các người ấy, hầu hết là người Pháp, nguyên là sĩ-quan, hạ-sĩ quan, thủ các tàu buôn, hoặc thuộc thủy-quân Pháp, hoặc là hạng thanh-niên muốn toại chí phiêu lưu. Họ đã đem đến một yếu tố mới là kỷ-thuật, phương-tiện quân-sự Tây-phương, khiến cuộc chiến đấu của Nguyễn Vương dễ thu thắng lợi. Nguyễn Vương trao cho họ chức, tước, từ Cai-đội đến Chưởng-cơ, và tước hầu. Họ chỉ huy các tầu Tây (như Mzrie Dayot, Philippe Vannier, Guilloux, Laurent Barisy, De Forçant, Jean Baptiste Chaigneau...), hoặc luyện tập binh sĩ sắp đặt kế hoạch (như Olivier de Puymanel v. v...) đều tham dự trận mạc, hoặc xây dựng thành lũy (như Théodore Lebrun, Olivier de Puymanel), hoặc sai phái đi Macao, Manille, Djakarta, Goa, Malacca, Singapore bán sản phẩm, mua đạn dược, khí giới. Việc mua súng đạn Tây-phương ấy có khi khá lớn lao, như năm tân-hợi (1791) T. L. C. B. chép ; « Có người Bút-tu-kê (Portugol) tên là Chu-di-nô-nhi đến buôn bán, Nguyễn Vương gởi thư cho quốc-trưởng nước ấy mua binh-khí gồm 1 vạn súng điều-thương, 2000 cỗ súng gang, mỗi cỗ nặng 100 cân, 2000 viên đạn nổ đường kính 10 tấc. Trong trận đánh thành Qui-nhơn năm Quý-Sửu (1793), Nguyễn vương muốn dùng phép thả diều phóng lửa của Tây-phương, nhưng lại thôi, sau đó dùng hỏa xa đại-bác là

đại-bác của Tây-phương có bánh xe để di động; ấy là những phương-tiện mà trước kia không có.

Nguyễn Vương cũng khuyến khích việc học để có nhân tài mà dùng, học trò được miễn binh-dịch, đao-dịch, để lo học tập, đợi khoa thi. Ngày tế ở Văn miếu, Nguyễn-vương thân đến hành lễ (1). Năm tân-hợi (1791) mở khoa thi, lấy trúng cách 12 người; năm bính-thìn (1796), mở khoa thi lấy trúng cách 273 người. Thuyền buôn của Trung-quốc và các nước Á-châu, Tây-phương đã đến buôn bán đông ở Sài-côn. Đặt Tri-tàu-vụ và sở Hải-quan để thu thuế (năm kỷ-dậu, 1789, định thuyền Hải-nam phải nạp thuế cảng 650 quan, thuyền Triều-châu 1200 quan, thuyền Quảng-đông 3.300 quan, thuyền Phước-kiến 2400 quan, thuyền Thượng-hải 3.300 quan; ngoài ra phải có lễ biếu Cai-tàu và thượng tiến dâng Vương. (Năm canh-thân, thu thuế các thuyền buôn được 489.790 quan) Thuyền buôn có chở đến các món hàng có quan-hệ đến binh-dụng như chì, sắt, đồng, diêm tiêu, lưu-huỳnh thì phải bán cho nhà nước, không được bán cho tư-nhân, và thuyền nào chở đến 4 thứ đương cần dùng là sắt, gang, kẽm, lưu-huỳnh thì sẽ tùy theo hàng đem đến nhiều ít mà giảm thuế cảng, và cho mua gạo chở về nước. Từ năm bính-thìn (1796), định lệ thu thuế 5 phần trăm giá mua các sản-vật như ngà voi, sừng tê, sa-nhân,

---

(1) *Ở Gia-định bấy giờ có Văn-miếu ở Trấn-biên và Văn-miếu ở Trấn-định.*

đậu-khấu, mà các thuyền ngoại quốc mua của ta. Năm tân-dậu (1801) nước Hồng-mao sai đưa quốc-thư và biếu tặng phẩm, xin miễn thuế cảng cho thuyền buôn họ, Vương sai trả lời thuyền buôn Anh phải chịu thuế theo thể-lệ thuyền buôn Quảng-đông.

Về ngoại-giao, việc bang-giao với nước Tiêm-la quan-hệ hơn cả, vì bấy giờ Chân-lạp, Vạn-tượng đều thần-thuộc Tiêm, bị Tiêm chi phối, và cả ba nước, đất giáp với Việt-nam, đều có thể giúp đỡ hoặc gây khó khăn cho công cuộc chống đánh Tây-sơn của Nguyễn vương. Khó khăn là vấn-đề Chân-lạp, vì ở đây quyền lợi của Tiêm, Việt xung đột, trên đất Gia-định vừa mới lấy được của Chân-lạp, uy-quyền của Nguyễn-vương chưa vững mạnh, những tranh chấp giữa người Việt và Miên chưa chấm dứt. Nguyễn-vương đã khéo léo giao thiệp với Tiêm-la, và kết-qnả là ba nước đều có giúp đỡ ít nhiều trong công cuộc mình đeo đuổi.

Từ khi thu phục được Gia-định, Nguyễn vương thường sai sứ sang Tiêm thông hiếu, giao kết, tặng phẩm-vật, mỗi khi thắng trận cũng sai sứ báo tin mừng, và vua Tiêm cũng thường sai sứ sang đáp lễ, biếu tặng. Ở Chân-lạp, từ khi Nặc Ấn làm vua, còn nhỏ, các quyền-thần tranh giành, giết hại lẫn nhau, cuối cùng Chiêu-chùy-biện (1) thắng, lên làm phụ-chính. Người Đồ-bà đến đánh Chân-lạp, Chiêu-chùy-biện phải đưa Nặc Ấn sang lánh ở Vọng-

(1) *Sách Pháp gọi là Bên.*

các (1). Ở đây, năm 1794, vua Tiêm phong Nặc Ấn làm vua Chân-lạp, rồi sai quân đưa Nặc Ấn về Oudong, các tỉnh miền tây Chân-lạp (Battambang, Angkor, Mongkol, Borei, Sisophon và Khorat) sáp nhập Tiêm-la, Chiêu-chùy-biện được giữ tỉnh Battambang. Trong khi Nặc Ấn còn ở Tiêm, Nguyễn vương giao hảo với Tiêm, có yêu-cầu vua Tiêm cho Nặc Ấn về làm vua, nên về rồi Nặc Ấn sai sứ đến tạ ơn Nguyễn vương. Nguyễn vương vỗ về Nặc Ấn, rồi thường gởi biếu tặng phẩm, và Nặc Ấn cũng thường gửi phẩm vật sang hiến, nhưng phụ-chính Chiêu-chùy-biện thì khuynh về Tiêm-la, chống Việt-nam.

Mạc Thiên Tứ tự tử và các con là Tử-Hoàng, Tử Thượng, Tử Duyên bị giết ở Vọng-các thời vua Trịnh Quốc Anh, bấy giờ các con là Tử Sanh 子 洼 Tử Tuấn 子 浚, Tử Thiêm 子 添 và cháu là Công Bình 公 柄, Công Du 公 榆, Công Tài 公 材 (đều là con của Tử Hoàng) Công Thê 公 栖 (con Tử Thượng) còn nhỏ, có một đại-thần Tiêm-la là Kha-la-hâm thương tình nên cứu cho khỏi bị hại, rồi dời đi ở chốn xa. Năm nhâm-dần, Trịnh Quốc Anh bị giết, tướng Chất-tri lên ngôi vua (Phật-vương) mới đưa bọn Tử Sanh về Vọng-các cấp dưỡng. Năm giáp-thìn (1784) Nguyễn-vương sang Vọng-các, bọn ấy đến hầu, vương nghĩ tình con cháu công thần bị chết oan uổng, cho Mạc Tử Sanh làm Cai-cơ. Năm đinh-mùi (1787) Nguyễn-vương trở về

(1) *Các sách Pháp nói vì bè đảng của phe quyền thần chống Bên phản kháng, nên Bên phải đưa Ang En sang lánh ở Vọng-các.*

Gia-định, cho Tử Sanh làm Lưu-thủ Hà-tiên. Nhưng rồi Tử Sanh mất. Vua Tiêm đưa Mạc Công Bình về trấn giữ Hà-tiên, nhưng Nguyễn-vương chỉ cho Công Bình làm Cai-đội, Lưu-thủ đạo Long-xuyên. Vua Tiêm không bằng lòng, gửi thư trách Công Bình. Năm tân-hợi (1791), Nguyễn-vương để Công Bình về trấn-thủ Hà-tiên. Ý Phung-vương muốn đặt người quen biết ở những đất gần Tiêm, lại muốn giúp đỡ Chân-lạp, nước thần-thuộc của mình, nên đưa thư yêu cầu Nguyễn vương giao Long-xuyên, Kiên-giang cho Mạc Công Bình và trả phủ Ba-thắc lại cho Chân-lạp. Năm nhâm-tý (1792) vua Tiêm đưa thư nói sẽ đưa quân đi thượng-đạo đánh Tây-sơn ở Nghệ-an giúp Nguyễn vương, Nguyễn vương trả lời để giao hẹn, nhân đó phúc đáp những yêu-cầu của vua Tiêm : «Còn đất Long-xuyên, Kiên-giang, sau khi loạn lạc, dân vật tan tác, quân giặc dòm ngó miền Nam, đất ấy là nơi phải chịu binh đao, Mạc Công Bình còn nhỏ không thể cầm quân chống cự được, nên sai quan giữ đó, chứ không phải tiếc ; đất Ba-thắc không giao cho Chân-lạp là vì cớ phụ-chính Chiêu chùy-biện, nếu được người khác của Tiêm đến thì có tiếc gì ; những việc nhỏ nhen ấy xin vua đừng quan tâm, và bất tất phải nói đi nói lại nhiều cho phiền.» Mấy tháng sau, Nguyễn-vương trả phủ Ba-thắc cho Chân-lạp.

Năm quý-sửu (1793), trong lúc Nguyễn vương đánh Qui-nhơn, vua thứ hai Tiêm-la và Đại-tướng Chất-Tri đem 5 vạn quân đến Nam-vang, 500 chiến thuyền đến Hà-tiên, sai sứ-giả mang thư đến Gia-định xin đem

giúp Nguyễn vương. Gia-định đưa sứ-giả đến Qui-nhơn, nhưng bấy giờ đã đến mùa gió bấc, sắp rút quân về, nên Vương từ tạ, quân Tiêm rút về.

Năm giáp-dần (1794), Nguyễn vương đánh Thị-nại. Vua Cảnh-thịnh đem lễ vật sang Tiêm xin thông-hiếu, có ý dùng kế viễn giao cận công (1). Vừa có sứ-giả của Nguyễn-vương đến, vua Tiêm đem việc ấy nói cho biết và hẹn ngày cùng Nguyễn vương cất quân đánh Phú-xuân, quân Tiêm sẽ theo đường núi mà đánh mặt sau, quân Nguyễn vương do đường thủy đánh mặt trước, Phú xuân đã lấy được thì Qui-nhơn không đánh cũng vỡ. Tháng 12 năm ấy, Nguyễn vương sai quan Hậu-thủy dinh là Nguyễn Văn Nhàn, Hiệu-úy Nguyễn Văn Nhân sang Tiêm để hẹn ngày phát quân. Nhưng vừa lúc ấy, nước Tiêm có việc với Miến điện, nên không thực-hành lời hứa được.

Năm mậu-ngọ (1798), Tiêm-la bị Miến-điện đánh, sai sứ sang xin Nguyễn-vương giúp quân. Vương sai Chưởng Hữu-quân Nguyễn Hoàng Đức và Chưởng-cơ Nguyễn Văn Trương đem hơn 7000 thủy-quân và hơn 100 chiến thuyền sang viện trợ. Khi quân đến Côn-lôn thì được người Tiêm báo tin đã phá được quân Miến rồi, Vương sai Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Nhàn đem vài binh thuyền sang Tiêm nói chuyện, có lẽ việc hợp binh đánh Tây-sơn, còn thì rút về. Năm canh-thân

(1) *Viễn giao cận công : hòa xa đánh gần.*

(1800) Nguyễn-vương đi đánh Qui nhơn, vua Tiêm bảo Chân-lạp sai Ca-la-hâm đem 5000 quân và hơn 10 thớt voi đến quân-thứ đánh giúp.

Từ đời chúa Nguyễn Hy-tông đã đặt Ai-lao dinh ở Cam-lộ để giao-thông với các bộ-lạc ở tây bắc và nước Vạn-tượng đã nạp cống các chúa Nguyễn. Vua Quang-trung lên ngôi đế (1788) rồi, nước Miến-điện có sai sứ thông hiếu, còn Vạn-tượng không chịu nạp cống. Vì đó, năm tân-hợi (1791) Vua sai Đốc-trấn Nghệ- an là Trần Quang Diệu đem hơn 1 vạn binh sang đánh Vạn-tượng thu hết bửu vật trong nước đem về và để binh ở lại trấn giữ Vạn-tượng. Vạn-tượng thù Tây-sơn. Khi Nguyễn vương Phước Ánh lánh ở Vọng-các, Vua Vạn-tượng là Chiêu Ấn sang triều cống Tiêm-la, có đến thăm vương. Năm kỷ-mùi (1799) Nguyễn vương cử đại binh đánh Qui-nhơn, có sai Cai-cơ Nguyễn Văn Thụy, Cai-đội Lưu Phước Tường, cùng Tham-mưu Lê Văn Xuân đem 150 quân mang quốc-thư đi đường thượng đạo sang Vạn-tượng, yêu cầu hưởng ứng trong việc đánh Tây sơn ; Vua Tiêm cấp giấy thông hành cho phái bộ này. Chiêu Ấn nhận lời, và hứa hẽ quân Nguyễn vương đánh Thuận-hóa thì Vạn-tượng sẽ đánh Nghệ-an của Tây-sơn. Năm tân-hợi (1801) trong khi Nguyễn-vương đánh Thị-nại, Vạn-tượng sai sứ sang cống, dâng địa-đồ Nghệ-an và Phú-xuân và xin định kỳ hội quân. Sau khi thu phục Phú-xuân, tháng 8 năm ấy, Lưu Phước Tường đánh Nghệ-an, vua Vạn-tượng sai tướng là Phá-Nhã Khu-Bô đem hơn 4000 quân xuống đánh ở huyện Hương-sơn, huyện La-sơn, thu được ghe thuyền, súng ống, khí-giới

của Tây-sơn rất nhiều, lại đánh với Đô-đốc địch là Nguyễn Văn Hiện ở thành Lục-niên (thuộc huyện Thanh-chương), Hiện thua, chết, quân Tây-sơn đầu hàng.

Ngoài ba nước Tiêm-la, Chân-lạp, Vạn-tượng, có vài nước nhỏ ở Đông-nam Á có giao-thiệp với Nguyễn-vương mà T.L.T.B. có chép lại.

Năm canh-tuất (1790) nước Tam-hoạt sai sứ-thần là Giáp Tất-đang Điền-hòa đến hiến binh khí, Nguyễn vương gửi tặng quốc-trưởng nước ấy một cái tàng vàng và 1 vạn cân gạo. Năm mậu-ngọ (1798) nước Nhu-phật (tức Jahore) sai sứ là A-ba-cà-lạt đến dâng phương vật, Nguyễn-vương gửi tặng quốc-trưởng nước ấy gấm, nhiễu, lãnh.

Ở Gia-định, Nguyễn-vương chắc đã luôn luôn nhìn ra Bắc-hà và nhà Lê, vì ở đó, kẻ thù mình là Tây-sơn đương hoạt-động, và ở đây vẫn còn dùng niên-hiệu vua Lê. Vua Quang-trung đánh bại quân nhà Thanh, xưng đế, vua Lê Chiêu-thống chạy sang Tàu. Các biến-cố ấy không khỏi làm bận tâm Nguyễn-vương.

Mùa thu năm kỷ-dậu (1789) Nguyễn vương nghe tin quân Thanh sang giúp vua Lê đánh Tây-sơn, bèn sai sứ-thần là bọn Phan Văn Trọng 潘文仲, Lâm Đề 林提 đem thư sang Thanh và 50 vạn cân gạo giúp lương cho quân, chẳng may thuyền gặp bão, đắm, rồi không nghe tin tức gì nữa. Đến năm canh-tuất (1790), nghe tin nhà Thanh bị Tây-sơn đánh bại, đã không đánh lại mà lại phong vương cho Nguyễn Văn Huệ, nên Nguyễn-vương sai Cai-

cơ Nguyễn Đình Đắc 阮廷得 đi Bắc-hà dò tin tức vua Lê, nhân tiện chiêu dụ hào kiệt Bắc-hà.

Năm nhâm-tý (1792) xua Quang-trung băng, ở Bắc-hà nhiều nơi nổi dậy, tôn Lê Duy Vạn 黎維萬 (con vua Hiển-tông) làm minh-chủ. Duy Vạn sai bọn Cai-đội Chấn 振 7 người đem thư vào Nguyễn vương hẹn cử binh để trong ngoài ứng nhau, đánh Tây-sơn. Bọn Chấn đi đường thượng đạo sang Tiêm, vua Tiêm sai đưa sang Nguyễn vương, nhưng dọc đường bị giặc biển Chà-và bắt, đem bán ở Hạ-châu. Nguyễn vương được tin, nhờ một người Tây buôn bán là An-tôn-ngâm-bô chuộc về, rồi năm quý-sửu (1793) sai Cai-cơ Nguyễn Tiến Lương đưa sang Tiêm để bọn ấy đi đường thượng đạo về Bắc-hà.

Năm mậu-ngọ (1798), Lưu-trấn Diên-Khánh là Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường dâng sớ, đại khái nói rằng: « Hiện ta với Tây-sơn đối địch, không thể không dùng ngoại giao để cầu viện. Nhà Thanh từ khi bị Tây-sơn đánh bại, chắc cũng ngậm hờn để chờ cơ-hội. Nay vua Gia-khánh nối ngôi, buổi đầu đương hăng hái, không phải cái khí tượng đời Càn-long nữa. Nhà Thanh vốn lo giặc biển chưa có cách không chế, đã bảo Tây-sơn tìm bắt, nhưng nó lơ đi (1), vậy nhà Thanh không chỉ giận giặc biển mà giận đến Tây-sơn nữa. Vả lại Nam, Bắc xa xôi, nhà Thanh tưởng đâu Tây-sơn đã chiếm cả bờ cõi Nam-Việt, không ai đối đãi nổi, nên vẫn chưa định ngày xuất quân, hoặc giả đó cũng là một cớ. Từ khi quân ta thắng trận ở Đà Nẵng, bắt được nhiều

tàu-ô giặc biển. Bọn thần đề-nghị soạn một bài biểu, lấy mấy thuyền giặc tàu-ô đem dâng, ắt vua Thanh phải khen, nhận, không nỡ làm lơ. Nếu nhân đó được đến chầu tận nơi thì ta sẽ biện bạch phải trái. Một là nói rõ Tây-sơn xưng thần ở Trung-quốc mà xưng đế ở ngoài, đập vào chỗ kỵ của họ để gây hiềm khích ; hai là thăm hỏi vua Lê, ngầm thông tin tức, để cùng nài xin. Nếu nhà Thanh còn giữ được cái thói lễ nghĩa, liêm sỉ, thì họ không nỡ bỏ qua được ; nếu lấy nghĩa khích họ mà họ không động lòng thì cũng tỏ được danh tiết của ta, làm nổi tiếng văn-hiến, làm cho người ta kính sợ... » Và đề-nghị Đông-cung Thị-học là Ngô Nhân Tĩnh, Ký-lục Vĩnh-trấn là Phạm Thận 范愼 đề đi sứ. Nguyễn vương cho là phải, và sai Ngô Nhân Tĩnh làm Tham-tri bộ binh đem quốc-thư theo thuyền buôn người Tầu đi Quảng-đông. Đến nơi, được biết vua Lê đã mất, Ngô Nhân Tĩnh trở về.

Khi đất Gia-định vừa yên Nguyễn-vương liền nghĩ đến việc tiến quân ra Bắc. Năm canh-tuất (1790) tháng 4, Chưởng Tiền-quân là Lê Văn Quân xin đem quân lấy Bình-thuận, Nguyễn Văn Thành thì cho rằng đất Gia-định mới khôi phục, phòng thủ chưa chu-đáo, mà Bình-thuận là nơi tứ chiến, lấy tuy dễ mà giữ rất khó, chi bằng dưỡng uy, súc nhuệ để đợi thời-cơ. Nguyễn vương theo lời Lê Văn Quân, sai Võ Tánh đem binh thuyền đi trước, Nguyễn Văn Thành làm phó, đều do Lê Văn Quân tiết-chế. Quan quân tiến đánh được Phan-rý, thu phục Bình-thuận. Nhưng quân Tây-sơn đem thủy, bộ binh đến

đánh, quân Lê Văn Quân tan vỡ, tướng sĩ chết và bị thương rất nhiều, phải xin thêm binh đến cứu, rồi tháng 7, phải rút về. Sau đó, Lê Văn Quân tự tử. (1)

(1) *Lê Văn Quân, người Kiến-hưng, dinh Trấn-định (Định-tường), có sức mạnh, đánh giặc giỏi, người ta gọi là Dũng Nam công (người mạnh xứ Nam), ban đầu theo Châu Văn Tiếp khởi binh ở Trà-long, được Tiếp gả em gái cho, nàng này cũng biết việc binh. Năm tân-dậu, Tây-sơn vào đánh Gia-định, Đỗ Thanh Nhân ra Bình-thuận tuyên dụ tướng sĩ, quân theo Thanh Nhân về Gia-định, củ hợp nghĩa binh ở Tam-phụ, năm mậu-tuất, khắc phục Sài-côn. Sau khi Đỗ Thanh Nhân bị hại, quân Đông-sơn được chia làm 4 quân, Tiền quân trao cho Lê Văn Quân. Với quân ấy, ông đi đánh dẹp các nơi, lập được nhiều công ; lại hai lần theo Nguyễn vương ở Vọng-các, trải mọi gian hiểm ; trong cuộc khôi phục Gia-định, chiến công cũng nhiều, được phong là Khâm-sai, Bình-tây Đô-đốc Chưởng Tiền-quân dinh, quản lãnh tướng sĩ dinh Trấn-biên, tước Quận-công. Sau khi thua ở Bình-định, ông kéo quân về đóng giữ Hưng-phước, lấy việc thua ấy làm thẹn. Tháng 11 năm ấy, nghe tin nước Tiêm muốn gây hấn, Nguyễn-vương sai triệu ông, ông chần chờ không chịu đi, lại dâng biểu nói : « Ngày trước khi giặc rút lui Bình-thuận, quân ứng viện phần nhiều có cướp bóc, xin phái người đến dò xét. » Nguyễn vương cho là việc đã qua rồi, không cần phải dò xét nữa. Ông bèn xưng bệnh không về chầu. Nguyễn vương sai tướng khác thay ông, quản lãnh Tiền-quân đóng giữ Hưng-phước, và giao đình-thần nghị xử. Đình nghị Lê Văn Quân đáng tội chết. Nhưng Nguyễn vương chỉ cách chức ông, ông bực tức, về nhà, uống thuốc độc chết. Nguyễn vương vừa giận vừa tiếc, đến tận*

Ở Bình-thuận, còn trấn Thuận-thành và người Chiêm-thành. Nguyên sau khi phiên-vương là Kế bà-tử mất, Cai-cơ là Tá quản hạt công việc trấn Thuận-thành. Năm nhâm-dần (1782), Tây-sơn vào đánh, Tá đầu hàng, rồi đem bửu khí truyền quốc của Chiêm-thành nạp cho Tây-sơn. Đến năm mậu-thân (1788), Nguyễn-vương khắc-phục Gia-định, Cai-cơ Tá vẫn giữ Thuận thành, theo Tây-sơn chống cự lại. Năm canh-tuất (1790), Lê Văn Quân ra đánh Bình-thuận, con của cố Phiên-vương tên là Môn-lai-phò-tử đem quân theo Lê Văn Quân đánh Tây-sơn, quân Tây-sơn lui rồi, Quân xin cho Môn-lai Phò-tử mà ta đặt tên là Nguyễn Văn Chiêu 阮文昭 làm Khâm-sai Chưởng-cơ, quản hạt người Chiêm trấn Thuận-thành. Lại cho 1 viên quan Chiêm là Bô-Kha-đáo, đặt tên Việt là Nguyễn Văn Chấn, 阮文振, Thôn bá hú, đặt tên Việt là Nguyễn Văn Hào 阮文豪, đều làm Khâm-sai Thống-binh Cai-cơ. Năm nhâm-tý (1792) Nguyễn-

---

...nhà khóc thảm thiết, đánh vào quan tài 100 roi, cấp 8 mộ phu coi sóc mộ ông. T.L.T.B. chép tiếp : «... Nhưng là người bất học vô thuật, giữa vua tôi có khi thiếu lễ, thấy Võ Tánh là người tuổi trẻ mới tiến, một hàng với mình mà lại lấy công-chúa, lòng sinh bất bình, thường hay hiềm khích, có khi gần đánh nhau. Đến khi đánh giặc không công mà Tánh thì thu được thành tích, nên càng thêm hổ-thẹn và bực tức... Đời Minh-mạng, Nguyễn Đức Xuyên và Lê văn Duyệt xin truy lục công trạng, nhưng Lễ-bộ Thượng-thư Phạm Đăng Hưng kể bày các lỗi ấy, nên thôi.»

vương bàn với các tướng từ đây trở đi, hàng năm hễ mùa gió nồm thì thủy-quân tiến ra, bộ-binh đi từ Bình-thuận, Bình-khương, lần lượt đánh lấy được nơi nào thì đóng đồn giữ nơi ấy, rồi gió vẫn thì trở về; khi phát thì quân lính hợp hết, khi về thì tản ra làm ruộng; như vậy quân ta không vì đóng lâu mà mỏi, không vì ngồi mà ăn tốn, mà quân địch thì phải chạy vạy đối phó, thế phải yếu đi. Tháng 6 năm ấy, Nguyễn-vương cùng Nguyễn Văn Thành, Phạm văn Nhân, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Kế Nhuận đem binh thuyền ra đánh Thị-nại, bắt được ghe thuyền, khí-giới của Tây-sơn và của cướp biển tàu-ô liên kết với Tây-sơn rất nhiều, rồi rút về; từ ngày xuất quân đến ngày về chỉ hơn 10 ngày.

Tháng 7 năm ấy, vua Quang-trung băng, truyền ngôi cho con là Nguyễn Quang Toản, mới 10 tuổi. Quang Toản lên ngôi lấy niên-hiệu là Cảnh-thịnh, cậu là Bùi Đắc Tuyên làm Thái-sư, Quốc-công, nhiếp-chính.

Năm quý-sửu (1793) tháng 4 Nguyễn-vương cùng các tướng Võ Di nguy, Nguyễn Văn Trương, Võ Tánh, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, đem binh thuyền đi đánh Qui-nhơn, sai Nguyễn-phước Hội đem bộ binh đánh Phan-rý, Cai-cơ trấn Thuận-thành là Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Văn Hào, Chưởng-cơ đạo Ba-phủ là Cố đem quân người Man (1) theo thượng-đạo đến Phan-

(1) *Có lẽ gồm người Chiêm và người Mọi.*

rang để đợi bộ binh đến thì hưởng ứng tháng 5, binh thuyền của Vương lần lượt tiến đến các cửa biển Phan-rang, Nha-trang, Hòn-Khói Xuân-dài, và hễ binh thuyền đậu ở đâu thì trên bộ, quân bộ đánh các đồn của địch ở đấy. Lấy được phủ Diên-khánh, phủ Bình-khương, tướng sĩ Tây-sơn đầu hàng rất nhiều; Nguyễn phước Hội lấy được đồn Phan-rý, phủ Bình-thuận. Đặt các chức quan để cai-trị (Lưu-thủ, Cai-bộ, Ký-lục) hai dinh Bình-khương và Bình-thuận.

Ở Thuận-thành, Chưởng-cơ Nguyễn Văn Chiêu không chịu khuất phục, chống lại Nguyễn vương, cùng cận thần đã trốn lên cao-nguyên, Cai-cơ Nguyễn Văn Hào đã được thay thế để quản hạt người Chiêm. Trong dịp Nguyễn Phước Hội tiến đánh Phan-rí, Cai-cơ Tá theo Đô-đốc Tây-sơn là Hồ Văn Tự chạy lên miền thượng-đạo, Nguyễn Văn Hào đem quân đuổi theo, bắt được Tá, Vương sai xử tội rồi giết. Nhân đó Nguyễn-vương bỏ vương-hiệu Thuận-thành, thăng Nguyễn Văn Hào lên Chưởng-cơ, làm Chánh-trấn trấn Thuận-thành, Cai-cơ Nguyễn Văn Chấn làm Phó-trấn, cai-quản các quan Chiêm và các sách Mọi, chiêu tập dân về ở, mỗi năm nạp tô thuế, lệ thuộc dinh Bình-thuận (1)

---

(1) Hào mất, Chấn được làm Chánh-trấn, Cai-cơ Nguyễn Văn Điền làm Phó-trấn. Năm Minh-mạng thứ 3, Chấn mất, Vĩnh làm Trấn-thủ. Năm Minh-mạng thứ 10, Vĩnh mất, vua cho con Nguyễn Văn Chấn là Nguyễn Văn Thừa làm Phó-Trấn-thủ. Năm Minh-mạng thứ 13, nhân trên toàn quốc đặt tỉnh thay dinh, trấn,

Như vậy, Nguyễn vương đã làm chủ được các đất từ Qui-nhơn trở vào : Phú-yên, Bình-khương, Diên-khánh, Bình-thuận. Võ Tánh đánh đồn La-thai (La-hai) lấy được phủ Phú-yên. Thuyền Nguyễn vương tiến đến cửa Thị-nại đánh chiếm. Tháng 6, vua Thái-Đức sai con là Nguyễn Văn Bửu 阮文寶 đem quân chống cự, thua, Bửu lui

...Nguyễn Văn Thừa cũng phải xin « cải thổ qui lưu » (đổi chế độ thổ quan ra chế-độ lưu quan. Xưa kia các miền thượng du, quan cai-trị do tù-trưởng bản thổ thế tập, gọi là thổ-quan. Còn ở trung-châu thì do chính phủ bổ nhiệm gọi là lưu-quan); triều-đình bèn lấy đất Thuận-thành đặt làm phủ Ninh-thuận, gồm hai huyện là Tuy-định và Tuy-phong. Văn Thừa được trao hàm Quản-cơ, làm việc ở tỉnh Bình-thuận, và đốc suất thổ dân các tổng và các sách Mọi Trà-nương, trưng nạp thuế lệ. Năm Minh-mạng thứ 14, phong Văn Thừa làm Diên-ân bá, Vua lại sai lập miếu thờ các vua Chiêm-thành ở kinh-đô Huế và ở tỉnh Bình-thuận, mỗi năm xuân, thu cúng tế. Nhưng người dân Chiêm mất nước, khi gặp cơ-hội là đem chút hơi tàn gắng gượng nổi lên tranh đấu, để xoa dịu phần nào lòng tự ái dân-tộc Chế Bồng-Nga. Trong cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Gia-định từ năm 1831 đến 1834, Diên-ân Bá Nguyễn Văn Thừa có tham dự ; chính nhờ hậu-thuẫn của người Chiêm-thành mà Lê Văn Khôi đã chiếm được một phần đất đai ở Phan-thiết, Phan-rý, Phan-rang. Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi dẹp yên, việc ám thông của Diên ân Bá Nguyễn Văn Thừa với Lê Văn Khôi phát giác, viên tù-trưởng Chiêm cuối cùng này bị giết, nhân đó việc tế tự các vua Chiêm cũng tuyệt, và người Chiêm còn lại trên đất Bình-thuận, Ninh-thuận chia ra lệ thuộc các huyện. Nước Chiêm-thành dứt hẳn.

về giữ thành Qui nhơn. Quân Nguyễn-vương đánh hạ được nhiều đồn của Tây-sơn, thu được 35 đại-bác, 80 tuyền đi biển, và súng tay, khí-giới rất nhiều, nhiều tướng Tây-sơn đem quân đến hàng, Nguyễn-vương sai quân vây thành Qui-nhơn, nhưng đánh mãi không hạ được. Vua Thái-đức cáo cấp với Phú-xuân, vua Cảnh-thịnh sai Thái-úy Phạm Công Hưng 范公興, Hộ-giá Nguyễn Văn Huấn 阮文訓, Tư-lệ Lê Trung 黎忠, Tư-mã Ngô Văn Sở 吳文楚 đem 17000 quân, 80 thớt voi, đô-đốc Hố 嘑, Chưởng-cơ Thiêm 添 đem hơn 30 thuyền vào cứu viện. Trước đó, Nguyễn-vương đã sai Nguyễn Đức Thiện 阮德譱 đem quân giữ sông Trà-khúc (Quảng-ngãi) để điều-khiển quan binh ứng nghĩa trong hạt. Quân cứu viện của vua Cảnh-thịnh đến Trà-khúc thì đánh nhau với quân ấy. Vua Cảnh-thịnh phái thêm viện binh đi đường thượng đạo kéo vào, thế quân rất mạnh. Nguyễn-vương thấy chưa thể hạ được Qui-nhơn, rút quân về Gia-định. Trên đường về, qua Diên-khánh thấy đồn Hoa-bông 花凡 địa-thế tốt, công thủ đều tiện, Nguyễn-vương sai quân và 3000 dân Bình-thuận, 1000 dân Thuận-thành đắp thành, I tháng xong, gọi là thành Diên-khánh, (theo tài-liệu Pháp thì Olivier de Puymanel đã coi việc xây thành này.) tức tỉnh-lỵ Khánh-hòa sau này. Nguyễn vương tuy đã thu lại đất từ Phú-yên trở vào Bình-thuận, nhưng từ đó quân Tây-sơn vào ra chống đánh mãi, và các đất ấy sẽ làm bãi chiến trường, hai bên giành đi

(1) *T.L.C.B. chép là Nguyễn Văn Hưng.*

giật lại trong nhiều năm nữa. Thành Diên-khánh là nơi tích-trữ lương, tiền ở Gia-định, Bình-thuận chở ra để dùng cho quân-đội bắc-phạt, nên nhiều lần bị quân Tây-sơn vào vây, đánh.

Ở Qui-nhơn sau khi quân Nguyễn-vương rút lui, bọn Phạm Công Hưng vào thành, vua Thái-đức đem một mâm vàng, 1 mâm bạc để khao thưởng binh-sĩ. Phạm Công Hưng bèn tịch thu hết kho tàng và binh khí, rồi chiếm cứ Qui-nhơn, vua Thái-đức tức giận, thổ huyết mà chết. Vua Cảnh-thạnh phong Nguyễn Văn Bửu tước Hiếu-công, cắt huyện Phù-ly cho làm Thực-ấp, hiệu là Tiểu-triều 小朝. Bà Thái-hậu bảo Bửu : « Mở mang đất đai này là công của cha mầy, nay mày chỉ được ăn lộc 1 huyện, chịu nhục như thế, thà chết còn hơn.» Nguyễn Văn Bửu và Cảnh-thịnh từ đó bất hòa.

Năm giáp-dần (1794) tháng 4, tướng Tây-sơn là Nguyễn Văn Hưng đem bộ binh 4 vạn đánh Phú-yên, Trần Quang Diệu 陳光耀 đem thủy, bộ vào vây thành Diên-khánh, bấy giờ do Đông-cung Cảnh trấn giữ. Nguyễn vương cùng Nguyễn-phước Hội, Võ Tánh, Võ Di Nguy đem binh thuyền ra cứu viện, bọn Trần Quang Diệu nghe tin giải vây Diên-khánh, về Qui-nhơn, quân bộ lui về Phú-yên. Nguyễn-vương liền sai Đông-cung Cảnh và Nguyễn Văn Thành đem quân đuổi theo. Nguyễn vương tiến ra cửa Xuân-đài, (tháng 5) sai Võ tánh đánh quân Tây-sơn ở chợ Hội-an, quân Tây-sơn chạy về Thị-dả. Thuyền vương đến Thị-nại, sai Nguyễn-phước Hội đánh các đồn

của địch, thu được 40 cỗ đại-bác và nhiều khí-giới. Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhân đem binh thuyền đánh cửa biển An-dụ, thừa thắng tiến đến cửa biển Đại Cổ-lũy. Bộ-binh của Đông-cung từ thượng đạo đánh úp, phá được mấy đồn của địch, bắt được hơn 2000 quân địch, Nguyễn Văn Thành tiến lên, bị phục binh đánh, phải thua. Đã đến mùa gió to sóng lớn, Nguyễn-vương rút quân, sai Võ Tánh trấn giữ thành Diên-khánh, tháng 9 thì Vương về đến Gia-định. Đông-cung Cảnh, vì ở lâu biên thành đã được cho về Gia-định tháng trước.

Tháng 11 năm ấy, Tổng-quản Trần Quang Diệu và Tư-lệ Lê Trung lại đem quân vào đánh lấy Phú-yên, tháng 11 nhuận, Trần Quang Diệu đánh thành Diên-khánh là nơi chứa nhiều lương-thực và khí-cụ, Lê Trung vào đánh đồn Phan-rý, Nguyễn Hoàng Đức phải bỏ Phan-rý, lui về Phố-hài, Lê Trung lại vào đánh Phố-hài, quân Hoàng Đức thua, phải lui về Bà-rịa.

Năm ất-mão (1795) tháng 2, Nguyễn-vương đem quân cứu viện Diên-khánh, để Đông-cung Cảnh giữ Gia-định. Thuyền vương đậu ở cửa biển Cù-huân, sai các tướng đem bộ binh đi đánh, phá địch ở Phan-rý, Phan-rang và các nơi trong phủ Bình-khương và Phú-yên thu được những thắng lợi quan trọng. Nhưng đồn lũy vây Diên-khánh rất vững, Nguyễn-vương không phá được. Trong khi Trần Quang Diệu chống đánh với Nguyễn-vương ở Diên-khánh thì ở Phú-xuân, trong triều-đình Tây-sơn, các quan lớn giết hại lẫn nhau. Thái-sư Bùi Đắc Tuyên 裴

得 宣 tự chuyên, tác oai tác phúc, các quan nhiều người oán giận, Đắc Tuyên biếm Trung-thư-lệnh Trần Văn Kỷ 陳 文 紀 ra làm lính ở trạm Mỹ-xuyên, sai Ngô Văn Sở người phe mình ra Bắc-hà thay Võ Văn Dũng 武 文 勇 điều bát quân-sự Bắc-thành, và triệu Võ Văn Dũng về Phú-xuân, đến trạm Mỹ-xuyên gặp Trần Văn Kỷ, Kỷ nói với Dũng việc Bùi Đắc Tuyên chuyên chế, lộng quyền, và dặn Dũng nên tìm kế giết đi, nếu không sẽ có việc bất lợi cho xã-tắc. Về đến Phú-xuân, Võ Văn Dũng mưu với Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn (có nơi chép là Nguyễn Văn Hóa) đương đêm đem quân đến vây chùa Thiền-lâm là nơi Bùi Đắc Tuyên ở, chẳng ngờ hôm ấy Tuyên vào cung có việc và ở lại trong ấy, Dũng đem quân vào cung, vua Cảnh-thịnh phải bắt Tuyên giao cho, Dũng liền đem Tuyên bỏ ngục, Dũng lại sai Nguyễn Văn Huấn vây Qui-nhơn bắt Bùi Đắc Trụ, con của Tuyên, và đưa thư cho Nguyễn Quang Thùy 阮 光 垂 tiết-chế Bắc-hà bắt Ngô Văn Sở, đều giải về Phú-xuân, Dũng vu cho hai người ấy làm phản, đem dìm xuống sông giết đi. Trần Quang Diệu nghe các tin ấy, hoảng kinh, muốn bỏ về. Nguyễn vương biết vậy, nên gia tăng công kích, lại đặt quân chận các đường rút lui của địch. Tháng 7, Nguyễn vương đánh một trận quyết định ở Khổ-sơn, phá được nhiều đồn Tây-sơn, Trần Quang Diệu phải giải vây Diên-Khánh, theo đường núi chạy về Qui-nhơn, rồi về Phú-xuân, Nguyễn-vương chiếm lại Diên-Khánh, thu được voi, ngựa, khí giới của địch rất nhiều, hậu thưởng Võ

Tánh và binh sĩ đã giữ vững thành bị vây trong 9 tháng, để Chưởng Tiền-quân Nguyễn-phước Hội ở lại trấn thành Diên-khánh, cho Võ Tánh về Gia-định. Vương về Gia-định.

Võ Văn Dũng sợ Trần Quang Diệu sẽ gây ra việc gì chăng (vì Trần Quang Diệu là cháu rể Bùi Đắc tuyên, Bùi-thị Xuân là cháu nữ-điệt của Tuyên) nên ủy Phạm Công Hưng đi đón Diệu và điều đình mọi việc. Diệu về đến An-cựu, đóng binh ở phía nam sông, Dũng cùng bọn Nội-hầu Tứ đóng binh ở phía bắc sông, ỷ mạng vua, chống cự Diệu. Vua Cảnh-thịnh sai quan ra ủy-dụ, Diệu mới đem các tướng vào chầu, và cùng Dũng giảng hòa. Vua Cảnh-thịnh bèn cho Trần Quang Diệu làm Thiếu-phó, Nguyễn Văn Huấn làm Thiếu-bảo, Võ Văn Dũng làm Đại Tư-đồ, Nguyễn Văn Danh 阮文名 (có sách chép là Nguyễn Văn Tứ) làm Đại Tư-mã, gọi là tứ-trụ đại-thần. Sai Lê Trung vào thay Nguyễn Văn Huấn giữ Qui-nhơn. Nhưng chẳng bao lâu, vua Cảnh-thịnh nghe lời dèm pha, thu hết binh quyền của Trần Quang Diệu, chỉ để giữ chức tại triều mà thôi. Từ đó, thế-lực Tây-sơn mỗi ngày mỗi kém, vua còn nhỏ dại, không đủ uy-quyền để sai khiến các quan, các quan thì tìm cách giết hại lẫn nhau, thật là thuận tiện cho Nguyễn vương tiến ra đánh lấy các đất còn lại. Sau khi thu lại thành Diên-khánh, Nguyễn vương tha tô thuế năm ấy cho 2 phủ Bình-khương, Diên-khánh, tổ chức việc hành chính, đặt quan cai trị cho các dinh Bình-khương, Bình-thuận và trấn Thuận-thành. Năm bính-thìn (1796), vương đóng thêm 15 chiến thuyền lớn hiệu Gia tăng cường và sắp đặt lại

quân đội, triệu Nguyễn-phước Hội ở Diên-khánh về, sai Nguyễn Hoàng Đức ra thay.

Với lực lượng mới ấy năm đinh-tỵ (1797) tháng 4, Nguyễn-vương và Đông-cung Cảnh đi đánh Qui-nhơn, sai Chưởng Tiền-quân Nguyễn-phước Hội lưu trấn Gia-định. Vương đến cửa Thị-nại, đánh với Lê Trung, bắt được nhiều ghe thuyền, khí giới, nhưng thấy ở Qui-nhơn địch còn mạnh, chưa thể lấy được, vương bèn đem hơn 100 chiếc-thuyền ra Đà-nẵng, bao vây ngoài cảng, đánh, quân Tây-sơn chết và hàng nhiều. Vương sai Nguyễn Văn Trương đem quân đi ra phía Cu-đê, đến ải Hải-vân đóng đồn, Đông-cung Cảnh vào cửa Đại-chiêm, đánh chiếm dinh Quảng-nam, đánh quân Tây-sơn ở La-qua tan vỡ. Võ Tánh dẫn quân ra Đại-chiêm, gặp thuyền cướp biển tàu-ô đánh bắt được 30 chiếc, rồi đóng quận ở Hà-thân. Các tướng đóng đồn ở cửa Đại-chiêm, Phú-chiêm, Tam-thai. Nhưng rồi quân lương từ Gia-định chở ra bị ngược gió, không đến kịp, tháng 7, Nguyễn vương rút quân về.

Khi Nguyễn vương đánh ở Quảng-nam có sai người vào bảo Tiểu-triều Nguyễn Văn Bửu, nếu muốn rửa thù cho cha thì khi quân của Vương đến, Bửu sẽ giết Lê Trung để đầu hàng, Vương sẽ không vì cha mà làm tội con. Năm mậu-ngọ (1798) Lê Trung ở Qui-nhơn nghe nói Trần Quang Diệu cùng các tướng không hòa nhau, bèn đem bộ thuộc về Phú-xuân, để Uyên-thanh hầu (không rõ tên) giữ Qui-nhơn. Tiểu-triều Bửu bèn bắt

giam Uyên-thanh hầu, rồi chiếm thành Qui-nhơn, sai người phe mình là Đô-đốc Đoàn Văn Cát, Đô-đốc Nguyễn Văn Thiệu chiếm Hội-an, (thuộc Phú-yên), rồi đưa thư xin Nguyễn vương cho quân tiến đến, mình nguyện làm quân tiên phong. Nguyễn vương sai Nguyễn Văn Thành đem quân tiếp ứng. Nhưng quân Nguyễn Văn Thành chưa đến thì vua Cảnh-Thịnh đã đem quân vây Qui-nhơn, bắt Nguyễn Văn Bửu đưa về, cho uống thuốc độc giết chết, sai Đại Tổng-quản Lê Văn Thanh vào giữ Qui-nhơn. Có người nói với vua Cảnh-thịnh rằng trong việc biến loạn của Tiều-triều có Lê Trung dự mưu. Vua sai đòi Lệ Trung về, chém. Vua lại nghe lời Thượng-thư Hồ Công Diện vu, dèm, giết Thiếu-bảo Nguyễn Văn Huấn. Từ đó, các tướng ly tâm, lòng ai cũng nghi sợ.

Thấy nội tình Tây-sơn chia rẻ, suy yếu, Nguyễn Vương muốn thừa cơ-hội đánh một trận quyết định, và muốn được vậy, phải nhờ sự giúp đỡ của các nước láng giềng. Tháng 2 năm kỷ-mùi (1799) Vương sai Khâm-sai Thống-binh Cai-cơ Nguyễn Văn Thụy 阮文瑞 và Khâm sai Cai-đội Lưu Phước Tường 劉福祥 đem quốc-thư sang Tiêm nói rõ tình-trạng Tây-sơn, và yêu cầu cho một Đại-tướng Tiêm điều động quân Chân-lạp và quân Vạn-tượng đi thượng đạo xuống Nghệ-an giúp thanh thế, Tây-sơn trước mặt sau lưng đều bị đánh để mình có thể thu lại đất cũ. Vua Tiêm bằng lòng, truyền hịch cho dân ở thượng đạo dự bị quân và voi để chờ lệnh, sau đó vua Tiêm lại cấp giấy thông hành cho

Nguyễn Văn Thụy đi Vạn-tượng để giao ước ngày xuất quân với vua nước ấy. Tháng 3, sau khi ban bản quân-chính nêu rõ những điều ngăn cấm quân-sĩ trong lúc hành-quân, lâm trận, Nguyễn vương đi đánh Qui-nhơn, sai Đông-cung Cảnh hiện trấn giữ Diên-khánh đi theo, Lưu Khâm-sai Cai-đội hoàng-tử thứ hai là Hy giữ Gia-định. Tháng 4 thuyền Vương đến vũng Cù-huân, sai Nguyễn Văn Thành đem quân cùng quân Tiêm (1) tiến lấy lại Phú-yên. Thuyền Vương vào cửa Thị-nại, các tướng Võ Tánh, Nguyễn Hoàng Đức đánh thắng quân địch ở nhiều nơi. Nghe tin Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng đem quân vào cứu, Vương sai Lê Văn Duyệt, Nguyễn Đức Thiện đem quân đến Tân-quan (2) đóng giữ các đường hiểm yếu để chận viện binh của địch, và sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh đi tuần trên hải-phận Quảng-ngãi. Trong thời-gian này, Đại Đô-đốc Tây-sơn là Lê Chất 黎質, con rể Lê Trung, là một tướng đánh trận giỏi có tiếng, đã nhiều lần lập được chiến công, sau khi Lê Trung bị hại, sợ tai họa đến mình, đem bộ thuộc đến quân Võ Tánh xin theo Nguyễn vương.

---

(1) Không thấy nói nước Tiêm có cho quân sang giúp Nguyễn vương. Quân Tiêm đây có nghĩa là người Chân-lạp mà Nguyễn Văn Tồn đã chiêu mộ và lập đồn, gọi là đồn Tiêm-binh nói trước kia chăng ?

(2) Tức Tam-quan, ở ngoài Bồng-sơn, thuộc tỉnh Bình-định ngày nay.

Nhiều tướng Tây-sơn khác kế tiếp đến hàng, Nguyễn-vương đều sai chiêu tập quân củ để đi đánh dẹp. Trong khi quân của mình tiến sát thành Qui-nhơn, Nguyễn Vương tiến đóng ở Tân-quan, sai các tướng đi đánh các đồn của địch ở các nơi. Ở mặt biển, chiến thuyền của Vương cũng đánh được thủy-binh Tây-sơn, phá được Thống-binh giặc biển tàu-ô là Phan Văn Tài. Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng vào đến Quảng-ngãi, gặp quân Nguyễn vương phòng thủ từ đó trở vào, có lần toan đánh úp, nhưng bị đuổi, nên không liên lạc được với Qui-nhơn.

Đại Tổng-quản Tây-sơn là Lê Văn Thanh 黎文清 giữ thành Qui-nhơn, thấy trong thành đã hết lương mà quân cứu viện không đến, tháng 6, cùng Thượng-thư Binh-bộ Nguyễn Đại Phác 阮大樸, Thiếu-úy 張進翠 Trương Tiến Thủy, xin nạp thành đầu hàng. Nguyễn vương vào thành. Lê Văn Thanh đem tướng, tốt, I vạn 300 người ra hàng. Nguyễn vương tuyên chỉ yên ủi, và cấp cho 5000 quan tiền, đổi tên thành là Bình-định. Vua Cảnh-thịnh nghe tin Qui-nhơn mất, đem đại binh vào cứu, đóng ở Trà-khúc, nhưng bấy giờ gió ngược, thuyền đi vào không tiện, Dũng, Diệu khuyên vua trở về Thuận-hóa. Tháng 8, Nguyễn vương sai Chưởng Hậu-quân Võ Tánh thống lãnh bản dinh và tướng sĩ nhiều vệ, đội khác, cùng I vạn quân Tiêm (1) hiệp cùng Lễ-bộ Ngô Tùng Châu ở giữ thành Bình-định ; Nguyễn-vương rút quân về

---

(1) Không thấy nói Tiêm-la đưa quân sang, quân nói đây là quân của Chân-lạp chăng ?

tháng 10 thì đến Gia-định. Trong trận đánh Qui-nhơn vừa rồi, Giám-mục Bá-đa-lộc theo giúp việc quân, bị bệnh mất, được tặng Thái-tử Thái-phó Bi-nhu quận-công. Tháng giêng năm sau, canh-thân 1800, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng vào vây thành Bình-định, thế quân rất mạnh. Võ Văn Dũng dùng hai thuyền Đại-hiệu (thuyền lớn) hơn 100 chiến-thuyền, chặn ngang cửa biển Thị-nại, lại dựng đồn trên núi và bãi hai bên cửa biển để phòng thủ. Trong khi ấy hàng tướng Tây-sơn là phạm Văn Điểm chiếm giữ Phú-yên, giao-thông với Diệu, Dũng. Tháng 3, Nguyễn vương đem đại-binh ra cứu viện, lưu Đông-cung Cảnh trấn giữ Gia-định. Thuyền vương đến cửa biển Cù-huân, sai hoàng-tử thứ hai là Hy lưu trấn Diên-khánh thay Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Tánh, Đặng Trần Thường, để các tướng này cùng Nguyễn Đức Xuyên ra đánh Phú-yên. Trần Quang Diệu nghe tin, sai đem thêm quân vào Phú-yên hợp với Phạm Văn Điểm đóng giữ các đồn Hội-an, La-thai (La-hai). Thuyền Vương tiến đến Tích-áo (Vũng tích, thuộc Phú-yên) sai Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất, Nguyễn Đình Đắc, Trương Tiến Bảo, chia quân đi đánh, lấy được đồn Hội-an, La-thai, đặt quan lại quan chức dinh Phú-yên.

Trong thời-gian này (tháng 6), Cai-cơ Nguyễn Văn Thụy và Cai-đội Lưu Phước Tường đem quân sở bộ và quân Vạn-tượng đánh Tây-sơn ở Nghệ-an, thổ-tù thượng-du Thanh-hóa là Hà Công Thái, thổ ty Hưng-hóa là Phan Bá Phụng dấy binh hưởng ứng. Chân-lạp cũng sai

Cao-la-hâm đem 5000 quân, 10 thớt voi đến giúp ở đồn Hội-an, Nguyễn vương giao cho Nguyễn Văn Thành điều-khiển. Thuyền Nguyễn vương đậu ở cửa biển Cù-mông, sai Nguyễn Văn Thành đem quân tiến ra đóng ở Thị-dã, cùng quân Tây-sơn giao chiến các nơi. Quân Tây-sơn đóng nhiều ở đồn Chủ-sơn, Nguyễn Văn Thành đánh mãi không được, tướng sĩ chết nhiều. Hai bên cầm cự nhau đến hết năm canh-thân mà quân Nguyễn vương không tiến được đến thành Bình-định.

Tháng giêng năm tân-dậu (1801) Nguyễn-vương cùng Nguyễn Văn Trương, Tống Phước Lương, Võ Di Nguy, Lê Văn Duyệt dùng chiến cụ hỏa công đánh chiếm Thị-nại, cho thuyền nhỏ lẻn đến đốt đồn thủy Tây-sơn, rồi Lê Văn Duyệt đốc quân xông lên, dùng đuốc hỏa chiến thừa chiều gió phóng ra đánh thuyền Đại-hiệu của địch, quân địch tan vỡ, Võ Văn Dũng chạy, quân Nguyễn vương chiếm được cửa biển Thị-nại, Võ Di Nguy chết trong trận này.

Lấy được Thị-nại, nhưng thấy quân Tây-sơn vây thành Bình-định còn mạnh, không thể đánh phá được, tháng 2 Nguyễn-vương sai Nguyễn Văn Trương điều bát thủy quân ra đánh Quảng-ngãi, Quảng-nam ; Nguyễn Văn Chấn (Vannier) Nguyễn Văn Thắng (Chaigneau) Lê Văn Lăng (de Forçant) điều khiển các tàu Long-phi, Phượng-phi, Băng-phi đều thuộc quyền Nguyễn Văn Trương. Tháng ấy, Đông-cung nguyên-súy quận-công Cảnh bị bệnh đậu mùa mất ở Gia-định, thọ 22 tuổi.

Nguyễn Văn Trương vào cửa biển Cổ-lũy, đốt kho Trà-khúc, rồi tháng 3, vào cửa Đại-chiêm, lấy dinh Quảng nam, đánh úp Đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn Văn Xuân ở La-qua, thu được 80 cỗ đại bác và voi, khí-giới, lương tiền rất nhiều, Đô-đốc Hoàng Văn Tự bắt được 24 thớt voi của địch. Tháng 4, hoàng-tử thứ hai là Cai-đội Hy mất trong quân, thọ 20 tuổi. Nguyễn-vương thất thành Bình-định lương-thực gần hết mà thế chưa thể giải vây được, bèn sai người mang thư lặn nước lẻn vào trong thành, bảo Võ Tánh tìm đường thoát ra, nhưng Võ Tánh xin giữ đến cùng để Nguyễn vương nhân đấy đánh lấy Phú-xuân. Tháng 4, Nguyễn vương lưu Nguyễn Văn Thành ở lại điều-bát bộ-binh cầm cự với Diệu, Dũng, Nguyễn Hoàng Đức quản lãnh binh thuyền giữ cửa Thị-nại, rồi đem thủy quân đến cù-lao Chàm ra Đà-nẵng, chia sai các tướng : Nguyễn Văn Trương, Phạm Văn Nhân đem binh thuyền ra cửa Eo (cửa Thuận-an), Hoàng Văn Tự, Bạch Văn Đoài đem bộ-binh và voi theo đường bộ Cu-đê mà ra; còn Vương đi thuyền ra đóng ở vũng Chu-mãi. (1)

Tháng 5 ngày mùng 1, binh Nguyễn vương vào cửa Tư-dung. Tướng Tây-sơn là Phò-mã Nguyễn Văn Trị 阮文治 và Đô-đốc Trần Văn Tạ 陳文謝 giữ núi Qui-sơn (núi Linh-thái ngày nay) đã đóng cọc gỗ ở cửa biển để ngăn chặn. Quân của Lê Văn Duyệt và Lê Chất đến đánh, bị quân Tây-sơn trên cao bắn đại bác xuống, giết chết rất nhiều, suốt ngày không vào được. Tối lại, Lê Văn Duyệt

(1) *Tức Chân-may (Chau may).*

sai đội mấy chục chiến thuyền vượt qua bãi cát vào phá Hà-trung phía sau lưng địch, lại sai quân ra cửa biển nhổ cọc gỗ mà tiến vào. Quân Tây-sơn tan vỡ, Nguyễn vương đem các quân tiến đến bến đò Trừng-hà, Lê Văn Duyệt bắt được Nguyễn Văn Trị và Đô-đốc Phan Văn Sách 潘文策 rồi vào cửa Eo. Vua Cảnh-thịnh đem quân ra cửa Eo chống giữ, thua, chạy ra Bắc. Ngày mùng 3 tháng 5, Nguyễn-vương đem binh vào thành Phú-xuân,

o
o o

Mục-lục

LỊCH-SỬ XỨ ĐÀNG-TRONG : (1558-1777)

CHƯƠNG NHẤT :

Thuận, Quảng trước khi Nguyễn Hoàng trấn thủ

(I). THỜI BẮC-THUỘC

I.— Người Chàm lập quốc. 15

2.— Những cuộc lượt đoạt và sát hại giữa người Trung-quốc đô hộ và người Chàm Bắc-tiến . 15

(II). THỜI ĐẠI-VIỆT ĐỘC LẬP

1.— Quốc-gia và nhân dân Chiêm-thành. 35

2.— Những cuộc chiến-tranh giành đất đai giữa người Chàm và người Việt. . . . . .

Thời Lê Đại-hành. . . . : 41

Thời Lý. 45

Thời Trần 64

Thời Minh-thuộc 92

Thời Lê 94

CHƯƠNG NHÌ:

Các Chúa Nguyễn.

I.— Tiên Tổ các chúa Nguyễn. 131

II.— Thái-tổ Nguyễn Hoàng 135

III.— Hy-tông Nguyễn-phước Nguyên 165

IV.— Thần-tông Nguyễn-phước Lan. 190

V.— Thái-tông Nguyễn-phước Tần. 199

VI.— Anh-tông Nguyễn-phước Trăn. 214

VII.— Hiền-tông Nguyễn-phước Chu. 216

VIII.— Túc-tông Nguyễn-phước Trú 230

IX.— Thế-tông Nguyễn-phước Khoát 233

X.— Duệ-tông Nguyễn-phước Thuần 248

PHỤ: Công việc chính-quyền Lê Trịnh làm ở Thuận-hóa (1774-1786). Tây-sơn đánh chiếm Thuận-hóa 300

CHƯƠNG BA:

Công việc các chúa Nguyễn làm ở Nam-hà.

(I). BẮC CỰ

(Chiến-tranh với họ Trịnh)

1.— Nguyên-do 312

2.— Lực lượng Trịnh, Nguyễn. 318

3.— Các công-trình phòng thủ. 321

4.— Chiến-tranh năm đinh-mão (1627) 327
5.— Chiến-tranh năm quý-dậu (1633). 328
6.— Chiến-tranh năm quý-mùi (1643). 329
7.— Chiến-tranh năm mậu-tý (1648) 330
8.— Chiến-tranh năm ất-mùi (1655) — canh-tý (1660). Quân Nguyễn chiếm cứ 7 huyện Nghệ-an, quân Trịnh lấy lại. 333
9.— Chiến-tranh năm tân-sửu (1661) — nhâm-dần (1662) 367
10.— Chiến-tranh năm nhâm-tý (1672). 370

(II). NAM TIẾN

1.— Lấy hết đất Chiêm-thành. 385
2.— Lấn đất Chân-lạp. Mở đất Gia-định. . . . 393
a.) Quốc-gia và nhân-dân Chân-lạp. . . 393
b.) Chúa Nguyễn gây ảnh-hưởng trên đất Chân-lạp 400
c.) Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên mở mang đất Mỹ-tho, Biên-hòa . 407
d.) Lập dinh Trấn-biên, (Biên-hòa) và dinh Phiên-trấn, thuộc phủ Gia-định (1698) . . 416
e.) Mạc Cửu mở đất Hà-tiên 422
f.) Đặt châu Định-viễn. Lập dinh Long-hồ (Vĩnh-long.— 1732) 430
g.) Lập đạo Đông-khẩu ở Sa-đéc, đạo

Tân-châu ở Tiền-giang, đạo Châu-đốc ở Hậu-giang, đạo Kiên-giang, đạo Long-xuyên (1757), đạo Trường-đồn (Mỹ-tho, 1772) 440

h.) Cách xâm lấn Thủy-chân-lạp và khai-thác, mở mang đất Gia-định 451

(III). TỔ CHỨC CHÍNH-QUYỀN. CÁC CHẾ-ĐỘ

Khu-vực hành-chính. Quan-chức 461

Quân-điền 467

Binh-bị 468

Phép duyệt-tuyển. Thuế-đinh và các thuế phụ . . 481

Thuế điền, các thứ thuế đầu nguồn, tuần-ty, đầm, hồ, chợ, đò, vàng, bạc, muối, sắt 488

Thi cử. 500

Tiền tệ 503

Đong lường 508

Pháp-luật. 508

Đối với các bộ-lạc thượng 510

Ngoại-giao 518

a) Giao-thiệp với Tiêm-la. 518

b) Giao-thiệp với Trung-quốc. 522

c) Giao-thiệp với Nhật-bản 525

Giao-thương với các nước Đông-Á và Âu-châu. . 528

a) Giao-thương với các nước Đông-Á . . 528
b) Giao-thương với Âu-châu 542
Thiên-chúa-giáo truyền vào 574

CHƯƠNG TƯ :

Sinh-hoạt của nhân-dân.

I.— Kinh-tế. Canh-nông. Thương-mải. Tiểu-công-nghệ 600
II.— Xã-hội. Phong-tục 610
III.— Văn-hóa : 621
1.) Văn-học. 621
2.) Tông-giáo 631
3.) Nhạc, ca kịch 634
Phụ : Nguyễn-vương Phước Ánh kinh-dinh ở Gia-định 637

Đính - chánh

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
12	2	Nam-kỳ sử-ký	Nam-kỳ sự-ký
	25	B.A.V.M.	B.A.V.H.
16	29	der pays	des pays
17	15	居 風 (1)	居 風 (2)
21	24	người Giao-châu	người Dương-châu
24	24	阮 裴	阮 斐
26	19	爾	咄
33	20	(hoặc Jhdra-	(hoặc Indra-
52	6	khác với V.S.L.T.T.	khác với Việt-sử-lược.T.T.
62	14	thức vậy	thức dậy
74	10	Đại-trị thứ 10	Đại-trị thứ 11
78	24	xét kỷ lại. «	xét kỷ lại. »
83	28	Long-chánh	Lang-chánh
84	4	đem đầu đảng	đem đồ đảng
85	11	Triều trần	Triều Trần
87	21	đết đất Chiêm	đến đất Chiêm

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
88	11	(1 chữ)	(1)
	15	Cồ-lỷy huyện Thượng hầu	Cồ-lủy Huyện-thượng-hầu
	18	dùng làm quan	dùng làm quân
	27	hai câu Tư, Nghĩa	hai châu Tư, Nghĩa
89	20	đầu do	đều do
90	2	Thời minh-thuộc	Thời Minh-thuộc
93	15	Trùng-quan	Trùng-quang
95	14	nhớ côn sức	nhớ công sức
96	16	Tiệt đến	Liệt đến
100	5	菩提	布提
106	17	Trần-Tuấn Hanh nhân	Trần Tuấn, Hành-nhân
111	5	Hoàn-sơn vào đến cửa	Hoành-sơn vào đến nửa
	10	các châu Thăng, Hoan	các châu Thăng, Hoa
112	28	Thăn-bình	Thăng-bình
113	13	tuần hành (1)	tuần hành
	23	thp na phâ	tháp nhập
115	12	châu Ha-bôi	châu Sa-bôi
117	20	黎如永	黎王永
118	7	Liễu-Lân-hầu	Liễu-lâm-hầu
123	26	mất. « Vì nghĩ rằng	mất. » Vì nghĩ rằng
136	8	thức gia	thức giả
137	23	có dẫn giặc	có kẻ dẫn giặc
142	12	phong làm Tham-đốc	phong Mỹ-lương làm Tham-đốc
144	24	các tỉnh-ly Quảng-trị	cách tỉnh-ly Quảng-trị

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
152	2	và đất Đại-đồng	vào đất Đại-đồng
157	19	điều đình	điều định
159	6	kẻ bề tôi chí thân	kẻ bề tôi đã nhiều đời lập huân-công,nói về tình nhà thì là nghĩa chí thân
	10	vua đời	qua đời
164	26	hoàn-hậu	hoàng-hậu
167	20	tức Lạc-	(tức Lạc-
168	3	thuộc Quảng-trị	(thuộc Quảng-trị
	9	Lục-hòa	Lục-hoàn
177	11	định vào giá	vào định giá
	17	đáng khen lắm ! (	đáng khen lắm ! »
178	13	được lưu	được lục
182	9	sanh bân	sanh dân
183	4	du bất thụ sắc	dư bất thụ sắc
185	9	là bùn lầy	và bùn lầy
186	15	Huân thiên	Xuân thiên
187	2	trấn phủ	trấn thủ
197	14	Vô-xá	Võ-xá
198	4	ngôi	ở ngôi
208	10	Trịnh Tạc vào vua Lê	Trịnh Tạc và vua Lê
210	22	Năm canh-thân	Từ năm quý-sửu
212	6	là Hải-lăng	và Hải-lăng
213	24	Từ Liên	Từ Liên
222	19	tỏ ý	bỏ ý
228	22	Đại-Việt quc	Đại-Việt quốc

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
237	26	Chánh-quan-đường	Chánh - quan - đường, Trung-hòa-đường, Di-nhiên-đường, đài Lương-Xuân,
238	15	Nguyễn Quang,	Nguyễn Quang
	27	nhà cửa Phú-ao	nhà cửa ở Phú-ao
239	8	lại lẫn kẻm	lại pha lẫn kẻm
	15	từ phía nam sông	bờ phía nam sông
240	4	là Tả, Hữu Đô-đốc	làm Tả, Hữu Đô-đốc
	10	trước hình-dinh	trước Chánh-dinh
253	24	tuần thành	tuần hành
258	9	(nước ngọt)	(Nước-ngọt)
259	19	Nguyễn-phước Hưng	Nguyễn-phước Hương
	24	giết chết,	giết chết Nguyễn-phước Hương,
263	10	công kích,	công kích nên đều thắng,
264	13	Thanh-đô-vương Trịnh Sâm	Tỉnh-đô-vương Trịnh Sâm
265	10	mong nó biết cải ngộ	ân cần dụ dỗ, mong nó biết cải ngộ
	14	tuyên bố đức chính	tuyên bố thịnh đức
266	4	Thanh-đô-vương	Tỉnh-đô-vương
	11	cái đếu	cái đấu
267	10	(3)	(2)
	20	(mỗi nén là 20 lượng)	(mỗi nén là 10 lượng)
	27	lượng)	lượng), nhưng nén của ta chỉ là 10 lượng

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
268	5	mong	mông
	6	sai quan đến	sai quân đến
269	25	cửa quan	cửa quân
	28	vào đánh	vào đây
271	24	20 chiến thuyền	20 chiếc thuyền
273	14	cá đội trưởng	các Đội-trưởng
279	2	Lý Tạ	Lý Tài
	7	đong đồn	đến đóng đồn
	29	hnắm	nhắm
287	7	Đồng-nam (nay là Hải-đông)	Đồng-lam (nay là Hải-động)
302	21	quyển viết :	quyển VI viết :
	25	gỗ sao,	gỗ sao, gỗ trắc
309	4	1372	1732
	8	Nguyễn-phước Khoát	Nguyễn-phước Khoát n.h. Vĩnh-hựu
312	6	hòa hảo. Đời vua Trung-	hòa hảo. Chính-trị năm thứ
	7	tông, Thuận-bình năm thứ 12	12
313	9	khám đặc	khám đạc
314	8	1660	1600
	11	1660	1600
318	19	một cách mục đích	một cách đích
322	2	làm quen	làm quan
326	2	Trấn-lũy-ninh	lũy Trấn-ninh
340	13	đề phô thanh thế	đề phô trương thanh thế

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
341	2	đốc xuất	đốc suất
	12	Đan-nhai (cửa Sót)	Đan-nhai (cửa Hội)
	27	Đốc xuất	Đốc suất
342	2	Đốc-xuất	Đốc suất
343	2	là	làm
345	10	Đam-nhai	Đan-nhai
361	1	461	361
363	3	Phả lấy	Phải lấy
	17	chiến Lận-sơn	chiếm Lận-sơn
365	22	rút lui	rút quân
369	3	bỏ mà chạy	bỏ án mà chạy
376	13	4 chiến thuyền	4 chiếc thuyền
378	17	chiền địa	chiến-địa
379	17	không thể chạy	không thể chống
383	6	Lương-phủ	Lương-phúc
	14	triều lê	triều Lê
	26	là khánh	là khách
	27	Trịnh là khách. «	Trịnh là khách. »
384	20	tinh-thần của quốc-gia	tinh-thần quốc-gia
385	24	sứ-thần	sử-thần
386	19	Thái-tông	Thái-tổ
387	27	N.T.C.	N.T.C. : tỉnh Phú-yên
389	7	Nguyễn Dật	Nguyễn Hữu Dật
392	12	địch điền-lệ	định điền-lệ
395	4	Năm 1802	Năm 802
397	22	mất hoàng-thân	một hoàng-thân

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
397	23	hoàng-thân nay	hoàng-thân này
398	11	đánh phe họ	đánh phe nọ
399	13	Pucsat	Pursat
402	9	khai khác	khai thác
403	18	lấy ợ	lấy vợ
406	2	Nguyễn Dinh Phái	Nguyễn Diên Phái
408	23	phủ Quảng-đông	tỉnh Quảng-đông
409	6	thành ấy	châu thành ấy
	8	chưa rảnh	triều-đình chưa rãnh
411	22	thủy tồh	thủy thổ
415	5	lực thêm	lựa thêm
418	24	tê Kim	tên Kim
426	16	mói can qua	mối can qua
428	14	Vả lại	Vả ta
429	9	đến ngoài biển	đậu ngoài biển
433	4	vắm vé	vắm xé
440	11	(1757)	đặt Giá-khê (Rạch-giá) làm đạo Kiên-giang, Cà-mau làm đạo Long-xuyên (1757).
442	21	ứng được (2)	ứng được
443	7	Chiêu-nhùy Ếch	Chiêu-chùy Ếch
448	23	(con Nguyễn Cửu Vân) là	(con Nguyễn Cửu Vân) làm
451	25	bát quyền	bá quyền
452	20	năm kỷ-dậu	năm kỷ-mùi
463	2	Võ-xá (1)	Võ-xá
	19	ở ba ty	ba ty

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
464	11	hai sứ	hai xứ
	17	cao nhất trong.	cao nhất trong triều.
466	13	xung vào	sung vào
	16	điền-lộc nhiêu-phu	điền-lộc, dân-tộc, nhiêu-phu
467	2	dân-tộc	dân-lộc
	18	Quân-điền	2) Quân-điền
468	2	2) Binh-bị	3) Binh-bị
470	2	Chánh-binh	Chánh-dinh
472	18	Văn-miến	Văn-miếu
475	26	lực người	lựa người
477	11	25 thôn	250 thôn
	16	Giữa cửa Tắc-khai	Giữ cửa Tắc-khai
	18	Đồng-mâu	Đồng-môn
	20	722 người	720 người
480	9	ở nhà	nhà ở
481	16	3) Phép duyệt-tuyển	4) Phép duyệt-tuyển
482	12	không được	không được
483	26	huế thân	thuế thân
488	6	4) Thuế điền	5) Thuế điền
490	17	công, tư nạp gạo	công, tư phải nạp gạo
	21	3 đồn	3 đồng
493	14	nguyên chúa Hy-tông	nguyên ; chúa Hy-tông
495	7	cửa Lập	cửa Lấp
497	10	1 thược	1 thước
	11	5 tất	5 tấc

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
500	5	5) Thi cử	6) Thi cử
503	25	6) Tiền-tệ	7) Tiền-tệ
505	3	lúc ấy ở Nam-hà	ở Nam-hà
506	10	Hoàng-sơ	Hoành-sơn
508	5	7) Đong lường	8) Đong lường
	18	8) Pháp-luật	9) Pháp-luật
509	13	voi quang lên	voi quăng lên
510	6	đặc ấn	đặc ân
	11	chướt	chước
	13	9) Đối với các	10) Đối với các
518	20	10) Ngoại-giao	11) Ngoại-giao
522	12	Tiêm chúa, Thế-tông	Tiêm, chúa Thế-tông
	17	thắc chặc	thắt chặc
526	4	chúa Hiền-tông	chúa Hy-tông
	15	Gia-chỉ	Giao-chỉ
528	2	11. Gia thương với các xứ	12) Giao-thương với các nước
	13	không khai giá	không hai giá
535	3	Ở	Ồ
536	9	1666	1664
538	16	lính tàu, 70 người	lính tàu 70 người
	24	3.000 quan	8.000 quan
541	15	sát, phấn, kẻm	sắt, phấn kẻm
545	23	Duifeker	Duijcker
546	17	trao 1 bức thư	được trao 1 bức thư
548	6	Thuận-hóa chỉ Huế	Thuận-hóa, chỉ Huế

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
549	4	Bonde	Boode
	8	Back	Baek
550	13	Richad	Richard
	13	Wesminter	Westminter
552	21	làm tàu hoặc sửa tàu	làm tàu, sửa tàu
554	5	nghĩa là các giáo-sĩ	nghĩa là đem các giáo-sĩ
556	22	nhân-viên này	nhân-viên là
558	10	một quân-nhân	một nhân-viên
559	12	sai khiến là những lời	sai khiến, và những lời
560	25	Việt mua bán	Việc mua bán
563	14	về Pondichéry	rời Pondichéry
564	17	có một nơi nào	ở một nơi nào
568	3	tăng vật	tặng vật
571	25	đã nấu, gia	đã nấu, giá
	26	gia bạc	giá bạc
572	28	gia khác nhau chỉ bằng	giá ghi bằng
578	10	tin đố	tín-đồ
581	21	de la Motte, Lambert	de la Motte Lambert
582	4	Giám-mục đi ngang qua	Giám-mục Pháp đi ngang qua
584	3	ganh ghét vị bề trên	ganh ghét vì vị bề trên
	8	Alexande	Alexander
587	13	IX ra sắc-lệnh	XI ra sắc-lệnh
	26	tông-giáo cũng	tông-giáo nào cũng
589	8	1730	1750
	15	Bankok	Bangkok

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
590	26	mà tinh-thần phóng khoáng	là tinh-thần phóng khoáng
592	14	1409	1490
595	28	phủ Qui-nhơn (1651)	phủ Qui-ninh (1651)
596	2	phủ Qui-minh	phủ Qui-ninh
	4	phủ Diên-minh	phủ Diên-ninh
600	17	trắng, dẻo	trắng trẻo
601	23	豚 猪 thì thành trầm hương	臭 猪 thì thành trầm hương
	23	gió bầu 臭 猪	gió bầu 豚 猪
	27	sắc vàng	sắc nhạt
	28	đố	đốt
602	14	rất nhẹ	chất nhẹ
	25	hữu thần	hữu thận
605	25	hoặc đã chịu	chắc đã chịu
606	3	chia là	chia làm
	4	ông tổ ba	ông tổ xa
	21	dùng là buồm	dùng làm buồm
616	12	quan, quên cả	quen, quên cả
619	8	Tây-phương	Tây-dương
	10	khí cụ	khí-dụng
	12	đội khăn cao	đội khăn
	20	Vua Thái-tông	Vua Thế-tông
625	12	xích-hầu	xích-hậu
629	19	chúa nói là	cháu nội là
632	25	謝 光 韶	謝 元 韶

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
634	3	càng đôn	càng đông
638	3	Tôn-chính-vương	Tân-chính-vương
	9	chạy ra đánh	chạy ra tránh
	13	làm hịch báo cáo	làm hịch bá cáo
639	25	bạn cũ của Cao-miên	bạn của Cao-miên
643	2	các viện binh	các việc binh
	11	dàn trận với chiến	dàn trận voi chiến
649	12	khiến tiếp	khiến Tiếp
652	24	chiêu mộ dân	chiêu mộ thổ dân
653	4	gả công-chúa	gả trưởng công-chúa
	5	ở Vĩnh	dinh Vĩnh
656	14	Tham-lương	Thanh-lương
657	16	truy nã thu	truy thu
663	8	vệ, đội binh lạc tùng	vệ, đội, binh lạc tùng
	19	chuyến thuyền	chiến thuyền
	23	chân thuyền	châu thuyền
664	9	thủ các tàu buôn	thủy-thủ các tàu buôn
	15	Mjrie	Marie
	27	10 tấc.	10 tấc. »
668	19	chống cự	chống giữ
670	12	trấn giữ	đóng giữ
674	8	Trà-long	Trà-lang
683	29	hiện Gia	hiệu Gia,
688	23	đặt quan lại quan chức	đặt lại quan chức
690	8	thất thành Bình - định	thấy thành Bình-định

Sách Sử-Địa

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại lộ Lê-Lợi, SAIGON

Việt-sử toàn thư	*Phạm-văn-Sơn*
Việt-sử tân biên	—
I Thượng và Trung cổ thời đại	—
II Trần-Lê thời đại	—
III Nam Bắc phân tranh	—
IV Tây-sơn và Nguyễn sơ	—
V Việt-Nam kháng Pháp sử	—
VI Việt-Nam cách mạng cận sử	—
VII Chế độ Pháp thuộc ở V. N.	—
Việt-Nam sử lược	*Trần-trọng-Kim*
Lam-sơn thực-lục	*Nguyễn-Trãi*
Việt-Nam Pháp thuộc sử	*Phan-Khoang*
Việt-sử Tiêu án	*Ngô-thời-Sĩ*
Cuộc đời cách mạng Cường-Để	*Tráng-Liệt*
Việt sử kinh nghiệm	*Nguyễn-văn-Hầu*
Việt-Nam Tranh Đấu sử	*Phạm-văn-Sơn*
An-nam chí lược	*Lê-Tắc*
Hải ngoại ký sự	—
Mục-lục châu bản Triều Nguyễn	—
Khâm định Việt sử Thông giám Cương Mục	—
Bản Triều Bạn Nghịch liệt truyện	*Kiều-oánh-Mậu*
Hoàng Việt Giáp Tý Niên biểu	*Nguyễn-bá-Trác*
Tổ chức chính quyền Trung ương dưới Triều Lê Thánh-Tôn	*Lê-kim-Ngân*
Nhu Viễn trong khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ	—
Việt-Nam Cận đại sử ca	*Huỳnh-thiên-Kim*
Đại-Nam quốc sử diễn ca	*Hoàng-xuân-Hãn*
Trung-quốc sử lược	*Phan-Khoang*
Sử ký Tư mã Thiên	*Nhượng-Tống*
Quang-Trung Nguyễn-Huệ	*Hoa-Bằng*
Ngòi Tù Khám lớn	*Phan-văn-Hùm*
A Modern History of Việt-Nam	*Nguyễn-phút-Tấn*
Đông-nam-Á sử-lược	—
Non nước xứ Quảng	*Phạm-trung-Việt*
Địa hình thái học	*Lâm-thanh-Liêm*
Các cường quốc kinh-tế	—
Thực trạng của giới nông dân V.N. thời Pháp thuộc	*Phạm-cao-Dương*
Việt-Nam thời bành trướng: Tây-Sơn	*Nguyễn-Phương*
Quốc sử tạp lục	*Nguyễn-thiệu-Lâu*
Việt sử: Xứ Đàng Trong	*Phan-Khoang*

GPKD số 918 BTT/NHK/PHNT ngày 14-3-69
Triển hạn ngày 5-1-70

GIÁ NHẤT ĐỊNH : [illegible]$